

Trại Davis 823 ngày đêm

Lời giới thiệu

Ban liên lạc câu lạc bộ truyền thống Ban liên hợp quân sự “Trại Davis” có gửi cho tôi cuốn sách “*Trại Davis 823 ngày đêm*”.

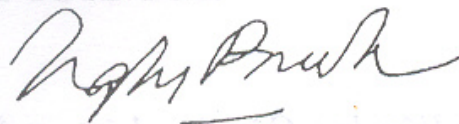
Tôi đã đọc chăm chú cuốn sách nói về những kỷ niệm sau sắc trong cuộc đấu tranh của hai đoàn đại biểu quân sự của chúng ta để thi hành hiệp định Pari từ ngày 28/01/1973 đến ngày toàn thắng 30/4/1975.

Các đồng chí trong ban biên tập đã suy tầm được những tư liệu, tập hợp được nhiều mảng ký ức của cán bộ, chiến sĩ đã trực tiếp tham gia cuộc đấu tranh này trong suốt 823 ngày đêm giữa sào huyệt của kẻ thù.

Mặt trận đấu tranh ngoại giao trong các cuộc đàm phán Paris về Việt Nam gần năm năm, đã để lại cho tôi nhiều ấn tượng sâu sắc. Nay lại được đọc những trang ký ức về trận địa đấu tranh ngoại giao quân sự trong thời gian thi hành Hiệp định Paris, làm cho tôi hết sức xúc động.

Các đồng chí với nhiệt tình và tâm huyết của mình, ghi lại một cách chân thật, người thật, việc thật trong cuộc đấu tranh đó. Lời văn mộc mạc, giản dị và khá hấp dẫn trong đó ẩn chứa tinh thần yêu nước sâu sắc, ý chí, kiên cường dũng cảm và sự nhạy bén thông minh của các đồng chí chúng ta, ngay trong những giờ phút căng thẳng nhất. Lòng tin ở Đảng, ở cuộc đấu tranh chính nghĩa là sức mạnh vô biên đối với mỗi chúng ta.

Tôi hoan nghênh sự gia đời cuốn sách “*Trại Davis 823 ngày đêm*” và xin trân trọng giới thiệu với đông đảo bạn đọc.



NGUYỄN THỊ BÌNH

Nguyên Bộ trưởng Bộ Ngoại giao chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam, nguyên Trưởng đoàn đàm phán của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam tại hội nghị Paris về Việt Nam, nguyên Phó Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Lời tựa

Lê Đức Thọ

Nguyên uỷ viên chính trị, trung ương đảng nguyên trưởng ban tổ chức trung ương. Nguyên cố vấn đặc biệt đoàn đàm phán chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà tại hội nghị Paris về Việt Nam. Mất ngày 13 tháng 10 năm 1990.

Nhân dịp kỷ niệm 10 năm giải phóng miền Nam, tháng 4 năm 1985, đồng chí Lê Đức Thọ đã trả lời phỏng vấn nhà báo I-ca-oa, đặc phái viên báo A-sha-hi Chim-bun (Nhật Bản). Dưới đây là trích đăng phần liên quan đến ngoại giao thời kỳ chống Mỹ và đàm phán Paris.

Câu hỏi: Thời kỳ nào là khó khăn nhất và nguyên nhân vượt được khó khăn?

Trả lời: Khó khăn nhất là biết mở đầu cuộc chiến tranh và biết kết thúc nó một cách đúng nhất. Khi chúng tôi vừa thắng Pháp xong, thì Mỹ đặt chân can thiệp vào Việt Nam. Bấy giờ mở đầu cuộc chiến tranh vào lúc nào là đúng nhất, và kết thúc nó thì chúng tôi lại qua hai giai đoạn. Hiệp định Paris là một bước kết thúc để đuổi quân đội Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam. Giai đoạn sau là đánh đổ toàn bộ nguỵ quyền ở Sài Gòn. Bởi vì chúng tôi biết mở đầu đúng và kết thúc đúng, cho nên chúng tôi mới giành được thắng lợi.

Câu hỏi: Xin ngài cho biết cuộc Tổng tấn công Tết Mậu Thân 1968 có nhằm mục đích cụ thể là đánh đổ chính quyền Sài Gòn không?

Trả lời: Tết Mậu Thân năm 1968, chúng tôi đánh cả ba vùng chiến lược bằng ba thứ quân. Mở cuộc tấn công vào thành phố, chúng tôi thấy có hai khả năng. Một là có thể địch bị suy sụp rồi tiến hành đàm phán. Hai là, nếu địch chưa suy sụp hẳn, mà bị thiệt hại nặng, thì cũng đi vào đàm phán. Cuộc tấn công Tết Mậu Thân 1968 đã làm địch thiệt hại rất lớn, làm cho chúng giảm sút ý chí chiến đấu. Và lúc đó chúng tôi chủ động đề xuất vấn đề ngồi vào đàm phán. Đàm phán kéo dài năm năm. Trong quá trình đó chúng tôi tiếp tục đánh và kéo địch xuống thang chiến tranh. Kết cục là giải quyết được vấn đề một cách thắng lợi.

Câu hỏi: Xin ngài cho biết khó khăn nhất trong cuộc đàm phán Paris phản ánh tình hình rất quyết liệt, gay gắt ở chiến trường, cho nên nó kéo dài và rất căng thẳng. Và cái khó khăn nhất ở đó là vấn đề gì?

Trả lời: Có hai vấn đề: Quân sự và chính trị. Về quân sự Mỹ đòi quân đội chúng tôi rút ra khỏi miền Nam Việt Nam. Chúng tôi thì đòi Mỹ phải rút quân đội Mỹ và quân đội chư hầu ra khỏi miền Nam Việt Nam, còn quân đội chúng tôi thì ở lại miền Nam Việt Nam. Về chính trị, chúng tôi đòi Thiệu phải từ chức và tiến hành tổng tuyển cử tự do ở miền Nam Việt Nam. Mỹ thì muốn duy trì Thiệu. Đó là hai vấn đề chính, căng thẳng nhất, còn các điểm khác chỉ là phụ mà thôi. Cuối cùng, chúng tôi Mỹ và các chư hầu của Mỹ phải tôn trọng độc lập, chủ quyền và thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam, quân đội Mỹ và các nước chư hầu phải rút khỏi miền Nam Việt Nam. Đó là Mỹ phía nhược bộ và quân đội chúng tôi thì vẫn đóng ở miền Nam Việt Nam. Chúng tôi cho rằng chúng tôi là một dân tộc thống nhất thì quân đội chúng tôi đóng ở nước chúng tôi chứ biết rút đi đâu. Mỹ phải nhược bộ chúng tôi về điểm này là rất căn bản. Vì khi quân đội Mỹ và quân đội

chư hầu Mỹ rút khỏi miền Nam Việt Nam thì quân đội nguy không còn chỗ dựa nữa. Đó là một sự thay đổi về căn bản so với lực lượng. Thấy quân đội Mỹ của Mỹ và chư hầu phải rút khỏi miền Nam Việt Nam, còn quân đội miền Bắc vẫn còn ở lại, Nguyễn Văn Thiệu rất bức. Thiệu nói là quân đội Nguy mất phần lớn chỗ dựa của nó rồi! Do Mỹ đã nhước bộ về quân sự rồi thì về chính trị chúng tôi mềm dẻo. Lúc đó, chúng tôi không đòi Thiệu phải từ chức ngay, mà chúng tôi đòi thực hiện các quyền tự do, dân chủ ở miền Nam Việt Nam và đòi tổng tuyển cử tự do. Chúng tôi cho rằng, dù Thiệu có từ chức và đưa người khác lên thay thì cũng là tay sai của Mỹ. Và nếu so sánh lực lượng quân sự đã thay đổi về căn bản, thì chính quyền của nguy cũng không thể đứng vững được. Cái khó ở cuộc đàm phán kéo dài như vậy. Cuối cùng chúng tôi đã thắng lợi, tức là đuổi quân đội Mỹ và chư hầu ra khỏi miền Nam Việt Nam, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đánh đổ chính quyền nguy sau này.

Câu hỏi: Người ta nói rằng do có những ngăn trở của Mỹ và Trung Quốc nên có những điều khoản bị ép phải nhước bộ về vấn đề Lào và Campuchia, vậy, thưa ngài có đúng không?

Trả lời: Ông Kissinger đã nói với tôi nhiều lần là giải quyết vấn đề ở Việt Nam thì giải quyết cả vấn đề Lào và Campuchia. Nhưng tôi nói với ông ta rằng cái tên gọi của nó là “Hiệp định Paris về Việt Nam” và các bên đều đồng ý ngay từ lúc đầu cuộc đàm phán là hội nghị Paris về Việt Nam chứ không giải quyết vấn đề về Lào và Campuchia. Cho nên ký hiệp định Paris hoàn toàn về Việt Nam. Còn về Lào thì sau này các bên ở Lào ngồi nói chuyện với nhau để giải quyết. Chúng tôi không giải quyết thay cho Lào được. Và vấn đề Campuchia cũng vậy... Có thể nói trong lịch sử 200 năm của nước Mỹ chưa bao giờ Mỹ phải ký một hiệp định như hiệp định Paris. Đó là một thất bại lớn đối với Mỹ.

Câu hỏi: Xin ngài cho biết về chiến dịch Hồ Chí Minh. Do tình hình nào, vào thời điểm nào ban lãnh đạo Việt Nam quyết định đánh đổ chính quyền Sài Gòn bằng biện pháp quân sự?

Trả lời: Trước hết, tôi nói với ông về một vấn đề mà ông Kit-xinh-giơ đã viết trong hồi ký. Chắc ông đã đọc. Trong đàm phán, tôi phân tích tình hình quân sự của Mỹ và của nguy ở miền Nam Việt Nam. Sau khi tôi phân tích rồi, ông ta đã phải thừa nhận như ông ta viết trong hồi ký, thấy đúng là quân đội Mỹ tiến thoái lưỡng nan. Tôi nói với ông ấy thế này: Mỹ có rút hết quân Mỹ và quân chư hầu ra khỏi miền Nam Việt Nam để thực hiện Việt Nam hoá chiến tranh thì các ông cũng thất bại mà thôi. Bởi vì Mỹ có một triệu quân nguy và Mỹ cũng đưa vào gần nửa triệu triệu quân Mỹ, chưa kể phần hải quân và không quân Mỹ mà vẫn không thắng được chúng tôi. Bây giờ quân đội Mỹ và chư hầu của Mỹ phải rút ra khỏi miền Nam Việt Nam, thì một mình quân đội nguy thực hiện cái các ông bảo là Việt Nam hoá chiến tranh làm sao mà thắng được. Trong hồi ký ông Kissinger đã thừa nhận là sự phân tích nói trên của tôi là sâu sắc, đã đâm trúng tim ông ta, làm cho ông ta phải đau đầu. Chúng tôi biết rằng Mỹ - nguy không bao giờ thi hành hiệp định Paris và chúng tôi có kinh nghiệm về hiệp định Giơnevơ rồi. Quả đúng như vậy, Mỹ tiếp tục giúp nguy đánh chiếm vùng giải phóng. Cho nên, sau khi ký hiệp định Paris, chúng tôi bắt tay vào chuẩn bị, bởi vì thấy Mỹ và nguy không thi hành hiệp định Paris. Chúng tôi đã đánh giá đúng tình hình và chúng tôi đã tiến hành một cuộc tổng tấn công một cách táo bạo và thần tốc giải phóng miền Nam Việt Nam trong 55 ngày đêm.

Câu hỏi: Khi đó ngài có tính đến sự can thiệp trở lại của Mỹ không?

Trả lời: Sau khi quân đội Mỹ và quân chư hầu rút khỏi miền Nam Việt Nam rồi, chúng tôi cho rằng Mỹ không thể trở lại được nữa. Vì sự thất bại của Mỹ lớn quá, nhân dân Mỹ không cho phép chính quyền Mỹ đưa quân trở lại bằng bất cứ cách nào, chỉ trừ giúp cho nguy phần nào về kinh tế và vũ khí. Đã đến lúc Mỹ phải bỏ miền Nam Việt Nam rồi, đã thua phải ra đi thì không thể trở lại.

Ông Kissinger đã vào Hà Nội và có đi thăm Viện bảo tàng lịch sử của chúng tôi. Tôi chỉ lên bốn câu thơ của Lý Thường Kiệt. Bốn câu thơ đại ý là nước Việt Nam của người Việt Nam, đã phân định rõ ràng, bất cứ một cú kẻ nào đếm xâm lược cũng sẽ bị đánh bại. Ông Kissinger nói với tôi: “Đúng như vậy?”. Điều đó chứng tỏ chính ông Kissinger thừa nhận sự thất bại của Mỹ.

Xuân Thuỷ

Nguyên Bộ trưởng - Trưởng đoàn đàm phán Việt Nam dân chủ cộng hoà tại Hội nghị Paris về Việt Nam; nguyên Bí thư Trung ương Đảng, nguyên Phó Chủ tịch Quốc hội, Bộ trưởng Ngoại giao Việt Nam dân chủ Cộng hoà.

Một số vấn đề về hiệp định Paris

Thấm thoát đã mười năm kể từ ngày 27 tháng 1 năm 1973, Hiệp định Paris được ký kết buộc Mỹ tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam. Từ ngày ấy, chúng ta đã nhận định: đó là thắng lợi to lớn của nhân dân Việt Nam, đồng thời là thắng lợi của nhân dân Đông Dương, thắng lợi của chủ nghĩa xã hội, của phong trào độc lập dân tộc và hoà bình trên thế giới. Mặc dù Mỹ không thi hành đầy đủ Hiệp định Paris mà còn ra sức phá hoại, song Hiệp định đó đã tạo điều kiện cho nhân dân ta thực hiện ý thơ của Bác Hồ. “Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào, ... Bắc Nam sum họp, xuân nào vui hơn!”

Bắt buộc Mỹ phải âm phán

Thực dân Pháp xâm lược Việt Nam lần thứ hai (sau Cách mạng tháng 8 năm 1945) bị quân và dân ta đánh cho đại bại, phi ký Hiệp định Giơnevơ tháng 7 năm 1945. Theo hiệp định đó, quân Pháp phi tập kết ở phía Nam vĩ tuyến 17 để rút ra khỏi Việt Nam; tháng 7 năm 1956, nước Việt Nam tổng tuyển cử để thống nhất nước nhà. Nhưng đế quốc Mỹ đã thay chân thực dân Pháp, lập nên ở miền Nam nước ta một chính quyền tay sai, biến miền Nam thành một căn cứ quân sự và thuộc địa kiểu mới của Mỹ. Tất nhiên, Mỹ bị nhân dân ta từ Nam đến Bắc chống trả một cách quyết liệt. Mỹ trắng trợn đưa quân viễn chinh vào miền Nam, gây chiến tranh cục bộ, rồi ném bom miền Bắc, gây chiến tranh phá hoại.

Một câu hỏi được đặt ra hồi bấy giờ là: Hoa Kỳ là trùm đế quốc, giàu tài nguyên, lắm đô-la, nhiều vũ khí hiện đại, nhất là vũ khí hạt nhân, mạnh gấp nhiều lần Pháp và Mỹ chưa chịu thua ai bao giờ; Việt Nam anh dũng thật, song có chống nổi Mỹ không?

Bộ chính trị, Ban Bí thư, Quân uỷ Trung ương và toàn thể Ban chấp hành Trung ương Đảng ta đã nhiều lần thảo luận và nhiều lần khẳng định rằng: Miền Bắc sau khi đuổi hết thực dân

Pháp, nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ cơ bản đã hoàn thành, miền Bắc bước vào thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, đồng thời nhân dân ta phi đấu tranh giải phóng miền Nam để hoàn thành cách mạng dân tộc, dân chủ trong cả nước. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta nhất định thắng lợi. Bởi vì nhân dân ta vốn có truyền thống đoàn kết đấu tranh chống ngoại xâm, lại có sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng. [...] Cuộc kháng chiến chống Mỹ xâm lược của nhân dân ta là chính nghĩa, được nhân dân thế giới đồng tình ủng hộ. Vấn đề là chúng ta phi biết đánh như thế nào để thắng Mỹ. Chúng ta đánh Mỹ trên ba mặt trận: Chính trị, quân sự, ngoại giao. Ba mặt trận này phi kết hợp chặt chẽ. Chúng ta đánh lui Mỹ từng bước, đánh bại Mỹ từng bộ phận, cuối cùng hoàn toàn đuổi Mỹ ra khỏi Việt Nam.

Theo đường lối chủ trương đó, toàn dân ta đánh Mỹ trên khắp các mặt trận bằng nhiều hình thức khác nhau, làm cho Mỹ ngày càng bị thiệt hại nặng.

...

Sau khi bị tiến công bất ngờ trong dịp Tết Mậu Thân (tháng 2 năm 1968), Mỹ mới cảm thấy những nơi họ đóng quân không còn nơi nào an toàn, kể cả Sài Gòn mà họ từng khoe khoang là đất thánh, bất khả xâm phạm. Trước tình hình đó, Mỹ đành phi ngừng ném bom từ Ninh Bình trở ra phía Bắc và nhận ngồi đàm phán với ta ở Paris.

Cuộc đàm phán này kéo dài gần năm năm (1968-1973), có thể chia làm hai giai đoạn:

Giai đoạn thứ nhất là cuộc đàm phán hai bên. Một bên là Đoàn đàm phán Việt Nam dân chủ cộng hoà do Bộ trưởng Xuân Thuỷ làm trưởng đoàn và đồng chí Lê Đức Thọ, Ủy viên Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng ta làm cố vấn đặc biệt. Một bên là bàn đàm phán Chính phủ Hoa Kỳ do Đại sứ Ha-ri-man làm trưởng đoàn, đó là nhà đàm phán có nhiều kinh nghiệm của Mỹ, đã từng làm bộ trưởng trong nhiều Chính phủ Mỹ trước đây.

Trong giai đoạn này, cuộc đàm phán diễn ra từ tháng 5 năm 1968 đến hết tháng 10 năm 1968 tại trung tâm Hội nghị quốc tế ở đường Klê-béc Paris.

Phía Mỹ đòi giải quyết toàn bộ vấn đề Việt Nam. Phía ta một mực đòi Mỹ phi chấm dứt hoàn toàn và vô điều kiện việc ném bom miền Bắc thì mới bàn đến việc khác. Trong khi đó, trên chiến trường hai bên vẫn nổ súng. Cho mãi đến ngày cuối cùng của tháng 10 năm 1968, chính phủ Hoa Kỳ mới chịu chấm dứt nốt việc ném bom phần còn lại ở miền Bắc từ Thanh Hoá đến Vĩnh Linh.

Cả thế giới đều reo mừng cùng chúng ta. Đoàn chúng tôi đóng trụ sở tại một địa điểm ở thị trấn Xoa-di Lơ Roa, sát Paris, có tường bao bọc xung quanh, bên ngoài có cảnh sát Pháp canh gác. Trong những ngày đầu tháng 11 năm 1968, sáng nào chúng tôi ra sân cũng được rất nhiều hoa và những bức thư chúc mừng thắng lợi của những người qua đường ném vào. Ấy là chưa kể đến những bức thư, bức điện chúc mừng mà chúng tôi nhận được qua bưu điện.

Giai đoạn thứ hai: là cuộc đàm phán giữa bốn đoàn. Tháng 11 năm 1968 ở Mỹ có cuộc bầu cử tổng thống Giôn-xơn người của Đảng Dân chủ vì thất bại trong chiến tranh ở Việt Nam, không ra ứng cử tổng thống. Nixon, người của Đảng cộng hoà trúng cử tổng thống Mỹ. Tháng 1

năm 1969 Nixon lên cầm quyền, đồng ý tiếp tục đàm phán theo thoả thuận có thêm đại biểu chính quyền Sài Gòn. Phía ta có đại biểu của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

Thế là hội nghị có bốn đoàn. Đoàn đàm phán Chính Phủ Việt Nam dân chủ Việt Nam cộng hoà vẫn do Bộ trưởng Xuân Thuỷ làm trưởng đoàn và cố vấn đặc biệt là đồng chí Lê Đức Thọ. Đoàn chính phủ Mỹ do đại sứ Ca- bôt- lốt làm trưởng đoàn, người đã từng bày mưu kế cho bọn tay sai giết hại nhân dân ta ở miền Nam. Đoàn mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam do đồng chí Trần Bửu Kiếm làm trưởng đoàn, sau thay bằng Đoàn chính Phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam do bộ trưởng Nguyễn Thị Bình làm trưởng đoàn. Đoàn chính quyền Sài Gòn do Đại sứ Phạm Văn Lâm làm trưởng đoàn. Bốn đoàn này vẫn họp ở Trung tâm Hội nghị quốc tế tại đường Kleber.

Đến mùa thu năm 1969 còn có cuộc họp tay đôi ở địa điểm khác trong thành phố Paris giữa một bên là cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ và bộ trưởng Xuân Thuỷ, còn phía bên kia là Tiến sĩ Kissinger, cố vấn của tổng thống Mỹ Nixon. Lúc đầu, Kissinger đề nghị cuộc họp tay đôi này giữ bí mật nhưng dần dần từ phía Mỹ lại đưa ra công khai.

Cả cuộc họp bốn đoàn và cuộc họp tay đôi đều có một nội dung chính giống hệt nhau: Phía Mỹ coi vĩ tuyến 17 trở vào phía Nam Việt Nam là một quốc gia riêng biệt, đó là Việt Nam cộng hoà do chính quyền Nguyễn Văn Thiệu cai trị, cho nên họ đòi quân đội Việt Nam dân chủ cộng hoà phi rút về miền Bắc. Chúng ta đã hoàn toàn bác bỏ ý kiến đó với lập luận: Nước Việt Nam là một, không ai có thể chia cắt, vĩ tuyến 17 là ranh giới quân sự tạm thời không phi là ranh giới chính trị và lãnh thổ. Quân đội Việt Nam cũng như nhân dân Việt Nam có quyền ở trên đất nước của mình và có quyền chống kẻ xâm lược ở bất cứ nơi nào trên lãnh thổ Việt Nam. Mỹ là kẻ xâm lược phi rút hết khỏi Việt Nam. Chính quyền Nguyễn Văn Thiệu do Mỹ lập ra, cần phi được xoá bỏ. Nixon cho rằng cái gì không giành được ở chiến trường thì cố giành được ở bàn đàm phán, Khi không giành được ở bàn đàm phán thì họ lại tăng cường chiến tranh. Họ ra sức càn quét miền Nam, ném bom lại miền Bắc, dùng Lonnon lật đổ Sihanouk, xua quân Thiệu đánh sang Campuchia và đánh sang Lào, mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương. Nhưng tất cả những hành động tàn ác đó của Mỹ và tay sai đều bị thất bại. Trong lúc đó, Mặt trận nhân dân thế giới đoàn kết ủng hộ Việt Nam chống Mỹ xâm lược do các nước xã hội chủ nghĩa làm nòng cốt, đã hình thành trên thực tế. Paris là nơi giao thông liên lạc thuận tiện với khắp các nước trên thế giới. Đoàn chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà và Đoàn Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam ở cách nhau 5 km, ngày nào cũng tiếp khá nhiều khách quốc tế từ bốn phụng qua lại. Sau khi nghe chúng ta giải thích, ai nấy đều tỏ ra tin tưởng và đứng về phía chúng ta. Ở nhiều nước, những cuộc biểu tình, mít tinh đòi chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam diễn ra sôi nổi, càng làm cho chính quyền Mỹ bị cô lập và rất lúng túng.

Bắt buộc Mỹ phải ký hiệp định

Trong lúc thua đau ở chiến trường và chưa giành được gì trên bàn đàm phán, Mỹ tưởng có thể lợi dụng Trung Quốc và Liên Xô để gây sức ép với ta. Song những người kháng chiến Việt Nam có chính sách đối nội, đối ngoại độc lập tự chủ. Chúng ta có thể mạnh trên chiến trường có lập trường vững chắc trên bàn đàm phán, nhân dân tiến bộ trên thế giới ủng hộ chúng ta, không

khi nào chúng ta chịu thừa nhận chính quyền Nguyễn Văn Thiệu và sự có mặt của Mỹ ở miền Nam. Không gây được sức ép với ta, Mỹ đành phi nhận ký Hiệp định Paris về Việt Nam trong tháng 10 năm 1972, trên cơ sở bản dự thảo của Việt Nam dân chủ cộng hoà. Nhưng sau khi vượt qua cuộc bầu cử tháng 11 năm 1972 với việc Nixon được tái cử tổng thống rồi họ lại lật lọng không ký. Nixon và Kissinger đòi sửa đổi những điều quan trọng trong bản dự thảo mà hai bên đã thoả thuận nhằm giành phần lợi cho Mỹ. Ta không đồng ý. Cuộc đàm phán tay đôi lại bế tắc. Ngày 15 tháng 12 năm 1972, Kissinger về Washington, đồng chí Lê Đức Thọ về Hà Nội. Ở Paris chỉ còn hội nghị bốn đoàn đàm phán vẫn tranh luận ở phố Kleber.

Nixon điên cuồng hạ lệnh dùng máy bay B52 ném bom Hải Phòng, Hà Nội từ đêm 18 tháng 12. Trong cuộc xâm lược này, đế quốc Mỹ đã phạm rất nhiều tội ác, trong đó có việc triệt hạ làng Sơn Mỹ, giết chết trẻ con, ông bà già và phụ nữ, rải hoá chất độc ở Trường Sơn và nhiều nơi khác, nay họ lại phạm tội ác lớn hơn nữa là dùng máy bay B52 ném bom Hà Nội, Hải Phòng nhằm huỷ diệt từng dãy phố, giết hại hàng loạt người Việt Nam. Nixon và Kissinger có ngờ đâu họ lại một lần nữa thất bại thảm hại. Suốt 12 ngày đêm, từ 18 đến 29 tháng 12 năm 1972, quân và dân ta chiến đấu rất ngoan cường và anh dũng. Toàn miền Bắc đã hạ 81 máy bay, trong đó có 34 máy bay B52, riêng Hà Nội hạ 32 chiếc, ngoài ra còn hạ nhiều chiếc máy bay hiện đại khác và bắt nhiều giặc lái Mỹ. Hết ngày 29 tháng 12 năm 1972, Mỹ đành phi ngừng cuộc ném bom này và Nixon đề nghị nối lại cuộc đàm phán tay đôi ở Paris. Lần này, cố vấn Tổng thống Mỹ Kissinger khi ngồi vào bàn đàm phán với cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ và bộ trưởng Xuân Thuỷ (theo danh từ gọi hồi đó) càng ở vào thế yếu, cho nên sau khi nghe ta lên án kịch liệt về việc ném bom bằng B52, ông ta phải đầu gối, đề nghị sửa đổi một số câu chữ mà ta có thể chấp nhận, rồi đi đến thoả thuận ký hiệp định Paris về Việt Nam vào ngày 27 tháng 1 năm 1973, cơ bản như dự thảo của Việt Nam dân chủ cộng hoà đưa ra tháng 10 năm 1972.

Theo thủ tục quốc tế thì việc ký kết hiệp định là do các bộ trưởng ngoại giao của các bên đàm phán ký kết, nhưng khi bàn đến ký chính thức thì Hoa Kỳ chỉ muốn ký tay đôi giữa bộ trưởng Ngoại giao Mỹ và Bộ trưởng ngoại giao Việt Nam dân chủ cộng hoà. Chúng ta thừa hiểu rằng Hoa Kỳ không muốn thừa nhận chữ ký của đại diện ngoại giao Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam. Hơn nữa, Mỹ muốn có chỗ hờ dể sau này Nguyễn Văn Thiệu viện cớ không ký thì không thi hành hiệp định. Ta kiên quyết đòi bốn bộ trưởng ngoại giao của bốn đoàn đàm phán đều phi ký vào bản hiệp định. Mỹ phải chịu theo ý ta và đề nghị: Cùng một bản hiệp định Paris về Việt Nam, buổi sáng 27 tháng 1 năm 1973, bốn bộ trưởng ngoại giao của bốn đoàn đàm phán ký, buổi chiều ngày 27 tháng 1 năm 1973 hai bộ trưởng Ngoại giao Mỹ và Việt Nam dân chủ cộng hoà dân chủ cộng hoà ký. Do đó cũng ở trung tâm Hội nghị quốc tế tại đường Kleber, buổi sáng 27 tháng 1 năm 1973 có cuộc ký kết giữa bộ trưởng Ngoại giao W. Rô-giơ, Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Duy Trinh, Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Thị Bình và Bộ trưởng Ngoại giao Trần Văn Lắm (chính quyền Nguyễn Văn Thiệu) với sự có mặt của bốn đoàn đàm phán. Buổi chiều 27 tháng 1 năm 1973, chỉ có Bộ trưởng Ngoại giao W. Rô-giơ và Bộ trưởng ngoại giao Nguyễn Duy Trinh cùng ký kết với sự có mặt của đoàn đàm phán Hoa Kỳ và Việt Nam dân chủ cộng hoà. Buổi chiều cũng như buổi sáng, mỗi bên ký xong đều có nâng cốc sâm-banh.

Những người tham dự của phía bên ta hôm ấy đều thấy sâm-banh ngọt nồng, còn phía bên kia không rõ họ cảm thấy chất chua hay cay đắng.

Trong khi đó, ngoài đường phố Paris rợp bóng cờ bay: cờ đỏ sao vàng, cờ nửa đỏ nửa xanh sao vàng ở giữa, cờ xanh lam có chim bồ câu trắng cùng những tiếng hô vang: “Việt Nam thắng lợi”, hoà bình muôn năm. Hiệp định Paris về Việt Nam sau khi được ký kết, Mỹ rút hết quân ra khỏi Việt Nam và đưa được tù binh Mỹ về nước, còn lại những điều khon khác của Hiệp định, Mỹ không thi hành nữa mặc dù Hiệp định đã viết: Hoa Kỳ và các nước phải tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam. Nhưng chữ ký chưa ráo mực, thì phía Mỹ đã giầy xéo lên chữ ký của họ. Nixon chủ trương “Việt Nam hoá chiến tranh”, dùng người Việt Nam đánh người Việt Nam, với vũ khí và sự chỉ huy của Mỹ. Vũ khí Mỹ lại được ùn ùn chở vào miền Nam, cố vấn và chuyên gia Mỹ được tăng cường bên cạnh chính quyền Nguyễn Văn Thiệu. Theo lịch Mỹ, Thiệu không chịu ngừng bắn, tiếp tục đánh lấn chiếm ra vùng tự do của chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam. Sự việc diễn ra như thế càng ngày càng tăng. Chính vì vậy, quân và dân ta có cuộc đại tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975 mà đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Từ ngày 30 tháng 4 năm 1975, quân và dân ta đã đánh đuổi hết bọn xâm lược Mỹ ra khỏi Việt Nam, đánh sập nguy quyền Sài Gòn, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà... Những gì mà Kissinger viết trong tập hồi ký của ông ta, không giống sự thật trên đây. Tiếc rằng trong phạm vi một bài báo, tôi chỉ có thể kể lại một cách tóm tắt những nét chính như vậy, Nhân dịp kỷ này, chúng ta càng nhớ đến đồng bào, chiến sĩ và cán bộ ta đã đấu tranh gian khổ trên các mặt trận chính trị, quân sự, ngoại giao trong thời kỳ chống Mỹ, cứu nước, nhớ đến tất cả những ai đã góp người góp của, góp công, góp sức vào thắng lợi này, kể cả người Việt Nam trong nước và người nước ngoài, nhất là việt kiều ở Pháp. Chúng ta cảm ơn các nước xã hội chủ nghĩa anh em và nhân dân tiến bộ trên toàn thế giới đã đồng tình và ủng hộ chúng ta...

Thư của Võ Đông Giang

Ngày 10 tháng 4 năm 2004, bà Nguyễn Thị Bình nguyên là bộ trưởng ngoại giao của chính phủ cách mạng lâm thời cộng hoà miền Nam Việt Nam đã gửi cho ban liên lạc câu lạc bộ truyền thống ban liên hợp quân sự (khu vực phía Bắc) một bức thư. Nội dung bức thư thể hiện sự gắn bó trách nhiệm của bà với các phái đoàn quân sự của ta từ trại Davis. Bà gửi kèm một lá thư của đồng chí Võ Đông Giang đã gửi cho bà từ năm 1973 và bà đề nghị xem có thể đăng vào cuốn hồi ức về ban liên hợp quân sự phần nào ghi lại hoạt động của các đồng chí ta tại trại Davis.

Trao đổi với ban liên lạc của câu lạc bộ, chúng tôi đăng bức thư của bà Nguyễn Thị Bình và trích đăng bức thư của đồng chí Võ Đông Giang.

Thư của bà Nguyễn Thị Bình

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2004

Thưa các đồng chí trong câu lạc bộ truyền thống ban liên hợp quân sự bốn bên và hai bên khu vực miền Bắc!

Tôi không phải là cán bộ hoạt động tại Camp Davis (1) nhưng với trách nhiệm của tôi trong thời gian trước, trong và sau hiệp định Paris về Việt Nam, giữa chúng ta có sự gắn bó và mật thiết. Hơn nữa, tại Camp Davis, có những đồng chí, có những người bạn thân cùng hoạt động từ lâu trong đó có đại tá Võ Đông Giang, thiếu tá Ngọc Dung, đại tá Dương Đình Thảo.

Đại tá Võ Đông Giang cùng công tác với tôi ở ban thống nhất trung ương, tôi là tổ trưởng 1A, đồng chí Giang là tổ trưởng 1B. Trong những năm đầu hoạt động đối ngoại, chúng tôi rất ngỡ ngàng. Trước đó tôi hoạt động chủ yếu trong các đoàn thể thanh niên, phụ nữ, là một cán bộ hoạt động bí mật tại thành phố Hồ Chí Minh (lúc đó là Sài Gòn), tôi có kinh nghiệm đấu tranh chính trị, tổ chức biểu tình, bãi công, bãi khoá. Đồng chí Võ Đông Giang đã từng là bí thư tỉnh phú yên, có hoạt động trong liên khu đình chiến một thời gian ngắn. Trước yêu cầu của hoạt động ngoại giao rộng lớn của mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam, sau đó là của chính phủ cách mạng lâm thời cộng hoà miền Nam Việt Nam, chúng tôi phải vừa làm, vừa học, tích cực ủng hộ nhau.

Đồng chí Võ Đông Giang không còn nữa. Vì trách nhiệm và vì tình cảm bạn bè, đồng chí thân thiết nên tôi muốn có cái gì đó nói về anh Giang. Vừa qua, soạn lại tài liệu, tôi tìm được bức thư của anh Giang. Tôi xin chuyển lại các đồng chí để xem có thể đăng phần nào để ghi lại hoạt động của các đồng chí ta tại Camp Davis không.

Xin chúc các đồng chí dồi dào sức khỏe.

Nguyễn Thị Bình

Trích thư của đồng chí Võ Đông Giang nguyên là phó đoàn đại biểu quân sự của chính phủ cách mạng lâm thời cộng hoà miền Nam Việt Nam trong ban liên hợp quân sự bốn bên và hai bên gửi cho bà Nguyễn Thị Bình để phản ánh tình hình về cuộc đấu tranh của phái đoàn quân sự ra trong trại Davis .

Ngày 18 tháng 10 năm 1973

... chị Bình thân mến.

... Tôi vừa đi dự cuộc chiêu đãi ở Sài Gòn về ngày quân đội Ba Lan - cứ mỗi lần đi như vậy, tôi thấy được động viên thêm, về đến nhà lại được thư và quà của chị, quà thuốc lá, trong lúc một số anh em phải thức đêm, có cái để tỉnh người.

Để có sức động viên mạnh mẽ mà tôi tiếc là không thể mô tả một cách đầy đủ là sự trù mến biểu hiện trong ánh mắt của hầu hết những người dân ở thành phố này đối với những người đại diện của chính quyền cách mạng mà họ gặp lướt qua trên đường phố. Có lẽ phải biết làm thơ thì mới ghi và nói được một cách đầy đủ...

... Một điều động viên nữa là thái độ thiên Việt Cộng của số đông các nhà báo phương tây mà tôi gặp trong chiêu đãi.

Trong cái ồn ào của cuộc chiêu đãi, ở đó ai cũng nói chuyện tay đôi, tay ba thì họ cũng tự do nói chuyện một cách tự nhiên. Họ cởi mở hơn vì ít sợ bị linh kìn của Sài Gòn theo dõi như là trong các cuộc họp báo của đoàn tại trụ sở Tân Sơn Nhất.

Họ có điều kiện hơn để nói toạc ra với mình những cảm nghĩ không lấy gì làm tốt đẹp của họ đối với chế độ Sài Gòn.

Tôi xin kể với chị nghe vài mẩu chuyện mà tôi cho lại lý thú.

Với tay Sharrock, giám đốc phân xã Roi-tơ. Tôi hỏi:

- Chào ông Sharrock, gần đây không thấy ông đến dự cuộc họp báo của chúng tôi.

- Tôi có vấn đề... hơi ngượng nghịu với các ông, tôi không tưởng tượng được rằng chính phủ Anh của chúng tôi lại là chính phủ đầu tiên công nhận chế độ đảo chính ở Chi-lê, đi trước cả chế độ Sài Gòn nữa!

- Không có lẽ đó lại là lý do để ông không đến với chúng tôi?

- Tôi biết là chính phủ cách mạng lâm thời đã cắt đứt quan hệ ngoại giao với chế độ Chi-lê, đó là thái độ đúng đắn.

- Ông cho rằng tôi không phân biệt được chính phủ Anh với nhân dân Anh sao?

- Nếu các ông phân biệt được như vậy thì tôi rất cảm ơn. Đúng là tôi có quyền tự tách mình ra khỏi thái độ của chính phủ nước tôi.

Với bà Victoria, đại diện báo London Times (gọi là bà, nhưng rất trẻ và khá đẹp đấy chị ạ).

- Chào bà Victoria, tôi cảm ơn bà đưa tin khách quan về việc chính quyền Sài Gòn ném bom Gò Dầu Hạ.

- Đó là nghề nghiệp của chúng tôi.

- Nhưng tôi chưa rõ bà viết như thế nào mà khi đưa lại tin của bà, đài phát thanh của chúng tôi cứ oang oang lên là “ ông ta “ đã nói thế này, “ ông ta “ đã nói thế nọ...

- Không sao, đài giải phóng họ ở xa, trách làm gì? Ở đây các ông biết, thế là tôi đã được “ Recompensec”, dù rằng khi đưa tin, tôi không chờ mong được chuyện ấy...

... Bây giờ tôi trả lời thư chị. Hội nghị cấp cao không liên kết ở Alger, tiếng van ở Sài Gòn lớn lắm chị ạ. Thăng nguy như chó cụp đuôi hay như méo bị cắt tai cũng thế. Bởi nó chủ quan, tưởng dễ phá ta, cho nên mới làm ồn ào lộ liễu, cuối cùng đã chẳng phá được lại còn phải xoi một cái nghị quyết độc quá, chắc là điếng cả người.

Mấy tờ báo đối lập ở Sài Gòn như Điện Tín, Đại dân tộc lại xỏ cho mấy bài bình luận rất ác, thăng nguy lại càng tức.

Trong khi đó, tại ban liên hợp, cứ mỗi lần nó muốn đánh ngang bằng ta với nó trong việc vi phạm hay không vi phạm hiệp định thì quân ta lại đem phần nghị quyết ác độc của hội nghị Alger ra đọc cho nó nghe chơi cho tỉnh người, mình miễn chí tuệ thêm một chút. Hoặc là mỗi khi nó muốn giành thế thượng phong thì quân ta lại vác nghị quyết Alger ra bình một trận...

Úc quá, thăng nguy bèn cho mấy tờ báo phản động chửi đồng hội nghị không liên kết. Nhưng mà nói càn nên tiền hậu bất nhất, chỉ càng làm trò cười và tự cô lập thêm. Đại thể có 3

pha: Ban đầu thì ve vãn người ta, sau không được mới lý sự rằng Nga, Tàu, Mỹ gì cũng đã hoà hoãn, bắt tay nhau, khối không liên kết không còn có tác dụng nữa. Cuối cùng cái nghị quyết đau quá, bèn lý sự rằng làm gì có chuyện không liên kết. Thời buổi này không đi với Mỹ thì đi với Nga, Tàu, không đi với phe tự do thì chỉ đi với cộng sản mà thôi. Cái thứ lý sự lôm côm như vậy, các báo đối lập họ đều sửa khéo cả đấy, tuy rằng có nhiều đoạn bị tự ý đục bỏ.

... Tôi lại nhớ ra còn mấy việc nữa:

- Thăng nguy vẫn lấy vụ tấn công hồi tết Mậu Thân để gây căm thù đối với Việt Cộng, nói là ta giết hại đồng bào. Không phải là không có người nghe đâu chị ạ. Tại bàn hội nghị để đập lại luận điệu bậy bạ của nó, tôi có một loạt tin của UPI, AP lúc bấy giờ cho tố cáo Mỹ ném bom, bắn phá thẳng tay thành phố Huế cho đến khi lấy lại thành phố này. Nhưng thấy chưa đủ nhờ chị hỏi các anh Tôn Thất Dương Tiềm, anh Trân, hoặc bà chi... lúc bấy giờ ở đó, có cách gì vạch mặt vu cáo và đổ vấy cho nó không? Nếu có cái gì hùng hồn và thuyết phục, chắc là bổ ích lắm. Đưa lên đài hoặc cho chúng tôi sử dụng.

- Gần đây bộ ngoại giao ta ra tuyên bố liên tù tì, có nhiều cái sử dụng tốt lắm cùng một quả bóng đó mà tung lên, tung xuống kiểu này, kiểu khác. Đó là cách phản phúc động viên đỡ nhàm nhất.

- Vấn đề tù binh chính trị, gần đây hơi lút, thực tế vẫn là vấn đề có cơ khơi động và cần khơi động trở lại. Vẫn là vấn đề âm ỉ, chực bùng nổ, có liên quan đến các phe phái đối lập, là đề tài mà chúng tôi chực nắm lấy để đả thẳng Thiệu, và cũng là đề tài mà thăng nguy trông làm dịu đi được chừng nào tốt chừng ấy. Chúng tôi đang tính đưa vấn đề này trở lại như thế nào mà không loãng vấn đề ngừng bắn...

Thôi chị nhé, hẹn chị thư sau. Xin chúc chị, các anh trong ban cán sự và tất cả anh chị em trong cơ quan luôn luôn vui khỏe và công tác ngày càng thắng lợi, chúng tôi cũng được phần.

Võ Đông Giang

....

Tài trí ngoại giao ở Trại Davis

Nguyễn Hải Hiền



Phó Trưởng đoàn Đại biểu Chính phủ Cách mạng lâm thời CHMNVN - đại tá Võ Đông Giang chụp ảnh lưu niệm với các Diễn viên của Tổng cục Chính trị, tại trại Davis.

Ngay sau khi Hiệp định Paris được ký kết (27/1/1973), quân và dân ta bước vào một trận tuyến mới với phương thức đấu tranh mới: Đó là đấu tranh thi hành Hiệp định Paris. Theo thỏa thuận bốn bên, ngày 28/1/1973, hai đoàn đại biểu quân sự của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam sẽ có mặt ở Sài Gòn. Sau khi đi bằng máy bay và trực thăng từ Hà Nội và Lộc Ninh vào trại Davis nằm trong sân bay Tân Sơn Nhất, các chiến sĩ - nhà ngoại giao của ta bắt đầu 823 ngày đêm giữa sào huyệt của kẻ thù. Đây là quãng thời gian sẽ còn được nhắc đến nhiều, bởi chính tại nơi đây, những nhà ngoại giao mặc áo lính, với tinh thần yêu nước sâu sắc, trí thông minh, lòng dũng cảm, nhạy bén và mềm dẻo theo phương châm “dĩ bất biến ứng vạn biến” đã góp phần làm nên chiến thắng của dân tộc ta.

Nhớ lại những ngày gian khổ và thiếu thốn trong trại Davis để đối phó với địch, ông Bình hé lộ “có rất nhiều chuyện lý thú đấy” và ông đã kể cho tôi nghe một chuyện “đặc biệt hay” mà ông nhớ mãi với lòng khâm phục đối với nhà ngoại giao - đại tá Võ Đông Giang.

Tại một cuộc họp cấp Trưởng đoàn với chính quyền Sài Gòn, đại tá Võ Đông Giang là Phó đoàn đại biểu quân sự Chính phủ Cách mạng lâm thời CHMNVN đi họp thay Trưởng đoàn bàn về vấn đề trao trả nhân viên dân sự bị bắt giữ. Trong mấy cuộc họp trước đó, vấn đề trao trả nhân viên dân sự được coi là vấn đề gai góc và chúng ta đã vạch rõ những hành vi vi phạm Hiệp định Paris của chính quyền Sài Gòn. Ông Bình lúc đó là Phó Trưởng Tiểu ban trao trả của Chính phủ Cách mạng lâm thời CHMNVN, nên cũng được tham gia đoàn.

Khi Đoàn ta vừa vào đến nơi, Trưởng đoàn Chính quyền Sài Gòn Phan Hoà Hiệp đã chủ động nêu ra một vấn đề không ăn nhập gì với những nội dung mà Hội nghị cấp Trưởng đoàn đang bàn dở trong mấy phiên trước, hoàn toàn có tính khiêu khích: “Ông Phó trưởng đoàn của Chính phủ Cách mạng lâm thời mang cái tên là Võ Đông Giang, nhưng ông không phải là Võ Đông Giang, mà tên ông là Phan Bá. Ông đã từng là Bí thư Tỉnh uỷ Gia Lai Kon Tum thời kỳ chống

Pháp, sau đó ông làm Vụ trưởng của Bộ Ngoại giao Bắc Việt, rồi ông đi sang làm đại sứ của Chính phủ Cách mạng lâm thời ở Cuba, chứ ông chưa hề ở trong quân đội ngày nào”.

Phan Hoà Hiệp hí hửng nói vậy là có thể áp đảo được đại tá Võ Đông Giang và sẽ làm ông lúng túng. Thế nhưng đại tá Võ Đông Giang vẫn tỏ thái độ rất bình thản. Bằng giọng nói rõ ràng, ông Võ Đông Giang thủng thẳng hỏi lại Phan Hoà Hiệp: “Chuẩn tướng đưa ra câu chuyện cũng lý thú đấy chứ. Chuẩn tướng có cần nói thêm gì không, chúng tôi sẵn sàng nghe tiếp?” Thấy đối phương im lặng, đại tá Võ Đông Giang “bồi” luôn: Có phải ông Hiệp đưa nội dung này ra để bàn trong hội nghị hay chỉ là câu chuyện tầm phào?”. Câu hỏi khó này đã khiến Phan Hoà Hiệp lúng túng: “Không, không, tôi chỉ nêu vậy thôi, để ông biết là tôi biết rõ các ông như thế”.

Trong lúc này, một số cán bộ trong đoàn ta đã viết mấy chữ chuyển lên cho đại tá Võ Đông Giang, đại ý rằng đây chỉ là đòn gió. Riêng ông Vũ Nam Bình, vì nắm rõ được lai lịch của Phan Hoà Hiệp nên đã nhanh chóng ghi vài dòng chuyển cho đồng chí Võ Đông Giang, rằng Hiệp là con một người Pháp, mẹ người Việt. Cái tên Phan Hoà Hiệp là phiên âm từ chữ François Hiệp. Sau cách mạng tháng 8-1945, Hiệp là lính của Đệ tam sư đoàn. Khi Pháp đánh trở lại, sư đoàn này tan rã và đầu hàng Pháp. Hiệp cũng nằm trong số đó...

Đọc xong mẫu giấy này, đại tá Võ Đông Giang hỏi lại Phan Hoà Hiệp xem có hỏi gì nữa không, nhưng Hiệp không nói gì nữa. Vô cùng chậm rãi, ông bảo “đến lượt tôi phát biểu”.

Đại tá Võ Đông Giang nêu ra 3 câu hỏi cho Phan Hoà Hiệp: “Một là, ngay sau cuộc họp này, đề nghị ông Chuẩn tướng quân đội Việt Nam Cộng hoà hãy cách chức tất cả những tay tình báo nào đưa cái tin về lai lịch của tôi như ông vừa nói. Thứ hai, nếu ông Chuẩn tướng muốn lấy tin tức này để làm nội dung thảo luận trên diễn đàn của cấp Trưởng đoàn hôm nay thì tôi cũng đồng ý. Chúng ta sẽ lật ngửa con bài. Chuẩn tướng biết gì về tôi thì cứ nói hết ra, còn tôi sẽ nói về lai lịch của Chuẩn tướng, một lai lịch không lấy gì làm đẹp đẽ. Và tôi tin rằng những người của phía các vị ngồi đây cũng không hiểu lai lịch của chính vị Chuẩn tướng của mình đâu. Thứ ba, nếu đưa tin tức làm câu chuyện tầm phào, đi đến cãi cọ nhau một cách vô bổ để lãng tránh hoặc làm mất thời gian bàn bạc việc chính yếu, thì đó chỉ là trò lơ bịch. Không thể lãng tránh vấn đề mà ta đang bàn bạc, đó là vấn đề trao trả nhân viên dân sự. Đó không phải là tư cách của những nhà ngoại giao quân sự để bàn việc thực thi Hiệp định Paris mà các bên đã ký kết. Ở diễn đàn cấp Trưởng đoàn này không có chỗ cho việc đưa ra tin tức theo kiểu đó...”.

Vô cùng bối rối, Phan Hoà Hiệp và các cộng sự ngồi im và đề nghị giải lao 15 phút. Trong giờ giải lao, Phan Hoà Hiệp nói với ông Võ Đông Giang: “đại tá phê phán tôi dữ quá. Tôi chỉ là lính đánh nhau, chỉ là võ biên thôi chứ đâu có được làm ngoại giao như đại tá”. Ông ta như nói với chính mình, rằng đấu khẩu với nhà ngoại giao là một điều đại dột.

Ông Võ Đông Giang là một người có kinh nghiệm về ngoại giao, nên những ý kiến ông nêu ra trong những cuộc bàn luận bao giờ cũng hợp tình hợp lý và dễ được chấp nhận. Ông Bình cho biết, chính vì ông Võ Đông Giang có kinh nghiệm nên ông luôn hướng dẫn tỉ mỉ cho cán bộ trong đoàn cách đấu tranh, cách suy nghĩ, cách giải quyết vấn đề. Trong vấn đề đấu tranh đòi trao trả nhân viên dân sự, ta gặp nhiều khó khăn vì lúc bấy giờ Mỹ có âm mưu Việt Nam hoá chiến tranh. Nếu những nhân viên dân sự được thả ra, họ lại tiếp tục tham gia cách mạng thì chúng

không thể thắng được. Tổng thống Sài Gòn Nguyễn Văn Thiệu cũng không muốn thả tù chính trị vì cho rằng như vậy là “thả hổ về rừng”. Vì vậy, ông Võ Đông Giang đã bàn bạc rất kỹ với Trưởng đoàn Hoàng Anh Tuấn và Phó trưởng đoàn Đoàn Huyền về cách thức đấu tranh thế nào để có thể buộc đối phương phải trao trả tù chính trị. Ông Võ Đông Giang đưa ra sáng kiến là bàn với Tổ Liên hiệp quân sự về mồ mả và mất tích của đoàn VNDCCH để phía ta trao trả cho họ một số bộ hài cốt, làm chất xúc tác để đòi Mỹ ép chính quyền Sài Gòn. Sau đó là ông cũng nêu ra ý kiến là không nên nêu danh sách các đồng chí của ta bị bắt, vì có thể đối phương không biết cụ thể và dễ có âm mưu thủ tiêu những người không có tên trong danh sách này. Nhưng tên người nào đã công khai rõ ràng rồi, như Võ Thị Thắng, Huỳnh Tấn Mẫm, thì đưa ra đấu tranh để xem đối phương mưu đồ thế nào... Quả ông Võ Đông Giang là người rất có công trong vấn đề đấu tranh đòi đối phương thả tù chính trị và là người nêu ra nhiều sáng kiến để giải quyết vấn đề này.

Trong những lúc đấu tranh gay gắt nhất cũng chính là lúc ông Giang bình tĩnh nhất. Trước những thái độ khiêu khích của địch, ông không bao giờ mắc mưu. Chủ đề chính của cuộc họp bàn là về trao trả nhân viên dân sự, nhưng đối phương thường nêu ra hết việc này đến việc khác để lái ông theo, nhưng ông luôn tập trung cao độ, chú ý không để đối phương lảng tránh vấn đề cần bàn. Đã có lúc, ngay trong đàm phán, đối phương còn khiêu khích bằng cách xưng hô bậy bạ với ông, nhưng không làm ông nhụt chí mà trái lại, ông luôn bình tĩnh và rất vững vàng. Chính vì thế, trong những cuộc đấu trí, khi cần phân tích về lý lẽ chặt chẽ, Đoàn rất tin nhiệm cử ông tham gia.

*

Dù thời gian dành cho buổi trò chuyện với phóng viên quốc tế không nhiều vì đại tá Vũ Nam Bình đang bận “theo dõi phiên bế mạc Đại hội X”, nhưng ông không quên kể cho tôi nghe câu chuyện tại thời điểm trước khi quân ta tiến vào Sài Gòn. Đó là thời điểm mà các cán bộ trong Trại Davis phân vân không biết có nên ở lại Trại không. Đúng lúc đó, Bộ Tư lệnh Chiến dịch Hồ Chí Minh cho người vào báo sẽ có một lực lượng đặc công vào để đưa một số đồng chí ra. Đảng uỷ đoàn họp chớp nhoáng và nhận định làm như vậy nếu bị lộ sẽ nguy hiểm, nên xin phép được ở lại Trại. “Vì không có cuộc, xéng nên chúng tôi lấy cọc màn đào hầm và xin một số thủ pháo của Bộ Chỉ huy Miền để sẵn sàng chống trả” - ông Bình cười tươi khi ôn lại thời điểm đáng nhớ ấy - “Sau giờ phút chiến thắng, Đoàn ta mới nhận được thông tin cho biết trên bàn làm việc của tay Tổng Tham mưu trưởng quân đội nguy có một tờ lệnh. Trước lúc bỏ chạy, tay này đã kịp ra lệnh nếu như có một tiếng súng nào ở Trại Davis bắn ra thì lập tức phải tiêu diệt. Trước đây chúng cũng có ý định bắt sống 300 người chúng tôi làm con tin rồi đấy, nhưng chúng đã không làm được gì cả...”.

Khi đề tặng tôi cuốn sách Trại Davis 823 ngày đêm, do ông và một số người khác tổ chức biên soạn, ông bật mí “đọc cuốn này sẽ biết được nhiều điều lý thú”. Cảm ơn ông, tôi sẽ đọc và hy vọng có một dịp khác được “chia sẻ” với bạn đọc về cuộc sống của những con người đã không quản hy sinh, gian khổ, bền bỉ đấu tranh cho chính nghĩa ngay trong vòng vây của kẻ thù ở Trại Davis năm xưa.

Công tác bảo vệ an ninh Trại Davis thời kỳ 1973 - 1975

11:05, 14/05/2009



Lá cờ của MTDTGPMN được kéo lên trên tháp nước trại Davis lúc 9h30 ngày 30/4/1975

Đầu tháng 2/1973, hai phái đoàn quân sự của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam và Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (sau đây gọi tắt là phái đoàn ta) có mặt tại “Trại Davis” trong sân bay Tân Sơn Nhất, tham gia Ban Liên hợp quân sự Trung ương 4 bên, có nhiệm vụ phối hợp hành động bảo đảm thi hành những điều khoản về quân sự của Hiệp định Paris.

Tháng 1/1973, Hiệp định Paris về kết thúc chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam được ký kết, đã mở ra thời cơ mới cho cuộc kháng chiến của dân tộc Việt Nam theo phương châm “Mỹ cút, nguy nhào”.

Giữa sào huyệt của địch, phái đoàn ta đã kiên gan, kiên định đấu tranh trực diện, công khai với Mỹ - nguy, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Đóng góp vào thắng lợi đó, công tác bảo vệ an ninh có vai trò rất lớn. Trưởng ban Bảo vệ an ninh của phái đoàn ta ở Trại Davis năm ấy là đồng chí Vũ Nam Bình (tên thật là Nguyễn Văn Khả), năm nay 82 tuổi. Với sức khỏe và trí nhớ hiếm thấy của một người ở tuổi thượng thọ, ông đã dành cho chúng tôi cuộc trao đổi quanh vấn đề bảo vệ an ninh cho phái đoàn ta ở Trại Davis...

Hiệp định Paris. Giữa sào huyệt của địch, phái đoàn ta đã kiên gan, kiên định đấu tranh trực diện, công khai với Mỹ-nguy, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Đóng góp vào thắng lợi đó, công tác bảo vệ an ninh có vai trò rất lớn. Trưởng ban Bảo vệ an ninh của phái đoàn ta ở Trại Davis năm ấy là đồng chí Vũ Nam Bình (tên thật là Nguyễn Văn Khả), năm nay 82 tuổi. Với sức khỏe và trí nhớ hiếm thấy của một người ở tuổi thượng thọ, ông đã dành cho chúng tôi cuộc trao đổi quanh vấn đề bảo vệ an ninh cho phái đoàn ta ở Trại Davis...

Mưu sâu của địch...

Theo thoả thuận giữa hai bên, 9h sáng 28/1/1973, phía Mỹ sẽ đưa trực thăng tới sân bay Thiện Ngôn (bắc Tây Ninh, do ta kiểm soát) để đón Đoàn đại biểu quân sự Chính phủ CMLT do

Trung tướng Trần Văn Trà làm trưởng đoàn vào Trại Davis. Vốn là người thận trọng, đồng chí Trần Văn Trà gọi chúng tôi tới trao đổi: “Cần hết sức cảnh giác, đề phòng với những thủ đoạn của Mỹ - nguy hại việc thi hành Hiệp định, kể cả việc địch có thể tấn công vào các đoàn đại biểu ta”. Với vai trò Trưởng ban Bảo vệ an ninh, tôi đề xuất: “Để bảo đảm an toàn, đoàn ta chưa nên ra điểm hẹn. Đề nghị anh cho một tổ trinh sát đi tiền trạm”.

Đúng như nhận định của đồng chí Trần Văn Trà, đúng giờ hẹn, xuất hiện 2 chiếc máy bay lượn vòng rồi trút hàng loạt bom xuống điểm đón đoàn ta! Nhờ cảnh giác, phía ta không thiệt hại về người. Phái đoàn ta ra thông cáo kịch liệt phản đối hành động đê tiện này và yêu cầu Mỹ - nguy phải đón đoàn tại sân bay Lộc Ninh, nơi Mỹ - nguy đã chịu nhiều thảm bại, trong đó toàn bộ Ban chỉ huy Chiến đoàn 8 của nguy bị ta bắt làm tù binh.

Để xoa dịu dư luận sau vụ ném bom hèn hạ bị tố cáo, Mỹ - nguy buộc phải chấp nhận yêu cầu của phái đoàn ta. Sau khi hai phái đoàn ta vào Trại Davis, Ban bảo vệ an ninh tiến hành ngay các biện pháp bảo đảm an ninh và chính trị nội bộ, vốn đã được xây dựng chu đáo từ vài tháng trước khi Hiệp định Paris được ký kết. Chúng tôi thu được một số thiết bị điện tử địch cài trong các phòng họp, phòng làm việc, thậm chí cả phòng ngủ... Chúng tôi buộc phải xây dựng mới nhiều phòng làm việc bằng vật liệu sẵn có.

Qua công tác nắm tình hình, chúng tôi biết địch có kế hoạch rất chi tiết nhằm theo dõi, kiểm soát hoạt động của đoàn ta. Địch sẽ triệt để khai thác sơ hở của ta, dùng tâm lý chiến móc nối, lôi kéo, thậm chí bắt cóc người của ta rồi khống chế, vu khống là chiêu hồi, về với “chánh nghĩa quốc gia”! Hầu hết các nhân viên tạp vụ, lái xe, điện nước... đều là người của cơ quan an ninh, tình báo nguy cài vào “phục vụ” phái đoàn ta.



Một số cán bộ bảo vệ an ninh tại Trại Davis - Tân Sơn Nhất thời kỳ 1973-1975 (đồng chí Vũ Nam Bình đứng thứ 3 từ trái qua).

Sau ngày 30/4/1975, Nguyễn Văn Học, nguyên Đại tá, Trưởng phòng phản tình báo Cục An ninh quân đội nguy, đã khai nhận đúng như vậy. Chúng có kế hoạch tình báo hỗn hợp để “đánh vào hai phái đoàn Việt Cộng và Bắc Việt”. Địch cho rằng, những thành viên của hai phái đoàn ta chắc chắn đã được lựa chọn rất kỹ, hầu hết là những “phần tử trung kiên” nên không dễ dàng bị lôi kéo.

Song có thể, một số thành viên của phái đoàn có người thân thích, ruột thịt đang làm việc cho địch, hoặc sống tại vùng địch kiểm soát. Hơn nữa, sau bao năm gian khổ kháng chiến, giờ được sống giữa thành phố Sài Gòn, biết đâu sẽ có người dao động trước những cám dỗ...

Nguyễn Văn Học còn khai thêm những âm mưu, thủ đoạn hết sức mạnh động và hèn hạ của các cơ quan an ninh, tình báo nguy. Trong trường hợp chiến trường có những đột biến bất lợi, chúng sẽ đầu độc nguồn nước, thực phẩm; bắt cóc lãnh đạo phái đoàn ta; thậm chí cho bọn lưu manh, côn đồ khiêu khích và kiếm cơ tấn công vào trại tàn sát phái đoàn ta.

... Đụng phải những “bức tường thép”

Song với bản lĩnh của từng thành viên trong phái đoàn ta và nghiệp vụ dày dạn của các cán bộ làm công tác an ninh, mọi âm mưu, thủ đoạn của địch đều gặp phải những “bức tường thép”. Địch thường nhắm đến các sĩ quan trẻ của ta để tác động, lôi kéo; vì chúng cho rằng họ còn ít kinh nghiệm và chưa được tôi luyện, thử thách nhiều qua chiến đấu. Hôm ấy, nhân giờ giải lao của cuộc họp bàn về trao trả tù binh, viên Thiếu tá nguy Đình Công Chất (Tiểu ban trao trả) lại gần một thiếu úy trẻ của ta làm quen.

Khi câu chuyện đã bớt khách khí, viên sĩ quan nguy chặc lưỡi và nheo mắt nửa đùa, nửa thật: “Sang với tụi này đi, sung sướng lắm; đủ cả các mùi, các vị...”. Đồng chí thiếu úy trẻ của ta quắc mắt, đáp trả: “Này, chiến tranh tâm lý kiểu gì đấy? Có mà vút vào sọt rác thôi!”. Tên Chất tên tò, vội chuồn thẳng.

Còn viên Đại tá nguy Dương Đình Thụ thì hỏi với giọng điệu rất ngạo mạn và khiêu khích một đại úy của phái đoàn ta: “Này Đại úy, cấp trưởng các tiểu ban bên tôi đều là đại tá, cấp trưởng các tiểu ban bên anh thì toàn trung tá. Chênh lệch cấp hàm và trình độ như thế, tôi thấy khi ngồi họp rất bất tiện...?”.

Đồng chí đại úy của ta đồng dục đối lại: “Tôi xin trao đổi với ông hai vấn đề. Thứ nhất, ngay cả Tổng thống của các ông cũng không so sánh được với chiến sĩ của chúng tôi đâu. Tổng thống của các ông là kẻ bán nước, còn chiến sĩ chúng tôi là người bảo vệ Tổ quốc. Thứ hai, hiện giờ chỉ huy cấp sư đoàn của chúng tôi hầu hết là trung tá, thượng tá. Nhưng thưa ông Đại tá, qua thực tế chiến trường, nhiều sư đoàn tình nguyện do những sĩ quan chỉ huy cấp tướng của các ông cầm quân, lại có sự giúp sức của cố vấn Mỹ, song đều bị chúng tôi đánh cho tơi tả. Vì vậy, đại tá của các ông cũng không so với trung tá của chúng tôi được”.

Khẩu khí của một đại úy “Việt Cộng” khiến Đại tá Dương Đình Thụ tái mặt và phải lánh đi nơi khác.

Sau ngày 30/4/1975, viên Đại tá, Trưởng phòng phản tình báo nguy Nguyễn Văn Học khai: “Chúng tôi đã gặp một đối thủ quá cứng rắn. Tất cả những lần tiếp xúc thông thường thì không sao, nhưng khi đụng vào những nội dung cần thiết thì đều bị đánh bật ra; khiến những sĩ quan có hạng của chúng tôi cũng phải lắc đầu...”.



Những nữ chiến sĩ quân giải phóng có mặt tại trại Davis tháng 2/1973 (ảnh thu được sau giải phóng miền Nam của cục An ninh quân đội ngụy).

Câu chuyện cảm động về tình ruột thịt giữa hai người khác chiến tuyến

Trong số các nhân viên điện - nước của địch tại Trại Davis, có một sĩ quan công binh mang quân hàm thiếu tá, tên là Bùi Thiện Khiêm, chừng hơn 30 tuổi. Khiêm tỏ ra mẫn cán, nhiều lần kiểm tra hoạt động của hệ thống điện - nước và đến được những nơi “cần đến” trong Trại Davis. Nhưng có điều đáng nghi ngại, mỗi khi gặp ai trong phái đoàn ta, Khiêm nhìn người đó rất lâu...

Được báo cáo việc này, tôi tạo ra một tình huống ngẫu nhiên để gặp Khiêm, thì thấy đúng như thông tin được phản ánh. Anh em bảo vệ an ninh hội ý và thống nhất nhận định: Phải chăng, Khiêm có người quen trong phái đoàn của ta. Có thể lúc Khiêm còn nhỏ, cha hoặc anh trai của Khiêm đi tập kết, nay cũng có mặt trong phái đoàn...

Tôi tập trung rà soát toàn bộ danh sách phái đoàn thì phát hiện một người có họ, tên đệm trùng khớp với Khiêm; xét về tuổi tác thì có thể là anh trai của Khiêm. Người này tên Bùi Thiện Hùng, làm nhiệm vụ phiên dịch tiếng Nga cho đoàn ta khi làm việc với đoàn Hungary và đoàn Ba Lan (trong Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát thi hành Hiệp định Paris).

Quả nhiên hôm ấy, sau một phiên họp, khi phái đoàn ta tiễn đoàn Hungary và đoàn Ba Lan ra về, thì bất ngờ Bùi Thiện Khiêm xuất hiện và - có lẽ vì quá xúc động, không thể kìm nén được - đã chạy ào về phía đoàn ta, ôm chầm lấy đồng chí Hùng rồi kêu lên: “Ồi anh Hùng ơi, em là Khiêm đây!”. Hai anh em họ ôm chặt lấy nhau và trào nước mắt, khiến những người chứng kiến không khỏi bùi ngùi.

Đồng chí Hùng sau đó đã báo cáo đầy đủ về mối quan hệ với người em trai. Khi đồng chí Hùng ra Bắc tập kết, Bùi Thiện Khiêm mới trên dưới 10 tuổi. Gần 20 năm, anh em họ mới gặp lại nhau trong một hoàn cảnh rất đặc biệt. Khi tôi báo cáo việc này, đồng chí Trần Văn Trà trầm ngâm giây lát và nhận định: “Việc này cũng bình thường thôi, đó là vì chiến tranh. Ta cứ cho anh em họ gặp nhau thêm; nhưng phải xin ý kiến cơ quan nghiệp vụ cấp trên”.

Được sự đồng ý của cấp trên, tôi đã bố trí cho hai anh em họ gặp nhau. Trong cuộc gặp ấy, đồng chí Hùng với tư thế của người chiến thắng, đồng thời là người anh trai đã dành cho đứa em ruột những tình cảm chân thành. Sau khi hỏi thăm sức khỏe cha mẹ và những người thân, đồng

chí Hùng nhắc nhở Khiêm, đại ý: Gia đình mình có truyền thống tốt, chưa làm gì hại đến Tổ quốc, bản thân em phải ghi nhớ và thực hiện điều đó...

Cuối cùng, đồng chí Hùng nhắc Khiêm phải làm tốt việc bảo đảm diện nước phục vụ phái đoàn. Sau này, qua đánh giá tình hình thực tế, chúng ta quyết định không tiến hành các biện pháp nghiệp vụ để sử dụng Bùi Thiện Khiêm. Phần đồng chí Hùng, sau ngày giải phóng miền Nam đã vào TP HCM tiếp tục công tác và đoàn tụ với gia đình.

Có mặt 823 ngày đêm tại Trại Davis (từ 28/1/1973 đến 30/4/1975), phái đoàn quân sự Chính phủ CMLT Cộng hoà miền Nam Việt Nam và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trên mặt trận ngoại giao, quân sự, đấu tranh bảo đảm việc thi hành Hiệp định Paris về Việt Nam.

Vào lúc 9h30' ngày 30/4/1975, đồng chí Phạm Văn Lãi cùng đồng chí Cẩn, hai thành viên Đoàn đại biểu quân sự Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam tại Trại Davis đã cắm lá cờ của Cách mạng lâm thời giải phóng miền Nam Việt Nam lên đỉnh tháp nước của trại - một trong những lá cờ giải phóng đầu tiên tung bay trên thành phố mang tên Bác trong ngày Chiến thắng 30/4/1975

Trần Duy Hiên

HIỆP ĐỊNH PARIS: 30 NĂM NHÌN LẠI

NGUYỄN THỊ BÌNH

Nguyên Bộ trưởng bộ ngoại giao chính phủ cách mạng lâm thời cộng hoà miền Nam Việt Nam. Trưởng đoàn đàm phán của chính phủ cách mạng lâm thời tại hội nghị Paris, nguyên uỷ viên trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, nguyên Phó chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Đúng 30 năm về trước, ngày 27 tháng 1 năm 1973, Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam đã được ký kết, đánh dấu thắng lợi hết sức quan trọng của chúng ta trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và thống nhất tổ quốc. Hiệp định Paris có ý nghĩa chính trị - ngoại giao to lớn, tạo điều kiện cho nhân dân ta tiếp tục đấu tranh đi đến toàn thắng năm 1975. Buộc phải ký hiệp định Paris, Mỹ mặc nhiên thừa nhận hành động xâm lược và thất bại của họ. Điều 1 của hiệp định ghi rõ: “ Hoa kỳ và các nước khác tôn trọng độc lập chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam như hiệp định Geneve năm 1954 về Việt Nam đã công nhận. “ Về quân sự, việc Mỹ rút quân hoàn toàn, cam kết không tiếp tục dính líu quân sự đã làm cho tương quan trên chiến trường thay đổi có lợi cho cách mạng. Chính vì thế, chỉ có hơn hai năm sau khi hiệp định Paris được ký, với cuộc tổng tiến công mùa xuân năm 1975, kết thúc bằng chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, chúng ta đã giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ Quốc.

Khoảng cách 30 năm nhìn lại cho phép chúng ta thấy rõ hơn không chỉ ý nghĩa của hiệp định Paris mà còn cả mối quan hệ của hiệp định này với một mốc lịch khác trước đó - Hiệp định

Geneve không chỉ cho ta thấy tại sao Việt Nam thắng lợi trong đàm phán, mà còn để lại cả những bài học cho ngày hôm nay.

Hiệp định Geneve - tiền đề cho thắng lợi của công cuộc giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước

Nói đến hiệp định Paris, chúng ta không thể không nhắc đến hiệp định Geneve 1954. Tuyên bố cuối cùng của hội nghị và hiệp định đình chỉ chiến sự Pháp - Việt đã tạo cơ sở pháp lý và điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Điều 11 của tuyên bố quy định: “ Hội nghị chứng nhận lời tuyên bố của chính phủ Pháp nói rằng chính phủ (Pháp)... sẽ căn cứ trên sự tôn trọng độc lập chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Cao Miên, Lào và Việt Nam. Với hiệp định Geneve chúng ta có một miền Bắc được giải phóng, làm căn cứ địa cách mạng của cả nước. Đây là một trong những điều kiện quan trọng nhất để duy trì và phát triển cuộc chiến đấu ở miền Nam.

Tại hội nghị Geneve, Pháp muốn giải quyết trên thế mạnh và trong khuôn khổ thỏa thuận giữa các nước lớn. Mỹ tìm cách phá hoại hội nghị và có ý đồ can thiệp vào Đông Dương bằng một hành động tập thể.

Kết quả cuối cùng là Pháp buộc phải công nhận và tôn trọng độc lập chủ quyền, thống nhất lãnh thổ của Việt Nam, Lào và Cam-pu-chia, thừa nhận nguyên tắc rút quân đội Pháp ra khỏi ba nước Đông Dương.

Đối với Việt Nam, nước Pháp và tất cả các nước tham gia hội nghị, trừ Mỹ, đều trình trọng tuyên bố công nhận và tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam. Giới tuyến quân sự chỉ là tạm thời, thời hạn tổng tuyển cử để thống nhất đất nước cũng được ấn định: Chậm nhất là ngày 20 tháng 7 năm 1956.

Tóm lại, tranh thủ được hoà bình là một thắng lợi lớn của ta. Hiệp định Geneve không những đã chấm dứt cuộc chiến tranh Đông Dương, phá âm mưu của thế lực chủ chiến hòng kéo dài và mở rộng chiến tranh mà còn tạo những điều kiện căn bản để thực hiện các quyền dân tộc cơ bản của ba nước Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia. Trong bối cảnh hai đồng minh chủ yếu của ta, đều mong muốn hoà hoãn với phương tây và kết thúc chiến tranh, chúng ta khó có thể đạt được kết quả như chúng ta mong muốn. Song ý nghĩa của hiệp định Geneve là rất to lớn.

“Vừa đánh vừa đàm” - nghệ thuật kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh ngoại giao

Quân sự và ngoại giao là hai mặt trận gắn liền hữu cơ và hỗ trợ lẫn nhau. Trên bàn đàm phán không thể giành được những gì không giành được trên chiến trường. Nhưng những gì giành được trên chiến trường sẽ không được khẳng định nếu không có nghệ thuật giành thắng lợi trên bàn đàm phán. Hơn thế nữa, thắng lợi trên bàn đàm phán tạo thêm điều kiện thuận lợi để giành thắng lợi lớn hơn trên chiến trường. Hội nghị Paris là sự thể hiện trình độ cao của nghệ thuật vừa đánh vừa đàm của Việt Nam. Hội nghị cho thấy chúng ta đã vận dụng một cách nghệ thuật mối quan hệ hữu cơ đó, biết mở đàm phán đúng lúc và kết thúc đàm phán đúng lúc, phù hợp với tình thế trên chiến trường.

Ngay từ cuối năm 1965, lãnh đạo ta đã tính đến việc đàm phán với Mỹ. Nhưng chỉ sau hội nghị lần thứ 13 Ban chấp hành Trung ương, chúng ta mới thực sự triển khai kế hoạch này. Ngày 28 tháng 1 năm 1967, trả lời phỏng vấn nhà báo Bớt-séc, Bộ trưởng ngoại giao Nguyễn Duy Trinh tuyên bố: “Chỉ sau khi Mỹ chấm dứt không điều kiện và vĩnh viễn việc ném bom và mọi hành động chiến tranh khác chống nước Việt Nam dân chủ cộng hoà và Mỹ mới có thể nói chuyện” (Báo nhân dân ngày 28 tháng 1 năm 1967). Cuối tháng 12 năm 1967, Bộ trưởng Nguyễn Duy Trinh lại nêu: Sau khi Mỹ chấm dứt không điều kiện việc ném bom và mọi hành động chiến tranh khác chống nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, Việt Nam dân chủ cộng hoà sẽ nói chuyện với Mỹ về những vấn đề có liên quan. Như vậy, đầu năm chúng ta nói “có thể”, đến cuối năm chúng ta đã chuyển sang khẳng định là “sẽ” nói chuyện với Mỹ nếu Mỹ chấp nhận ngừng ném bom. Việt Nam muốn Mỹ ngừng ném bom trước. Chính vì thế, hai bên vẫn chưa tiến hành gặp gỡ. Chỉ đến khi cuộc Tổng tấn công và nổi dậy Tết Mậu Thân làm giảm ý chí xâm lược của Mỹ, Tổng thống Giôn-xon mới buộc phải tuyên bố hạn chế ném bom miền Bắc, chịu nhượng bộ và đi bước trước trên con đường tới bàn phán. Đây không những là sự thừa nhận về sự phá sản của chiến tranh phá hoại bằng không quân, mà còn là bước đầu của quá trình xuống thang chiến tranh của Mỹ. Như vậy, thắng lợi quân sự đã mở cánh cửa cho đàm phán ngoại giao. Nhưng cho đến ngày 31 tháng 10 năm 1968, Giôn-xon mới ra lệnh cho không quân và hải quân Mỹ chấm dứt mọi cuộc đánh phá chống Việt Nam dân chủ cộng hoà. Ngày 2 tháng 11 năm 1968, Việt Nam dân chủ cộng hoà ra tuyên bố ghi nhận việc Mỹ chấp nhận chấm dứt không điều kiện ném bom và mọi hành động chiến tranh chống Việt Nam dân chủ cộng hoà và mở ra hội nghị bốn bên. Cùng ngày, tôi đến Paris với tư cách trưởng đoàn tiền trạm của mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam. Tổng thống Việt Nam cộng hoà Nguyễn Văn Thiệu còn trì hoãn, mãi đến ngày 8 tháng 12, ông ta mới cử một phái đoàn đi Paris do đại sứ Phạm Đăng Lâm dẫn đầu. Ngày 10 tháng 12, Mặt trận cử đoàn đàm phán chính thức do đồng chí Trần Bửu Kiếm, uỷ viên đoàn chủ tịch mặt trận làm trưởng đoàn. Về phía Việt Nam dân chủ cộng hoà, bộ trưởng Xuân Thuỷ, người dẫn đầu đoàn Việt Nam dân chủ cộng hoà trong cuộc đàm phán hai bên từ tháng 5 năm 1968, tiếp tục làm trưởng đoàn trong đàm phán bốn bên.

Hội nghị Paris có thể chia làm bao giai đoạn chính và gắn chặt với ba bước ngoặt trên chiến trường Việt Nam. Giai đoạn một là từ khi bắt đầu đàm phán cho đến khi Mỹ hoàn toàn chấm dứt ném bom miền Bắc, bốn bên ngồi vào đàm phán chính thức. Giai đoạn này gắn với thắng lợi Tết Mậu Thân 1968. Giai đoạn hai kéo dài từ lúc bốn bên ngồi vào bàn đàm phán cho đến giữa năm 1972. Lúc này trên chiến trường ta chưa giành được thắng lợi quyết định, thậm chí trong thời gian đầu, chúng ta còn lâm vào tình thế khó khăn. Chính vì thế, đàm phán giẫm chân tại chỗ, như “xe lửa cán đường ray”. Các bên chủ yếu là thăm dò tố cáo lẫn nhau. Chỉ sau thắng lợi của các cuộc tiến công chiến lược Xuân - Hè 1972, ta mới giành được thế chủ động trên chiến trường, đàm phán mới đi vào thực chất (có thể xem đây là giai đoạn ba) và đi đến ký kết hiệp định vào tháng 1 năm 1973.

Ngày 25 tháng 1 năm 1969, hội nghị bốn bên chính thức khai mạc. Đây là một thắng lợi bước đầu của ta. Từ chỗ không chịu, nay Mỹ phải ngồi vào đàm phán bốn bên, có mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam tham dự với tư cách một bên độc lập, bình đẳng.

Trong phiên họp đầu tiên này, Trưởng đoàn của mặt trận dân tộc giải phóng Trần Bửu Kiếm đưa ra lập trường năm điểm, thực chất là tuyên bố chính trị, và bốn tháng sau đưa ra Giải pháp toàn bộ mười điểm về vấn đề miền Nam Việt Nam⁽¹⁾. Đây là giải pháp hoàn chỉnh đầu tiên được đưa ra tại hội nghị. Đối phó lại, ngày 14 tháng 5 năm 1969, tổng thống Nixon đưa ra kế hoạch tám điểm với nội dung chính là việc rút quân Mỹ với việc rút quân miền Bắc và giữ chính quyền Sài Gòn. Với sự ra đời của liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hoà bình Việt Nam được mở rộng. Ngày 6 tháng 6 năm 1969, chính phủ cách mạng lâm thời cộng hoà miền Nam Việt Nam tại bàn đàm phán càng vững mạnh. Tôi được cử làm bộ trưởng ngoại giao đồng thời là trưởng đoàn đàm phán của chính phủ cách mạng lâm thời cộng hoà miền Nam Việt Nam tại Paris. Hai ngày sau, tổng thống Nixon- xon công bố chính sách “ Việt Nam hoá chiến tranh “ và việc rút đợt đầu 25.000 quân Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam. Trong giai đoạn hai này, trên cơ sở phát triển Giải pháp toàn bộ Mười điểm, thông qua các tuyên bố của chính phủ cách mạng lâm thời cộng hoà miền nam Việt Nam (Tám điểm ngày 14 tháng 9 năm 1970, Bảy điểm ngày 1 tháng 7 năm 1971, và Hai điểm nói rõ thêm trong giải pháp Bảy điểm), ta đòi Mỹ phải rút nhanh toàn bộ quân đội Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam, thành lập ở miền Nam Việt Nam một chính phủ hoà hợp dân tộc ba thành phần để tổ chức tuyển cử.

Sau chiến thắng Xuân - Hè 1972 trên năm mặt trận lớn, từ Trị Thiên đến đồng bằng sông Cửu Long, ta giải phóng một vùng rộng lớn, làm thay đổi lớn so sánh lực lượng, tạo ra khả năng kết thúc chiến tranh. Tháng 7 năm 1972, Bộ chính trị đã đưa ra quyết sách: Chuyển từ chiến lược chiến tranh sang chiến lược hoà bình. Giai đoạn ba đàm phán bắt đầu từ đây. Trong ba tháng bảy, tám và chín, ở Paris, Lê Đức Thọ và Kissinger có một loạt cuộc gặp riêng bàn vấn đề một cách thực chất. Trên cơ sở “ Dự thảo hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam “ do Việt Nam dân chủ cộng hoà đưa ra trong cuộc gặp riêng ngày 8 tháng 10 năm 1972, hai bên bắt đầu mặc cả từng điều khoản, từng câu chữ của hiệp định. Ngày 20 tháng 10, tổng thống Nixon gửi thư cho thủ tướng Phạm Văn Đồng khẳng định “văn bản của hiệp định bây giờ có thể xem như đã hoàn thành” và thoả thuận sẽ ký vào ngày 31 tháng 10 năm 1972.

Trong suốt quá trình đàm phán, sự phối hợp và hỗ trợ giữa hai đoàn của ta rất nhịp nhàng và chặt chẽ. Đoàn Mặt trận và chính phủ cách mạng lâm thời thường công khai đưa ra các sáng kiến hoà bình, đoàn Việt Nam dân chủ cộng hoà luôn hậu thuẫn và ủng hộ các sáng kiến đó, đồng thời tập trung vào cuộc đấu tranh thương lượng với Mỹ khi cuộc đàm phán đi vào giai đoạn thực chất.

Quan hệ hỗ trợ nhau giữa quân sự với ngoại giao một lần nữa lại thể hiện ở chính giai đoạn chót của đàm phán này. Sau khi vượt qua được tuyến cử, Mỹ trở mặt, đàm phán diễn ra căng thẳng trong suốt tháng 11 và đầu tháng 12. Đến ngày 12 tháng 12, hai bên chỉ còn phải thoả thuận vấn đề khu phi quân sự và cách ký các văn kiện, và hai nhà đàm phán chính phải về nước xin chỉ thị. Nhưng khi đồng chí Lê Đức Thọ vừa về đến Hà Nội cũng là lúc bắt đầu cuộc tập kích chiến lược bằng B52 đánh phá Hà Nội và Hải Phòng. Đúng như dự đoán của Bác Hồ là nhất định Mỹ sẽ thất bại, nhưng sớm muộn Mỹ sẽ dùng B52 đánh phá Hà Nội và Hải Phòng trước khi chúng chịu thua. Bị tổn thất nặng nề trong trận “ Điện Biên Phủ trên không” và bị dư luận lên án, ngày 29 tháng 12 năm 1972. Mỹ buộc phải ngừng ném bom phía Bắc vĩ tuyến 20, phải ký tắt ngày 23

tháng 1 năm 1973 và ký chính thức ngày 27 tháng 1 năm 1973 “Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam” mà nội dung chủ yếu vẫn giữ nguyên như văn bản đã thoả thuận ngày 20 tháng 10 năm 1972.

ĐOÀN KẾT QUỐC TÊ - NGHỆ THUẬT KẾT HỢP SỨC MẠNH DÂN TỘC VỚI SỨC MẠNH CỦA THỜI ĐẠI

Nếu nghệ thuật “vừa đánh vừa đàm” đã chuyển được những thắng lợi quân sự thành những thắng lợi ngoại giao trên bàn đàm phán, thì nghệ thuật tranh thủ sự ủng hộ quốc tế đối với cuộc đấu tranh của nhân dân ta là nghệ thuật kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại. Sự kết hợp này không phải là khẩu hiệu, mà đã là một thực tế.

Tính chất chính nghĩa của cuộc đấu tranh của Việt Nam chống Mỹ là nguồn gốc khơi dậy sự ủng hộ quốc tế đối với cuộc đấu tranh của ta. Đường lối và sự chỉ đạo đúng đắn về đối ngoại của Đảng đối với miền Bắc và miền Nam có ý nghĩa quyết định xây dựng mặt trận đoàn kết đấu tranh của nhân dân trong cả nước và huy động tập hợp hết sức rộng rãi các lực lượng yêu chuộng hoà bình, công lý hình thành trên thực tế mặt trận nhân dân thế giới đoàn kết ủng hộ Việt Nam chống Mỹ xâm lược.

Miền Bắc tập trung tranh thủ sự ủng hộ của tất cả các nước xã hội chủ nghĩa, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Ngay cả Liên Xô và Trung Quốc, mặc dù có những bất đồng với nhau, đều dành cho Việt Nam sự giúp đỡ to lớn. Đó là vì chúng ta đã khôn khéo giữ thái độ cân bằng giữa hai nước lớn đồng minh này. Sự ủng hộ to lớn, quý báu, đầy hiệu quả của Liên Xô, Trung Quốc, Cuba và các nước xã hội chủ nghĩa khác đã góp phần quan trọng vào thắng lợi quân sự, thắng lợi ngoại giao cũng như thắng lợi cuối cùng của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Phong trào quốc tế ủng hộ Việt Nam là sức mạnh tạo điều kiện cho chúng ta tiến công kẻ thù trên bàn đàm phán. Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam giương cao khẩu hiệu hoà bình trung lập để tập hợp sự ủng hộ rộng rãi của quốc tế. Nhiều chính phủ đã công nhận về mặt ngoại giao chính phủ cách mạng lâm thời. Cộng hoà miền Nam Việt Nam. Cuộc đấu tranh kiên cường vì độc lập tự do của nhân dân ta đã lay động tình cảm và lương tri của những người yêu chuộng hoà bình, công lý trên thế giới. Nhà văn nữ Thụy Điển Sa-ra Li-man đã ca ngợi Việt Nam là “lương tri của loài người”, “trái tim của nhân loại”.

Lúc đầu người dân Mỹ không quan tâm, thậm chí còn ủng hộ hành động chiến tranh của tổng thống Mỹ. Nhưng sau đó, do nhận ra tính chất phi nghĩa của cuộc chiến tranh do giới cầm quyền Oa-sinh-ton phát động và phản chiến phát triển càng mạnh, đặc biệt là tại các trường đại học Mỹ. Ở Hà Nội, ở Paris và tại nhiều diễn đàn quốc tế, chúng ta tiếp xúc với nhiều đại diện phong trào nhân dân Mỹ chống chiến tranh với phong trào nhân dân thế giới ủng hộ Việt Nam, gây thêm khó khăn cho chính quyền Mỹ ngay trong nước Mỹ.

Chúng ta đã cử nhiều đoàn đi qua các địa phương trong nước Pháp, các nước Tây Âu, Bắc Âu, Châu Phi, Mỹ Latinh, dự các cuộc mít tinh và hội họp “đoàn kết với Việt Nam”. Giải thích chính sách, lập trường của ta nói chung, nhất là phân biệt rõ các thế lực hiếu chiến với nhân

dân Mỹ và coi lính Mỹ là nạn nhân của chiến tranh đế quốc. Chúng ta hết sức coi trọng dư luận và vai trò của giới báo chí. Chính họ đã góp phần làm cho nhân dân các nước hiểu về cuộc chiến đấu của chúng ta, những tội ác tày trời của Mỹ, những cuộc tàn sát, đàn áp, tù đầy đối với những người dân yêu nước. Chúng ta ghi nhớ công lao của giới trí thức các nước đã tạo nên các hoạt động và diễn đàn ủng hộ Việt Nam rất quy mô, đầy tính nhân văn và có tác động lớn như toà án quốc tế Béc-to-răng Rút-xen xử tội ác chiến tranh của Mỹ, hội nghị quốc tế Stóc-khôn ủng hộ nhân dân Việt Nam chống Mỹ (1967). Thời kỳ này, nếu ở Việt Nam chúng ta có thể hệ Hồ Chí Minh thì trên thế giới có “thế hệ Việt Nam”. Nhiều người thuộc thế hệ Việt Nam này hiện nay đang giữ cương vị lãnh đạo nhiều nước trên thế giới và họ luôn tự hào bởi đã là người tham gia phong trào chống chiến tranh Việt Nam.

Trong lúc đang chiến đấu, chúng ta cũng bày tỏ tình đoàn kết ủng hộ các cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân các nước như Cuba, Ni-ca-ra-goa, Nam Phi, Dim-ba-bu-le. Mô-dăm-bích, Ăng-go-la, Na-mi-bi-a, Pa-le-xtin... Điều đó càng gắn kết đấu tranh của nhân dân Việt Nam với các cuộc đấu tranh của nhân dân các nước. Hiện nay, dù chủ nghĩa xã hội có tạm thời thoái lui, ý thức độc lập, tự tôn dân tộc vẫn phát triển. Tình cảm đối với cuộc chiến đấu hy sinh vì độc lập tự do của nhân dân Việt Nam vẫn sâu đậm trong lòng nhân dân thế giới.

Cũng cần khẳng định công lao và đóng góp rất to lớn của việt Kiều yêu nước, đặc biệt là Việt Kiều ở Pháp trong quá trình đàm phán Paris. Bà con Việt Kiều không chỉ tham gia mít tinh, biểu tình ủng hộ các sáng kiến của ta, mà còn thiết thực giúp đỡ cho hoạt động của hai đoàn miền Bắc và miền Nam trong suốt năm năm diễn ra hội nghị.

MỘT VÀI BÀI HỌC

Có thể nói, cuộc đàm phán của ta thắng lợi ở Paris khẳng định đường lối và nghệ thuật đấu tranh ngoại giao tài tình của đường lối chính trị, quân sự của Bác Hồ, của đảng đã đạt đến trình độ cao nhất trong lịch sử từ trước đến nay. Cuộc đàm phán này để lại nhiều bài học cho hiện tại và tương lai của đất nước.

Bài học đầu tiên là phải xác định mục tiêu rõ ràng. Chúng ta kiên định mục tiêu độc lập, thống nhất và tập trung lực lượng của toàn dân tộc thực hiện mục tiêu đó. Mục tiêu đó được Bác Hồ cô đọng lại trong tuyên bố nổi tiếng của người: “Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi”. Xác định rõ mục tiêu rồi còn phải có bước đi, có sách lược uyển chuyển thích hợp. Bước đi đó phải tùy thuộc vào tương quan lực lượng trên chiến trường nhưng cũng phải gắn với tình hình quốc tế, thái độ các nước lớn, phong trào và dư luận nhân dân các nước. Muốn thực hiện mục tiêu trên phải đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào, là giải phóng miền nam, thống nhất nước nhà, nhưng phải đi từng bước, phải “thắng từng bước, đánh đổ từng bộ phận”. Hiệp định Geneve giải phóng nửa đất nước và tạo cơ sở đấu tranh giải phóng dân tộc thắng lợi. Hiệp định Paris làm thay đổi so sánh lực lượng trên chiến trường Việt Nam, tiếp tục làm cơ sở cho việc hoàn thành công cuộc giải phóng dân tộc, thống nhất tổ quốc.

Bài học thứ hai là phải có chính sách độc lập, tự chủ. Đồng chí Lê Duẩn nói: Vấn đề Việt Nam giải quyết không phải chỉ ở Việt Nam mà cả trên trường quốc tế. Chúng ta hiểu ý nghĩa của

các mối quan hệ quốc tế, đặc biệt là quan hệ giữa các nước lớn ảnh hưởng rất lớn đến cuộc kháng chiến của chúng ta, nhưng chúng ta kiên định chính sách độc lập, tự chủ. Chúng ta coi trọng sự giúp đỡ và những ý kiến đóng góp của các nước anh em bè bạn, nhưng chúng ta độc lập quyết định dựa trên yêu cầu của tình hình trong và ngoài nước. Chúng ta trực tiếp đàm phán và giải quyết với Mỹ, không chịu sức ép nào.

Bài học thứ ba là đoàn kết quốc tế. Không chỉ đoàn kết trong nước mà còn cần đoàn kết quốc tế. Hội nghị Paris cho thấy, sự ủng hộ của quốc tế có ý nghĩa như thế nào đối với thắng lợi hội nghị. Điều này khẳng định sự cần thiết hình thành Mặt trận nhân dân thế giới đoàn kết ủng hộ Việt Nam chống Mỹ xâm lược, trong đó vai trò của ngoại giao nhân dân là vô cùng quan trọng. Kinh nghiệm này cho thấy quan tâm đến ngoại giao nhân dân cũng sẽ giúp ta thực hiện thành công những nhiệm vụ của ngày hôm nay.

Cuối cùng, chúng ta cần khẳng định rằng, tuy Bác Hồ sớm ra đi, nhưng toàn bộ quá trình đàm phán Paris là thực hiện phương châm của người: “Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào” và “sẵn sàng trải thảm đỏ nếu Mỹ muốn rút quân”. Đàm phán thành công là nhờ luôn nhận được sự lãnh đạo, chỉ đạo của bộ chính trị ban chấp hành trung ương đảng, đặc biệt là của các đồng chí Lê Duẩn, Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Nguyễn Duy Trinh. Đàm phán thắng lợi là nhờ có sự lãnh đạo trực tiếp, uỷ quyền của các đồng chí Lê Đức Thọ, Xuân Thuỷ.

Nhân dịp kỷ niệm 30 năm ngày thắng lợi của đoàn đàm phán Paris, chúng ta tôn vinh và cảm ơn quân và dân hai miền Nam - Bắc đồng bào và chiến sĩ thủ đô, các vị tướng lĩnh đã anh dũng chiến đấu hy sinh, lập nên những chiến công lẫy lừng, đặc biệt là chiến thắng “Điện Biên Phủ trên không”, tạo điều kiện cho cuộc đàm phán Paris kết thúc thắng lợi. Đây cũng là dịp tốt để chúng ta ghi công những đóng góp của tất cả các đồng chí đã trực tiếp hay gián tiếp tham gia trận chiến trên bàn ngoại giao này. Chính trong trận chiến đặc biệt này, nhiều cán bộ của chúng ta đã được tôi luyện, trưởng thành để sau này trở thành các cán bộ lãnh đạo giữ trọng trách trong các cơ quan của Đảng và Nhà nước.

TÔI ĐI VÀO TRẠI DAVIS

Thiếu tướng Hoàng Anh Tuấn

Nguyên trưởng đoàn đại biểu quân sự chính phủ CMLTCHMNVN trong ban liên hợp quân sự hai bên, nguyên thứ trưởng bộ ngoại giao nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tôi đang công tác ở cục tham mưu quân khu 5 thì Hiệp định Paris được ký. Bộ tư lệnh Quân Khu gọi lên báo đại ý: Hiệp định đã ký được rồi, bây giờ chuyển sang một giai đoạn đấu tranh mới với hình thức mới, quân uỷ trung ương chỉ định anh tham gia công tác Liên hợp quân sự, làm trưởng đoàn đại biểu quân sự Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam trong ban liên hiệp quân sự bốn bên khu vực III đóng tại Plây Cu (Tỉnh lỵ Gia Lai). Công việc này mới mẻ chưa ai quen cứ vừa làm vừa học, chú ý nghiên cứu kỹ các văn kiện đã ký kết và chấp hành đúng sự chỉ đạo của cấp trên. Riêng anh đã từng tham gia Ủy ban liên hợp đình chiến sau hiệp định Geneve chắc cũng đã có ít nhiều kinh nghiệm”.

Duyên nợ cuộc đời đây chăng? Trước đây 19 năm, tháng 7 năm 1954, tôi đã được cử vào đoàn đại biểu bộ tổng tư lệnh quân đội nhân dân Việt Nam trong uỷ ban liên hiệp đình chiến trung ương với ý nghĩa là cán bộ đại diện cho chiến trường Liên khu 5, cũng như anh Đồng Văn Cống đại diện cho chiến trường Nam Bộ (Sau này là thiếu tướng Đồng Văn Cống, Phó tư lệnh Quân giải phóng Miền, sau đó là trung tướng). Uỷ ban liên hợp hồi đó hoạt động thiết thực được 300 ngày, sau khi lực lượng vũ trang hai bên (Quân đội nhân dân Việt Nam và Quân đội liên hợp Pháp) tập kết xong sang hai bên sông Bến Hải tức giới tuyến quân sự tạm thời, thì phía Pháp bắt đầu trở mặt, chây lỳ trong các phiên họp uỷ ban liên hợp không chịu bàn bạc giải quyết vấn đề gì nữa, cuối cùng uỷ ban liên hợp mặc nhiên tan rã. Trước đó tôi được điều trở lại đơn vị chiến đấu, rồi trở về miền Nam tham gia cuộc kháng chiến lần thứ hai đánh Mỹ. Và giờ đây, với một hiệp định mới, với đối phương mới, lại được gọi lại vào công tác liên hợp quân sự.

Đúng vào lúc này, đầu tháng 2 năm 1973, sau tết quý sửu mấy ngày, anh Năm Công (tức đồng chí Võ Chí Công, uỷ viên trung ương Đảng. Phó bí thư trung ương Cục. Bí thư uỷ khu 5) vừa từ Hà Nội vào triệu tập cuộc họp cán bộ cao cấp quân - dân - chính - đảng để phổ biến nghị quyết nóng hổi của bộ chính trị về Hiệp định Paris. Nghị quyết đánh giá ý nghĩa thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ và của hiệp định Paris phân tích các nguyên nhân thắng lợi dự kiến khả năng diễn biến tình hình, xác định nhiệm vụ cách mạng của cả nước và của từng miền Nam, Bắc trong giai đoạn mới, các nguyên tắc và quan điểm cần nắm vững trong mọi tình hình, các công tác lớn trong thời gian sắp tới. Chính cuộc họp quan trọng này đã trang bị cho tôi những nhận thức và quan điểm cơ bản về tình hình và nhiệm vụ mới, giúp chúng tôi sau này trong hoàn cảnh đơn độc xa sự chỉ đạo trực tiếp của cấp trên, có đủ bản lĩnh chủ động xử lý đúng hướng một số tình huống gay cấp mà không chờ được chỉ thị cụ thể.

Sau cuộc họp tôi cùng các bộ phận trong đoàn khu vực III hành quân đến căn cứ Trà My (thuộc tỉnh Quảng Nam) chờ lệnh đi Plây Cu. Chờ mãi hết tháng 2 đến tháng 3 năm 1973 vẫn không thấy lệnh. Sau này mới biết là, kịp thời rút kinh nghiệm về việc địch cho tổ chức hành hung cán bộ ta vào làm nhiệm vụ liên hợp ở một số nơi như Huế, Buôn Mê Thuột, Bảo Lộc (Lâm Đồng) Quân uỷ trung ương quyết định đình chỉ không cho triển khai tiếp các tổ địa phương nữa. Thượng tuần tháng 3 năm 1973, tôi được điện chỉ thị: Tách khỏi đoàn, đi ngay lên đường dây 559 sẽ được sắp xếp đi vào Lộc Ninh nhận nhiệm vụ mới. Thế là tôi rời đoàn, rời chiến trường khu 5 đã bao năm gắn bó. Đi gần một tuần đến binh trạm 34. Đến đây gặp lại anh Nguyễn Lang, Đại tá phó tư lệnh đoàn 559. Là bạn chiến đấu cũ ở trung đoàn 108 chủ lực liên khu 5 thời kỳ kháng chiến chống Pháp. Đường 559 từ trước đó khá lâu đã bảo đảm cho xe vận tải vào ra tấp nập chở quân, chở vũ khí đạn dược, lương thực cho các chiến trường. Nó còn được gọi là đường Trường Sơn, đường Hồ Chí Minh. Vào khỏi Quảng Bình trên cơ sở thoả thuận với lãnh đạo kháng chiến của hai nước bạn, nó dọc theo phía đông của Hạ Lào và Đông Bắc Cam-pu-chia đến B3 (Mặt trận Tây Nguyên). Anh Lang xếp cho tôi một chiếc xe con Bắc Kinh, bố trí đi khắp ngày đêm, thay lái xe từng trạm. Biên giới giữa Lào và Cam-pu-chia ở đây là con suối Tà Ngân. Nó chỉ là một suối cạn tương đối rộng nhưng ít nước, xe qua lại không phải bắc cầu. Đây là một trong những điểm bị máy bay Mỹ đánh phá ác liệt, xơ xác từng mét rừng, từng tác đất. Sau này ở Tân Sơn Nhất nghe Trần Thị Tuyết ngâm:

“Tà Ngân trong vắt mắt gương

Xôn xang trông lửa chiến trường mà cay”...

Hoá ra mấy tháng sau, anh Tổ Hữu cũng vượt ngàn dặm nước non theo đúng con đường tôi đã đi, và cũng có cùng cảm xúc. Xe tôi không rẽ xuống B3 mà lên nhập vào quốc lộ 13 của Cam-pu-chia đi tiếp. Một đêm vào khoảng hơn ba giờ sáng đến một trạm 559 tại Stung-treng tỉnh Ly Ra-ta-na-ki-ri. Anh em đưa tôi vào phòng khách bảo ngồi nghỉ tạm giây lát, sẽ gặp thủ trưởng cấp trên, vì đã được dặn là bất cứ lúc nào tôi đến là phải gọi ngay đồng chí ấy đây. Chỉ mấy phút sau cả anh Mười Khang (tức trung tướng Hoàng Văn Thái) và anh Sáu Dân (đồng chí Võ Văn Kiệt)⁽ⁱⁱⁱ⁾ từ phòng ngủ ra tiếp tôi. Hai anh trên đường ra họp trung ương tính toán sẽ gặp tôi tại đâu để giao nhiệm vụ. Các anh đã biết tôi từ trước nên tôi cũng không ngỡ. Anh Mười Khang nói ngắn gọn đại ý: “Quân Mỹ sắp rút hết, ban liên hợp quân sự bốn bên sắp hết hạn, trung ương quyết định rút anh Trà về lại chỉ huy chiến trường, cử anh vào thay anh ấy tại ban liên hợp quân sự hai bên trung ương. Anh sẽ lấy tên mới là Hoàng Anh Tuấn, với cấp quân hàm thiếu tướng (theo nghị định thư được ký ở Paris thì trường đoàn các bên liên hợp quân sự phải là cấp tướng). Tóm tắt là thế còn nhiệm vụ cụ thể và cung cách làm ăn thì vào trong ấy anh Trà sẽ phổ biến. Thời gian gấp lắm rồi, cần đi suốt ngày đêm cho kịp. Chỉ vèn vèn trong mấy phút tôi được giao một nhiệm vụ mới mẻ, nặng nề, và chắc là khó khăn (hai năm ở uỷ ban liên hợp thời Geneve với cương vị khác nhau chẳng để lại kinh nghiệm gì phong phú lắm đâu). Anh Mười hỏi có gì cần hỏi thêm, có gì thắc mắc không, tôi đáp “đã rõ, xin chấp hành”. Thế là hai anh bắt tay tôi, chúc “Tiếp tục lên đường mạnh khỏe, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hẹn sớm đến ngày gặp lại”. “May” là lần này chỉ mất hơn hai năm chứ không phải là 21 năm như từ ngày ký hiệp định Geneve.

Tôi lại lên đường ngay từ đây do cục hậu cần Miền phụ trách và phải đổi phương tiện. Không đi ô tô nữa mà chuyển sang “xe ôm”. Tôi được đem theo một đồng chí cần vụ và một quân y sĩ⁽ⁱⁱⁱ⁾ và thế là đoàn chúng tôi sáu xe honda (loại đời 64-66): 1 xe đồng chí tổ trưởng dẫn đầu, ba xe của ba anh em chúng tôi và hai xe trở vali và đồ đạc. Tất cả trang bị vốn có từ kháng chiến đều được mang theo, trừ cái gậy của tôi. Ôi, tiếc chiếc “gậy Trường Sơn” trong bao nhiêu năm đã giúp cho đôi chân và con mắt khắp khiêng của tôi lên núi xuống đồng, trèo đèo lội suối đi ngày đi đêm. Anh em vệ binh đã luôn tìm cách tìm khắp cánh rừng Đồng Làng (phía tây huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam), kiếm được một cây rất thẳng, tuổi già mà thân lại vừa cầm nắm tay, vừa cứng vừa dẻo, anh em còn cẩn thận vạt nhọn chân gậy và bịt đồng để khỏi mòn. đành phải để lại, chỉ cố giữ hình ảnh nó trong một phần sâu thẳm ký ức thôi.

Chúng tôi theo đường 13, đến khoảng giữa tỉnh Mon-đôn-ki-ri thì rẽ về Mi-mốt (vẫn còn thuộc đất Cam-pu-chia). Đến đâu gặp lại anh Mười Tân, phó chủ nhiệm hậu cần Miền, cũng là bạn chiến đấu cũ quen nhau từ năm 1964, cũng say ngất xỉu trong một bữa liên hoan do bộ chỉ huy Miền chiêu đãi đoàn anh Tư Thuận (tức đồng chí Nguyễn Đức Thuận, sau này là uỷ viên trung ương Đảng. Chủ tịch tổng công đoàn Việt Nam, đã qua đời). Các anh vừa được chính quyền mới của Sài Gòn trả tự do từ chuồng cọp Côn Đảo sau cuộc đảo chính lật đổ chính quyền Ngô Đình Diệm. Mười Tân vẫn Lùn, vẫn dí dỏm nhưng mập và già hơn nhiều (gần 10 năm rồi). Anh xếp cho tôi đi ngay về Lộc Ninh, với một tổ Honda khác. Lộc Ninh thuộc tỉnh Bình Long, nay là

Bình Phước) đã được giải phóng từ đầu năm 1972 trong chiến dịch Nguyễn Huệ cùng một số khu vực rộng lớn nối liền nhau giữa các tỉnh Bình Long, Bình Dương và Tây Ninh, liền biên giới với Cam-pu-chia.

Có ai biết được lịch sử xe ôm có từ lúc nào và trong hoàn cảnh nào không? Riêng với tôi có lẽ là từ thời kỳ này đây, một sáng kiến tuyệt vời của cục hậu cần Miền, một phương tiện vận tải vô cùng linh hoạt, luồn lách được qua mọi nẻo đường rừng.

“Chú lái trước anh ngồi sau

Rừng cao su ngát một màu xanh

Xe bay nghiêng gió dạt cành,

Đã quen lối tắt đường quanh hiểm nghèo.

Tới đâu anh cũng bám theo.

Áo bà ba mũ tai bèo chú em!...”

Một buổi sáng đến một con suối hẹp nhưng sâu, có cây cầu gỗ bắc qua dài khoảng 5 mét. Anh em cho biết: Đây là biên giới, bên kia là Tổ quốc rồi. Trước đây, khoảng cuối năm 1965, tôi đã từng hoạt động phía biên giới tỉnh Phước Long (nay là Bình Phước), hàng ngày vẫn lội qua lội lại sông Đắc - Huýt, ngày “trở về Tổ quốc” hoạt động, đêm “sang nước bạn” ngủ nhờ nên lần nào qua cầu biên giới Bình Long chỉ có một cảm giác nhẹ nhàng, nhưng Tổ Hữu lại khác, anh đã ghi nhận một cách sâu sắc:

“... Đơn sơ một khúc cầu con

Một khe suối nhỏ cũng hồn quê ta

Ôi gò đất mịn son pha,

Thắm tươi dòng máu ông cha bao đời!”...

Qua Lộc Ninh anh em chở chúng tôi đi thẳng về căn cứ Bộ chỉ huy Miền ở Tà Thiết. Đầu tiên gặp anh Hai Nhã (tức Lương Văn Nho) Tham mưu phó Miền^(iv). Thủ trưởng cơ quan 315 là đơn vị đặc trách giúp Quân uỷ và bộ chỉ huy Miền theo dõi chỉ đạo các đơn vị các đơn vị làm công tác liên hợp quân sự trong vùng địch thuộc phạm vi quản lý của Miền. Anh Hai Nhã đưa tôi đến gặp anh Chín Vinh tức đồng chí Trần Độ, Phó chính uỷ Miền^(v). Anh tiếp tôi niềm nở, thông báo khái quát tình hình thắng lợi ở các chiến trường, nói chuyện tình cảm (anh cũng đã biết tôi từ 1964, hồi đó anh vào đến cơ quan Bộ chỉ huy Miền thì tôi đang công tác ở phòng tác chiến), còn nhiệm vụ mới thì vào trong ấy đã có anh Tư Nguyễn (tức trung tướng Trần Văn Trà).

Anh Hai Nhã gấp rút thu xếp cho tôi đủ các trang bị tối thiểu cần thiết cho tư thế hình thức của một cán bộ đi đấu tranh ngoại giao, từ quần áo giày mũ cho đến đôi tất, cặp kính mát và cả cái mùi xoa nữa, phải chạy ngược chạy xuôi rất chật vật vì không dự kiến trước, có cái mới cái cũ nhưng rồi cũng ổn cả. Riêng quân phục không có sẵn, anh lấy hết đưa cho tôi hai bộ bằng hàng tê-tô-rông của anh mới may, chỉ cái tội là bụng anh to hơn bụng tôi nhiều nên quá thụng thính, lại

phải điều thợ may đến sửa cấp tốc xong cho tôi ngay trong ngày. Tình cảm của tôi đối với anh càng thêm sâu đậm.

Sáng ngày 23 tháng 3 năm 1973 chúng tôi được ra Lộc Ninh -khoảng 9 giờ sáng hai máy bay lên thẳng từ hướng nam bay đến, trung tá Khúc Đình Bính sĩ quan liên lạc được cử ra đón^(vi). Khoảng 10 giờ chúng tôi đến sân bay Tân Sơn Nhất thuộc khu quân sự không có máy bay dân dụng và hành khách, chỉ thấy vô số lính quân cảnh, tuần cảnh và xe quân sự. Phải chờ khoảng 15 phút mới có xe của đoàn ta từ “Trại Davis” ra đón. Trong thời gian đó không biết bao nhiêu người cầm máy ảnh đến bao quanh và chụp ảnh chúng tôi, nhất là tôi, bấm máy lách cách liên tục với tất cả các góc độ có thể. Có người mặc quân phục có người thường phục, nhưng qua thái độ và cử chỉ thì có lẽ hầu hết là quân lính. Đây là lần đầu tiên tôi tiếp cận môi trường đối phương, và cảm xúc đầu tiên là một ấn tượng mạnh mẽ sâu sắc - mặc dù đã được báo và chuẩn bị tư tưởng từ trước - về phong cách xử sự kém văn minh lịch sự, kém văn hoá của một đội quân tay sai đế quốc Mỹ.

Thiếu tá Nguyễn Ngọc Diễm^(vii) chánh văn phòng đoàn đón chúng tôi về doanh trại, đường xe đi chừng năm sáu trăm mét nhưng sau này mới biết thực ra chỉ cách một khoảng sân bê tông, một bức tường ngăn và mấy dây hàng rào bùng bùng.

Và thế là trưa thứ sáu ngày 23 tháng 3 năm 1973 tôi đã đến “ Trại Davis”, từ đây gắn cuộc đời chiến đấu của mình vào nhiệm vụ mới liên tục cùng với các đồng chí và anh chị em khác cho đến ngày quân đội ta vào chiếm lĩnh Tân Sơn Nhất và Sài Gòn, thật sự và hoàn toàn giải phóng miền Nam. Chỉ hơn hai năm mà thấy nó dài hơn 12 năm lẫn lộn khắp chiến trường.

Tôi được gặp ngay anh Trà và anh Hoà^(viii) hai anh tiếp tôi niềm nở, thân tình, cùng với các đồng chí khác trong hai bên lãnh đạo hai đoàn. Anh Trà là thủ trưởng cũ từ năm 1964 rồi, anh Hoà thì lần đầu gặp ở đây, nhưng trong hoàn cảnh đặc biệt này thấy thân thiết ngay. Tôi lần lượt gặp chào tất cả các đồng chí các bộ chiến sĩ hai đoàn, bạn bè thân quen cũ cũng nhiều và cũng không ít người chưa biết mặt mà cũng lạ thay, đều cùng mừng rỡ chan hoà ngay không hề phân biệt. Đối phương bố trí cho cả hai đoàn ta cùng chia nhau ở chung một khu doanh trại, lại là doanh trại của một đơn vị cơ sở, hầu hết tiện nghi đều công cộng, đây là một dụng ý xấu của cả Mỹ và chính quyền Sài Gòn, chưa kể việc doanh trại này còn nằm sâu trong khu căn cứ quân sự xa phố xá và nhân dân. Nhưng họ không hiểu được rằng đây lại là một điều hay, rất hay. Hai đoàn ta cùng chung một cội nguồn, nhằm chung một cái đích, được ở cùng nhau một chỗ là vô cùng thuận lợi, tuy hệ thống tổ chức và chỉ đạo nội bộ khác nhau nhưng là một khối thống nhất, hai mà là một, một lại là hai, đối phương và mọi luồng dư luận đều thấy mà chẳng làm gì chia rẽ được. Giả dụ họ khôn hơn, xếp cho mỗi đoàn ở một nơi cách xa nhau, dù tiện nghi có sang trọng thoả đáng đến mấy thì sự phối hợp hành động cũng chắc chắn sẽ khó khăn trở ngại hơn nhiều. Tôi vào “ Trại Davis” 5 ngày trước khi ban liên hợp quân sự bốn bên kết thúc nhiệm vụ. Tôi được dự ba phiên họp cuối cùng của ban liên hợp quân sự bốn bên trung ương, được trung tướng Trần Văn Trà giới thiệu tướng phó trưởng đoàn đại biểu quân sự Chính phủ cách mạng lâm thời (bổ sung thêm với ba phó trưởng đoàn đã có). Ngày 28 tháng 3 năm 1973, trong cuộc họp cuối cùng thiếu tướng Lê Quang Hoà (chủ vị theo chế độ luân phiên) tuyên bố ban liên hợp quân sự bốn bên đã hoàn thành sứ mạng giải thể.

Sáng thứ năm 29 tháng 3 năm 1973, ban liên hợp quân sự hai bên trung ương họp phiên đầu tiên, đoàn ta vẫn do trung tướng Trần Văn Trà làm trưởng đoàn, các phó trưởng đoàn là tôi thiếu tướng Hoàng Anh Tuấn, đại tá Võ Đông Giang (cũ), đại tá Bùi Thanh Khiết (mới) đại tá Nguyễn Văn Sĩ (mới)^(ix). Phiên họp này quyết định thành lập các tiểu ban để giúp hai trưởng đoàn trong từng lĩnh vực cần giải quyết theo quy định của hiệp định. Khởi động bộ máy mới xong, anh Trà coi như hoàn thành nhiệm vụ ở đây, giao công việc lại cho tôi và chuẩn bị ra đi. Anh cũng chẳng giao dân gì nhiều và cụ thể, triệu tập các đồng chí trong ban lãnh đạo đoàn lại, bảo “công việc mới mẻ và phức tạp lắm, kẻ địch thì tráo trở và ngoan cố, luôn tìm cách vi phạm, tuy nhiên những kẻ yêu cầu bức thiết của ta đã đạt được: Tổng hết quân Mỹ ra khỏi miền Nam rồi, nhận lại một số lớn cán bộ chiến sĩ ta bị bắt. Bây giờ anh em hãy đoàn kết bàn bạc tập thể với nhau và làm, phối hợp chặt chẽ với các đồng chí đoàn A (tức đoàn đại biểu quân sự chính phủ Việt nam dân chủ cộng hoà trong tổ liên hợp quân sự bốn bên), cố đấu tranh đòi thực hiện tiếp một số điều khoản quan trọng nữa, đặc biệt chú ý: Duy trì ngừng bắn, trao trả nhân viên, dân sự (tù chính trị), phân định vùng kiểm soát, đồng thời đẩy mạnh đấu tranh dư luận, tranh thủ uỷ ban quốc tế, tố cáo mạnh mẽ địch vi phạm hiệp định, phối hợp tốt đấu tranh dư luận với hoạt động của chiến trường. Giữ đều liên lạc với hậu phương (cả Hà Nội và Miền) để báo cáo, nhận thông báo tình hình và chỉ thị”.

Sau khi khéo thu xếp khắc phục được khó khăn và sự tế nhị về việc anh Trà trở về luôn chiến trường mà không để cho địch biết được ý định của ta, sáng 30 tháng 3 năm 1973, đoàn Việt Nam dân chủ cộng hoà cùng thiếu tướng Lê Quang Hoà cũng lên máy bay Mỹ trở về Hà Nội, để lại một bộ phận tham gia tổ liên hợp quân sự bốn bên phụ trách điều 8b của hiệp định về “tìm kiếm người chết và mất tích”.

Đầu tháng 5 năm 1973, tôi nhận được giấy uỷ nhiệm của chủ tịch chính phủ cách mạng lâm thời cộng hoà miền Nam Việt Nam cử làm trưởng đoàn. Tôi tham gia ban liên hợp quân sự hai bên vào lúc ban liên hợp quân sự bốn bên giải thể, cũng là thời điểm mà việc thi hành tương đối có hiệu quả hiệp định Paris (tuy cũng chỉ được vài điều khoản nhưng là những điều khoản rất quan trọng) coi như cơ bản kết thúc, Mỹ đạt được hai yêu cầu bức thiết là rút quân gọn, an toàn và nhận lại hết người của họ bị bắt. Từ nay Mỹ không còn gì thúc bách nữa nên họ khuyến khích hoặc làm ngơ cho nguy quyền Sài Gòn phá hoại hiệp định. Ta đấu tranh đòi được việc phía Sài Gòn cùng bàn bạc thực hiện một số đợt trao đổi nhân viên dân sự (tù chính trị) trong năm 1973 và đầu năm 1974, nhân việc chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà cho Mỹ nhận 23 bộ hài cốt Mỹ vào tháng 3 năm 1974. Về các mặt khác, lúc đầu đoàn Sài Gòn làm ra vẻ cũng muốn thi hành hiệp định, cũng nêu một số vấn đề thảo luận, nhưng chỉ là những trò giả tạo, nghi binh cho các hành động chiến tranh của họ trên chiến trường.

Theo từng bước chỉ đạo của cấp trên, dần dần nhiệm vụ chủ yếu của chúng tôi tập trung vào đấu tranh tranh thủ dư luận, phát huy cuộc đấu tranh này trên cả 3 mặt trận địa:

- Tại các phiên họp của ban liên hợp quân sự.
- Trong quan hệ với uỷ ban quốc tế
- Trong tiếp xúc với các nhà báo quốc tế và các cuộc họp báo hàng tuần.

Cuộc chiến đấu không súng đạn này thật gian truân vất vả, lắm lúc dễ gây chán nản, không tránh khỏi đôi khi nuối tiếc đời hoạt động sôi nổi ở chiến trường, nhất là từ sau khi giải phóng Buôn Ma Thuột.

“Đã hay đâu cũng say tiền tuyến

Mà vẫn bắn khoản mộng chiến trường” mà!

Phải, tự động viên mình, động viên lẫn nhau, làm công tác tư tưởng với cả đơn vị để giữ vững quyết tâm trên mặt trận mới, quán triệt yêu cầu nóng bỏng của cách mạng là phải tranh thủ cho được sự đồng tình ủng hộ hoặc ít nhất cũng là sự chấp nhận của dư luận thế giới đối với tình thế bất đắc dĩ buộc ta phải kiên quyết đánh trả các hành động chiến tranh của nguy quyền nguyên Văn Thiệu. Đáng phấn khởi là, với trận quyết chiến lược tiến tới hoàn toàn giải phóng miền Nam ngày 30 tháng 4 năm 1975, các tin tức được phát đi từ Sài Gòn đã ghi nhận và nêu bật khá khách quan thắng lợi cuối cùng của cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân ta, không còn chuyện vạch lá tìm sâu như buổi ban đầu trước đó hai năm nữa.

Ba năm đã đi qua từ thắng lợi cách mạng tháng 5 năm 1975, với hai cuộc kháng chiến lâu dài gian khổ, hai hiệp định đình chiến và một trận quyết chiến lược cuối cùng.

Hiệp định Geneve kết thúc tháng 9 năm kháng chiến chống pháp đã giải phóng được gần nửa đất nước. Hiệp định được thi hành thuận lợi trong 300 ngày. Sau khi việc tập kết quân sang hai bên giới tuyến quân sự tạm thời được hoàn thành thì Pháp phui tay, lặng lẽ rút lui nhường miền Nam cho Mỹ xây dựng, viện trợ tiền của và vũ khí ngày càng mạnh lên và xé bỏ hiệp định Geneve trong khi miền Bắc mới bắt đầu xây dựng.

Phải mất 5 năm, đến 1959 Đảng mới có được nghị quyết trung ương 15 khẳng định sự nghiệp giải phóng miền Nam chỉ có thể thực hiện được bằng sự bạo lực cách mạng.

Đánh Mỹ và chế độ nguy quyền Sài Gòn tay sai Mỹ khó khăn ác liệt hơn chống Pháp bội phần. Phải đánh liên tục 13 năm (từ 1960 đến 1973) với phương châm đẩy lùi địch từng bước giành thắng lợi từng phần mới đi đến hiệp định Paris.

- Năm năm đánh bại chiến tranh đặc biệt với quân nguy và tiền bạc vũ khí cùng cố vấn Mỹ.

- Mỹ phải đưa quân vào trực tiếp tiến hành chiến tranh cục bộ, trong 3 năm đã đưa tổng lực lượng đến hơn nửa triệu quân Mỹ, hơn mười vạn quân 5 nước đồng minh của Mỹ cùng 1,2 triệu quân nguy. Sau 3 năm làm thất bại 4 chiến dịch phản công tổng lực của cả quân Mỹ nguy và chư hầu, đòn tập kích chiến lược Tết Mậu Thân 1968 đã buộc Mỹ phải xuống thang chiến tranh, ngồi vào bàn đàm phán, và đã thúc đẩy quá trình đánh bại ý chí xâm lược của Mỹ.

Gần 5 năm vừa đánh vừa đàm đã đưa đến sự thoả thuận về toàn bộ nội dung hiệp định, nhưng cũng phải đến sau trận Điện Biên Phủ trên không Hiệp định Paris mới được ký kết.

Hiệp định Paris đánh dấu một bước thắng lợi rất to lớn, một bước ngoặt, thực hiện trọn vẹn yêu cầu “đánh cho Mỹ cút”, làm thay đổi cơ bản so sánh lực lượng giữa ta và địch. Nhưng hiệp định Paris cũng chỉ được thực hiện trong 60 ngày.

Phải hơn hai năm nữa và cũng phải thông qua bạo lực cách mạng mới quét sạch đến tận xâm lược cuối cùng, giải phóng hoàn toàn miền Nam tiến tới thống nhất tổ quốc.

Công lao vĩ đại thuộc về các lực lượng vũ trang trùng điệp của cả nước. Lực lượng cán bộ chiến sĩ và cán bộ nhân viên dân sự tham gia đấu tranh liên điệp của nhà nước. Lực lượng cán bộ chiến sĩ và cán bộ nhân viên dân sự tham gia đấu tranh liên hợp quân sự cả bốn bên và hai bên, cả các đoàn miền Bắc và miền Nam trước sau vền vẹn không đến 500 người cũng đã góp phần tích cực của mình trên mặt trận khá độc đáo: Chính thức công khai đại diện cho chính quyền và quân đội cách mạng đứng sâu trong trung tâm đầu não của địch cho đến ngày cuối cùng để bảo vệ lẽ phải, bảo vệ chính nghĩa của công cuộc chiến đấu vũ trang “đánh cho ngụy nhào”, thực hiện mục tiêu độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước mà hiệp định Paris đã công nhận.

ĂN TẾT TRONG TRẠI DAVIS

Thượng tướng TRẦN VĂN TRÀ

Nguyên là Trưởng đoàn đại biểu quân sự chính phủ cách mạng lâm thời cộng hoà miền Nam Việt Nam trong ban liên hợp quân sự bốn bên.

Thượng tướng đã đi xa, chúng tôi xin giới thiệu với bạn đọc bài “Ăn tết trong trại Davis” của thượng tướng viết năm 1995.

Đây là một cái tết rất đặc biệt, cả đời người hẳn chỉ có một lần. Đó là cái tết Quý Sửu năm 1973 của tôi.

Ngày 27 tháng 1 năm 1973. Hiệp định Paris được ký kết quy định thành lập ban liên hợp quân sự bốn bên. (Mỹ - ngụy Sài Gòn, Việt Nam dân chủ cộng hoà và cách mạng lâm thời chính phủ miền Nam Việt Nam) để bàn việc thi hành hiệp định. Tôi được quyết định làm trưởng đoàn quân sự chính phủ cách mạng lâm thời cộng hoà miền Nam Việt Nam. Hai đoàn quân sự của ta do Mỹ đón bằng máy bay và trực thăng từ Hà Nội vào Lộc Ninh vào Sài Gòn để ăn và họp ở đây, tại trại lính cũ - trại Davis, trong sân bay Tân Sơn Nhất. Tuy tới chậm theo quy định theo quy định nhưng đến ngày 1-2 chúng tôi đủ mặt để ngày 2 tháng 2 họp phiên đầu. Mỹ đòi họp tiếp ngày 3-2 nhưng tôi phản đối và cả đoàn Việt Nam dân chủ cộng hoà và ngụy quyền Sài Gòn cũng đồng tình thống nhất là phải nghỉ ngày ấy vì là ngày 1 tết âm lịch là tết truyền thống của dân tộc Việt Nam ta. Mỹ phải chịu.

Đoàn chính phủ cách mạng lâm thời cộng hoà miền Nam Việt Nam đã ăn tết trước ở Lộc Ninh rồi, nhưng vì sau bao năm chiến tranh, lần đầu tiên sống ở đất Sài Gòn thân yêu của mình, chúng tôi muốn được tận hưởng những phút bình yên nhất bên cạnh tách trà và một ít bánh mứt

đem theo, để nhớ công đức ông cha đã tạo dựng được xứ sở đẹp đẽ này mà ta sẵn sàng đem xương máu ra giữ nó.

Đêm giao thừa, chúng tôi chúc tết lẫn nhau, cả hai đoàn, miền Bắc, miền Nam xen kẽ. Một không khí đầm ấm vui tươi. Một xã hội còn con chan hoà tình cảm, thống nhất tâm tư, trong vòng thành và lô cốt bảo vệ của kẻ địch. Mùi khói thuốc “Thăng Long” quện với hương cà phê Lộc Ninh ngọt ngào lan toả - nhưng cả trại chỉ có một gốc đào Ngọc Hà cười máy bay C.130 và một cành mai vàng mang trên trục thăng từ rừng căn cứ. Đủ lắm rồi hương vị một mùa xuân!

Từ một góc nào đó anh em đã mở nghe đài tiếng nói Việt Nam, một giọng thơ ngân dài:

“ Ta lại về ta, những đứa con

Máu hoà trong máu, đỏ như son

Sài Gòn ơi, Huế ơi! Xin đợi

Tái hợp huy hoàng, cả nước non!”

Khoảng 3 giờ sáng ngày 1 tết, tôi đang ngủ say thì bị lay dậy báo cáo: “địch đang uy hiếp bằng trục thăng vũ trang và bao vây bằng xe bọc thép, ta phản đối với sĩ quan liên lạc nhưng không có kết quả mà địch càng lồng lộn điên cuồng”. Hồi rõ đầu đuôi tôi mới biết rằng, một đồng chí thông tin của đoàn anh Hoà cao hứng treo cờ đỏ sao vàng trên cột ăng ten để ăn tết. Toàn bộ các vọng gác của địch xung quanh rộn rịp. Bốn trục thăng quần đảo, rà soát gầm rú trên nóc nhà, chiếu đèn pha vào trại sáng rực. Ngoài cổng 6 chiếc xe tăng bọc thép rít bánh sắt xuống đường, các xe lớn đồ quân bao vây trại, súng ống cắm lười lê sáng loà. Xe quân cảnh rú còi inh ỏi. Tất cả náo động một vùng như có một trận đánh lớn.

Đôi bên đang thảo luận về các thủ tục như dùng cờ, giấy chứng minh đi lại, v v... chưa ngã ngũ... Vì vậy thấy cờ đỏ sao vàng xuất hiện chúng hốt hoảng phản ứng mạnh đòi rút cờ. Anh em ta thì cứng ngắt không nghe.

Tôi phải gặp anh Hoà thuyết phục: Chưa nhất trí thì không treo cờ. Chúng đã cứng ta phải mềm mà xử, chúng như lửa ta lấy nước mà dập tắt. Đây chỉ là chuyện nhỏ, nhân nhượng một chút không là gì cả. Thi hành hiệp định như ngừng bắn... mới là chuyện lớn cần giữ vững nguyên tắc. Nghe ra anh em ta rút cờ. Thế là mọi việc êm thấm. Chúng rút lui mọi lực lượng. Không khí trở lại yên bình để anh em vui tết trọn vẹn ngày mừng 1.

Qua ngày sau họp 4 trưởng đoàn, 2 trưởng đoàn ta phản kháng mạnh mẽ. “Các ngài quen dùng vũ lực tàn bạo để đe dọa những kẻ yếu bóng vía. Bom đạn của Mỹ nhiều thật nhưng đã bắt lực rồi, chúng tôi vào đây chỉ để nói chuyện hoà bình hoà giải, không phải để chiến đấu. Các ngài có biết rằng nếu quân giải phóng chúng tôi, chỉ quan sát Sài Gòn đây thôi, biết rằng các ngài đón khách kém văn hoá, kém văn minh, láo xược và thô bạo như vậy thì sẽ nghĩ và làm gì không?”

Tướng Út-uốt, Trưởng đoàn Hoa Kỳ, giả hay thật không rõ, tỏ ra ngơ ngác không biết có chuyện xảy ra, ngó qua Ngô Dzu, trưởng đoàn nguy Sài Gòn. Du lúng túng đổ cho lực lượng sân bay của không quân vì họ có trách nhiệm bảo vệ. Để qua đi sự việc này, tôi nhấn mạnh chúng tôi yêu cầu những hành động khoa trương sức mạnh súng đạn không bao giờ xảy ra nữa.

Chúng tôi ăn tết Quý Sửu năm 1973 giữa Sài Gòn trong vòng vây của địch như vậy đó. Vừa đánh địch đau đặng ở chiến trường nay vào tận sào huyệt của chúng nói chuyện hoà bình. Chúng tức khí đầy thôi. Kẻ địch đã mê muội không hiểu ngay sức lực của mình, không hiểu cha đỡ đầu Hoa Kỳ đã mất hết ý chí xâm lược. Vì vậy chúng ta phải tạo ra những mùa xuân thực sự hoà bình và hạnh phúc, những mùa xuân rực rỡ sau 30 tháng 4.

Xuân năm 1995

TRẦN VĂN TRÀ

HỒI ỨC CỦA ĐOÀN HUYÊN

Thiếu tướng Đoàn Huyền là thành viên Đoàn đại biểu Chính phủ Cách mạng lâm thời tại Hội nghị Paris về Việt Nam và là Phó trưởng đoàn đại biểu quan sự Chính phủ Cách mạng lâm thời trong Ban Liên hợp quân sự bốn bên và hai bên tại “Trại Davis”.

Đồng chí đã đi xa, chúng tôi xin trích đăng phần nói về thời kỳ đầu tranh thi hành Hiệp định Paris trong bài “Hồi ức của nhà quân sự” đã in trong tập sách “Mặt trận Dân tộc giải phóng. Chính phủ Cách mạng lâm thời tại Hội nghị Paris về Việt Nam”

TIỀN VỀ SÀI GÒN

Đầu năm 1973, khi Hiệp định Paris có triển vọng sắp được ký kết, tôi nhận được quyết định làm Phó trưởng đoàn quân sự Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng Hoà miền Nam Việt Nam, từ Paris về Sài Gòn tham gia Ban Liên hợp quân sự bốn bên để đấu tranh thi hành Hiệp định.

Đối với tôi đây là một vinh dự và niềm vui lớn. Không chỉ vì nguồn vui chung được “đánh cho Mỹ cút” và nay bước sang “đánh cho nguỵ nhào”, mà còn vì một lẽ riêng đặc biệt sâu sắc: đây là lần thứ hai tôi được nhận nhiệm vụ Nam tiến, trở lại mảnh đất Sài Gòn thân yêu - sau gần mười nghìn ngày kháng chiến liên tục, kể từ trận chiến đầu đầu tiên tại cầu Bình Lợi ngay ở cửa ngõ Sài Gòn, cùng đơn vị Giải phóng quân Thuận Hoá và Chi đội 3 Nam Long, sau ngày 23 tháng 9 năm 1945 mở đầu cuộc kháng chiến chống Pháp của quân dân Nam Bộ.

Đoàn đại biểu quân sự Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam do Trung tướng Trần Văn Trà, Tư lệnh Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam làm trưởng đoàn, hình thành từ ba nguồn: từ vùng giải phóng Lộc Ninh) ra, từ Paris về và Hà Nội vào.

Sáng ngày 27 tháng 1 năm 1973, cũng là lúc lễ ký kết chính thức Hiệp định Paris diễn ra giữa các Bộ trưởng Ngoại giao bốn bên tại Trung tâm Hội nghị quốc tế Klê-béc (Paris), tôi đáp máy bay về thẳng Sài Gòn cùng một số sĩ quan và phiên dịch để kịp họp cấp phó trưởng đoàn chuẩn bị cho việc triển khai Ban Liên hợp quân sự bốn bên, như đã thoả thuận giữa các trưởng đoàn bốn bên tại Hội nghị Paris. Một bộ phận của Phái đoàn Việt Nam dân chủ cộng hoà do Đại tá Lưu Văn Lợi, chuyên viên cấp cao, dày dặn kinh nghiệm ngoại giao, được chỉ định làm Phó trưởng đoàn đại biểu quân sự Việt Nam dân chủ cộng hoà dẫn đầu cũng từ Paris về. Theo sự thoả

thuận với phía Mỹ ở Paris, một trung tá Mỹ chịu trách nhiệm hướng dẫn và hộ tống cả hai đoàn về trại Davis, trụ sở chung của Đoàn đại biểu quân sự Chính phủ Cách mạng lâm thời và Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà trong khu vực Tân Sơn Nhất. Cùng đi còn có Phó trưởng đoàn Ba Lan trong Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát.

Trưa 28 tháng 1 năm 1973, đến Băng Cốc, tạm nghỉ tại sân bay, có một đại diện Bộ Ngoại giao Thái Lan ra đón. Chiều hôm ấy, một máy bay quân sự của Mỹ đưa chúng tôi về Tân Sơn Nhất, đỗ tại khu vực sân bay quân sự.

NHỮNG VI PHẠM ĐẦU TIÊN CỦA PHÍA ĐỐI PHƯƠNG

Máy bay chở hai đoàn chưa kịp đỗ hẳn thì đã thấy mấy toán cảnh sát an ninh của Sài Gòn ủa đến cửa máy bay, lập hàng rào ngăn chặn không để chúng tôi bước xuống đất lấy chút gió giữa cái nắng như bốc lửa của sân bay vào mùa nắng mới. Vụ rắc rối đầu tiên đã xảy ra do phía Sài Gòn cố tình gây ra. Ta đã từng biết tuyên bố của Thiệu “chính sách 4 không”^(*): “không nhìn nhận kẻ thù; không trung lập hoá Nam Việt Nam; không có Chính phủ Liên hợp; không nhượng lãnh thổ cho kẻ thù”. Vì vậy, mặc dù cho đến cuối cùng, dưới sức ép tối đa của Nixon “hoặc là ký Hiệp định, hoặc là cắt giảm viện trợ”, Thiệu không còn cách lựa chọn nào khác, buộc phải chấp nhận ký Hiệp định Paris, nhưng ngay từ khi Hiệp định ký chưa ráo mực thì chúng đã ráo riết chống phá một cách có hệ thống.

Khi hai đoàn ta chưa kịp bước ra khỏi máy bay thì nhân viên phía Sài Gòn đã chia ra những mẫu giấy in sẵn, có tiêu đề “Việt Nam cộng hoà” và “Giấy xin nhập cảnh”, yêu cầu điền vào để “làm thủ tục nhập cảnh”. Họ muốn, thể hiện chủ quyền của Việt Nam cộng hoà. Đồng chí Lưu Văn Lợi và tôi thống nhất không chấp nhận: “Việc thành viên hai đoàn đại biểu quân sự Chính phủ Cách mạng lâm thời và Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà từ Paris về Tân Sơn Nhất để tiến hành những phiên họp đầu tiên cấp phó trưởng đoàn chuẩn bị cho việc triển khai Ban Liên hợp quân sự bốn bên, đã được các phái đoàn bốn bên ở Paris thoả thuận”, và nhìn về phía trung tá Mỹ đứng cạnh, tôi nói: “Chính trung tá đã được giao nhiệm vụ từ Paris hộ tống và hướng dẫn hai đoàn chúng tôi về trụ sở ở trại Davis - Tân Sơn Nhất, để kịp tham gia cuộc họp đầu tiên của các phó trưởng đoàn Ban Liên hợp quân sự bốn bên đã được quy định vào ngày 28 tháng 1 năm 1973. Nếu phía các vị gây khó khăn và cuộc họp dự kiến hôm nay của các phó trưởng đoàn không tiến hành được thì coi như các vị đã cản trở việc thi hành Hiệp định ngay từ ngày đầu và phải chịu lấy trách nhiệm...”.

Ta đề nghị với đại biểu đoàn Ba Lan trong Ủy ban Quốc tế làm việc với phía Mỹ và Sài Gòn để hai đoàn ta sớm được về trụ sở như đã thoả thuận. Đồng chí hứa sẽ tích cực đấu tranh với Sứ quán Mỹ và phía Sài Gòn để giải quyết. Còn viên trung tá Mỹ đến xế chiều mới đến phân bua rằng đã báo cáo lên trên và “chờ Washington can thiệp...” đổ lỗi cho phía Sài Gòn. Cuộc đấu tranh kéo dài từ chiều 28 tháng 1 năm 1973 đến chiều 29 tháng 1 năm 1973, cả hai đoàn ngồi trên máy bay, không nhân nhượng. Tối 28 tháng 1 năm 1973, đúng vào thời gian đã sắp xếp để họp phiên đầu của các phó trưởng đoàn Ban Liên hợp quân sự bốn bên, Đoàn Mỹ gửi cho ta công hàm phản đối việc hai đoàn ta không đến họp. Ta trả lời cực lực phản đối phía Mỹ và phía Sài Gòn đã

cố tình gây khó khăn cản trở, đòi họ phải lập tức đưa ta về trụ sở dành cho hai đoàn mà không được kèm theo bất cứ điều kiện nào. Họ buộc phải xoa dịu và lại đổ tội cho Sài Gòn.

Sáng 29 tháng 1 năm 1973, phía Sài Gòn hạ thấp yêu cầu, đề nghị chỉ lập bản “manifest”, tức bản kê khai danh sách kèm theo cấp bậc, chức vụ từng thành viên của mỗi đoàn, họ sẽ tự làm thủ tục nhập cảnh. Ta vẫn một mực phản đối.

Cuối cùng do sức ép của phía Mỹ, khoảng 14 giờ ngày 29 tháng 1 năm 1973, phía Sài Gòn buộc phải bỏ qua thủ tục nhập cảnh cũng như làm “manifest” và phía Mỹ đã đưa xe đến đón ta về trụ sở dành cho hai đoàn tại trại Davis.

Tối hôm đó, 29 tháng 1 năm 1973, các phó trưởng đoàn bốn bên họp phiên đầu tiên.

Đồng thời với bộ phận từ Paris về do Đại tá Đặng Văn Thu (tức Đoàn Huyền), phó trưởng đoàn dẫn đầu, tại Hà Nội đồng chí Võ Đông Giang - đại sứ lưu động của Chính phủ Cách mạng lâm thời - cũng được chỉ định làm đại tá phó trưởng đoàn đại biểu quân sự Chính phủ Cách mạng lâm thời và ngày 28 tháng 1 năm 1973 cùng với trung tá Nguyễn Đôn Tự (sau này là thiếu tướng) phụ trách tiền trạm của Đoàn Việt Nam dân chủ cộng hoà, đi theo chuyến máy bay của Ủy ban Quốc tế vào Sài Gòn; cùng đi có một đại biểu đoàn Ba Lan. Lại diễn ra ở sân bay Tân Sơn Nhất cái cảnh như đã xảy ra đối với hai đoàn từ Paris về. Chẳng hẹn gì trước với nhau nhưng các đoàn của ta đều không chấp nhận yêu cầu làm “Giấy xin nhập cảnh” của nhân viên an ninh phía Sài Gòn; Việt Nam là một nước, người Việt Nam từ miền Bắc vào miền Nam, việc gì phải “nhập cảnh”. Hơn nữa máy bay này là của Ủy ban Quốc tế được quyền đi lại ở Việt Nam để làm nhiệm vụ kiểm soát và giám sát việc thi hành Hiệp định, phía ta đã bàn với phía Mỹ và Sài Gòn ở Paris và đã làm mọi thủ tục cần thiết với ủy ban Quốc tế rồi. Đồng chí đại biểu của đoàn Ba Lan đã tích cực can thiệp với phía Mỹ - Sài Gòn tại nhà ga sân bay và tự mình làm một danh sách và cấp bậc cán bộ hai đoàn ta đã được ủy ban Quốc tế đồng ý cùng đi từ Hà Nội vào Sài Gòn làm nhiệm vụ trong Ban Liên hợp quân sự và nhấn mạnh với họ không nên gây khó khăn và cản trở những người đi tiền trạm làm nhiệm vụ để thi hành Hiệp định.

Cũng trong ngày 28 tháng 1 năm 1973, hai máy bay C130 của Mỹ, cùng lúc đưa Đoàn đại biểu quân sự Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà do thiếu tướng Lê Quang Hoà (sau này là thượng tướng), Phó chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, làm trưởng đoàn, Đại tá Hoàng Hoa là phó trưởng đoàn. Cùng đi chuyến này, còn có một số cán bộ khác của miền Nam đang công tác và học tập ở Hà Nội, nay được quyết định vào Sài Gòn để nhận công tác trong Ban Liên hợp quân sự trung ương và khu vực. Đến Tân Sơn Nhất, cả hai đoàn này đều bị gây khó khăn như đã xảy ra đối với đoàn ở Paris về. Cả hai đoàn đều phản đối không chịu làm thủ tục nhập cảnh và cũng phải ở lại trên máy bay trong ngày 28 tháng 1 đến chiều 29 tháng 1, và cuối cùng buộc phía Mỹ - Sài Gòn phải giải quyết đưa về trụ sở của ta ở trại Davis.

Những cán bộ của hai đoàn đã về trại Davis đều sốt ruột chờ đợi đoàn của Trung tướng Trần Văn Trà đáng lý theo thoả thuận đã phải được đón từ vùng giải phóng vào Tân Sơn Nhất và trại Davis trong ngày 28 tháng 1 năm 1973. Điểm hẹn để máy bay trực thăng của Mỹ đến đón đoàn là sân bay Thiện Ngôn, Ở phía Bắc Tây Ninh, trong chiến tranh là căn cứ một chiến đoàn

Mỹ, sau chuyển giao cho quân đội Sài Gòn và đã bị ta tiêu diệt trong chiến dịch Nguyễn Huệ năm 1972.

Nhưng một vụ phá hoại Hiệp định trắng trợn và nghiêm trọng lại xảy ra tại đây: đúng giờ hẹn, máy bay trực thăng Mỹ không đến đón, trái lại hai máy bay chiến đấu của không quân Sài Gòn lại đến lượn và ném bom quanh sân bay Thiện Ngôn! Ta đã cảnh giác đề phòng nên không bị tổn hại gì và cũng đã chuẩn bị sẵn một địa điểm khác là sân bay Lộc Ninh. Thị trấn Lộc Ninh phía Bắc tỉnh Bình Long (nay thuộc Sông Bé) trên quốc lộ 13 sát biên giới với Campuchia, đã được giải phóng năm 1972, được coi là thủ phủ của vùng giải phóng miền Nam Việt Nam, nơi đặt trụ sở của Chính phủ Cách mạng lâm thời và các cơ quan lãnh đạo chỉ huy Miền.

Trong phiên họp đầu tiên cấp phó đoàn, hai đoàn ta đã nghiêm khắc lên án hành động lật lọng và phá hoại Hiệp định của phe Mỹ, đòi Mỹ phải trực tiếp chịu trách nhiệm bảo đảm tuyệt đối an toàn cho đoàn của Trường đoàn Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam từ địa điểm đón mới là Lộc Ninh về Tân Sơn Nhất và trại Davis.

Trong hai ngày 1 và 2 tháng 2 năm 1973, máy bay trực thăng Mỹ đã đón hết đoàn ta vào Tân Sơn Nhất và đón về trại Davis thông suốt.

Nhân dân Lộc Ninh và các đơn vị Quân Giải phóng đã tổ chức mít tinh trang trọng tiễn đoàn trong không khí ngày hội chiến thắng.

Thái độ bất chấp Hiệp định đã được ký kết, những cản trở và vi phạm đối với đoàn ta tiến về Sài Gòn để triển khai Ban Liên hợp quân sự bốn bên, đặc biệt là cuộc ném bom vào sân bay Thiện Ngôn cùng những tin tức nhận được từ Bộ chỉ huy quân sự Miền thông báo trong những ngày đầu trước và sau ngày lệnh ngừng bắn có hiệu lực (kể từ 24 giờ GMT ngày 27-1-1973) đã cho thấy Mỹ và Sài Gòn rắp tâm phá hoại Hiệp định ngay từ đầu.

Cuộc đấu tranh để thi hành Hiệp định Paris chắc chắn sẽ ngày càng gay go và phức tạp!

TRẠI DAVIS

Căn cứ vào Nghị định thư về các Ban Liên hợp quân sự, Ban Liên hợp quân sự bốn bên đóng tại Sài Gòn. Trong cuộc họp chuyên viên bốn đoàn, trước khi Hiệp định được ký kết, tại Paris phía Mỹ đề nghị đặt nơi ở và làm việc của Đoàn đại biểu quân sự Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà và Chính phủ Cách mạng lâm thời tại một địa điểm trong khu vực Tân Sơn Nhất và đưa ảnh giới thiệu khu trại Davis làm trụ sở chung của hai đoàn.

Hôm tôi sang Soa-di Lor Roa để chào các đồng chí lãnh đạo Lê Đức Thọ, Xuân Thuỷ và các đồng chí Đoàn A (Việt Nam dân chủ cộng hoà) trước khi bay về Sài Gòn theo nhiệm vụ được giao, bất chợt gặp đồng chí Nguyễn Cơ Thạch, vừa mới từ cuộc họp chuyên viên giữa ta với Mỹ.

Biết tôi sắp về Tân Sơn Nhất, anh vui vẻ bắt tay và kéo tôi ngay vào phòng làm việc, chìa ngay ra cho tôi mấy tấm ảnh màu giới thiệu trại Davis, phía Mỹ vừa trao cho anh sáng hôm ấy. Anh nói: “Thời gian quá gấp nên ta không thể đặt vấn đề cử tiền trạm đi xem trước ở thực địa. Tạm đồng ý với phía Mỹ như vậy để Ban Liên hợp quân sự bốn bên kịp triển khai hoạt động. Nhưng tôi đã nhấn mạnh với họ, đây chỉ là địa điểm tạm thời, còn trụ sở chính thức lâu dài của hai

đoàn ta phải được đưa vào trong thành phố Sài Gòn. Họ đã ghi nhận yêu cầu của ta, anh nhớ báo cáo lại với anh Trà và anh Hoà, cần tiếp tục đấu tranh với họ về vấn đề này”.

Trại Davis vốn là doanh trại của một đơn vị chuyên môn thuộc không quân Mỹ, mang tên này để tưởng niệm quân nhân Mỹ đầu tiên chết tại miền Nam Việt Nam. Khi ta vào triển khai ở trại này, còn thấy một tấm bia ghi rõ tên của Davis.

Trại này ở gần sát phía tây nam sân bay Tân Sơn Nhất, phía tây giáp với nhà ga sân bay hiện nay (nay thuộc địa phận phường 4, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh) nằm trong khu vực quân sự. Một trại lính Mỹ lại trở thành trụ sở của hai phái đoàn quân sự của hai chính phủ có nghĩa vụ cùng họ thi hành Hiệp định Paris nói lên rõ ràng ý đồ của họ muốn cô lập, không để người dân Sài Gòn dễ dàng tiếp xúc với hai phái đoàn ta. Xung quanh khu doanh trại có những bức tường phòng nghiêm ngặt vòng trong vòng ngoài với lớp lớp hàng rào dây thép gai dày đặc. Trại Davis gần như hình thang, đáy và cạnh không đều, chiều rộng nhất khoảng 200m, cạnh ngắn nhất 100m; án ngữ trước cổng trại còn có trại huấn luyện Hoàng Hoa Thám của sư đoàn dù. Xây dựng kiểu dã chiến, theo từng dãy nhà gỗ, nền đất nện và bê tông, lợp fibro xi măng, trang thiết bị bên trong toàn bằng sắt, giường, ghế, bàn, tủ đều bằng sắt, hàng rào vòng trong là lưới sắt, cho nên trưa nắng nóng như nung, cộng với tiếng động cơ máy bay lên xuống liên tục, tiếng ồn từ xưởng sửa chữa máy bay ở sát cạnh, tạo nên một môi trường sống căng thẳng.

Để tỏ “nhã ý” với hai trưởng đoàn ta, họ dành cho một nhà ngăn đôi, mỗi bên mỗi người, có nhiều phòng tiện nghi khá đầy đủ, kể cả máy điều hoà nhiệt độ. Nhưng hai đồng chí trưởng đoàn đã không ở riêng mà ở chung với đoàn mình. Mấy hôm sau, bộ phận kỹ thuật chống nghe trộm của ta đã phát hiện ra trong căn nhà ngăn đôi đó những máy ghi âm tình xảo được gài vào. Họ còn phá sóng, gây nhiễu và ghi trộm điện của ta. Sợ ta có điều kiện đi ra ngoài mua bán tiếp xúc với dân, họ không để chị em ta đi chợ mà mọi cái đều phải đặt hàng qua các nhà thầu do họ chỉ định, hầu hết là vợ con sĩ quan an ninh của họ hoặc nhân viên của tổ chức “Thiên Nga” trong ngành an ninh quân đội Sài Gòn.

Đối với hai đoàn đại biểu quân sự cấp trung ương của ta, họ đã như thế, thì đối với các đoàn đại biểu ta ở các khu vực, còn tệ hại hơn nhiều: ở Biên Hoà họ bố trí cho ta ở một gara cũ, nhà tôn, không có trần; khu vực Mỹ Tho được bố trí ở trại gà vừa mới dọn trong căn cứ Đồng Tâm. Tráng trọng hơn cả là các điểm hẹn đón các trưởng đoàn khu vực như ở khu vực V và VI, họ đã tổ chức phục kích, bắn pháo, riêng ở khu vực IV (Phan Thiết) làm ta hy sinh bốn đồng chí. Ở các nơi khác như Pleyku, Buôn Ma Thuột, Huế, Đà Nẵng, Đức Phổ, Tam Kỳ..., họ tổ chức canh sát trá hình côn đồ hành hung các sĩ quan liên lạc của ta đi làm nhiệm vụ, gây nhiều trọng thương.

Trại Davis chủ yếu là chỗ ở của hai đoàn ta, cũng là nơi ta tiếp khách và họp báo hàng tuần, có lúc cả trăm phóng viên báo chí và hãng truyền hình nước ngoài và Sài Gòn đến dự, nhất là vào những thời điểm quan trọng.

Ta đã nhiều lần đòi đối phương chuyển trụ sở hai đoàn vào thành phố. Nhưng đó là điều tối kỵ đối với họ, nhất là đối với chính quyền Sài Gòn: họ rất sợ sự tiếp xúc của ta với dân, nên cứ lần lữa, chối từ với lý do không bảo đảm an ninh.

Cách trại Davis khoảng 500m, cũng nằm trong khu căn cứ quân sự Tân Sơn Nhất là khu hội trường dành cho các cuộc họp của Ban Liên hợp quân sự.

Trại Davis từ tháng 1 năm 1973 đến tháng 5 năm 1975, là nơi hai đoàn đại biểu quân sự của ta đã kiên cường bám trụ để đấu tranh như một căn cứ lồi lõm ở giữa sào huyệt đối phương, được pháp lý của Hiệp định Paris thừa nhận, một trận địa cách mạng công khai cắm sâu trong lòng địch, cuối cùng đã góp phần đặc biệt xuất sắc phối hợp với quân dân cả nước đánh cho nguy sụp đổ hoàn toàn ngay trong sào huyệt của chúng!

Trại Davis trở thành một biểu tượng sáng ngời của tư tưởng cách mạng tiến công và chủ nghĩa anh hùng cách mạng của lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam, một sự kiện chưa từng thấy trong lịch sử chiến tranh trên thế giới.

BAN LIÊN HỢP QUÂN SỰ BỐN BÊN

Ban Liên hợp quân sự trung ương bốn bên gồm bốn đoàn hợp thành:

- Đoàn đại biểu quân sự Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà do Thiếu tướng Lê Quang Hoà, Phó chủ nhiệm Tổng cục Chính trị (sau này là thượng tướng) làm trưởng đoàn.

- Đoàn đại biểu quân sự Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam do Trung tướng Trần Văn Trà, Tư lệnh Bộ chỉ huy Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam (sau này là thượng tướng) làm trưởng đoàn.

- Đoàn đại biểu quân sự Chính phủ Hoa Kỳ do Thiếu tướng Út-uốt làm trưởng đoàn.

- Đoàn đại biểu quân sự Chính phủ Việt Nam cộng hoà do Trung tướng Ngô Dzu, nguyên Tư lệnh Quân đoàn I và Vùng II chiến thuật nguy làm trưởng đoàn (sau thay bằng Trung tướng Dư Quốc Đống, Tư lệnh quân dù).

Hai đoàn ta gồm khoảng 250 cán bộ, chiến sĩ, nhân viên, số đông ở chiến trường và ở miền Bắc, một số từ Paris về Đội vệ binh khoảng 30 cán bộ chiến sĩ được trang bị súng AK, tất cả sĩ quan đều được trang bị súng ngắn để tự vệ theo quy định của Hiệp định.

Cấp phó trưởng đoàn bốn bên:

- Việt Nam dân chủ cộng hoà: Đại tá Lưu Văn Lợi.

- Chính phủ Cách mạng lâm thời: Đại tá Đặng Văn Thu (tức Đoàn Huyền, sau này là thiếu tướng).

- Hoa Kỳ: Chuẩn tướng Úych-kham.

- Việt Nam cộng hoà: Chuẩn tướng Phan Hoà Hiệp.

Tối 29 tháng 1 năm 1973 mới họp được phiên họp đầu tiên, do những rắc rối phía bên kia gây cho hai phó trưởng đoàn ta khi từ Paris về Tân Sơn Nhất.

Ngay trong phiên đầu này, phía Hoa Kỳ lại gây rắc rối đòi đại diện các bên đến họp phải trình giấy uỷ nhiệm. Đồng chí Lưu Văn Lợi và tôi đều bác bỏ đòi hỏi đó, vì chúng tôi là thành viên các phái đoàn dự Hội nghị Paris về với tư cách là phó trưởng đoàn để dự các phiên họp đầu

tiên chuẩn bị cho cuộc họp chính thức sắp tới của cấp trưởng đoàn. Để khỏi mất thì giờ đôi co vô ích, tôi rút “Thẻ ngoại giao” của thành viên Hội nghị bốn bên ở Klê-béc, giao cho họ thấy và nhấn mạnh: “Các bên ở Paris đã thông báo cho nhau cả rồi”.

Cuối cùng, cuộc họp đi vào bản nội dung.

Sáng hôm sau, ngày 30 tháng 1 năm 1973, đáng lẽ tiếp tục đi vào bản những thủ tục làm việc của Ban Liên hợp quân sự bốn bên và chuẩn bị cho cuộc họp chính thức của các trưởng đoàn sắp tới thì đã bị ngắt quãng do phía Việt Nam cộng hoà đưa ra lời tố cáo “phía Chính phủ Cách mạng lâm thời vi phạm ngừng bắn ở Cửa Việt (Quảng Trị) ngày 28 tháng 1 năm 1973”. Họ còn gửi công hàm tố cáo ta trước uỷ ban Quốc tế.

Do hai đoàn ta mới triển khai vào trại Davis, không kịp được thông báo từ trên về tình hình ở đây, nên ta chỉ trả lời gọn: “Chúng tôi phải cảnh giác với những gì các vị nêu lên. Chờ xem thực hư ra sao, chúng tôi sẽ có ý kiến sau”.

Sau khi hỏi lên trên và được trả lời rõ ràng, ta đã bác bỏ hoàn toàn vụ đối trắng thay đen này của đối phương, vạch rõ đây là vụ vi phạm trắng trợn Hiệp định, “vừa ăn cướp, vừa la làng” của phía Việt Nam cộng hoà. Ngay trong đêm 27 tháng 1 năm 1973, đêm “bản lề” bước sang giờ ngừng bắn có hiệu lực theo Hiệp định (8 giờ Việt Nam ngày 28-1-1973), quân Sài Gòn đã dùng toàn bộ pháo từ hạm đội bắn vào trận địa quân ta ở Cửa Việt. Dưới sự yểm trợ của pháo binh, họ đã cho hơn 200 xe tăng, xe bọc thép và lữ đoàn thủy quân lục chiến số 147, lợi dụng lúc thủy triều xuống, đêm tối, sóng gầm, theo mép nước biển tiến sâu đánh chiếm cảng. Trong một đêm, họ đã chiếm một vùng đất mà mấy tháng trước, trong chiến dịch Quảng Trị họ không sao chiếm lại nổi.

Luôn đây, xin mở một dấu ngoặc để nêu sự việc xảy ra trong trận đánh đêm hôm đó, vào điểm giao thời này trên chiến trường, để phản ánh nhận thức chấp chững của cán bộ ta đối với việc thi hành Hiệp định.

Cảng Cửa Việt đã rơi vào tay địch, nhưng có đồng chí cấp dưới, chỉ huy trực tiếp hướng Cửa Việt lúc đó đã báo cáo lên Trung tướng Lê Trọng Tấn, Tư lệnh chiến dịch: “Chúng nó đã lấn chiếm mất một ít, chúng tôi đã cho người gấp tên lữ trưởng để phản đối về việc này...”.

Anh Tấn ra lệnh giọng gay gắt:

- Chúng nó dùng cả một lữ xe tăng và một lữ lính thủy đánh bộ đánh chiếm cảng Cửa Việt không phải để nghe anh phản đối đâu! Tôi hạ lệnh anh phải lập tức chiếm lại cảng! Rõ chưa?

- Rõ ạ!

- Rõ rồi thì chấp hành ngay. Tại sao anh chỉ lo mình vi phạm mà không thấy phía địch đã thực sự xoá bỏ Hiệp định rồi?^(xii)

Ngay sau đó vào mờ sáng 28 tháng 1, quân ta hợp đồng tác chiến chặt chẽ giữa xe tăng, bộ binh và pháo binh đã phản kích mạnh mẽ, giáng cho địch một đòn trừng trị đích đáng, buộc chúng hoảng hốt tháo chạy, bỏ lại nhiều xác chết, hơn 100 xe tăng, xe bọc thép trên bãi biển, bằng chứng sò sò của sự vi phạm Hiệp định của chúng. Bốn ngày sau, uỷ ban Quốc tế ra xem xét phải công nhận vụ vi phạm hết đường chối cãi này của chính quyền Sài Gòn.

Hội nghị các phó trưởng đoàn lại tiếp tục và sau 8 phiên họp từ tối 29 tháng 1 năm 1973 đến 2 tháng 2 năm 1973, đã đạt được các thoả thuận sau đây:

- Các phiên họp cấp trưởng đoàn có một “chủ vị” chỉ đơn giản để duy trì trật tự phiên họp, do các trưởng đoàn luân phiên thay nhau làm, mỗi người làm trong ba ngày. Chủ vị phát biểu trước, các trưởng đoàn khác lần lượt phát biểu theo thứ tự chiều kim đồng hồ.

Hai ngày họp một lần, sáng từ 10 giờ đến 12 giờ 30, chiều từ 15 giờ đến 17 giờ 30. Người phát biểu chính thức là trưởng đoàn và phó trưởng đoàn, người phát biểu thay trưởng, phó đoàn phải có giấy uỷ nhiệm.

- Quy định về nguyên tắc bảo mật nội dung các cuộc họp, không để phóng viên báo chí dự.

- Do yêu cầu khẩn trương, họp trưởng đoàn cả trong những ngày tết.

- Ký hiệu Ban Liên hợp quân sự bốn bên (trên xe, máy bay, tàu bè):

- + Cờ màu da cam có vẽ con số 4.

- + Băng tay màu da cam có con số 4.

- + Máy bay có 4 vòng tròn màu da cam trên đuôi và 4 vạch thẳng cùng màu bên ngoài buồng lái.

Xảy ra chuyện vui sau đây, khi thảo luận về màu cờ: để tránh tranh cãi kéo dài, trước phiên họp, hai phó trưởng đoàn ta thống nhất với nhau đề xuất lấy màu xanh da trời, là màu tượng trưng cho hoà bình. Chúng tôi tưởng chừng phía bên kia sẽ dễ dàng chấp thuận. Nhưng Phó trưởng đoàn Hoa Kỳ không đồng ý vì màu xanh da trời rất khó nhận thấy từ xa, cả trên mặt đất, trên mặt nước và trên không, ông ta đề nghị chọn màu “da cam” và chia ra luận trên bàn họp một lá cờ màu da cam đã chuẩn bị sẵn. Tôi cảm thấy thú vị khi cầm xem kỹ mẫu vải màu da cam đó, thấy màu này đỏ đậm chẳng khác mấy với màu cờ Tổ quốc. Cả hai phó trưởng đoàn ta nhanh chóng tán thành một cách thú vị. Phía Sài Gòn không thể có một ý kiến nào khác vì đây là một màu cờ do phía Mỹ đề nghị. Màu cờ da cam của Ban Liên hợp quân sự đã được quyết định.

Từ đó, màu cờ đỏ ấy của Ban Liên hợp quân sự tự nhiên biến thành biểu tượng riêng của phía cách mạng mỗi khi xe của hai đoàn ta xuất hiện trên đường phố Sài Gòn trong các dịp đi làm việc với các trưởng đoàn Hungary và Ba Lan trong uỷ ban Quốc tế hoặc trong các cuộc gặp gỡ khác. Sự chú ý của nhân dân dọc đường làm cho phía Sài Gòn khó chịu nên chúng đã báo cho cảnh sát giao thông dẹp đường trước ở các giao lộ để tránh không để đồng bào có dịp dừng lâu để dõi theo và bày tỏ tình cảm với những người đại diện của cách mạng.

- Không làm thủ tục nhập cảnh với người của Việt Nam dân chủ cộng hoà từ Hà Nội vào và của Chính phủ Cách mạng lâm thời từ Lộc Ninh ra, chỉ cần ghi danh sách.

- Sau khi lên án mạnh mẽ vụ vi phạm nghiêm trọng ở Thiệu Ngôn ngày 28 tháng 1 năm 1973, ta đặc biệt nhấn mạnh yêu cầu phía Mỹ bảo đảm tuyệt đối an toàn cho các chuyến bay đón trưởng đoàn và đoàn đại biểu quân sự Chính phủ Cách mạng lâm thời từ Lộc Ninh ra. Ấn định

phiên họp đầu tiên các trưởng đoàn bốn bên sẽ tiến hành vào 15 giờ ngày 2 tháng 2 năm 1973 (tức vào chiều 30 tháng chạp năm Nhâm Tý), do Trưởng đoàn Hoa Kỳ làm chủ vị.

Do đã phải chậm đi mấy ngày nên dù ngày giáp Tết, Ban Liên hợp quân sự bốn bên bắt tay vào làm việc rất khẩn trương.

Theo Hiệp định, Ban Liên hợp quân sự bốn bên trung ương hoạt động trong 60 ngày kể từ 28 tháng 1 năm 1973 đến 28 tháng 3 năm 1973 và có nhiệm vụ bảo đảm sự phối hợp của các bên thực hiện các điều khoản về ngừng bắn, rút quân Mỹ và quân nước ngoài ra khỏi miền Nam Việt Nam, trao trả nhân viên quân sự các bên và thường dân nước ngoài bị bắt, giúp đỡ nhau tìm kiếm những tin tức về những người bị mất tích trong chiến đấu. Ban Liên hợp quân sự làm việc theo nguyên tắc hiệp thương và nhất trí giữa bốn bên.

Các trưởng đoàn thoả thuận thành lập các tiểu ban chuyên trách để giúp mình xem xét và quyết định các vấn đề lớn thuộc chức năng Ban Liên hợp quân sự bốn bên, như các vấn đề quân sự, trao trả, thủ tục...

Ngoài ra, hai bên miền Nam Việt Nam (Chính phủ Cách mạng lâm thời và Việt Nam cộng hoà) còn thoả thuận lập tiểu ban hai bên để bàn chuẩn bị cho việc thành lập Ban Liên hợp quân sự hai bên sau khi Ban Liên hợp quân sự bốn bên thôi hoạt động.

Lẽ ra cần nhanh chóng đi vào bàn việc thi hành các điều khoản trọng tâm trong hạn định 60 ngày thì Ban Liên hợp quân sự bốn bên đã mất nhiều thời gian tranh cãi về thành lập các tiểu ban thủ tục, trao trả và tiểu ban quân sự, chủ yếu do thái độ cố tình gây trở ngại của phía Sài Gòn, nên mãi đến ngày 6 tháng 2 năm 1973 mới bắt đầu hoạt động. Chính trong suốt thời gian đó, phía Sài Gòn vi phạm nghiêm trọng việc triển khai các đoàn ta ở Ban Liên hợp quân sự các khu vực và địa phương, tổ chức hành hung sĩ quan hai đoàn ta ở một số nơi.

Bắt buộc phải ký vào Hiệp định dưới sức ép và sự đe dọa của Nixon, Nguyễn Văn Thiệu không hề từ bỏ ý đồ phá hoại Hiệp định và mục tiêu xuyên suốt của họ là giải quyết vấn đề bằng quân sự. Được Mỹ dung túng, họ lấy lần chiếm và bình định làm trung tâm; xây dựng quân đội và chính quyền mạnh làm trụ cột; phục hồi kinh tế đi đôi bao vây kinh tế của phía ta và dùng không quân và hải quân Mỹ ở Đông Nam Á hòng “răn đe” ta. Họ mở những chiến dịch “Tràn ngập lãnh thổ” khắp nơi. Quân Sài Gòn lợi dụng điều khoản ngừng bắn, đã ra sức cấm cò lần đất giành dân, tiếp tục đẩy mạnh “bình định đặc biệt”, chiếm lại các căn cứ “lỗm” của ta, nong ra các vùng giáp ranh, lần chiếm vùng giải phóng, trọng điểm là Trị Thiên, Quảng Đà, Quảng Ngãi, Bình Định, Kon Tum và quanh Sài Gòn...

Ngoài vụ vi phạm nghiêm trọng quy mô cấp lữ - sư đoàn đánh vào Cửa Việt như đã nêu, họ còn lần chiếm tiếp với lực lượng tương đương vào Sa Huỳnh (Quảng Ngãi), bắc Kon Tum, Cai Lậy, Tây Ninh, Chương Thiện, Tân Châu, Hồng Ngự..., phối hợp lực lượng chủ lực với quân bảo an ở các địa phương.

Trên chiến trường, riêng súng không hề chấm dứt ngay từ ngày Hiệp định được ký kết, ta cũng biết là Mỹ và Sài Gòn không thi hành Hiệp định, mà tiếp tục ra sức “Việt Nam hoá chiến tranh”. Nhiều địa phương do sơ hở, mất cảnh giác, đã để mất đất, mất dân. Có nơi chủ trương

phân tuyến, phân vùng với địch, để mất thế “da báo”. Có nơi rút các sư chủ lực về giữ các căn cứ, giao cho bộ đội địa phương chống địch lấn chiếm... Ngay ở Tổng hành dinh cũng có ý kiến không muốn đánh trả, e vi phạm Hiệp định Paris.

Cho đến đầu tháng 3 năm 1973, tình hình ngày càng sáng tỏ, Bộ Chính trị, Quân uỷ Trung ương và Trung ương Cục miền Nam đánh giá đúng tình hình chiến trường và có chủ trương toàn diện cả về quân sự, chính trị, ngoại giao, để kịp thời chặn đứng âm mưu, thủ đoạn của địch đang ra sức lấn đất, giành dân, đánh phá cơ sở cách mạng, chống phá Hiệp định.

Cuộc đấu tranh ở Ban Liên hợp quân sự trong tình hình trước và sau Hiệp định Paris ngày càng gay go phức tạp và căng thẳng.

Trên hết là đấu tranh chống các vi phạm ngừng bắn của Sài Gòn được Mỹ dung túng. Ta liên tiếp tố cáo mạnh mẽ quân Sài Gòn càn quét lấn chiếm. Trong thế bị động không chống đỡ được sự tố cáo của ta, tướng Ngô Dzu, Trưởng đoàn Việt Nam cộng hoà chỉ có một cách trả lời công thức: “Lấy làm tiếc... Đã nhận bản phản kháng của quý vị sẽ đệ trình lên chính phủ...”. Có lần ta căn cứ vào các điều khoản cụ thể về ngừng bắn được ghi rõ trong Hiệp định và Nghị định thư, tố cáo chúng càn quét lấn chiếm vùng giải phóng của ta, sát hại nhân dân..., tướng Ngô Dzu ra sức tìm cách chối cãi, nói đó chỉ là những cuộc di chuyển, tuần tra thông thường và là quyền hợp pháp của quân Việt Nam cộng hoà... Khi tôi đọc cho họ nghe Điều 2 trong chương Ngừng bắn ở miền Nam Việt Nam quy định: “Bắt đầu từ khi ngừng bắn có hiệu lực, tất cả các lực lượng chiến đấu ở miền Nam Việt Nam ở nguyên vị trí của mình..., cấm các cuộc tuần tra vũ trang sang vùng do lực lượng vũ trang đối phương kiểm soát...; cấm mọi cuộc hành quân chiến đấu trên bộ, trên sông, trên biển và trên không..., các hành động đối địch, khủng bố, trả thù..., mọi hành động xâm phạm đến các tính mạng và tài sản công và tư”, thì ông ta lúng túng, hỏi phó trưởng đoàn ngồi bên cạnh đưa xem lại Hiệp định. Đọc xong đoạn nói trên, ông ta ngớ người ra và lúng búng trong miệng: “Ừa sao lại có thể có những điều như vậy chỉ còn khoá tay, khoá chân chúng tôi, còn hoạt động thế nào được. Sao chính phủ chúng tôi lại có thể chấp nhận ký vào một Hiệp định thiệt thòi cho chúng tôi đến như vậy?”. Tôi cố nhin cười. Anh em ta trong đoàn khi nghỉ họp, có người bình luận: “Thì ra vị trung tướng này của Sài Gòn, ít ra cũng thốt lên được suy nghĩ thật thà của mình”. Thực ra, họ chỉ muốn chống lại ngừng bắn, tiếp tục càn quét lấn chiếm thì làm sao có thể chấp nhận được những quy định trên của Hiệp định?

Đấu tranh trên bàn Hội nghị thường căng thẳng nhưng thỉnh thoảng cũng có chuyện vui như vậy để thư giãn. Lại một lần khác xảy ra với Đoàn đại biểu quân sự Hoa Kỳ trong một phiên họp Ban Liên hợp quân sự bốn bên. Hôm ấy họ làm chủ vị. Vừa vào cuộc họp. Chuẩn tướng Úych-kham, Phó trưởng đoàn Hoa Kỳ, chưa kịp nói gì, về mặt khi nào cũng căng thẳng, đứng dậy đi thẳng đến bức tường đối diện với Đoàn Chính phủ Cách mạng lâm thời, trên đó họ vừa treo lên một bức ảnh màu xanh lá cây phóng to 60cm x 60cm. Vẽ hí hửng, tay cầm que chỉ bản đồ, ông ta nói: “Hôm nay, thay mặt Đoàn đại biểu quân sự Hoa Kỳ, tôi nghiêm khắc tố cáo phía các vị vừa mới đưa tên lửa phòng không SAM-2 vào Quảng Trị, vi phạm nghiêm trọng Điều 7 Hiệp định Paris (quy định việc đưa vào thay thế vũ khí, đạn dược và dụng cụ chiến tranh ở miền Nam Việt Nam)”. Họ đòi uỷ ban Quốc tế tổ chức điều tra việc này tại chỗ, dựa “chứng cứ” của bức ảnh đó.

Ngồi cạnh trưởng đoàn - Trung tướng Trần Văn Trà, tôi ghi nhanh mấy ý chuyển sang đồng chí:

“Trong chiến dịch Quảng Trị 1972, SAM-2 ta (Trung đoàn 236B tên lửa phòng không) được đưa vào Bắc Quảng Trị và đã bắn rơi B.52. Báo chí phương Tây đã từng nói tới sự xuất hiện của SAM-2 hồi đó. Sau đó đã rút ra. Nếu còn d (tiểu đoàn) nào ở lại thì cũng là “ở nguyên vị trí” theo quy định của Hiệp định. Ai bảo đảm rằng “bức không ảnh” không phải là bản sao của một ảnh chụp cũ từ hồi đó, nay đưa ra để lừa bịp?”.

Đồng chí Trần Văn Trà vốn là người có nguyên tắc, đồng thời luôn nắm vững chủ động và ứng biến linh hoạt, chỉ đáp gọn, rất bình tĩnh: “Hôm nay tôi mới nghe ý kiến các vị, chưa rõ thực hư, sẽ nắm lại tình hình và có ý kiến thêm sau. Nhưng chắc chắn là không có chuyện đưa vũ khí mới vào”.

Sau khi báo cáo lên trên và được trả lời “Đó chỉ là chuyện bịa đặt của đối phương, không có chuyện ta đưa thêm bất cứ loại vũ khí mới nào vào miền Nam...”, đoàn ta trả lời trên bàn Hội nghị Liên hợp quân sự bốn bên và gửi công hàm cho uỷ ban Quốc tế như sau: “SAM-2 vốn có ở Quảng Trị trước khi Hiệp định ký kết, không ít phi công Mỹ bay qua vùng đó đã được thử thách và báo chí hồi đó đã nói đến. Không có chuyện đưa vũ khí mới nào vào. Sau khi ngừng bắn, không cần thiết bố trí như cũ nữa, có thể nó được xê dịch sang một địa điểm khác trong phạm vi đóng quân của nó ở Quảng Trị”.

Vụ này được kết thúc vì cơ quan điều tra nào lại xác định được số tên lửa đó được đưa vào trước hay sau khi có Hiệp định? Ta đã trình bày với đại sứ Ba Lan và Hungary trong uỷ ban Quốc tế, các đồng chí rất đồng tình. Sau khi nhận được công hàm của ta, uỷ ban Quốc tế không đòi điều tra tại chỗ nữa.

Cũng trong tháng 2 năm 1973, một máy bay lên thẳng Chinook loại lớn của Mỹ, trên đường bay từ Tân Sơn Nhất lên An Lộc (tỉnh lỵ tỉnh Bình Long, nay thuộc Sông Bé) bị ta bắn. Mỹ lại lớn tiếng tố cáo ta vi phạm, ta kiên quyết bác bỏ và khẳng định lại: chính đây trước tiên là một vụ vi phạm của Mỹ đối với Điều 3b của Hiệp định, vì đã không hề thông báo cho ta về chuyến bay đó, lại đã vi phạm những điều đã thoả thuận về hành lang bay và đã xâm phạm không phận vùng kiểm soát của Chính phủ Cách mạng lâm thời. Họ phải chịu hậu quả của chính sự vi phạm của họ. Phía Mỹ không còn cách gì biện hộ cho hành động sai trái của họ nữa.

Trên đây chỉ phản ánh đôi nét về cuộc đấu tranh chống các vi phạm ngừng bắn của đối phương.

Trong các phiên họp trưởng đoàn bốn bên, tướng Út-uốt Trưởng đoàn Hoa Kỳ vừa có thái độ bao che, vừa thúc ép Việt Nam cộng hoà để đạt được các yêu cầu chủ yếu trước mắt của Hoa Kỳ trong thời gian 60 ngày là nhận hết tù binh Mỹ, thực hiện rút quân, đồng thời đạt yêu cầu lâu dài Mỹ rút nhưng quân lực Việt Nam cộng hoà mạnh lên.

Về việc rút quân, họ tự hoãn không thông báo cho Ban Liên hợp quân sự theo quy định. Khi ta tố cáo thì đến ngày 16 tháng 2 năm 1973, phía Mỹ mới gửi công hàm chính thức báo cho Tổ Liên hợp quân sự bốn bên đến các địa điểm quy định để quan sát việc rút quân Mỹ và Hàn

Quốc. Trong khi đó, họ lại vi phạm Điều 8 Nghị định thư, khi rút quân thay vì vũ khí đạn dược phải mang theo thì họ để lại tất cả cho Sài Gòn. Bị chất vấn, họ trả lời đối phó là vũ khí trang bị đã chở bằng tàu thủy mà không hề thông báo cho Ban Liên hợp quân sự và uỷ ban Quốc tế hoặc đã bàn giao cho Sài Gòn trước khi Hiệp định được ký kết. Mặc dù vũ khí trang bị và các căn cứ quân sự của Mỹ đã được họ tìm cách tránh khỏi sự ràng buộc của Hiệp định để chuyển giao tăng sức mạnh cho quân lực Việt Nam cộng hoà, nhưng cũng không cứu nổi Sài Gòn sụp đổ.

Việc thực hiện trao trả nhân viên quân sự (tù binh) các bên bị bắt, thường dân nước ngoài bị bắt và nhân viên dân sự Việt Nam bị bắt và giam giữ là vấn đề quan trọng đối với cả Mỹ và ta, còn phía Sài Gòn thì tỏ ra không mấy quan tâm tới người của họ bị ta bắt, trong khi họ còn giam giữ một số lớn cán bộ chiến sĩ ta. Mỹ muốn được trao trả người của họ bị bắt thì họ cũng buộc phải đáp ứng đòi hỏi của ta, buộc phía Sài Gòn thực hiện trao trả người của ta. Trong vấn đề này có sức ép của Mỹ nên dù miễn cưỡng, phía Sài Gòn cũng phải đi vào thực hiện, nhưng tìm cách gây khó khăn.

Cho đến lúc kết thúc thời kỳ bốn bên, Chính phủ Cách mạng lâm thời đã trả cho Mỹ 128 nhân viên quân sự Mỹ và nước ngoài bị bắt; đồng thời nhận về 26.492 người của ta và trả cho Sài Gòn 5.426 người (nhân viên quân sự).

Phần còn lại nhân viên dân sự bị bắt giữa ta và Sài Gòn sẽ được trao trả trong thời kỳ hai bên.

Một vấn đề quan trọng ta đặc biệt quan tâm và đã tích cực đấu tranh liên tục trong Ban Liên hợp quân sự bốn bên và cuối cùng đã buộc phía Sài Gòn phải thoả thuận những thể thức bảo đảm Điều 11 về quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao đối với đoàn ta, tạo một lợi thế rất cơ bản giúp Đoàn đại biểu quân sự Chính phủ Cách mạng lâm thời hoạt động có hiệu quả trong Ban Liên hợp quân sự hai bên trung ương sau này. Kết quả quan trọng nữa là Mỹ và quân đồng minh nước ngoài của họ đã phải rút hết, dưới sự quan sát của ta và giám sát của uỷ ban Quốc tế. Sáng ngày 15 tháng 3 năm 1973, USARV - Bộ chỉ huy quân đội Mỹ ở Việt Nam đã làm lễ cuốn cờ. Chiều hôm ấy, MACVI - Bộ Tư lệnh tối cao của Mỹ, đóng trụ sở ở Tân Sơn Nhất, được báo chí gọi là “Lầu Năm Góc phương Đông” cũng hạ cờ. Để tránh dùng những lời nặng nề đối với kẻ chiến bại, tôi tự hỏi không biết các sử gia Mỹ đã nói gì về những hình ảnh lịch sử u tối này của quân đội viễn chinh xâm lược Mỹ ở Việt Nam.

Mỹ rút nhưng chiến tranh Việt Nam vẫn tiếp diễn. Chỉ có khác là “Thay màu da trên xác chết”. Đó là nhiệm vụ quan trọng bậc nhất mà Ban Liên hợp quân sự bốn bên không hoàn thành: sau Hiệp định Paris không hề ngừng tiếng súng! Theo thông cáo của uỷ ban tố cáo tội ác chiến tranh Việt Nam ra ngày 6 tháng 4 năm 1973, chính quyền Sài Gòn đã vi phạm Hiệp định Paris hơn 7 vạn lần, như hành quân lấn chiếm, giới bom, bắn pháo, phục kích các điểm hẹn của sĩ quan các Ban Liên hợp quân sự ở các địa phương, đóng thêm đồn bót, lấn đất giành dân... Tình hình vi phạm ngừng bắn càng thêm nghiêm trọng rõ rệt khi chuyển sang thời kỳ Ban Liên hợp quân sự hai bên.

Ngày 28 tháng 3 năm 1973, Ban Liên hợp quân sự bốn bên kết thúc nhiệm vụ. Trung tướng Trần Văn Trà ra Hà Nội trước khi trở lại nhiệm vụ Tư lệnh Bộ chỉ huy quân sự Miền ở

chiến trường. Đồng chí không chỉ là một vị tướng tài ba mà còn là một nhà ngoại giao sắc sảo trên bàn hội nghị Ban Liên hợp quân sự, đối phương phải kính nể.

BAN LIÊN HỢP QUÂN SỰ HAI BÊN

Từ ngày 29 tháng 3 năm 1973, Ban Liên hợp quân sự hai bên trung ương bắt đầu hoạt động và họp phiên đầu tiên:

- Đoàn đại biểu quân sự Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam do Thiếu tướng Hoàng Anh Tuấn làm trưởng đoàn.

- Đoàn đại biểu quân sự Việt Nam cộng hoà do Trung tướng Phạm Quốc Thuần làm trưởng đoàn. Đến tháng 10 năm 1973, Phan Hoà Hiệp thay Phạm Quốc Thuần làm trưởng đoàn.

Tôi vui mừng được gặp lại đồng chí Hoàng Anh Tuấn, người bạn học cũ và từng là bạn chiến đấu trong thời kỳ đầu kháng chiến chống Pháp ở địch hậu Khánh Hoà và Liên khu 5. Anh từng lăn lộn trên chiến trường miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ, chiến đấu kiên cường, bình tĩnh và năng động, sáng tạo, trước đây đã từng hoạt động trong uỷ ban Liên hợp của Hiệp định Geneve, nên đã nhanh chóng nhập cuộc trong nhiệm vụ công tác mới. Sau ngày thống nhất đất nước, anh được chuyển hẳn sang công tác ngoại giao và trở thành Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Theo quy định của Hiệp định Paris, Ban Liên hợp quân sự hai bên trung ương có nhiệm vụ bảo đảm sự phối hợp hành động của hai bên miền Nam Việt Nam trong thực hiện các điều khoản về các vấn đề quân sự và việc trao trả nhân viên dân sự Việt Nam bị bắt.

Sau khi chiến dịch “tràn ngập lãnh thổ” thất bại, Thiệu chủ trương đặt trọng tâm đẩy mạnh lấn chiếm bình định ở ấp xã coi đó là khâu “giải quyết 75% toàn bộ cuộc chiến tranh, thắng là đây và thua cũng là đây”. Đến tháng 10 năm 1973, phía Sài Gòn đã lấn chiếm thêm 900 ấp, đóng thêm 523 đồn bót, riêng loại ấp A quân sự do họ kiểm soát từ 4.271 ấp cuối năm 1972 đã lên 5.508 ấp cuối năm 1973^(xii).

Do chủ trương của Việt Nam cộng hoà tăng cường đàm phán trên chiến trường và phá bình trên bàn hội nghị, cuộc đấu tranh ở Ban Liên hợp quân sự hai bên trở nên rất căng thẳng, quyết liệt. Hai bên liên tiếp tố cáo lẫn nhau, ta tố nhiều vụ, phía họ cố gây to chuyện với ta, trong đó cộm lên hai vụ: vụ Tổng Lê Chân và vụ Ly Tôn - Quảng Trị... Tổng Lê Chân là một đồn lẻ cấp đại đội, lấn sâu vào vùng giải phóng, bị ta bao vây, triệt đường tiếp tế tải thương. Thời kỳ bốn bên, phía Sài Gòn cũng có lần đề cập đến vấn đề Tổng Lê Chân. Họ đã lợi dụng thiện chí của ta cử sĩ quan liên lạc làm môi giới cho sĩ quan chỉ huy hai bên gặp nhau để tải thương và tiếp tế đạn dược.

Lần này phía Sài Gòn trắng trợn tuyên bố, nếu phía ta không giải quyết vấn đề Tổng Lê Chân thì Ban Liên hợp quân sự hai bên trung ương không có gì phải bàn bạc. Bị thiệt hại thì họ gửi công hàm phản đối thưa kiện với uỷ ban Quốc tế còn buộc rút lui thì họ lờ đi. Vụ này kéo dài cho tới khi buộc phải rút chạy (12-4-1974), họ cắt các chuyến bay liên lạc giữa đoàn ta với Lộc Ninh, kéo dài đến 12 tuần.

Còn vụ Ly Tôn, một máy bay lên thẳng của uỷ ban quốc tế do phi công Mỹ lái bị bắn rơi do cố tình bay chệch hành lang quy định, xâm phạm sâu vào vùng kiểm soát của ta, làm thiệt mạng 2 sĩ quan Hungary và 2 sĩ quan Indonesia. Phía Sài Gòn kích vụ này lên cùng với đoàn Canada buộc tội ta trước uỷ ban quốc tế. Nhưng hai đoàn Hungary và Ba Lan đã hết lòng ủng hộ ta. Mặc dù hai sĩ quan Hungary tử nạn, nhưng đoàn Hungary phối hợp với Đoàn Ba Lan đã kiên trì thuyết phục Uỷ ban Quốc tế, cuối cùng kết luận lỗi đầu tiên do máy bay Uỷ ban Quốc tế bay sai hành lang quy định. Sau mùa Xuân 1975 toàn thắng, Thiếu tướng Nguyễn Văn Sĩ, Phó trưởng đoàn đại biểu quân sự ta trong thời kỳ Ban Liên hợp quân sự có dịp sang Hungary, đề nghị Bộ Quốc phòng bạn đưa đến nghĩa trang Budapest viếng mộ hai đồng chí bạn đã tử nạn, để tỏ lòng tri ân.

Tuy tình hình ngày càng thêm căng thẳng trên bàn hội nghị Liên hợp quân sự hai bên, ta vẫn rất kiên trì đấu tranh với phía Sài Gòn về việc trao trả nhân viên dân sự và nhân viên quân sự còn lại của hai bên. Kéo dài từ tháng 4, 5, 7 năm 1973 cho đến tháng 3 năm 1974, họ đã phải trả cho ta 5.075 nhân viên dân sự và 130 nhân viên quân sự; ta trả cho họ 637 nhân viên dân sự và 410 nhân viên quân sự.

Sở dĩ trong tình hình trên chiến trường ngày càng căng thẳng, phía Sài Gòn vẫn không thể cắt đứt việc trao trả người của ta, vì Mỹ nóng lòng muốn sớm được nhận hài cốt người chết của họ và triển khai tìm kiếm người bị mất tích, nên đã ép Sài Gòn tiếp tục thực hiện. Hơn nữa, họ còn bị sự lên án của dư luận cả ở miền Nam và trên thế giới về vấn đề rất nhạy cảm này. Tuy vậy, cho đến ngày thắng lợi Xuân 1975, vẫn còn cả chục vạn nhân viên dân sự của ta còn bị phía Sài Gòn giam giữ. Chính quyền cách mạng đã thực hiện tích cực nghĩa vụ đón đồng bào, đồng chí ta về chu đáo.

Chiến sự ngày càng lan rộng và quyết liệt. Mỗi khi ta đánh trả lấn chiếm và chống phá bình định thắng lợi, phía Sài Gòn lại trả đũa các đoàn ta ở trại Davis bằng cách cúp điện nước, thậm chí còn phun hơi cay vào trụ sở của đoàn. Bị ta tố cáo thì chối là phun thuốc diệt muỗi. Phản đối hành động trả thù đó của Việt Nam cộng hoà, ta ngừng hợp.

Tuy vậy, trong thời gian này ta vẫn dựa vào văn bản pháp lý 11 điểm quyền ưu đãi, miễn trừ mà Sài Gòn không xoá bỏ được. Do thế mạnh chính trị, ngoại giao và pháp lý của ta, đoàn ta cũng như đại diện Việt Nam dân chủ cộng hoà trong Tổ Liên hợp quân sự bốn bên, vẫn ở lại trại Davis và tiếp tục hoạt động tiếp xúc với uỷ ban Quốc tế, tổ chức họp báo mỗi thứ bảy hàng tuần. Ta tăng cường cuộc tiến công trên mặt trận dư luận.

Chiến trường sôi động, có lúc từ giữa tháng 4 đến đầu tháng 6 năm 1973, phía Sài Gòn phá không để các cuộc họp báo của ta thực hiện được thì nhà báo càng rõ bộ mặt và ý đồ phá hoại Hiệp định của Nguyễn Văn Thiệu. Họ đấu tranh với phía Sài Gòn để bảo vệ quyền tự do báo chí và chờ đón các cuộc họp báo của ta, tăng cường liên lạc với đoàn ta để sẵn tin. Càng ngày các cuộc họp báo của ta càng thu hút số đông các nhà báo nước ngoài và giới báo chí Sài Gòn. Đoàn ta có quan hệ, tiếp xúc và trả lời phỏng vấn với các phóng viên của hơn 80 tờ báo, hãng thông tấn, vô tuyến truyền hình và phát thanh của 21 nước trên thế giới. Tất nhiên chính quyền Nguyễn Văn Thiệu đã phải ra sức sử dụng bộ máy tuyên truyền của họ để chống trả lại chính nghĩa cách mạng.

Nhưng phần đông các báo như Tia Sáng, Điện Tín, Đại dân tộc và giới báo chí nói lên tiếng nói chân chính được đông đảo bạn đọc ủng hộ, đồng tình... Hoạt động tích cực của đoàn ta đã góp phần làm sáng tỏ chân lý cách mạng trong giới báo chí và phối hợp với mặt trận đấu tranh của đồng bào các giới đòi nghiêm chỉnh chấp hành Hiệp định Paris.

Qua các cuộc họp báo và tiếp xúc khác, các nhà báo ngày càng hiểu rõ ta, đồng tình với cuộc đấu tranh của nhân dân ta, kể cả khi quân ta chủ động đánh trả và trừng trị những hành động vi phạm của quân Sài Gòn. Hội nhà báo nước ngoài đã đến chào Trưởng đoàn ta và bày tỏ cảm tình với đoàn. Trong buổi họp báo, đúng vào ngày 19 tháng 5, một nhà báo Mỹ và hai vợ chồng nhà báo nước ngoài, vào lúc giải lao đã tìm đến chào đồng chí Dương Đình Thảo, phụ trách phát ngôn của đoàn, để tỏ lòng ngưỡng mộ Chủ tịch Hồ Chí Minh và kính đáo trao tặng quà mừng nhân kỷ niệm ngày sinh của Người. Theo yêu cầu của một số nhà báo muốn đi thăm vùng giải phóng, ta đã tổ chức cho họ đi và khi về họ đã viết những bài phóng sự khá tốt. Có nữ phóng viên nước ngoài nhân một cuộc họp báo đã bí mật trao cho ta danh sách tù chính trị của ta bị chính quyền Sài Gòn giam giữ. Thật là một tấm lòng quý hoá.

Ngoài các cuộc họp báo, ta còn tổ chức cuộc đi thăm làm việc với Trưởng đoàn Ba Lan ở nhà khách Lý Thái Tổ hoặc với Trưởng đoàn Hungary ở khách sạn Palace ở phố Nguyễn Huệ, mặc dù quân cảnh Sài Gòn tìm cách ngăn cản, đồng bào nhận ra những chiếc xe đen bóng treo cờ đỏ da cam là tìm đến gần để dõi nhìn những đại biểu của Quân Giải phóng, bày tỏ tình cảm dù chỉ trong ánh mắt nụ cười hoặc cái vẫy tay kính đáo. Vào những dịp này, khi tiễn ta ra xe, bạn cố ý nán lại trên lề đường kéo dài cuộc nói chuyện, thể hiện sự thông cảm của bạn về những biểu hiện tình cảm này của đồng bào thành phố với đoàn ta.

Nhân dịp những ngày lễ lớn của hai đoàn, ta tổ chức chiêu đãi mời các đoàn trong uỷ ban Quốc tế đến đấu giao hữu về quần vợt, bóng bàn, bóng rổ, bóng chuyền, với sự tham gia không hề kém tích cực của các đồng chí trưởng và phó đoàn ta. Những cuộc biểu diễn văn nghệ với sự tham gia của một số nghệ sĩ văn công Quân Giải phóng từ Lộc Ninh ra hoặc của Tổng cục Chính trị từ Hà Nội vào đã gây ấn tượng rất tốt đẹp với khách. Những cuộc tiếp xúc giao lưu như vậy giúp cho bạn cũng như các thành viên khác trong uỷ ban Quốc tế hiểu thêm “Quân đội nhân dân Việt Nam không chỉ là một quân đội anh hùng mà còn là một quân đội rất có văn hoá...” như có lần một thành viên Đoàn Indonesia nói với tôi. Những lần Đoàn Ba Lan chiêu đãi nhân ngày lễ của bạn cũng là dịp ta gặp gỡ rộng rãi không chỉ với các thành viên trong uỷ ban Quốc tế hoặc các nhân vật trong quân đội và chính quyền Sài Gòn mà còn với một số nhân sĩ trí thức khác trong lực lượng thứ ba như bà Ngô Bá Thành, ni sư Huỳnh Liên...

BƯỚC NGOẶT LỊCH SỬ DẪN ĐẾN “NGUY NHÀO”

Trên chiến trường, quân Sài Gòn càng ra sức tiến công lấn chiếm, bình định “cấp tốc”. Cuối tháng 5 năm 1973, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp mở rộng bàn về vấn đề miền Nam, với sự tham gia của các đồng chí lãnh đạo và tư lệnh chiến trường và đi đến chủ trương: “Trong khi địch dùng hành động quân sự đánh ta, ta vẫn cần phải chủ động tiến công địch, kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị và pháp lý... Tiến công quân sự bằng phản công của ta là chủ động, chỉ có qua đó mà từng bước đánh bại mọi hành động vi phạm của địch”^(xiii).

Quân uỷ Trung ương đã chỉ đạo cho các chiến trường: “ tiến công quân sự bằng phản công của ta là chủ động tiến công, chủ động phản công, không phòng ngự đơn thuần. Không những phản công ở địa bàn địch tấn công ta, mà còn hiệp đồng với các lực lượng chính trị, quân sự, binh vận phản công ở các địa bàn khác, nơi ta có chủ lực mạnh”^(xiv).

Ngày 4 tháng 10 năm 1973, Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 21 (khoá III) hình thành từ Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng tháng 5 năm 1973, khẳng định: “Con đường cách mạng của miền Nam là con đường bạo lực cách mạng. Bất kể trong tình hình nào ta cũng phải nắm vững thời cơ, giữ vững đường lối chiến lược tiến công”. Như một luồng gió mới, Nghị quyết 21 đến với các chiến trường.

Tiếp đó, Bộ chỉ huy các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam công bố quyết định kiên quyết đánh trả vi phạm ngừng bắn của quân Sài Gòn và sau đó quyết định thêm không chỉ đánh trả tại chỗ mà còn giành quyền đánh trả tại nơi xuất phát vi phạm.

Từ tháng 6 đến cuối năm 1973, đầu năm 1974, tình hình đã chuyển biến rõ rệt: quân dân ta chủ động chống trả quyết liệt chặn đứng được phần lớn các cuộc “bình định” lần chiếm của quân Sài Gòn. Ở Trị Thiên ta khôi phục lại thế đứng trước ngày ký Hiệp định Paris. Ở Khu 5, ta giành lại các vùng bị lấn chiếm. Ở Tây Nguyên, ta mở thêm nhiều khu vực ở Chư Nghe (Pleyku) và Trung Nghĩa (Kon Tum). Ở miền Đông Nam Bộ, ta đánh mạnh, giải phóng thêm vùng Kiến Đức - Bù Bông, giải phóng hành lang nối liền Nam Bộ với Tây Nguyên. Ở Khu 8, ta làm chủ một số vùng ở phía Nam, Bắc đường số 4. Ở Khu 9, do ngay từ đầu đã kịp thời tiến công và phản công nên không những giữ vững được hình thái địch, ta trước ngày 27 tháng 1 năm 1973, mà còn giải phóng thêm nhiều địa bàn quan trọng.

Tình hình đã rõ rệt là không còn khả năng đạt được kết quả gì tích cực tại bàn đàm phán nữa. Ngày 22 tháng 6 năm 1974, Bộ Ngoại giao Chính phủ Cách mạng lâm thời tuyên bố đình chỉ hợp tác Ban Liên hợp quân sự hai bên vô thời hạn. Ngày 8 tháng 10 năm 1974, Chính phủ Cách mạng lâm thời ra tuyên bố về tình hình miền Nam Việt Nam, đòi Mỹ chấm dứt dính líu quân sự và can thiệp vào công việc của miền Nam Việt Nam, đòi lật đổ Nguyễn Văn Thiệu, lập ra ở Sài Gòn một chính quyền tán thành hoà bình, hoà hợp dân tộc, thi hành Hiệp định Paris, đồng thời tuyên bố chính thức đình chỉ mọi cuộc họp của Ban Liên hợp quân sự hai bên và Tổ Liên hợp quân sự bốn bên, rút khỏi diễn đàn La Xen-sanh-clao Ở Pháp. Ngày 11 tháng 10 năm 1974, Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà cũng ra tuyên bố tương tự.

Ngày 6 tháng 1 năm 1975, ta tiến công giải phóng tỉnh lỵ và toàn bộ tỉnh Phước Long (nay thuộc Sông Bé), nhằm thử sức quân Sài Gòn, phản ứng của Mỹ và dư luận quốc tế. Kết quả mọi mặt đều thuận lợi. Tiếp theo, sau một loạt trận khác vào chi khu, quận lỵ, ngày 10 tháng 3 năm 1975 quân ta tiến công giải phóng thị xã Buôn Ma Thuột, mở đầu đòn tiến công chiến lược Xuân - Hè 1975. Từ sau trận Phước Long, sức ép và đe dọa trực tiếp của quân Sài Gòn đè nặng xuống trại Davis. Chúng công khai đào hào vây quanh, sâu 5 mét, rộng 5 mét, xây dựng thêm 7 bốt gác chĩa súng vào trại; từ tháng 4 năm 1975 tăng cường một đơn vị xe tăng và một đại đội bộ binh, phối hợp với trại huấn luyện sư đoàn dù, ngày đêm không chế nghiêm ngặt trụ sở của hai đoàn ta.

Từ cuối tháng 3 đầu tháng 4 năm 1975, tuy cấp trên không tiện phổ biến sớm nhưng qua điện đài, theo dõi sự phát triển của cuộc tiến công như vũ bão của quân ta từ Đà Nẵng đến Nha Trang và Đà Lạt, hai đoàn ta đã nhìn rõ triển vọng tiến về Sài Gòn...

Lãnh đạo hai đoàn đã họp bàn, dự kiến khả năng và triển vọng phát triển tình hình, hạ quyết tâm chuẩn bị sẵn sàng đối phó với các tình huống xấu nhất có thể xảy ra. Cán bộ chiến sĩ cùng bắt tay xây dựng các công trình chiến đấu theo hình thái trận địa chiến, có thể nói là một kỳ công, với một hệ thống giao thông hào liên hoàn, gần như địa đạo nối liền 7 khu vực chiến đấu, hai hầm ngầm chỉ huy, một hầm quân y, kho dự trữ lương thực, vật chất cần thiết... Tất cả đều được xây dựng tuyệt đối bí mật bên trong trại. Vấn đề khó khăn và quan trọng nhất là vũ khí đạn dược, lựu đạn, thủ pháo chống tăng đã được cấp trên đồng ý tăng cường cho một ít, nhưng chuyển vào thế nào từ Lộc Ninh cho suôn sẻ, che mắt được địch? Đoàn ta đã sử dụng chuyến máy bay của uỷ ban Quốc tế ra Lộc Ninh đón hai thành viên của Phái đoàn Indonesia và Iran bị quân ta giữ từ trận đánh giải phóng Buôn Ma Thuột về Tân Sơn Nhất, để lèn các thứ đó vào các vận hành lý thông thường vẫn được dùng trong các chuyến bay công tác Đáng kể thêm là trước đó, Phái đoàn Hungary cũng đã tặng ta một số súng nhỏ và 60 túi chống lạnh dùng trong trường hợp ngủ dã chiến.

Trong lúc này Bộ chỉ huy Miền đã cử cán bộ vào cho biết đã sẵn sàng phương án cử một đơn vị đặc công vào trại Davis đưa đoàn ta ra nơi an toàn, khi quân ta bắt đầu cuộc Tổng tiến công vào Sài Gòn.

Đảng uỷ Đoàn lại họp bàn, nhận định “trong lúc này ta vẫn có đủ yếu tố cần thiết để chiến đấu và bám trụ thắng lợi tại chỗ”. Cuộc họp nhất trí đề nghị Quân uỷ và Bộ chỉ huy Miền “cho phép đoàn tự tổ chức chiến đấu tại chỗ, và bảo đảm sẽ đủ sức bảo toàn lực lượng”. Đề nghị đó đã được cấp trên đồng ý.

Được điện thăm hỏi và động viên “Vững vàng trên vị trí chiến đấu. Ngày thắng lợi không còn xa nữa!” của Đại tướng Võ Nguyên Giáp thay mặt Quân uỷ Trung ương và Bộ Tổng Tư lệnh toàn thể cán bộ chiến sĩ trong đoàn càng củng cố niềm tin và ý chí quyết tâm sắt đá: “Chiến đấu và chiến thắng”.

NHỮNG NGÀY CUỐI CÙNG TRÊN TRẬN ĐỊA KIÊN CƯỜNG

Ngày 26 tháng 4 năm 1975, chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử mở màn, đánh vào vành đai ngoại vi Sài Gòn.

Chính phủ Cách mạng lâm thời ra tuyên bố kêu gọi quân đội Sài Gòn hạ vũ khí để bớt đổ máu và bớt thiệt hại cho nhân dân.

Đúng như nhận định, trước các đòn tiến công của quân ta từ mọi phía, quân đội Sài Gòn tan rã nhanh chóng. Vào những ngày cuối tháng 4 năm 1975, một trung tá của đơn vị dù đóng đối diện với trụ sở đoàn ta, đến trại Davis xin tiếp xúc, ta khuyến khích họ trở về đơn vị, treo cờ trắng khi Quân Giải phóng vào và nộp súng về quê.

Chiều 28 tháng 4 năm 1975, vào khoảng 17 giờ 15, một biên đội máy bay A37 (loại máy bay cường kích của không quân Sài Gòn)^(xv) đột nhiên đến ném bom đồng loạt xuống khu vực

quân sự sân bay Tân Sơn Nhất, cạnh trại Davis. Mảnh bom bay rào rào sang dãy nhà đoàn ta ở cách dãy hầm cất máy bay và xưởng sửa chữa của sân bay chỉ một bức tường. Anh chị em ta nhảy xuống hầm, may không ai việc gì. Định thần lại, hỏi nhau xem đó là phi công Sài Gòn phản chiến hay chính là trận tấn công của ta. Có điều ai cũng hiểu là đại sự đã bắt đầu. Mừng chiến thắng cuối cùng đang đến gần, mỗi người càng đề cao trách nhiệm sẵn sàng chiến đấu của mình theo quy định và lệnh của chỉ huy đoàn, rất tự giác. Đêm hôm đó, tất cả mọi người đều xuống ngủ hầm cạnh vị trí chiến đấu của mình. Việc tuần tra canh gác được tăng cường theo kế hoạch tác chiến, chế độ trực chiến của các bộ phận được chấp hành nghiêm cách.

Khoảng 3 giờ sáng 28 tháng 4 năm 1975, bỗng nhiên đạn pháo lớn và hoả tiễn của ta nổ vang, bay tới tấp vào khu vực Tân Sơn Nhất. Anh chị em ta đều có đủ công sự ẩn nấp, bảo đảm chống được đạn pháo, có thể yên tâm.

Nhưng sau đợt cấp tập đầu tiên, Sở chỉ huy được báo cáo: một đồng chí đại uý và một trung sĩ cảnh vệ canh gác trên hầm nổi, bị hy sinh do đạn pháo; bốn đồng chí khác do đứng ở miệng hầm để nhìn ra ngoài, bị trọng thương do trúng mảnh đạn pháo, trong đó có một đồng chí trung tá sau phải cưa một chân.

Từ sáng ngày 28 tháng 4 năm 1975 đến suốt ngày 29 tháng 4 năm 1975, pháo và hoả tiễn của ta từng đợt bắn vào Tân Sơn Nhất.

Sáng ngày 29 tháng 4 năm 1975, đại sứ Mỹ Ma-tin, thông qua Đoàn Hungary, muốn gặp Trưởng đoàn đại biểu quân sự Chính phủ Cách mạng lâm thời trong Ban Liên hợp quân sự hai bên, nhưng ta không trả lời. Lúc này, còn gì để bàn bạc?^(xvi)

Trưa ngày 29 tháng 4 năm 1975, có một đoàn khách, tự giới thiệu là “phái viên của Phó Tổng thống Nguyễn Văn Huyền” của Việt Nam cộng hoà, gồm bốn thành viên xin gặp trưởng đoàn ta, nhưng đoàn ta chỉ cử cán bộ ra chuyển lời trưởng đoàn là đoàn không được uỷ quyền bàn bạc vấn đề gì, mọi điều cần thiết đã được nêu rõ trong Tuyên bố ngày 26 tháng 4 năm 1975 của Chính phủ Cách mạng lâm thời^(xvii).

Sau đó, khoảng 14 giờ 30, một đoàn thứ hai cũng xin gặp Giáo sư Châu Tâm Luân cho biết được ông Dương Văn Minh cử làm bộ trưởng. Đoàn ta cũng cử cán bộ trả lời như với đoàn đến trước.

Đến khoảng 17 giờ 30, có thêm luật sư Trần Ngọc Liễn giáo sư Châu Tâm Luân và Linh mục Chân Tín lại đến thiết tha xin gặp để bàn làm sao cho việc ta đánh chiếm Sài Gòn đỡ đổ máu và bớt tổn hại về vật chất.

Xét vì họ là những người thuộc lực lượng thứ ba ở Sài Gòn lâu nay đối lập với chế độ độc tài của Nguyễn Văn Thiệu, không nể nguy hiểm lại đến lần thứ hai nên ta báo để họ biết có thể tiếp với tư cách cá nhân chứ không có tính chất đại diện nào. Họ đồng ý và đồng chí Võ Đông Giang, phó trưởng đoàn tiếp họ tại hầm Sở chỉ huy dự bị. Họ vừa xuống hầm thì một đợt pháo cấp tập bắt đầu trực tiếp đánh vào Tân Sơn Nhất. Để tránh nguy hiểm cho khách, ta khuyên họ tạm ở lại chờ ngời tiếng súng sẽ bố trí hộ tống họ ra về an toàn. Họ xin ở lại và có dịp trong cái đêm lịch sử 29 tháng 4 năm 1975 này được trò chuyện với một sĩ quan cách mạng và theo dõi nhịp độ tiến

công thần tốc của quân ta vào giải phóng Sài Gòn. Một cuộc trò chuyện hiếm có giữa một giáo sư, một luật sư và một linh mục Thiên chúa giáo với một cán bộ Mặt trận Giải phóng trong khung cảnh và thời điểm lịch sử khắc sâu trong hồi ức của cả chủ và khách. Đồng chí Võ Đông Giang đã tranh thủ cơ hội này để trò chuyện tâm tình và giải thích với họ mọi vấn đề cách mạng mà họ quan tâm tìm hiểu. Với tài thuyết khách khôn khéo và thái độ chân thành của mình, đồng chí đã chinh phục được tình cảm và lý trí của những vị nhân sĩ trí thức và nhà tu hành này - tiêu biểu cho lực lượng thứ ba.

Sáng ngày hôm sau 30 tháng 4 năm 1975, khi tiếng súng ở Tân Sơn Nhất đã im, ta mời họ dự một bữa liên hoan nhẹ trước khi chia tay và theo yêu cầu của khách, tặng mỗi người hai chai rượu “Lúa mới” và một gói lương khô mà họ rất quý vì “chỉ Quân Giải phóng mới có”. Sau đó, ta tiễn họ ra về chu đáo.

Khoảng 6 giờ sáng 30 tháng 4 năm 1975, ta phát hiện đơn vị dù Sài Gòn đóng trước cổng hò nhau tháo chạy, vừa chạy vừa cởi quần áo rần rần vứt bỏ đầy đường. Đơn vị xe tăng đóng gần trại Davis đã biến mất từ lúc nào không rõ.

Một điều đáng tự hào là có lẽ sớm nhất ở Sài Gòn, từ 9 giờ sáng ngày 30 tháng 4 năm 1975, trên tháp nước, nơi cao nhất ở trại Davis một lá cờ rất to của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam đã tung bay trong gió lồng trời xanh. Đến hơn 10 giờ, vọng gác của ta báo cáo đã thấy bộ đội ta tiến gần đến trại Davis. Tiểu đoàn 6, Trung đoàn 9, Sư đoàn 10, Quân đoàn 3, do đồng chí Sơn, tiểu đoàn trưởng dẫn đầu đã vào với anh chị em ta. Còn cuộc gặp mặt nào vui sướng hơn! Nghẹn ngào xúc động, tràn đầy nước mắt. Thế rồi, trong đoàn có được bao nhiêu bia, nước ngọt đều đưa ra khao đơn vị chiến thắng... 11 giờ 30 ngày 30 tháng 4 năm 1975, xe tăng và bộ binh quân ta chiếm lĩnh dinh Độc Lập, lúc đó là phủ tổng thống của phía Sài Gòn, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ vinh quang mà Bác Hồ và Đảng, Tổ quốc và nhân dân đã giao phó:

“Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào”.

“Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước”.

Với thắng lợi ngày 30 tháng 4 năm 1975, suốt quá trình hai năm ba tháng ba ngày, tính từ ngày 29 tháng 1 năm 1973, hai đoàn ta trong Ban Liên hợp quân sự, đã kiên cường bám trụ ở trại Davis kết thúc thắng lợi nhiệm vụ lịch sử được giao.

Toàn thể cán bộ chiến sĩ đã từng sống và chiến đấu tại “tiền đồn” này, hàng năm có dịp đến với nhau trong ngày truyền thống của đoàn, thiết tha bày tỏ nguyện vọng mong trại Davis được Chính phủ công nhận là di tích lịch sử - biểu tượng xứng đáng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam trong cuộc đấu tranh trong lòng địch để phát triển những thắng lợi đã giành được trong Hiệp định Paris, phối hợp chặt chẽ với chiến trường, tích cực góp phần vào thắng lợi mùa Xuân 1975.

TRẬN ĐỊA NGOẠI GIAO TRONG LÒNG ĐỊCH

Thiếu tướng NGUYỄN ĐÔN TỰ

Nguyên thành viên Đoàn đàm phán Việt Nam dân chủ cộng hoà tại Hội nghị Paris - Trưởng đoàn đại biểu quân sự Việt Nam dân chủ cộng hoà trong Tổ Liên hợp quân sự bốn bên về tìm kiếm người chết và mất tích tại trại Davis

Cuối năm 1972, tôi đang công tác tại mặt trận Quảng Trị thì được điều về Hà Nội để vào Sài Gòn tham gia Ban Liên hợp quân sự bốn bên đấu tranh thi hành Hiệp định Paris về Việt Nam.

Từng là thành viên Tổ quân sự trong Đoàn đàm phán Việt Nam dân chủ cộng hoà tại Hội nghị Paris, được chứng kiến những năm tháng đấu tranh gay go, quyết liệt trên bàn đàm phán để đạt được hiệp định, tôi cố hình dung những khó khăn, thử thách mới đang chờ đợi mình và đồng đội trong những ngày sắp tới.

Sáng ngày 27 tháng 1 năm 1973, trong khi tại Paris đang diễn ra lễ ký chính thức Hiệp định, bộ phận tiền trạm của hai đoàn ta từ Paris đã đáp máy bay trở về Sài Gòn để kịp họp phiên đầu tiên cấp phó trưởng đoàn chuẩn bị cho việc triển khai Ban Liên hợp quân sự bốn bên, dự kiến vào tối 28 tháng 1 năm 1973. Đoàn Việt Nam dân chủ cộng hoà do Đại tá Lưu Văn Lợi, chuyên viên cao cấp, dày dặn kinh nghiệm ngoại giao, làm phó trưởng đoàn, còn Phó trưởng đoàn Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam là Đại tá Đặng Văn Thu (tức Đoàn Huyền). Hôm sau, ngày 28 tháng 1 năm 1973, cũng có hai đoàn ta từ Hà Nội đi theo chuyên cơ của uỷ ban Quốc tế kiểm soát và giám sát vào tham gia Ban Liên hợp. Đồng chí Võ Đông Giang - Đại sứ lưu động của Chính phủ Cách mạng lâm thời, với hàm đại tá, là Phó trưởng đoàn đại biểu quân sự Chính phủ Cách mạng lâm thời. Còn tôi, khi đó là trung tá, phụ trách tiền trạm Đoàn đại biểu quân sự Việt Nam dân chủ cộng hoà.

Chúng tôi, ai cũng hiểu rằng Mỹ và chính quyền Sài Gòn sẽ không dễ chấp nhận thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định và do đó, nhiệm vụ “ngoại giao trong lòng địch” lúc này sẽ rất phức tạp và đầy thử thách cam go. Quả nhiên, đúng như chúng tôi dự đoán. Hiệp định đã bị đối phương vi phạm ngay khi còn chưa ráo mực. Lúc chuyển bay đưa đoàn chúng tôi vừa đáp xuống sân bay Tân Sơn Nhất, phía Sài Gòn đã bày ra cái gọi là làm thủ tục nhập cảnh, nhằm thể hiện chủ quyền” của mình. Mỹ đưa đoàn xe du lịch đón Đoàn tiền trạm, nhưng xe lại cấm cờ trắng, chúng tôi phản đối vì đây là đoàn làm nhiệm vụ theo Hiệp định Paris, không phải là đi đầu hàng. Cờ của Ban Liên hợp quân sự phải do các bên thoả thuận, không thể do Mỹ định đoạt. Chúng tôi từ chối lên xe, trừ khi tháo hết cờ trắng. Cả hai đoàn ta đều kiên quyết không chấp nhận những đòi hỏi vô lý của họ và đòi phía Mỹ và Sài Gòn phải lập tức đưa chúng tôi về trụ sở dành cho hai đoàn mà không được kèm theo bất cứ điều kiện gì. Đây không phải là vụ rắc rối đầu tiên do phía Sài Gòn gây ra đối với các đoàn ta. Cùng hôm đó, tại sân bay Tân Sơn Nhất, phía Sài Gòn cũng đã gây khó khăn tương tự đối với cả hai đoàn từ Paris về cũng như cả hai đoàn từ Hà Nội vào (là Đoàn đại biểu quân sự Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà do Thiếu tướng Lê Quang Hoà làm Trưởng đoàn dẫn đầu và một bộ phận Đoàn đại biểu quân sự Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam). Chẳng hạn gì trước với nhau, nhưng các đoàn của ta đều phản đối không chịu làm “giấy xin nhập cảnh” và đều cùng ở lại trên máy bay trong suốt cả ngày 28, cho đến chiều ngày 29 tháng 1

năm 1973, khi phía Mỹ - Sài Gòn bị đuổi lý, buộc phải đưa tất cả các đoàn ta về trụ sở ở trại Davis. Đặc biệt, chính quyền Sài Gòn đã gây ra một vụ phá hoại Hiệp định trắng trợn và nghiêm trọng đối với đoàn của Trung tướng Trần Văn Trà, Trưởng đoàn Chính phủ Cách mạng lâm thời. Đáng lẽ theo thoả thuận, đoàn đã phải được đón từ sân bay Thiện Ngôn trong vùng giải phóng về trại Davis trong cùng ngày 28. Nhưng đến giờ hẹn, trực thăng Mỹ đã không đến đón Đoàn ta, trái lại máy bay chiến đấu của không quân Sài Gòn đến ném bom xung quanh sân bay, may mà ta đã cảnh giác đề phòng nên không bị tổn hại gì.

Như vậy, do phía Mỹ và Sài Gòn rắp tâm phá hoại Hiệp định ngay từ đầu, mãi đến tối 29 tháng 1 năm 1973, các phó trưởng đoàn bốn bên mới họp được phiên đầu tiên, chậm hơn một ngày so với thoả thuận giữa các trưởng đoàn bốn bên tại Hội nghị Paris. Ngay tại phiên họp này, hai đoàn ta đã nghiêm khắc lên án hành động lật lọng và phá hoại Hiệp định của phía Mỹ và Sài Gòn, đòi Mỹ phải trực tiếp chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn tuyệt đối cho Đoàn của Trưởng đoàn Chính phủ Cách mạng lâm thời từ địa điểm đón mới do ta lựa chọn là sân bay Lộc Ninh về sân bay Tân Sơn Nhất và trại Davis. Rốt cuộc, Mỹ không còn cách nào khác là phải đáp ứng yêu cầu của ta. Trong hai ngày 1 và 2 tháng 2 máy bay trực thăng Mỹ đã đón hết đại biểu của cả hai đoàn ta vào trại Davis.

Trại Davis, vốn là doanh trại của một đơn vị chuyên môn thuộc không quân Mỹ, mang tên Davis là để tưởng niệm quân nhân Mỹ đầu tiên chết trận tại miền Nam Việt Nam. Trại được cải tạo làm nơi ở và làm việc cho hai đoàn ta. Phía ta coi đây chỉ là địa điểm tạm thời, còn trụ sở chính thức lâu dài của hai đoàn ta phải được đưa vào trong thành phố Sài Gòn. Phía Mỹ ghi nhận nhưng sau đó dù ta nhiều lần nhắc nhở, họ vẫn cố tình không thực hiện.

Trại Davis ở gần sát phía tây nam sân bay Tân Sơn Nhất, nằm trong khu vực quân sự, xung quanh có bố trí canh phòng nghiêm ngặt vòng trong, vòng ngoài với lớp lớp hàng rào dây thép gai dày đặc, được xây theo kiểu dã chiến bằng bê tông, cốt thép, lợp fibrô xi măng. Với kiểu xây dựng như vậy, cộng thêm tiếng gầm rú suốt ngày của động cơ máy bay, rồi khí hậu nắng nóng của miền Nam... khiến cho môi trường làm việc của hai đoàn ta hết sức nặng nề và căng thẳng. Sắp xếp cho hai đoàn ta ở trại Trại Davis Davis, chính quyền Sài Gòn muốn cô lập, ngăn không cho ta có điều kiện tiếp xúc với người dân Sài Gòn, đồng thời dễ bề kiểm soát thông tin, phá sóng, gây nhiễu điện của ta. Riêng với hai trưởng đoàn ta, phía Sài Gòn lại tỏ ra đặc biệt “ưu ái”, thu xếp ở trong một nhà ngăn đôi có đầy đủ tiện nghi. Việc đó làm chúng tôi phải suy nghĩ và nâng cao cảnh giác. Quả nhiên, “sự ưu ái” này là có mục đích. Chỉ mấy hôm sau, tổ kỹ thuật chống nghe trộm của ta đã phát hiện ngôi nhà “đầy đủ tiện nghi” đó có cả những “tiện nghi” không thích hợp là những chiếc máy ghi âm vô cùng tinh xảo.

Theo Hiệp định Paris, Ban Liên hợp quân sự bốn bên trung ương hoạt động trong vòng 60 ngày kể từ ngày 28 tháng 1 năm 1973 đến 28 tháng 3 năm 1973, có nhiệm vụ giám sát việc ngừng bắn, rút quân Mỹ và quân nước ngoài ra khỏi miền Nam Việt Nam, trao trả nhân viên quân sự các bên và thường dân nước ngoài bị bắt... Ban Liên hợp làm việc theo nguyên tắc hiệp thương nhất trí giữa bốn bên.

Các cuộc họp của Ban Liên hợp quân sự thường diễn ra căng thẳng, thậm chí còn cãi vã nhau chẳng khác gì những “cuộc chiến” thực sự về ngoại giao. Tại đây, ta cực lực lên án các hành động vi phạm nghiêm trọng Hiệp định của chính quyền Nguyễn Văn Thiệu được Mỹ dung túng, trước hết là vi phạm quy định ngừng bắn, như mở các cuộc hành quân bình định, lấn chiếm, ném bom vùng giải phóng sau ngày Hiệp định Paris có hiệu lực. Đồng thời, ta cũng hết sức cảnh giác và kiên quyết bác bỏ những cái gọi là bằng chứng mà phía Mỹ, chính quyền Sài Gòn đưa ra hòng vu cáo ta vi phạm Hiệp định. Điển hình là vụ Cửa Việt. Trong phiên họp ngày 30 tháng 1 năm 1973, phía Sài Gòn tố cáo “phía Chính phủ Cách mạng lâm thời vi phạm ngừng bắn ở Cửa Việt ngày 28 tháng 1 năm 1973” và gửi công hàm tố cáo ta trước uỷ ban Quốc tế kiểm soát và giám sát. Trên thực tế, đây là hành động “vừa ăn cướp, vừa la làng” của phía Việt Nam cộng hoà. Bốn ngày sau, đoàn kiểm tra thực địa của uỷ ban Quốc tế kiểm soát và giám sát đã ra kết luận trách nhiệm vi phạm ngừng bắn thuộc về phía Sài Gòn. Thực tế là ngay trước giờ ngừng bắn có hiệu lực, quân đội Sài Gòn đã lấn chiếm cảng Cửa Việt do ta kiểm soát, ta đã giáng cho chúng đòn trừng trị đích đáng và chiếm lại cảng Cửa Việt.

Liên quan đến vấn đề rút quân Mỹ và quân đồng minh - vấn đề mấu chốt của Hiệp định, phía Mỹ cố tình trì hoãn việc thông báo lịch trình cụ thể cho Ban Liên hợp. Ta đã đấu tranh với Mỹ tại Ban Liên hợp quân sự bốn bên, đồng thời thông báo cho uỷ ban Quốc tế kiểm soát và giám sát. Trước đòn tấn công này, ngày 16 tháng 2 năm 1973, phía Mỹ phải gửi công hàm chính thức thông báo về việc rút quân và đề nghị Ban Liên hợp cử người đến giám sát việc rút quân Mỹ và quân Hàn Quốc. Kết quả là dưới sự giám sát của Ban Liên hợp quân sự bốn bên và uỷ ban Quốc tế kiểm soát và giám sát, ngày 15 tháng 3 năm 1973, USARV - Bộ chỉ huy quân đội Mỹ ở Việt Nam làm lễ cuốn cờ. Chiều hôm ấy, MACVI - Bộ Tư lệnh tối cao của Mỹ, đóng trụ sở tại Tân Sơn Nhất, được báo chí gọi là đầu Năm Góc phương Đông” cũng hạ cờ. Và ngày 29 tháng 3 năm 1973, lính Mỹ cuối cùng đã phải rút khỏi Việt Nam. Được chứng kiến những cảnh ấy, tôi tự hỏi rồi đây lịch sử sẽ viết gì về những hình ảnh u tối này của đội quân viễn chinh Mỹ ở Việt Nam.

Tuy phải chấp hành việc rút quân nhưng phía Mỹ lại trắng trợn vi phạm hiệp định, lén lút để lại hơn một vạn nhân viên quân sự, đội lột dân sự. Khi rút quân, thay vì mang theo toàn bộ vũ khí đạn dược, theo Điều 8 Nghị định thư, họ đã để lại toàn bộ cho phía Sài Gòn, thoái thác rằng mọi vũ khí và trang thiết bị quân sự đã được chở đi bằng tàu thủy (mà không thông báo cho Ban Liên hợp quân sự và uỷ ban Quốc tế kiểm soát và giám sát). Đến khi ta đưa ra bằng chứng về những vũ khí của Mỹ đã được chuyển giao cho phía Sài Gòn thì Mỹ lại ngụy biện rằng việc chuyển giao đã được tiến hành trước khi ký Hiệp định. Những vũ khí và thiết bị quân sự mà Mỹ chuyển giao trái phép lại cho chính quyền Sài Gòn cũng không thể cứu vãn được sự sụp đổ của một chế độ chỉ tồn tại nhờ dựa vào sức mạnh quân sự và sự hỗ trợ trực tiếp của hoà lực Mỹ.

Một vấn đề hết sức gai góc trong chương trình làm việc của Ban Liên hợp là thực hiện việc trao trả những người bị bắt, bao gồm nhân viên quân sự các bên, thường dân nước ngoài và nhân viên dân sự Việt Nam. Đây là vấn đề quan trọng đối với cả ta và Mỹ. Tuy nhiên, phía Sài Gòn lại tỏ ra không mấy quan tâm tới người của họ bị ta bắt vì họ cố tình giữ lại phần lớn số cán bộ chiến sĩ của ta đang bị họ giam giữ. Do đang bị thúc ép rất lớn ở trong nước về vấn đề tù binh, chính quyền Mỹ buộc lòng phải ra mặt hối thúc phía Sài Gòn đi vào giải quyết thực chất vấn đề

này. Kết quả là cho đến khi Ban Liên hợp quân sự bốn bên kết thúc hoạt động, Chính phủ Cách mạng lâm thời đã trao trả cho Mỹ 128 nhân viên quân sự Mỹ và nước ngoài bị bắt, trao đổi cho phía Sài Gòn 5.426 nhân viên quân sự, đồng thời nhận về 26.492 người của ta. Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà đã trao trả cho phía Mỹ 459 phi công bị bắt ở miền Bắc. Còn số nhân viên dân sự bị bắt giữa ta và Sài Gòn sẽ được trao trả khi Ban Liên hợp quân sự hai bên đi vào hoạt động.

Ngày 28 tháng 3 năm 1973, theo đúng quy định trong Hiệp định, Ban Liên hợp quân sự bốn bên chấm dứt hoạt động. Tuy người lính Mỹ cuối cùng cũng đã rời khỏi Việt Nam vào ngày hôm sau, nhưng chiến tranh không vì thế mà chấm dứt; miền Nam vẫn chưa im tiếng súng. Ta nắm được ý định của Nguyễn Văn Thiệu là: “không chấp nhận giải pháp của Hiệp định Paris vì quân miền Bắc còn ở lại miền Nam thì chắc chắn chế độ Sài Gòn sẽ thua và sụp đổ” Do đó, Thiệu chủ trương xoá thể da báo, đẩy lùi chủ lực ta ra vùng biên giới để dùng phi pháo và lực lượng cơ động tiêu diệt, tạo ra thế chiến trường là quân đội Sài Gòn làm chủ hoàn toàn. Như vậy, sẽ xoá bỏ được mọi giải pháp theo Hiệp định Paris, ngược lại Thiệu sẽ áp đặt giải pháp theo quan điểm của Sài Gòn.

Từ chủ trương đó, Thiệu liên tục cho lấn chiếm, ném bom vùng giải phóng, tiêu diệt các cơ sở của ta ở nông thôn, hoàn toàn dựa vào giải pháp quân sự, quên rằng hơn nửa triệu quân Mỹ trong gần 20 năm không đẩy lùi được quân miền Bắc: làm sao quân Sài Gòn yếu hơn nhiều lại có thể làm được việc đó. Các hành động vi phạm Hiệp định của phía Sài Gòn ngày càng thêm nghiêm trọng, đặc biệt là về điều khoản ngừng bắn, khi bước sang giai đoạn họp Ban Liên hợp quân sự hai bên. Dù sao, việc hai đoàn ta tích cực đấu tranh liên tục trong Ban Liên hợp quân sự bốn bên cũng đã buộc phía Sài Gòn phải thoả thuận những thể thức đảm bảo 11 điều về ưu đãi miễn trừ ngoại giao đối với Đoàn đại biểu quân sự của ta tại Tân Sơn Nhất, tạo một lợi thế rất cơ bản giúp đoàn hoạt động có hiệu quả trong Ban Liên hợp quân sự hai bên sau này. Trong cuộc đấu tranh này, các đồng chí trưởng đoàn của ta đã thể hiện rõ vai trò của mình, đấu tranh sắc sảo trên bàn hội nghị Ban Liên hợp quân sự, khiến đối phương phải kính nể.

Ban Liên hợp quân sự hai bên, bắt đầu hoạt động từ ngày 29 tháng 3 năm 1973, có nhiệm vụ giám sát việc thực hiện các điều khoản về các vấn đề quân sự và trao trả nhân viên dân sự Việt Nam bị bắt. Bên cạnh ban này còn có Tổ Liên hợp quân sự bốn bên, chuyên lo vấn đề người Mỹ mất tích.

Phối hợp đấu tranh đòi Mỹ, chính quyền Sài Gòn nghiêm chỉnh thi hành Hiệp định, hai đoàn ta tại Ban Liên hợp quân sự rất coi trọng đấu tranh trên mặt trận dư luận. Đoàn ta tại trại Davis có quan hệ, tiếp xúc và trả lời phỏng vấn với các phóng viên của hơn 80 tờ báo, hãng thông tấn, vô tuyến truyền hình và phát thanh của 21 nước trên thế giới. Hoạt động này của đoàn ta đã góp phần tranh thủ được giới báo chí miền Nam và quốc tế, kịp thời tố cáo và ngăn chặn các hành động vi phạm Hiệp định của chính quyền Sài Gòn, phối hợp với mặt trận đấu tranh của đồng bào các giới đòi Mỹ, chính quyền Sài Gòn nghiêm chỉnh thi hành Hiệp định Paris. Có phóng viên nước ngoài, nhân một cuộc họp báo, đã bí mật trao cho ta danh sách tù chính trị đang bị chính quyền Sài Gòn giam giữ. Đó thực sự là một tài liệu rất quý, là cơ sở để ta đấu tranh đòi phía chính

quyền Sài Gòn thả hết người bị bắt. Trong các đợt đàm phán kéo dài từ tháng 4 năm 1973 cho đến tháng 3 năm 1974, do ta đấu tranh mạnh trên vấn đề trao trả nhân viên dân sự và nhân viên quân sự còn lại của hai bên, cuối cùng, phía Sài Gòn buộc phải trả cho ta 5.075 nhân viên dân sự và 130 nhân viên quân sự; ta trả cho họ 637 nhân viên dân sự và 410 nhân viên quân sự. Tất nhiên, với bản chất lật lọng, xảo quyệt, cố tình phá hoại Hiệp định Paris, chế độ Sài Gòn vẫn còn giam cầm hàng vạn tù nhân chính trị và số người này chỉ được giải phóng cùng ngày giải phóng miền Nam.

Do chính quyền Nguyễn Văn Thiệu rút các quyền ưu đãi đối với các thành viên Ban Liên hợp quân sự của Chính phủ Cách mạng lâm thời, ngày 22 tháng 6 năm 1974, Chính phủ Cách mạng lâm thời tuyên bố đình chỉ hợp vô thời hạn Ban Liên hợp quân sự hai bên miền Nam Việt Nam ở La-xen-la Sanh-clao (Paris); đồng thời chỉ thị cho đoàn vẫn bám trụ lại Tân Sơn Nhất. Đoàn đại biểu quân sự Việt Nam dân chủ cộng hoà trong Tổ Liên hợp quân sự bốn bên chuyên lo về vấn đề người Mỹ mất tích cũng được chỉ thị ở lại trại Davis.

Quan điểm nhất quán từ đầu của ta là đấu tranh trên ba mặt trận: chính trị, quân sự, ngoại giao; Hiệp định Paris là giải pháp tốt nhất cho tình hình miền Nam Việt Nam. Quan điểm này được nói trực tiếp với Phái đoàn Mỹ, Sài Gòn và các nhà báo Sài Gòn cũng như quốc tế và Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát.

“Hơn 300 cán bộ chúng tôi đã ở giữa sào huyệt của chế độ Sài Gòn là để sẵn sàng thi hành Hiệp định Paris”.

Quan điểm của ta và nhất là sự có mặt của đoàn ta sau khi Ban Liên hợp quân sự đình chỉ hoạt động đã có tác động đến nhận định của Mỹ và Sài Gòn. Họ cho rằng ta đánh đến Biên Hoà là có lợi thế về ngoại giao, lúc đó chắc Ban Liên hợp quân sự sẽ họp trở lại. Do đó, họ vẫn giữ quan hệ với đoàn ta, coi đây là cầu liên lạc để thăm dò, truyền đạt quan điểm khi cần thiết.

Tình hình ngày một thêm căng thẳng. Do bị thua đau trên chiến trường, chính quyền Nguyễn Văn Thiệu quay sang trả đũa vào hai đoàn đại biểu ta tại trại Davis. Chúng cắt điện, nước, thậm chí phun cả hơi cay vào trại. Khi bị ta tố cáo thì chúng lấy cớ là phun thuốc diệt muỗi. Trong các buổi họp báo tại trại Davis và trong tiếp xúc với Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát, ta tố cáo mạnh mẽ những đòn trả thù hèn mạt này của chính quyền Sài Gòn. Hoạt động tuyên truyền của đoàn ta không chỉ làm chính quyền Sài Gòn chùn tay mà còn tranh thủ được sự ủng hộ của đồng bào các giới, của lực lượng báo chí tiến bộ, tăng thêm sức mạnh trong đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Paris. Tuy nhiên, đoàn ta tại trại Davis cũng luôn cảnh giác đề phòng trường hợp xấu nhất là chính quyền Sài Gòn điên cuồng liều lĩnh với trại Davis.

Lúc này, đoàn ta trong Ban Liên hợp quân sự hai bên và Tổ Liên hợp quân sự bốn bên tại trại Davis gồm hơn 300 cán bộ chiến sĩ, chủ yếu từ đại úy trở lên. Tuy là Đoàn quân sự, nhưng do hoạt động mang tính chất đấu tranh ngoại giao, nên theo quy định của Hiệp định chỉ được trang bị vũ khí nhẹ: 30 cảnh vệ trang bị AK, mỗi cán bộ có một khẩu súng ngắn và sau này đoàn được tăng cường hai vali lựu đạn chống tăng. Dịch đường như không che giấu ý đồ của chúng đối với trại Davis; án ngữ trước cửa trại là trại huấn luyện của sư đoàn dù; xung quanh trại Davis, dịch cho đào hào sâu, chằng dây thép gai và dựng tới mười ba trạm gác có đặt súng cỡ đạn 12,7mm. Đến

đầu năm 1975, đối phương còn cho tăng cường thêm một đơn vị xe tăng và một đại đội bộ binh đến bao vây, ngày đêm không chế nghiêm ngặt trụ sở của hai đoàn ta.

Nhân đây, tôi xin kể thêm một chút về ý đồ của Sài Gòn muốn huỷ diệt trại Davis là có thật. Trong quyển lịch công tác mà Đại tá Nguyễn Văn Bỏ, phụ trách bảo vệ Đoàn Việt Nam dân chủ cộng hoà, tìm thấy sáng ngày 1 tháng 5 năm 1975 trên bàn làm việc của tướng Cao Văn Viên, khi đó là Tổng tham mưu trưởng quân đội Sài Gòn, thì tướng Viên có ghi: “Chỉ thị cho cấp dưới được quyền sử dụng các biện pháp sau đây đối với trại Davis không cần phải xin chỉ thị của Bộ Tổng tham mưu, chỉ cần phát hiện thấy có tiếng súng từ trại Davis bắn sang sân bay: 1) Bắn pháo và cối vào trại Davis; 2) Cho xe tăng và bộ binh tấn công; 3) Ném bom; 4) Rải chất độc hoá học với điều kiện gió không thổi về phía thành phố”. Cao Văn Viên bỏ đi di tản vào chiều ngày 28 tháng 4 năm 1975, nên lệnh này có thể được phát vào ngày 27 hoặc sáng 28 tháng 4 năm 1975. Rõ ràng, lý do mà Cao Văn Viên đưa ra để các đơn vị hành động là rất mơ hồ và xảo quyệt vì chúng hoàn toàn có thể tạo ra cớ để tấn công trại. Hơn nữa, cũng không thể nào kiểm tra được chứng cứ, vì từ ngày 26 tháng 4, khu vực sân bay Tân Sơn Nhất và trại Davis nằm trong tầm không chế của pháo ta. Như vậy, có thể thấy thực chất của lệnh này là chính quyền Sài Gòn khuyến khích các đơn vị của họ huỷ diệt trại Davis kể cả bằng chất độc hoá học.

Chiến đấu trong lòng địch, chúng tôi cũng đã sớm dự đoán được ý đồ tàn bạo này của kẻ thù và hạ quyết tâm chuẩn bị sẵn sàng đối phó với các tình huống xấu nhất có thể xảy ra. Song, lãnh đạo đoàn đã không lường được trước âm mưu của chúng dùng chất độc hoá học, mà chỉ dự kiến khả năng địch bắt cả đoàn hoặc ban lãnh đạo của đoàn làm con tin để mặc cả khi Ban Liên hợp quân sự hoạt động trở lại.

Mặc dù vậy, theo sự chỉ đạo của anh Lê Quang Đạo, lúc ấy là Phó chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, thay mặt Quân uỷ Trung ương, ta đối xử với sĩ quan và binh sĩ Sài Gòn làm nhiệm vụ xung quanh trại Davis trước sau vẫn rộng lượng, thể hiện rõ bản chất anh Bộ đội Cụ Hồ trong công tác địch vận. Thời gian ở trại Davis mỗi khi lính nguy kêu đói xin gói lương khô, ta đều ném qua hàng rào cho họ, có khi còn cho cả bao thuốc lá. Cán bộ bảo vệ của ta, trong khi ngồi trong xe chờ đợi đoàn họp, thường mang rượu “Lúa mới”, bia Trúc Bạch, kẹo Hải Châu ra mời, họ rất mừng và thường xin chai uống dở mang về cho những người ở nhà được hưởng hương vị của miền Bắc. Tuy ở ngay giữa lòng địch, đoàn ta vẫn duy trì các sinh hoạt hết sức bình thường như thi đấu thể thao hoặc biểu diễn văn nghệ, binh lính Sài Gòn thường leo lên trạm gác để xem. Vẫn biết ở chiến trường thì hai bên thù địch nhau, nhưng khi có dịp trò chuyện, ta nêu tinh thần hoà giải, không lên án quá khứ của họ mà tập trung giải thích chính nghĩa của cuộc chiến đấu bảo vệ độc lập của nhân dân Việt Nam, đòi Mỹ rút về nước. Chính vì vậy, sau ngày giải phóng, tôi được nghe lời nhận xét của một số sĩ quan quân đội Sài Gòn là “các anh (phía ta) trong Ban Liên hợp quân sự đều là những người lớn”.

Sau khi Ban Liên hợp quân sự đình chỉ hoạt động, ta vẫn duy trì cuộc họp báo vào ngày thứ bảy hàng tuần; đồng đạo nhà báo các nước đến dự, nghe tin chiến sự, thăm dò quan điểm của ta có tấn công quân sự vào Sài Gòn không. Ta vẫn giữ kín ý đồ quân sự của mình, tố cáo mạnh mẽ việc Sài Gòn lấn chiếm và đánh phá vùng giải phóng, nêu rõ ta có quyền trả đũa không chỉ ở nơi

lấn chiếm mà cả ở nơi xuất phát cuộc tấn công, chuẩn bị dư luận hỗ trợ các chiến dịch quân sự của ta.

Chúng tôi luôn theo sát tình hình và hết sức xúc động được biết các lực lượng của ta bắt đầu áp sát Sài Gòn. Bộ Tư lệnh chiến dịch thông báo cho đoàn là đêm đầu tiên của cuộc tấn công, sẽ có đơn vị đặc công vào đưa đoàn ra khu an toàn cách Sài Gòn 10km. Ban lãnh đạo đoàn họp bàn nhận định “trong lúc này đoàn ta có đủ yếu tố cần thiết để chiến đấu và bám trụ thắng lợi tại chỗ”, và đề nghị Bộ Tư lệnh chiến dịch và Quân uỷ Miền cho phép đoàn tự tổ chức chiến đấu tại chỗ và bảo đảm sẽ đủ sức để bảo toàn lực lượng. Đề nghị đó được cấp trên đồng ý. Đồng chí Lê Đức Thọ gửi điện động viên đoàn: “Giữ vững bản chất anh Bộ đội Cụ Hồ”. Đại tướng Võ Nguyên Giáp gửi điện thông báo chiến thắng đang đến gần, nhắc phải đề phòng kẻ địch có thể có hành động tàn bạo với đoàn và động viên đoàn “vững vàng trên vị trí chiến đấu, ngày thắng lợi không còn xa nữa”. Cán bộ chiến sĩ trong đoàn rất phấn khởi theo dõi chiến sự và nghe thông báo Quân đoàn 2, rồi Quân đoàn 1 của Sài Gòn bị tiêu diệt và tan rã Quân đoàn 3 nguy bị đánh tơi tả, cửa ngõ Sài Gòn đã được mở, càng vững tin vào thắng lợi cuối cùng. Trước sự o ép của địch, chúng tôi vẫn bình tĩnh, hàng ngày vẫn duy trì mọi sinh hoạt bình thường, sáng vẫn thể dục, chiều thể thao, tối văn nghệ.

Từ giữa tháng 4 năm 1975, tình hình quân sự trở nên rất ác liệt. Thực hiện chỉ thị của cấp trên, lãnh đạo đoàn tổ chức cho anh em sẵn sàng đối phó với tình huống xấu nhất nhằm bảo toàn được lực lượng, giữ được vị trí trong vòng ba đến năm ngày để chờ Quân Giải phóng tới. Muốn vậy cần phải có các hố chiến đấu và các hầm có nắp tránh được pháo các loại của ta và của địch, phải có giao thông hào có nắp nối liền bảy khu vực chiến đấu, với hầm ngầm chỉ huy, hầm quân y, hầm làm kho dự trữ nước lương thực các loại. Bên trong trại, dưới sàn nhà là một hệ thống điện thoại được lắp đặt, nối từ các đài quan sát đến các khu chiến đấu và hầm chỉ huy. Lương thực và nước cũng được dự trữ đủ trong mười ngày, quân y có thể làm trung phẫu thuật. Thiếu tướng Hoàng Anh Tuấn chỉ huy chung. Với quyết tâm cao của cán bộ chiến sĩ nên chỉ trong vòng một ngày, mặc dù không có xẻng cuốc, chỉ dùng cọc màn bằng sắt các hố chiến đấu và một phần giao thông hào đã được đào xong. Tất cả đều được xây dựng tuyệt đối bí mật, có thể yên tâm pháo cối không gây thương vong được cho ta, chúng tôi sẵn sàng chiến đấu ngay cả khi xe tăng và bộ binh địch tiến đánh.

Khi bộ đội ta tiến sát gần cửa ngõ Sài Gòn thì thái độ lo sợ của Mỹ - nguy càng lộ rõ. Những cuộc “chạy vạy” gấp gáp của họ hòng cứu vãn sự sụp đổ của chính quyền Sài Gòn càng trở nên ráo riết. Ngày 25 tháng 4 năm 1975 khi Mỹ tổ chức chuyến bay liên lạc C.130 ra Hà Nội. Trung tá Sam-mơ của Đoàn Mỹ đề nghị với tôi báo cáo với Đại tướng Võ Nguyên Giáp là “Mỹ chịu thua Việt Nam rồi, không cần có cuộc tấn công quân sự vào Sài Gòn nữa. Việt Nam đề ra điều kiện gì, Mỹ sẽ thực hiện hết nên cuộc tấn công không còn cần thiết”. Phía Sài Gòn cũng định phái Bộ trưởng Thông tin là Phan Hoà Hiệp ra Hà Nội để “thương lượng”, nhưng ta không chấp nhận. Chiều ngày 25 tháng 4, Đại sứ Mỹ Martin được chỉ thị tìm cách gặp Thiếu tướng Hoàng Anh Tuấn trong bữa chiêu đãi của Đại sứ Ba Lan, đồng chí Tuấn không đi dự nên không có cuộc gặp này. Đến ngày 29 tháng 4, khi pháo của ta từ ngoại ô Sài Gòn dồn dập bắn vào nội thành, Đại sứ Martin thông qua Đoàn Hungary (thành viên uỷ ban Quốc tế kiểm soát và giám sát) đề nghị

muốn gặp trưởng đoàn đại biểu quân sự ta để “thương lượng”, nhưng ta không trả lời. Đến trưa cùng ngày, một đoàn ba người là giáo sư Châu Tâm Luân, Trần Ngọc Liễn, linh mục Chân Tín nói là do Dương Văn Minh, khi đó đã lên làm Tổng thống Việt Nam cộng hoà, phái vào Tân Sơn Nhất để gặp đại diện Chính phủ Cách mạng lâm thời. Ta không nhận gặp nếu họ đến với danh nghĩa phái viên của Dương Văn Minh. Khi họ nói là đại diện của lực lượng thứ ba và đến với danh nghĩa cá nhân, ta đồng ý tiếp. Họ đề nghị không nên tấn công Sài Gòn bằng quân sự, và nếu Chính phủ Cách mạng lâm thời có yêu cầu gì thì cứ đọc cho họ ghi, họ sẽ chuyển cho Dương Văn Minh. Thay mặt đoàn, anh Võ Đông Giang đã nhắc lại tuyên bố ngày 26 tháng 4 của Chính phủ Cách mạng lâm thời đòi “xoá bỏ hoàn toàn nguy quyền Sài Gòn và bộ máy chiến tranh kìm kẹp của nó”.

Sáng ngày 28 tháng 4, pháo và hoả tiễn của ta bắn dồn dập vào Tân Sơn Nhất. Tất cả cán bộ chiến sĩ đều ở trong hầm. Không may là một mảnh đạn pháo bay qua cửa thông hơi của hầm có nắp làm một đại uý hy sinh, một mảnh khác trúng một đồng chí cảnh vệ đang ngồi gác ở ngoài công sự. Đến rạng sáng ngày 29 tháng 4, pháo binh ta tiếp tục các đợt cấp tập yểm trợ cho các mũi bộ binh tiến vào nội đô, nhưng đã không xảy ra sự cố gì cho đoàn ta tại trại Davis.

Cho đến 10 giờ sáng ngày 30 tháng 4, Tiểu đoàn 6, Sư đoàn 10, quân đoàn 3 do đồng chí Sơn, tiểu đoàn trưởng dẫn đầu, tiếp cận trại Davis, anh em của ta ào ra đón, nghẹn ngào chào hỏi nhau, hoan nghênh những người đến giải phóng cho mình, rồi đưa cả kho nước ngọt ra mời đồng đội. Thiếu tướng Hoàng Anh Tuấn, thay mặt cán bộ chiến sĩ tại Ban Liên hợp quân sự, chào mừng và cảm ơn đơn vị và các chiến sĩ đến giải phóng cho đoàn. Buổi trưa, Phó trưởng đoàn uỷ ban Quốc tế kiểm soát và giám sát Hungary đi nhờ xe quân Giải phóng của anh Phùng Ngọc Bảo vào thăm đoàn. Tất cả đều hoan hỉ vì đoàn Hungary và Ba Lan đều được an toàn, các đồng chí bạn chúc mừng thắng lợi của ta và bày tỏ lòng khâm phục quân ta đã nhanh chóng giải phóng Sài Gòn.

Đúng 11 giờ 30 phút ngày 30 tháng 4 năm 1975, cùng với quân dân cả nước, chúng tôi chào đón thời khắc lịch sử đối với dân tộc ta. Riêng đối với tôi cũng như anh em cán bộ chiến sĩ trong Ban Liên hợp quân sự, thời khắc còn có ý nghĩa đặc biệt: đó là thời điểm kết thúc quá trình hai năm ba tháng ba ngày kiên cường bám trụ tại trại Davis chúng tôi đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ khó khăn, phức tạp nhưng rất vinh quang trên trận địa ngoại giao trong lòng địch, thể hiện rõ bản chất anh Bộ đội Cụ Hồ.

Gần 30 năm đã trôi qua, nhưng ký ức về những tháng ngày oanh liệt ấy vẫn không phai mờ trong tâm trí chúng ta. Thực sự trại Davis đã trở thành biểu tượng xứng đáng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam trong cuộc đấu tranh thi hành Hiệp định Paris, góp phần đem lại thắng lợi vẻ vang cho dân tộc trong mùa Xuân 1975 lịch sử.

NHỮNG ÁNH MẮT TRÌU MẾN CỦA NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÀI GÒN VỚI PHÁI ĐOÀN QUÂN SỰ CỦA CÁCH MẠNG

Ngày 10 tháng 4 năm 2004, Bà Nguyễn Thị Bình nguyên là Bộ trưởng Ngoại giao của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam gửi cho Ban liên lạc Câu lạc bộ

truyền thống Ban Liên hợp quân sự (khu vực phía Bắc) một bức thư. Nội dung bức thư thể hiện sự gắn bó trách nhiệm của Bà với các phái đoàn quân sự của ta từ trại Davis, Bà gửi kèm một bức thư của đồng chí Võ Đông Giang đã gửi cho Bà từ năm 1973 và Bà đề nghị xem có thể đăng vào cuốn Hồi ức về Ban Liên hợp quân sự phần nào ghi lại hoạt động của các đồng chí ta tại trại Davis.

Trao đổi với Ban liên lạc của Câu lạc bộ, chúng tôi đăng bức thư của Bà Nguyễn Thị Bình và trích đăng bức thư của đồng chí Võ Đông Giang.

THƯ CỦA BÀ NGUYỄN THỊ BÌNH

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2004

Thưa các đồng chí trong Câu lạc bộ truyền thống Ban Liên hợp quân sự bốn bên và hai bên khu vực miền Bắc!

Tôi không phải là cán bộ hoạt động tại Camp David^(xviii), nhưng với trách nhiệm của tôi trong thời gian trước, trong và sau Hiệp định Paris về Việt Nam, giữa chúng ta có sự gắn bó mật thiết. Hơn nữa, tại Camp David, tôi có những đồng chí, những người bạn thân cùng hoạt động từ lâu, trong đó có Đại tá Võ Đông Giang, Thiếu tá Ngọc Dung, Đại tá Dương Đình Thảo.

Đồng chí Võ Đông Giang cùng công tác với tôi ở Ban Thông nhất Trung ương, tôi là tổ trưởng 1A, đồng chí Giang là tổ trưởng 1B. Trong những năm đầu hoạt động đối ngoại, chúng tôi rất ngỡ ngàng. Trước đó tôi hoạt động chủ yếu trong các đoàn thể thanh niên, phụ nữ, là một cán bộ hoạt động bí mật tại Thành phố Hồ Chí Minh (lúc đó là Sài Gòn) tôi có kinh nghiệm đấu tranh chính trị, tổ chức biểu tình, bãi công, bãi khoá. Đồng chí Võ Đông Giang đã từng là Bí thư tỉnh Phú Yên, có hoạt động trong Liên khu đình chiến một thời gian ngắn. Trước yêu cầu của hoạt động ngoại giao rộng lớn của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam, sau đó là của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam, chúng tôi phải vừa làm, vừa học, tích cực ủng hộ nhau.

Đồng chí Võ Đông Giang nay không còn nữa. Vì trách nhiệm và vì tình cảm bạn bè, đồng chí thân thiết nên tôi muốn có cái gì đó nói về anh Giang. Vừa qua, soạn lại tài liệu, tôi tìm được bức thư của anh Giang. Tôi xin chuyển lại các đồng chí để xem có thể đăng phần nào để ghi lại hoạt động của các đồng chí ta ở Camp David không.

Xin kính chúc các đồng chí dồi dào sức khỏe.

NGUYỄN THỊ BÌNH

Trích thư của đồng chí Võ Đông Giang nguyên là Phó đoàn đại biểu quân sự của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam trong Ban Liên hợp quân sự bốn bên và hai bên gửi cho Bà Nguyễn Thị Bình để phản ánh tình hình về cuộc đấu tranh của phái đoàn quân sự ta trong trại Davis.

Ngày 18 tháng 10 năm 1975

... “Chị Bình thân mến.

... Tôi vừa đi dự một cuộc chiêu đãi ở Sài Gòn về ngày quân đội Ba Lan - cứ mỗi lần đi như vậy, tôi thấy được động viên thêm, về đến nhà lại được thư và quà của chị, quà thuốc lá, trong lúc một số anh em phải thức đêm, có cái dễ tỉnh người.

Để có sức động viên mạnh mẽ mà tôi tiếc là không thể mô tả một cách đầy đủ là sự triu mến biểu hiện trong ánh mắt của hầu hết những người dân ở thành phố này đối với những người đại diện của chính quyền cách mạng mà họ gặp lướt qua trên đường phố. Có lẽ phải biết làm thơ thì mới ghi và nói lại được một cách đầy đủ...”.

... “Một điều động viên nữa là thái độ “thiên Việt cộng” của số đông các nhà báo phương Tây mà tôi gặp trong chiêu đãi.

Trong cái ồn ào của cuộc chiêu đãi, ở đó ai cũng nói chuyện tay đôi, tay ba thì họ cũng tự do nói chuyện một cách tự nhiên. Họ cởi mở hơn vì ít sợ bị lính kín của Sài Gòn theo dõi như là trong các cuộc họp báo của đoàn tại trụ sở Tân Sơn Nhất.

Họ có điều kiện hơn đã nói toạc ra với mình những cảm nghĩ không lấy gì làm tốt đẹp của họ đối với chế độ Sài Gòn.

Tôi xin kể chị nghe vài mâu chuyện mà tôi cho là lý thú.

Với tay Sharrock, giám đốc phân xã Roi-tơ. Tôi hỏi:

- Chào ông Sharrock, gần đây không thấy ông đến dự cuộc họp báo của chúng tôi.

- Tôi có vấn đề, hơi ngượng với các ông, tôi không tưởng tượng được rằng Chính phủ Anh của chúng tôi lại là chính phủ đầu tiên công nhận chế độ đảo chính ở Chi-lê, đi trước cả chế độ Sài Gòn nữa.

- Không có lẽ đó lại là lý do đến ông không đến với chúng tôi?

- Tôi biết là Chính phủ Cách mạng lâm thời đã cắt đứt quan hệ ngoại giao với chế độ Chi-lê, đó là thái độ đúng đắn.

- Ông cho rằng tôi không phân biệt được Chính phủ Anh với nhân dân Anh hay sao?

- Nếu các ông phân biệt được như vậy thì tôi rất cảm ơn. Đúng là tôi có quyền tự tách mình ra khỏi thái độ của chính phủ nước tôi.

Với bà Victoria, đại diện báo London Times (gọi là bà, nhưng rất trẻ và khá đẹp đây chị ạ).

- Chào bà Victoria, tôi cảm ơn bà đưa tin khách quan về việc chính quyền Sài Gòn ném bom Gò Dầu Hạ.

- Đó là nghề nghiệp của chúng tôi.

- Nhưng tôi chưa rõ là bà viết như thế nào mà khi đưa lại tin của bà, đài phát thanh của chúng tôi cứ oang oang lên là “ông ta” đã nói thế này, “ông ta” đã nói thế nọ...

- Không sao, đài giải phóng họ ở xa, trách làm gì? Ở đây các ông biết, thế là tôi đã đưa “Recompenséc”, dù rằng khi đưa tin, tôi không chờ mong chuyện ấy...”.

“... Bây giờ tôi trả lời thư chị. Hội nghị cấp cao không liên kết ở Alger, tiếng vang ở Sài Gòn lớn lắm chị ạ.

Thằng nguy như chó cụp đuôi hay như mèo bị cắt tai cũng thế. Bởi nó chủ quan, tưởng dễ phá ta, cho nên mới làm ồn ào lộ liễu, cuối cùng đã chẳng phá được lại còn phải xoi một cái nghị quyết độc quá, chắc là điếng cả người.

Mấy tờ báo đối lập ở Sài Gòn như Điện Tín, Đại dân tộc lại xỏ cho mấy bài bình luận rất ác, thằng nguy lại càng tức. Trong khi đó, tại Ban Liên hợp, cứ mỗi lần nó muốn đánh ngang bằng ta với nó trong việc vi phạm hay không vi phạm hiệp định thì quân ta lại đem phần nghị quyết “ác độc” của Hội nghị Alger ra đọc cho nó nghe chơi cho tỉnh người, “minh mẫn trí tuệ” thêm một chút. Hoặc là mỗi khi nó muốn giành thêm “thượng phong thì quân ta lại vác nghị quyết Alger ra bình một trận...”.

Úc quá thằng nguy bèn cho mấy tờ báo phản động nhất chửi đổng Hội nghị không liên kết. Nhưng mà nói càn nên tiền hậu bất nhất, chỉ càng làm trò cười và tự cô lập thêm. Đại thể có 3 pha: Ban đầu thì ve vãn người ta, sau không được mới lý sự rằng Nga, Tàu, Mỹ gì cũng đã hoà hoãn, bắt tay nhau, khối không liên kết không còn có tác dụng nữa. Cuối cùng bị cái nghị quyết đau quá, bèn lý sự rằng làm gì có chuyện không liên kết. Thời buổi này không đi với Mỹ thì đi với Nga. Tàu, không đi với phe “tự do” thì chỉ có đi với cộng sản mà thôi. Cái thứ lý sự lôm côm như vậy, các báo đối lập họ đều có sửa khéo cả đấy, tuy rằng có nhiều đoạn bị “tự ý đục bỏ”.

“... Tôi lại nhớ ra còn mấy việc nữa: Thằng nguy vẫn lấy vụ tấn công hồi Tết Mậu Thân để gây căm thù đối với Việt cộng, nói là ta giết hại đồng bào. Không phải là không có người nghe đâu chị ạ. Tại bàn hội nghị để đập lại luận điệu bậy bạ của nó, tôi có một loạt tin của UPI, AP lúc bấy giờ tố cáo Mỹ cho ném bom, bắn phá thẳng tay thành phố Huế cho đến khi lấy lại được thành phố này. Nhưng thấy chưa đủ nhờ chị hỏi thử các anh Tôn Thất Dương Tiềm, anh Trần, hoặc bà Chi, v.v., lúc bấy giờ ở đó, có cách gì vạch mặt vu cáo và đổ vấy của nó không? Nếu có cái gì hùng hồn và thuyết phục, chắc là bổ ích lắm. Đưa lên đài hoặc gửi cho chúng tôi sử dụng.

- Gần đây Bộ Ngoại giao ta ra tuyên bố liên tù tì, có nhiều cái sử dụng tốt lắm cùng một quả bóng đó mà tung lên, tung xuống kiểu này, kiểu khác. Đó là cách “phản phúc động viên” đỡ nhàm nhất.

- Vấn đề tù chính trị, gần đây hơi lút, thực tế vẫn là vấn đề có cơ khởi động và cần khơi động trở lại. Vẫn là vấn đề âm ỉ, chực bùng nổ; có liên quan đến các phe phái đối lập, là đề tài mà chúng tôi chực nắm lấy để đá thằng Thiệu và cũng là đề tài mà thằng nguy trông làm dịu đi được chừng nào tốt chừng ấy. Chúng tôi đang tính đưa vấn đề này trở lại như thế nào mà không loãng vấn đề ngừng bắn...

Thôi chị nhé, hẹn chị thư sau. Xin chúc chị, các anh trong Ban Cán sự và tất cả anh chị em trong cơ quan luôn luôn vui khỏe và công tác ngày càng thắng lợi, chúng tôi cũng được phần”

VÕ ĐÔNG GIANG

QUÂN VÀ DÂN KHU 6 ĐẤU TRANH THI HÀNH HIỆP ĐỊNH PARIS

Thượng tướng NGUYỄN TRỌNG XUYỀN

Nguyên Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, nguyên Trưởng đoàn đại biểu quân sự Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam trong Ban Liên hợp quân sự bốn bên khu vực IV - Phan Thiết

Sau khi Hiệp định Paris được ký kết, dưới sự lãnh đạo của Đảng, quân và dân Việt Nam ta lại có thêm một trận tuyến đấu tranh mới với phương thức đấu tranh mới. Đó là đấu tranh thi hành Hiệp định Paris.

Hiệp định Paris là kết quả và là một thắng lợi chiến lược to lớn, tạo bước ngoặt quyết định trong cuộc chiến đầy ác liệt và máu xương của quân và dân ta trên chiến trường trong gần 21 năm vì sự nghiệp giải phóng miền Nam, cho Bắc - Nam liền một dải, cho non sông thu về một mối. Và đây cũng là một thất bại to lớn và nhục nhã nhất của đế quốc Mỹ xâm lược trong cuộc chiến này.

Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, quân và dân Việt Nam đã thực hiện một cách tuyệt hảo phương châm chiến lược thiên tài của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại: “Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào”. Thi hành Hiệp định Paris, buộc hơn nửa triệu quân Mỹ phải cút khỏi miền Nam nước ta, không được can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam. Quân Mỹ rút không những làm cho cán cân lực lượng nghiêng hẳn về ta, rất không có lợi cho địch, mà còn làm cho ngụy quân, ngụy quyền mất chỗ dựa sống còn vốn có xưa nay, đưa đến sự suy sụp không sao cứu vãn nổi về mặt tâm lý - tinh thần, ý chí chiến đấu và khó khăn trang bị vũ khí của chúng.

Nhưng là tên đế quốc hùng mạnh và nham hiểm nhất, bọn xâm lược Mỹ chưa hề chịu từ bỏ mưu đồ đen tối của chúng đối với Tổ quốc Việt Nam ta. ý cò sức mạnh của một siêu cường tựa hồ không ai địch nổi, chúng tưởng chỉ tạm thời lùi một bước để rồi tiến lên phản kích, phá hiệp định, lật lại thế cờ đã mất. Đúng lời “Cà cuống chết, ớt vẫn còn cay?”. Nào ngờ, mưu sâu thì hoạ càng sâu. Bước thất bại này đã và đang đẩy chúng càng rơi nhanh vào vực thẳm thất bại càng ê chề và nhục nhã hơn.

Tuy nhiên, dù trong tình thế nào, quân và dân Khu 6 vẫn thề luôn khắc cốt ghi xương lời dạy của Bác muôn vàn kính yêu là phải “đánh” thì ngụy mới nhào chứ không phải cứ Mỹ cút thì ngụy tự khắc sẽ nhào.

Chính nhờ nghiêm chỉnh chấp hành chỉ thị và mệnh lệnh của trên, quán triệt tình hình và nhiệm vụ mới từ khi có Hiệp định Paris quân và dân Khu 6 càng ý thức sâu sắc rằng, công cuộc giải phóng miền Nam vẫn sẽ còn muôn vàn hy sinh và ác liệt. Vì vậy lúc này hơn lúc nào hết càng phải quán triệt sâu sắc hơn nữa quan điểm bạo lực của Đảng, nắm vững tư tưởng tích cực tấn công bằng sức mạnh tổng hợp của hai lực lượng, hai phương thức và ba mũi giáp công. Đặc biệt là lực lượng vũ trang phải luôn chắc tay súng, không được ảo tưởng.

Đồng thời chúng tôi cũng ý thức được rằng, Hiệp định Paris là cơ sở pháp lý rất quan trọng để ta tiến hành cuộc đấu tranh trên trận tuyến mới.

Do đó một mặt chúng tôi dựa vào các điều khoản của hiệp định để đấu tranh với địch. Đây là một cuộc đấu tranh không kém phần gay go và phức tạp một chút nào. Đồng thời, một mặt khác có ý nghĩa quyết định nhất là phải luôn sẵn sàng và kiên quyết hành động để kịp thời đánh trả, ngăn chặn những âm mưu và hành động phá hoại hiệp định của địch. Chính vì vậy, tuy Hiệp định Paris đã được ký, nhưng cuộc chiến đấu đã không chấm dứt, mà trái lại, nó vẫn và cần được tiến hành một cách kiên quyết, tích cực và khẩn trương hơn cho đến khi giành được thắng lợi hoàn toàn trong công cuộc giải phóng miền Nam.

Với nhận thức đó, Khu 6 đã khẩn trương và kịp thời chấn chỉnh và nắm vững các lực lượng, lực lượng vũ trang, lực lượng chính trị của quần chúng, luôn sẵn sàng để kiên quyết đánh bại âm mưu “tràn ngập lãnh thổ” của địch, không những chỉ đánh lùi các cuộc tiến công lấn chiếm của chúng, mà còn tích cực và chủ động tiến công giải phóng nhiều vùng đất đai, giành dân, mở rộng vùng giải phóng, tạo thế và lực mới cho cách mạng, trước mắt là ở vùng tranh chấp. Chủ trương trên đã được các tỉnh, các đơn vị bộ đội và các huyện thực hiện một cách thật nghiêm túc và đều khắp.

Tranh thủ thời gian khi hiệp định chưa có hiệu lực, ta huy động tất cả lực lượng kể cả bộ đội cảnh vệ, trinh sát và cả lực lượng sản xuất, làm kinh tế, cả dân quân du kích và cả lực lượng chính trị của quần chúng, nhân lúc địch chưa kịp đề phòng, ta đồng loạt hành động thật nhanh chóng làm cho kẻ địch không kịp trở tay. Kết quả ta thu được thật bất ngờ. Khi Hiệp định có hiệu lực, trong thế bị động, quân địch cố xua quân ra hòng đánh chiếm lại những vùng đã bị mất nhưng đều bị ta đánh trả gây cho chúng nhiều thiệt hại nặng nề buộc địch phải rút quân, ta vẫn giữ được vùng mới giải phóng. Tất nhiên, ta không hề dừng lại ở kết quả đã giành được mà còn tích cực chủ động tiến lên giành thêm nhiều thắng lợi hơn nữa.

Đi đôi với mũi tấn công quân sự, ta huy động quần chúng dựa vào tính pháp lý của Hiệp định tiến hành đấu tranh đã buộc địch phải rút lui ở một số nơi.

Lợi dụng lúc tâm trạng địch không ổn định, ta đẩy mạnh công tác địch vận một cách thật táo bạo và mạnh mẽ với nhiều hình thức phong phú và sinh động. Đồng bào nói với binh lính nguy: “Thi hành hiệp định, quân Mỹ thua, Mỹ về nước còn các chú về đâu? Hơn nửa triệu quân Mỹ hùng mạnh như thế mà còn bị Quân Giải phóng đánh cho phải rút chạy, bỏ lại một mình các chú với thân cô thế cô phải chống lại Quân Giải phóng, chẳng khác nào “trứng chọi đá”. Các chú biết thân phải liệu sớm thì Mặt trận sẽ khoan hồng. Còn nếu không cứ hùng hùng hồ hồ thì đến lúc cùng dù có hối cũng không kịp. Lúc đó chẳng ai cứu các chú đâu, vì vậy bây giờ các chú hãy tự cứu lấy mình là đúng nhất”.

Nhờ quán triệt quan điểm và đường lối của Đảng và mà còn phát triển thêm lực lượng, cả lực lượng chính trị của quần chúng và cả lực lượng vũ trang, củng cố và cải thiện được cả thế và lực của ta tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc chiến trên chiến trường cũng như cho cuộc đấu tranh của phái đoàn ta trong Ban Liên hợp quân sự bốn bên ở khu vực IV - Phan Thiết.

Dẫu đã chủ trương và hành động như vậy, nhưng chúng tôi vẫn lo vì điều kiện chiến trường xa nên chưa nhận được chỉ thị cụ thể của trên. May mà trong khi ấy chúng tôi lại nhận được thông báo của Bộ Tư lệnh Miền về kinh nghiệm của Khu 9 đấu tranh thi hành Hiệp định

Paris là không được ảo tưởng ôm sủng ngồi chờ quân địch thi hành Hiệp định, phải tranh thủ tấn công giành thắng lợi.

Trong khi chúng tôi đang tích cực tiến hành những phương án tác chiến và đấu tranh mới thì nhận được chỉ thị của trên điều tôi đi làm trưởng đoàn quân sự khu vực IV trong Ban Liên hợp quân sự bốn bên ở Phan Thiết, gồm các tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận, Lâm Đồng, Tuyên Đức, Bình Tuy và Quảng Đức. Chấp hành chỉ thị của trên, Thường vụ Khu uỷ 6 thống nhất đề nghị đề đồng chí Bùi Văn Mỹ - Phó tu lệnh đi thay tôi, còn tôi ở nhà lo chiến đấu.

Đề nghị của Thường vụ Khu uỷ 6 không được chấp nhận thế là tôi phải lên đường ra Phan Thiết với nhiệm vụ là trưởng đoàn quân sự Ban Liên hợp quân sự bốn bên ở khu vực IV. Từ đây, tôi phải đảm trách một nhiệm vụ mới với phương thức đấu tranh mới, rất mới mẻ đối với tôi.

Đoàn khu 6 vào Phan Thiết có gần 40 người theo quy định, gồm có cán bộ tham mưu, chính trị, hậu cần, phiên dịch, cơ yếu, thông tin, điện đài và cảnh vệ. Trung tá Võ Thọ Sơn ở miền Bắc vào và Trung tá Đinh Sĩ Uẩn chủ nhiệm chính trị khu làm phó đoàn.

Chúng tôi chọn một trang trống có bố trí và thiết bị đầy đủ các tín hiệu theo quy định cho trực thăng Mỹ đáp xuống đón chúng tôi, và đồng thời cũng chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu đánh trả nếu quân địch lật lọng không đưa trực thăng đến đón mà đem bom đến đánh phá, như đã từng xảy ra ở một số nơi.

Trước khi đi làm nhiệm vụ mới, toàn đoàn đã được quán triệt đi là vào chôn sào huyết của địch với cuộc đấu tranh mới không kém phần gay go và quyết liệt. Vì vậy cần phải chuẩn bị sẵn sàng về các mặt, nhất là về mặt tinh thần - tư tưởng và ý chí chiến đấu, nắm chắc nội dung của Hiệp định để đấu tranh thắng lợi, cũng như độc lập chiến đấu và chiến thắng. Tôi nhấn mạnh thêm, trong cuộc đấu tranh trực diện với địch lần này, ta phải nắm vững quan điểm địch - ta rõ ràng, lập trường phải kiên định, tích cực tấn công, tư thế phải đàng hoàng chừng chạc của người đang chiến thắng, còn thái độ phải lịch thiệp trong giao tiếp.

Theo đúng hiệp đồng, Mỹ đưa bốn trực thăng đến đón đoàn chúng tôi ra Phan Thiết. Trong bốn chiếc trực thăng đó có một chiếc dành riêng cho trưởng đoàn, có một tên sĩ quan Mỹ, phó đoàn nguy và Trung tá Võ Thọ Sơn phó đoàn của ta đang ngồi chờ sẵn trong đó. Lên trực thăng cùng tôi có một phiên dịch, một sĩ Quan liên lạc và bốn chiến sĩ mang theo một khẩu B40 và 3 khẩu AK để đề phòng trường hợp xấu có thể xảy ra. Tôi đã chuẩn bị sẵn một bài phát biểu để khi trực thăng đáp xuống sân bay Phan Thiết thì đọc để báo cáo với Đảng, chính quyền và nhân dân các dân tộc thuộc chiến trường Khu 6 về đoàn ta làm nhiệm vụ. Về trang phục, chúng tôi mặc quân phục mùa hè miền Bắc màu xanh, áo bỏ trong quần, đội mũ cối có sao giải phóng, đi giày đen, cánh tay trái đeo băng có con.số 4 của Ban Liên hợp quân sự bốn bên.

Khi trực thăng chở chúng tôi vừa đáp xuống sân bay Phan Thiết đã có đông đảo các nhà báo đứng xung quanh, tôi tranh thủ đọc bài phát biểu đã chuẩn bị sẵn, đồng thời anh em ta cũng kịp thời phân phát bài phát biểu ấy cho các nhà báo. Đọc xong, không đợi anh em xuống hết, tôi lên ô tô về trụ sở của đoàn tại trại Ê-sép-póc ở Phan Thiết, trong một khu cùng đoàn miền Bắc do Trung tá Tạ Viết Quý - làm trưởng đoàn.

Đoàn tôi ở trong một khu nhà cấp bốn có hàng rào bao bọc xung quanh, cảnh vệ ta gác bên trong rào, quân cảnh nguy gác ngoài rào. Ban ngày hai đoàn ta có gì cần bàn thì qua cổng chính. Ban đêm cổng chính đóng, ta qua hàng rào đi sang với nhau một cách dễ dàng.

Đoàn Mỹ ở khu vực IV do Đại tá Phoóc-man làm trưởng đoàn. Đoàn nguy Sài Gòn do Đại tá Nguyễn Mạnh Đình làm trưởng đoàn. Đình ở tuổi 42, dân công giáo Kề Sắt di cư vào Nam năm 1954, là một tên chống cộng khét tiếng.

Bảo đảm ăn uống cho đoàn ta, Mỹ thuê một nhà thầu cung cấp cho ta lương thực, thực phẩm, củi đốt, còn việc nấu nướng thì tự lo lấy cho an toàn. Nước được chứa vào bể, thả cá sống vào để kiểm tra độ an toàn nếu cá chết phải xả bỏ hết nước ngay. Ở chân giường của mỗi người đều có một can nước 20 lít để đề phòng địch cắt nước, mỗi người đều có 5 cây nến để phòng khi địch cắt điện. Chúng tôi còn đục một lỗ lên trần nhà có thang leo lên leo xuống, sẵn sàng để khi có sự cố thì đưa điện đài, phương tiện tài liệu và người lên đó để liên lạc với anh Trần Văn Trà - trưởng đoàn của ta ở Ban Liên hợp trung ương và các đoàn Hungary và Ba Lan để tới cứu. Chúng tôi còn đặt nhà thầu mua củi đun có độ dài khoảng 0,8m chắc chắn với lý do là để đun được lâu. Nhưng thực ra là để chọn những thanh củi chắc chắn để đầu giường làm vũ khí tự vệ. Trưởng đoàn ở một phòng, còn đoàn viên thì cứ hai người một phòng. Phòng ở cũng được luân chuyển luôn để đề phòng địch theo dõi, đặt máy nghe trộm. Khi bàn phương án đấu tranh, vào phòng tắm mở cho nước chảy rồi trao đổi. Sống trong sào huyệt của địch, chúng tôi buộc phải chuẩn bị mọi thứ bảo đảm luôn sẵn sàng đối phó với mọi tình huống có thể xảy ra trong bất cứ lúc nào.

Nơi họp của bốn đoàn nguyên là một nhà thờ công giáo. Phòng họp đặt ở giữa nhà có một chiếc bàn vuông to mỗi đoàn ngồi một cạnh. Bốn góc nhà có bốn phòng dành riêng cho bốn đoàn.

Buổi sáng họp từ 8 giờ. Sau mỗi giờ họp lại nghỉ ba mươi phút. Buổi chiều có hôm không họp.

Trước phiên khai mạc, Ban Tổ chức đo lại các cạnh của chiếc bàn xem có bằng nhau không. Ghế ngồi của các đoàn phải giống nhau. Trưởng đoàn ngồi ghế đỏ. Ghế bên phải tôi là đồng chí phiên dịch, bên trái tôi là phó đoàn, phía sau là năm sĩ quan, trong đó có đồng chí lo việc ghi chép, đồng chí ghi âm.

Hôm khai mạc, các nhà báo được quay phim, chụp ảnh trong vòng mười phút rồi ra ngay, sau đó các đoàn lần lượt phát biểu theo chiều kim đồng hồ. Chủ tịch hội nghị cũng được thay phiên từng ngày. Đoàn Việt Nam dân chủ cộng hoà ngồi đối diện với Đoàn Mỹ, Đoàn Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam ngồi đối diện với Đoàn nguy Sài Gòn. Khi vào phòng thì ai vào trước đứng dậy bắt tay người vào sau. Nhưng điều đó chỉ được thực hiện giữa Đoàn Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam với Đoàn Việt Nam dân chủ cộng hoà, và sau đó, đoàn Mỹ chủ động đến bắt tay hai đoàn ta trước rồi mới vào ghế ngồi. Chỉ có Đoàn Mỹ bắt tay Đoàn nguy.

Khi đọc diễn văn khai mạc, các trưởng đoàn đều ngồi tại chỗ. Đọc xong để bài phát biểu trên bàn. Không ai vỗ tay cho ai. Nội dung bài diễn văn chủ yếu xoay quanh danh tính của mình

hứa “đem hết sức mình thực hiện hiệp định...” rồi kêu gọi các đoàn nghiêm chỉnh thực hiện hiệp định... Cuối cùng “chúc sức khỏe...”.

Lúc đầu, chúng tôi chú ý thăm dò thái độ của đối phương. Sau ba ngày họp đầu, chúng tôi đã có cơ sở để khẳng định được âm mưu và hành động của địch trong cuộc đấu tranh này như chúng tôi đã xác định lúc ra đi, là địch sẽ phá hoại hiệp định bằng mọi giá, chỉ thi hành điều mà có lợi cho chúng. Minh chứng rõ ràng là những vấn đề lớn có tính xây dựng mà ta đưa ra, đối phương không quan tâm xem xét, mà chỉ tập trung vu cáo ta nổ súng chỗ này, đánh chiếm chỗ kia, làm cho không khí hội nghị càng trở nên căng thẳng, chứ không giải quyết được vấn đề gì cả từ đó, chúng tôi tập trung vào việc vạch trần những âm mưu và hành động phá hoại hiệp định của địch.

Thật vậy, trên bàn hội nghị, trưởng đoàn Mỹ luôn thờ ơ về mặt lạnh tanh, thỉnh thoảng còn cố khiêu khích hai phái đoàn của ta.

Không chỉ khiêu khích trên bàn hội nghị, địch còn bày bao trò lộ bịch khác. Có một buổi sáng khi ngủ dậy chúng tôi thấy một tốp khoảng bốn năm mươi tên cời trần, trên ngực, trên cánh tay có xăm những hình hài thật quái dị đang múa võ, nhào lộn bên cạnh chỗ đoàn ta ở để phô trương.

Trong buổi họp sáng hôm ấy, khi giải lao tôi nói với Nguyễn Mạnh Định, Trưởng đoàn nguy:

- Sáng nay tôi thấy quân của ngài múa võ, xem ra động tác còn vụng về lắm, so với đặc công của chúng tôi thì còn kém xa.

Từ đó không thấy bọn đầu trâu mặt ngựa ấy xuất hiện nữa. Nhưng chúng lại bày trò bỉ ổi khác, đưa một toán con gái ăn mặc hở hang nhố nhăng đến gần chỗ đoàn ta ở ăn uống, nhảy nhót hát ca trông thật ghê tởm.

Tôi lại nói với Nguyễn Mạnh Định:

- Quân đội chúng tôi, doanh trại ra doanh trại, chứ không giống như trong doanh trại quân đội của các ông lại có cảnh lộ lăng như tôi vừa thấy sáng nay.

Chúng lại dẹp cái trò ấy.

Ngoài ra địch còn tìm mọi cách thăm dò tìm hiểu tình hình ta, như cho những tên giả danh nhà thầu đến đưa thức ăn và tên đi phun thuốc diệt muỗi, để xem xét tình hình đoàn ta.

Khi Hiệp định Paris có hiệu lực, Nguyễn Văn Thiệu được Mỹ tiếp tay đã trắng trợn tuyên bố chống phá hiệp định đến cùng. Chúng nêu khẩu hiệu “bốn không”: không có hoà bình, không có ngừng bắn, không có giải pháp chính trị, không có tổng tuyển cử. Chúng còn ngang nhiên ra lệnh cho quân nguy thực hiện chính sách “trần ngập lãnh thổ”, lấn chiếm vùng giải phóng của ta.

Ngày 10 tháng 3 năm 1973, địch cho tiểu đoàn 202 bảo an ra lấn chiếm xóm Bầu. Xóm Bầu nằm ven đường số 8, cách thị xã Phan Thiết 4 cây số. Ta dùng đấu tranh chính trị để buộc địch phải lui quân, nhưng không thành. Ta lập tức tấn công tiêu diệt gọn một đại đội, bắt tù binh, thu vũ khí và bảo vệ được xóm Bầu. Bọn địch sống sót chạy thực mạng bỏ lại xác đồng bọn và số lính bị thương. Ta dùng bộ đàm báo cho phép địch đến mang xác đồng bọn và lính bị thương về.

Hôm sau địch đưa vụ xóm Bàu ra tố cáo ta trong cuộc họp Ban Liên hợp bốn bên. Tôi trả lời ngay:

- Xóm Bàu là thuộc vùng giải phóng của cách mạng. Các ngài xưa quân đến lấn chiếm, tức là phía Sài Gòn đã trắng trợn vi phạm hiệp định. Bộ đội giải phóng đánh trả để bảo vệ chủ quyền là phù hợp với hiệp định.

Đuôi lý Trưởng đoàn nguy bèn đề nghị tổ chức điều tra xóm Bàu.

Tôi lập tức bác ngay. Tôi tuyên bố: Xóm Bàu là vùng giải phóng, bố trí mìn và phòng không rất mạnh đã không an toàn, đoàn chúng tôi không đi, Đoàn Việt Nam dân chủ cộng hoà cũng tuyên bố không đi thế là vụ xóm Bàu cho qua luôn.

Một hôm, Đoàn nguy Sài Gòn đến họp chậm khoảng ba mươi phút. Đến giờ giải lao, Đình nói với tôi:

- Thưa ngài, ngài có biết vì sao hôm nay chúng tôi đã họp chậm không.

Tôi chưa kịp nói thì Đình nói ngay:

- Hôm nay trước khi chúng tôi đi họp, có một đoàn dài đến chỗ chúng tôi đòi gặp các ngài để đấu tranh.

Tôi nói ngay:

- Tôi cần nói để các ngài biết, những người Việt Nam chân chính và yêu nước không bao giờ lại đi gây rắc rối với chúng tôi. Còn những người đòi gặp chúng tôi để gây rối là loại người nào, chắc ngài đã hiểu rõ hơn ai hết.

Một lần khác Đình lại nói với tôi:

- Tôi và ngài đều có tuổi, chúng ta đều muốn đem lại hoà bình cho đất nước, cho con cháu mai sau.

Tôi nói:

- Chúng tôi cũng luôn mong muốn như ngài. Song vấn đề quan trọng nhất bây giờ là người Mỹ phải nhanh chóng rút khỏi miền Nam Việt Nam ta. Còn người Việt Nam với nhau, chắc chắn sẽ sớm có hoà bình.

Một hôm địch lại vu cáo ta vi phạm hiệp định, đánh chỗ này, bắn chỗ kia... Tôi nói luôn:

- Chúng tôi đã báo cho phía Sài Gòn về địa điểm và thời gian đón Tổ Lâm Đồng. Tại sao các ngài không những không đến đón mà còn đưa máy bay đến bắn phá, buộc chúng tôi phải đánh trả. Tôi yêu cầu, từ nay các ngài phải chấm dứt những hành động phá hoại hiệp định để khỏi bị Quân Giải phóng đánh...

Đến giờ giải lao, Đình gặp tôi thanh minh:

- Thưa ngài, ngài thông cảm cho. Ngài là trưởng đoàn, đồng thời là tư lệnh, ngài ra lệnh cho đơn vị được. Còn tôi là người chỉ được cử đi họp, mọi việc đều phải xin ý kiến cấp trên.

Qua tiếp xúc càng thấy rõ hơn sự phụ thuộc của nguy vào Mỹ. Chúng đi lại lom khom, đầu cúi thấp, đang phát biểu mà thấy sĩ quan Mỹ trừng mắt là im luôn, không dám ho he.

Trong phiên họp chuẩn bị cho cuộc họp bế mạc Hội nghị bốn bên khu vực IV ở Phan Thiết, Trưởng đoàn Mỹ đề nghị, nhân dịp này “chúng ta nên đến chào các ông tỉnh trưởng các tỉnh và các ông chủ tịch mặt trận giải phóng các tỉnh trong phạm vi khu vực IV”. Sau khi Trưởng đoàn Mỹ nói xong, đoàn nguy liền phụ hoạ đồng ý.

Năm được âm mưu của chúng là đưa ta đến chào các tên tỉnh trưởng của chúng là để hạ uy thế của ta, đồng thời tổ chức cho bọn côn đồ gây rối với ta, tôi trả lời ngay:

- Theo ý kiến của các ngài, chúng tôi thấy không cần, vì khi chúng ta đến đây có đi chào ai đâu. Vì vậy nay cũng không nên đến chào ai cả. Hơn nữa chúng tôi được lệnh phải vào Sài Gòn ngay để chuẩn bị cho hoạt động Ban Liên hợp hai bên.

Thêm âm mưu của địch đã bị bác bỏ.

Hôm trước phiên họp bế mạc, Đoàn Mỹ gọi điện hỏi tên họ đồng chí phiên dịch của ta. Tôi bảo hỏi lại để làm gì? Sau khi được biết Đoàn Mỹ có tặng phẩm muốn khắc tên người được tặng, tôi trao đổi với đồng chí Tạ Viết Quý là ta phải chuẩn bị. Nhưng kẹt là ta không được ra phố thì lấy đâu ra tặng phẩm. May quá, các đồng chí miền Bắc có mang vào mấy bức tranh cô gái Mèo đang xoè ô múa và thanh niên Mèo đang thổi khèn và một số bức ảnh Quân Giải phóng hành quân, ngồi nghỉ đang thổi sáo. Chúng tôi lấy các bức tranh đó làm tặng phẩm.

Phiên họp bế mạc, tôi làm chủ tịch. Đọc diễn văn bế mạc xong, tôi bèn chủ động trao luôn tặng phẩm. Đoàn nguy không có chuẩn bị, bị bất ngờ, vội đáp ứng nói mấy câu vu vơ để thanh minh. Sau đó Đoàn Mỹ mới đưa mấy chiếc bật lửa Zip-pô ra tặng các trưởng đoàn và phiên dịch.

Khi nhiệm vụ ở Ban Liên hợp bốn bên đã hoàn thành chúng tôi tổ chức một bữa cơm liên hoan, có mời một số người phục vụ cho đoàn ta. Tên đến phun thuốc diệt muỗi cũng đã dự và chủ động thú nhận với đoàn ta: “Chúng giao cho tôi dò la theo dõi các ông để hàng ngày báo cáo cho chúng. Tôi chỉ nói lung tung mà không hề nói thật!”.

Sau khi đã hoàn thành nhiệm vụ ở Ban Liên hợp bốn bên, chúng tôi suy nghĩ nhiều về cách đưa đoàn ra vùng giải phóng, vì ở trong sào huyệt của địch nên việc này không dễ dàng và đơn giản chút nào, may quá, đúng vào lúc chúng tôi đang suy tính thì trên đã cử một đồng chí ra gặp chúng tôi và nói:

- Đoàn phải về ngay Sài Gòn để chuẩn bị triển khai Ban Liên hợp quân sự hai bên. Trước khi đi cần chuẩn bị một số lương thực và những thứ cần thiết để sẵn tại trại Ê-sép-póc để khi xong việc ở Sài Gòn sẽ trở lại làm nhiệm vụ mới ở Phan Thiết. Tôi hiểu ngay đây là kế nghi binh để đoàn ta rút khỏi hang ổ của địch được an toàn.

Thế là sau 55 ngày đêm đấu tranh trực diện với địch trong Ban Liên hợp quân sự bốn bên ở khu vực IV - Phan Thiết, cuối tháng 3 năm 1973, hai phái đoàn của ta đã rút khỏi hang ổ của địch một cách an toàn về với phái đoàn quân sự Ban Liên hợp trung ương tại trại Davis, sân bay Tân Sơn Nhất Sài Gòn.

Sau khi đến Sài Gòn, tôi và một số anh em Khu 6 đi máy bay Mỹ về Lộc Ninh, rồi từ Lộc Ninh về lại Khu 6 tiếp tục chiến đấu cho đến thắng lợi cuối cùng trên chiến trường cực nam Trung Bộ.

Phái đoàn của ta ở trại Davis đã vượt qua muôn vàn thử thách đầy hiểm nguy khôn lường trong sào huyệt cuối cùng của địch, với lập trường thật kiên định, tinh thần kiên cường và chủ động sáng tạo có kế hoạch bảo vệ ta và dũng cảm đấu tranh với kẻ thù. Đã hoàn thành xuất sắc về vang sứ mạng cao cả của đoàn cho đến ngày 30 tháng 4 năm 1975.

Và lá cờ đầu tiên của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ngạo nghễ tung bay sớm nhất trên bầu trời Sài Gòn chính là lá cờ của đoàn ta được treo trên trại Davis vào lúc 9 giờ 30 ngày 30 tháng 4 năm 1975 lịch sử ấy.

THỰC HIỆN HIỆP ĐỊNH PARIS CHĂNG ĐƯỜNG GIAN TRUÂN

NGUYỄN NGỌC DUNG

Nguyên thành viên Đoàn đàm phán của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam tại Hội nghị Paris - Nguyên thiếu tá Quân giải phóng miền Nam Việt Nam trong Ban Liên hợp quân sự bốn bên và hai bên tại trại Davis.

Ba mươi năm đã trôi qua kể từ ngày ký kết Hiệp định Paris kết thúc cuộc đàm phán gần 5 năm vì hoà bình ở Việt Nam. Hồi nhớ giai đoạn lịch sử ấy tôi luôn sống lại những cảm xúc bồi hồi về những buổi đầu ra quân, những năm dài gay go trên địa bàn hội nghị, rồi thời gian đấu tranh quyết liệt để thi hành Hiệp định Paris, lòng tôi tràn ngập niềm vui xen lẫn tự hào.

Ngày ấy, quyết định tham gia Ban Liên hợp quân sự đến với tôi thật sự bất ngờ, chỉ 24 giờ trước khi Hiệp định Paris về Việt Nam được ký kết, khiến người tôi như đi trong mơ. Hai niềm phấn khởi quá lớn đến cùng một lúc.

Cuộc đấu tranh ngoại giao của ta giành thắng lợi và bản thân tôi được vinh dự về thăm Sài Gòn, tham gia bộ máy thực thi Hiệp định, ngay tại sào huyệt Mỹ - nguy, nơi mẹ và hai con tôi đang sống mà hơn 20 năm chưa hề gặp lại.

Sáng ngày 27 tháng 1 năm 1973, tôi ngồi trong Hội trường Klê-béc rộng lầy ánh đèn, trong giờ phút cử hành trọng thể lễ ký Hiệp định và đến chiều, cũng tại Klê-béc tôi tham dự phiên họp đầu tiên của Ban Liên hợp quân sự bốn bên. Công việc hai phiên họp này vô cùng quan trọng và có tầm vóc lịch sử, nhưng đầu óc tôi chỉ chăm chăm suy tính đến việc phải làm gì, chuẩn bị nội dung gì để lên đường bước vào trận địa gay go mới trong lòng địch.

Rời Paris về đến Hà Nội đúng mùng 1 Tết Quý Sửu, tôi chỉ có một ngày để chuẩn bị mọi việc trước khi vào Nam nhận nhiệm vụ. Quân phục của tôi đã được quân nhu thức suốt đêm may gấp, còn đôi giày da không sao đóng kịp. Tôi đôn đáo đi tìm mượn khắp nơi, nhưng hồi ấy các chị không ai mang giày da đen cả, vì hầu hết chị em, kể cả các nữ quân nhân, chỉ đi dép nhựa có quai hậu. Đến nửa đêm, các đồng chí quân nhu đành phải đánh xe vào tận Hà Đông, tìm Đoàn văn công quân đội đang sơ tán ở trong ấy để mượn giày mặc dù bị đánh thức lúc đêm khuya, nhưng ai

này đều vui vẻ giúp tôi chọn giày. Chị em nói: “Phải chuẩn bị cho đầy đủ tư thế trước mặt kẻ thù. Có được nữ sĩ quan đại biểu của ta đối chọi cho họ biết tay!”. Tôi còn nhận thêm một khẩu súng lục và mấy chục viên đạn, những thứ này tôi chưa bao giờ đụng đến. Rồi với tư cách là sĩ quan đại biểu, với quân hàm thiếu tá thành viên Đoàn đại biểu quân sự Chính phủ Cách mạng lâm thời, tôi cùng với hơn năm mươi đồng chí trong lực lượng vũ trang giải phóng lên chiếc C.130 của Mỹ, bay vào trụ sở đoàn tại trại Davis (Tân Sơn Nhất) bắt đầu nhiệm vụ mới.

Có chi tiết đáng nói là trong bốn đoàn (Mỹ, Sài Gòn, Hà Nội và Đoàn Quân Giải phóng) thời kỳ đàm phán ở Paris rồi đến Ban Liên hợp quân sự bốn bên ở Tân Sơn Nhất, chỉ duy nhất Đoàn Quân Giải phóng miền Nam là có nữ thành viên và nữ sĩ quan đại biểu.

Công việc của tôi giai đoạn “hậu Hiệp định Paris” khác hẳn với giai đoạn đàm phán. Trong khi ở Hội nghị Paris ngoài việc tham dự các phiên họp hàng tuần vào thứ năm ở Hội trường Klê-béc, tôi làm thường trực “Nhóm tiếp xúc” của đoàn (mà anh Nguyễn Văn Tiến là nhóm trưởng) chuyên đi “tiếp xúc, nối mạng” với các nhân sĩ, chính khách, các tổ chức, đoàn thể, phong trào yêu chuộng hoà bình và công lý của nhân dân các nước trên thế giới, kể cả ở Mỹ. Mục đích nhằm cung cấp thông tin, vận động, thuyết phục, phân hoá, để họ ủng hộ mục tiêu đấu tranh vì độc lập dân tộc của ta và gây sức ép dư luận, cùng với ta buộc Mỹ đi vào thương lượng nghiêm chỉnh để đi đến ký kết Hiệp định. Còn lần này về Sài Gòn, là thành viên Đoàn đại diện lực lượng vũ trang giải phóng của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam, tôi sẽ cùng đồng đội của hai đoàn ta trong Ban Liên hợp quân sự bốn bên trực tiếp tham gia đấu tranh, buộc đối phương nghiêm chỉnh thi hành Hiệp định Paris, nhằm phát huy những thắng lợi về chính trị và pháp lý đã được ghi trong văn bản Hiệp định.

Theo Điều 16 của Hiệp định, Ban Liên hợp quân sự bốn bên hoạt động trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày 28 tháng 1 năm 1973, chịu trách nhiệm giám sát và thúc đẩy các bên thực hiện các điều khoản về ngừng bắn, rút quân Mỹ và quân nước ngoài ra khỏi miền Nam Việt Nam; huỷ bỏ tất cả các căn cứ quân sự của Mỹ; trao trả nhân viên quân sự và thường dân nước ngoài của các bên bị bắt; và giúp đỡ nhau tìm kiếm tin tức về những nhân viên quân sự và thường dân nước ngoài của các bên bị mất tích trong chiến đấu. Còn việc trao trả các nhân viên dân sự Việt Nam bị bắt và giam giữ ở miền Nam Việt Nam sẽ do Ban Liên hợp quân sự hai bên miền Nam Việt Nam chịu trách nhiệm giải quyết trong vòng 90 ngày sau khi ngừng bắn có hiệu lực.

Thời hạn 60 ngày đầu của Hiệp định là những ngày đấu tranh sôi động nhất, nhiều lúc rất căng thẳng, liên quan hàng loạt những vi phạm của Mỹ và Sài Gòn, nhất là về ngừng bắn.

Sở dĩ có tình hình trên là vì mục tiêu chiến lược và lợi ích chủ yếu của các bên trong Hiệp định đều khác nhau, thậm chí đối nghịch nhau. Do đó, thái độ thi hành các điều khoản trong Hiệp định và mức độ chống đối, vi phạm cũng có sự khác nhau giữa Mỹ và Sài Gòn.

- Về phía Mỹ, họ chỉ quan tâm thực hiện và ép Sài Gòn thực hiện những điều khoản nào cần thiết đến với họ, như bảo đảm an toàn cho việc rút quân Mỹ và quân đồng minh, đặc biệt nhất là việc nhận lại tù binh Mỹ sớm và an toàn. Còn đối với nhiều điều khoản khác thì Mỹ lại dung túng hoặc để mặc cho chính quyền Thiệu vi phạm Hiệp định.

- Về phía Sài Gòn, ngay từ đầu, họ đã chủ tâm chống lại không chịu thi hành bất cứ điều khoản nào của Hiệp định. Bởi vì họ coi đó là con đường “tử địa”, xoá sổ chế độ của họ. Song do bị lệ thuộc Mỹ về mọi mặt, nhất là luôn bị Mỹ đe dọa cắt viện trợ, họ miễn cưỡng thực hiện một số việc, nhưng luôn tìm cách gây khó khăn, chậm trễ, từ việc lớn đến việc nhỏ.

- Về phía ta, việc đòi Mỹ rút quân là mối quan tâm hàng đầu, là mục tiêu cơ bản mà ta kiên trì, ưu tiên theo đuổi trong suốt quá trình đàm phán và ký kết văn bản Hiệp định. Còn đối với Mỹ, việc đưa được quân nhân bị bắt và toàn bộ lực lượng vũ trang Mỹ về nước là yêu cầu bức thiết số một của họ. Khi giải quyết tốt vấn đề này ta buộc đưa phía Mỹ phải nghiêm chỉnh thi hành Điều 5, Điều 6 của Hiệp định, chấm dứt sự có mặt về quân sự của Mỹ ở miền Nam Việt Nam.

Điều đó lý giải phần nào tính chất gay go, quyết liệt của cuộc đấu tranh thi hành Hiệp định Paris trong những tuần đầu ra quân của Ban Liên hợp quân sự bốn bên dọn đường dẫn đến giờ G lịch sử quét sạch quân Mỹ ra khỏi miền Nam “đánh cho Mỹ cút”, tiền đề cực kỳ quan trọng mà toàn quân, toàn dân ta mong đợi.

Theo Điều 16a của Hiệp định Paris, hai đoàn đại biểu của ta trong Ban Liên hợp quân sự bốn bên, cùng với các sĩ quan bốn đoàn uỷ ban Quốc tế kiểm soát và giám sát thực hiện việc giám sát và kiểm soát việc rút quân Mỹ và đồng minh của Mỹ. Trong suốt thời gian này, Đoàn đại biểu của Quân đội nhân dân Việt Nam và Đoàn đại biểu Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam đã thường xuyên có mặt trong các tổ chức liên hợp bốn bên tại các sân bay Tân Sơn Nhất, Đà Nẵng, Nha Trang là ba nơi được chỉ định để rút quân Mỹ và đồng minh của Mỹ.

Việc kiểm soát và giám sát rút quân Mỹ được thực hiện chính xác từng chi tiết về thời gian, tên người số quân hiệu, đơn vị binh chủng. Tôi còn nhớ như in, chiều ngày 27 tháng 3 năm 1973, dưới nắng chói chang, trong quân phục chỉnh tề, đại biểu bốn Tổ Liên hợp quân sự đứng tận chân máy bay. Sĩ quan đại biểu Mỹ và sĩ quan đại biểu ta cùng cầm danh sách để điểm danh. Từng sĩ quan Mỹ được gọi, bước lên cầu thang. Chiếc máy bay hôm ấy là chiếc phản lực Boeing hai tầng mới tinh, hiện đại nhất của Mỹ. Trong chuyến rút quân cuối cùng này, số quân được rút đều là sĩ quan cao cấp từ đại tá trở lên. Sau đợt rút này, xem như toàn bộ kế hoạch rút quân Mỹ và quân đồng minh của Mỹ đã được thực hiện xong. Ngày hôm sau, ngày 28 tháng 3 năm 1973, Bộ chỉ huy Mỹ đã làm lễ cuốn lá cờ sao vạch của Hoa Kỳ (đã được kéo lên từ tháng 2 năm 1962) chấm dứt mười một năm có mặt ở miền Nam Việt Nam.

Như vậy là sau mấy chục năm can thiệp và trực tiếp xâm lược, chiếm đóng, gieo bao đau thương tang tóc cho dân tộc Việt Nam, cuối cùng Mỹ đã phải chấp nhận thất bại trước ý chí chiến đấu kiên cường của nhân dân ta, buộc phải đặt bút ký Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam và rút quân về nước. Nhìn cảnh toán quân Mỹ cuối cùng rời khỏi Tân Sơn Nhất, tôi nhớ lại gần mười năm trước đây, quân Mỹ ồ ạt kéo vào miền Nam nước ta mà họ cứ tưởng như vào chốn không người, không có ai và không có cách nào đánh đuổi họ đi được. (Cần nói rõ thêm, sau ngày 28 tháng 3 năm 1973, Mỹ vẫn cố tình vi phạm Hiệp định bằng cách lén lút để lại ở miền Nam Việt Nam hơn một vạn nhân viên quân sự đội lốt dân sự).

Nhiệm vụ thứ hai mà phái đoàn ta tích cực thực hiện là đấu tranh - đòi đối phương trao trả các chiến sĩ, đồng bào thân yêu đã bị bắt và giam giữ. Trong việc trao trả này, điều quan trọng

nhất là phải đảm bảo nhịp độ trao trả tù binh cân bằng giữa hai bên, không để xảy ra tình trạng phía Hoa Kỳ nhận được người của họ mà phía ta lại chậm nhận được người của mình. Địa điểm trao trả tù binh ở miền Bắc là tại sân bay Gia Lâm, còn ở miền Nam nằm rải rác ở nhiều tỉnh trong vùng kiểm soát của Chính phủ Cách mạng lâm thời, có khi ở cả những điểm nằm xen kẽ giữa vùng của ta với vùng do chính quyền Sài Gòn kiểm soát. Do địa điểm trao trả ở miền Nam không cố định, thường phải di dời nhiều nơi, nên việc trao trả tù binh của các bên gặp nhiều trục trặc, gian nan. Đôi khi, trực thăng đưa đại diện bốn bên đi làm nhiệm vụ, do không tìm thấy địa điểm, đành phải quay về. Thậm chí, có lần đã xảy ra xung đột tại nơi trao trả, phía Sài Gòn gây thương tích cho thường dân, như các vụ ở xã Phổ Phong Đức Phổ, Quảng Ngãi ngày 8 tháng 3 năm 1973 đã có 25 người chết và 40 người bị thương và vụ ở Minh Hoà (Bình Long).

Sự cố quan trọng nhất đã xảy ra trong đợt trao trả đầu tiên tại Lộc Ninh (ngày 12 tháng 2 năm 1973)- Trong lúc này, cả phía ta và phía Mỹ đều nôn nóng muốn việc trao trả quân Mỹ và quân ta đợt đầu diễn ra suôn sẻ để mở đường cho những đợt sau. Giờ quy định đã qua, từ Hà Nội điện liên tục hỏi tin để ngoài ấy mới khởi sự đợt trao trả toán tù binh phi công Mỹ đầu tiên. Nhưng chờ mãi quá hai giờ vẫn không thấy chiếc máy bay C.130 từ Biên Hoà bay đến theo kế hoạch. Hoá ra là anh em bộ đội ta bị giam giữ ở trại giam Phú Quốc, vốn là những chiến sĩ kiên cường, ưu tú của các lực lượng vũ trang ta, do thường xuyên bị bọn cai tù khủng bố tàn bạo, nên lúc nào cũng phải cảnh giác. Sau khi được tập kết về sân bay Biên Hoà, anh em chưa tin là mình được trao trả, mà vẫn còn nghi ngờ chính quyền Sài Gòn đưa đi thủ tiêu hoặc giam giữ ở nơi bí mật nào khác. Anh em kiên quyết không chịu lên máy bay đi tiếp. Trung tướng (sau này là thượng tướng) Trần Văn Trà, Trưởng đoàn đại biểu Quân Giải phóng miền Nam, đã phải cấp tốc phái sĩ quan đại biểu của ta đến Biên Hoà gặp, giải thích rõ, khẳng định với anh em ta là đã có phái đoàn đại diện vào Sài Gòn và tổ chức đón, đảm bảo cho anh em được trả tự do theo đúng tinh thần Hiệp định Paris. Khi đó, mọi người mới thực sự tin và chịu lên máy bay.

Đến tận bây giờ, tôi vẫn không thể nào quên được cảnh tượng diễn ra hôm ấy khi chiếc C.130 hạ cánh. Trong cát bụi, 150 chiến sĩ ta, tuy bị thương tật nhiều người phải chống nạng hoặc diu công nhau, vẫn ngẩng cao đầu giữa hai hàng quân cảnh Sài Gòn lăm lăm tay súng, mặt đầy sát khí. Khi các anh ấy nhìn thấy được cờ Tổ quốc, cờ Mặt trận và đồng bào, đồng đội giăng hàng đón tiếp, anh em bất ngờ rút ra những lá cờ đỏ sao vàng và cờ đỏ nửa xanh của Chính phủ Cách mạng lâm thời, không biết giấu từ đâu ra, cùng với những dải băng khẩu hiệu cắm vào que nhỏ. Tất cả vừa đi thẳng hàng vừa giương cao băng cờ, đồng thanh hát bài “Kết đoàn” và “Vì nhân dân quên mình” xong đồng loạt cởi bỏ, liệng trả hết quần áo tù, chỉ giữ lại trên người độc chiếc quần đùi. Nghĩa cử cao đẹp bất ngờ của những quân nhân cách mạng từ chốn ngục tù trở về đã gây ngạc nhiên, xúc động và sự khâm phục đối với các thành viên uỷ ban Quốc tế kiểm soát và giám sát, phi công lái trực thăng và đồng bào vùng giải phóng Lộc Ninh có mặt hôm ấy. Các má, các chị lo khiêng cáng, phân phát quần áo, bánh trái, thuốc men, ân cần đón tiếp, mừng mừng, tủi tủi.

Hai hôm sau đó, cũng tại sân bay Lộc Ninh, tinh thần bất khuất ấy lại được tái diễn sinh động trong cuộc đón tiếp 904 nữ chiến sĩ ta bị địch giam cầm trở về. Nhiều chị nằm trên cáng, có những đứa trẻ chạy lúp xúp bên cạnh. Được biết, các em được sinh ra trong tù vì khi mẹ các em bị bắt, các em còn trong bào thai.

Trong nhiệm vụ trao trả người bị bắt và giam giữ, còn có một công tác quan trọng khác mà ta rất quan tâm là đấu tranh đòi đổi phương đi thăm nơi giam giữ cuối cùng và gặp gỡ tù nhân trước khi họ được trao trả. Thực hiện điều này (Điều 9a Nghị định thư trao trả), các bên sẽ thỏa thuận chỉ định hai Hội chữ thập đỏ quốc gia hoặc nhiều hơn, cùng với uỷ ban Quốc tế kiểm soát và giám sát đến thăm nơi giam giữ nhân viên quân sự của các bên bị bắt. Tuy vậy phía Sài Gòn vẫn tìm cách tránh né không chịu hợp tác, viện đủ lý do để thoái thác. Hai đoàn ta phải gây sức ép, yêu cầu cả đại diện của Đoàn Mỹ và Đoàn Sài Gòn buộc tên phụ trách trại giam phải cho các Tổ Liên hợp quân sự bốn bên và uỷ ban Quốc tế vào thăm trại.

Chuyến thăm trại giam Phú Quốc (ngày 14 tháng 2 năm 1973), nơi giam giữ 40 nghìn chiến sĩ, cán bộ quân đội ta bị địch bắt giữ, đã để lại ấn tượng sâu sắc. Đây là chuyến đi Phú Quốc lần thứ ba. Hai chuyến trước, ta chỉ đến sân bay An Thới rồi phải quay về. Lần này, uỷ ban Quốc tế kiểm soát và giám sát đi rất đông, lại có một đội vô tuyến truyền hình. Hai đoàn ta trong Tổ Liên hợp quân sự bốn bên đã phải “khẩu chiến” gay gắt gần nửa giờ với tên chúa ngục Bùi Bằng Dục, trước mặt bốn Tổ Liên hợp quân sự và bốn đại diện các nước uỷ ban Quốc tế kiểm soát và giám sát. Đến khi chống chế không được nữa, hắn mới chấp nhận. Nhưng lại nói chỉ để đoàn Liên hợp quân sự vào thăm nhà giam mà thôi, còn hắn sẽ không vào “vì còn vợ còn con nên không muốn chết”. Về mặt hắn hót hải ngay trước mặt lính tráng quân cảnh của hắn đứng vòng trong vòng ngoài cho thấy hắn đang đoán giờ cuối cùng đã điểm.

Khi vào thăm trại giam, qua tám vòng rào dây thép gai cao ba mét, chúng tôi thấy điều kiện sống của tù nhân vô cùng khắc nghiệt. Quanh trại không một bóng cây một ngọn cỏ. Dưới mái tôn, nắng nóng đổ lửa như một hầm lò. Thật khó tưởng tượng khi đã có Hiệp định Paris với các điều khoản rõ ràng quy định trách nhiệm các bên mà phía Sài Gòn vẫn xem như không có Hiệp định, vẫn khủng bố, hành hạ tù nhân. Do vậy, các chiến sĩ tù nhân đã không có con đường nào khác là bất khuất chống trả quyết liệt.

Lên trực thăng rời trại giam Phú Quốc trở về Tân Sơn Nhất, lòng chúng tôi bùi ngùi, vô cùng lo lắng cho số phận các chiến sĩ ta còn trong trại như cá nằm trên thớt. Liệu mai này, các đồng chí chúng tôi vừa được gặp có được trao trả về đủ, an toàn trong vòng tay đồng đội?

Tôi liên tưởng đến thời kỳ cuối, khi Hội nghị Paris đi vào soạn thảo văn bản Hiệp định, tôi rất nhớ ơn bạn bè quốc tế đã giúp ta cung cấp nhiều tư liệu, tiền lệ lịch sử về các cuộc trao đổi tù binh sau chiến tranh. Các bạn đã lùng sục các trung tâm lưu trữ từ Paris đến Geneve, London để giúp vào việc xây dựng tốt văn bản Hiệp định nói chung và Nghị định thư về trao trả người bị bắt nói riêng.

Cũng không thể quên sự giúp đỡ của một phóng viên nước ngoài nhân cuộc họp báo của đoàn ta ở trại Davis, đã bí mật trao danh sách tù chính trị của ta còn bị chính quyền Sài Gòn giam giữ. Đặc biệt đáng nhớ là sự đóng góp của hai anh bạn Pháp André Menras và Jean Debris vì treo cờ Mặt trận ở Sài Gòn phải chịu hai năm tù ở nhà giam Chí Hoà. Ngay đêm được trở về Pháp, cuối tháng 12 năm 1972, đã cung cấp cho thế giới những bằng chứng sống về “chuồng cọp”, “những địa ngục trần gian” và trao cho ta những danh sách tù, thư tố giác của đồng đội, đồng bào ta còn bị giam, mạng sống còn bị đe dọa. Chính những sự đóng góp quý báu ấy đã góp phần giúp

chúng tôi có dữ liệu đấu tranh có hiệu quả, chống lại các thủ đoạn, hành vi đánh tráo, gian lận của Sài Gòn và cố gắng đòi và đưa được càng nhiều đồng bào, đồng đội trở về.

Hết thời hạn 60 ngày, ngày 28 tháng 3 năm 1973; hoàn thành các nhiệm vụ rút quân Mỹ và quân đồng minh của Mỹ, trao trả nhân viên quân sự và thường dân nước ngoài của các bên bị bắt. Ngày 28 tháng 3 năm 1973, Ban Liên hợp quân sự hai bên trung ương, với sự tham gia của đại diện chính quyền Sài Gòn và Chính phủ Cách mạng lâm thời, có nhiệm vụ đảm bảo sự phối hợp hành động của hai bên miền Nam Việt Nam trong việc thực hiện các điều khoản, các vấn đề quân sự và việc trao trả các nhân viên dân sự Việt Nam bị bắt và số nhân viên quân sự còn lại của hai bên.

Trong giai đoạn này, tôi vinh dự được tiếp tục tham gia Ban Liên hợp quân sự hai bên. Cục diện đấu tranh chuyển sang thế trận mới. Lần này còn căng thẳng hơn vì chính quyền Thiệu công khai tiếp tục phá hoại Hiệp định một cách có hệ thống, trong khi ấy Đoàn đại biểu Quân đội nhân dân Việt Nam đã rút về miền Bắc (rút cùng thời gian với Đoàn Mỹ căn cứ theo hiệp định).

Nhìn lại giai đoạn lịch sử hào hùng này, tôi thấy Hiệp định Paris được xây dựng rộng rãi hơn bốn năm, bằng sự hy sinh xương máu trên chiến trường hai miền Nam - Bắc, cộng với sự đấu trí quyết liệt trên bàn đàm phán và sự đoàn kết ủng hộ nhiệt tình của nhân dân thế giới, là một thành quả ngoại giao đánh - đàm xuất sắc. Chặng đường tiếp theo thực thi Hiệp định Paris lại là một chặng đường khúc khuỷu, gian truân khác, đã thể hiện chiến lược chiến thuật đấu tranh chính trị, quân sự, ngoại giao tuyệt vời của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta.

Đối với tôi được chứng kiến và trực tiếp góp phần nhỏ bé vào giai đoạn đấu tranh này, từ Paris đến trại Davis, đến ngày thắng lợi cuối cùng - đó là niềm vinh hạnh lớn lao nhất trong đời tôi.

N.N.D

MỘT CUỘC ĐẤU TRANH Ở NHÀ LAO TAM HIỆP

NGUYỄN VĂN KHẢ

Câu chuyện này xảy ra khi phái đoàn quân sự của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam chúng tôi đang công tác ở trong trại Davis giữa thành phố Sài Gòn.

Lúc 22 giờ ngày 11 tháng 2 năm 1973, Đại tá Trần Vĩnh Đất, Trưởng tiểu ban trao trả của ngụy Sài Gòn gọi điện cho đồng chí Lê Trực, trưởng tiểu ban trao trả của Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam, báo một tin đặc biệt: “Trên 900 tù binh bên phía quý vị không chịu đi trao trả nên ngày mai không thể trao trả số người đó như đã thoả thuận của các trưởng phái đoàn trong Ban Liên hợp quân sự bốn bên”.

Đồng chí Lê Trực hỏi lý do tại sao mà số người này không chịu đi trao trả, hiện đang ở trại giam nào? Trần Vĩnh Đất trả lời rằng: “Chúng tôi chỉ được giám đốc trại giam Tam Hiệp ở Biên Hoà báo cáo như vậy, chúng tôi không hiểu tại sao? Chỉ biết rằng họ đòi được gặp đại diện của Chính phủ Cách mạng lâm thời”.

Theo thoả thuận của bốn trưởng phái đoàn trong Ban Liên hợp quân sự bốn bên thì 8 giờ sáng ngày mai 12 tháng 2 năm 1973, cuộc trao trả đầu tiên được tiến hành. Ta trao trả trên 100 tù binh Mỹ ở sân bay Gia Lâm, 27 tên Mỹ ở sân bay Lộc Ninh và họ phải trao trả 935 người của ta bị bắt tại sân bay Lộc Ninh và ở một địa điểm tại Quảng Trị.

Ban lãnh đạo đoàn chúng tôi liền triệu tập một cuộc họp. Mọi người tham gia thảo luận sôi nổi về sự kiện này. Cuối cùng, anh Trần Văn Trà kết luận hai khả năng: Một là địch phá hoại và hai là anh em ta không tin có việc trao trả nên đòi gấp cho được phái đoàn ta.

Chúng ta cử một đoàn sĩ quan đến thẳng trại giam Tam Hiệp trực tiếp xem xét tại chỗ để căn cứ vào thực tiễn mà xử lý. Yêu cầu số một là phải làm cho cuộc trao trả được tiến hành theo đúng tiến trình mà các trưởng đoàn đã thoả thuận. Bất kỳ trường hợp nào cũng không được hoãn việc trao trả. Đồng thời với việc cử phái đoàn đến trại giam Tam Hiệp sáng mai, Trung tướng Trần Văn Trà trưởng đoàn quân sự của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam, trưởng Ban Liên hợp quân sự bốn bên sẽ triệu tập Hội nghị các trưởng đoàn để giải quyết vấn đề này.

Đoàn đi Tam Hiệp, tôi được cử làm trưởng đoàn. Tôi tên chính là Nguyễn Văn Khả, nhưng hồi hoạt động trong Nam với tên là Vũ Nam Bình, thường gọi là Vũ Bình. Bây giờ tôi đang giữ chức phó trưởng tiểu ban trao trả của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam. Cùng đi với tôi có đồng chí Nguyễn Văn Bốn làm phó đoàn. Bên đoàn Việt Nam dân chủ cộng hoà là anh Hoàng Thương và anh Lục. Cùng đi với chúng tôi còn có một số phóng viên, báo chí, quay phim, chụp ảnh và một vài cán bộ khỏe mạnh, chắc chắn, bình tĩnh, vững vàng để hỗ trợ đoàn. Chúng tôi báo cho phái đoàn Mỹ và phái đoàn nguy cơ người đi theo và đến đón đoàn vào 6 giờ sáng cùng lên Biên Hoà. Chúng tôi mang theo một ít thuốc lá Thăng Long, Điện Biên và một ít gói chè miền Bắc để có dịp thuận lợi thì tặng anh em ta ở trại giam.

Chỉ còn hai giờ nữa là ô tô của đoàn Mỹ-ngụy đón chúng tôi lên Biên Hoà. Với cương vị là trưởng đoàn, tôi nằm nghĩ miên man về cuộc xử trí ngày mai. Tôi thấy vẫn chưa có một cái gì là cái bảo bối chắc chắn nhất cho mình, tức là một “cái gậy” gì đây, một nội dung gì mà từ đây mình có thể đối phó được với sự xảo quyệt của kẻ thù. Tôi suy nghĩ đến việc có nên báo cáo với ngoài Trung ương, đề nghị hoãn trao trả trên 100 tên Mỹ ở ngoài Bắc và 27 tên Mỹ ở Lộc Ninh để bắt chúng phải trả người của ta thì ta mới trả Mỹ hay không?...

Xem đồng hồ đã 4 giờ rưỡi sáng, tôi mạnh dạn lên phòng anh Trà. Anh cũng chưa ngủ và anh Lê Quang Hoà cũng đang có mặt. Tôi liền báo cáo ý kiến của mình. Các anh cho gọi thêm mấy anh có liên quan đến đề bàn. Sau khi bàn bạc, anh Trà kết luận là chúng ta đã báo cáo ra Trung ương cách đây trên một giờ. Bây giờ điện ra báo cáo là việc trao trả ở Hà Nội như thế nào do Trung ương quyết định, nhưng riêng 27 tù binh Mỹ được trả ở Lộc Ninh vào 9 giờ sáng nay xin được hoãn lại. Ta báo cho Mỹ biết là chúng ta tạm hoãn đến khi nào có chuyển máy bay đầu tiên chở người bị bắt của ta hạ cánh xuống sân bay Lộc Ninh, lúc ấy mới bắt đầu làm thủ tục trao trả 27 quân nhân Mỹ bị bắt...

Vì lý do gì không rõ, bọn sĩ quan của Mỹ-ngụy hơn 9 giờ mới đến đón đoàn chúng tôi lên Tam Hiệp. Đinh Công Chất, thiếu tá sĩ quan an ninh quân đội nguy và một trung tá Mỹ dẫn chúng

tôi đi. Ngồi trên ô tô, mắt nhìn ra ngoài, nhưng hầu như tôi chẳng chú ý gì đến quang cảnh, vì trong đầu óc tôi đang suy nghĩ, xếp sắp những nội dung phương pháp xử trí khi đến nhà lao Tam Hiệp. “Chúng ta sắp đến trại giam Tam Hiệp rồi” - Thiếu tá Chắt nói với tôi như vậy!

Nhìn ra ngoài thấy rất nhiều quân cảnh nguy, súng lăm lăm trong tay, cứ mười lăm đến hai mươi mét có một tên, tên nào ngó bộ cũng hung dữ. Tôi hỏi Thiếu tá Chắt: “Họ làm cái gì đây?”. Thiếu tá Chắt trả lời là hình như họ bảo vệ cho cuộc trao trả hôm nay đây! Tôi mỉm cười thốt lên: họ bảo vệ ai đây nhỉ?

Vào đến cổng trại giam, có khoảng một đại đội quân cảnh cùng với súng trong tay hình như họ đang phải đề phòng một chuyện gì nguy hiểm lắm? Xuống xe, Đinh Công Chắt dẫn tôi vào một hội trường lớn. Có mấy sĩ quan nguy ra đón. Đinh Công Chắt giới thiệu chúng tôi với một trung tá nguy, ngực gắn chữ Phong và nói đây là giám đốc trại giam Biên Hoà.

Tên Phong nói một câu băng quơ là các ông đến xem số người của các ông không chịu đi trao trả. Tôi trả lời gì với câu nói đó?

Tôi hỏi một câu: ở đây ai là người có trách nhiệm nói chuyện với phái đoàn của chúng tôi? Người đó phải nói với chúng tôi cho đúng đắn, rõ ràng và chính xác. Nhìn tên Phong, thấy sắc mặt có biến đổi. Tôi nói tiếp: Hôm nay là ngày các bên tiến hành trao trả người bị bắt chuyển đầu tiên. Nếu ở đây mà trở ngại việc trao trả người của chúng tôi thì ảnh hưởng đến toàn bộ việc trao trả ngày hôm nay. Chúng tôi đến đây để gặp tất cả những người bị bắt của chúng tôi để hiểu rõ tại sao anh em chúng tôi theo như các ông báo cáo là không chịu đi trao trả, không chịu về với Chính phủ Cách mạng lâm thời.

Đinh Công Chắt nói với Phong là sẵn sàng trả lời những câu hỏi của Trung tá Vũ Bình để giải quyết sự việc nhanh chóng. Tên sĩ quan Mỹ đến thì thăm với Phong.

Tôi hỏi:

- Tất cả số anh em của chúng tôi bị giam giữ ở nhà lao này đã được phổ biến nghị định thư trao trả chưa? Và đã phổ biến cho 935 anh em được trao trả ngày hôm nay như thế nào?

Tên Phong lúng túng trả lời rằng:

- Tôi hôm qua chúng tôi đã cho cán bộ tâm lý chiến xuống phổ biến về trao trả cho anh em rồi nhưng họ nhất định không đi? Họ đòi gặp các ông, tôi cũng không biết họ đòi gặp các ông để làm gì?

Thế là dấu hiệu đầu tiên đã hé ra. Tôi xác định phải đánh một cú phủ đầu. Tôi nói to để cho tất cả số sĩ quan nguy đang ngồi ở đó cũng nghe được.

- Hôm qua, tức ngày 11 tháng 2 năm 1973, các ông mới nói đến vấn đề trao trả với anh em chúng tôi ở nhà lao này. Các ông biết không; Điều 13 của nghị định thư về việc trao trả nêu rõ rằng: trong vòng 5 ngày sau khi ký nghị định này, các bên sẽ công bố và thông báo toàn văn nghị định thư đến tất cả những người bị bắt nói trong nghị định thư này mà bên mình đang giam giữ. Ngày 27 tháng 1 năm 1973, nghị định thư trao trả đã được ký. Đây là một sự vi phạm Hiệp định Paris về Việt Nam. Tôi, thay mặt phái đoàn Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam

Việt Nam cùng với phái đoàn Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà nghiêm khắc lên án và cảnh cáo Ban giám đốc trại giam Tam Hiệp - Biên Hoà đã vi phạm Điều 13 của Nghị định thư trao trả.

Bọn sĩ quan nguy ở xung quanh đó im phăng phắc. Chúng chăm chăm nhìn vào tôi. Tên Phong không nói lại một câu nào nữa.

Tôi nêu tiếp:

- Chúng tôi yêu cầu được gặp tất cả 935 anh em của chúng tôi mà các ông trả trong đợt này. Chúng tôi cần gặp tất cả và ở ngay tại đây. Chúng tôi sẽ phổ biến cho anh em biết nghị định thư trao trả và nói rõ về đợt trao trả này. Chỉ có làm như thế thì anh em chúng tôi mới thông suốt và lúc đó họ mới nhận đi trao trả.

Bọn sĩ quan nguy nhìn nhau, chúng nhìn tên trung tá Mỹ và tên Thiếu tá Đinh Công Chất. Chúng sững sốt trước vấn đề chúng ta đưa ra, nhất là việc ta yêu cầu gặp 935 anh em ở tại đây.

Tên Trung tá Phong, giám đốc nhà lao Tam Hiệp hạ giọng với thái độ khẩn cầu nói:

- Xin trung tá và các vị cho phép chúng tôi được đưa những anh em đại diện của từng khu vực đến gặp các vị. Phong nói thêm là tất cả anh em lên đây sẽ không bảo đảm được an toàn.

Anh Tư Bốn nói:

- Không bảo đảm an toàn cho ai? Và tại sao là không bảo đảm an toàn?

Tên Phong tỏ vẻ nhăn nhó nói là:

- Anh em bên quý vị dữ lắm, nếu 900 người đến đây thì không an toàn cho chúng tôi.

Anh Tư Bốn lại nói:

- Các ông ở đây có biết bao quân cảnh với súng ống thế kia mà sợ anh em của chúng tôi à!

Tên giám đốc trại giam năn nỉ rằng:

- Anh em bên phía quý vị họ căm thù chúng tôi lắm, số quân cảnh ở đây vẫn không bảo đảm, họ có thể nhảy vào cướp súng mà bắn chúng tôi. Xin các vị thông cảm cho chúng tôi.

Trao đổi với anh Tư Bốn, anh Hoàng Thương và anh Lục xong, tôi hỏi:

- Những người mà các ông gọi là đại diện của từng khu vực là người các ông cử ra hay là do anh em chúng tôi cử ra.

Tên Phong trả lời ngay:

- Thưa, đúng là người của anh em cử ra chứ không phải chúng tôi cử.

- Chưa thể tin các ông được - tôi nêu ra hai vấn đề sau đây: Nếu tôi phát hiện một vấn đề nà n dù là nhỏ nhất không phải là người của anh em chúng tôi cử ra thì tôi sẽ huỷ bỏ cuộc gặp, lúc đó các ông phải để chúng tôi gặp tất cả 935 người. Nếu không gặp được 935 người, tức là không

có việc trao trả hôm nay. Và như vậy, cũng sẽ không có việc trao trả 27 quân nhân Mỹ ở Lộc Ninh hôm nay.

Nhìn sang phía sĩ quan Mỹ và sĩ quan ngụy trong đoàn trao trả, tôi hỏi: “Các ông có đồng ý với ý kiến của chúng tôi không?”. Họ không dám trả lời và nhìn vào Phong, giám đốc trại giam. Phong nói rằng:

- Nếu những người đại diện không đúng là những người do anh em cử ra, chúng tôi sẽ thực hiện theo ý kiến của các vị ...

Chúng tôi chờ anh em ta tới... Nhìn từ xa xa, thấy anh em ta thân hình gầy còm, đi chậm chạp, có người đi khập khiễng. Chúng tôi quan sát rất kỹ anh em ta để tìm ra một điều gì là người của ta hay của địch. Khi anh em gần tới anh Tư Bốn, anh Hoàng Thương và các đồng chí đưa tay ra nhưng anh em không bắt tay, tình hình khá căng thẳng, qua ánh mắt và nét mặt thấy toát lên là những con người kiên cường mãnh liệt.

Chúng tôi rất xúc động nhưng cũng suy nghĩ ngay đây là người của ta, đồng thời cũng phán đoán là anh em còn ấp ủ một điều gì đó đang chờ cơ hội để bộc lộ. Cũng có thể là anh em chưa tin chúng tôi là phái đoàn của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam và Việt Nam dân chủ cộng hoà.

Sau khi giới thiệu vài nét tóm tắt về đoàn của chúng tôi, tôi đi thẳng vào một câu hỏi đã được tính toán kỹ. Tôi nói:

- Tôi hỏi các đồng chí, chỉ một câu thôi, nếu có, các đồng chí nói là có, nếu không, nói là không, không cần nói thêm một ý nào nữa. Mười hai anh em nhìn thẳng vào tôi tôi hỏi: “Các đồng chí đã được phổ biến nghị định thư trao trả chưa?” Vừa dứt lời tất cả 12 đồng chí đồng thanh nói không có. Thật là tuyệt vời, các đồng chí của ta đây rồi. Một đồng chí giơ tay lên và xin có ý kiến. Tôi mời đồng chí đó nói. Đồng chí nói rằng: Khoảng vài tuần nay, chúng tôi có nghe một vài sĩ quan ở trại giam này nói chuyện với nhau về Nghị định Paris gì đó. Hoàn toàn không có ai phổ biến về trao trả, về hiệp định. Chúng tôi yêu cầu phái đoàn phổ biến cho chúng tôi biết về Hiệp định Paris.

Thế là rõ, đây chính là các đồng chí của ta, những đồng chí kiên cường, bất khuất. Ngừng một phút, nén xúc động.

Tôi nói ngay hai điều với 12 đồng chí:

- Điều thứ nhất là hôm qua Ban giám đốc trại giam này báo cáo lên với các phái đoàn Liên hợp quân sự rằng anh em không chịu đi trao trả, không chịu về với cách mạng Trung tướng Trần Văn Trà, Thiếu tướng Lê Quang Hoà và các sĩ quan hai phái đoàn chúng tôi không tin điều đó. Nay xuống đây, chúng tôi hỏi giám đốc trại giam thì được trả lời là tối hôm qua mới cho cán bộ tâm lý chiến xuống nói về trao trả. Như vậy Ban giám đốc trại giam này đã vi phạm Hiệp định Paris. Từ khi ký nghị định thư đến nay là đã qua 16 ngày mà họ không phổ biến nghị định thư trao trả đến các đồng chí. Tôi thay mặt hai phái đoàn của ta trong Ban Liên hợp quân sự bốn bên lên án và cảnh cáo Ban giám đốc nhà lao này về việc vi phạm đó.

- Điều thứ hai, là tôi rất xúc động và thông cảm với các đồng chí. Chính là các đồng chí không tin về cuộc trao trả này nên mới đòi được gặp phái đoàn của ta. Không tin vào việc trao trả, không phải lỗi của các đồng chí mà đây là một sự cảnh giác cần thiết. Chính là do kẻ thù đã từng lừa dối các đồng chí. Có trường hợp họ nói cho người này người kia chuyển trại nhưng là đi thủ tiêu. Các đồng chí đã rất vững vàng và tỉnh táo. Chúng tôi hoan nghênh các đồng chí. Nói đến đây tôi thấy nét mặt của anh em phấn khởi hẳn lên. Các đồng chí trong hai đoàn của chúng tôi cũng rất vui. Thuốc lá Thăng Long, Điện Biên và chè Ba Đình được anh Hoàng Thương, anh Tư Bốn đưa tặng các đồng chí. Đây là món quà của miền Bắc, của cả nước tặng các đồng chí.

Các phóng viên quay phim, chụp ảnh, báo chí hoạt động chụp, quay ghi hình liên tục...

Đến đây tôi thấy phải bắt đầu làm một việc quan trọng đó là phổ biến nghị định thư trao trả cho 12 đồng chí. Tôi ngoảnh lại nói với các sĩ quan Mỹ - ngụy rằng:

- Các ông không phổ biến nghị định thư cho anh em của chúng tôi, nên tôi phải phổ biến tại đây. Nếu những người này thông suốt và cả 12 đồng chí của chúng tôi mang theo những nghị định thư về báo lại với anh em ở trại thì mọi người mới đi trao trả.

Tên giám đốc trại giam không muốn tôi phổ biến tại đây trước mấy chục sĩ quan ngụy và hàng trăm lính quân cảnh. Chúng chỉ muốn anh em về nói lại như tôi đã nói là đủ. Nhưng không dừng lại ở đây được, tôi nghĩ bụng, ta phải tấn công tiếp. Tôi cầm quyển Nghị định thư và đọc rõ ràng đồng dục, dừng lại từng chỗ cần thiết nói rõ thêm. Bọn sĩ quan Mỹ - ngụy rất sốt ruột nhưng chúng phải ngồi im để nghe. Hàng trăm lính quân cảnh lúc này ngồi cả xuống, lắng nghe gần như không nhúc nhích.

Tôi nhấn mạnh điều Nghị định thư quy định phải trao trả hết những người bị bắt, không được từ chối, không được trì hoãn với bất cứ lý do gì, đặc biệt làm nổi bật về những người bị bắt phải được đối xử nhân đạo. Họ được bảo vệ và chống lại mọi hoạt động bạo lực xúc phạm đến tính mệnh và thân thể, nhất là việc giết hại họ bằng mọi hình thức, việc làm cho họ bị tàn phế, việc tra tấn nhục hình và mọi hành động xúc phạm đến nhân cách phẩm giá con người. Họ phải được ăn, mặc, ở đầy đủ và được chăm sóc về y tế theo nhu cầu của tình hình sức khỏe.

Cả mười hai đồng chí nhìn tôi, nhìn mọi người trong hai phái đoàn ta với tình đồng chí rất thân thương. Dõi theo nội dung trình bày của tôi, các đồng chí phấn khởi khi thấy ta thắng lợi, địch thua to, và phải trao trả hết những người bị bắt. Nhưng khi tôi nói đến các bên phải đối xử nhân đạo với người bị bắt thì các đồng chí biểu hiện sự phẫn uất căm thù đối với kẻ địch.

Như dồn nén bấy lâu nay, tôi vừa dứt lời và phát nghị định thư trao trả cho anh em thì hàng chục cánh tay giơ lên và xin phát biểu ý kiến. Gần như đồng chí nào cũng phát biểu, các đồng chí vạch mặt kẻ thù, lên án kẻ thù một cách rất sâu sắc, với một thái độ rất căm phẫn, đồng thời đề nghị một số ý kiến, có thể nói là làm cho kẻ thù phải hoảng sợ, phải nhục nhã; có tên không dám ngẩng mặt lên.

Đại ý có những nội dung các đồng chí phát biểu như sau:

- Chúng tôi không đi trao trả hôm nay mà đòi gấp được phái đoàn của chúng tôi là vì chúng tôi không tin các ông. Các ông lừa dối chúng tôi nhiều lần lắm rồi nên hoàn toàn không tin được.

- Chúng tôi đồng ý đi trao trả, càng nhanh càng tốt, nhưng phải trả gọn từng trại, không được chọn nhặt lẻ tẻ; những người ốm nặng phải được trả trước.

- Từ trong trại ra đến xe ô tô, chúng tôi không cần các ông cáng hoặc dìu anh em chúng tôi. Việc đó chúng tôi tự làm: Ai còn hai chân giúp người một chân, ai còn hai tay giúp người một tay, ai còn cả hai chân hai tay thì khiêng còng người ốm. Cả thời gian giam giữ, các ông hành hạ chúng tôi, bây giờ làm ra vẻ nhân đạo lắm!

- Những quần áo mới mà các ông phát, chúng tôi không thềm mặc, ăn mặc rách rưới, hôi hám, bẩn thỉu suốt cả quá trình chúng tôi bị giam; nay khoác áo mới cho chúng tôi để biểu thị là mình tốt... Thôi, hãy bỏ cái kiểu ấy đi.

- Chúng tôi yêu cầu những xe ô tô đưa chúng tôi ra sân bay không được cấm cờ “ba que” hoặc có sơn cờ “ba que”.

Bọn sĩ quan nguy ngồi tím mặt, một số tên nhìn trừng trừng vào anh em ta, nhưng một số tên mặt cúi gằm.

Tôi quay lại nói với bọn sĩ quan nguy rằng:

- Các vị có ý kiến gì về những đề nghị của các đồng chí chúng tôi không?

Tên Phong nói xin chấp nhận những ý kiến đó. Những lá cờ cấm từ trước, nếu các ông không muốn thì chúng tôi cất đi.

Đinh Công Chất có ý kiến là:

- Nếu các vị không chấp nhận quần áo thì thôi, nhưng tôi đề nghị với Trung tá Vũ Bình là bên phía trung tá cũng đừng phát quần áo mới cho người bị bắt của chúng tôi.

Tôi liền trả lời Đinh Công Chất rằng:

- Việc không nhận quần áo mới, không đi xe ô tô có cờ “ba que”, không yêu cầu cáng hoặc dìu các người bị thương, bị ốm là do chính những người bị các ông giam giữ và đối xử với họ nên họ đề nghị như vậy. Còn số tù binh mà chúng tôi bắt giam giữ, tôi tin chắc rằng họ sẽ phấn khởi nhận những bộ quần áo của cách mạng để làm kỷ niệm. Tại sao ông Chất lại thay họ để đề đạt ý kiến đó?

Lại một đồng chí nữa đứng lên đồng dục nói to:

- Tôi xin được nói thẳng với các vị phụ trách trại giam này rằng: Các vị đừng có gài những tên phản động trà trộn trong số trao trả về vùng giải phóng của chúng tôi. Các vị cố tình gài thì chúng tôi sẽ xử trí ngay trước khi xuống đất vùng giải phóng của cách mạng.

Tên Phong đứng lên nói là chúng không dám làm điều đó.

Tôi thấy cuộc gặp gỡ đã đến lúc kết thúc được rồi. Lúc này là 14 giờ ngày 12 tháng 2 năm 1973, nếu khẩn trương thì có thể trao trả được 1 đến 2 chuyến máy bay lên Lộc Ninh. Cả hai phái đoàn chúng tôi đứng xen lẫn với 12 anh em để chụp ảnh và quay phim. Chúng tôi ôm nhau mà nước mắt cứ trào ra. Thương các đồng chí ta quá chừng, rất phục tinh thần chiến đấu của các đồng chí ta, một đồng chí ghé tai tôi và nói: Chụp ảnh quay phim như thế này là bảo đảm lắm rồi, kẻ thù ỨC LẮM nhưng không dám thủ tiêu chúng tôi đâu.

Tất cả mọi người trong hai phái đoàn của ta đều lên máy bay với trên 100 anh em trao trả chuyến đầu tiên để xuống sân bay Lộc Ninh. Ngồi trên máy bay C. 130, anh em hát vang những bài ca cách mạng.

CHUYẾN ĐI KIỂM SOÁT HOA KỲ VÀ CHƯ HẦU RÚT QUÂN

Từ trước đến nay phía Hoa Kỳ vẫn tìm mọi cách từ chối không để Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát và Ủy ban Liên hợp quân sự bốn bên đến kiểm soát việc rút quân của họ.

Trước sự đấu tranh của các đoàn đại biểu quân sự ta và sự lên án của dư luận thế giới, mới đây phía Hoa Kỳ đã phải chấp nhận thực hiện đúng như quy định của Hiệp định Paris.

Ngày 14 tháng 3, lúc 16 giờ (giờ địa phương), tại sân bay Tân Sơn Nhất, Tổ Liên hợp quân sự bốn bên đã tiến hành kiểm tra việc Hoa Kỳ rút 90 nhân viên, trong đó có 72 là nhân viên quân sự.

7 giờ trước đó, một Tổ Liên hợp quân sự bốn bên nữa đã đáp máy bay từ Sài Gòn đi kiểm soát việc rút quân của Hoa Kỳ và đồng minh tại hai địa điểm khác. Chiếc máy bay H21, sơn màu đen, 8 chỗ ngồi, chở các sĩ quan thuộc Tổ Liên hợp quân sự bốn bên cất cánh từ Sài Gòn lúc 9 giờ 40 phút và đến Nha Trang sau 70 phút bay. Phía Hoa Kỳ báo cáo là có 185 lính Pắc Chung Hy từ binh nhì đến trung tá rút về nước, hiện một số đã lên chiếc máy bay Boeing 707 bốn động cơ. Và họ cũng đã buộc phải để Tổ Liên hợp quân sự bốn bên và Tổ Quốc tế lên máy bay kiểm soát số quân và hành lý.

Tên trung tá đội quân đánh thuê báo cáo số nhân viên quân sự này là bộ phận cuối cùng của sư đoàn 9 - tức sư đoàn ngựa trắng” Pắc Chung Hy hoạt động Ở các vùng Bình Định, Khánh Hoà, An Khê. Trong số chúng có đứa đã sang Việt Nam gần 5 năm, cũng có đứa mới sang được 5 tháng.

Các sĩ quan của Chính phủ Cách mạng lâm thời và Việt Nam dân chủ cộng hoà hỏi chuyện tên chỉ huy... trong khi nhóm lính Pắc Chung Hy tranh nhau xin thuốc lá Hà Nội”.

Phát hiện thấy không có trang bị vũ khí trên máy bay, các sĩ quan ta, buộc Hoa Kỳ phải xuất trình bản kê khai. Họ lúng túng, nấn ná mãi đến 20 phút mới đưa ra một bản kê khai gồm có: 3 súng M16, 78 súng các loại, 22 súng ngắn. Các sĩ quan ta vạch ra rằng số vũ khí này chẳng những đã quá ít so với con số 185 nhân viên quân sự, hơn nữa, đây cũng chỉ là “súng ghi trên giấy” vì phía Hoa Kỳ không chịu để ta kiểm soát tại chỗ, áp úng nói rằng số vũ khí đó “đã đóng thùng rồi”.

Piazza Hoa Kỳ buộc phải ghi vào biên bản sự việc trên đây.

Buổi chiều, Tổ Liên hợp quân sự lại tiếp tục bay ra Đà Nẵng, một trung tá của Đoàn Hungary, một đại úy của Đoàn Canada, một trung úy của Đoàn Indonesia cùng viên trung tá Mỹ tên là Rốp-xon phụ trách đưa quân Mỹ về nước chuyển máy bay này, đã ra đón các sĩ quan bốn bên.

15 giờ 58 phút, 165 quân nhân Mỹ, trong đó người cấp bậc cao nhất là đại tá bắt đầu xếp hàng một lên chiếc máy bay Boeing 727, mang số 381.

Phía Hoa Kỳ nộp bản danh sách. Ta đòi họ phải để kiểm tra tại chỗ. Họ xin sau 20 phút trả lời, sau đó, đã buộc phải để các sĩ quan trong Tổ Liên hợp quân sự bốn bên lên máy bay. Ta lại phát hiện thấy số nhân viên quân sự này không mang theo trang bị và đã đòi phía Hoa Kỳ và quân đội Sài Gòn phải ký vào biên bản ghi nhận là “không mang theo vũ khí nào cả”, “vi phạm Hiệp định Paris”. Sĩ quan Hoa Kỳ luống cuống ra mặt. Họ đề nghị chỉ ghi sự việc “không mang theo vũ khí” và nói loanh quanh là trang bị của số quân nhân trên “đã được đóng vào hòm”, sau đó lại nói “đã được chở bằng tàu biển về trước rồi”.

Các sĩ quan ta chợt phát hiện thấy gần đó có 1 chiếc C 130, ta hỏi: viên trung tá Mỹ nói là trên đó có 12 sĩ quan không quân đi sang Na-khan - Pason. Ta lại hỏi: số đó có nằm trong danh sách rút quân không? Tại sao không để kiểm tra? Viên trung tá Hoa Kỳ đề nghị chờ 10 phút để thỉnh thị về Sài Gòn. Cuối cùng phía Hoa Kỳ lại buộc phải để các sĩ quan ta lên kiểm soát trên máy bay.

Phú Thành

MỘT ĐỢT TRAO TRẢ

PHẠM HỒNG

Nguyên sĩ quan Đoàn đại biểu quân sự Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam.

Sân bay Lộc Ninh, giữa vùng giải phóng miền Nam đã trải qua mấy ngày sôi nổi. Cuộc trao trả của 3 bên Hoa Kỳ, Việt Nam cộng hoà và Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam đã đồng thời diễn ra trên đường băng này.

Trời nắng to. Mặt trời Lộc Ninh soi rõ từng lá cây ngọn cỏ, mặc dù thỉnh thoảng những chiếc máy bay C 130 ầm ĩ lao xuống đường băng, cuốn theo những đám bụi mù.

Các đồng chí sĩ quan Hungary (trong Tổ Quốc tế dự cuộc trao trả) người ướm đầm mồ hôi tươi cười nói với tôi:

- Mấy hôm nay chúng tôi vất vả thật, nhưng thấy được nhiều vấn đề rất quý báu.

Từ chiều 12 tháng 2 năm 1973, cuộc trao trả bắt đầu. Mỗi ngày có từ 6 đến 8 chuyến máy bay vận tải cỡ lớn đến sân bay. Mọi sự việc diễn ra trước con mắt theo dõi của các sĩ quan Ba Lan, Hungary, Canada, Indonesia trong Tổ Quốc tế, các sĩ quan Quân Giải phóng Chính phủ Cách

mạng lâm thời, các sĩ quan Quân đội nhân dân Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà, các sĩ quan Hoa Kỳ và Việt Nam cộng hoà trong Ban Liên hợp quân sự bốn bên.

NHỮNG NGƯỜI MỸ ĐƯỢC TRẢ TỰ DO

Trong ngày 12 tháng 2 năm 1973, có 27 nhân viên quân sự và dân sự Hoa Kỳ được trả tự do. Ba Ker, một phi công Mỹ trước kia lái máy bay thám thính OV10, nay mặc bộ quần áo bà ba bằng vải phin màu xanh biển nhạt nét mặt tươi cười: “Xin cảm ơn tất cả về tấm lòng rộng lượng”. Người Mỹ đó reo lên, tay vẫy vẫy các chiến sĩ Quân Giải phóng. Có một quân nhân Mỹ khác, vết thương chưa khỏi hẳn nhưng da dẻ hồng hào, 8 tháng sống trong vùng giải phóng của ta, anh đã được cung cấp nhiều thứ thuốc men. Một đại úy Mỹ chỉ một bác sĩ Quân Giải phóng nói: “Nhờ ông giải phóng kia không thì tôi chết rồi”. Đặc biệt có 4 quân nhân Mỹ, năm trước bị Quân Giải phóng bắt sống tại sân bay Lộc Ninh này, đi đi lại lại bên đường băng nói: trái đất là tròn. Chúng tôi đã bị bắt ở đây, và bây giờ được trao trả cũng chính nơi đây”.

Tất cả 27 người Mỹ, nhân viên quân sự và dân sự, đều tỏ ra rất xúc động. Họ bộc lộ lòng biết ơn đối với Quân Giải phóng và tỏ rõ niềm vui được trở về nước, thoát khỏi một cuộc chiến tranh chẳng được ai hoan nghênh.

NHỮNG SĨ QUAN VÀ BINH LÍNH SÀI GÒN

Đi cùng hướng với những người Mỹ này là những sĩ quan và binh lính Sài Gòn bị bắt trong các trận chiến đầu. Nét mặt của họ kín đáo hơn những người Mỹ - Hai hàng quân cảnh Sài Gòn kèm họ lên máy bay. Họ mặc những bộ đồng phục màu xanh lá cây non của Chính phủ Cách mạng lâm thời cấp cho. Họ đã được đối xử với tinh thần nhân đạo.

Vị đại úy Indonesia nọ lại có nhận xét: “Sao trông cái đám người này kém linh hoạt thế. Hình như họ chẳng hiểu biết chính trị gì cả”.

- Họ đã phát biểu ý kiến trước khi rời trại giam rồi. Bây giờ là lúc họ phải giữ mồm, giữ miệng.

Anh Sáu Văn, cán bộ ở một trại giam trả lời viên đại úy Indonesia và kể lại câu nói của anh lính Sài Gòn Nguyễn Tấn trước khi ra sân bay. Tấn nói: “Chúng tôi vui được trở về với gia đình. Nhưng cái vui lớn của chúng tôi là đến giờ đây chúng tôi đã thấy rõ ràng đâu là lẽ phải, đâu là chính nghĩa, là nhân đạo. Chúng tôi ra về nhưng để cả tấm lòng lại đây với cách mạng”.

NHỮNG NGƯỜI CỦA CHÚNG TA

Giữa hai hàng quân cảnh Sài Gòn súng cầm tay lăm lăm, những người của ta bị chính quyền Sài Gòn tra tấn thành tàn phế, ốm yếu diu nhau từ trên máy bay bước xuống.

Anh em ta hô to những khẩu hiệu:

- Vì Tổ quốc, vì nhân dân, sẵn sàng hy sinh tất cả.
- Hoan hô Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam.
- Không có gì quý hơn độc lập tự do.

Các thủ tục trao trả làm xong, sau khi mặc bộ quần áo mới của cách mạng, anh em ta tự động tập hợp cạnh sân bay. Sĩ quan các nước kéo đến gần, vừa theo dõi, vừa tò mò. Anh em ta đứng nghiêm chào cờ. Rồi cúi đầu mặc niệm những đồng chí đã anh dũng hy sinh trong các trại giam của nhà cầm quyền Sài Gòn. Trước cảnh này, các sĩ quan Sài Gòn lủi mất.

Anh em nhà lao Phú Quốc cho biết, giữa ngày mừng 3 Tết vừa rồi, sau khi có hiệp định chấm dứt chiến tranh lập lại hoà bình ở Việt Nam, bọn sĩ quan Sài Gòn ra lệnh xả súng vào trại giam, giết nhiều anh em ta. Ở Phú Quốc chúng nó đã cưa tay, cưa chân anh em tùy thích, chúng nó muốn lấy máu anh em cho vào bình đem bán và nộp lên cấp trên. Chúng nó còn kéo bọn Hoa Kỳ, Nam Triều Tiên đến thử thuốc độc, thuốc thí nghiệm trên thân thể anh em ta.

Trước khí thế cách mạng của anh em ta trên sân bay hôm nay, một đại úy Indonesia đã nói với đại úy Lê Thanh Văn, sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam: “Xin chân thành nói với ông rằng tôi hết sức khâm phục tinh thần dũng cảm bất khuất của những con người đó. Mặc dầu bị đọa đầy, nhưng hôm nay, ở đây họ đã tỏ cho mọi người thấy rằng họ vững vàng đến thế nản...”.

Đó là những người chiến thắng trở về.

P.H.

TẾT - GHI ĐƯỢC Ở SÀI GÒN

TRẦN DUY HÌNH

Nguyên sĩ quan Đoàn đại biểu quân sự Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà.

Tôi đến Sài Gòn vào một ngày giáp Tết Quý Sửu năm 1973. Đã cuối đông mà ở đây vẫn nóng như đang còn giữa hạ. Cát bay bụi mù. Nắng như đổ lửa. Tiếng gầm rú của máy bay Mỹ đình tai nhức óc suốt 24 tiếng đồng hồ. Ngột ngạt quá.

Tôi nhớ mãi đêm 30 Tết, giữa lúc Trung tướng Trần Văn Trà - Trưởng đoàn đại biểu quân sự Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam đang chúc tết anh em cả hai đoàn quân sự ta trong trại Davis, thì mái nhà tôn bỗng rung lên vì những chiếc trực thăng bay quá thấp. Từ trên đó nhiều pha đèn hồ quang chiếu thốc xuống. Chính quyền Sài Gòn làm cái trò gì đây? Mặc họ. Cuộc họp mặt dạt dào tình nghĩa Bắc - Nam giữa hai đoàn không hề bị ảnh hưởng. Họ có sức thì cứ việc bay. Ngày mai ta sẽ có công hàm phản đối. Còn anh em chúng tôi vẫn ung dung ngồi quây quanh chiếc máy thu thanh, nhấp trà Ba Đình, hút thuốc lá Thủ đô, ăn mứt gừng uống bia Trúc Bạch..., chuyện trò rôm rả đón gian thừa và chờ nghe Bác Tôn kính yêu chúc Tết. Tất cả hướng về Hà Nội.

Ồi pháo nổ rồi, giao thừa đến rồi. Ngoài ấy mới tung bừng nhộn nhịp làm sao. Qua âm thanh, chúng tôi như thấy cả Hà Nội bừng dậy đón mừng Xuân mới.

Còn ở đây, so với Hà Nội chậm một tiếng đồng hồ. Tôi quyết định thức trọn đêm nay để xem xuân đến Sài Gòn. Không ra được phố. Chúng tôi xem vô tuyến truyền hình của Sài Gòn. Làn sóng huỳnh quang nhấp nháy. Chiếc loa phía dưới báo rằng- “Có tổng thống Việt Nam cộng hoà chúc Tết”. Và chỉ trong nháy mắt ở cái khuôn vuông vuông trắng trắng của máy hiện ra một

người khấn xếp, mặc áo the thâm quần trắng ống sớ... Lạ mặt quá. Tôi ngó người: Ô đây là Nguyễn Văn Thiệu ư? Sao giống Ngô Đình Diệm ngày xưa đến thế!

Giao thừa đến rồi, nhưng sao ở đây im ắng quá? À, dân Sài Gòn bị cấm đốt pháo từ hàng chục năm nay. Bây giờ cũng vẫn còn bị cấm. Tôi nhớ ra điều ấy. Nhìn sang khu “gia binh” và phố Lê Văn Lộc, vắng ngắt. Vài ba ngọn đèn đường hiu hắt. Cửa mọi nhà đều đóng im ỉm dưới bóng những lá cờ vàng ba sọc ử rử. Trên mặt đường nhựa mấy con chó hoang đang đùa rờn, bóng tui lính tuần tra thấp thoáng trong màn sương. Xuân đã về rồi, sao ở đây không ai đón? Bà con ngủ cả rồi ư? Hay vẫn thức đón xuân kín đáo trong nhà? Bên phi trường Tân Sơn Nhất, đèn dù vẫn nổi nhau nhấp nháy. Xa xa tiếng đại bác chốc chốc lại oàng oàng. Phía ấy là Củ Chi, Gò Vấp...

Gần sáng, không gian bỗng rung lên bần bật như động đất bởi sức nặng và tiếng gào rú của chiến xa. Chúng kéo đàn kéo lũ đi đâu? Đi hái lộc đầu xuân? Một em bé trong ngôi nhà gần đường giật mình khóc thét lên. Tiếng khóc ấy bị nghiền ngay vào tiếng rít của xích sắt xe tăng. Anh đèn pha loang loáng quét dọc hàng rào. Những chiếc gai sắt nhọn hoắt lạnh lẽo túa ra. Nhưng nếu chúng nó dựng lên trăm tầng nghìn lớp rào thép như thế cũng không thể chia cắt nỗi lòng người dân Sài Gòn đối với đoàn ta. Tôi để ý hàng ngày có biết bao ánh mắt hiền hậu từ bên kia kín đáo ngấm sang. Các cháu nhỏ cời trần nghịch đất lầy cứ đuổi nhau băng qua mặt lính gác đến sát hàng rào để nhìn cho rõ các chú bộ đội của ta. Có cháu khe khẽ gọi sang giọng đầy xúc động: “Chú ơi!”. Thương quá. Ngày Tết mà chẳng thấy các cháu hơn ngày thường tý nào. Một đồng chí ta khẽ vẫy các cháu lại, luồn kẹo bánh qua cho. Những đứa trẻ vô tội vừa đến sát hàng rào thì một tiếng quát làm chúng giật bắn người:

- Ê con nít! Đù mẹ tui bay, muốn chết hả?

Tên quân cảnh hùng hổ xách tiểu liên ARI5 xông tới vung tay tát bốp vào giữa mặt một em bé. Bọn trẻ sợ hãi khóc thét lên hốt hải chạy về nhà. Mấy bà mẹ thấy thế cũng chỉ nghẹn ngào gạt nước mắt len lén quay đi. Tôi không hiểu những ông bố - hầu hết là lính - trong khu gia đình ấy nghĩ gì khi con mình bị người khác đánh đòn giữa ngày mùng 1 Tết

Một bác công nhân già, đi làm trong sân bay về, dừng lại nhìn vào trụ sở ta xem anh em đầu bóng chuyện vui Tết, liền bị tên quân cảnh non choẹt chỉ vào giữa mặt quát:

- Cút mẹ mày khỏi liền, nhìn, nhìn ông nội mày gì? Muốn đi tù hả? - Cụ già đành phải lồm lũi quay đi.

Một điểm đặc biệt là Sài Gòn ngày Tết trẻ em rất thích chơi điều. Mỗi cháu trên tay đều có một chiếc điều. Cháu thì điều vuông, cháu thì điều gấp, cháu điều cánh cóc, cánh cung...

Những chiếc điều no gió bay lên đem theo niềm vui của đàn trẻ nhún nhảy cái đuôi như cùng các cháu múa giữa trời xanh. Ở đây gần biển nên lúc nào cũng lộng gió. Được gió nâng, điều càng bay cao, niềm vui của đàn trẻ cứ thế tăng lên mãi mãi. Càng ngắm các cháu chơi điều vui vẻ, hồn nhiên, tôi càng thương các cháu gấp bội. Ngày Tết mà các cháu chỉ chơi mỗi trò này ư? Tiếng nhạc “xuynh”, nhạc “gia” của Mỹ đang eo éo đây kia không hấp dẫn các cháu. ôi tuổi thơ vô tư và đầy thú vị, chúng tôi bị lôi cuốn thật sự về cái trò chơi thú vị này. Nếu không có hàng rào kẽm Mỹ

tàn nhẫn dựng lên để chia mặt cắt lòng sừng sừng trước mặt này, thì chúng tôi đã ủa ra chơi điều với các cháu.

Cả đám điều đủ màu sắc nghiêng ngché, đùa rờn như một chùm hoa trắng khổng lồ. Đàn điều cứ nhích dần, nhích dần như vô tình bay trên bầu trời trại Davis chúng tôi hớn hờ ngắm nhìn. Bỗng một chiếc chao mạnh rồi đứt dây, rồi lẻo, rớt xuống. Cháu nào bên ấy mắt điều chắc là rầu lắm. Biết của ai mà mang trả bây giờ? Chúng tôi nhặt chiếc điều lên ngắm nghía. Điều bồi nửa đỏ nửa xanh. Màu sắc của lá cờ Giải phóng? Chúng tôi đều sừng sờ cả người khi đọc dòng chữ viết giữa thân điều: “Năm mới, các cháu cùng bà con chúc Tết mấy chú mạnh giỏi. Nhớ các chú nhiều!”. Thật là kỳ lạ, thật là thân thương! ôi chiếc điều đầy nghĩa tình. ôi, tấm lòng của bà con bên ấy! Chúng tôi xúc động chuyền nhau chiếc điều mà nước mắt lưng tròng. Thế là giữa ngày mùng 1 Tết, dù xa nhà chúng tôi vẫn được sống giữa những tấm lòng, nhân hậu, đầy tình thương mến của bà con Sài Gòn đang hướng về cách mạng. Nhìn đàn trẻ, tôi như thấy cháu nào cũng là chủ nhân chiếc điều tuyệt diệu này. Chắc chủ nhân của nó cũng xúc động không kém chúng tôi. Thế là mạch máu đã khai thông. Bức tường mà Mỹ - nguy cổ dựng lên đã bị chọc thủng. Từ nay đối với chúng tôi, bà con bên ấy là người nhà, những chiếc điều đáng yêu kia chính là tín hiệu của những trái tim vàng.

Khác với lối đón xuân của con trẻ, các “ngài sĩ quan không quân quân lực Việt Nam cộng hoà” ở câu lạc bộ không quân Huỳnh Thúc Bặc đón xuân độc đáo hơn. Họ chẳng xúc xích giấy đầy nhà, quân cảnh được dàn ra đầy các ngõ ngách. Họ tiếp khách bằng máy vô tuyến thông tin và chơi những tờ tranh lạ mắt. Một con quạ đứng trên cành một quả bom, dưới mang hai chữ “Hoà bình” được treo ngay giữa cửa chính. Thật là một kiệt tác của loại tranh xuân Sài Gòn. Chúng tôi đến câu lạc bộ này vào lúc chiều tà, không gian đỏ lỏm, mọi vật như tắm màu. Trên xác chiếc xe tăng có lẽ từ năm 1968 đã gi nhoèn, một hàng chữ viết vội làm bọn quân cảnh lòng lên: “Tụi Trâu điên là đồ chó đẻ”. Tụi Trâu điên chính là cái tiểu đoàn quỷ quái đang ngày đêm “bảo đảm an toàn” cho trại Davis. Chúng tôi đã được một người nào đó chúc mừng năm mới.

Lúc trời sẫm lại, bỗng tiếng kèn trom-pét ré lên ở một ngôi nhà trong ngõ, ánh đèn màu lá chuối hắt ra nhấp nháy chập chờn. Người tài xế do hãng Pacific thuê - giới thiệu:

- Đây là nơi tiệm cô Ba, bán hủ tiếu Mỹ Tho và nhảy đầm. Thế nào tối cũng có “xéch-xi” 100% (không mặc quần áo). Tiệm này đông khách lắm.

- Sài Gòn có nhiều tiệm nhảy “xéch-xi” không?

- Nhiều chứ, Tết này là họ hốt bạc. Được dịp của khách làng chơi, họ nhảy suốt ngày suốt đêm. Toàn những tay chơi cỡ “bự”.

- Tối qua nhà bác đón giao thừa có vui không.

- Không, tôi đi làm mệt, thành thử ngủ quên mất. Ở phố tôi chỉ những nhà có ti vi là dậy coi thôi.

- Tết này chắc Sài Gòn vui lắm bác nhỉ?

- Đâu có Phải chi đừng Tết còn hơn. Loại như chúng tôi Tết vẫn phải lặn lội ra mà làm kiếm miếng. Chẳng dám đến nhà ai. Tết là Tết người ta thôi.

Nếu cứ quan sát quanh trại Davis thì tưởng Sài Gòn không có Tết.

Sáng mùng 2 Tết, chúng tôi theo Thiếu tướng Lê Quang Hoà vào trung tâm Sài Gòn để tiếp xúc lần đầu tiên với uỷ ban Quốc tế. Xe chạy qua cầu Công Lý. Bọn quân cảnh đưa đường tiền hô hậu hét nhện nhạo cả phố phường. Chúng cho xe đi rất nhanh để tránh ta tiếp xúc với dân. Nhưng chốc chốc vẫn phải dừng lại vì những tai nạn xe cộ bất ngờ. Thấy ta, đồng bào kéo nhau chạy ủa xuống mặt đường. Những ánh mắt thân thương, những nụ cười hồ hởi, những giọt nước mắt sung sướng nghẹn ngào.

Người Sài Gòn nhận ra hai đoàn đại biểu ta rất nhanh. Người nọ truyền người kia, cả thành phố bàn tán xôn xao. Người đang đi dừng lại, ngấm, người trên gác chạy ủa ra ban công xem. Có tiếng reo to: “Ôi cha, phái đoàn quân sự Hà Nội đẹp dữ quá hè”. Quân cảnh, cảnh sát đầy đường. Những tiếng còi nạt nộ thét lên- Giày đinh nện cồm cộp. Coi chừng bị bắt.

Một đôi nam nữ cười xe hon đa, cổ vượt lên chạy song song với các xe ta. Anh con trai bảo người yêu:

- Em coi cho kỹ nè, các anh giải phóng đội nón cát, vận đồ pô-li-te. Còn các anh bộ đội ngoài Bắc thì đội nón kê-pi, mang ngù vai vàng. Đó, đó em thấy rõ chưa? Họ nhìn vào xe tôi, tôi cười vẫy họ- Cả hai cùng cười: “Chúc mấy anh mạnh giỏi”, rồi rú ga rẽ sang phố khác, lặn vào dòng người đang hối hả ngược xuôi. Đoàn xe lướt đi rất nhanh rồi đỗ trước một khách sạn loại nhỏ. Xung quanh đã thấy bọn quân cảnh, cảnh sát Sài Gòn chen chúc đông đặc. Các ngã phố đều bị chặn lại. Ở một góc hành lang, trong vòng dây ni lông trắng, tôi thấy các phóng viên nước ngoài đang đứng chờ sẵn. Nhìn thấy các đại biểu ta, họ ào ra định quay phim, chụp ảnh. Lập tức bị quân cảnh Sài Gòn chặn lại.

Chính quyền Sài Gòn rước Mỹ vào cùng với đô la, chắc dân Sài Gòn phải giàu có lắm?

- Không. Viên trung tá Chỉ phụ trách an ninh “phủ tổng thống”, đến khoe với sĩ quan liên lạc ta: “Tôi rất lấy làm vui mừng vì dân Sài Gòn được ăn cái Tết hoà bình đầy đủ. Nhà nào cũng có một hai chiếc bánh chưng trong tủ ướp lạnh”.

Chỉ khoe thế, nhưng biết bao người ăn mày nhan nhản khắp đường phố kia, họ đào đâu ra tủ ướp lạnh, họ sẽ lấy gì mà ăn trong những ngày Tết? Hỏi vì sao Sài Gòn không đốt pháo mừng xuân? Chỉ giải thích: “Để đảm bảo an ninh ba ngày Tết, không những chính phủ chúng tôi cấm đốt pháo mà còn cấm tụ tập đông người, cấm đi lại từ 10 giờ đêm, báo động quân đội. Nói thật, chúng tôi rất sợ cái Tết như... Mậu Thân 1968”. Vậy ra đây là nguyên nhân sự tẻ nhạt của những ngày Tết cổ truyền ở Sài Gòn.

Nhớ hôm đoàn chúng tôi lên đường, Hà Nội nhộn nhịp khác thường. Cả thành phố rực màu cờ đỏ, ngập trong trăm sắc thắm hoa tươi. Người từ bốn phương nườm nượp đổ về Hà Nội. Những nụ cười tươi động mãi trên môi. Những gương mặt rạng rỡ chứa chan hạnh phúc: Hoà bình đã trở lại, súng đã ngừng nổ, quân xâm lược phải hạ cờ cuốn gói rút. Ngồi trên chiếc xe “giải

phóng ngắm nhìn Hà Nội, lòng tôi bồi hồi bao xúc động. Tôi nôn nao muốn vào ngay Sài Gòn để cùng bà con ta đón xuân hoà bình. Chắc là vui vẻ lắm. Nhưng thực tế lại quá phũ phàng...

Những sĩ quan liên lạc Sài Gòn được phép lui tới các đoàn quân sự ta phát ghen lên vì cảnh Tết của anh em chúng tôi vui vẻ, đầy đủ quá. Những cây đào Nhật Tân tươi thắm, những bộ phim hay, những chiếc bánh chưng ngon lành, những đĩa dưa hành chín tới, những câu đối đẹp, bức tranh xuân sắc màu rực rỡ... đều được chở từ Hà Nội và từ vùng giải phóng vào. Ngay cả Đoàn Indonesia trong uỷ ban Quốc tế cũng phải trầm trồ ngắm nghía rất lâu hai cây đào to nở đầy hoa đỏ chói trong phòng khách. Họ rất lạ về những cây đào Hà Nội đã vào tận đây nở đầy hoa giữa Sài Gòn. Cũng bên những cây đào ấy, Trung tướng Trần Văn Trà đã nhắc đến vua Quang Trung ngày trước, sau khi quét sạch lũ xâm lược Mãn Thanh, đưa quân sĩ vào Thăng Long ăn Tết, lúc trở lại Phú Xuân, nhà vua đã chọn những cảnh đào đẹp nhất Hà thành đem về tặng người vợ yêu quý là công chúa Ngọc Hân. Đào thắm dàng ngoài khoe sắc bên mai vàng đang trong, tượng trưng cho sự thanh bình của đất nước. Việc đó xảy ra vào Tết Mậu Thân năm 1968.

Lịch sử đã lặp lại vào Tết Quý Sửu năm 1973. Những cây đào Hà Nội đã cùng phái đoàn quân sự ta vào Sài Gòn nở hoa tươi thắm, mừng xuân đại thắng, chứng kiến bè lũ xâm lược Hoa Kỳ với bọn lính chur hầu hạ cờ, vác súng cuộn gói cút khỏi đất nước ta.

T.D.H

NHỮNG CUỘC ĐẤU TRÍ KHI ĐI TRAO TRẢ TÙ BINH

HOÀNG DUY HOÀ

Xuân Quý Sửu năm 1973, hai phái đoàn quân sự của ta vào Sài Gòn để làm nhiệm vụ thi hành Hiệp định Paris, liên tục đi các tỉnh giám sát việc Mỹ rút quân, việc trao trả tù binh của các bên. Đồng chí Trần Văn Trà Trưởng phái đoàn quân sự Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam thường nhắc nhở cán bộ của đoàn. “Chúng ta là người chiến thắng, mỗi lần đi làm việc với phía Mỹ và Sài Gòn phải giành được điểm thắng về đấu tranh chính trị và ngoại giao. Đây cũng là cơ hội trực tiếp làm công tác địch vận...”.

AI XÂM LƯỢC AI

Ngày 3 tháng 3 năm 1973, Tổ Liên hợp quân sự bốn bên bay ra Hà Nội quan sát việc trao trả giặc lái Mỹ, viên thiếu tá Sài Gòn nói:

- Chiến tranh đã tàn, ta không nói chuyện chính trị mà nói chuyện tình cảm cho vui.

Tôi cười đáp:

- Chuyện gì cũng được, cũng phải có chân lý.

- Tôi nghe ông nói vẫn lai giọng miền Bắc.

- Vâng! Tôi người gốc Hà Nội, nên nói giọng Bắc, giọng Nam đều được.

Một sĩ quan Mỹ rất thạo tiếng Việt hỏi luôn:

- Thế ông là người miền Bắc, ông xâm lược Việt Nam cộng hoà từ bao giờ?

Tôi nhìn quân hàm và tên trên ngực áo anh ta nói:

- Thiếu tá Hi-gin là người bang Ca-li-phoóc-ni-a phải không?

- Đúng thế!

- Có bao giờ thiếu tá xâm lược nước Hoa Kỳ không?

Hi-gin đáp:

- Ông nói lạ, tôi là người Hoa Kỳ sao lại xâm lược nước Hoa Kỳ.

- Vậy thiếu tá đã trả lời hộ tôi câu hỏi và hiểu ai xâm lược ai rồi đó. Tôi là người Việt Nam sao lại xâm lược Việt Nam.

Hi-gin ngượng ngùng quay đi không nói gì nữa.

KHÔNG ĐI MÁY BAY SƠN CỜ SÀI GÒN

Ngày 26 tháng 2 năm 1973, xe chở Tổ Liên hợp quân sự chúng tôi ra sân bay Tân Sơn Nhất đi Bình Định quan sát việc trao trả tù binh, một máy bay Ka-ra-bu đã chờ sẵn, một thiếu tá của Việt Nam cộng hoà mời chúng tôi lên máy bay và ra lệnh nổ máy. Chúng tôi chỉ vào đuôi máy bay nói không đi máy bay có cờ của Sài Gòn mà đi máy bay của Liên hợp quân sự bốn bên có sơn bốn vạch màu da cam có con số 4. Viên thiếu tá bực tức nói:

- Các ông ở rừng chỉ lợi bộ, vào đây chúng tôi phải phục vụ, máy bay nào chả được, chỉ về chuyện, bay tít trên bầu trời ai biết cờ quạt của ai mà không đi.

Bên ta nói, máy bay bay qua nhiều vùng giải phóng của Chính phủ Cách mạng sơn cờ của chính quyền Sài Gòn là vi phạm hiệp định. Nếu bị cao xạ quân giải phóng bắn rơi, phía Sài Gòn phải chịu trách nhiệm, buổi trao trả hôm nay không thực thi được là do phía Sài Gòn gây trở ngại, chúng tôi sẽ công bố cho đài, báo chí trong và ngoài nước biết.

Sĩ quan Mỹ và Sài Gòn xách cặp xuống máy bay đi vào nhà ga, ba mươi phút sau có máy bay Liên hợp quân sự lăn bánh ra phi trường. Họ mời chúng tôi lên máy bay bay ra Phù Cát - Bình Định. Anh em ta vui cười bắt nhau: “Đã giành được điểm thắng”.

KHÔNG CHO ĐẠI TÁ SÀI GÒN VÀO VÙNG GIẢI PHÓNG

Trời nắng gay gắt, đường băng hầm hập nóng, mọi thành viên trong Ban Liên hợp quân sự phải đứng chờ trực thăng ở phi trường Pleyku để bay vào vùng giải phóng thăm nơi giam giữ cuối cùng trước khi trao trả tù binh Sài Gòn. Đại tá Hiền khu vực trưởng Liên hợp quân sự vùng Tây Nguyên phía Sài Gòn bước lên máy bay mời chúng tôi lên máy bay và nhắc phi hành đoàn cất cánh.

Bên ta nói:

- Trong uỷ nhiệm thư phía các vị được vào vùng giải phóng có ba sĩ quan, không thể đi quá số lượng được.

- Hấn bảo sẽ cho một đại úy xuống thay cho hấn vào vùng giải phóng.

- Thay không được vì đại tá không phải là người của Ban Liên hợp quân sự trung ương, không có danh sách trong uỷ nhiệm thư vào vùng kiểm soát của Chính phủ Cách mạng nên đại tá không được vào vùng giải phóng.

Đại tá Hiền hần học nói:

- Tôi là đại tá khu vực trưởng Liên hợp quân sự khu vực III có quyền đi quan sát trong toàn khu vực.

- Vâng! Ông được quyền đi khu vực Sài Gòn kiểm soát, không được quyền vào vùng giải phóng khi uỷ nhiệm thư không có danh sách. Nếu hôm nay không thực hiện được nhiệm vụ là do phía Sài Gòn gây khó khăn, các vị phải chịu trách nhiệm.

Đại tá khu vực trưởng bực dọc nói oang oang:

- Máy bay của chúng tôi, phi hành đoàn của chúng tôi, bay từ lãnh thổ của chúng tôi, tôi là đại tá, các ông giờ nguyên tắc lần át vừa vừa chứ.

Nói rồi hắn ta nhảy xuống đi thẳng vào nhà ga với thái độ hần học.

Sau chuyến này về báo cáo, đồng chí Võ Đông Giang nói “Các cậu lại giành được điểm thắng hay”.

BÊN HỌ PHẢI NHẬN LỖI

Tổ Liên hợp quân sự bốn bên của ta đi quan sát trao trả tù binh cho phía Sài Gòn tại Đức Nghiệp, máy bay trực thăng đổ sẵn ở phi trường Pleyku đón chúng tôi. Định lên máy bay, thấy có cột trụ gắn súng đại liên và 8 dây đạn, chúng tôi chụp ảnh xong, gọi sĩ quan Sài Gòn đến để phản đối việc họ đã lợi dụng máy bay sơn ký hiệu Liên hợp quân sự để oanh tạc nhân dân vùng giải phóng. Sĩ quan Liên hợp quân sự trung ương của Sài Gòn hỏi sĩ quan Liên hợp quân sự địa phương, họ lúng túng đổ lỗi cho cấp dưới làm ăn tùy tiện. Bên ta mời phái bộ quốc tế bốn nước đến chứng kiến và yêu cầu phía Sài Gòn ký vào biên bản. Về Sài Gòn phiên họp trưởng phái đoàn, ta đưa chứng cứ ảnh và biên bản ra phản đối và lên án họ. Trưởng phái đoàn Sài Gòn, tướng Phan Hoà Hiệp đã phải nhận lỗi là cấp dưới ở địa phương họ làm sai, xin lỗi.

ĐẠI TÁ QUÂN ĐỘI SÀI GÒN BỊ VẠCH MẶT

Ta trao trả 3 tù binh sĩ quan cho Sài Gòn tại Lộc Ninh là Đại tá Nguyễn Công Vĩnh chiến đoàn trưởng Chiến đoàn 8 và hai trung tá là Dương và Thông. Phía Sài Gòn đi nhận có Đại tá Trần Vĩnh Đất, bàn giao ký kết xong, tù binh vui vẻ nhận quà tặng của trại và cảm ơn. Trần Vĩnh Đất tỏ ra bực dọc đẩy họ lên máy bay giục phi hành đoàn cất cánh. Về Sài Gòn, anh ta tổ chức họp báo vu khống là: Việt cộng không chịu trao trả sĩ quan cao cấp của Sài Gòn, tôi phải đấu tranh quyết liệt đủ chứng lý, kết hợp với biện pháp nghệ thuật nhà nghề mới cướp được 3 sĩ quan đưa về an toàn, báo chí Sài Gòn đăng tin và ảnh theo lời họp báo của hắn.

Kỳ họp Ban Trao trả, trưởng ban tù binh của ta đưa báo cho Đất xem và nói:

- Ông cần nghe băng ghi âm buổi trao trả tại Lộc Ninh để đối chiếu với lời nói họp báo của ông không?

Trần Vĩnh Đất sa sầm mặt ngượng ngùng nói:

- Các ông còn lạ gì báo chí Sài Gòn, họ muốn bán được nhiều thì họ tô vẽ giật gân mà thôi, tôi đâu có nói là cướp tù binh, mà cướp sao nổi tại nơi trao trả thuộc lãnh thổ của Chính phủ Cách mạng.

- Sao ông không nói với báo chí, Lộc Ninh là nơi Chiến đoàn 8 tử thủ đã thất thủ, nơi này đại tá chiến đoàn trưởng Nguyễn Công Vĩnh bị bắt làm tù binh và cũng nơi này họ đã được trao trả, đại tá đã xuyên tạc sự thật.

Đất đưa trả tờ báo nói:

- Quý vị thông cảm báo chí Sài Gòn đăng tải tin tức là thế đó, rồi lảng sang chuyện khác.

Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, chúng tôi gặp lại Nguyễn Công Vĩnh trong buổi trình diện học tập cải tạo: hỏi lại chuyện này, anh ta thú nhận: Trần Vĩnh Đất muốn khoe công trạng của mình với quân đội Sài Gòn và nhận sự ban ơn của chúng tôi, nhưng nói sai sự thật khiến chúng tôi cũng phát ngượng, chắc bây giờ ông ta đã chạy trốn rồi.

QUÂN MỸ “GÔ-HÔM”

NGUYỄN NGÂN

ĐÀ NĂNG, TÁM NĂM SAU

Đà Nẵng tháng 3 năm 1965

Lính thủy đánh bộ Mỹ ồ ạt tràn lên biển Sơn Trà. Những lính cổ da kiêu binh ấy của nước Hoa Kỳ đứng đầu phe đế quốc, đầu đội mũ sắt, tay xách súng tiểu liên cực nhanh M16, tay cầm máy vô tuyến điện thoại, mặt ngửng cao, ngược nhìn bầu trời xanh nhiệt đới xa lạ tràn ngập ánh nắng.

Tiếng kèn đồng thổi nhức óc. Chính khách, tướng lãnh “bản xứ” chen chúc nhau trong phòng khánh tiết, mặt mày rạng rỡ...

Từ đó đến nay, tám năm đã qua rồi. Đà Nẵng tháng 3 năm 1973. Sự trùng hợp lịch sử sao mà oái oăm: lính Mỹ "hồi hương".

Những người còn lại hôm nay “khăn gói” về nước, xếp hàng thứ tự dưới sự giám sát của đại biểu quân sự Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam và Việt Nam dân chủ cộng hoà trên sân bay Đà Nẵng. Họ nối đuôi nhau lên máy bay.

Có những bộ mặt hốc hác, tái xanh, dầu tóc bù xù, mắt trắng dã lơ dờ vì ma túy, bên những bộ mặt mới mẻ rã rời nhưng sung sướng thoát được cái chết thảm hại trên chiến trường...

Nhiều tên lính Mỹ cấp theo những bức tranh kiếm hiệp xanh đỏ loè loẹt hay tấm tranh thủy mặc bôi vôi, bày bán trên vỉa hè Sài Gòn.

Từ trong cửa sổ một ngôi nhà sang trọng có gắn máy lạnh, mấy sĩ quan quân đội Sài Gòn có mấy cô vũ nữ ngó nhìn theo ngán ngẩm - Người Mỹ đến, người Mỹ đi rồi...

CHIẾC MŨ GIẢI PHÓNG VÀ NHỮNG TẮM HUY CHƯƠNG MỸ

Làm việc xong với người sĩ quan liên lạc trong phái đoàn quân sự Chính phủ Cách mạng lâm thời, viên sĩ quan trẻ tuổi của Hoa Kỳ đứng dậy ra về. Vừa ra đến cửa, anh ta bỗng nhiên dừng bước đứng tần ngần một lúc rồi quay lại, lột chiếc mũ ca lô đang đội trên đầu xuống.

- Thưa ông... ông có thể đổi cho tôi chiếc mũ của ông.

Viên sĩ quan Hoa Kỳ nói với sĩ quan ta. Sĩ quan liên lạc ta bảo anh ta ngồi xuống, rót mời một chén nước trà.

Nét mặt viên sĩ quan Hoa Kỳ tươi hẳn lên, anh ta nói tiếp:

- Nếu ông đồng ý tôi được cầm chiếc mũ này về, tôi sẽ nói với mọi người ở bên quê chúng tôi rằng đây là chiếc mũ của những người anh hùng. Ngôi sao lấp lánh này tượng trưng lý tưởng cao đẹp của họ. Việc chúng ta (Mỹ) đánh nhau với họ là sai lầm bi thảm nhất trong lịch sử nước Mỹ.

Mấy hôm trước, một anh lính Sài Gòn trong khi lục lọi chiếc tủ rỗng trong một trại lính Mỹ vừa rút đi đã nhặt được một chiếc hộp khá đẹp. Mở hộp ra xem, anh ta thấy có đến sáu tấm huy chương sao đồng và sao bạc. Anh lính Sài Gòn tìm gặp một người lính Mỹ để trả lại. Người lính Mỹ mở chiếc hộp ra xem rồi trao lại cho anh lính Sài Gòn:

- Anh giữ lấy thì tốt hơn, anh đã bắt được - người lính Mỹ nói.

- Nhưng đây là những tấm huy chương, vinh dự của người được ân thưởng.

Người lính Mỹ cười:

- Nếu người chủ của những tấm huy chương này nghĩ lại vinh dự thì chắc chắn anh ta đã không bỏ lại. Thôi anh giữ lấy.

ĐÓNG THÙNG GỬI VỀ NƯỚC

Khắp miền Nam, người Mỹ không trống không kèn “đẹp tiệm”. Bộ chỉ huy tập đoàn không quân số 7 hùng mạnh “đẹp tiệm” trong sân bay Tân Sơn Nhất. Tướng Mỹ đưa vợ cùng bầu sậu với hàng trăm tấn máy móc điện tử sang bên nước Thái. Cuộc ra đi ấy đúng vào hôm trên sân bay Tân Sơn Nhất có hàng trăm sĩ quan thuộc hai đoàn đại biểu quân sự Chính phủ Cách mạng lâm thời và Việt Nam dân chủ cộng hoà đang đợi đón Trung tướng Trần Văn Trà. Một chiếc máy bay sang trọng của không quân Mỹ nổ máy chờ sẵn trên sân. Viên tướng và vài ba sĩ quan cấp tá được máy bay lên thẳng vừa chở đến. Họ mặc lễ phục, ngực loè loẹt huân chương, đeo “Coóc-đông” vàng chói. Họ bước từ máy bay lên thẳng xuống, bắt tay một vài nhân viên sứ quán Mỹ làm việc ở đó rồi lên máy bay đi Thái Lan...

Bến cảng Sài Gòn, những chiếc cần trục làm việc suốt ngày đêm, bốc xuống tàu “Đồ tể nhuyển, của riêng tây”. Ngay cạnh đó công binh Mỹ tháo gỡ hệ thống bến tàu nổi. Đơn vị không vận số 1 cuốn cờ; Bộ tư lệnh quân đội “Đại Hàn” cuốn cờ; phái bộ cố vấn “Trung Hoa dân quốc” cuốn cờ.

Khách sạn T.N, một P.X cuối cùng còn lại bên đường Phạm Ngũ Lão - Sài Gòn, thường là nơi đi đêm về hôm của đủ loại tướng tá và các ông bự, bà bự chuyên buôn lậu và chứa cũng đã “đẹp tiệm” cách đây vài hôm. Một đoàn vận tải đồ dài phía trước, lính Mỹ cỡi trần trùng trục mò hôi đầm đĩa chất lên xe những chiếc thùng lớn đựng máy lạnh, “ti vi”, thiết bị nhà bếp... Tiếng búa đóng đinh nện xuống thùng gỗ chan chất, chan chất.

CHỢ CHIỀU VÀ ĐỒ BỎ LẠI

Dân Sài Gòn bây giờ quá quen với cảnh “chợ chiều ấy cũng chẳng ai buồn dừng lại nhìn. Một đôi người đi qua liếc mắt tùm tùm cười. Mấy chú bé nghịch ngợm lò dò đến. Một lính Mỹ trợn mắt, vung chiếc gậy sắt, lũ trẻ vụt chạy vào một ngõ hẻm, chốc chốc lại nhô ra nói: “Mèo, gô-hôm”, “Mèo gô-hôm”. Bên kia đường một cô gái mặc váy cũn cốn đứng tựa cột đèn điện nhìn sang. Một viên cai cảnh sát sừng sệ hông đi đi lại lại.

Trong phòng khách trang nhã của một giáo sư đại học có tiếng ở Sài Gòn, chiều hôm ấy có cuộc nói chuyện về thời cuộc. Một ông bác sĩ chỉ lên tấm chân dung Tổng thống Thiệu và lá cờ sọc hỏi:

- Đến bao giờ thì người Mỹ đóng thùng chở về nước mấy thứ này hả?

Một kỹ sư trẻ tuổi tốt nghiệp ở Mỹ về nói:

- Vậy thì anh hồng hiểu người Hoa Kỳ rồi, người ta thực dụng lắm.

Mọi người ngược mắt nhìn chờ đợi anh kỹ sư trẻ nói tiếp. Anh gảy tàn thuốc lá vào cái gạt rồi nói chậm rãi:

- Họ chỉ đóng thùng những cái gì còn dùng được bên nước họ thôi. Chớ những thứ này họ chở về để làm gì? Khi họ không dùng nữa thì họ liệng ra đường như liệng cái vỏ đồ hộp thôi mà.

DÙ MUỐN HAY KHÔNG MUỐN

Mỹ đến. Mỹ thua. Mỹ rút.

Thắng lợi ấy của dân tộc ai cũng vui tự hào, chỉ có một số ít cam tâm liếm gót ngoại bang mới rầu rĩ.

Trong một cuộc họp của Ban Liên hợp quân sự bốn bên, khi làm việc kiểm soát và giám sát rút quân Mỹ, người phản đối nhất lại là ông đại diện của Nguyễn Văn Thiệu.

Ông ta nói giọng hằn học cay cú:

- Mấy ông đâu có cần giám sát, mấy ông chỉ cần quay phim, chụp ảnh để nói với thế giới là Mỹ thua, Mỹ phải rút thôi.

Xung phong cản trở việc giám sát của ta chẳng những vì muốn đỡ đòn cho chủ, xấu thầy hổ ai, mà còn muốn che giấu nhiều âm mưu đen tối.

Hàng vạn người Mỹ đã cởi áo lính, khoác áo dân sự để ở lại miền Nam. Bộ chỉ huy Mỹ đội lốt các toà lãnh sự... Nhân dân ta luôn luôn cảnh giác sẵn sàng không ai là không phần khởi tự hào trước cảnh tượng này.

16 giờ ngày 15 tháng 3 năm 1973, lá cờ Mỹ sao và vạch suốt bảy tám năm trời phấp phới trên nóc lầu của sở chỉ huy Mỹ trong sân bay Tân Sơn Nhất, nơi thường được gọi là “Lầu Năm Góc phương Đông”. Hay “Tiểu ngũ giác đài” tượng trưng cho quyền lực của bộ máy chiến tranh khổng lồ hùng mạnh nhất của “thế giới tự do” đã hạ xuống. Một viên tướng Mỹ nét mặt không thể nói là tươi cười đưa hai bàn tay không nén được xúc động, run run đỡ lá cờ, xếp lại bỏ vào thùng để đưa lên máy bay chờ về Mỹ.

Dù muốn hay không muốn, việc đó tự nó nói nhiều.

ĐI GIÁM SÁT TRAO TRẢ TÙ BINH NGUY Ở ĐỨC CƠ BỊ PHÁO PHÒNG KHÔNG TA BẮN

NGUYỄN QUANG BIỂU

Nguyên phiên dịch Đoàn đại biểu quân sự Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam

Hiệp định về chấm dứt chiến tranh và lập lại hoà bình ở Việt Nam được ký kết giữa bốn bên Việt Nam dân chủ cộng hoà, Hợp chúng quốc Hoa Kỳ, Cộng hoà miền Nam Việt Nam và Việt Nam cộng hoà ngày 27 tháng 1 năm 1973 tại Paris, Thủ đô nước Cộng hoà Pháp.

Một trong những điều quan trọng của Hiệp định (Điều 3) là vấn đề trao trả tù binh giữa các bên. Đối với Mỹ đó là những giặc lái bị bắn rơi, bắt giam, chủ yếu ở miền Bắc. Đối với chính quyền Sài Gòn, số lượng tù binh bị bắt và giam tại các vùng giải phóng của ta rất ít. Chủ yếu là hàng trăm nghìn chiến sĩ cách mạng của ta bị địch bắt và giam cầm tại các nhà tù của Mỹ-ngụy trong nhiều năm. Việc giám sát trao trả tù binh của các bên do Ủy ban Quốc tế về kiểm soát và giám sát (tiếng Anh viết tắt là ICCS, gồm Ba Lan, Hungary, Iran và Indonesia) đảm nhiệm.

Câu chuyện mà tôi muốn kể sau đây liên quan đến một cuộc trao trả tù binh nguy bị quân giải phóng bắt diễn ra tại một vùng giải phóng giáp ranh Đức Cơ, Tân Cảnh vào tháng 3 năm 1974. Lúc đó tôi là phiên dịch trong Ban Liên hợp quân sự hai bên trung ương Đoàn đại biểu quân sự của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam.

Tôi và Thiếu tá Phương Nam trong Tiểu ban Thông tấn - Báo chí được lãnh đạo đoàn cử làm sĩ quan liên lạc cho uỷ ban Quốc tế đi giám sát buổi trao trả này.

Phải nói thêm rằng lúc đó đi công tác lẻ tại vùng nguy tạm thời kiểm soát, như giám sát trao trả, điều tra vi phạm ngừng bắn, được coi là một trong những nhiệm vụ đặc biệt nguy hiểm. Tuy Mỹ-ngụy, do không đảo ngược được tình hình, buộc phải ký Hiệp định, nhưng chúng không thi hành Hiệp định, chúng muốn việc chấm dứt chiến tranh lập lại hoà bình ở Việt Nam chỉ tồn tại trên giấy mà thôi. Trên chiến trường, chúng tung quân hàng ngày lấn chiếm vùng giải phóng nhằm thu hẹp thế “da báo”, nhờ căn cứ của ta ở vùng “lõm”. Trên bàn hội nghị, chúng dùng mọi thủ

đoạn phá hoại các phiên họp, ngăn cản không cho các nhân viên trong phái đoàn của ta, trong Ban Liên hợp quân sự hai bên trung ương hoạt động theo tinh thần của Hiệp định. Do đó việc cử sĩ quan liên lạc đi với uỷ ban Quốc tế thực thi nhiệm vụ giám sát trao trả tù binh, ngừng bắn phải gọn nhẹ, thường chỉ hai người, một sĩ quan chỉ huy cấp thiếu, trung tá am hiểu tình hình địch, địa bàn khu vực và một phiên dịch có kinh nghiệm. Một đòi hỏi nữa là phải hoàn toàn độc lập tác chiến. Tuy trao trả ở vùng giải phóng hoặc giáp ranh nhưng chúng tôi không liên lạc trực tiếp với quân giải phóng và cũng không liên lạc được với phái đoàn trung ương. Mọi việc ăn uống phải dựa vào các đồng chí Ba Lan và Hungary trong uỷ ban Quốc tế.

Trở lại câu chuyện. Tôi và đồng chí Phương Nam được máy bay của uỷ ban Quốc tế chở lên thị xã Pleyku, nghỉ đêm ở đó. Sáng hôm sau đúng giờ quy định, chúng tôi cùng 2 sĩ quan liên lạc của ngụy, một trung tá và một thiếu úy phiên dịch và tổ sĩ quan uỷ ban Quốc tế 12 người đóng tại thị xã Pleyku, dùng 2 máy bay trực thăng UH-1 do các phi công Mỹ điều khiển bay đi Đức Cơ, Tân Cảnh giám sát trao trả. Số lượng tù binh ta trao trả cho ngụy đợt này là 10 người. Giờ bay, đường bay, bãi đáp, địa điểm trao trả, nhóm sĩ quan liên lạc của ta đã thông báo kỹ càng cho Uỷ ban Quốc tế, tổ lái và sĩ quan liên lạc của ngụy. Do ít khi được đến vùng giải phóng hoặc giáp ranh nên các sĩ quan uỷ ban Quốc tế đều háo hức, chuẩn bị máy ảnh để tranh thủ chụp ảnh làm tư liệu và kỷ niệm.

Ngồi trên máy bay, bay được 25-30 phút, tôi ước chừng đến địa điểm trao trả, nhưng sao không thấy máy bay hạ cánh. Tôi đã bắt đầu hơi lo nhưng không sao liên lạc được với đồng chí sĩ quan chỉ huy, vì anh ấy ngồi ở máy bay sau, cùng với viên sĩ quan trung tá ngụy. Bay thêm khoảng 10 phút nữa, vẫn chưa thấy máy bay hạ cánh. Các thành viên uỷ ban Quốc tế ngồi cùng máy bay đã tỏ ra sốt ruột và lo lắng. Bỗng nhiên tôi nghe thấy hàng loạt tiếng nổ bụp bụp, có cảm giác như đạn nổ chui vào thân máy bay. Máy bay chao đảo và lại nghe thấy một loạt tiếng nổ tiếp. Phi công cố gắng hỏi tôi điều gì đó, nhưng do tiếng ồn của động cơ máy bay và gió thổi, nên không nghe rõ anh ta nói gì. Anh ta bèn cời mũ có tai nghe và đội vào đầu tôi. Lúc đó tôi mới hiểu anh ta hỏi bay tiếp tìm bãi đáp hay trở về Pleyku. Tôi nghĩ chắc đã bay trật hành lang, vượt quá địa điểm trao trả, do đó nếu bay tiếp là cực kỳ nguy hiểm, dễ bị ăn đạn dưới đất bắn lên như vụ ở Ly Tôn, Quảng Trị. Tôi ra lệnh cho viên phi công Mỹ bay trở về Pleyku. Chiếc máy bay bay sau cũng ngay lập tức quay đầu bám theo.

Xuống sân bay, trên đường đi về trụ sở uỷ ban Quốc tế, các đồng chí Hungary thông báo uỷ ban Quốc tế triệu tập họp khẩn cấp và mời sĩ quan liên lạc của Đoàn đại biểu quân sự Chính phủ Cách mạng lâm thời trình bày và đánh giá tình hình xem chiều có nên bay tiếp không. Nếu chiều không bay tiếp thì nhiệm vụ không hoàn thành. Ngụy sẽ vu cáo ta chủ tâm bắn máy bay uỷ ban Quốc tế, phá hoại cuộc trao trả và như vậy là phá hoại Hiệp định. Tranh thủ thời gian đi đường anh Phương Nam và tôi hội ý, thống nhất nhận định do buổi sáng trời mù, không thấy bãi đáp, máy bay Uỷ ban Quốc tế đã bay trật hành lang, đáng lẽ phải hạ cánh xuống Đức Cơ nhưng đã bay vượt quá sang vùng Tân Cảnh, nên đã bị pháo phòng không mặt đất của Quân Giải phóng bắn cảnh cáo. Chúng tôi thông báo quyết định này cho các đồng chí Hungary và Ba Lan để phối hợp đấu tranh với phía bên kia trong buổi họp và thống nhất yêu cầu uỷ ban Quốc tế chiều bay tiếp để hoàn thành nhiệm vụ trao trả, không tạo cơ cho ngụy vu cáo ta. Với lý luận sắc bén đó của sĩ quan

liên lạc Chính phủ Cách mạng lâm thời và sự ủng hộ của 2 phái đoàn Ba Lan và Hungary, tổ lái của uỷ ban Quốc tế phải thừa nhận đã bay trật hành lang quy định và do đó đã bị bắn cảnh cáo. Họ cam kết chiều bay đúng hành lang và bay thấp để dễ quan sát bãi đáp.

Buổi chiều do trời quang nên bay được khoảng 30 phút đã nhìn thấy bãi đáp quét vôi trắng hình thập ác trên đường. Máy bay hạ cánh, anh Phương Nam và tôi tranh thủ gặp đồng chí phụ trách buổi trao trả hỏi han tình hình, đề nghị đồng chí thay mặt quân giải phóng vùng Đức Cơ, Tân Cảnh cảnh cáo máy bay uỷ ban Quốc tế buổi sáng nay đã bay trật hành lang quy định, dẫn đến việc quân giải phóng buộc phải bắn cảnh cáo, yêu cầu không được tái diễn.

Sau đó ra chỗ vắng tôi và anh Phương Nam hỏi đồng chí phụ trách buổi trao trả:

- Sáng nay pháo ta bắn cảnh cáo hay bắn thật đấy?

Đồng chí phụ trách trả lời:

- Cao xạ 37 ly ở Tân Cảnh bắn thật đấy nhưng không trúng vì anh em cho rằng máy bay của nguy giả danh chứ không phải máy bay của uỷ ban Quốc tế.

Thật là một phen hú vía. Và lại Mỹ-ngụy đã nhiều lần sử dụng máy bay giả danh uỷ ban Quốc tế để lấn chiếm, bắn phá vùng giải phóng của ta. Tôi không khỏi trầm nghĩ quyết định của mình sáng nay bay quay trở về Pleyku để chiều bay tiếp là hoàn toàn đúng.

Buổi trao trả 10 tù binh nguy diễn ra suôn sẻ, có sự chứng kiến và ký biên bản của uỷ ban Quốc tế và sĩ quan liên lạc hai bên. 10 tù binh này sau khi hoàn thành thủ tục trao trả, được sĩ quan liên lạc của nguy gọi máy bay trực thăng bốc đi. Theo yêu cầu đồng chí phụ trách trao trả, chúng tôi lợi dụng việc một máy bay trực thăng Uỷ ban Quốc tế bị trục trặc phải sửa chữa để dẫn các thành viên Uỷ ban Quốc tế đi xem vùng giải phóng (gọi là đi xem nhưng thực ra là kéo dài thêm thời gian vì đây là vùng giáp ranh), để cho các chiến sĩ giải phóng của ta có thêm thời gian rút ra xa vùng nguy hiểm về căn cứ an toàn, vì từ địa điểm trao trả đến vùng an toàn, các chiến sĩ ta phải vận động chạy bộ khoảng 10 cây số. Khi kết thúc trao trả, uỷ ban Quốc tế rút đi là Mỹ-ngụy ném bom, bắn phá chặn đường rút của các chiến sĩ ta. Tôi vừa dẫn các đồng chí Ba Lan và Hungary đi “thăm” vùng giải phóng giáp ranh vừa quan sát cây cối, đất đá bị bom đạn phạt ngang, cây xới, nhà cửa đổ nát, không một bóng người dân, lều tèo vài lán đơn sơ, chiến sĩ ta mới dựng lên, phục vụ cho buổi trao trả, mới thấy sự ác liệt của chiến tranh, của bom đạn mà các chiến sĩ giải phóng của ta phải trải qua, giữ cho 10 tên tù binh nguy được an toàn để trao trả theo đúng tinh thần Hiệp định. Nhìn các chiến sĩ trẻ của ta vây quanh các đồng chí Ba Lan, Hungary chỉ trò, hỏi chuyện mà lòng tôi trào lên một niềm khâm phục và thương cảm vô hạn.

Nhân dịp 30 tháng 4, ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, sạch bóng quân thù, người viết bài này muốn ôn lại một kỷ niệm xưa, khó quên và cũng xin gửi lời chào thăm thiết đến các chiến sĩ giải phóng đã tham gia cuộc trao trả tù binh nguy ở Đức Cơ, Tân Cảnh tháng 3 năm 1974.

Hà Nội, tháng 4 năm 2004

HAI NGÀY BA CẢNH

PHẠM HỒNG

Nguyên sĩ quan Đoàn đại biểu quân sự Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam

Trong hai ngày 18 và 19 tháng 2 năm 1973, có một số sự việc đồng thời diễn ra trên những địa điểm khác nhau và không cần mất công so sánh, người ta thấy ngay đâu là thiện chí, đâu là phá đám. Đó là bốn cuộc đi thăm ba nơi giam giữ nhân viên quân sự bị bắt, do các tổ sĩ quan liên hợp bốn bên tiến hành.

1. PHÚ QUỐC

Ngày 18 tháng 2, sáng sớm, trên sân bay Tân Sơn Nhất, trong khi 2 chiếc máy bay U21 (loại 2 động cơ, 8 chỗ ngồi, cánh cố định) chở Tổ Liên hợp bốn bên đi quan sát trại giam Phú Quốc thì một chiếc vận tải C.130 cũng cất cánh đưa một Tổ Liên hợp quân sự và một Tổ Quốc tế ra Hà Nội quan sát trại giam phi công và cuộc trao trả các phi công Mỹ.

Sau một giờ bay của 2 chiếc U21, chúng tôi đã đến sân bay Phú Quốc. Các sĩ quan bốn bên vừa đặt chân xuống đường băng đã thấy gần 200 quân cảnh vũ trang và lính các loại đứng kín ba phía.

Đường băng ở sát ngay mép biển. Nhìn ra biển, cách vài trăm mét, một số pháo hạm và tàu tuần của hải quân Sài Gòn dập dềnh trên sóng, các dàn súng ngêhếch cao.

Trung tá Đức, trưởng trại giam Phú Quốc ra gặp Tổ Liên hợp. Và suốt buổi sáng hôm ấy, trên đường băng nóng bỏng, trong tiếng động cơ ầm ầm của mấy chiếc C130, C.123, U20, các đại biểu Sài Gòn luôn mồm từ chối và lắc đầu.

Đức nói: “Tôi chưa có lệnh cấp trên, tôi không để bất cứ ai vào nhà giam quan sát”.

Thiếu tá Tiên, đại biểu quân sự Việt Nam dân chủ cộng hoà liền quay lại hỏi đại úy Nam, sĩ quan Sài Gòn trong Ban Liên hợp quân sự bốn bên.

- Thế các ông đã thông báo cho trại giam biết việc Tổ Liên hợp quân sự xuống đây để quan sát chỗ ăn ở trong trại giam để nói chuyện với đại biểu những người bị bắt chưa? Đó là một nghị quyết cuộc họp Tiểu ban Trao trả mà chính ông cũng có dự họp thì phải?

Đại úy Nam ú ớ mấy câu “chạy làng” và giờ ngay một trò phá đám. Đại úy Nam nói:

- Trong các cuộc họp đã nói cụ thể thế nào là quan sát một trại giam đâu? Ví dụ ta đứng đây tại sân bay, đằng kia có mấy tù binh người phía các ông đang lên máy bay ra nơi trao trả ở Quảng Trị. Đứng dòm bộ dạng tù binh như vậy là chưa quan sát sao? Dòm như vậy theo tôi cũng là một cách quan sát trại giam rồi đấy, hà tất phải vào trong trại giam...

Thấy những sĩ quan Sài Gòn cố tình cãi bậy, Tổ Liên hợp bốn bên quyết định rời sân bay Phú Quốc trở về Tân Sơn Nhất, báo cáo với cấp trên là không thể làm được nhiệm vụ như đã quy định trong Nghị định thư và trong cuộc họp của Tiểu ban Trao trả là đi thăm nơi giam giữ, thăm

nơi ăn chốn ở của những người bị bắt và nói chuyện với đại biểu những người bị bắt về tình hình trao trả.

Sáng ngày hôm sau, 19 tháng 2 năm 1973, với thiện chí của mình, các đại biểu quân sự Chính phủ Cách mạng lâm thời và Việt Nam dân chủ cộng hoà lại đồng ý vào Tổ liên hợp bốn bên đi xuống trại giam Phú Quốc lần nữa. Lúc này phía Sài Gòn không thấy mặt đại úy Nam đầu mà thay vào đó là Đại úy Văn.

Cuộc trao đổi thủ tục làm việc lần này diễn ra trong một căn nhà gỗ cạnh sân bay. Với nội dung rõ ràng như ban ngày ghi trong Nghị định thư và các văn kiện ở Tiểu ban về việc đi thăm các người bị bắt và thăm nơi giam giữ cuối cùng, đại biểu Sài Gòn thấy cái cù nhầy không được, bèn giờ trò giật gân ngay.

Một trung úy Sài Gòn ở đâu chạy vội lại cuộc họp bốn bên, đưa đến một điện khẩn.

Bức điện ghi: “Đại tá tư lệnh Đặc khu Phú Quốc xin thông báo không được biết gì về hoạt động của Đoàn Liên hợp quân sự bốn bên trên đảo này. Đại tá hoàn toàn không chịu trách nhiệm vấn đề an toàn cho Đoàn Liên hợp trong quá trình họ xuất hiện và di chuyển trên lãnh thổ này”.

Đức, trưởng trại giam Phú Quốc, đứng ngay dậy ra điều vội vã:

- Thực đáng tiếc! Thực đáng lo! Quý vị nên rời ngay nơi này, kéo có khi lại liên lụy rắc rối đến tôi.

Thiếu tá Giôn-xơn, đại biểu Hoa Kỳ trong Tổ Liên hợp bốn bên, hình như xấu hổ với trò này, mặt đỏ bừng. Các đại biểu Chính phủ Cách mạng lâm thời và Việt Nam dân chủ cộng hoà chất vấn đại úy Văn phía Sài Gòn.

- Ông ở trong Ban Liên hợp quân sự bốn bên, hôm nay Tổ Liên hợp về quan sát trại giam Phú Quốc trong vùng kiểm soát của các ông. Vậy sao các ông không thông báo cho nhà cầm quyền địa phương biết? Đó là một thủ tục sơ đẳng, một trách nhiệm tối thiểu mà phía các ông cũng làm không ra cái gì. Rõ ràng phía các ông đã cố tình phá hoại cuộc thăm này và vi phạm hiệp định về phần bảo đảm an toàn cho đại biểu bốn bên khi hoạt động.

Đại úy Văn nói lí nhí chẳng còn nghe ra cái gì nữa. Thiếu tá Mỹ Giôn-xơn phải đỡ lời:

- Thôi! Đây là một thiếu sót của phía Việt Nam cộng hoà. Chúng tôi xin ghi nhận và báo cáo lên cấp trên. Bây giờ, trong điều kiện không an toàn, Tổ Liên hợp quân sự bốn bên không thể tiếp tục công việc được.

Thế là hai cuộc đi thăm trại giam Phú Quốc đã bị phía Sài Gòn phá hoại và bãi bỏ.

2. LỘC NINH

Chiều ngày 19 tháng 2 năm 1973, hai chiếc trực thăng có sơn ký hiệu màu da cam đưa Tổ Liên hợp quân sự bốn bên đổ xuống sân bay Lộc Ninh. Một sĩ quan quân giải phóng tại sân bay mời Tổ Liên hợp vào nhà nghỉ ngơi, uống nước, hút thuốc trong khi chờ ô tô quân giải phóng đưa đoàn vào thăm trại giam.

Sau 50 phút chạy qua thị trấn, xóm ấp và rừng cao su, đoàn xe đến trại. Một cán bộ quân giải phóng, trưởng trại giam ra đón Tổ Liên hợp, mời vào nhà ăn một ít hoa quả tươi cho đỡ mệt. Anh giới thiệu cho sĩ quan liên hợp biết tình hình trại giam. Ở đây có nhiều sĩ quan binh lính thuộc nhiều binh chủng trong quân đội Sài Gòn bị bắt giữ. Anh cho biết sức khỏe tù binh nói chung là tốt. Có một số mắc bệnh sốt rét, đã được điều trị. Một số mắc bệnh lậu từ khi còn ở trong quân đội Sài Gòn cũng được bác sĩ quân giải phóng chữa cho sắp lành. Gạo ăn đủ no, thức ăn có cá, thịt, rau tùy bữa. Hàng ngày có từ 30 đến 40 gia đình đến thăm những tù binh này. Trong trại có đài thu thanh cho anh em nghe tin tức.

Sau khi thăm tất cả nơi ăn, chốn ở trong trại, các sĩ quan Việt Nam cộng hoà và Hoa Kỳ công nhận lời nói của trưởng trại là đúng, vì chính họ đã gặp gỡ các tù binh khi họ đang nấu cơm, cắt tóc, ngồi chơi, nghe đài.

Một lát sau, trong khi nói chuyện với các đại biểu tù binh, Thiếu tá Trung phía Sài Gòn hỏi:

- Người chủ trại cử các anh ra đây hay các anh tự cử lấy?
- Chúng tôi, tù binh tự cử đại biểu.
- Các anh có khỏe không?
- Khỏe.
- Ăn có no không?
- No.
- Biết Hiệp định đình chiến từ bao giờ?
- Từ 24 giờ đêm ngày 27 tháng 1 năm 1973.
- Các anh đã được học về Nghị định thư trao trả chưa?
- Rồi.

Thấy không còn gì để thăm dò, vận hỏi nữa, mọi việc làm ở đây đều đúng theo tinh thần hiệp định, Thiếu tá Trung và Thiếu tá In-man mời cả Tổ Liên hợp lại. Thiếu tá Trung phía Sài Gòn phát biểu:

- Tôi xin nói cuộc đi thăm trại giam hôm nay tiến hành kết quả tốt.

Thiếu tá In-man tiếp:

- Xin cảm ơn ông trưởng trại giam đã đón tiếp chúng tôi tử tế và tạo điều kiện cho cuộc đi thăm đạt kết quả tốt đẹp.

Trong khi Tổ Liên hợp lên xe trở ra sân bay Lộc Ninh, đại úy Tạ Thành Danh, sĩ quan Việt Nam dân chủ cộng hoà cho Thiếu tá Trung và Thiếu tá In-man biết sáng 18 tháng 2, sáng 19 tháng 2, Tổ Liên hợp quân sự bốn bên đi thăm trại giam Phú Quốc đã bị phía Sài Gòn phá đám, phải bãi bỏ hoạt động.

Thiếu tá Hoa Kỳ im lặng, Thiếu tá Trung nói: “Hay Tổ Liên hợp ta xuống Phú Quốc xem sao?”.

Không hiểu sao lúc bấy giờ trung úy Dương, một sĩ quan Sài Gòn cứ nhìn chăm chăm vào mặt Thiếu tá Trung.

3. HÀ NỘI

Tại Hà Nội, ngày 18 tháng 2 năm 1973, Đoàn đại biểu Ban Liên hợp quân sự bốn bên đã ra thăm nơi giam giữ phi công Mỹ và quan sát việc trao trả 20 phi công Mỹ ở sân bay Gia Lâm. Đoàn đã hoàn thành nhiệm vụ và trở về Sài Gòn trong đêm hôm ấy.

Tại Sài Gòn, trưa 19 tháng 2 năm 1973, trong cuộc họp các trưởng đoàn quân sự bốn bên ở khu vực Tân Sơn Nhất, tướng Út-uất, Trưởng đoàn Hoa Kỳ đã hai lần cảm ơn các đại diện Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà về thái độ đàng hoàng tử tế trong khi tiếp Đoàn đại biểu Ban Liên hợp quân sự ra Hà Nội để thăm trại giam, dự cuộc trao trả và đi thăm thủ đô Hà Nội.

Tướng Út-uất kết luận: “Đó là một cuộc tiếp đón mẫu mực”.

Đại biểu Hoa Kỳ nói như vậy, lúc ra nghỉ 15 phút, tướng Dư Quốc Đống, phía Việt Nam cộng hoà đã đến gặp Thiếu tướng Lê Quang Hoà và nói rằng: “Tôi đã được báo cáo đầy đủ, tôi xin ghi nhận và hoan nghênh cuộc tiếp đón nồng hậu của Hà Nội đối với Đoàn đại biểu Liên hợp bốn bên trong chuyến đi ra Hà Nội”.

Đoàn đại biểu Liên hợp đã được đại diện Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà đưa vào thăm trại giam phi công Mỹ và gặp gỡ các phi công Mỹ đang sinh hoạt bình thường. Các đại biểu quốc tế, đại biểu phía Hoa Kỳ và Sài Gòn cũng đã tự do hỏi han đại biểu các phi công Mỹ bị bắt giam là Thiếu tá Pai-ri và Đại úy Ép-bốp. Các câu trả lời đã thoả mãn các câu hỏi. Ở trại giam này, việc đối xử với người bị bắt hoàn toàn đúng với Hiệp định Paris.

Sau đó, trong khi chờ đợi đi quan sát việc trao trả ở sân bay Gia Lâm, Đoàn đại biểu Ban Liên hợp quân sự bốn bên và Đoàn đại biểu Ủy ban Quốc tế đã được mời đi tham quan phong cảnh Hà Nội. Các đại biểu đã đi xem đường phố, đi quanh hồ Hoàn Kiếm, thăm Công viên Thống nhất xanh tươi hoa lá. Các đại biểu thấy rõ Hà Nội tự do, trật tự, thanh lịch. Các đại biểu quay phim chụp ảnh tùy thích. Hà Nội không như Sài Gòn chằng chịt dây thép gai, bốt gác và đầu đầu cũng lồ lộ mũi sắt của quân cảnh vũ trang.

Khi về ăn cơm trưa tại khách sạn Hoà Bình, sĩ quan đại biểu Canada đã cảm ơn đại diện Việt Nam dân chủ cộng hoà, Trung tá Rốp-sơn Trưởng đoàn Hoa Kỳ đã nâng cốc chúc sức khỏe các đại biểu, cảm ơn sự nhiệt tình và mến khách của Việt Nam dân chủ cộng hoà, cảm ơn cuộc đi quan sát trại giam và tham quan thành phố, cảm ơn những người phục vụ và xin ghi nhớ những kỷ niệm tốt đẹp hôm nay. Đại biểu phía Sài Gòn thì ngồi im.

Sau đó các đại biểu ra sân bay Gia Lâm dự cuộc trao trả phi công gọn gàng, trật tự, có đông đảo các nhà báo trong nước, nước ngoài được tự do chụp ảnh, lấy tài liệu. Sự việc đã rõ ràng, mọi hoạt động của Đoàn đại biểu quân sự bốn bên và Đoàn đại biểu uỷ ban Quốc tế đã được bảo đảm chu đáo.

Thieu tá Phạm Huấn, sĩ quan Sài Gòn trong Đoàn đại biểu Việt Nam cộng hoà ra Hà Nội hôm ấy, trước sự thật lớn lao, không dám nói năng bậy bạ.

Sự việc thế nào thì đã có câu kết luận của tướng Út-uốt và tướng Dư Quốc Đống, cấp trên của Huấn rồi. Chỉ có điều là tới hôm sau (19-2) trở về Sài Gòn, Huấn đã lên đài phát thanh rên rỉ: “Tôi vốn là người Hà Nội. Chuyến đi thăm này làm cho tôi thấy cô đơn, thấy đau đớn, Hà Nội không như 19 năm về trước, năm 1954 khi tôi từ giả”. Huấn luyến tiếc cái thời làm nô lệ cho thực dân Pháp và hấn lải nhải ca ngợi cái kiếp làm nô lệ mới cho Mỹ hiện nay của hấn.

NHỮNG ÁNH MẮT SÀI GÒN

NGUYỄN DANH

Đến Sài Gòn ngay sau ngày ngừng bắn nhưng mãi đến trưa 4 tháng 2 năm 1973, chúng tôi mới có dịp gặp mặt với đồng đảo đồng bào. Hôm ấy theo lời mời của Đại sứ Mi-sen Gô-vin, Trưởng đoàn Canada, Chủ tịch uỷ ban Quốc tế, hai đoàn đại biểu quân sự của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam và của Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà trong Ban Liên hợp quân sự đến dự cuộc họp mặt với uỷ ban Quốc tế.

Các đại biểu quân giải phóng mặc quân phục màu xanh lá cây, đội mũ cứng, đeo quân hiệu ngôi sao vàng trên nền đỏ và xanh. Các sĩ quan quân đội nhân dân mặc quân phục mùa đông, lấp lánh quân hàm trên vai áo, quân hiệu sao vàng trên nền đỏ.

Từ phòng họp trong căn cứ Hoa Kỳ ở sân bay Tân Sơn Nhất đoàn xe của hai đoàn đại biểu ta có xe quân cảnh chính quyền Sài Gòn dẫn đường, đi theo đường Công Lý, rẽ qua đường Hiền Vương, đường Trần Quốc Toản, qua Pê-tơ-ruýt-ký đến trụ sở phái đoàn Canada tại số 1 đại lộ Lý Thái Tổ. Xe chạy nhanh, nhưng tất cả những gì chúng tôi thấy được đã một lần nữa giúp chúng tôi khẳng định thêm lòng tin vô hạn đối với lòng yêu nước và ý chí cách mạng của đồng bào. Một người đàn bà ngồi sau chiếc xe máy honda - lúc ấy đang bị dẹp sang một bên đường để nhường lối cho đoàn xe - vừa trông thấy Trung tướng Trần Văn Trà và các đồng chí ngồi cùng xe đã đưa tay lên kéo vạt người đàn ông ngồi phía trước.

- “Giải phóng”, “giải phóng”!

Chị vừa lắc mạnh vai người đàn ông vừa reo lên. Tiếng reo mừng rỡ bật lên đột ngột, vượt qua hết thảy mọi âm thanh hỗn độn của đường phố Sài Gòn bay đến với chúng tôi. Nhiều đồng chí trong đoàn ngay từ phút gặp gỡ đầu tiên ấy đã không nén được xúc động. Xe đi dần vào trung tâm thành phố, người đi lại càng đông, những biểu hiện tình cảm càng dồn dập, sâu đậm. Một bác xích lô dừng xe bên vệ đường lúc đầu bác chỉ đứng yên, nhưng chợt nhận ra chúng tôi, bác vội đưa tay ra vẫy vẫy. Một anh lính trẻ Sài Gòn quay lại nói gì với người cảnh sát đứng cạnh. Người cảnh sát ngoảnh mặt ra phía khác, còn anh lính trẻ thì đứng thẳng, đưa tay cất mũ trên đầu xuống, mặt hướng ra phía đoàn xe.

Hàng vạn cặp mắt nhìn chúng tôi. Những cặp mắt mở to, lấp lánh một niềm vui bất chợt. Có người chớp chớp mắt, có người cười, có người gật gật đầu. Ở quãng cuối đường Trần Quốc

Toàn, một thanh niên đeo kính trông thấy quân hiệu của các đoàn ta, vội nhảy từ trên xe máy xuống, luýnh quính không biết làm gì. Cuối cùng anh đứng thẳng, hướng về đoàn xe, một bàn tay úp lên phía trái ngực. Chúng tôi mỉm cười chào anh. Chưa đến lúc chúng ta ôm chầm lấy nhau, nói với nhau những điều sâu kín của lòng mình. Nhưng ơi anh bạn trẻ của Sài Gòn anh dừng, chúng tôi nghe rõ nhịp đập của trái tim anh và trái tim của hàng triệu người dân Sài Gòn yêu nước.

Chính quyền Sài Gòn bố trí dày đặc cảnh sát, mật vụ quanh ngôi nhà trụ sở phái đoàn Canada, bịt chặt mọi lối ra vào. Nhưng, khi xe các đoàn ta vừa dừng bánh, hàng trăm phóng viên các báo, các hãng thông tin, điện ảnh nước ngoài và của Sài Gòn đã ủa tới. Tất cả ống kính máy ảnh, máy quay phim, ống thu máy ghi âm chĩa vào Trung tướng Trần Văn Trà, Trưởng đoàn đại biểu quân sự Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam và Thiếu tướng Lê Quang Hoà, Trưởng đoàn đại biểu quân sự Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà. Có người bị cảnh sát cản không đến gần được, phải từ xa chĩa ống thu máy ghi âm, miệng hét to câu phỏng vấn.

Tươi cười, thoải mái, Trung tướng Trần Văn Trà dừng lại một lúc trước hành lang, vẫy chào và nói chuyện với các nhà báo. Đồng chí cảm ơn uỷ ban Quốc tế, cảm ơn các đại biểu du luận, nêu bật thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc Việt Nam, nêu quyết tâm thi hành nghiêm chỉnh hiệp định đã ký kết. Thiếu tướng Lê Quang Hoà cùng nói chuyện một lúc với các nhà báo.

Một nhà báo Sài Gòn đánh lừa cảnh sát, cố len được vào gần. Nét mặt hả hê, anh bấm máy lia lịa. Khi đến gần chúng tôi, anh nói:

- Đã quá mấy anh ơi!

Anh còn định nói nữa, nhưng đã bị hai lính quân cảnh đến xóc nách lôi đi. Chân bước đi mặt vẫn ngoảnh lại, anh cười và nháy mắt chào tạm biệt.

Một nhà báo nước ngoài cũng gặp chúng tôi, nói:

- Sự xuất hiện của các ông ở đây là một điều kỳ diệu. Tôi đã thấy những cặp mắt người Sài Gòn nhìn các ông. Những cái nhìn ấy mạnh gấp trăm lần những thứ kia.

Ông ta hát hăm về phía những cảnh sát, những lá cờ sọc và những khẩu hiệu đang chằng đầy đường.

Quả thế thật. Có lẽ trên thế giới không một nơi nào lắm khẩu hiệu, lắm cờ, lắm cảnh sát, mật vụ bằng Sài Gòn hiện nay.

Nhưng hoà bình, độc lập, dân chủ, hoà hợp dân tộc là suy nghĩ, tình cảm và mục tiêu vươn tới của đồng bào Sài Gòn mà không gì có thể ngăn nổi.

NHỮNG NHÂN VIÊN QUÂN SỰ VÀ DÂN SỰ HOA KỲ ĐƯỢC TRAO TRẢ ĐỢT CUỐI CÙNG

NGUYỄN HÙNG ĐÀO

Nguyên sĩ quan báo chí của Đoàn đại biểu quân sự Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam.

Một trong những hoạt động được ghi nhận là sôi động nhất, diễn ra trên diện rộng (một địa điểm ở miền Bắc và nhiều địa điểm ở miền Nam) với thời gian dài nhất, là hoạt động trao trả nhân viên quân sự và nhân viên dân sự của các bên bị bắt trong chiến tranh.

Mỗi cuộc trao trả là một cuộc đấu trí, đấu lý và đấu pháp quyết liệt giữa ta và đối phương mà lần nào phía ta cũng là người chiến thắng.

Xin ghi lại sau đây đợt trao trả cuối cùng đối với nhân viên quân sự và dân sự Hoa Kỳ mà ý nghĩa của nó đã vượt xa nghĩa đen thông thường của cặp động từ “trao trả”.

TRAO TRA ĐỢT CUỐI CÙNG NHÂN VIÊN QUÂN SỰ VÀ DÂN SỰ HOA KỲ BỊ BẮT TẠI MIỀN NAM VIỆT NAM CHO PHÍA HOA KỲ

Lẽ ra đợt trao trả này được diễn ra trước đó, tức ngày 24 tháng 3 năm 1973, nhưng phía Hoa Kỳ âm mưu trì hoãn việc rút quân nên lật lọng bằng cách đưa ra đòi hỏi phi lý, đã bị phía ta bác bỏ, buộc họ phải chấp nhận thời gian trao trả lùi lại 3 ngày.

Vậy Hoa Kỳ âm mưu trì hoãn việc rút quân và gây trở ngại hoàn thành việc trao trả nhân viên quân sự của họ bị bắt và bị giam giữ thế nào?

Trong cuộc họp tối ngày 21 tháng 3 năm 1973, của Ban Liên hợp quân sự bốn bên trung ương, phía Hoa Kỳ đã thoả thuận với phía Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam và Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà là đến sáng ngày 23 tháng 3 năm 1973 sẽ trao danh sách các nhân viên quân sự Hoa Kỳ được trao trong đợt 4, tức là đợt cuối cùng. Ngày 24 tháng 3, sẽ trao trả các nhân viên quân sự Hoa Kỳ bị bắt ở miền Nam Việt Nam, ngày 25 tháng 3, sẽ trao trả các nhân viên quân sự Hoa Kỳ bị bắt ở miền Bắc Việt Nam. Cũng trong thời gian đó, Hoa Kỳ hoàn thành về cơ bản việc rút các lực lượng của họ khỏi miền Nam Việt Nam. Số lính còn lại làm việc trong Ban Liên hợp quân sự đến hết thời hạn này cũng sẽ rút ra hết.

Nếu làm đúng như thoả thuận nói trên thì việc trao trả các nhân viên quân sự Mỹ bị bắt cũng như việc rút quân sẽ được hoàn thành một cách tốt đẹp và đúng thời hạn như hiệp định đã quy định.

Đột nhiên, sáng ngày 22 tháng 3 năm 1973, phía Mỹ đã lật ngược hoàn toàn thoả thuận. Phó trưởng đoàn đại biểu quân sự Mỹ trong công hàm gửi Trung tướng Trần Văn Trà và Thiếu tướng Lê Quang Hoà đã đòi phía Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam và Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà phải đưa cho họ danh sách và trao trả cho họ tất cả tù binh Mỹ và nhân viên dân sự của Mỹ bị bắt trên toàn chiến trường Đông Dương, chứ không phải riêng số tù binh bị bắt trên chiến trường Việt Nam. Họ còn nói là có được như vậy họ mới rút hết số quân còn lại ra khỏi miền Nam Việt Nam. Trong một công hàm khác cùng ngày, Mỹ cũng

không nói rõ là số quân Mỹ còn lại trong cơ quan liên hợp quân sự và một số nơi khác có rút hết sau ngày 28 tháng 3 hay không?

Chính phủ Mỹ, một trong các bên giữ bản Hiệp định trong tay biết rất rõ Hiệp định Paris và các Nghị định thư không hề có một điều khoản nào cho phép Mỹ gấn việc trao trả tù binh Mỹ bị bắt ở các nước khác ngoài Việt Nam với việc rút hết quân Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam. Chúng ta đã bác bỏ đòi hỏi vô lý này của Mỹ.

Cuối cùng Mỹ đành chấp nhận chỉ được phép lùi lại 3 ngày, tức ngày 27 tháng 3 năm 1973.

Xin ghi lại những diễn biến chính của đợt trao trả cuối cùng nhân viên quân sự và dân sự Hoa Kỳ bị bắt tại miền Nam Việt Nam cho phía Hoa Kỳ nhằm giúp chúng ta nhớ lại dư luận trong nước và thế giới một lần nữa ghi nhận lòng nhân đạo truyền thống của nhân dân ta và thái độ nghiêm chỉnh thi hành hiệp định của phía Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam và Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà.

Ngày 27 tháng 3 năm 1973, tại sân bay Gia Lâm (Hà Nội), ông Lê Khoan Hồng, uỷ viên Đoàn đại diện đặc biệt Cộng hoà miền Nam Việt Nam tại Việt Nam dân chủ cộng hoà và Thiếu tá Bùi Văn Thanh, được Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam uỷ nhiệm đã trao cho Chính phủ Hoa Kỳ 32 nhân viên quân sự và dân sự của họ bị bắt ở miền Nam Việt Nam. Đây là đợt thứ 4 và là đợt trao trả cuối cùng các nhân viên quân sự và dân sự Hoa Kỳ và đồng minh của Hoa Kỳ bị Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam bắt và giam giữ.

Lúc 11 giờ 30 phút, máy bay chở Tổ Liên hợp quân sự bốn bên và Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát hạ cánh xuống sân bay Gia Lâm.

Các vị trong Tổ Liên hợp quân sự bốn bên trung ương và uỷ ban Quốc tế hoàn toàn nhất trí về chương trình cuộc trao trả do đại diện của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam đưa ra.

Đại diện Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam đã trao cho đại diện phía Hoa Kỳ bản danh sách những nhân viên quân sự và dân sự của họ được trao trả đợt này.

Đúng 15 giờ, cuộc trao trả bắt đầu với sự chứng kiến của Tổ Liên hợp quân sự bốn bên, Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát, hàng trăm nhà báo, phóng viên quay phim, vô tuyến truyền hình trong nước và nước ngoài.

Cuộc trao trả tiến hành nhanh gọn 25 nhân viên quân sự trong đó có 1 lính, 5 hạ sĩ quan, 5 chuyên viên, 3 thiếu úy, 3 trung úy, 6 đại úy và 2 thiếu tá gồm đủ các quân chủng trong quân đội Hoa Kỳ và 7 nhân viên dân sự Hoa Kỳ lần lượt lên máy bay. Họ là số nhân viên quân sự và dân sự Hoa Kỳ cuối cùng được Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam trao trả đúng như Nghị định thư về việc trao trả những nhân viên quân sự và dân sự nước ngoài bị bắt. Tất cả họ đều bị quân và dân miền Nam bắt sau cuộc Tổng tiến công hồi Tết Mậu Thân, trong đó người cuối cùng bị bắt là Phi-líp A-lân Kin-xlơ, thiếu tá, số lính 073.30.2438, lái máy bay hải quân Mỹ, bị bắn rơi và bị bắt ngày 26 tháng 1 năm 1973, một ngày trước khi ký Hiệp định Paris

về Việt Nam. Anh ta rất mạnh khỏe và phấn khởi vì đã thoát chết và được trở về sau hai tháng bị giam giữ. Tất cả 32 người trên đều bị thương, có nhiều người bị thương rất nặng. Nhưng họ đều được các thầy thuốc quân giải phóng cứu chữa, đến nay các vết thương đều đã lành, sức khỏe họ rất tốt. Đa-nhi-en Hê-ri Hê-phin, chuyên viên bậc 4; Giôn Uy-liên Pa-xơn, đại úy Tom I-ô-si-hi-xa Cô-ba-si-gô-oa, chuyên viên bậc 5 cùng đi trên một máy bay bị trúng đạn của quân giải phóng bốc cháy, máy bay rơi vào rừng. Khi bị bắt ba tên này hoàn toàn mê man bất tỉnh. Tám ngày sau khi về đến trại giam, họ mới tỉnh, và mới biết là bị bắt. Họ được quân giải phóng hết lòng cứu chữa. Họ đều tỏ lòng biết ơn sâu sắc Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam đã cứu sống và đối xử hết sức nhân đạo đối với họ.

Đa-nhi-en Hê-ri Hê-phin xúc động nói với cán bộ quân giải phóng: “Các ông đã “tái sinh” cho tôi. Đời tôi không bao giờ quên ơn này”. Trong nhà giam, Rô-bốt Phlêch On-xơn, nhân viên dân sự bị bắt ngày 2 tháng 2 năm 1968 tại Thừa Thiên rất chịu khó học tiếng Việt. Anh ta đã nói lên lòng biết ơn của mình đối với Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh. Hôm nay được trở về anh ta còn cố xin đem theo chiếc nón lá và chiếc điều cày Việt Nam làm kỷ niệm.

15 giờ 15 cuộc trao trả kết thúc, đại diện phía Hoa Kỳ nói cuộc trao trả đã được tiến hành đúng kế hoạch thoả thuận. ông Lê Khoan Hồng phát biểu ý kiến một lần nữa khẳng định quyết tâm của nhân dân Việt Nam thực hiện nghiêm chỉnh hiệp định này, nhanh chóng tiến hành trao trả các nhân viên dân sự bị bắt.

Như vậy, từ ngày 15 tháng 2 năm 1973 đến ngày 27 tháng 3 năm 1973, trong 4 đợt Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam đã trao trả cho phía Hoa Kỳ toàn bộ số nhân viên quân sự và dân sự Hoa Kỳ và đồng minh của Hoa Kỳ. Tổ Liên hợp quân sự bốn bên và uỷ ban Quốc tế kiểm soát và giám sát đều chứng kiến các cuộc trao trả được tiến hành nhanh, gọn, tốt.

TRAO TRẢ ĐỢT CUỐI CÙNG NHỮNG TÊN GIẶC LÁI MỸ ĐÃ TÙNG GÂY NHIỀU TỘI ÁC ĐỐI VỚI NHÂN DÂN MIỀN BẮC NƯỚC TA CHO PHÍA HOA KỲ

Lúc 15 giờ 20 phút ngày 29 tháng 3 năm 1973, An-phơ Nao-ớt Ac-niu, người cuối cùng trong bản danh sách dài những nhân viên quân sự Hoa Kỳ bị quân và dân ta bắt và giam giữ ở miền Bắc nước ta được Chính phủ ta trao trả cho phía Hoa Kỳ, bước lên chiếc máy bay C.141, số hiệu 50238 trở về Mỹ.

Từ tên trung úy Alvaret bị quân và dân Quảng Ninh bắt ngày 5 tháng 8 năm 1964 ngày đầu tiên của cuộc chiến tranh phá hoại tàn bạo của đế quốc Mỹ đến tên Thiếu tá An-phơ Nao-ớt Ac-niu bị bắt ngày 28 tháng 12 năm 1972 tại Hà Tây, con số nhân viên quân sự Hoa Kỳ và đồng minh của họ bị bắt và được trao trả toàn bộ.

Trong 2 ngày liên tiếp 28 và 29 tháng 3 năm 1973, sân bay Gia Lâm (Hà Nội) khá nhộn nhịp. Đợt cuối cùng ngày 29 tháng 3 này Chính phủ ta trao trả cho Hoa Kỳ 107 nhân viên quân sự. Lẽ ra, số 107 nhân viên quân sự này đã được sớm về đoàn tụ với gia đình họ từ ngày 25 tháng 3 năm 1973 như kế hoạch mà Đoàn đại biểu quân sự Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà trong

Ban Liên hợp quân sự bốn bên trung ương đã thông báo, nhưng do thái độ ngang ngược và những đòi hỏi vô lý của phía Hoa Kỳ cản trở nên hôm nay họ mới được rời khỏi trại giam, chậm một ngày so với quy định của Hiệp định Paris về Việt Nam.

107 tên giặc lái đều bị bắt ở hầu hết các địa phương trên miền Bắc từ Quảng Bình đến Lạng Sơn. Tất cả chúng đều là bọn giặc lái máy bay đến gây tội ác với nhân dân chúng ta trong thời kỳ đế quốc Mỹ phiêu lưu gây trở lại cuộc chiến tranh phá hoại dã man ở miền Bắc nước ta. Trong hơn một năm kể từ 18 tháng 12 năm 1971 đến ngày 31 tháng 12 năm 1972 đã có 122 tên giặc lái bị tóm cổ. Con số này gần bằng 1/3 số giặc lái quân và dân ta bắt trong 4 năm chiến tranh phá hoại trước đây. 16 loại máy bay, kể cả máy bay chiến đấu hiện đại nhất của Hoa Kỳ F.111A cánh cụp cánh xòe và B.52G, máy bay chiến lược siêu đẳng đã bị phơi xác khắp đồng ruộng núi rừng hoặc rơi xuống biển ở miền Bắc và ngay cả trên đường phố của thủ đô Hà Nội.

Một trong những cảnh nhộn nhịp nhất là phóng viên báo chí trong nước và ngoài nước tranh thủ ghi lại những hình ảnh tên giặc lái Mỹ không phải lúc ngồi trên máy bay ấn nút cất bom gây tội ác bị bắn rơi, bị tóm cổ vào trại giam mà là lúc đã vào trại giam, đến sân bay Gia Lâm, biết chắc là đã thoát chết nên phấn khởi lên máy bay Hoa Kỳ để về Mỹ. Trong số hàng trăm nhà báo có mặt hôm đó người ta thấy có rất nhiều phóng viên các hãng thông tấn AFP, UPI, AP, các hãng vô tuyến truyền hình NBC, CBS, ABC, phóng viên của nhiều báo lớn ở Mỹ: Nữ ước Thời báo, Ngôi sao Hoa Thịnh Đốn... Số nhà báo nước ngoài này chẳng những họ ghi nhiều hình ảnh đợt trao trả cuối cùng ở sân bay Gia Lâm, diễn ra nhanh, gọn rất nhộn nhịp nhưng rất trật tự mà còn ghi lại rất nhiều hình ảnh nơi ăn ở, nơi giam giữ những tên giặc lái như: sân bóng rổ, bóng chuyền, phòng đọc sách trong khu vực trại giam khi họ được phép cùng với uỷ ban Quốc tế và Tổ Liên hợp quân sự đến tận nơi giam giữ cuối cùng bọn giặc lái Mỹ trước khi trao trả. Họ đều tỏ ý rất hài lòng, có người lấy làm ngạc nhiên về chính sách tù binh của phía ta và lòng nhân đạo của nhân dân ta đối với bọn giặc lái Mỹ đã từng gây quá nhiều tội ác đối với nhân dân chúng ta.

Đúng 14 giờ 30 phút, Trung tá Nguyễn Phương đại diện phía Việt Nam dân chủ cộng hoà tuyên bố cuộc trao trả bắt đầu. Các tên giặc lái Mỹ xếp hàng chờ đến lượt gọi tên mình. Khi tên giặc lái cuối cùng vào hẳn trong máy bay thì hai chiếc máy bay C.141 lần lượt cất cánh rời đường băng đưa những tên giặc lái được Chính phủ và nhân dân ta cho trở về với gia đình và đất nước họ.

Phát biểu ý kiến về cuộc trao trả, Đại tá Giêm-đen-nét, đại diện phía Hoa Kỳ tỏ lời cảm ơn Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hoà đã tạo mọi điều kiện cho cuộc trao trả tiến hành tốt.

Trung tá Trần Tấn, đại biểu quân sự Việt Nam dân chủ cộng hoà, Đại úy Hoàng Duy Hoà, đại biểu quân sự Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam, Trung tá Nguyễn Văn Thọ đại biểu quân sự Việt Nam cộng hoà, Đại tá Rút-xen, đại biểu quân sự Hoa Kỳ trong Tổ Liên hợp quân sự bốn bên trung ương đều ghi nhận cuộc trao trả hoàn thành đúng thời gian quy định, đúng về thể thức đã thoả thuận. Các vị trong uỷ ban Quốc tế kiểm soát và giám sát cũng tỏ ý hài lòng về kết quả cuộc trao trả này.

Qua 4 đợt mà đợt ngày 29 tháng 3 năm 1973 là đợt cuối cùng, Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà đã trao trả cho phía Hoa Kỳ toàn bộ số nhân viên quân sự của Hoa Kỳ và đồng minh của Hoa Kỳ bị quân và dân ta bắt giam ở miền Bắc nước ta.

Như vậy là ngày 29 tháng 3 năm 1973 là ngày tất cả những nhân viên quân sự và nhân viên dân sự Hoa Kỳ bị bắt và giam giữ trên cả hai miền Nam - Bắc nước ta đã được trao trả cho phía Hoa Kỳ.

Có một vấn đề đặt ra là tại sao Mỹ lại ngang ngược đòi hỏi một cách rất phi lý là Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà và Chính phủ Cách mạng lâm thời phải trao trả họ tất cả tù binh Mỹ bị bắt trên toàn chiến trường Đông Dương.

Chúng ta hiểu rõ rằng, đây là một mưu đồ nham hiểm của Mỹ, họ kiếm cớ, tạo ra lý do để lại một bộ phận quân Mỹ không rút đúng thời hạn cùng với các hành động khác để tiếp tục dính líu về quân sự ở miền Nam nước ta.

Chúng ta kiên quyết lên án, vạch trần mưu đồ của Mỹ và thẳng thừng bác bỏ đòi hỏi phi lý đó, Mỹ đã phải chấp nhận, không dám dây dưa việc rút quân, phải nhận số nhân viên quân sự và dân sự bị bắt ở Việt Nam ngày 29 tháng 3 năm 1973 đồng thời cũng đúng ngày 29 tháng 3 năm 1973 những tên lính cuối cùng của Mỹ phải rút khỏi Việt Nam.

N.H.Đ

NHỮNG CÂU CHUYỆN CÒN NHỚ MÃI

VŨ NAM BÌNH

CÂU CHUYỆN THỨ NHẤT

Theo sự thoả thuận của bốn bên ký kết Hiệp định Paris, ngày 28 tháng 1 năm 1973 hai đoàn đại biểu quân sự của Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà và Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam có mặt ở Sài Gòn.

Phía đối phương hẹn đưa trực thăng của Mỹ ra đón Đoàn đại biểu quân sự Chính phủ Cách mạng lâm thời do Trung tướng Trần Văn Trà làm trưởng đoàn ngày 28 tháng 1 năm 1973, tại địa điểm sân bay Thiện Ngôn, phía Bắc Tây Ninh.

Đoàn chúng tôi đã chuẩn bị chu đáo cho việc vào Sài Gòn để làm nhiệm vụ đấu tranh thi hành Hiệp định Paris về Việt Nam. Đồng thời vẫn rất tỉnh táo đề phòng mọi sự phản trắc của kẻ thù. Quá trình đấu tranh để đi đến ký được Hiệp định Paris đã chứng minh biết bao nhiêu lần kẻ thù phản trắc, lật lọng đổi thay.

Đồng chí Trần Văn Trà đã nói với chúng tôi rằng:

- Cảnh giác và luôn đề phòng với Mỹ và nguy Sài Gòn không bao giờ thừa cả, chỉ sợ chúng ta không đủ tỉnh táo để đối phó với những mưu đồ xảo quyệt và ty tiện của chúng mà thôi.

Còn 4, 5 ngày nữa mới tết nhưng chúng tôi tổ chức ăn một cái tết ở vùng căn cứ với các đồng chí đồng đội thật tung bừng mừng thắng lợi của Hiệp định Paris và sau đó đi vào cuộc đấu tranh mới.

Ăn tết trước, vua Quang Trung cũng đã cho quân sĩ ăn tết trước để tiến quân đại phá quân Mãn Thanh. Tết Mậu Thân 1968 quân ta cũng ăn tết trước để đi vào cuộc tổng tấn công nổi dậy trên toàn miền Nam nhằm đánh bại ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ và cũng sau cuộc tổng tiến công đó, Mỹ phải xuống thang chiến tranh, phải ngồi vào bàn đàm phán với ta.

Sau gần 5 năm, hôm nay chúng ta lại ăn tết trước để tiến quân trên mặt trận đấu tranh mới - đấu tranh ngoại giao quân sự - tại địa điểm Ở giữa cái gọi là thủ đô của ngụy Sài Gòn.

Đồng chí Trần Văn Trà đã chỉ đạo cho cơ quan tham mưu phái một bộ phận trinh sát đến tại sân bay Thiện Ngôn từ sáng sớm 28 tháng 1 năm 1973. Yêu cầu bộ phận trinh sát này phải có công sự bảo đảm, phải tinh tường nhạy bén nắm tình hình mọi động tĩnh trên khu vực xung quanh Thiện Ngôn. Cừ 15 phút phải báo cáo về một lần.

Đúng vào lúc cuối bữa tiệc Tết, mọi người đều nghe thấy mấy loạt bom nổ ở hướng sân bay Thiện Ngôn. Thế là có chuyện rồi.

Ngay sau đó, chúng tôi được thông báo: “Đúng vào giờ mà Mỹ hẹn đưa trực thăng ra đón đoàn chúng tôi, tổ trinh sát báo cáo là không thấy có trực thăng nào cả. Chỉ có 2 máy bay của địch, bay lượn vài vòng trên sân bay Thiện Ngôn rồi thả những loạt bom xuống sân bay. Các mảnh bom và mảnh các loại xác xe tăng thiết giáp của địch bỏ lại ở sân bay bay tung toé xung quanh hầm công sự của các đồng chí trinh sát. Sau những loạt bom, tình hình vẫn im ắng, không có trực thăng nào đến”.

Thật là nực cười - Kẻ thù của chúng ta như thế đó.

Một cuộc bàn tán rất sôi nổi về sự kiện vừa xảy ra. Ai cũng cho rằng chúng ta đã đúng, rất đúng khi xem xét về kẻ thù.

Bọn xâm lược Mỹ đã trực tiếp vào đây gần 20 năm và một đội quân xâm lược trên 50 vạn tên cũng đã trực tiếp chiến đấu 10 năm rồi mà Mỹ đã phải chịu thua - Đã phải ký Hiệp định Paris và điều quan trọng nhất là phải rút hết quân Mỹ, quân chư hầu ra khỏi miền Nam Việt Nam trong vòng 60 ngày.

Quân Mỹ phải rút ra, còn quân ta ở lại nguyên trạng thì nhất định ngụy sẽ chết. Vì vậy ngụy Sài Gòn kiên quyết phản đối ký Hiệp định Paris - Nhưng ngụy phải theo lệnh của quan thầy Mỹ nên phải ký. Ngụy buộc phải ký nên chúng sẽ phá quyết liệt Hiệp định Paris.

Hành động thả bom vào địa điểm đón đoàn đại biểu quân sự của ta là một hành động phá hoại cụ thể.

Chúng không muốn có phái đoàn quân sự của ta giữa Sài Gòn.

Nhưng chúng ngăn cản làm sao được. Đây chỉ là một hành động phản ứng đê hèn mà thôi. Nhất định Mỹ phải đón đoàn ta vào Sài Gòn.

Việc rút quân Mỹ, việc nhận những tù binh Mỹ bị ta bắt và giam giữ là một yêu cầu bức thiết của nhân dân Mỹ. Chính quyền Mỹ buộc phải thực hiện, chậm ngày nào mà Ban Liên hợp quân sự bốn bên không làm việc sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến rút quân và trao trả. Chúng ta kịch liệt lên án và phản đối kẻ thù về sự việc ném bom vào đúng địa điểm và đúng giờ hẹn đón đoàn đại biểu quân sự của ta.

Chúng ta yêu cầu phía đối phương phải nhanh chóng đón Đoàn đại biểu quân sự Chính phủ Cách mạng lâm thời vào Sài Gòn để bảo đảm sự phối hợp hành động của các bên thi hành Hiệp định Paris.

Chúng ta nói rõ địa điểm đón là sân bay Lộc Ninh, ngày đón là 1 tháng 2 năm 1973.

Lộc Ninh trong chiến tranh là một cứ điểm kiên cố cấp chiến đoàn của quân đoàn 3 nguy hiểm án ngữ vòng ngoài bảo vệ Sài Gòn.

Cứ điểm kiên cố này đã bị quân ta tiêu diệt năm 1972 trong chiến dịch “Nguyễn Huệ” - Ta tiêu diệt hoàn toàn chiến đoàn đồn trú tại đây và diệt nhiều đơn vị bộ binh xe tăng thiết giáp của địch đến ứng cứu. Ta đã bắt sống toàn bộ cơ quan chỉ huy Chiến đoàn 8 nguy, trong đó có tên Đại tá Nguyễn Công Vĩnh chiến đoàn trưởng.

Từ đó, Lộc Ninh là vùng giải phóng khá trù phú, có đông dân và nó đã trở thành một trung tâm chính trị của vùng giải phóng trên chiến trường Nam Bộ và cực nam Trung Bộ.

Lộc Ninh là biểu tượng chiến thắng của ta.

Lộc Ninh cũng là nỗi nhục thất bại của địch.

Đã một lần đánh hụt thất bại ở Thiện Ngôn. Việc có mặt đoàn đại biểu quân sự của Chính phủ Cách mạng lâm thời ở Sài Gòn là cấp thiết.

Nhất định kẻ thù phải ra đón đoàn ta và phải đón tại sân bay Lộc Ninh - Không thể khác được và cũng không thể chậm trễ hơn nữa.

Đối phương phải chấp nhận làm đúng theo yêu cầu của ta.

Các cơ quan của ta ở vùng giải phóng chuẩn bị rất tốt cho cuộc tiễn đưa Đoàn đại biểu quân sự Chính phủ Cách mạng lâm thời vào Sài Gòn.

Ngày 1 tháng 2 năm 1973, đúng như giờ đã hẹn, những chiếc trực thăng Mỹ bay đúng theo đường bay và tầm cao do ta quy định đến vùng trời Lộc Ninh, lượn một vòng trên vùng trời và lần lượt hạ cánh theo đội hình thứ tự từ đầu Bắc sân bay.

Như một ngày hội lớn, từ sáng sớm, rất đông đồng bào ở Lộc Ninh và vùng phụ cận cùng nhiều cán bộ, bộ đội lần lượt kéo đến sân bay Lộc Ninh để tiễn đoàn đại biểu quân sự thân yêu của mình đi vào cuộc đấu tranh thi hành Hiệp định Paris. Một rừng cờ cách mạng cầm trong tay, treo trước cửa các nhà, trên các cành cây dọc đường, nét mặt của mọi người rạng rỡ hân hoan với khí thế chiến thắng cùng đội ngũ chinh tề tiến vào sân bay mới lúc một đông biến thành một cuộc mít tinh lớn tiễn đoàn đại biểu quân sự của ta và hoan nghênh thắng lợi của Hiệp định Paris.

Cuộc mít tinh ngắn gọn, sôi nổi và rất hào hùng. Những sĩ quan lái máy bay người Mỹ đứng lặng lẽ nhìn, hẳn là họ cũng cảm nhận được khí thế của quần chúng cách mạng. Còn các sĩ quan nguy lại khác, họ ngồi lì trong máy bay mà không dám ra ngoài, họ nghĩ gì đây nhưng chắc là tức tối bực bội lắm.

Trưởng đoàn Trần Văn Trà thay mặt đoàn chúng tôi phát biểu cảm ơn đồng bào, cán bộ, chiến sĩ đã tiễn đưa thân tình và trọng thể, hứa hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và xứng đáng với niềm tin mà đồng bào đồng chí đã gửi gắm.

Tất cả chúng tôi, những sĩ quan chiến sĩ trong đoàn hết sức xúc động. Biết rằng kẻ thù sẽ còn phá hoại nhiều hơn nữa, còn lật lọng phản trắc trên nhiều vấn đề và sẽ gây khó khăn trở ngại cho sự thực hiện nhiệm vụ của phái đoàn ta, nhưng không ai trong chúng tôi thể hiện một sự nao núng nào.

Từ vị trí chiến thắng này, chúng tôi hiên ngang đi vào giữa sào huyệt của địch, tiến hành mặt trận đấu tranh mới - đấu tranh ngoại giao quân sự - để thi hành Hiệp định Paris về Việt Nam.

CÂU CHUYỆN THỨ HAI

Trong một cuộc họp của cấp trưởng đoàn Ban Liên hợp quân sự hai bên đã diễn ra một câu chuyện rất lý thú. Hôm nay là ngày đồng chí Võ Đông Giang Phó đoàn đại biểu quân sự Chính phủ Cách mạng lâm thời đi họp thay trưởng đoàn. Mấy bữa họp trước đó, vấn đề trao trả nhân viên dân sự là vấn đề rất gay gắt. Chúng ta đã vạch rõ sự vi phạm Hiệp định Paris của nguy Sài Gòn. Họ cãi chày cãi cối và chống chế một cách yếu ớt.

Lần này, hai đoàn đại biểu quân sự vừa vào chỗ họp, Phan Hoà Hiệp chuẩn tướng trưởng đoàn của nguy Sài Gòn chủ động nêu ra một vấn đề không ăn nhập gì với những nội dung mà hội nghị cấp trưởng đoàn đang còn bàn trong mấy phiên họp vừa qua.

Phan Hoà Hiệp nói nội dung về lai lịch của đồng chí Võ Đông Giang. Hiệp thao thao bất tuyệt nêu ra rằng: “Ông phó đoàn của Chính phủ Cách mạng lâm thời mang tên là Võ Đông Giang nhưng ông không phải là Võ Đông Giang, ông cũng không phải là đại tá. Chính ông tên là Phan Bá, ông là Vụ trưởng của Bộ Ngoại giao Bắc Việt. Trong thời kháng Pháp, ông là liên Bí thư tỉnh uỷ Gia Lai - Kon Tum rồi ông ra miền Bắc làm ngoại giao. Ông không ở trong quân đội ngày nào. Chúng tôi biết rất rõ về ông. Các ông lấy vải thưa che mắt thánh, nhưng không giấu được chúng tôi đâu”.

Nói xong, Hiệp ngồi im.

Quan sát thái độ của Hiệp và bộ hạ của nó hôm đó, chúng tôi thấy chúng có vẻ đặc chí về các tin tức mà Hiệp vừa nói. Chắc chúng nghĩ rằng với tin tức mà Hiệp vừa nói, Võ Đông Giang sẽ lúng túng, không chối cãi vào đâu được Nhưng đồng chí Võ Đông Giang của chúng ta rất bình thản. Anh tiếp tục ngậm tẩu hút thuốc lá.

Sau một lúc, bằng giọng nói chắc, gọn và rõ, anh Giang hỏi Phan Hoà Hiệp rằng Hiệp còn gì nói thêm nữa không, sẵn sàng nghe tiếp tin tức lý thú mà Hiệp vừa nói. Tiếp theo, anh

Giang hỏi luôn là, có phải Phan Hoà Hiệp đưa nội dung này ra để bàn trong hội nghị hôm nay hay chỉ là một câu chuyện tầm phào.

Hiệp áp úng, lúng túng ậm ậm ờ ờ rằng tôi nêu vấn đề vậy thôi và cũng để ông biết là chúng tôi đã biết rõ như thế.

Đồng chí Võ Đông Giang, vẫn với thái độ bình tĩnh, ngồi im một lúc khá lâu.

Một số sĩ quan đi họp cùng anh Giang hôm đó ghi những mẫu giấy đưa cho anh Giang. Sau hội nghị, được biết các đồng chí sĩ quan ghi rằng đây là đòn khiêu khích, anh hãy bác bỏ hoàn toàn. Riêng tôi biết rõ lai lịch Phan Hoà Hiệp nên ghi vội vài dòng cho anh Giang. Hiệp là con một người Pháp, mẹ Việt Nam, Phan Hoà Hiệp là phiên âm từ chữ François Hiệp. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 Hiệp là lính của Đệ tam sư đoàn. Khi Pháp đánh trở lại, sư đoàn này tan rã và đầu hàng Pháp.

Hiệp cũng nằm trong số đó...

Anh Võ Đông Giang, lại một lần nữa hỏi Hiệp có nói thêm gì không. Hiệp không nói gì nữa.

Anh Giang chậm rãi nói, bây giờ đến lượt tôi phát biểu.

Anh Giang nêu ra 3 ý kiến cụ thể.

Một là, trước hết và ngay lập tức sau cuộc họp này ông Phan Hoà Hiệp chuẩn tướng của quân đội Việt Nam cộng hoà hãy cách chức tất cả những tên tình báo nào đưa cho ông cái tin về lai lịch của tôi mà ông vừa nói. Đây là tin bịa đặt nên phải cách chức những tên đưa tin đó.

Hai là, nếu ông chuẩn tướng muốn lấy tin tức này để thành một nội dung thảo luận trên diễn đàn của cấp trưởng đoàn hôm nay thì tôi đồng ý. Chúng ta sẽ cùng nhau lật ngửa con bài. Ông Hiệp trình bày hết những gì mà ông có về lai lịch của tôi. Và tôi cũng sẽ trình bày tại đây và ngay bây giờ về lai lịch của ông chuẩn tướng. Xin nói rằng lai lịch của ông chuẩn tướng không đẹp để gì đâu và tôi cũng dám chắc rằng nhiều người bên quý vị và ngay những người của phía quý vị ngồi tại đây cũng không hiểu rõ lai lịch chính trị của ông chuẩn tướng đâu.

Ba là, nếu đưa tin tức làm câu chuyện tầm phào, đi đến cãi cộ nhau một cách vô bổ để lãng tránh hoặc làm mất thời gian bàn bạc việc chính yếu thì đó chỉ là trò lơ bịch. Không thể lãng tránh vấn đề mà ta đang bàn bạc là vấn đề trao trả nhân viên dân sự được đâu. Đó không phải là tư cách của những nhà ngoại giao quân sự để bàn việc thực thi Hiệp định Paris mà các bên đã ký kết. Ở diễn đàn cấp trưởng đoàn này không có chỗ cho việc đưa ra tin tức theo kiểu đó. Hãy bỏ kiểu đó đi.

Phan Hoà Hiệp và đồng bọn ngồi im phăng phắc, chúng không dám nhìn thẳng vào đoàn ta nữa.

Phan Hoà Hiệp bẽ bàng gỡ thế bí nên nêu ý kiến là hội nghị tạm nghỉ giải lao 15 phút, sau vào tiếp tục.

Ngồi trong phòng nghỉ giải lao, Hiệp nói với anh Giang là các ông phê phán tôi dữ quá. Tôi chỉ là lính đánh nhau, là loại võ biền thôi chứ đâu có được làm ngoại giao như đại tá..

Câu chuyện đấu tranh giữa Võ Đông Giang và Phan Hoà Hiệp là một câu chuyện khá lý thú, tôi ghi lại để chúng ta cũng nhớ lại.

CÂU CHUYỆN THỨ BA

Quân Mỹ và quân chư hầu phải rút hết trong vòng 60 ngày, Mỹ phải huỷ tất cả các căn cứ quân sự, Mỹ không được tiếp tục dính líu quân sự hoặc can thiệp nội bộ của miền Nam Việt Nam là điều khoản rất quan trọng của Hiệp định Paris.

Trong hội nghị cấp trưởng đoàn của bốn bên, lần nào hai trưởng đoàn của ta là Trung tướng Trần Văn Trà, Thiếu tướng Lê Quang Hoà cũng yêu cầu phía Mỹ phải báo cho Ban Liên hợp quân sự biết kế hoạch rút quân Mỹ và quân chư hầu, kế hoạch phá huỷ các căn cứ quân sự... để Ban Liên hợp quân sự phái các Tổ Liên hợp quân sự đến theo dõi, kiểm tra giám sát.

Thiếu tướng trưởng đoàn quân sự Mỹ Út-uết âm ừ rồi tăng lời sang vấn đề khác. Hai trưởng đoàn ta nhắc lại rằng việc này không thể cho qua được mà phái đoàn Hoa Kỳ phải báo cáo rõ để Ban Liên hợp quân sự thi hành nhiệm vụ.

Trong một cuộc họp tiếp theo, Út-uết trưởng đoàn quân sự Mỹ trình trọng tuyên bố rằng, Hoa Kỳ đã nghiêm chỉnh thi hành hiệp định và đã rút ra khỏi miền Nam Việt Nam 8.000 quân của Mỹ và đồng minh.

Hai trưởng đoàn ta lập tức phản đối quyết liệt. Các trưởng đoàn ta nêu rõ rằng chúng ta không chấp nhận một sự thông báo hời hợt của phía Hoa Kỳ. Có cái gì để chứng minh cho việc rút quân Mỹ và chư hầu là có thật. Phải chăng những con số mà Thiếu tướng Út-uết nêu ra là bịa đặt. Thiếu tướng Trưởng đoàn Lê Quang Hoà tuyên bố rằng bất cứ một cuộc rút quân nào của Hoa Kỳ và đồng minh, nếu không thông báo trước, không có sự theo dõi giám sát tại chỗ của Ban Liên hợp quân sự bốn bên cũng như sự kiểm soát giám sát của uỷ ban Quốc tế thì không con số nào, không cuộc rút quân nào là có giá trị cả.

Trung tướng Trần Văn Trà khẳng định rằng, đến hôm nay, chúng tôi xác định rằng chưa có một người lính Mỹ nào hay quân của một nước đồng minh nào của Mỹ đã rút khỏi miền Nam Việt Nam từ sau khi ký kết Hiệp định Paris.

Út-uết ngồi im chịu trận.

Trưởng đoàn ngụy Sài Gòn là Dư Quốc Đống lại đỡ đòn cho quan thầy Mỹ một cách hết sức vụng về. Đống nói rằng các ngài (ý nói hai trưởng đoàn ta) có cần kiểm tra giám sát đâu. Các ngài đòi hỏi như vậy chẳng qua là các ngài muốn quay phim, chụp ảnh rồi tuyên bố với thế giới rằng quân Mỹ đã thua, quân Mỹ phải rút hết khỏi miền Nam Việt Nam.

Thật đáng thương hại cho trưởng đoàn ngụy Sài Gòn, một thân phận của kẻ tay sai khi đang bị quan thầy bỏ rơi mà phải nói lên điều đó.

Chỉ một thời gian ngắn, ngay cuộc họp tiếp theo, ngày 16 tháng 2 năm 1973, Mỹ phải gửi công hàm cho ta và phải chính thức để các Tổ Liên hợp quân sự bốn bên đến các địa điểm quan

sát, kiểm tra việc rút quân Mỹ và chur hầu. Các sĩ quan của hai đoàn đại biểu quân sự Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà và Chính phủ Cách mạng lâm thời chững chạc trong bộ quân phục cầm danh sách do nhà chức trách Mỹ cung cấp đọc từng tên sĩ quan và binh lính Mỹ, chur hầu rút quân cho đến những tên sĩ quan và binh lính cuối cùng.

Các lần kiểm tra giám sát rút quân, sĩ quan ta phát hiện thấy không có tên nào mang theo vũ khí trang bị gì cả. Sĩ quan ta chất vấn, chúng trả lời là vũ khí trang bị đã mang theo đường biển. Đây là sự bịp bợm.

Còn vấn đề phá căn cứ quân sự, chúng ta cũng yêu cầu Mỹ phải báo cáo rõ cho Ban Liên hợp quân sự biết để kiểm tra. Út-uốt trả lời rằng đã bàn giao các căn cứ quân sự của Mỹ cho Việt Nam cộng hoà từ trước khi có Hiệp định Paris. Hiện chúng cũng phải ở nhờ các căn cứ của nguy Sài Gòn. Thật là tro trên, đến lúc phải cuốn gói thì kẻ xâm lược lại càng nói bừa nói ầu theo đúng tính cách của nó.

Cho đến ngày 29 tháng 3 năm 1973, thật chính xác là hồi 17 giờ 30 phút giờ Sài Gòn (16 giờ 30 phút giờ Hà Nội) của ngày 29 tháng 3 năm 1973 những tên lính Mỹ cuối cùng đã rút khỏi miền Nam Việt Nam. Các sĩ quan của hai đoàn đại biểu quân sự Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà và của Chính phủ Cách mạng lâm thời đã có mặt tại chỗ để kiểm tra giám sát những tên lính cuối cùng đó.

Đúng ngày 29 tháng 3 năm 1973 ấy, vai trò quân sự của Mỹ ở Việt Nam đã chấm dứt và nó được đánh dấu bằng một buổi lễ âm thầm cuốn lá cờ của Bộ chỉ huy Mỹ, tư lệnh Mỹ tướng Uây-en và đại sứ Mỹ Bân-cơ đã đứng chào lá cờ ấy cùng với 42 quân nhân Mỹ đại diện cho 4 quân chủng của Mỹ đứng để duyệt binh trong buổi lễ 15 phút này.

Sau đó, đúng một giờ, 42 quân nhân Mỹ này đáp một máy bay phản lực chở họ ra khỏi miền Nam Việt Nam cùng với 2.500 người nữa trong số những lính Mỹ cuối cùng đó.

Đại tá không quân Đê-vít ô-đen là người cuối cùng rời khỏi miền Nam Việt Nam.

Về sự kiện ngày 29 tháng 3 năm 1973, xã luận báo Nhân dân số 6914 ngày 31 tháng 3 năm 1973 đã viết: Thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đã chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ, buộc quân viễn chinh của chúng phải rút hết khỏi nước ta. Ngày 29 tháng 3 năm 1973 đánh dấu một cái mốc lịch sử của cuộc đấu tranh giải phóng của dân tộc Việt Nam ta.

Kể từ 115 năm nay, lần đầu tiên trên toàn bộ lãnh thổ nước ta, quân đội xâm lược của các đế quốc đã bị quét sạch. Đó là kết quả rực rỡ của cuộc chiến đấu lâu dài đầy hy sinh gian khổ nhưng vô cùng anh dũng của nhiều thế hệ người Việt Nam... Tên lính cuối cùng của Mỹ và cũng tức là của các nước đế quốc rút khỏi nước ta. Đối với bọn xâm lược Mỹ cũng như bọn xâm lược Pháp và cả bọn phát xít Nhật nữa, những kỷ niệm về Việt Nam thật là chua chát...

... Lịch sử đấu tranh giải phóng của các dân tộc và của loài người tiến bộ chắc rằng hàng nghìn đời sau cũng sẽ ghi mãi những chiến công của người Việt Nam: Một dân tộc nhỏ mà đã anh dũng đánh thắng hai đế quốc to là Pháp và Mỹ...".

TRAO TRẢ NHÂN VIÊN DÂN SỰ

VŨ BÌNH VÀ DUY HÒA

Cuộc đấu tranh đòi phía Sài Gòn trao trả nhân viên dân sự hay gọi là tù chính trị của ta là một cuộc đấu tranh hết sức gay go, quyết liệt và kéo dài trong thời kỳ Ban Liên hợp quân sự hai bên.

Việc trao trả nhân viên quân sự trong thời kỳ Liên hợp quân sự bốn bên đã cơ bản xong. Chúng ta đã trao trả tất cả nhân viên quân sự, dân sự Mỹ mà chúng ta bắt, giam giữ. Chúng ta cũng đã trả cho phía Sài Gòn 5.016 tù binh. Còn lại 410 tù binh Sài Gòn mà ta chưa trả được là do địa điểm trao trả ở Đức Nghiệp (Gia Lai) bị quân Sài Gòn oanh tạc nên ta phải để lại trao trả vào thời kỳ hai bên.

Phía Sài Gòn cũng đã trao trả phần lớn nhân viên quân sự cho ta, nhưng vẫn không đầy đủ theo như danh sách mà phía Sài Gòn đã trao tại Paris, hôm ký hiệp định về chấm dứt chiến tranh lập lại hoà bình ở Việt Nam ngày 27 tháng 1 năm 1973.

Chúng giữ lại 242 người mà chúng nêu lý do là số người này xin “hồi chính”, “xin ở lại với chính nghĩa quốc gia”(!)

Ngay trong số chúng đã trao trả, khi kiểm tra chúng ta phát hiện có 2.478 người không đúng với tên trong danh sách ban đầu chúng trao tại Paris. Ta còn phát hiện hàng trăm dân thường bị bắt trong các cuộc càn quét mà chúng cũng gán cho cái tên là nhân viên quân sự.

Sang thời kỳ Liên hợp quân sự hai bên, chúng ta biết rõ là bọn nguỵ Sài Gòn sẽ phá việc trao trả nhân viên dân sự - Thời kỳ bốn bên, chúng phải trao trả cho ta phần lớn nhân viên quân sự là do sức ép của Mỹ mà chúng phải thi hành.

Đến vấn đề nhân viên dân sự thì ngay trong Hiệp định Paris, tuy dùng những lời lẽ có vẻ thống thiết nhưng cũng chỉ là kêu gọi và Mỹ thì cũng tìm mọi cách để tránh né trong hiệp định ghi vấn đề nhân viên dân sự do hai bên miền Nam Việt Nam giải quyết. Hai bên miền Nam Việt Nam sẽ làm việc đó trên tinh thần hoà giải và hoà hợp dân tộc nhằm chấm dứt thù hận, giảm bớt đau khổ và đoàn tụ các gia đình. Hai bên miền Nam Việt Nam sẽ gáng hết sức mình để giải quyết vấn đề này trong vòng 90 ngày sau khi ngừng bắn có hiệu lực.

Nguyễn Văn Thiệu và bè lũ của chúng buộc phải ký Hiệp định Paris theo lệnh quan thầy Mỹ - Và chính chúng được sự hỗ trợ của Mỹ phá Hiệp định Paris ngay từ đầu. Mỹ cũng chỉ mong lấy được tù binh Mỹ và đưa được quân Mỹ về nước còn thì vẫn thi hành chính sách Việt Nam hoá chiến tranh để Mỹ tiếp tục thực hiện mưu đồ của mình ở Việt Nam.

Ngụy thì giữ đúng phương châm “4 không” mà chính Thiệu nêu ra là:

- Không nhượng đất cho “Cộng sản”;
- Không trung lập;

- Không liên hợp với “Cộng sản”;
- Không nói chuyện với “Cộng sản”.

Bọn nguy buộc phải ngồi vào bàn hội nghị, nhưng có bao giờ chúng nói chuyện nghiêm túc đâu. Chúng nói bừa, nói ầu, cãi chày, cãi cối, nói hôm nay nhưng mai không thi hành, chỉ nói chứ không làm theo lời nói đó.

Vấn đề hệ trọng nhất của Hiệp định Paris là ngừng bắn mà bọn Thiệu đã phá một cách rất quyết liệt. Tên Nguyễn Văn Thiệu đã không giấu giếm mà tuyên bố thẳng thừng rằng Việt Nam cộng hoà sẽ thi hành điều khoản ngừng bắn khi:

1. Quân đội Việt Nam cộng hoà không còn ủng hộ tôi.
2. Khi quân viện Hoa Kỳ chỉ đủ để lo việc phòng thủ.
3. Khi quân lực Việt Nam cộng hoà không còn đủ sức bảo vệ các khu quan trọng tại miền Nam Việt Nam.

Về vấn đề trao trả nhân viên dân sự, tên Nguyễn Văn Thiệu tuyên bố rằng: Không trao trả nhân viên dân sự, đây là tù chính trị mà trả tù chính trị là thả hổ về rừng. Đây cũng là thể hiện sự sợ hãi của chúng với những cán bộ chính trị, những cơ sở cách mạng của ta.

Phái đoàn quân sự của chúng ta trong trại Davis ngày đêm trao đổi bàn bạc tính toán về cuộc đấu tranh này. Ngay từ những phiên họp đầu tiên của hai bên, chúng ta đã chủ động đưa ra vấn đề trao trả nhân viên dân sự và suốt cả quá trình liên tục đấu tranh với phía Sài Gòn.

Trong hội nghị cấp trưởng đoàn và Tiểu ban trao trả, có thể nói rằng bọn nguy Sài Gòn cố tình dây dưa. Chúng bày ra đủ trò để tranh cãi một cách vô bổ những cái mà trong thời kỳ bốn bên đã thực hiện như địa điểm trao trả, thể thức trao trả, các điều kiện bảo đảm an toàn, v.v., cốt là để kéo dài thời gian và cái chính là để không trao trả nhân viên dân sự của ta.

Trên cơ sở tính toán kỹ lưỡng, chúng ta đòi rõ những đồng chí cán bộ mà ta thấy có thể nói công khai được thì bọn nguy viện đủ lý do để tránh né, từ chối.

Đoàn ta đòi chị Võ Thị Thắng, chúng lảng tránh rồi sau lại nói chị Thắng là phạm pháp hình sự, không phải tù chính trị.

Ta đòi thả anh Huỳnh Tấn Mẫm, chúng lái sang chuyện anh Mẫm là đại biểu sinh viên hay đòi yêu sách cho học đường, đâu phải là tù chính trị.

Ta đòi chị Trần Thị Lan, Trần Thị Huệ..., chúng trí trá nói rằng đây là những người hay biểu tình gây rối mất trật tự học đường, nếu các vị bảo là tù chính trị thì không phải nên chúng tôi không trả.

Khi phía Sài Gòn đưa danh sách mà chúng trao trả thì trong đó có một số chúng tráo trở hồ sơ, chúng đưa người phạm pháp hình sự như trộm cắp, giết người buôn lậu, v.v... nói là tù chính trị trả cho ta.

Trong cuộc đấu tranh này, chúng ta cố gắng khai thác những lợi thế mạnh tương đối - Đó là Mỹ nóng lòng muốn nhận hài cốt người chết và tìm kiếm người mất tích - Đó là dư luận thế giới

và trong nước lên án mạnh mẽ về vấn đề giam giữ và đối xử vô nhân đạo của chế độ Sài Gòn đối với tù chính trị. Họ lên tiếng đòi trả tự do cho tù chính trị, họ nêu cả những con số tù chính trị mà ngụy Sài Gòn đang giam giữ.

Ông Mục sư Tin lành người ý-Tullo Visay-nói là Việt Nam cộng hoà còn giam 200.000 tù chính trị, đài BBC đưa tin là Hội ân xá quốc tế đưa con số 70.000 đến 100.000 tù chính trị ở Việt Nam cộng hoà. Báo đối diện của Sài Gòn cũng nêu con số 200.000 tù chính trị đang trong các trại giam của Việt Nam cộng hoà, v.v...

Chúng ta còn yêu cầu phía Sài Gòn cùng mời Hội đồng thập tự quốc tế và hồng thập tự một số quốc gia đến thăm các trại giam của hai bên.

Phía Sài Gòn còn giở thủ đoạn nêu con số rất lớn nhân viên dân sự mà ta giam giữ của chúng. Thực ra số lượng những tên phản cách mạng, phản động, những loại gián điệp ác ôn, v.v..., thì chúng ta bắt không phải là ít - Nhưng chủ trương của ta là giáo dục họ một thời gian rồi thả cho họ về. Hơn nữa, chiến trường chia cắt, xen kẽ, chúng ta cũng không có điều kiện để giam giữ nhiều. Kẻ thù cũng biết rõ điều đó, nhưng chúng cứ nêu con số vổng lên thật nhiều để lấy cớ rằng ta không trả số đó thì chúng không trả tù chính trị của ta. Trong phiên họp ngày 6 tháng 4 năm 1973, thông báo cho họ là ta còn giam giữ 637 nhân viên dân sự, họ thông báo chỉ giam giữ của ta có 5.081 người và đòi ta phải trả của họ là 67.000 người.

Khi chúng ta đấu tranh mạnh mẽ và dư luận quốc tế, trong nước đòi hỏi mà họ buộc phải trả nhân viên dân sự thì họ trả rất nhỏ giọt và vẫn có nhiều lý do giả tạo, nhiều hành động để cản trở. Có thể nói rằng, gần như không có cuộc trao trả nào là suôn sẻ và cũng gần như cuộc trao trả nào chúng cũng cài những tên chiêu hồi để xin trở về với “chính nghĩa quốc gia”(!). Chính bọn chúng đã bị ngay những người cùng trong đợt trao trả tố cáo, lên án, vạch mặt và đả đảo - Chúng hết sức bề mặt và lm lạng rút lui.

Tính chung trong toàn bộ giai đoạn hoạt động của Liên hợp quân sự hai bên, ta trao trả cho ngụy Sài Gòn 410 nhân viên quân sự còn lại của thời kỳ bốn bên và 637 nhân viên dân sự. Họ trao trả cho ta 130 nhân viên quân sự và 5.075 nhân viên dân sự.

Những cuộc trao trả nhân viên dân sự của ta diễn ra vô cùng xúc động. Các sĩ quan của phái đoàn quân sự ta và nhân dân chứng kiến những buổi đón tiếp các tù chính trị của ta trở về không thể cầm được nước mắt, bao nỗi uất ức trào lên càng nung nấu lòng căm thù những bọn đồ tể dã man của chế độ ngụy Sài Gòn.

Trung số nhân viên dân sự của ta được trao trả không nhiều, chỉ trên 5.000 người trong số hàng trăm ngàn đang bị giam giữ. Nhưng trong số đó có cả nam và nữ. Có chị khi bị bắt đang mang thai, sinh các cháu trong nhà tù, các cháu cũng ở tù với mẹ, khi trao trả các cháu mới 3, 4, 5 tuổi.

Có những anh, chị bị bắt đã rất lâu từ những năm 1958-1959-1960, đã trải qua hàng chục nhà tù của Mỹ - ngụy, nếm đủ các đòn tra tấn, đọa đày. Nhiều người bị mang tật suốt đời do bọn Mỹ - ngụy tra tấn nhục hình, có một số đồng chí ta về đến vùng giải phóng bị ngắt xiu, không đi nổi với thân hình gầy còm, ốm yếu chỉ còn da bọc xương...

Nhưng khí phách của các anh các chị thì thật là tuyệt vời! Các anh các chị trưng cờ cách mạng, hô đã đảo bọn cướp nước và bán nước. Có anh chị đứng lên vạch mặt kẻ thù thể hiện lòng căm thù cao độ đối với chúng.

Những cán bộ và nhân dân ta có mặt tiếp đón các anh các chị tù chính trị trở về đều rất xúc động và cảm phục.

- Xin kể một câu chuyện nhỏ trong buổi trao trả cuối cùng tại sân bay Lộc Ninh. Theo thoả thuận của Ban Liên hợp quân sự hai bên thì ngày 7 tháng 3 năm 1973 có cuộc trao trả tại Lộc Ninh. Phía Sài Gòn trả cho ta 25 nhân viên dân sự và 97 nhân viên quân sự.

Bộ phận trao trả của ta nắm danh sách thấy có tên chị Võ Thị Thắng - mọi người vui mừng, đem theo cả tờ báo có in hình của chị trước toà án ngụy Sài Gòn để đối chiếu xem chúng trả có đúng người hay không. Khi tiến hành bàn giao ở sân bay Lộc Ninh, lúc gọi đến người thứ 3 là chị Võ Thị Thắng thì đột nhiên viên trung tá ngụy Sài Gòn Nguyễn Thế Thứ chạy tới ra lệnh cho binh sĩ phía họ là dừng lại không trao trả nữa và gọi trực thăng đưa tù chính trị trở lại Biên Hoà. Tổ trao trả của ta dứt khoát không cho đưa tù chính trị về Biên Hoà mà phải trao trả số đã đưa lên Lộc Ninh - Đây là quyết định đã được trưởng hai phái đoàn Liên hợp quân sự nhất trí nên không thể có ai thay đổi được.

Tên Nguyễn Thế Thứ nói rằng, khi chiếc trực thăng trở tù chính trị lên đây trở về thì giữa đường bị Việt cộng bắn, một trung sĩ của phi hành đoàn bị chết nên chúng tôi được lệnh không trao trả nữa. Chúng ta kiên quyết đấu tranh, mời Tổ giám sát của uỷ ban Quốc tế đến chứng kiến, chúng ta khẳng định việc trao trả ở đây không có lý do gì hoãn được và cũng không thể bắt tù nhân đi đâu được.

Lệnh của chỉ huy các vị nói là không trao trả nữa là không có giá trị gì với cuộc trao trả này. Không thể đưa việc xảy ra ở chỗ khác để gán vào việc ở đây, và cũng không ai rõ là việc đó có hay không và xảy ra như thế nào, thiếu gì việc các vị bày đặt ra để phá hoại trao trả. Chúng tôi nói để các vị rõ rằng, nếu không tiến hành trao trả, không gọi danh sách tù nhân để bàn giao, cuộc trao trả không thành, các vị sẽ là người hoàn toàn chịu trách nhiệm. Các đồng chí ta nhân mạnh, chúng tôi sẽ tổ chức họp báo ngay tại đây tố cáo âm mưu phá hoại trao trả của các vị một cách có hệ thống. Nếu tù nhân bất bình tự giải tán họ đã đảo sự lật lọng của các vị thì các vị không thể ngăn cản được, Ở đây không phải là trại giam của các vị.

Cùng lúc đó, 25 tù chính trị và 97 tù quân sự hô to “đả đảo đế quốc Mỹ, đả đảo bọn tay sai ngụy Sài Gòn” với khí thế trào dâng, lòng căm thù sôi sục, các lời hô đã đảo bọn Mỹ - ngụy vang lên mạnh mẽ, liên tục. Các anh, các chị tự động đứng lên đi sang phía các đồng chí Tổ trao trả của ta, bọn ngụy không dám làm gì.

Trung tá ngụy Nguyễn Thế Thứ mặt tái đi nói lảm bảm, các ông cậy quyền lãnh thổ của các ông, tù nhân của các ông; đông đảo cán binh của các ông làm áp lực nên buộc chúng tôi phải trao trả. Những tên khác im lặng, tiến bành làm nhanh gọn các loại thủ tục để trao trả 25 nhân viên dân sự, 97 nhân viên quân sự của ta được trả về trước sự đón tiếp đầy tình thương yêu của đồng chí, đồng đội, đồng bào tại sân bay Lộc Ninh.

HIỆP ĐỊNH PARIS VÀ SỰ TAN RÃ Ý CHÍ CỦA QUÂN ĐỘI NGUYỄN SÀI GÒN

TƯ TIỀN

Tháng 4 năm 1975... Trong trận chiến đấu ở Phan Rang, tướng ngự Nguyễn Vĩnh Nghi bị quân giải phóng bắt làm tù binh và được đưa cấp tốc về hậu phương để lấy cung, kịp thời phục vụ làm kế hoạch tác chiến giải phóng Sài Gòn. Tôi được giao nhiệm vụ cùng tham gia làm việc với tướng Nghi để tìm hiểu tình hình có liên quan đến mặt công tác an ninh khi quân giải phóng tiến vào giải phóng Sài Gòn. Nhân lúc nghỉ giải lao, tôi đọc báo “Quân đội nhân dân” để thông báo tin tức chiến sự cho tướng Nghi rõ. Lúc này đang có cuộc đọ sức quyết liệt giữa quân giải phóng và quân đội ngự Sài Gòn ở mặt trận Xuân Lộc. Khi nghe tin tức chiến sự, tướng Nghi bỗng nhiên thở dài thốt ra miệng: “Lúc này mọi sự kháng cự chỉ uống công vô ích. Trong hàng ngũ tướng lĩnh chúng tôi đã cảm nhận được sự thất bại kể từ sau khi ký kết thoả hiệp Paris. Tháng 1 năm 1973”. Nhân đó tôi hỏi tướng Nghi: Các anh đánh giá thế nào về Hiệp định Paris?

Tướng Nghi nói: “Trong thoả hiệp Paris tuy có nhiều điều khoản khác nhau, nhưng rút lại chỉ có một điều khoản quan trọng nhất là: Mỹ rút lui để đổi lấy tù binh Mỹ và quân đội miền Bắc được hợp pháp hoá ở lại miền Nam. Từ đó, làm thay đổi hẳn cục diện chiến trường. Tuy biết vậy, nhưng ông Thiệu vẫn buộc lòng phải ký. Vì Mỹ đã quyết định rồi... thì ông Thiệu cưỡng sao nổi... Và suy đến cùng thì cả ông Nixon cũng không còn con đường nào khác nữa. Vì chiến tranh đã đi vào nội tình nước Mỹ, nhân dân Mỹ không chấp nhận nữa rồi. Sau khi ký kết thoả hiệp Paris, trong một cuộc họp giữa ông Thiệu và các tướng lĩnh, ông Thiệu bị các tướng lĩnh chất vấn, có người nêu câu hỏi: Mỹ rút rồi... sau này Việt cộng nó lại tổng tiến công nổi dậy nữa thì ông tổng thống tính sao?

Ông Thiệu phân giải... nói: Tôi đã được sự bảo đảm từ chính Tổng thống Nixon... Nếu xảy ra như vậy, thì quân Mỹ lại nhào đô liền à... Có gì mà các ông phải lo...”.

Nghe ông Thiệu giải thích, bề ngoài các tướng lĩnh không ai có ý kiến gì nhưng trong thâm tâm mọi người vẫn suy đoán ngược lại: Mỹ đã chọn con đường tháo lui rồi, làm sao mà dám quay trở lại nữa. ông Thiệu nói như vậy, cốt để làm yên lòng các tướng lĩnh chứ làm gì có chuyện quân Mỹ lại nhào đô liền... ông Thiệu đã tự dối mình và dối cả cấp dưới... Từ đó, tôi có cảm nghĩ rằng: Ý chí chiến đấu của quân đội chúng tôi (tức quân đội ngự Sài Gòn) đã bắt đầu tan rã từ sau khi ký kết thoả hiệp Paris rồi. Con đường dẫn đến thất bại hoàn toàn, nay đang diễn ra đúng như chúng tôi đã dự đoán.

MỘT PHIÊN HỢP ĐẶC BIỆT HAI BÀI PHÁT BIỂU: HAI BẢN CÁO TRẠNG

NGUYỄN HÙNG ĐÀO

Nguyên sĩ quan Báo chí của Phái đoàn Chính phủ Cách mạng lâm thời ghi lại phiên họp cuối cùng của Ban Liên hợp quán sự bốn bên trung ương.

Một trong những sự kiện đặc biệt được dư luận, nhất là dư luận trong nước quan tâm là cuộc họp cuối cùng của Ban Liên hợp quân sự bốn bên trung ương ngày 28 tháng 3 năm 1973. Nó đặc biệt vì nó khác hẳn so với tất cả các phiên họp khác trước và sau nó. Đó là phiên họp với hai bài phát biểu như hai bản cáo trạng “luận tội đối phương vi phạm có hệ thống và rất nghiêm trọng Hiệp định Paris về Việt Nam và các Nghị định thư kèm theo. Có người còn bảo rằng đó là phiên họp rất đặc biệt vì hầu như mọi người dự phiên họp này đều có chung một cảm giác rằng: phía ta, Đoàn đại biểu quân sự Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam và Đoàn đại biểu quân sự Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà là chủ tọa của phiên toà, đọc hai bản “cáo trạng” kịch liệt lên án phía Mỹ và ngụy quyền Sài Gòn vi phạm hầu hết các điều khoản của Hiệp định Paris về Việt Nam; còn phía Mỹ và ngụy quyền Sài Gòn như những “bị cáo” ngậm đắng nuốt cay, buộc phải ngồi ghe sự phê phán nghiêm khắc của đối phương.

Trước khi chính thức họp, phóng viên báo chí, nhiếp ảnh, quay phim và vô tuyến truyền hình đã được vào ghi hình của phiên họp cuối cùng này.

Đánh giá tình hình hoạt động của Ban Liên hợp quân sự bốn bên trong 2 tháng qua, Trung tướng-Trưởng đoàn đại biểu quân sự Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam Trần Văn Trà, nêu rõ:

“Trong 60 ngày qua, Đoàn đại biểu quân sự Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam đã làm hết sức mình trong Ban Liên hợp quân sự bốn bên với thiện chí và lòng mong muốn các điều khoản của Hiệp định được nghiêm chỉnh và triệt để thực hiện.

Trái lại trong thời gian qua, phía Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn đã cố tình vi phạm và phá hoại có hệ thống và rất nghiêm trọng những điều khoản cơ bản và cấp bách nhất của Hiệp định. Họ chỉ thi hành những điều khoản có lợi cho họ và những điều khoản bắt buộc họ phải thi hành.

Như mọi người đều biết, vấn đề khẩn thiết nhất phải được thực hiện là ngừng bắn, đình chỉ chiến sự, chấm dứt chiến tranh. Về phần mình, các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam Việt Nam đã nghiêm chỉnh thực hiện các điều khoản ngừng bắn. Song, trái lại, được sự ủng hộ và đồng tình của Hoa Kỳ, chính quyền Sài Gòn vẫn tiếp tục chiến tranh tạo nên một tình hình hết sức căng thẳng và vô cùng nguy hiểm ở miền Nam Việt Nam. Cho đến nay, nhân dân miền Nam Việt Nam chưa được hưởng một ngày hoà bình mà còn phải chịu không biết bao nhiêu đau thương tang tóc.

Đối với các điều khoản của Hiệp định và Nghị định thư mà Hoa Kỳ có nghĩa vụ và trách nhiệm phải trực tiếp thi hành họ cũng vi phạm và chưa nghiêm chỉnh thực hiện. Hoa Kỳ đã chấm dứt các hoạt động quân sự trực tiếp của họ ở miền Nam, rút quân Hoa Kỳ và quân đồng minh nước ngoài của Hoa Kỳ ra khỏi miền Nam Việt Nam. Song họ không mang đi vũ khí và phương tiện chiến tranh, không chịu phá huỷ căn cứ quân sự. Họ đã chuyển nhiều nhân viên quân sự trá hình thành nhân viên dân sự. Họ đã ngang nhiên tuồn vũ khí và phương tiện chiến tranh một cách trái phép vào miền Nam Việt Nam. Rõ ràng là Hoa Kỳ vẫn tiếp tục dính líu về quân sự ở miền Nam Việt Nam dưới nhiều hình thức.

Về tự do dân chủ, ngay cả trong việc thông thường nhất như tự do đi lại làm ăn sinh sống, chính quyền Sài Gòn cũng không chịu thi hành một điều khoản nào.

Họ đã ráo riết thực hiện chương trình “Bình định”, mở hàng vạn cuộc hành quân càn quét, vây ráp, bắt bớ, kìm kẹp, khủng bố tàn sát nhân dân, đàn áp vô cùng man rợ những người hoạt động ủng hộ hoà bình, đòi tự do dân chủ và hoà hợp dân tộc.

Cho đến nay, chính quyền Sài Gòn chưa chịu trao trả một nhân viên dân sự nào trong số hàng chục vạn người mà họ đang giam giữ. Hoặc đưa ra xử án hàng loạt một cách trái phép, chuyển nhân viên dân sự thành thường phạm để dễ bề thực hiện âm mưu đen tối của họ. Vì họ mà đến nay, hàng chục vạn gia đình Ở miền Nam Việt Nam còn sống trong cảnh chia ly đau khổ, chưa được đoàn tụ.

Chính quyền Sài Gòn còn gây nhiều khó khăn trong việc trao trả các nhân viên quân sự của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam. Họ còn tìm cách giấu người không chịu trao trả hết.

Họ đã có nhiều hành động ngang ngược, phá hoại việc triển khai và hoạt động của Ban Liên hợp quân sự bốn bên và gây khó khăn trở ngại cho hoạt động của Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát.

Những hành động vi phạm và phá hoại đó đã phơi bày rõ ràng dã tâm và âm mưu của họ tiếp tục thực hiện chủ nghĩa thực dân kiểu mới của Hoa Kỳ Ở miền Nam Việt Nam, chia cắt lâu dài đất nước Việt Nam.

Từ trước đến nay, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam luôn tỏ rõ thiện chí và hết sức tự kiểm chế trước những hành động vi phạm, phá hoại Hiệp định của phía Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn”.

Trung tướng Trần Văn Trà đòi Chính phủ Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn đình chỉ mọi hoạt động vi phạm và phá hoại Hiệp định phải tôn trọng và triệt để thi hành tất cả các điều khoản của Hiệp định. Chính quyền Sài Gòn phải đảm bảo cho Ban Liên hợp quân sự hai bên mọi điều kiện như đã quy định trong Điều 26 và 17 của nghị định thư về các Ban Liên hợp quân sự và thực hiện đúng những điều đã thoả thuận trong Ban Liên hợp quân sự bốn bên về vấn đề này để tổ chức này có thể triển khai nhanh chóng và hoạt động có hiệu lực. Phải hợp tác và giúp đỡ Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát thực hiện mọi nhiệm vụ của uỷ ban này.

Tiếp theo bài phát biểu của Trung tướng Trần Văn Trà, trong phát biểu của mình, Thiếu tướng Lê Quang Hoà, Trưởng đoàn Đoàn đại biểu quân sự Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà nói:

“Trong 2 tháng qua, Ban Liên hợp quân bốn bên trung ương đã làm được một số việc như: Ra lời kêu gọi chung về củng cố ngừng bắn, phối hợp giữa các bên thực hiện trao trả những nhân viên quân sự của các bên và thường dân của nước ngoài của các bên bị bắt ở Việt Nam, hợp tác với Ủy ban Quốc tế và giám sát việc rút quân đội Hoa Kỳ và quân đội Nam Triều Tiên tại một số địa điểm và đi điều tra một số vụ ngừng bắn, thoả thuận được 11 điểm về thủ tục, về bảo đảm

các quyền ưu đãi và miễn trừ về ngoại giao cho các đoàn đại biểu trong Ban Liên hợp quân sự các cấp.

Tuy nhiên, công việc của Ban Liên hợp quân sự bốn bên còn vấp phải nhiều khó khăn, trở ngại. Nhiều vấn đề rất quan trọng chưa được giải quyết, nhiều Điều khoản của Hiệp định và Nghị định thư chưa được thực hiện. Tiếng súng chưa chấm dứt; việc trao trả nhân viên dân sự Việt Nam chưa tiến hành được. Việc triệt phá các căn cứ quân sự nước ngoài ở miền Nam Việt Nam chưa được thực hiện theo đúng Điều 6 của Hiệp định. Việc quy định vùng do mỗi bên kiểm soát ở miền Nam Việt Nam và những thể thức trú quân, các cửa khẩu và thể thức thay thế vũ khí, dụng cụ chiến tranh; việc quy định các hành lang, các tuyến đường và các quy định khác cho việc vận chuyển từ bên này qua vùng bên kia kiểm soát ở miền Nam Việt Nam đều chưa được giải quyết. Về mặt tổ chức triển khai bộ máy liên hợp xuống các khu vực và các tổ gặp nhiều khó khăn, hoàn toàn không được bảo đảm lại còn bị đe dọa nghiêm trọng, quyền ưu đãi miễn trừ không được thực hiện.

Thiếu tướng Lê Quang Hoà nêu rõ thái độ thiện chí và nghiêm chỉnh thi hành Hiệp định của Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà và Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam. “Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam đã làm rất tốt việc trao trả các nhân viên quân sự và dân sự nước ngoài khác bị bắt. Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam đã thực hiện đúng đắn việc trao trả nhân viên quân sự của chính quyền Sài Gòn.

Về hoạt động sắp tới của Ban Liên hợp quân sự hai bên trung ương, miền Nam Việt Nam, Thiếu tướng Lê Quang Hoà mong rằng trong thời gian tới, hai bên miền Nam Việt Nam trong Ban Liên hợp quân sự sẽ làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, tạo nên không khí thuận lợi hiểu biết lẫn nhau, thực hiện hoà giải và hoà hợp dân tộc, nhằm thực hiện triệt để ngừng bắn, củng cố hoà bình ngày càng vững chắc, thực hiện trao trả những nhân viên dân sự bị bắt và giải quyết những vấn đề cửa khẩu, hành lang, thay thế vũ khí... trên tinh thần hiểu biết lẫn nhau”.

Thiếu tướng Lê Quang Hoà một lần nữa khẳng định: “Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà và Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà” miền Nam Việt Nam tiếp tục thi hành triệt để Hiệp định Paris về Việt Nam và các Nghị định thư kèm theo và kiên quyết đòi Chính phủ Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn cũng phải thi hành triệt để như thế. Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà sẽ làm hết sức mình để hoà bình trên đất nước Việt Nam được củng cố vững chắc, để hoà bình và hoà hợp dân tộc được thực hiện, tiến tới một nước Việt Nam hoà bình, độc lập, dân chủ, thống nhất và phồn vinh mà toàn thể nhân dân Việt Nam thiết tha mong đợi”.

Đại tá Võ Đông Giang, Phó trưởng đoàn Đoàn đại biểu quân sự Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam một trong những người trực tiếp dự phiên họp cuối cùng này, đã có lần nói với tôi, đại ý rằng: Hội nghị trưởng đoàn là hoạt động thường xuyên và quan trọng nhất của hai đoàn ta. Mỗi cuộc họp là một cuộc đấu trí, đấu lý và đấu pháp quyết liệt giữa ta và đối phương. Nhưng mình thích nhất, khoái nhất là phiên họp cuối cùng của Ban Liên hợp quân sự bốn bên trung ương ngày 28 tháng 3. Cuộc họp này thể hiện rõ vị trí, thế mạnh của những người chiến thắng, thế yếu của kẻ chiến bại. Hai đoàn ta nổi bật lên hơn hẳn các cuộc họp trưởng

đoàn trước đó. Anh Trần Văn Trà và anh Lê Quang Hoà trở thành 2 nhân vật trung tâm, thu hút sự chú ý của hội nghị đặc biệt này. Anh Giang còn bảo: Vì đây là phiên họp nên gọi là bài phát biểu, nhưng thực tế chẳng khác nào 2 bản “cáo trạng” luận tội đối phương trong một “phiên toà”. Chính quyền Sài Gòn vừa muốn duy trì hội nghị với âm mưu thăm dò phía ta, nhưng cũng rất ớn những cuộc họp cấp trưởng đoàn mà phiên họp Ban Liên hợp quân sự bốn bên trung ương là phiên họp mà họ ớn nhất.

Hai bài phát biểu quan trọng này của Trung tướng Trần Văn Trà và Thiếu tướng Lê Quang Hoà, thông qua hệ thống thông tin vô tuyến (Tê-lê-típ) được chuyển trực tiếp ngay cho Thông tấn xã giải phóng và Thông tấn xã Việt Nam (hãng thông tấn tuy hai mà một, tuy một mà hai này) nhận để rồi từ đó cung cấp cho các cơ quan thông tin đại chúng khác như báo Nhân dân, Báo Quân đội nhân dân, Đài phát thanh tiếng nói Việt Nam; Đài phát thanh giải phóng... đăng tải hoặc phát thanh bằng tiếng Việt hoặc bằng nhiều thứ tiếng nước ngoài, nhất là tiếng Anh và tiếng Pháp... phối hợp đấu tranh chính trị và ngoại giao trên bàn hội nghị với dư luận trong nước và quốc tế.

Tại phiên họp cuối cùng này của Ban Liên hợp quân sự bốn bên trung ương ngày 28 tháng 3 năm 1973, Đoàn đại biểu quân sự Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam và Đoàn đại biểu quân sự Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà đã ghi đậm nét dấu ấn lịch sử trong cuộc đấu tranh chính trị ngoại giao trên bàn hội nghị không phải ở Paris Thủ đô nước Cộng hoà Pháp mà ở ngay giữa sào huyệt địch mà không ít người cho rằng khó tìm thấy trong các cuộc đấu tranh ngoại giao trên chính trường quốc tế.

N.H.Đ.

AI LÀ THỦ PHẠM VỤ THẨM SÁT “CAI LẬY”

Đại tá HÀ CÂN

Nguyên sĩ quan Đoàn đại biểu quân sự Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam.

Giữa tháng 3 năm 1974, vào giai đoạn ta và nguy căng nhau, không còn hội họp gì nữa thì xảy ra một vụ làm chấn động dư luận: Nguy quyền Sài Gòn vu cáo ta bắn đạn cối vào trường tiểu học cộng đồng Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay thuộc tỉnh Tiền Giang) làm chết và bị thương nhiều em học sinh.

Nguy quyền gửi công hàm cho Ủy ban Quốc tế đòi đi điều tra vụ này. Công hàm của nguy nói rõ đó là 1 quả đạn cối 82mm nhãn hiệu Trung Quốc.

Các báo Sài Gòn đưa tin này với sự bình luận khác nhau. Các báo tay sai nguy quyền chửi ta hết lời. Các báo khác lại nghi vấn, thắc mắc. Báo Đại dân tộc ra ngày 13 tháng 3 năm 1974 cho biết một phóng viên nhiếp ảnh đã bị canh giữ hết sức nghiêm ngặt và buộc phải đi xin phép tướng Nguyễn Vĩnh Nghi - Tư lệnh vùng 4 chiến thuật, mới được chụp ảnh hiện trường. Báo Hoà bình ngày 14 tháng 3 năm 1974 viết: Ngay sau khi được tin các phóng viên đã đến trường tiểu học

Cai Lậy, nhưng họ bị cấm ngặt không được chụp ảnh. Lúc có được phép, thì hiện trường đã được dọn dẹp để phi tang, không còn gì để chụp. Báo Thế giới (Le Monde) ngày 14 tháng 3 năm 1974 viết: Gần Cai Lậy pháo binh ông Thiệu vẫn thường bắn vào vùng đông dân. Các báo thắc mắc: Nếu nói là tội ác của Việt cộng, tại sao lại ngăn cản phóng viên đến tận nơi để phanh phui?

Một số anh em trong Tiểu ban Quân sự của Đoàn đại biểu quân sự Chính phủ Cách mạng lâm thời đặt vấn đề nghiên cứu: Tại sao đối phương khẳng định đó là 1 quả đạn cối 82mm? Tại sao địch đổ vạ cho ta mà lại muốn bịt mắt phóng viên báo chí? Ất là có vấn đề trong vụ này.

Chỉ huy đoàn ta đã điện về hỏi Bộ tư lệnh Miền về tình hình các căn cứ lờm của ta quanh thị trấn Cai Lậy. Mấy hôm sau, được “R” trả lời: Xung quanh thị trấn Cai Lậy, căn cứ gần chợ Cai Lậy nhất là 4km.

Cơ sở ta đã đến tận trường tiểu học xem xét hố đạn thì chỉ thấy “bằng cái bát ô tô” và nhiều vết mảnh đạn trên tường.

Tiểu ban quân sự đề xuất ý kiến: Đề nghị đoàn chấp nhận việc đi điều tra tại chỗ vì nghiên cứu những tư liệu đã có thì đây là một vụ mà đối phương dựng lên để vu cáo ta, che lấp tội ác của chúng. Mà đã dựng chuyện thì thế nào cũng có những điểm sơ hở. Ta có đi đến nơi thì mới phát hiện sơ hở để đập lại địch.

Quá trình trao đổi công hàm giữa ta và nguy cùng với Ủy ban Quốc tế cũng chứng tỏ ý đồ vu cáo của nguy.

Sự việc xảy ra ngày 9 tháng 3 năm 1974, đến ngày 11 tháng 3 năm 1974, phía nguy quyền gửi cho ta một công hàm yêu cầu điều tra mà không ghi rõ tên và chức vụ người ký. Đương nhiên đoàn ta không chấp nhận. Ngày 12 tháng 3 năm 1974, nguy bỏ phiên họp cấp trưởng đoàn.

Ngày 15 tháng 3 năm 1974, trong phiên họp cấp trưởng đoàn, ta phê phán thái độ không hợp tác của nguy quyền Sài Gòn. Ta gửi công hàm cho Ủy ban Quốc tế yêu cầu điều tra tại chỗ.

Ngày 18 tháng 3 năm 1974, Ủy ban Quốc tế gửi công hàm yêu cầu hai bên Việt Nam hợp tác điều tra - nguy quyền lần tránh.

Ngày 19 tháng 3 năm 1974, ta gửi công hàm cho nguy quyền đề nghị hai bên cử tổ sĩ quan cùng với Ủy ban Quốc tế đi điều tra.

Ngày 22 tháng 3 năm 1974, trong cuộc họp cấp trưởng đoàn, một lần nữa ta lại đề nghị đi điều tra, nhưng nguy quyền từ chối.

Ngày 25 tháng 3 năm 1974, người phát ngôn Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam ra tuyên bố. Đây là một vụ thăm sát hết sức dã man của nguy quyền Sài Gòn nằm trong âm mưu của chính quyền Sài Gòn nhằm đánh lạc hướng dư luận đang lên án Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn vi phạm ngày càng nghiêm trọng các điều khoản trọng yếu của Hiệp định Paris.

Cuối cùng, các bên thoả thuận ngày 30 tháng 3 năm 1974 Ủy ban Quốc tế sẽ đi điều tra, có sự tham gia của sĩ quan liên lạc hai bên Việt Nam.

Tôi được cử làm sĩ quan liên lạc với Tổ Quốc tế. Cùng đi với tôi có đồng chí Vũ Dũng, sĩ quan phiên dịch giỏi (nay là Thứ trưởng Bộ Ngoại giao). Trước khi đi, tôi đã trao đổi kỹ với đồng chí Đoàn Huyền về lý thuyết đường đạn. Anh Huyền là Phó tư lệnh Phòng không - Không quân phụ trách tên lửa, còn tôi đã học súng cối 120mm nên chúng tôi đã nhất trí những điểm cơ bản.

Chúng tôi mang theo máy ảnh và máy ghi âm. Trong cặp của hai chúng tôi đều có đựng thêm bìa các tông để làm mộc đỡ đòn, vì chắc chắn đối phương sẽ hành hung.

Tổ điều tra của Ủy ban Quốc tế do Đại tá Grôm-bô-sơ (Hungary) làm chủ tịch, các đoàn khác cũng do một đại tá dẫn đầu. Đoàn đi máy bay UH-1 đến Mỹ Tho, bổ sung thêm thành viên rồi từ Mỹ Tho bay đi Cai Lậy. Hai bên quốc lộ 4 (nay là quốc lộ 1), quang cảnh hoang vắng, ruộng đồng bỏ hoang. Máy bay hạ cánh xuống một đám đất trống phía đông thị trấn Cai Lậy rồi đi ô tô vào thị trấn. Trên đường rẽ vào trường tiểu học Cai Lậy có căng nhiều băng rôn đá đảo, vu cáo ta. Từng nhóm phòng vệ dân sự mặc đồ đen hò hét, yêu cầu dân chúng hô khẩu hiệu đá đảo Việt cộng.

Tất cả các thành viên của tổ điều tra đều ngồi trên xe Scout hoặc Jeep có sơn chữ ICCS.

Bước vào sân trường Cai Lậy, tôi chú ý tìm ngay cái gọi là 'hố đạn cối 82mm'. Nếu không có cái biển đánh dấu thì không thể biết đó là cái "hố đạn" vì nó nông choèn, chỉ cần lấy mũi giày đá vài cái là có thể thành một cái hố như vậy. Thấy ngay đây không phải là một hố đạn cối vì nó không tròn, trái lại là hình bầu dục, dài 40cm, rộng 20cm, sâu 5cm, tôi chụp ảnh cái hố đó.

Quan sát các bức tường: phía nam không có dấu vết gì, nhưng tường phía đông "hố đạn" chỉ chít vết nhỏ bằng đầu đũa, có thể là mảnh đạn cộng với đất đá bắn lên.

Những điều quan sát được đã cùng cố giả thiết "không phải là đạn cối 82mm" mà tiểu ban quân sự của ta đã xác định.

Hơn 10 giờ, tổ điều tra bắt đầu làm việc cũng có tranh cãi giữa vị đại biểu có "cảm tình với nguy quyền Sài Gòn" với Chủ tịch Ủy ban Quốc tế, nhưng rồi cũng nhất trí: "Hôm nay là cuộc điều tra chính thức của Ủy ban Quốc tế. Sau khi điều tra ở trường học sẽ đến bệnh viện thăm các em học sinh bị thương, xem bệnh án trong ngày hôm nay".

Sau khi xem hiện trường, bắt đầu hỏi nhân chứng: Hiệu trưởng trường tiểu học Cai Lậy nói "Đang ngồi làm việc trong phòng, nghe thấy nổ quá lớn, khói tràn vào phòng, định thần lại thấy mình còn sống. Chạy ra sân thấy học sinh nằm sắp lớp, số bị thương nhẹ chạy vào văn phòng trường, chạy ra sân đến chỗ "hố đạn", lượm được cái đuôi đạn cối 82mm ở ngay tại hố nổ". Trời đất ơi, một hiện tượng chưa từng có: Một quả đạn cối nổ, đuôi văng thẳng đứng rồi rơi xuống đúng cái hố nổ, nơi quả đạn chạm đất. Ông hiệu trưởng này đã bị lòi đuôi là kẻ vu khống. Khi bị tôi vặn hỏi, ông ta lại khẳng định:

- Tôi không lạ gì đạn cối 82mm nhãn hiệu Trung Quốc, trước tôi đi lính đã từng thấy, và đúng là tôi đã nhặt được cái đuôi đạn tại hố này.

Người thứ hai là quận trưởng Cai Lậy, Trung tá Lê Văn Lý. Khi Chủ tịch Tổ Quốc tế hỏi: “Xin ông cho biết cự ly từ trường tiểu học Cai Lậy đến vùng kiểm soát của Chính phủ Cách mạng lâm thời”, y dương dương tự đắc: ở quận Cai Lậy không có vùng kiểm soát của Mặt trận giải phóng, nhưng rồi thấy hổ, y vội chữa: Nhưng có du kích hoạt động! Khi một sĩ quan quốc tế hỏi: Ai báo cho ông biết tai nạn và lúc nào thì ông đến hiện trường? Tên thông dịch nguy hiểm láo là:

- Ông có cho là tiếng nổ đó do giải phóng pháo kích không?

Đồng chí Vũ Dũng phiên dịch của đoàn ta đã chỉnh đốn ngay tên thông dịch và nói cho tổ điều tra biết là nó dịch láo. Trước đó, đồng chí Dũng cũng đã chỉnh một nữ thông dịch không dùng đúng từ ngữ của Hiệp định làm cô đó sợ quá phải xin thay người khác.

Một sĩ quan quốc tế móm lời:

- Xin ông cho biết ai pháo kích và từ hướng nào?

Một lần nữa tên quận trưởng lại khoác lác: “Không cần phải suy nghĩ, ai cũng biết là Việt cộng pháo kích và bắn từ hướng đông bắc tới”.

Tôi phản đối y dùng từ ngữ sai Hiệp định và yêu cầu phải nói đúng, y tiếp tục khai đúng là cối 82mm tạo thành hố đạn hình bầu dục và đuôi văng về phía tây hồ nổ.

Khi được đề nghị giải thích thêm về hướng bắn, tên quận trưởng lại có dịp phô trương “bản lĩnh” của mình, liền vẽ trên bảng đen để giảng giải: Xem dấu đạn nổ chuỗi xuống, mảnh đạn văng ra, đằng trước nhiều nên tôi xác định được hướng bắn. Điều này trái với lý thuyết đạn cối nên các thành viên Tổ Quốc tế đều cười ồ!

Tôi đã chụp ảnh hình vẽ “minh hoạ” của tên quận trưởng vì thấy “hay” quá: Đường đạn súng cối mà nó vẽ y hệt đường đạn pháo bắn thẳng. Cuộc hỏi nhần chứng kết thúc lúc 15 giờ 10.

Thấy bị “bể”, không còn cách nào lấp liếm khác hơn là phá vỡ cuộc điều tra, chúng giở ngón nhà nghề “bảo bối” của bọn nguy quân, nguy quyền là hành hung.

Bước ra cửa phòng họp, đã thấy một đám lưu manh và phòng vệ dân sự mặc đồ đen từ một trụ sở cảnh sát xông ra hò hét, chửi bới. Chỉ vào Đại tá Hungary và chúng tôi, chúng nó gào lên: Mấy thằng đầu sỏ Cộng sản đó, đánh cho một trận! Bọn còn đồ tập trung tấn công vào xe chúng tôi, chửi, ném đá và cản xe, một thằng mặc quần áo đen, bê một tảng đá to bằng một cái mũ cối, đập vào cửa kính bên phải xe. Tôi nói to: Dũng lấy cặp da đỡ, hòn đá bật ra ngoài. Mảnh kính vỡ, cửa vào cổ làm chảy máu ở cổ Trung tá Iran ngồi sát cửa. Tôi lấy ngay bông, băng dính mang theo để cầm máu cho vị trung tá. Nếu đồng chí Dũng không đỡ được cú đó thì chắc chắn cái đầu của vị Trung tá Iran đã vỡ toác.

Trung tá Novak (Hungary), ngồi bên trái, lấy nắm đấm đập vào đầu lái xe, giục nó cho xe chạy. Các xe khác của Tổ Quốc tế cũng có những cảnh giằng co, nhưng không mạnh bằng chỗ xe chúng tôi. Trong lúc bọn còn đồ hành hung, cản xe, cảnh sát và lính nguy chỉ đứng nhìn, không can thiệp, còn sĩ quan liên lạc nguy thì tránh mặt.

Như đã dự kiến, lúc rời phòng họp, tôi đã gửi máy ảnh và máy ghi âm cho Trung tá Novak, đề phòng tội nguy có thể cướp giật thì mình mất hết tư liệu.

Các đồng chí Hungary có ý thức bảo vệ chúng tôi, thu xếp cho Dũng và tôi ngồi ghế sau, bên trái là Trung tá Novak bên phải là Trung tá Iran. Không hề trao đổi trước với nhau, nhưng các đồng chí Hungary và chúng tôi đều đã đề phòng.

Trở về Mỹ Tho, chúng tôi đề nghị tổ điều tra hợp phản đối nguy quyền Sài Gòn.

Chủ tịch Tổ Quốc tế lên án Việt Nam cộng hoà tổ chức cuộc hành hung, cho nên Tổ Quốc tế dừng cuộc điều tra.

Chúng tôi cũng lên án nguy tổ chức hành hung thành viên Tổ Quốc tế và sĩ quan liên lạc của Chính phủ Cách mạng lâm thời và nêu rõ là:

1. Khu vực trường tiểu học Cai Lậy được canh gác kỹ, xảy ra vụ hành hung là do nhà chức trách nguy quyền sắp xếp.
2. Cảnh sát và binh sĩ nguy không hề ngăn cản mà còn kích động bọn côn đồ ném đá làm bị thương 1 sĩ quan Iran.
3. Sĩ quan liên lạc Việt Nam cộng hoà tránh mặt.
4. Lái xe là người của Việt Nam cộng hoà bố trí, cố tình không cho xe chạy để bọn côn đồ hành hung.

Về đến ga Ủy ban Quốc tế ở sân bay Tân Sơn Nhất, chúng tôi phải ở lại chờ xe ô tô ra đón đưa về trại. Đồng chí Novak chờ khi có xe ra đón chúng tôi mới đưa trả máy ảnh và máy ghi âm tôi đã gửi. Thật chu đáo.

Trong cuộc họp báo vài ngày sau đó, tôi được đồng chí Võ Đông Giang giới thiệu trình bày: Sự thật về vụ thảm sát Cai Lậy.

Trước đông đảo các nhà báo quốc tế và trong nước, chúng tôi đã trình bày những ý kiến, những tư liệu thu thập được trong cuộc điều tra, những chỗ vô lý trong lời vu khống của quận trưởng Cai Lậy, mâu thuẫn giữa hai nhân chứng về vị trí đuôi đạn cối 82mm, mâu thuẫn ngay trong sự huênh hoang của quận trưởng Cai Lậy (đã hoàn toàn kiểm soát toàn quận, tại sao lại để du kích pháo kích vào quận lỵ giữa ban ngày)? Thái độ không hợp tác của phía Việt Nam cộng hoà với Ủy ban Quốc tế, tổ chức bọn côn đồ hành hung sĩ quan quốc tế và sĩ quan liên lạc của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam.

Kết luận rõ ràng là: Nguy quyền Sài Gòn đã gây ra vụ nổ thảm sát học sinh trường tiểu học Cai Lậy, rồi đổ vấy cho phía Chính phủ Cách mạng lâm thời, lại phá cuộc điều tra của Ủy ban Quốc tế.

Tất cả các nhà báo đã hiểu đầy đủ, cặn kẽ, không có ai hỏi gì thêm.

Toàn bộ bản tường trình hôm đó đã được Thông tấn xã Việt Nam phát đi. Phòng thông tin của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam ở Paris đã in thành 1 tập nhỏ: “Qui est l’auteur du massacre de Cai Lậy” (Ai là thủ phạm vụ thảm sát Cai Lậy) để góp phần đấu tranh dư luận.

VỤ ĐIỀU TRA CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN VI PHẠM NGỪNG BẮN TẠI KHU VỰC PHẬT ĐÁ - SÁU ÀU

NGUYỄN QUANG BIỂU

Nguyên phiên dịch của Phái đoàn Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam trong Ban Liên hợp quân sự hai bên.

Những ai đã từng sống, chiến đấu ở Quân khu 8 thời kỳ sau Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh và lập lại hoà bình ở Việt Nam khoảng tháng 3 tháng 4 năm 1973, chắc không lạ gì khu vực giải phóng Phật Đá - Sáu Àu thuộc tỉnh Kiến Tường xưa.

Mặc dù đã ký Hiệp định, nhưng chính quyền Sài Gòn không muốn thi hành. Hiệp định chưa ráo mực, chúng đã tiến hành chiến dịch “tràn ngập lãnh thổ” trên khắp chiến trường miền Nam, nhằm lấn chiếm những vùng giải phóng của ta, đánh bật quân ta ra khỏi những khu vực “lõm” mà ta đã đứng chân từ lâu; hoặc dùng không quân, pháo binh bắn phá vùng giải phóng, gây thương vong cho ta. Khu vực Phật Đá - Sáu Àu thuộc tỉnh Kiến Tường là một trong những khu vực nằm trong diện này.

Nhằm tố cáo trước dư luận quốc tế hành động lấn chiếm lãnh thổ, bắn phá vùng giải phóng, phá hoại Hiệp định của chính quyền Sài Gòn, ta quyết định chọn một vài vụ điển hình, yêu cầu uỷ ban Quốc tế đi điều tra để đưa hành động vi phạm Hiệp định của bè lũ Mỹ - ngụy ra ánh sáng. Trong hàng trăm trường hợp như thế, ta đã chọn trường hợp ở Phật Đá - Sáu Àu.

Đồng chí Trung tá Quốc Khánh (Sáu Khánh) Tham mưu phó quân khu, được lệnh triệu tập lên Lộc Ninh, rồi từ Lộc Ninh vào Tân Sơn Nhất bằng máy bay trực thăng liên lạc tuần 2 chuyển Sài Gòn - Lộc Ninh để báo cáo tình hình với phái đoàn Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam trong Ban Liên hợp quân sự hai bên trung ương Tân Sơn Nhất và làm công tác chuẩn bị cho cuộc điều tra.

Tổ sĩ quan liên lạc của phái đoàn ta được lựa chọn đi xuống thị xã Mỹ Tho thuộc tỉnh Kiến Tường để cùng tổ uỷ ban Quốc tế khu vực VI điều tra vụ vi phạm ngừng bắn này gồm Trung tá Sáu Khánh làm tổ trưởng, thiếu tá Việt Hương thuộc Tiểu ban Quốc tế, một đồng chí ở Tiểu ban thông tấn báo chí và tôi làm phiên dịch. Phía ngụy lấy sĩ quan liên lạc tại chỗ. Chúng tôi dự kiến có thể có 2 phương án xảy ra để lãnh đạo đoàn thông qua làm cơ sở trao đổi với các đồng chí Hungary và Ba Lan (hàng sáng phái đoàn ta đều có giao ban với sĩ quan liên lạc Phái đoàn Hungary và Ba Lan trong uỷ ban Quốc tế để phối hợp hành động):

Phương án 1: Xuống Kiến Tường, phía ngụy có thể chấp nhận cùng uỷ ban Quốc tế tiến hành điều tra. Tình huống này khó có thể xảy ra (kinh nghiệm cho hay, từ ngày Uỷ ban Quốc tế chính thức hoạt động chưa có cuộc điều tra vi phạm lệnh ngừng bắn nào thành công).

Phương án 2: Xuống Kiến Tường, ngụy sẽ kiên quyết phá, không đi điều tra, lấy lý do an ninh không bảo đảm, hoặc bất kỳ một lý do nào đấy miễn là sĩ quan liên lạc của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam chỉ dừng ở Mỹ Tho không dẫn uỷ ban Quốc tế đi khu vực Phật Đá - Sáu Àu được, như vậy cuộc điều tra sẽ thất bại. Khả năng này xảy ra là nhiều, nhưng nếu nó xảy ra tổ sĩ quan liên lạc của ta phải cùng các đồng chí Hungary và Ba Lan trong tổ

Ủy ban Quốc tế khu vực VI ghi bằng được trong biên bản là phía nguy đã cố tình phá hoại cuộc điều tra.

Chúng tôi được máy bay trực thăng UH-1 của nguy chở xuống căn cứ quân sự Đồng Tâm, sau đó đi xe ô tô vào thị xã Mỹ Tho, đến khách sạn Mỹ Cảnh để tham gia họp với uỷ ban Quốc tế. Bước xuống xe để đi vào khách sạn, tôi thấy dân chúng vây quanh chật kín lối vào để xem quân giải phóng như thế nào, có phải gầy như phía nguy thường tuyên truyền “bảy tên Việt cộng treo lên một cọng đu đủ mà không gãy”. Đồng chí Sáu Khánh to, mập, trắng trẻo, đầu húi cua, khoảng 65-67kg, anh Việt Hương, cao 1m70 nhưng không gầy, còn đồng chí thông tấn và tôi năm đó mới 26-27 tuổi, dân ngoài Bắc mới vào, đang sức ăn sức ngủ, da dẻ hồng hào trắng trẻo, đẹp trai. Chúng tôi đều mặc quân phục giải phóng may bằng vải Tô Châu, có cầu vai, đầu đội mũ cối Trung Quốc, có ngôi sao trên nền nửa đỏ, nửa xanh, vai đeo xác-cốt da, chân đi giày da đen sĩ quan của Liên Xô. Chưa bao giờ người dân thị xã Mỹ Tho lại được chứng kiến một đội quân giải phóng dù chỉ có bốn người lại đang hoảng giữa ban ngày tiến vào khách sạn dành cho Ủy ban Quốc tế. Tôi đi mà vẫn cảm nhận thấy có nhiều ánh mắt tò mò, đầy ngạc nhiên, xen lẫn sự khâm phục dõi theo. Có nhiều tiếng nói của người dân đứng hai bên đường trầm trồ ca ngợi: “Việt cộng béo khỏe, đẹp trai quá”. Chúng tôi đồng loạt ngả mũ cối vẫy chào. Đám đông được thể xô đẩy, chen lấn, muốn tiếp cận chúng tôi gần hơn, nhưng ngay lập tức bị một trung đội cảnh sát nguy được huy động đến bao vây khách sạn, giải tán đám đông.

Họ hoảng sợ, không muốn dân chúng tiếp cận, nói chuyện với chúng tôi.

Các đồng chí Hungary và Ba Lan đã được báo trước, ra cổng khách sạn, dẫn chúng tôi vào trong phòng họp. Phiên họp do phái đoàn Hungary làm chủ tịch điều khiển. Viên đại tá tỉnh trưởng năng nặc yêu cầu Ủy ban Quốc tế không cho đoàn chúng tôi ở tại khách sạn Mỹ Cảnh mà phải ra ở căn cứ Đồng Tâm cùng với sĩ quan liên lạc của họ. Đồng chí Sáu Khánh bác bỏ thẳng thừng đòi hỏi vô lý đó, với lý do trong giấy công tác mà Ban Liên hợp quân sự hai bên cấp cho đoàn chúng tôi có chữ ký của trưởng đoàn hai bên ghi rõ: tổ sĩ quan liên lạc của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam sẽ ở tại khách sạn Mỹ Cảnh, thị xã Mỹ Tho, tỉnh Kiến Tường trong suốt thời gian điều tra. Cuộc họp giằng co, kéo dài gần hết buổi chiều, không ngã ngũ. Đứng trước tình hình đó, chúng tôi hội ý với các đồng chí Hungary nhận định: phía nguy sẽ cố tình ngăn cản Ủy ban Quốc tế không cho đi điều tra, đồng thời đề nghị 2 phái đoàn Hungary và Ba Lan phối hợp hành động. Trong cuộc họp tiếp theo, phái đoàn Hungary với tư cách là chủ tịch tuyên bố nếu sĩ quan liên lạc của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam ra ở tại căn cứ Đồng Tâm thì ngay lập tức cả phái đoàn Hungary sẽ bỏ sang ở khách sạn khác và sẽ không thanh toán tiền ăn ở của phái đoàn từ trước đến nay, đồng thời sẽ chỉ mặt, chỉ tên những nhân viên CIA được cài vào khách sạn nhằm mục đích theo dõi hai phái đoàn Hungary và Ba Lan. Chúng tôi nghe lời tuyên bố đó mà sững trong lòng. Còn phái đoàn Canada và Indonesia thì đầu dụi.

Với những lý lẽ sắc bén, danh thép và thái độ cương quyết của đoàn chúng tôi và của các đồng chí Hungary, viên đại tá tỉnh trưởng hết sức cay cú, đành rút lui, nhưng ra lệnh điều thêm lực lượng cảnh sát đến bao vây khách sạn “nội bắt xuất, ngoại bắt nhập”, không cho đoàn chúng tôi ra

ngoài mua đồ ăn, không cho khách sạn bán bất kỳ thức gì cho đoàn chúng tôi, kể cả nước giải khát và thuốc lá Mọi sinh hoạt đều phải nhờ vào các đồng chí Hungary. Các đồng chí đó cho chúng tôi mượn túi ngủ đã chiến trải xuống nền nhà ngủ vì khách sạn được lệnh không bố trí phòng, cho chúng tôi ăn đồ hộp dự trữ vì không mua được đồ ăn.

Sang đến ngày thứ hai tình hình không có gì chuyển biến, phía nguy vẫn đòi chúng tôi ra ở căn cứ Đồng Tâm. Rõ ràng phía họ đã ra mặt phá bình, không thực hiện cam kết tạo điều kiện cho uỷ ban Quốc tế và sĩ quan liên lạc của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam tiến hành điều tra.

Cái thứ đồ hộp ăn một bữa còn chịu được, ăn liền vài bữa không có rau xanh thấy xót ruột. Ở trên đất mình mà lại chịu nhịn đói, nhịn khát, có tiền trong túi mà không ra ngoài mua được đồ ăn, thức uống. Đầu giờ chiều anh Sáu Khánh cho gọi tôi, đưa tôi một ít tiền và bảo tìm cách mua mấy ổ bánh mì ba tẻ có rau và dưa chuột để tối ăn. Tôi đi xuống tầng hai định tìm một đồng chí Hungary nhờ mua hộ nhưng không thấy, chỉ thấy hai sĩ quan Indonesia đang thi đấu bóng bàn. Tôi bèn đứng xem. Cùng xem còn có 4-5 nhân viên khách sạn tuổi chừng 17-18, cả trai lẫn gái. Họ chăm chú theo dõi và trầm trồ khen ngợi mỗi khi đôi bên có những quả đập hay. Kết thúc séc đấu, viên sĩ quan Indonesia thắng cuộc, đưa vợt, mời tôi thi đấu. Tôi chấp nhận vì ở phái đoàn Tân Sơn Nhất tôi cũng là cây vợt có thứ hạng, đôi khi chúng tôi cũng tổ chức thi đấu với Uỷ ban Quốc tế. Chỉ có khác là hôm nay thi đấu tại một khách sạn vùng địch chiếm đóng có khán giả trẻ tuổi là các em nhân viên khách sạn đứng xem cổ vũ. Tôi xác định phải thắng, không thể nào thua được vì thể diện của quân giải phóng trước khán giả vùng địch chiếm đóng. Vừa đánh tôi vừa quan sát nét mặt của các em cổ vũ, thấy họ từ ngạc nhiên, trầm trồ, đến vui mừng hớn hở, khi tôi kết thúc trận đấu với tỉ số 3-2 nghiêng về tôi. Tôi nghĩ bụng dịp may đã đến, mình có thể nhờ mấy em này mua hộ bánh mì ba tẻ có rau sống đây. Tôi trả vợt, cảm ơn viên sĩ quan Indonesia, tôi mời một em lại gần và nói:

- Tôi nhờ mấy em mua giúp mấy cái bánh mì kẹp thịt có rau sống và mấy lon nước ngọt để tối ăn.

Em ngần ngại và trả lời:

- Giám đốc khách sạn cấm không mua, không bán đồ cho mấy ông. Tụi tôi mua hộ, ông phát hiện thì mất việc. Nói xong em chạy lại với đám bạn bè. Tôi thất vọng định quay lên gác nhưng lại thấy 2 em, một trai, một gái tiến lại gần và nói:

- Chúng cháu đã bàn với nhau và quyết định có thể mua giúp chú. Thế chú mua mấy cái?

- Sáu bánh mì ba tẻ có rau sống và sáu lon nước ngọt. Tôi đưa tiền cho các em và nhanh chóng lên báo cáo anh Sáu Khánh. Đợi một lúc thấy hai em mang bánh mì và nước ngọt vào phòng. Anh Sáu Khánh vui ra mặt, cảm ơn và bắt tay các em. Như vậy là giữa vòng vây dày đặc của cảnh sát, với lệnh nghiêm cấm không giao lưu, không bán đồ, không mua đồ cho Việt cộng, bốn sĩ quan liên lạc của ta vẫn có đủ bánh mì ba tẻ kẹp rau sống và nước ngọt thưởng thức. Ở thế giới đã có ngoại giao bóng bàn, còn ở đây đoàn chúng tôi đã phá cấm vận của địch cũng bằng ngoại giao bóng bàn.

Đúng lúc đó các đồng chí Hungary báo biên bản làm việc của Ủy ban Quốc tế đã thảo xong, có chữ ký của bốn trưởng đoàn Ủy ban Quốc tế, phản đối chính quyền Sài Gòn, mượn cơ không bảo đảm an ninh, không hợp tác với Ủy ban Quốc tế, trì hoãn điều tra, vi phạm Hiệp định. Đúng là như dự kiến ban đầu, dù cuộc điều tra không được tiến hành, do có sự phá hoại của phía nguy, nhưng ta đã ghi được điểm trước dư luận quốc tế. Như vậy mục tiêu của đoàn giao cho, tổ sĩ quan liên lạc chúng tôi đã hoàn thành xuất sắc.

Để cảm ơn sự đùm bọc và hợp tác chân tình của các đồng chí Hungary và Ba Lan, trước khi rời khách sạn Mỹ Cảnh về Tân Sơn Nhất, anh Sáu Khánh đã yêu cầu giám đốc khách sạn chuẩn bị một bữa chiêu đãi để mời chung Ủy ban Quốc tế. Bữa chiêu đãi chia tay để lại nhiều ấn tượng tốt đẹp. Đoàn chúng tôi trở về Tân Sơn Nhất với tâm trạng phấn khởi đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong đó không bao giờ quên sự đùm bọc, giúp đỡ quý báu của các đồng chí Hungary và Ba Lan ở khu vực Mỹ Tho.

Hà Nội tháng 4 năm 2004

N.Q.B

TRẠI DAVIS “ỐC ĐẢO CÁCH MẠNG”

NGUYỄN HỒNG VIỆT

Ghi theo lời kể của Đại tá Đào Chí Công.

Trại Davis, báo chí ngày đó gọi là “ốc đảo cách mạng”. Nơi đây đã diễn ra cuộc đấu trí, đấu lý căng thẳng và quyết liệt cho đến ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng đất nước thống nhất.

Suốt từ năm 1973 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975, các phái đoàn của ta trong Ban Liên hợp quân sự bốn bên và hai bên đã diễn ra nhiều cuộc họp báo, là một bộ phận của mặt trận đấu tranh dư luận góp phần buộc Mỹ - nguy phải thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định Paris. Có lẽ sôi nổi nhất là những ngày cuối tháng 4 năm 1975, phái đoàn của ta theo dõi tin chiến thắng của quân giải phóng qua radio để tiếp tục đấu tranh với kẻ thù trên thế thắng của chiến trường. Tin chiến thắng trên chiến trường là niềm cổ vũ động viên cán bộ, chiến sĩ ở trại kiên quyết tấn công kẻ thù. Càng những ngày cuối tháng 4 không khí ở trại Davis càng sôi động. Trái tim mọi người rạo rực, tuy không ai bộc lộ qua cử chỉ, nét mặt, giữ không khí sinh hoạt bình thường, không để cho địch nghi ngờ, đồng thời bí mật đối phó với mọi tình huống có thể xảy ra.

Thời gian này, nguy quân đặt thêm các trạm gác để quan sát mọi hoạt động bên trong trại. Để che mắt kẻ thù, mọi người vui mừng trước chiến thắng chỉ thông qua ánh mắt, nhiều lúc muốn reo lên nhưng lại im lặng.

Quân uỷ Trung ương và Bộ chỉ huy quân sự Miền rất quan tâm và lo lắng đến việc bảo vệ an toàn tuyệt đối cho cán bộ, chiến sĩ ta trong trại Davis. Cùng với chiến thắng của quân giải phóng trên chiến trường, từ ngày 18 tháng 4 cán bộ, chiến sĩ trong trại Davis chuẩn bị các phương án chiến đấu. Suốt đêm ngày, lợi dụng máy bay địch ở sân bay Tân Sơn Nhất khởi động, cất cánh, anh em tranh thủ cắt sành nhà để chui xuống hào hầm (nhà ở trong trại Davis được dựng tạm, sành

gỗ và lợp tôn hoặc fibrô xi măng). Xềng cuốc không đủ anh em phải dùng lưỡi lê, dao găm, cộc màn bằng sắt đập dẹt làm xà beng. Nhiều chỗ đất cứng phải đổ nước cho mềm, dễ đào. Thế là chỉ trong thời gian ngắn trong trại Davis đã hình thành hệ thống hầm hào, công sự liên hoàn, có hầm chỉ huy, hầm quân y.

Ngày thứ bảy hàng tuần trong tháng 4 các cuộc họp báo của đoàn ta vẫn diễn ra đều đặn, cuộc họp báo vào sáng thứ bảy ngày 26 tháng 4 năm 1975 có rất đông các nhà báo quốc tế. Hơn 100 nhà báo tới dự. Không còn đủ chỗ họ phải đứng ra ngoài cửa chăm chú theo dõi cuộc họp báo do Đại tá Võ Đông Giang, Phó trưởng đoàn của ta chủ trì xem có điểm gì mới về chiến sự trên chiến trường. Nhiều nhà báo thăm dò xem quân giải phóng có tiến công vào Sài Gòn không. Có một nhà báo quốc tế không giấu được ý định đã hỏi Đại tá Võ Đông Giang:

- Thưa đại tá, các ông có tiến công vào Sài Gòn - Gia Định không?

Đại tá Võ Đông Giang trả lời:

- Rất tiếc là Bộ chỉ huy của chúng tôi không có thói quen nói trước ý định của mình?

Câu trả lời hóm hỉnh, chứa đựng nhiều ý nghĩa khiến các nhà báo không hỏi thêm điều gì. Và cũng chính họ cũng hiểu rõ điều gì sắp xảy ra. Trong giờ giải lao, các nhà báo tranh thủ xin chụp ảnh kỷ niệm với cán bộ chiến sĩ ta. Vì biết đâu, đây là buổi họp cuối cùng của đoàn ta tại trại Davis. Và quả đúng như vậy.

Đêm 28 tháng 4, mọi người trong đoàn được lệnh xuống hầm, sẵn sàng ở vị trí chiến đấu... Gần sáng pháo binh của ta bắn vào các mục tiêu quân sự của địch, càng lúc pháo càng cấp tập. Nằm dưới hầm mọi người nghe rõ tiếng đạn pháo rít trên đầu.

Trưa ngày 29 tháng 4 có một đoàn khách đến trại giới thiệu là phái viên của phó tổng thống Sài Gòn Nguyễn Văn Huyền đến xin gặp trưởng đoàn ta. 14 giờ 30 phút lại có một đoàn khách, 17 giờ 30 phút đoàn khách thứ 3 gồm ba người khẩn khoản xin được gặp trưởng đoàn ta. Ba vị khách đó là luật sư Trần Ngọc Liễn, ông Châu Tâm Luân và linh mục Chân Tín. Ba vị khách được mời xuống hầm để bảo đảm an toàn, đều trở mắt ngạc nhiên trước hệ thống công sự, hầm hào mới được đào. Sau khi lấy lại bình tĩnh, ba vị khách cho biết họ được ông Dương Văn Minh mới lên nhận chức tổng thống chính quyền Sài Gòn cử đến gặp Đại tá Võ Đông Giang đề nghị trình với thượng cấp thương lượng để tránh thương vong và đổ nát cho Sài Gòn khi quân giải phóng tiến vào. Đại tá Võ Đông Giang giải thích rõ chính sách của ta cho ba vị và yêu cầu nói với ông Dương Văn Minh phải đầu hàng. Bây giờ không còn gì để bàn, mọi vấn đề đã được Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam khẳng định rõ trong tuyên bố ngày 26 tháng 4 năm 1975.

Các vị khách đã hiểu rõ lập trường của ta nên xin phép trở về Sài Gòn nhưng lúc này pháo ta đã bắn vào các mục tiêu quân sự càng cấp tập nên ba vị phải ở lại một đêm trong trại Davis.

Rạng sáng ngày 30 tháng 4 năm 1975, chúng tôi nghe rõ tiếng gầm rú của xe tăng Quân Giải phóng vượt qua sân bay Tân Sơn Nhất tiến vào trung tâm Sài Gòn. Rồi tiếp đó là bộ đội giải phóng rầm rập tiến quân qua đường trước cổng trại Davis. Lúc này tất cả cán bộ, chiến sĩ đều

nhảy lên reo hò sung sướng. Chúng tôi ôm nhau trong niềm hân hoan, đôi mắt nhoà lệ. Bên ngoài trại Davis không còn một bóng tên lính nguy. Mặt đường la liệt quần áo, giày dép, mũ sắt, súng đạn... 9 giờ 30 phút đồng chí Hoàng Anh Tuấn và đồng chí Võ Đông Giang tiễn ba vị khách đã qua đêm trong trại Davis về Sài Gòn thì gặp một đơn vị Quân Giải phóng áo nhuộm đỏ bụi đường, nét mặt rạng rỡ. Được chứng kiến tận mắt đội quân hùng dũng tiến vào thành phố, linh mục Chân Tín xúc động, dang rộng hai tay nói to: “Đây, giờ phút sung sướng nhất của dân tộc chúng ta”.

Cả đêm 30 tháng 4 năm 1975 hoà trong không khí đại thắng của quân dân ta, cán bộ, chiến sĩ trong trại Davis thức thâu đêm cho tới lúc này mọi người thoả sức reo hò.

Với chiến thắng 30 tháng 4 năm 1975, đoàn ta tại trại Davis chấm dứt nhiệm vụ.

Hơn ba mươi năm trôi qua, kỷ niệm những năm tháng Ở trại Davis không bao giờ phai mờ trong ký ức của cán bộ, chiến sĩ. Không trực tiếp cầm súng nhưng bằng trí thông minh linh hoạt nhạy bén, hai đoàn của trại Davis đã góp phần vào chiến thắng chung của dân tộc.

Trại Davis hôm nay chỉ còn dấu vết không thể nhận ra. Mong “ốc đảo cách mạng” được tôn tạo thành di tích lịch sử.

TRẠI DAVIS MỘT ĐỊA DANH KHÔNG THỂ NÀO QUÊN

Đại tá TẠ HÙNG

Nguyên là sĩ quan trong Đoàn đại biểu quân sự Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam

Trong mặt trận đấu tranh ngoại giao sau Hiệp định Paris, có một cái tên - một địa danh - tuy nhỏ nhưng cũng đã ghi lại một dấu ấn đáng nhớ của những người lính làm nhiệm vụ đấu tranh thi hành Hiệp định Paris giữa sào huyệt của địch.

Cái địa danh đó là “DAVIS CAMP” (Trại Davis) là trụ sở của Ban Liên hợp quân sự bốn bên rồi hai bên sau Hiệp định Paris về Việt Nam.

Là người vinh dự được tham gia từ đầu đến cuối đơn vị đặc biệt này và sau đó tham gia Ủy ban Quân quản Sài Gòn - Gia Định, tôi muốn nhân dịp này - dịp kỷ niệm 30 năm giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà - xin kể lại với bạn đọc một số kỷ niệm của thời kỳ đầu với ấn tượng sâu sắc không thể nào quên.

CUỘC HÀNH QUÂN VÀO TRẠI DAVIS

Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam sắp được ký kết. Trong Hiệp định có vấn đề thành lập uỷ ban Liên hợp quân sự bốn bên và hai bên ở Trung ương (Sài Gòn) và các khu vực ở miền Nam Việt Nam. Lúc đó, tôi đang công tác tại Cục Nghiên cứu Tổng cục Chính trị được điều động đi làm nhiệm vụ mới và được phân công công tác trong đoàn của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam. Các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, quân đội cũng như gia đình, bạn bè đến lưu luyến chia tay. Niềm vui rạng rỡ trên nét mặt và nụ cười của mọi người.

Đêm 26 tháng 1 năm 1973, một đoàn xe U-oát xuất phát đưa chúng tôi đi vào Lộc Ninh để từ Lộc Ninh vào Sài Gòn. Sáng 27 tháng 1 năm 1973, chúng tôi dừng chân tại một khu rừng của Thanh Hoá, chuẩn bị đêm lại đi tiếp. Trưa ngày 27 tháng 1 năm 1973, đoàn nhận được điện khẩn của Tổng cục Chính trị là phải quay ra Hà Nội ngay vì Hiệp định Paris sắp ký, đi dọc Trường Sơn vào sẽ không kịp. Đêm 27 tháng 1 năm 1973, thay vì đi vào Nam, chúng tôi lại trở ra Hà Nội. Ra đến Hà Nội, chúng tôi được biết, để kịp triển khai hoạt động, Mỹ đã đồng ý đưa hai đoàn ta vào Sài Gòn bằng máy bay C130 của Mỹ. 8 giờ 15 phút, thứ hai, ngày 29 tháng 1 năm 1973, chúng tôi rời địa điểm đi sân bay Gia Lâm để vào Sài Gòn. Tại sân bay Gia Lâm, hai chiếc C130 - một chiếc cho đoàn miền Bắc, một chiếc cho đoàn miền Nam - đã chờ sẵn. Đoàn miền Bắc do Thiếu tướng Lê Quang Hoà dẫn đầu, quân phục mới, quân hàm, quân hiệu chỉnh tề, đoàn lên đường với khí thế chiến thắng. Đoàn miền Nam chúng tôi lúc đó với danh nghĩa đi công tác nước ngoài về ghé qua Hà Nội, nay được lệnh của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam vào Sài Gòn công tác. Chúng tôi với quân phục giải phóng mới, mũ tai bèo mới, vali ngoại giao mới tiến về chiếc C130 dành riêng cho đoàn. 11 giờ 25 phút ngày 29 tháng 1 năm 1973, máy bay cất cánh. Chúng tôi vui mừng khôn xiết. Đảng, Nhà nước, nhân dân, quân đội đã tạo điều kiện thuận lợi, tạo thế cho chúng tôi vào lòng địch để thực hiện một cuộc chiến đấu mới, một cuộc chiến đấu tuy không phải bằng súng đạn, song cũng không đơn giản và dễ dàng.

14 giờ 45 phút cùng ngày, máy bay hạ cánh an toàn xuống sân bay Tân Sơn Nhất. Qua cửa sổ máy bay, chúng tôi thấy xe quân cảnh của Mỹ, nguy chạy tới tấp, rồi cả hai máy bay được bao vây bởi hàng rào lính dù trong tư thế sẵn sàng nổ súng. Trời nắng gắt, sân bay nóng ran. Một, hai, rồi ba giờ trôi qua chúng tôi vẫn không được rời máy bay. Chúng tôi ăn lương khô, uống nước bị đông mang theo và chờ đợi. Đoàn miền Bắc cũng vậy. Hai máy bay đậu gần nhau, việc liên lạc, phối hợp đấu tranh không khó khăn gì. Nguyên nhân chính chúng tôi chưa được rời máy bay là vì chúng tôi kiên quyết không chấp nhận điều kiện vô lý của phía nguy Sài Gòn lúc bấy giờ. Họ yêu cầu chúng tôi phải làm giấy xin nhập cảnh, hai đoàn chúng tôi không chấp nhận. Việt Nam là một nước, người miền Bắc vào miền Nam việc gì phải nhập cảnh. Bọn nguy Sài Gòn muốn thể hiện chủ quyền quốc gia của họ, còn chúng ta không bao giờ coi miền Nam dưới chế độ Sài Gòn là một quốc gia. Chúng ta là đoàn đại biểu quân sự của Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà và đoàn đại biểu quân sự của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam, đến miền Nam Việt Nam để cùng các bên thi hành Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh lập lại hoà bình ở Việt Nam.

Cuộc đấu tranh tiếp tục qua đêm, ngày hôm sau chúng phải chấp nhận không làm thủ tục nhập cảnh và chúng phải đưa xe ra đón đoàn chúng tôi vào trại Davis. Theo tin được biết thì đây vốn là khu kho của sân bay, sau thành trung tâm huấn luyện biệt kích: bọn mũ nồi xanh do Mỹ huấn luyện chuyên làm nhiệm vụ phá hoại, do thám ở các vùng biên giới; sau đó chuyển thành khu vực của không quân Mỹ thuộc tập đoàn không quân số 7. Cái tên trại Davis có từ đó, nhà bằng gỗ thông, cửa xê từ Mỹ theo quy cách thống nhất, sàn gỗ cách mặt đất 50cm, xung quanh có quây lưới thép nhỏ, trần gỗ thông dán. Hơn 80 nhà lớn nhỏ đánh số từ T- 501 (phòng hành chính văn thư) đến số 582 (phòng giải trí).

Thăng công vào, bên phải sân lớn là bãi đậu xe và khu A (khu sĩ quan) có 11 nhà, nhà ăn, nhà tắm riêng. Phía đông, trên một khu chữ nhật là khu B bố trí 32 nhà ở của binh sĩ theo hình chữ U, ở giữa là nhà ăn, nhà kho, nhà bếp và nhà vệ sinh. Phía nam, trên một tam giác sát đường Lê Văn Lộc là khu C gồm những nhà phục vụ chung như nhà xem chiếu bóng của sĩ quan, phòng họp lớn, kho tiếp liệu, kho nhiên liệu, bãi đậu máy bay lên thẳng, nhà căng tin, nhà giải trí cho lính, bệnh xá, nhà Bóc-đen (hộp đêm) cho sĩ quan, sân quần vợt, tháp nước.

Sân và đường lớn, nhỏ đều bằng xi măng. Đường chéo lớn ngăn cách khu B và khu C Mỹ đặt tên là đường Mi-si-gân. Một sự bố trí hợp lý hoá cao độ kiểu Mỹ cho một trại lính Mỹ Ở vùng nhiệt đới. Mọi khoảnh đất đều được tận dụng, có thuốc diệt chuột ở gầm nhà, có lưới thép phòng muỗi và rắn độc...

Một sự ngăn cách lớn giữa sĩ quan và binh lính của một quân đội đế quốc, cách bức nhau trong sinh hoạt và hưởng thụ. Màu sắc lính tẩy còn đây đó: những bức tranh phụ nữ khoả thân dán trên tủ sắt; vài bức hoạ sơn dầu thô kệch sắc mùi thực dân; hàng lô tập playboy tục tĩu, chuyện trình thám giật gân, truyền đơn van xin lính Mỹ cai nghiện hê-rô-in bên những ống tiêm hê-rô-in bằng nhựa đã bóp hết thuốc vào mạch máu, và khủng khiếp hơn là những bông băng dính đầy máu và mũ Ở các xó gầm tủ, thùng rác, hủ rác... Một người lái xe nhắc chúng tôi: các ông phải đốt cho kỹ, phải tẩy uế cho thật dữ các nơi rửa mặt, nhà tắm, nhà vệ sinh của bọn này kéo lây bệnh đó. Anh em ta làm vệ sinh kịch liệt hơn một tuần lễ mới tạm sạch. Ở mỗi căn nhà đều có một biển gỗ lớn treo ở trên cửa ra vào, in những hàng chữ: Khi bị tấn công không được đứng, ngồi, đi hoảng hốt và phải bò ngay ra hầm, đội nệm lên đầu, nghe theo lệnh của trung đội trưởng. Hầm bao quanh các dãy nhà. Hầm của quan sâu hơn của lính, có kèo gỗ và vỉ sắt Ở trên, đắp thêm bao cát, đất, xi măng pha cát Hầm lính ở gần sân bóng rổ có khắc một loạt dấu hiệu phản chiến hình tròn có ba mũi súng chụm nhau. Phía trong hầm, những hàng chữ nguệch ngoạc: “Đây là địa ngục, ngày tháng Địch chết ở đây: 16-5-1972 - lạy chúa! Tôi sẽ lên thiên đàng vì tôi đã ở địa ngục này rồi!”.

Trại Davis - nơi hai đoàn đại biểu quân sự của ta Ở và làm việc trên 800 ngày đêm là như thế đó.

TRƯỞNG ĐOÀN TRẦN VĂN TRÀ VÀO SÀI GÒN

Đoàn miền Nam bay từ Hà Nội vào là bộ phận của đoàn tiền trạm. Sáng 31 tháng 1 năm 1973, các phó đoàn của uỷ ban Liên hợp quân sự bốn bên họp bàn việc đón Trung tướng Trần Văn Trà, trưởng phái đoàn quân sự của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam. Với cương vị và uy tín của mình, việc đồng chí Tư Chi (Trần Văn Trà) vào Sài Gòn được dư luận quan tâm, kể cả các phái đoàn trong uỷ ban Quốc tế giám sát và kiểm soát (ICC) cũng như các đoàn Mỹ, nguy.

Theo thoả thuận thì đáng lẽ phái đoàn quân sự Chính phủ Cách mạng lâm thời do Trung tướng Trần Văn Trà làm trưởng đoàn từ vùng giải phóng ở miền Nam vào Sài Gòn từ ngày 28 tháng 1 năm 1973. Địa điểm hẹn cho máy bay lên thẳng của Mỹ đến đón là sân bay Thiện Ngôn, phía bắc Tây Ninh.

Sau khi báo cho địch ngày giờ đón, đoàn phái một bộ phận trinh sát đến Thiện Ngôn, dựa vào công sự sửa sang lại, chờ địch trước, trong và sau giờ hẹn. Toàn đoàn ung dung ăn Tết Quý Sửu trước, chờ có tin báo về sẽ ra sân bay vào Sài Gòn.

Ăn Tết trước, cũng đã một vài lần trong lịch sử chiến đấu của dân tộc diễn ra như vậy. Quang Trung - Nguyễn Huệ khao quân ăn Tết trước năm Kỷ Dậu (1789). Rồi xuân 1968 cũng ăn Tết trước khi Tổng tiến công nổi dậy Tết Mậu Thân. Và lần này ăn Tết trước để vào giữa sào huyệt quân thù đòi chúng thi hành Hiệp định Paris về Việt Nam.

Đúng giờ hẹn, không có trực thăng Mỹ nào đến đón mà có 2 máy bay của địch bay lượn vài vòng rồi thả một số loạt bom quanh sân bay. Đây là một sự phản trắc của kẻ thù. Phản trắc để ngăn chặn sự có mặt đối với một phái đoàn của Ban Liên hợp quân sự bốn bên mà Hiệp định Pa-n đã xác định.

Ta càng thêm cảnh giác và thấy rõ nhiệm vụ khó khăn và phức tạp của mình. Đoàn ta kịch liệt lên án và phản đối. Chúng hẹn ngày 1 tháng 2 năm 1973 đưa trực thăng, Mỹ ra đón tại Lộc Ninh.

Lộc Ninh trước đây là một cứ điểm kiên cố do Quân đoàn 3 nguy phụ trách, trong chiến dịch Nguyễn Huệ, ta đã tiêu diệt cứ điểm cấp chiến đoàn này và diệt nhiều trung đoàn xe tăng thiết giáp và các chiến đoàn sừng sỏ khác. Ở đây đã bắt sống nhiều sĩ quan, binh lính nguy trong đó có tên đại tá nguy Nguyễn Công Vĩnh.

Lộc Ninh là biểu tượng chiến thắng của ta, nỗi nhục thất bại của địch. Trực thăng Mỹ ra đón đoàn ta ở đây để từ địa điểm vinh quang này chúng ta hiên ngang đi vào trung tâm đầu não của địch.

Sáng 1 tháng 2 năm 1973 (tức 29 Tết Nguyên đán), tại sân bay Lộc Ninh, hàng ngàn nhân dân, cán bộ, chiến sĩ ta với cờ hoa và biểu ngữ trong tay lưu luyến tiễn đồng chí Tư lệnh lực lượng vũ trang miền Nam vào làm việc tại Sài Gòn. Các sĩ quan và phi công Mỹ, nguy làm nhiệm vụ đón đồng chí Tư Chi tỏ ra ngạc nhiên và bối rối trước sức mạnh và tình cảm của đồng bào, chiến sĩ miền Nam đối với Mặt trận Dân tộc giải phóng, Chính phủ Cách mạng lâm thời và lực lượng vũ trang thân yêu của mình. Từ sân bay Lộc Ninh, những chiếc trực thăng treo cờ bốn bên đã đáp xuống sân bay Tân Sơn Nhất. Đại diện ICC, đại diện các đoàn trong uỷ ban quân sự bốn bên cùng nhiều cán bộ của hai đoàn miền Bắc, miền Nam có mặt tại Sài Gòn ra đón đồng chí Tư Chi và các cộng sự của ông. Trong bộ quân phục giải phóng màu xanh ô liu, với nụ cười tươi tắn và tư thế của người chiến thắng, đồng chí Tư Chi lần lượt chào các quan khách, đồng đội và không quên giơ tay vẫy chào lại những người của phía bên kia đứng rất xa đang hướng về buổi đón tiếp đồng chí. Các tin tức, báo chí đã đưa tin đậm nét và đăng các hình ảnh người Tư lệnh lực lượng vũ trang của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam trở lại Sài Gòn với cương vị và trọng trách mới. Thế là 1 tháng 2 năm 1973, đoàn miền Nam đã tập hợp đầy đủ lực lượng từ các hướng về: Hà Nội vào, Ở “R” ra, Ở Paris về và còn có các đồng chí đã từng chiến đấu trên các chiến trường miền Nam và cả một số đồng chí hoạt động ở nội thành Sài Gòn nữa. Trưởng đoàn Trần Văn Trà, các phó đoàn Đặng Văn Thu, Bùi Thanh Khiết, Võ Đông Giang,

Nguyễn Văn Sĩ, Trần Quốc Minh quay quần bên cán bộ, chiến sĩ của mình chuẩn bị vui đón xuân và bước vào cuộc chiến đấu mới không kém phần khó khăn và phức tạp.

ĐÓN XUÂN MỚI TẠI TRẠI DAVIS

Theo Hiệp định Paris về Việt Nam, phái đoàn của chúng ta được hưởng quy chế ngoại giao, được tự do đi lại mua bán lương thực, thực phẩm và các nhu yếu phẩm khác phục vụ cho công tác, sinh hoạt và được giao tiếp với đồng bào Sài Gòn thân yêu của mình. Nhưng Mỹ - nguy đã rất sợ điều này, vì vậy mọi thứ thiết yếu phải mua qua nhà thầu (cơ quan mật vụ trá hình) của chúng. Cán bộ của đoàn đi lại làm việc thì “quân cảnh” và “tuần cảnh” chặn đầu khoá đuôi.

Biết được tình trạng đó, tại Hà Nội, Tổng cục Chính trị đã chuẩn bị cho cả hai đoàn đầy đủ bánh chưng, giò chả, các loại lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm để hai đoàn ăn Tết cổ truyền đảng hoàng tại Sài Gòn. Số hàng này sẽ được chuyển vào Sài Gòn bằng chuyến bay liên lạc C130 thường lệ Sài Gòn - Hà Nội và ngược lại như Hiệp định Paris đã quy định.

Đúng dịp này, tại trại Davis số lính Mỹ phục vụ bỏ về với lý do “đã giao trách nhiệm cho chính quyền ông Thiệu. Phía nguy Sài Gòn thì không đến... Đoàn chúng ta rơi vào tình trạng thiếu điện, thiếu nước, không lương thực, thực phẩm. Chúng tôi đấu tranh thì Mỹ đổ cho nguy, nguy đổ cho Mỹ - một chiến thuật “lúc giao thời”. Dã tâm này càng bộc lộ rõ khi chuyến bay liên lạc C130 đến bầu trời Hà Nội, bay lượn vài vòng trên sân bay Gia Lâm rồi bay trở lại Sài Gòn với lý do không thể hạ cánh vì “thời tiết xấu”. Số hàng Tết Tổng cục Chính trị chuẩn bị cho hai đoàn phải nằm lại ở Hà Nội. Hiểu rõ mưu đồ ti tiện của kẻ thù, hai đoàn chúng tôi vẫn ăn một cái Tết thật tung bừng và thể hiện một khí thế chiến thắng đón xuân giữa sào huyệt của địch.

Chúng tôi ăn Tết - đón giao thừa - vẫn có những cành đào, cành mai, một cái Tết mà hai đoàn Nam - Bắc chúc mừng nhau, Tết đầm ấm tươi vui chan chứa tình cảm thống nhất Nam - Bắc một nhà. Thật là cảm động, thật là thân tình và cũng thật là vui mừng của những người bạn chiến đấu cùng sống chết với nhau trên khắp chiến trường đánh giặc, nay lại gặp nhau ở đây vào đúng dịp Tết Quý Sửu để tiếp tục phát huy chiến thắng đấu tranh làm thất bại mọi mưu đồ của kẻ thù.

Trong chúng tôi, ai cũng có một ý nghĩ là, chúng ta ăn Tết, đón xuân giữa Sài Gòn này chính là đón một chiến thắng rất lớn, một cái Tết mà chỉ vài ngày sau cái Tết này là chúng ta, những sĩ quan của Quân đội nhân dân Việt Nam sẽ đi giám sát kiểm tra quân Mỹ và quân các nước chư hầu của Mỹ phải rút khỏi miền Nam Việt Nam.

Một cái Tết mà toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đã thực hiện được cái vẻ thứ nhất, cũng là cái vẻ quan trọng và cơ bản nhất trong thư chúc Tết của Bác năm 1969 là “Đánh cho Mỹ cút...”.

Đúng giao thừa, các đồng chí lãnh đạo của hai đoàn đến từng chỗ ở của từng tiểu ban, từng bộ phận xiết chặt tay từng cán bộ, chiến sĩ mừng Đảng, mừng xuân, mừng chiến thắng và chúc nhau sức khỏe để hoàn thành tốt nhất nhiệm vụ của mình.

Cái đặc biệt trong đón xuân Ở trại Davis của chúng tôi là như vậy. Chưa hết, đêm 30 rạng mùng 1 Tết cũng đúng ngày kỷ niệm thành lập Đảng (3-2-1973), một đồng chí trong phái đoàn Việt Nam dân chủ cộng hoà cao hứng treo cờ Tổ quốc để mừng xuân, mừng Đảng. Mỹ, nguy đã

lòng lộn cho bốn trực thăng vũ trang quần đảo, chiếu đèn pha trên bầu trời của trại Davis, 6 xe bọc thép đến án ngữ trước cổng, tiếp đó bốn xe chở đầy quân đến vây quanh trụ sở của đoàn ta. Chúng tưởng uy hiếp được chúng ta, chúng đã lầm to. Ngày 5 tháng 2 năm 1973, họp phiên đầu tiên của các trưởng phái đoàn quân sự bốn bên. Phía ta đã tố cáo mạnh mẽ thái độ và hành động của Mỹ - nguy đối với hai đoàn ta và nói thẳng cho họ biết rằng chúng tôi vào đây để nói chuyện thi hành Hiệp định Paris, không phải để chiến đấu. Hãy bỏ những hành động kém văn hoá láo xược và thô bạo đó đi. Định chống chế độ lỗi cho cấp dưới và sau đó buộc phải từng bước đảm bảo cuộc sống và làm việc bình thường cho hai đoàn ta.

TRẠI DAVIS XỨNG ĐÁNG LÀ MỘT DI TÍCH LỊCH SỬ

HUỲNH VĂN TRÌNH

Nguyên trung tá, uỷ viên Đoàn đại biểu quân sự Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà trong Ban Liên hợp quân sự bốn bên trung ương - Phó Trưởng đoàn Việt Nam dân chủ cộng hoà trong Tổ liên hợp quân sự bốn bên về người chết và mất tích tại Sài Gòn 1973-1974

Sau ký kết Hiệp định Paris ngày 27 tháng 1 năm 1973 về chấm dứt chiến tranh lập lại hoà bình ở Việt Nam, trong khí thế chiến thắng, một đội ngũ hùng mạnh gồm gần 900 tướng lĩnh, sĩ quan, chiến sĩ hai đoàn đại biểu quân sự Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà và Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam lần lượt tiến về Sài Gòn vào cuối tháng 1, đầu tháng 2 năm 1973, bằng các phương tiện vận chuyển hiện đại do Mỹ cung cấp, để cùng với hai đoàn đại biểu quân sự của Chính phủ Mỹ và Việt Nam cộng hoà thành lập các Ban Liên hợp quân sự bốn bên và hai bên ở trung ương và các cấp địa phương nhằm tổ chức thực hiện Hiệp định.

Ngoài bộ phận tiền trạm của hai đoàn miền Bắc, miền Nam đi từ Paris đã vào Sài Gòn ngày hôm trước, ngày 29 tháng 1 năm 1973, Thiếu tướng Lê Quang Hoà, trưởng đoàn cùng Đoàn đại biểu quân sự Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà và một bộ phận thành viên Đoàn đại biểu quân sự Chính phủ Cách mạng lâm thời, tất cả hơn 200 người, đã đáp máy bay C130 của Mỹ rời sân bay Gia Lâm đến sân bay Tân Sơn Nhất cùng ngày, một chuyến bay lịch sử đầu tiên nối liền Hà Nội - Sài Gòn kể từ ngày độc lập 2 tháng 9 năm 1945.

Ngày 1 tháng 2 năm 1973, Trung tướng Trần Văn Trà, trưởng đoàn và các thành viên lãnh đạo khác của Đoàn đại biểu quân sự Chính phủ cách mạng lâm thời từ Lộc Ninh (căn cứ R) cũng đến Sài Gòn bằng một số máy bay trực thăng của Mỹ.

Ngày 2 tháng 2 năm 1973, phiên họp đầu tiên của bốn đoàn trong Ban Liên hợp quân sự, bốn bên Trung ương chính thức bắt đầu với sự có mặt của bốn trưởng đoàn là Thiếu tướng Lê Quang Hoà (Việt Nam dân chủ cộng hoà), Trung tướng Trần Văn Trà (Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam) - thời gian sau, Thiếu tướng Hoàng Anh Tuấn làm trưởng đoàn, Thiếu tướng Út-uất (Mỹ) và Trung tướng Ngô Dzu (Việt Nam cộng hoà).

Đây là một cuộc tiến công độc đáo, hiên ngang và hùng dũng với thanh thế lớn có một không hai trong lịch sử của quân đội nhân dân ta ở cả hai miền, được tiến hành công khai, đột nhập thẳng vào Sài Gòn, trung tâm đầu não Mỹ, vòng vây của kẻ thù, trong khi quân xâm lược

Mỹ và chư hầu vẫn còn chiếm đóng ở miền Nam Việt Nam cùng với hàng triệu quân nguy Sài Gòn.

“Trại Davis - Tân Sơn Nhất”, nơi đặt chân đầu tiên của hai đoàn đại biểu quân sự của cách mạng trên đất “Thành đồng Tổ quốc”, từ 29 tháng 1 năm 1973, cũng là trụ sở hai đoàn ăn, ở, làm việc căng thẳng và liên tục trong suốt 823 ngày đêm, cho đến ngày hoàn toàn giải phóng miền Nam 30 tháng 4 năm 1975.

Khu vực này khá rộng, ở phía nam “không cảng Tân Sơn Nhất”, sát đường băng sân bay, vốn là khu doanh trại của phi công sư đoàn không quân Mỹ, nằm gần cơ quan Bộ Tư lệnh không quân nguy (nhà con ó), chỉ cách Bộ Tổng tham mưu Quân đội Việt Nam cộng hoà 1 km theo đường chim bay. Mỹ và chính quyền Sài Gòn đã bàn giao để ta hoàn toàn tự quản khu doanh trại này với sơ đồ xác định vị trí của các căn nhà sàn lớn, nhỏ bằng gỗ, mái phi-bơ-rô xi măng, có đánh số nhà theo công dụng riêng: nhà ở, nhà ăn, nhà làm việc, hội trường, nhà kho; khu thể thao, hệ thống thông tin điện thoại và các phương tiện xe cộ đi lại. Điều đập ngay vào mắt chúng ta là, ngoài sự bố phòng rất cẩn mật của khu vực sân bay Tân Sơn Nhất nói chung, riêng trại này còn bị vây kín bằng đầy đặc quân cảnh, cảnh sát và máy bay trực thăng thường xuyên quần đảo trên đầu, bằng chằng chịt nhiều lớp hàng rào dây thép gai cuộn tròn, với 13 chòi canh cao gần trọng liên 12 ly 7 lăm lăm chĩa họng súng vào trong trại, với đường hào sâu 4m bao quanh... Mỹ - nguy nơm nớp sợ đặc công ta xuất quỷ nhập thần tấn công chúng!

Mặc dù vậy, từ tổng hành dinh này, hai đoàn đại biểu quân sự Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà và Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam đã tiến hành thắng lợi các hoạt động liên hợp ở cấp Trung ương và chỉ đạo triển khai hoạt động của các đoàn ở bảy Ban Liên hợp quân sự khu vực (Huế, Đà Nẵng, Pleyku, Phan Thiết, Biên Hoà, Mỹ Tho, Cần Thơ) và ở 26 tổ liên hợp quân sự địa phương.

“Trại Davis - Tân Sơn Nhất” đã trở thành biểu tượng sâu sắc của cuộc đấu tranh chính trị - ngoại giao - quân sự - dư luận trong thực thi Hiệp định Paris, gắn với cuộc kháng chiến chống Mỹ, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc của nhân dân cả nước.

Có nhiều nhân tố đã tạo nên ý nghĩa lịch sử của trại Davis:

1 Đây là nơi hội tụ lực lượng thống nhất của cả hai miền, gồm nhiều luồng cán bộ khác nhau: ngoại giao, quân sự, công an, và một số ngành dân sự khác (thông tấn, báo chí, thông tin - văn hoá...), đến từ nhiều hướng: Hội nghị Paris, Hà Nội, Lộc Ninh (căn cứ R), các vùng giải phóng ở từng địa phương, tiến về Sài Gòn để trực tiếp đấu tranh một mặt, một còn với địch, triển khai thi hành Hiệp định Paris tại trung tâm đầu não và trong vòng vây của Mỹ, nguy ngoan cố, côn đồ và ngoan cố chống phá.

2. Đây là mảnh đất được đảng hoàng, công khai giải phóng đầu tiên ở Sài Gòn - Gia Định (1-1973), trở thành lãnh thổ bất khả xâm phạm của chính quyền cách mạng cho đến ngày hoàn toàn giải phóng; trung tâm thu hút sự chú ý của dư luận miền Nam và quốc tế về tình hình Việt Nam kể từ khi đàm phán ở Paris kết thúc.

3. Về chính trị và pháp lý, việc một bộ phận lực lượng quân sự Việt Nam dân chủ cộng hoà và Chính phủ Cách mạng lâm thời đứng chân được ở trại Davis và mở ra sự liên lạc thường xuyên giữa hai miền mà không thông qua một thủ tục mang tính địa lý quốc gia nào đã buộc địch phải thừa nhận trên pháp lý và thực tế nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một. Thủ đoạn của nguy quyền Sài Gòn buộc ta phải làm thị thực nhập cảnh theo “thẻ nhập nội” của Việt Nam cộng hoà và ngăn không cho hai đoàn ta rời khỏi máy bay trong suốt 21 tiếng đồng hồ khi mới đến lần đầu 29 tháng 1 năm 1973 đã hoàn toàn thất bại trước sự đấu tranh kiên quyết của ta; cuối cùng chúng đã lùi bước, đưa xe đón hai đoàn ta về trụ sở chiều ngày 30 tháng 1 năm 1973. Từ đó về sau, việc ra vào Sài Gòn - Hà Nội theo các chuyến bay liên lạc hàng tuần không phải làm bất cứ thủ tục xuất - nhập cảnh nào.

4. Đây là diễn đàn quan trọng đấu tranh toàn diện về pháp lý, chính trị, ngoại giao, quân sự và dư luận 'buộc địch thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định Paris; nơi biểu thị bằng người thực, việc thực sức mạnh áp đảo của miền Bắc xã hội chủ nghĩa và của lực lượng giải phóng, làm tăng lòng tin vào cuộc đấu tranh của đồng bào miền Nam; nơi tuyên truyền đối ngoại một cách nhanh chóng, rộng rãi và cởi mở, tranh thủ tình cảm và sự ủng hộ của nhân dân ta và bạn bè quốc tế đối với đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước.

Với tinh thần chủ động tấn công, ta đã đấu tranh buộc Mỹ và chư hầu phải rút hết quân vào ngày 29 tháng 3 năm 1973, đánh dấu mốc lịch sử sau 115 năm từ 1858, lần đầu tiên nước ta sạch bóng quân xâm lược. Ta đã kiểm soát 65 chuyến bay rút hết quân gồm 53 chuyến quân Mỹ, 12 chuyến quân Nam Triều Tiên tại các sân bay Tân Sơn Nhất, Nha Trang, Đà Nẵng; làm tốt việc đòi trao trả được phần lớn các nhân viên quân sự và 5.075 nhân viên dân sự của ta. Việc ta trao trả hết tù binh Mỹ là cuộc biểu dương thắng lợi, ví như thời Nguyễn Trãi cấp thuyền, ngựa cho quân Minh rút về nước; luôn luôn đấu tranh củng cố ngừng bắn, đẩy lùi âm mưu lấn chiếm “tràn ngập lãnh thổ” đàn áp tự do dân chủ, chiến tranh tâm lý của địch; đề cao Chính phủ Cách mạng lâm thời; thúc đẩy hoạt động Ủy ban Quốc tế phối hợp với đấu tranh của ta; đòi cải thiện quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao; liên hệ mật thiết và tranh thủ tốt giới báo chí; giữ vững đoàn kết và an toàn đội ngũ 825 sĩ quan và chiến sĩ của hai đoàn.

5. Đây là nơi ta tiến hành các biện pháp tình báo bằng con người và kỹ thuật phục vụ cho cuộc đấu tranh chính trị và chuẩn bị cho cuộc tổng tiến công vào dinh lũy cuối cùng của địch. Khi chiến dịch Hồ Chí Minh mở ra, từ đây cán bộ, chiến sĩ các đoàn ta trong Ban Liên hợp quân sự đã trực tiếp tham gia chiến đấu, góp phần xương máu vào giải phóng Sài Gòn - Gia Định, trong đó 2 đồng chí đã anh dũng hy sinh và 4 đồng chí bị thương (có 1 đồng chí bị thương nặng).

6. Đây là nơi đặt chân đầu tiên của Bộ Chỉ huy chiến dịch Hồ Chí Minh để tiến vào trung tâm thành phố Sài Gòn vừa được giải phóng, gồm các đồng chí Phạm Hùng, Lê Đức Thọ, Văn Tiến Dũng...

7. Từ trại Davis, Đoàn đại biểu quân sự Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam đã tham gia tiếp quản dinh Độc Lập, làm nòng cốt đầu tiên cho công tác ngoại vụ của uỷ ban Quân quản Sài Gòn - Gia Định do Thượng tướng Trần Văn Trà làm chủ tịch.

Với sự đấu tranh kiên cường, dũng cảm và những đóng góp xuất sắc của hai đoàn đại biểu quân sự Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà và Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam trong giai đoạn thi hành Hiệp định Paris và trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, chúng tôi cho rằng: “Trại Davis - Tân Sơn Nhất” xứng đáng trở thành biểu tượng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam và của đấu tranh ngoại giao - quân sự độc đáo của Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, gắn với Hiệp định Paris; cũng giống như địa danh Trung Giã (Hà Nội) - trụ sở của Ban Liên hợp quân sự Trung ương Việt Nam - Pháp trong kháng chiến chống Pháp, gắn với Hiệp định Geneve.

Chúng tôi rất phấn khởi khi được biết trong Công văn số 685/BQP ngày 5 tháng 3 năm 2003 của Bộ Quốc phòng do Thứ trưởng Bộ Quốc phòng Trung tướng Nguyễn Văn Được ký gửi uỷ ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và ông Hoàng Anh Tuấn nguyên là trưởng phái đoàn quân sự của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam trong Ban Liên hợp quân sự hai bên đã nói rõ về vấn đề di tích lịch sử “trại Davis”.

Công văn đó đã nêu rõ rằng, liên Bộ Văn hoá - thông tin và Bộ Quốc phòng đã có Thông tư số 1083/TTVH-BQP ngày 16 tháng 12 năm 1986, xác định khu di tích chiến dịch Hồ Chí Minh là một trong bốn di tích lịch sử quan trọng mà trong đó “trại Davis” là một trong những điểm tiêu biểu của khu di tích chiến dịch Hồ Chí Minh.

Bộ Quốc phòng cũng nêu rõ “trại Davis” là một chứng cứ lịch sử. Ở đó đã chứng kiến quá trình đấu tranh kiên cường của cán bộ, chiến sĩ ta; thể hiện ý chí Việt Nam, tính độc đáo về nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh của Đảng và hoạt động ngoại giao quân sự của ta trong quá trình đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Paris về Việt Nam. Vì vậy trại Davis xứng đáng là một địa danh lịch sử.

Cũng trong công văn đó, Bộ Quốc phòng còn cho biết năm 1990, Bảo tàng chiến dịch Hồ Chí Minh (Bảo tàng Quân khu 7) cùng với Bảo tàng quân đội đã biên tập nội dung hồ sơ di tích “trại Davis” và bàn giao cho Sở Văn hoá - thông tin thành phố Hồ Chí Minh. Theo quy định của pháp lệnh sử dụng và bảo vệ di sản văn hoá thì việc xếp hạng di tích lịch sử văn hoá thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân địa phương - tức là thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh do đó Bộ Quốc phòng đề nghị Ủy ban nhân dân và Sở Văn hoá - thông tin thành phố Hồ Chí Minh xem xét giải quyết.

Chúng tôi là những cán bộ, chiến sĩ quân đội, ngoại giao và các ngành khác đã từng sống và hoạt động trong hai đoàn đại biểu quân sự của ta ở “trại Davis” hết sức trân trọng về địa danh lịch sử “trại Davis”.

Năm nay (2005) kỷ niệm 30 năm ngày toàn thắng của dân tộc mà “trại Davis” một di tích lịch sử tiêu biểu của chiến dịch Hồ Chí Minh vẫn chưa thấy có động tĩnh gì trong việc triển khai xây dựng khu di tích đó. Với tư cách là những nhân chứng lịch sử chúng tôi thiết tha mong muốn các cơ quan có trách nhiệm khẩn trương có kế hoạch xây dựng khu di tích lịch sử “trại Davis” nhằm tôn vinh một địa danh lịch sử cách mạng và góp phần vào giáo dục truyền thống cách mạng cho các thế hệ hôm nay và mai sau.

NGHE TIẾNG ĐÀN BÀ TRONG TRẠI DAVIS

ĐÌNH QUỐC KỲ

Hồi đó, vào những ngày cuối tháng 12 năm 1973, để chuẩn bị kỷ niệm 29 năm thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (22-12-1944 - 22-12-1973), Tổng cục Chính trị và Cục Chính trị Quân giải phóng miền Nam quyết định cử hai tổ văn nghệ xung kích vào phục vụ trong “trại Davis”. Đây là trụ sở làm việc, sinh hoạt của hai phái đoàn đại biểu quân sự cách mạng trong Ban Liên hợp quân sự bốn bên và hai bên Trung ương tại khu vực cạnh đường băng sân bay Tân Sơn Nhất - Sài Gòn (nay là thành phố Hồ Chí Minh).

Chuyến bay C130 do Mỹ lái từ Hà Nội vào Tân Sơn Nhất Ngoài những thành viên của Ban Liên hợp quân sự còn có một số anh chị em trong đội văn nghệ xung kích. Họ được tuyển chọn từ Đoàn văn công Tổng cục Chính trị. Hướng Lộc Ninh vào Tân Sơn Nhất có 3 người của Đoàn văn công Quân giải phóng miền Nam. Máy bay lên thẳng cũng do phi công Mỹ lái. Từ hai hướng, văn công của ta đã tập kết tại “trại Davis” trước ngày lễ kỷ niệm. Trong số họ, có người đệm đàn, có người là diễn viên hát, tuổi đời chưa quá ba mươi.

Có văn công, “trại Davis” vui hẳn lên, cách nói năng, sinh hoạt thay đổi rõ rệt. Đám con trai chưa vợ cứ lúng túng, ngượng ngịu mỗi khi gặp gỡ, tiếp xúc với các nữ diễn viên. Có anh đỏ mặt, tía tai, lúng búng nói không thành lời. Bởi trong số họ, có người đã hàng chục năm trời xa quê hương, chưa một lần gặp gỡ và chuyện trò cùng bạn gái. Chỉ có rừng thẳm, núi cao, suối sâu, dốc đứng. Chỉ có bom gào, đạn thét, khét lẹt mùi thuốc nổ và cay nồng của chất độc hoá học do giặc Mỹ trút xuống đầu họ. Những cơn sốt rét ác tính triền miên của rừng thiêng, nước độc, nhạt muối, đói cơm luôn thường xuyên bám đeo quanh năm, suốt tháng. Đôi khi, cũng có dịp gặp các má, các em trong vùng địch tạm chiếm hoặc thoát ly gia đình lên vùng giải phóng làm y tá, dân công, thanh niên xung phong..., nhưng cái cảm giác gặp gỡ ấy không làm cho đám con trai lúng túng đến khó tả như vậy. Lần này, có cái gì đó làm họ xốn xang, nhộn nhạo trong tim (?).

Gần đến ngày lễ kỷ niệm, mọi hoạt động của ta trong “trại Davis” càng sôi nổi. Chiều chiều, mọi người đều ra sân bóng rổ, bóng chuyền và ten-nit. Ai không vào thi đấu thì đứng ngoài cổ vũ, hò reo. Các sân chơi náo nhiệt, bừng bừng không khí của ngày hội. Các đồng chí thủ trưởng phụ trách cũng hằng hái tham gia. Thiếu tướng Hoàng Anh Tuấn vừa chơi ten-nit, vừa tham gia đội bóng rổ. Đại tá Đặng Văn Thu say mê ten-nit hơn cả. ông thường thi đấu với Nguyễn Đôn Tự. Bóng bàn dù đặt ở trong nhà nhưng không kém hào hứng.

Bốn thành viên trong uỷ ban Quốc tế cũng được mời tham gia đủ các môn: bóng bàn, ten-nit, bóng rổ và bóng chuyền.

Cũng giờ đó, tiếng đàn, tiếng hát để chuẩn bị cho đêm diễn vang lên khắp khu vực đóng quân, lan sang “khu gia binh” và “trại huấn luyện lính dù” nằm bên kia đường Lê Văn Lộc.

Mỹ - nguy rất lo sợ, chúng tăng cường lực lượng cơ động, thiện chiến nhất (lính dù, biệt kích, cảnh sát dã chiến...) cùng xe tăng, thiết giáp án ngữ ngoại vi “trại Davis”. Từ trong khu vực

đóng quân, ta có thể thấy rõ sự gia tăng của các sắc lính, các chòi canh và hỏa lực mà chính quyền nguy Sài Gòn có “nhã ý” bố trí dày đặc xung quanh.

Còn một lý do nữa làm chúng lo lắng là những nhân viên quân sự, dân sự làm việc trong sân bay Tân Sơn Nhất các gia đình của nguy quân, nguy quyền ở tại căn cứ Hàng ngày, “trại Davis” diễn ra những hoạt động văn nghệ, thể thao, các trận đấu hào hứng, sôi nổi là họ kéo đến bên ngoài hàng rào thép gai đứng xem rất đông. Họ cổ vũ nồng nhiệt cho các vận động viên đang tận tình thi đấu trong sân. Họ như hoá thân vào các hoạt động thể thao, văn nghệ của những người mà hàng ngày quen gọi là “Việt cộng”, “Cộng sản Bắc Việt”... Nhất là những trận thi đấu giữa ta với các đội thành viên của Ủy ban Quốc tế, số khán giả đó đã cổ vũ cho “đội nhà” với sự thiên vị rõ rệt. Có một cháu nhỏ chừng mười một, mười hai tuổi hét toáng lên: “Đập mạnh đi chú ơi?”. Một chị đứng bên có lẽ là mẹ cháu vội đưa tay che miệng đứa bé, mắt liếc nhanh về phía mấy nhân viên mật vụ đứng cách đó không xa.

Ấn tượng nhất là những buổi liên hoan văn nghệ. Các tiết mục ca hát, độc tấu đàn làm cho người xem xúc động. Tuyết Mai ngồi nép sau cây đàn A-coóc-đê-ông với bản nhạc Pô-lô-ne, cúi đầu lắc lư theo điệu nhạc với đôi mắt tròn, to và sáng. Kim Chi trong bộ trang phục Quân giải phóng mạnh mẽ với bài hát “Miền Nam, nhớ mãi ơn Người!” của Lưu Cầu. Minh Quang và Quang Đỗ với chất giọng khỏe khoắn, trầm hùng trong các bản hành khúc. Mộng Tước, Phương Linh và Bích Toàn trong trang phục áo dài thướt tha với những bài hát về quê hương đất nước. Các tiết mục được biểu diễn với tất cả nhiệt tình của họ. Họ say sưa đàn hát như trên một sân khấu lớn. Họ quên rằng từ trong các vọng gác, các chòi canh bố trí dày đặc quanh “trại Davis” là hàng trăm họng súng của quân thù đang hướng vào mục tiêu này. Các căn cứ quân sự, các sắc lính thiện chiến, cùng các loại hỏa lực hiện đại, các phương án huỷ diệt được soạn sẵn cùng nhắm nhắm chờ lệnh để nghiền nát khu vực trụ sở của chúng ta. Mặc, tiếng đàn, tiếng hát vẫn vút cao, vang xa.

Có lần, trong một buổi họp báo của ta tổ chức tại “trại Davis” có các phóng viên thông tấn, báo chí của những hãng thông tấn và báo chí lớn nước ngoài, có cả phóng viên trong nước của báo chí Sài Gòn và trong số họ không thiếu các nhân viên CIA, an ninh và “Phủ đặc uỷ tình báo” nguy. Các nhà báo thay nhau chất vấn nhiều nội dung, nêu những câu hỏi khá hóc búa được chuẩn bị trước. Người phát ngôn của ta giải đáp kịp thời, thoả đáng, rất ôn tồn và lịch sự.

Sau cuộc họp báo, họ được xem một chương trình biểu diễn văn nghệ do phái đoàn ta “chiêu đãi”. Họ, rất thích thú, chăm chú theo dõi, có nhiều người chưa hiểu hết nội dung bài hát, bản nhạc nhưng nhìn họ tập trung theo dõi từng tiết mục, họ lặng người để thu nhận trọn vẹn những âm thanh, giai điệu một bài hát, một bản nhạc thì mới thấy được hết sức cuốn hút của các tiết mục đó. Có người không nén được xúc động đã reo lên: “Tuyệt vời! Thật tuyệt vời!”... Có người giơ ngón tay cái về phía sân khấu biểu hiện của lời khen: Hạng nhất! Số một! Miệng la to: “Năm-bơ-oãn!”. Họ mặc cho những cặp mắt soi mói của mấy nhân viên an ninh nguy, họ mặc cho sự giám sát của những “đồng nghiệp” mặc áo nhà báo nhưng ăn lương của các cơ quan mật vụ, CIA... Có người còn mạnh dạn lên gần sân khấu để được nhìn thấy rõ hơn diễn viên vừa biểu diễn tiết mục đó và các máy ảnh, máy quay phim ghi lại hình ảnh rất đầy đủ, kịp thời và họ muốn được thấy tận mắt vẻ duyên dáng, xinh tươi của mấy nữ diễn viên đang chuẩn bị tiết mục tiếp theo. Họ

không ngớt vỗ tay và ngợi khen mỗi khi kết thúc một tiết mục. Có một phóng viên nước ngoài, nói tiếng Việt chưa được rõ lắm, ghé vào tai Minh Quang và nói: “Các ông thật tuyệt vời? Như thế này thì làm sao các ông không thắng Mỹ. Họ thua là đương nhiên thôi?”. Minh Quang vừa kịp quay lại, thấy người phóng viên nước ngoài bị các phóng viên khác chen lấn và không rõ anh ta là người của hãng thông tấn, báo chí nước nào. Lúc đó mà người phóng viên này đã có lời nhận xét như vậy chứng tỏ anh ta hết sức khách quan, chính xác.

Từ phía sau, tôi đứng nhìn những hình ảnh, những cảm xúc của người xem đối với các bản nhạc, bài hát vừa biểu diễn trong lòng cứ lâng lâng, bay bổng. Trong tôi lại chỉ thấy những cánh rừng bạt ngàn trơ cành, trụi lá vì chất độc hoá học, những hố bom chằng chịt làm lở loét mảnh đất quê hương, tiếng bom gào, đạn rú... Cảnh đoàn quân bị bỡm trong đêm mưa, trên vai nào súng, nào đạn, nào gạo nặng trĩu đè xuống lưng tưởng như không nhắc được chân khi ngập vào vũng bùn... ánh pháo sáng chập chờn trong khoảng không phía chân trời. Và đoàn quân vẫn tiến về phía trước không quản gian lao, không nề nguy hiểm để quyết diệt giặc thù bằng sức mạnh hờn căm đang chất chứa trong lòng... Mắt tôi mờ nhòe, cay xè trong cảm xúc.

Ngày lễ kỷ niệm thành lập quân đội được tổ chức trọng thể và đầy ý nghĩa. Hôm đó, trời Tân Sơn Nhất buổi tối như thắm hơn, màn đêm kéo xuống nhanh hơn. Đội văn nghệ xung kích đã chuẩn bị xong, chờ đến giờ biểu diễn. Sân khấu ngoài trời với những tấm vải treo lên để làm phong và cánh gà. Gió lồng lộng như muốn nhắc cả sân khấu mang đi. ánh sáng được tăng cường nên từ xa có thể nhìn thấy những giọt mồ hôi lăn dài trên khuôn mặt và thấm đẫm lưng áo của diễn viên.

Trên hàng ghế đầu, các thủ trưởng và lãnh đạo hai đoàn ta cùng các quan khách gồm trưởng, phó đoàn quân sự trong uỷ ban Quốc tế đã ngồi kín chỗ. Khán giả là cán bộ, chiến sĩ ta ngồi và đứng phía sau. Đêm nay, vẫn những tiết mục đã trình diễn từ mấy buổi trước, chỉ khác là biểu diễn ngoài trời, có mời các vị khách nhân dịp ngày lễ.

Tiết mục mở màn của dàn đồng ca nam nữ là bài hát “Sài Gòn quật khởi” của Hồ Bắc. Lời ca có đoạn “Rầm rập bước chân ta đi rung chuyển đường phố Sài Gòn... “ làm cho mọi người cảm giác như đang sống lại không khí chiến đấu của mùa Xuân Mậu Thân và những mùa Xuân tiếp theo, những trận chiến đấu quyết liệt trên đường phố và tại các cơ quan đầu não của Mỹ - nguy hôm nào? Dáng đứng hiên ngang của người chiến sĩ giải phóng quân trên đường băng Tân Sơn Nhất như đang sừng sững hiện lên trước mắt mọi người. Anh đã làm nên dáng đứng Việt Nam, kiêu hãnh và bất khuất trước kẻ thù. Ngoài đường băng, ánh đèn dẫn đường máy bay chập chờn sáng tối trông như một người ôm đang con hấp hối...

Chương trình tiếp tục với những tiết mục của Kim Chi, Mộng Tước, Bích Toàn, Phương Linh, Minh Quang và Quang Đỗ. Tiếng vỗ tay, những lời khen râm ran của người xem. Tuyết Mai và Xuân Trung, ngoài việc đệm đàn cho các tiết mục hát, họ còn độc tấu những bản nhạc quốc tế dân ca của từng nước thành viên trong uỷ ban Quốc tế. Các vị khách này có người châu Á, có người châu Âu nhưng âm nhạc đã làm cho họ dễ hiểu về đất nước và con người Việt Nam hơn cả. Họ thích thú và xúc động thật sự khi nghe những âm thanh, những giai điệu được phát ra từ cây

đàn A-coóc-đê-ông do Tuyết Mai và Xuân Trung biểu diễn. Có người mơ màng theo tiếng đàn như đang đứng trên đảo dừa giữa biển khơi mênh mông âm ỉm sóng vỗ.

Đến tiết mục độc tấu đàn bầu do Phạm Kim Hạng biểu diễn. Anh là một chàng trai quê lúa Thái Bình, nước da xạm đen bởi nắng gió phương Nam, xanh xám vì sốt rét, cặp môi tím tái khi cơn đau dạ dày hành hạ anh. Kim Hạng độc tấu bài dân ca Indonesia và bản nhạc “Vì miền Nam” của Huy Thục. Nhìn anh chơi đàn, đôi tay mềm mại và linh hoạt. Đôi mắt sáng rực khi tiết tấu của bản nhạc thúc giục đoàn quân lên đường tiến về phía trước nơi bom rơi, đạn nổ... Khán giả ngồi xem, theo dõi bàn tay rung cần đàn nảy ra những thanh âm làm mê đắm lòng người của anh với vẻ thán phục. Trong dòng âm thanh ấy có lúc đưa ta đến một vùng quê thanh bình yên ả, có khi hùng hục lửa tranh đấu, có tiếng bom gào, đạn xé, tiếng con trẻ khóc thét đòi mẹ vì giặc Mỹ đã giết mất dòng sữa nóng hổi, ngọt ngào từ cặp môi thơ ngây, có tiếng kèn gọi đoàn quân xung phong nơi trận tiền mịt mù khói lửa... Kết thúc bản nhạc, khán giả như lặng đi, bỗng chợt tỉnh với tràng pháo tay liên hồi cùng những lời khen tốt đẹp nhất dành cho Hạng.

Bỗng từ hàng ghế đầu, một vị khách mời trong uỷ ban Quốc tế đứng bật dậy, ông tiến về phía sân khấu. Tới vị trí đặt chiếc đàn bầu mà Kim Hạng vừa biểu diễn, ông đưa tay nâng mảnh vải phủ chiếc bàn gỗ nơi đặt đàn để lộ một khoảng trống rỗng, không hề có vật lạ nào dưới đó. Trên mặt bàn, chiếc đàn bầu hơi xê dịch một chút vì khi nhấc mảnh vải đã chuyển động tới vị trí đặt đàn. Cây đàn một dây nằm đó, ông không tin vào mắt mình bởi sự cấu tạo quá thô sơ ấy đã cho ông và mọi người thưởng thức một chuỗi âm thanh phong phú nhiều cung bậc đến vậy! Càng ngạc nhiên hơn khi ông nhìn thấy thân đàn chỉ là một hộp gỗ không hề có những bộ phận hỗ trợ âm thanh nào khác. Hơn nữa, loại gỗ này chắc chắn không phải là loại gỗ đắt tiền để làm ra những cây vĩ cầm danh giá mà ông từng biết. Ông cứ đứng như vậy thật lâu trên sân khấu để ngắm nhìn thật kỹ cây đàn độc đáo này. Chắc chắn đây là lần đầu ông được thấy, được nghe tiếng đàn bầu Việt Nam. Những âm thanh ấy đã cuốn hút sự chú ý của ông, làm mê đắm ông và khán giả ngồi xem. Ông quay về hàng ghế mà như đi trong mơ...

Kết thúc buổi liên hoan văn nghệ với bài dân ca quan họ “Người ơi, Người ở đừng về...”. Lời ca thấm thiết, níu kéo làm cho người xem với người biểu diễn không còn khoảng cách, cứ lưu luyến mãi, dùng dằng không nỡ chia xa. Trời đêm Tân Sơn Nhất càng thêm huyền ảo. Những vì sao như sáng hơn, lung linh hơn.

Đêm ấy, mọi người ra về không biết tâm trạng của họ thế nào? Còn tôi, về đến phòng ngủ, mặc màn xong, tắt đèn và không tài nào chợp mắt được. Tiếng gió Jông lên trên nóc mái nhà, qua một khe hở tạo ra thứ tiếng ù ù như lời trò chuyện lúc to, lúc nhỏ càng làm tôi không thể nào ngủ được. Nhưng không phải vậy, chính là tiếng đàn bầu tối nay của Kim Hạng biểu diễn, vẫn văng vẳng đâu đây, đa diết quá. Tiếng đàn cho tôi nhớ về miền quê trăm nhớ, nghìn thương. Nơi đó con sông quanh năm ngàu đỏ phù sa và điểm tô cho đôi bờ bãi ngô xanh ngát. Cánh buồm nâu ngược xuôi mang theo bao câu chuyện tình vui, buồn oan trái Kỷ niệm tuổi thơ lại ùa về, như hôm nào cùng lũ bạn vẫy vùng trên sông mùa nước cạn, những bọt phù sa còn bám đầy trên tóc, trên lưng. Mỗi lần như vậy, mẹ lại lôi tôi ra bắt tắm gội lại. Gáo nước sạch gội xuống đầu kéo theo

những hạt phù sa màu mỡ của dòng sông quê hương. Tôi cứ để hình ảnh ấy chế ngự mãi trong đầu.

Từ nơi xa xôi này, tôi được nghe tiếng đàn bầu quê mẹ, đó không phải là tài nghệ của người biểu diễn, của những giai điệu độc đáo chỉ riêng có trong đàn bầu mà đây là món quà tinh thần quý giá mà Đảng, quân đội và nhân dân đã dành cho những đứa con thân yêu của mình đang từng giờ, từng phút đối mặt công khai, trực tiếp với quân thù. Sự quan tâm ấy, sự chăm lo ấy tạo cho chúng tôi niềm tin vào ngày thắng lợi cuối cùng, cho chúng tôi có thêm sức mạnh để tiếp tục cuộc chiến đấu trên trận địa ngoại giao giữa nơi hang ổ của kẻ thù.

Thật vậy, niềm tin và sức mạnh ấy đã cùng với chúng tôi đi tới ngày Đại thắng mùa Xuân (30-4-1975).

Đất nước sạch bóng quân thù, nhân dân ta tiếp tục sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trên mỗi chặng đường ấy tôi vẫn thấy tiếng đàn bầu Việt Nam luôn là nguồn cổ vũ cho mọi hoạt động của mình trong mỗi lúc khó khăn và động viên tôi khi thuận lợi.

Sau này tôi còn nhiều dịp được nghe biểu diễn đàn bầu của những nghệ sĩ tài danh, trong các nhà hát có trang âm hiện đại. Nhưng chưa bao giờ có ấn tượng sâu sắc như lần được nghe tiếng đàn bầu do Phạm Kim Hạng biểu diễn trong “trại Davis”.

Tiếng đàn ấy là một kỷ niệm sâu sắc nhất đối với tôi trong suốt chặng đường phục vụ quân đội và đi cùng tôi đến ngày hôm nay.

4-2004

HAI ĐOÀN TRONG BỐN BÊN

Nhằm đích Sài Gòn ta tiến quân

Bước vào trận đấu lắm gian truân

Hiên ngang sông giữa bao đồn giặc

Khỏe đẹp nhu hiền trong mắt dân

Đên các sân bay coi Mỹ cút

Qua bao ngục tôi đón người thân

Trên bàn hội nghị: lời đánh thép

Phối hợp Bắc Nam đẹp tuyệt trần

Giọng hát điệu đàn say đắm khách

Đường cầu nhịp bóng rộn trên sân

Tám trăm ngày đấu tranh bền bỉ

Giải phóng miền Nam đã góp phần.

Nhân kỷ niệm 30 năm ngày ký Hiệp định Paris và họp mặt truyền thống anh chị em trong hai Đoàn đại biểu quân sự chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà và Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam tại Hà Nội.

Hà Nội, ngày 27-4-2003

NGÔ THẾ KỶ

TA VÀO TRẬN MỚI

Ngày ấy, em vừa đôi tám

Lên đường theo giải phóng quân

Qua rồi mấy mùa mưa, nắng,

Bung biền in những dấu chân.

Lại đến mùa khô chiến dịch

Bom thù ngăn trước, chắn sau,

Cây khô trơ cành, trụi lá

Chát độc nồng cay, máu trào...

Em vẫn cùng anh ra trận

Băng qua trăm suối, ngàn đèo,

Cơn sốt dìm mình trong nước,

Chân run, em cố bước theo.

Gian nguy mà nghe em hát

Anh càng tin vào ngày mai

Lời ca bay trên lửa đạn,

Theo anh suốt chặng đường dài.

Hiệp định Paris vừa ký

Chúng mình được lệnh lên đường

Ta đã bước vào trận mới

Hẹn ngày về với quê hương.

Sáng nay vào Tân Sơn Nhất

Em vui rạng rỡ nụ cười

Hoa rừng trên tay thắm đỏ

Em là hoa ngát muôn đời.

Nhớ Tết Mậu Thân năm ấy,
Đường băng ai đứng hiên ngang,
Súng vẫn trong tay nắm chặt,
Làm nên đáng đứng Việt Nam.
Cùng đôi dép mòn chiến trận,
Cánh mũ tai bèo nhấp nhô,
Nắng sớm tô hồng đôi má,
Em về đây nơi thành đô.
Hôm nay ta vào trận mới,
Đạn bom lúi phía cuối trời
Đổi mặt trước bày quỷ dữ,
Tiếng ca em vang muôn nơi
Vàng đông sẽ hồng thành phố,
Đêm tàn ủa dưới chân mây,
Vui giữa cờ, hoa chiến thắng,
Ta về, tay nắm trong tay...

Xuân 1973-2003

LINH GIANG

HOA NỞ TRONG TRẠI DAVIS

Hoa đã nở trên một vàng đất mỏng
Giữa mùa khô nắng nóng khét thịt da,
Bao ngày tháng cùng gió lay, chớp giạt,
Hoà mờ hời trong mỗi giọt mưa sa.
Hoa từ quê hương mang niềm vui của Mẹ,
Đến với con khi đang phải xa nhà,
Lòng thăm nhủ, Mẹ thương con nhiều lắm,
Là tấm áo này che bão tố, phong ba.
Trông hoa nở lại thấy hình dáng Mẹ,
Mảnh thân gầy mòn mỗi đợi tin con,
Nào ai biết bao đêm đông rơi lệ,

Ngóng trời Nam vọng tiếng súng công đồn.
Xa quê hương mấy ngàn ngày không nghỉ
Dấu chân vương mây trắng đỉnh Trường Sơn,
Từ Plây Me đến Đắc Tô, Tân Cảnh,
Sóc Con Trăng hay Dầu Tiếng, Sài Gòn...
Trong bom đạn, lúc đói cơm, nhạt muối
Chỉ một lòng son sắt với quê hương.
Nay đang ở giữa hang hùm, miệng sói
Hoa cho ta một sức mạnh phi thường.
Ơi em gái tưới hoa bên hồ Hữu Tiệp
xác “pháo đài bay” gục dưới chân em,
Cánh hoa mỏng manh hơn ngàn sắt thép,
Quý dữ kia, tội ác đã phải đền.
Hoa vẫn nở trên một vùng đất bỏng,
Mặc mùa khô nắng nóng khét thịt da.
Xin dâng Mẹ, đây bông hoa chiến thắng,
Để quê hương tươi thắm những mùa hoa.
Tân Sơn Nhất 1-1974
Hà Nội 1-2004

HOÀNG KHÁNH

VỀ THĂM “TRẠI DAVIS”

Kính tặng hương hồn các liệt sĩ đã hy sinh tại “trại Davis”
Tôi về thăm “trại Davis” xưa,
Mảnh đất nằm nghiêng bên đường băng Tân Sơn Nhất.
Nơi ấy, một thời chúng tôi đối mặt
Với quân thù lắm chước quỷ, mưu ma...
Tôi đi tìm những kỷ niệm chưa xa,
Một vách gỗ,
Một bóng cây,
Một căn hầm tránh đạn,

Một bóng dáng thân quen,
Một nụ cười bè bạn...
Khuất xa rồi, man mác mấy bờ lau (!)
Tôi đi tìm vạt đất, luống rau,
Bông cúc nở, ngát căn phòng làm việc.
Cây trứng cá lắng nghe lời từ biệt,
Để ngân nga
“Người ơi! Người ở đừng về!...”
Trong hoang sơ tôi vẫn bước đi,
Làn mây trắng che lưng trời bớt nắng.
Ở đâu đó vẳng lên tiếng đàn bầu trầm bổng
Nhớ đêm nào ta đứng lặng cùng nghe...
Ngoài rào kia đang rộn rã tiếng ve,
Cỏ ngập lối mắt nhòe, tôi đứng lặng.
Anh ngã xuống trước hồi kèn chiến thắng
Máu đỏ loang thắm mảnh đất nơi đây.
Đồng đội ơi! Anh có thấy hôm nay,
Ngày đại thắng cùng đứng vào đội ngũ
Rừng cờ đỏ đang rợp trời thành phố
Khúc quân hành hát mãi đến mai sau...
Tân Sơn Nhất, 4-2001
QUỐC KỶ

NHỮNG NGÀY CUỐI CÙNG TẠI TRẠI DAVIS

Từ cuối tháng 3 đầu tháng 4 năm 1975, sau khi quân ta liên tiếp giải phóng từ Đà Nẵng đến Nha Trang và Đà Lạt, hai đoàn ta đã nhìn rõ triển vọng tiến về Sài Gòn, cấp trên không tiện phổ biến sớm, nhất là qua điện đài, nhưng biết rằng cán bộ ta đủ sức hiểu. Không còn liên lạc máy bay được với Lộc Ninh từ đầu năm, các chuyến bay Hà Nội vẫn còn tiếp tục tuy không đều đến cuối tháng 3 năm 1975. Hai đoàn có cử người ra xin chi viện một số vũ khí, nhất là vũ khí chống tăng, và phương tiện đào công sự. Cấp trên bày tỏ thông cảm nhưng không thể đáp ứng, vì chở trên máy bay Mỹ một đoạn đường dài trong thời điểm đó là mạo hiểm.

Ngày 8 tháng 1 năm 1975, Đảng uỷ hai đoàn họp bàn rất kỹ, dự kiến khả năng và triển vọng diễn biến tình hình, tính đến các tình huống xấu có thể xảy ra với đoàn, và hạ quyết tâm

chuẩn bị mọi mặt để sẵn sàng chiến đấu: dự trữ lương thực, thực phẩm, thuốc men, làm kế hoạch chiến đấu, vẽ sơ đồ hệ thống công sự, tổ chức và phân công lực lượng, v.v... và kế hoạch lãnh đạo tư tưởng.

Ngày 15 tháng 4 năm 1975 có chuyến máy bay lên thẳng đặc biệt của uỷ ban Quốc tế vào Lộc Ninh tiếp xúc chuẩn bị cho việc đón hai sĩ quan Indonesia và Iran trong Tổ uỷ ban Quốc tế bị quân ta giữ từ trận đánh giải phóng Buôn Ma Thuột, Đoàn Chính phủ Cách mạng lâm thời kết hợp cử cán bộ vào Miền báo cáo tình hình, quyết tâm và kế hoạch của đoàn, và xin một ít lựu đạn thủ pháo chống tăng (là vấn đề kẹt nhất của đoàn ta nếu phải chiến đấu chống xe tăng địch, vì chỉ có mấy chục tiểu liên và súng trường). Bộ Chỉ huy Miền giao cho đồng chí cán bộ trở ra chuyển đạt ý định và kế hoạch của Bộ Chỉ huy là khi ta bắt đầu cuộc Tổng tấn công vào Sài Gòn, sẽ có một cánh đặc công vào ngay trại Davis đón đoàn ra nơi an toàn, chỉ để lại lực lượng vệ binh và một số ít cán bộ. Đoàn phải chuẩn bị sẵn sàng để thời điểm đến là đi được ngay.

Đảng uỷ đoàn lại phải họp bàn ngay. Mọi người đều suy nghĩ như nhau: rút như thế này không lợi, dễ bị động và tổn thất nếu đụng địch, trong lúc ta có đủ yếu tố cần thiết để chiến đấu và bám trụ thắng lợi tại chỗ. Mặt khác còn hai đoàn bạn Hungary và Ba Lan, họ đã và đang hết lòng tương trợ ta trong những ngày giờ căng thẳng đang trải qua, nay ta lặng lẽ rút đi một mình thì không thể được. Cuộc họp nhất trí đề nghị Quân uỷ và Bộ Chỉ huy Miền cho phép đoàn tự tổ chức chiến đấu tại chỗ và bảo đảm sẽ đủ sức bảo toàn lực lượng.

Ngày 17 tháng 4 năm 1975 lại có một chuyến máy bay lên thẳng đặc biệt của uỷ ban Quốc tế đi Lộc Ninh đón hai sĩ quan nói trên, đồng chí Nguyễn Văn Sĩ, phó trưởng đoàn - được lệnh điều động về hấn Bộ Tham mưu Miền - được giao nhiệm vụ vào trực tiếp báo cáo và chuyển đề nghị của đoàn. Cấp trên đồng ý, và sĩ quan liên lạc ta khi trở về Tân Sơn Nhất còn được cấp hai va li thủ pháo mà Bộ Tham mưu đã chuẩn bị sẵn. Món hàng gọn, không nặng quá và cũng giống những va li hàng được mang đi mang về trước đây, lại đi nhờ máy bay của Uỷ ban Quốc tế nên giữ được bí mật. Từ nay đã có vũ khí đánh tăng rồi, tuy thuộc loại nhẹ và không nhiều, nhưng cũng tăng được khả năng chiến đấu thực tế chống xe tăng địch.

Từ ngày 18 tháng 4 năm 1975, toàn bộ lực lượng hai đoàn ta tại trại Davis bắt tay vào đào công sự và chuẩn bị chiến đấu. Khó khăn nhất là có quá ít cuốc xẻng, phải dùng thêm lưỡi lê, dao găm và những thanh sắt (có sẵn rải rác, trước không dùng) được đập dẹt ra để đào, lại phải đào về đêm và không gây tiếng động để giữ bí mật, vì hàng chục vọng gác quân Sài Gòn vẫn bao quanh doanh trại. Toàn khu doanh trại chia thành 7 khu vực chiến đấu, mỗi khu vực có hệ thống công sự chiến đấu của mình, 7 khu vực nối liền với nhau bằng hệ thống giao thông hào có nắp dầy gần như địa đạo, mỗi nhà đều có hầm ẩn nấp và nghỉ ngơi dưới sàn. Như vậy trong thời gian chiến đấu có thể ăn ở luôn dưới mặt đất, và liên lạc liên hoàn với nhau bằng địa đạo. Chỉ huy toàn lực lượng có Sở chỉ huy ngầm (chính thức và dự bị), có mạng điện thoại nối Sở chỉ huy với tất cả các khu vực và đầu mối. Bảo đảm thương binh có hầm quân y tương đối sâu và rộng, có hai bác sĩ phụ trách. Lương thực, thực phẩm và thuốc men do từ lâu đã có ý thức dự trữ đề phòng địch phong toả nên nay chuẩn bị thuận lợi, đầy đủ, ít nhất 7 ngày, đủ thời gian cần thiết cho việc thực hiện sứ mạng bám trụ của đoàn. Đèn dầu hoả và đèn sáp (nến) được phân phối đủ cho các bộ phận. Nước

sôi để người cũng được chuẩn bị sẵn và thường xuyên bổ sung. Công tác chính trị tư tưởng lần này tiến hành khá dễ dàng và thuận lợi, có thể nói tất cả cán bộ, chiến sĩ và nhân viên đều thông suốt phần khởi, tự giác tích cực tham gia công việc, chủ động tìm cách khắc phục khó khăn. Không khí đoàn kết và kỷ luật trong toàn đơn vị chưa bao giờ nổi bật lên sâu sắc và cảm động như trong thời gian này. Không đến 10 ngày mọi việc chuẩn bị được hoàn thành, đơn vị đã sẵn sàng chiến đấu trước ngày quân ta bắt đầu nổ súng đánh vào Sài Gòn, địch không hay biết gì cả.

Sau này có người kể rằng đoàn có gửi điện ra Quân uỷ Trung ương hứa sẵn sàng “hy sinh vì đại cuộc”. Điều này không đúng.

Trong cuộc họp Đảng uỷ ngày 8 tháng 4 đã nêu trên, đúng là có đôi ý kiến nêu ra như thế. Đoàn ta đơn độc, có quá ít vũ khí, khả năng tự vệ hạn chế, nhưng vì thắng lợi cuối cùng ta sẵn sàng hy sinh. Ý kiến đó về bản chất thì tốt, thể hiện tinh thần cách mạng và lòng dũng cảm đáng quý, nhưng nó thụ động và không phù hợp với tình thế. Phần lớn các đồng chí trong Đảng uỷ đã lần lượt phân tích, dự kiến tất cả các tình huống, cân nhắc tất cả các khía cạnh, cuối cùng đã kết luận: bây giờ không phải như năm 1973 nữa. Quân ta thắng lợi như chẻ tre, chẳng mấy chốc sẽ tràn về tràn ngập Sài Gòn từ bốn phía. Mỹ không phản ứng. Nguyễn Văn Thiệu bị cô lập cao độ, nội bộ đối phương lục đục, quân Sài Gòn bị làn sóng tan rã từ Tây Nguyên và từ dọc ven biển miền Trung tràn về làm cho mất tinh thần. Đã bị đánh thì dẫu nào lo mạng dẫu này, vào gây sự tại trại Davis sẽ đạt được cái gì? Nếu có đơn vị nào được lệnh quay vào đánh ta thì chúng cũng không còn tinh thần đâu mà chấp hành triệt để. Ta ít vũ khí nhưng ta chuẩn bị đầy đủ và sẵn sàng. Điều quan trọng nhất là ta ở thế thắng và ý chí chiến đấu kiên định. Đồng chí Nguyễn Văn Hoàn (tức đồng chí Hai An, Đảng uỷ viên của đoàn, sau này là Thành uỷ viên thành phố Hồ Chí Minh, nay đã mất), người thường xuyên ốm yếu nhưng lập trường luôn kiên định, hôm nay lại nhắc lại câu mà đồng chí thường nói: “thế ta là thế đứng trên đầu thù”. Vì vậy cho dù quân địch có quay vào đánh ta, cho dù cả xe tăng, ta cũng đủ sức cầm cự một số ngày, đủ để cho đại quân kịp tiến vào tiếp ứng. Nếu có thương vong thì cũng là điều bình thường như trong các trường hợp chiến đấu khác không thể có chuyện phải hy sinh cả đơn vị. Kết luận này được toàn thể Đảng uỷ nhất trí, và được tất cả anh chị em thông suốt và quán triệt. Khẩu hiệu động viên chung là: “Chiến đấu và chiến thắng”.

Trước ngày nổ súng, đoàn ta có nhận được một bức điện ngắn từ Hà Nội của Đại tướng Võ Nguyễn Giáp, đại ý: Quân uỷ Trung ương và Bộ Tổng tư lệnh rất thông cảm hoàn cảnh của các đồng chí. Hãy động viên anh chị em vững vàng ý chí chiến đấu, đứng vững trên vị trí của mình. Ngày thắng lợi không còn xa nữa. Trường đoàn đã điện trả lời ngay, với tinh thần: “Tất cả anh chị em đã sẵn sàng chiến đấu cả tinh thần và vật chất và xin hứa sẽ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình”.

Tối 21 tháng 4 năm 1975, Nguyễn Văn Thiệu xuất hiện trên vô tuyến truyền hình, hằn học chửi rủa người Mỹ và tuyên bố từ chức. Mấy hôm sau hắn lên máy bay chuồn ra nước ngoài, định cuồn theo cả mười bảy tấn vàng (nghe báo chí kể lại) nhưng bị ngay tay chân cũ giữ lại. Nguyễn Văn Hương, Phó tổng thống lên thay, cố chịu trận được một tuần rồi cũng rút. ông Dương

Văn Minh, người cầm đầu cuộc đảo chính lật đổ Ngô Đình Diệm tháng 11 năm 1963, nay được Mỹ khuyến khích hòng có cơ may thương lượng với phía cách mạng, lại được sự góp ý và thúc đẩy của một số nhân vật mong muốn cuộc chiến tranh kết thúc mà không gây đổ máu nhiều và tàn phá lớn cho Sài Gòn, nhận đứng ra làm tổng thống, mong vớt vát được chút gì cho cái chế độ “Việt Nam cộng hoà” trước vực thẳm, hoặc nếu không thì cũng thực hiện việc “chuyển giao chính quyền” một cách êm ả.

Muộn quá rồi, tội ác chồng chất tày trời của chế độ nguy quyền tay sai Mỹ đối với nhân dân và Tổ quốc, tội lỗi của Nguyễn Văn Thiệu phá hoại Hiệp định Paris đã đến lúc phải được thanh toán. Tuy nhiên như ta đã thấy, cuộc Tổng tiến công giải phóng Sài Gòn đã được thực hiện nhanh gọn, không có sự đổ máu nào của nhân dân và cũng chẳng có sự tàn phá nào về tài sản.

Ngày 26 tháng 4 năm 1975, chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử được mở màn đánh vào vành đai phòng thủ ngoại vi Sài Gòn, Chính phủ Cách mạng lâm thời ra tuyên bố kêu gọi quân đội Sài Gòn hạ vũ khí để bớt đổ máu và bớt thiệt hại cho nhân dân.

Vào khoảng 17 giờ 15 chiều thứ hai 28 tháng 4 năm 1975, một toán máy bay A37 (loại máy bay oanh tạc mới của quân Sài Gòn) đột nhiên đến ném bom đồng loạt khu vực quân sự của sân bay Tân Sơn Nhất. Mảnh bom bay rào rào sang khu vực trại Davis, vì trại này chỉ cách khu để máy bay quân sự có một bức tường, một dãy hàng rào kẽm gai và một dãy hầm cất máy bay. Bị bất ngờ, tất cả anh chị em ta nhảy xuống hầm. Sau một lúc định thần lại, cùng nhau nhận định đây chỉ có thể là phi công Sài Gòn phản chiến hoặc chính là trận tấn công của ta. Và mọi người hiểu rằng đã đến lúc bắt đầu đại sự rồi. Đêm đó tất cả các bộ phận được lệnh của chỉ huy đoàn xuống ngủ dưới hầm theo đội hình chiến đấu đã được chuẩn bị, triển khai canh gác tuần tiễu theo kế hoạch tác chiến, vận hành ngay mạng điện thoại bảo đảm thông suốt từ Sở chỉ huy đến tất cả các đầu mối, trạm quân y đã chiến được bố trí sẵn sàng nhận thương binh, điện đài cơ yếu canh trực liên tục đón mệnh lệnh chỉ thị của cấp trên.

Phần lớn đêm 28 tháng 4 yên tĩnh. Mọi người đang ngủ ngon, bỗng nhiên vào khoảng 3 giờ sáng tiếng đạn pháo lớn và hoả tiễn nổ vang, bay tới tấp vào khu vực Tân Sơn Nhất. Hai đoàn ta đã chuẩn bị kỹ công sự từ trước nên yên tâm, mặc dù tiếng đạn rít trên trời, cả tiếng đạn nổ vang ngay trong khu doanh trại nghe thật khủng khiếp. Một lát sau Sở chỉ huy được báo cáo: một đồng chí đại úy bảo vệ và một trung sĩ canh vệ đang làm nhiệm vụ canh gác trên hầm nổi bị trúng đạn pháo hy sinh. Còn bốn đồng chí nữa, do đứng ở miệng hầm để nhìn, bị mảnh pháo và hoả tiễn bay trúng bị thương, trong đó có một đồng chí sau phải cưa một chân.

Từ lúc đó đến suốt ngày 29 tháng 4 đạn hoả tiễn và đạn pháo 130 ly của ta lúc dày lúc thưa vẫn tiếp tục được bắn vào Tân Sơn Nhất. Sau này xong việc rồi, ta cho đi đếm lại, có đúng 25 viên đã rơi vào trại Davis. Từ cự ly 18 đến 24km bắn hàng ngàn viên vào đường băng sân bay, việc một số ít viên tàn mát sang là điều tất yếu không tránh khỏi.

Trong buổi sáng 29 tháng 4, đại sứ Mỹ Ma-tin mấy lần qua Đoàn Hungary bắt tin muốn gặp trưởng đoàn đại biểu quân sự Chính phủ Cách mạng lâm thời trong Ban Liên hợp quân sự hai bên trung ương, nhưng lúc này còn gì để bàn bạc? Ta không trả lời.

Trưa 29 tháng 4 có một đoàn khách khá đặc biệt đến xin gặp trưởng đoàn ta, tự giới thiệu là “phái viên của Phó tổng thống Nguyễn Văn Huyền” đến “bàn việc bàn giao chính quyền”. Đoàn gồm các ông:

- Nguyễn Văn Diệp, Tổng trưởng tiếp thương, Trưởng đoàn;
- Nguyễn Đình Đầu, phụ tá Phó tổng thống đặc trách hoà đàm;
- Tô Văn Cang, chuyên viên của Văn phòng Phó tổng thống;
- Nguyễn Văn Hạnh, chuyên viên của Văn phòng Phó tổng thống.

Trong tình huống lúc này lãnh đạo đoàn ta không thể tiếp nên cử cán bộ ra chuyển lời Trưởng đoàn là đoàn không được uỷ quyền bàn bạc vấn đề gì, mọi điều cần thiết đã được nêu rõ trong Tuyên bố ngày 26 tháng 4 năm 1975 của Chính phủ Cách mạng lâm thời.

Khoảng 14 giờ 30 phút, một đoàn thứ hai tự giới thiệu là giáo sư Châu Tâm Luân và linh mục Chân Tín xin gặp. Trung tá Bùi Thiệp, Trưởng ban Thông tấn báo chí được cử ra, trao cho họ bản Tuyên bố ngày 26 tháng 4 của Chính phủ Cách mạng lâm thời và cũng trả lời như với đoàn buổi sáng. ông Châu Tâm Luân cho biết được ông Dương Văn Minh cử làm Bộ trưởng.

Đến khoảng 17 giờ 30 có thêm luật sư Trần Ngọc Liễn cùng với ông Châu Tâm Luân và linh mục Chân Tín lại đến thiết tha xin gặp để bàn làm sao cho việc ta đánh chiếm Sài Gòn đỡ đổ máu, bớt tổn hại về vật chất.

Ta cũng không thể làm gì khác hơn hai lần trước. Tuy nhiên, xét đây là những người thuộc lực lượng thứ ba lâu nay đối lập với chế độ độc tài của Nguyễn Văn Thiệu, không nề nguy hiểm đến lại lần thứ hai, nên ta nể tình báo cho biết có thể tiếp ba vị với tư cách cá nhân của họ chứ không với tính chất đại diện nào. Họ đồng ý, và ta cho đón vào phía trong, phân công đồng chí Võ Đông Giang, Phó trưởng đoàn tiếp tại hầm Sở chỉ huy dự bị. Họ vừa vào đến hầm thì đợt pháo cấp tập của trận đánh trực tiếp vào Tân Sơn Nhất bắt đầu, và chắc chắn suốt đêm nay sẽ không ngơi tiếng súng. Để bảo đảm an toàn tính mạng, ta khuyên họ ở lại cho đến lúc xong trận. Tuy nhiên để tránh bị hiểu lầm là ta cố tình giữ họ lại, ta nói sẽ cho lực lượng yểm trợ nếu họ muốn về. Sau mấy phút suy nghĩ và trao đổi ý kiến với nhau, họ xin ở lại, vì cũng thấy trở về lúc này là quá mạo hiểm. Như vậy là trong cái đêm 29 tháng 4 năm 1975 lịch sử trong một Sở chỉ huy quân cách mạng ở ngay tại Tân Sơn Nhất, có ba vị khách không phải là quân giải phóng, một giáo sư, một luật sư và một linh mục Thiên chúa giáo, cùng với một sĩ quan cộng sản thức trắng để trò chuyện và theo dõi nhịp độ thần tốc của cuộc Tổng tiến công giải phóng Sài Gòn. Đồng chí Võ Đông Giang đã tranh thủ cơ hội tâm tình và giải thích cho họ căn kẽ mọi vấn đề về cách mạng mà họ còn băn khoăn nghi ngại.

Ngày hôm sau 30 tháng 4, khi tiếng súng phía Tân Sơn Nhất đã im và ta đã gặp được lực lượng bên ngoài vào, ta mời họ dự một bữa liên hoan trước khi chia tay và theo yêu cầu của khách

tặng mỗi người hai chai rượu lúa mới và một gói lương khô mà họ nói rất quý vì “chỉ quân giải phóng mới có”. Sau đó ta cấp giấy cho họ ra về, và được biết họ không gặp trở ngại gì dọc đường.

Trong khi vạch kế hoạch đánh vào Tân Sơn Nhất, cấp trên rất quan tâm đến vấn đề an toàn của hai đoàn ta.

Mặc dù đã đồng ý cho đoàn tự tổ chức chiến đấu tại chỗ, Bộ Chỉ huy chiến dịch vẫn cho chỉ định (và đã kiểm cách thông báo trước được cho đoàn) một cánh đặc công và một cánh xe tăng có nhiệm vụ đặc biệt phải tìm cách sớm nhất tới được trại Davis để tùy tình hình mà xử trí, tăng cường bảo vệ cho đoàn hoặc đưa bớt lực lượng đi ra khu vực an toàn. Có lẽ vì trận đánh vào Sài Gòn diễn ra nhanh và thuận quá, mọi dự kiến tình huống đã đảo lộn, mọi kế hoạch xử trí cũng thay đổi, nên suốt đêm đến khi thắng lợi không thấy cánh đặc công nào cả. Còn đơn vị xe tăng đoàn đã được phổ biến tần số liên lạc từ trước) thì khoảng 2 giờ sáng có lên tiếng, đại úy: “Xin chào các đồng chí, đúng là lúc đầu chúng tôi có được giao nhiệm vụ vào tiếp cứu, nhưng bây giờ tình hình khác rồi, chúng tôi được lệnh chuyển đến mục tiêu khác. Xin chúc an toàn khỏe mạnh”.

Sau khi nghe cán bộ điện đài báo cáo, mọi người không ai tỏ chút buồn phiền mà trái lại hân hoan phấn khởi vì thấy trận quyết chiến cuối cùng diễn biến thật là thuận lợi. Anh em thông tin điện đài thuộc bộ phận “kỹ thuật” còn có sáng kiến dò sóng để theo dõi liên lạc chiến đấu của các đơn vị của ta tiến gần. Vào khoảng hơn nửa đêm 29 tháng 4, có một đơn vị tiểu đoàn từ hướng Bà Quẹo đã tiến đến ngã tư Bảy Hiền. Anh em điện đài đưa máy đến gần cho Trưởng đoàn và mấy đồng chí gần đó cùng nghe. Từ trong cái đài nhỏ bé vọng ra những câu đàm thoại thật thú vị và cảm động đại ý: “Báo cáo đại đội tôi đã đến ngã tư Bảy Hiền, đúng, đồng bào nói đây là ngã tư Bảy Hiền. Chưa đụng địch, còn đồng bào cho quà nhiều lắm”. Một giọng khác vang lại, có lẽ là của chính trị viên tiểu đoàn: “Hoan nghênh các đồng chí. Phải tìm cho trúng đích đánh, không được làm cho nhân dân hoảng sợ. Đồng bào cho thì lấy nhưng chỉ lấy một ít thứ ăn được lót lòng thôi, không được tham. Đặc biệt nhắc lại anh em không được đụng đến cây kim sợi chỉ của dân...”. Ôi cái câu cuối cùng, cái mệnh lệnh và là điều đầu tiên trong 12 điều kỷ luật của quân đội nhân dân, cái khẩu hiệu thiêng liêng đã đi theo các chặng đường chiến đấu gian khổ và chiến thắng nhờ được nhân dân đùm bọc, nay trong đợt vũ bão tiến vào sào huyệt cuối cùng của quân thù nó vẫn vang lên nghiêm khắc, trong trời và đầm ầm xiết bao.

Sau này được biết, trước rạng sáng 30 tháng 4 năm 1975, đại sứ Ma-tin cùng tập người Mỹ cuối cùng tại Sài Gòn và miền Nam Việt Nam đã lên chiếc máy bay lên thẳng cuối cùng từ nóc Đại sứ quán Mỹ bay ra biển. Như vậy là quân và dân ta đã thực hiện trọn vẹn quyết tâm sắt đá được Bác Hồ long trọng tuyên bố năm 1966: “Hễ còn một tên xâm lược trên đất nước ta thì ta còn phải chiến đấu quét sạch nó đi”.

Khoảng sáu giờ sáng 30 tháng 4 năm 1975, anh em ở vọng gác phía cổng chính báo cáo là đơn vị bổ sung quân dù trước cổng đang hô nhau tháo chạy, vừa chạy vừa cởi áo quần rần rí vút đầy đường. Đại đội xe tăng thì biến từ lúc nào không rõ. Nhìn quanh bốn mặt, tất cả các vọng gác

và tháp canh đều trống, không còn bóng dáng một tên lính gác và một họng súng nào. Như vậy rõ là phía này đã xong, nhưng tiếng súng còn rền vang các hướng khác. Tất cả các bộ phận đều được lệnh vẫn ở yên tại vị trí và vẫn phải sẵn sàng chiến đấu không được lơ là mất cảnh giác.

9 giờ 30 phút sáng 30 tháng 4 năm 1975, ông Dương Văn Minh tuyên bố trên Đài phát thanh Sài Gòn sẵn sàng chuyển giao chính quyền cho đại diện của cách mạng, ra lệnh cho quân Sài Gòn ở nguyên tại chỗ.

Ban chính trị của đoàn có sáng kiến đưa ngay lá cờ nửa đỏ nửa xanh to nhất của Chính phủ Cách mạng lâm thời mà ta có lên treo ở đỉnh tháp nước là chỗ cao nhất của trại Davis và cũng là chỗ cao đối với một khu vực rộng lớn xung quanh. Có lẽ đây là lá cờ hoặc một trong số lá cờ được kéo lên sớm nhất trên thành phố Sài Gòn giải phóng.

Khoảng hơn 10 giờ anh em báo cáo đã thấy bộ đội ta tiến đến gần trại Davis. Và Tiểu đoàn 6 thuộc Trung đoàn 9, Sư đoàn 10, Quân đoàn 3, do đồng chí Sơn tiểu đoàn trưởng dẫn đầu đã vào với anh chị em ta. Có lời nào diễn tả được những giây phút xúc động đến nghẹn ngào và khắc cốt suốt đời này? Đúng là “mừng ra nước mắt...”. Sau đó đồng chí trung đoàn trưởng Trung đoàn 9, sư trưởng và chính uỷ Sư đoàn 10 ghé vào thăm trên đường vào chỉ huy việc chiếm lĩnh Tân Sơn Nhất.

11 giờ 30 ngày 30 tháng 4 năm 1975, xe tăng và bộ binh quân ta chiếm lĩnh “Dinh Độc Lập”, lúc đó là Phủ tổng thống của phía Sài Gòn, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ vinh quang mà Bác Hồ đã đề ra trong lời thơ chúc Tết năm xưa: “Vì độc lập, vì tự do, đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào”, để rồi:

“Tiến lên chiến sĩ đồng bào

Bắc Nam sum họp xuân nào vui hơn!”

Với thắng lợi ngày 30 tháng 4 năm 1975, hai đoàn ta tại trại Davis chấm dứt nhiệm vụ.

Ngày 2 tháng 5, Đại tướng Văn Tiến Dũng cùng Bộ Tham mưu tiền phương chiến dịch đã đến đây, tổ chức cuộc họp với một số cán bộ cấp cao các quân đoàn, sư đoàn trước khi chuyển đến Sở chỉ huy mới.

Ngày 3 tháng 5, Trung tướng Trần Văn Trà, Tư lệnh quân giải phóng Miền (B2), Phó tư lệnh chiến dịch Hồ Chí Minh, đã từng là trưởng đoàn đại biểu quân sự Chính phủ Cách mạng lâm thời trong những ngày tháng đầu tiên, vào thăm lại anh chị em và tuyên bố Quân uỷ Miền công nhận đơn vị trại Davis “là một tiền tiêu của chiến dịch Hồ Chí Minh”.

Ngày 4 tháng 5 năm 1975, Bộ Chỉ huy Miền điều động phần lớn cán bộ, chiến sĩ Đoàn B chuyển sang tham gia lực lượng thuộc uỷ ban quân quản thành phố Sài Gòn - Gia Định, số còn lại sau đó trở về đơn vị cũ hoặc nhận nhiệm vụ mới. Đoàn A trở về thủ đô Hà Nội.

MỘT KỶ NIỆM KHÔNG THỂ NÀO QUÊN

HOÀNG DUY HÒA

Cuối năm 1972, tôi được biệt phái về Sư đoàn 5 tham gia chiến dịch Nguyễn Huệ.

Tôi nhận được điện của Cục Chính trị Miền gọi về nhận nhiệm vụ mới. Tôi được giao nhiệm vụ vào công tác ở phái đoàn quân sự của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam - công tác cụ thể ở trong Tiểu ban Trao trả.

Ngày 12 tháng 2 năm 1973, tôi được tham gia vào tổ trong phái đoàn quân sự ra Hà Nội giám sát về việc trao trả tù binh Mỹ tại sân bay Gia Lâm.

Buổi tối, trước hôm ra Hà Nội, thủ trưởng chính trị gọi tôi lên và báo cho biết là tôi vào B2 đã lâu rồi, mai ra Hà Nội sẽ được gặp gia đình. Tổng cục Chính trị cho xe về đón gia đình lên Hà Nội, nhưng do điều kiện đặc biệt của công việc nên toàn bộ cuộc làm việc trao trả và sau đó gặp gia đình, tính cả đi về chỉ trong ngày. Tôi hoàn toàn hiểu rõ về điều này nên đã dự tính sẽ gặp được gia đình khoảng 15-20 phút là cùng.

Vui mừng quá, suốt đêm không tài nào ngủ được nghĩ miên man nhiều chuyện. Nghĩ mình vào Nam Bộ bằng đi bộ trên đường Trường Sơn, nay có phi công Mỹ lái máy bay đưa ra Hà Nội làm việc và gặp vợ con thì thật là hiếm có. Cùng đi trong tổ công tác có anh Nam Bình, anh Hùng Trí cả hai anh cũng có gia đình ở miền Bắc và hôm nay chắc các chị và các cháu cũng sẽ lên Hà Nội và cũng sẽ thật sung sướng khi được gặp các anh.

Vừa xuống đến sân bay Gia Lâm, tôi nhìn thấy ngay một người đàn bà từ phía xa xa đang chỉ trỏ và đẩy đứa con gái chạy ra phía chúng tôi. Khi cháu đang chạy ra thì có anh bộ đội lôi cháu lại, tôi nhận ra đó là vợ và con mình. Để tránh sự xúc động trước mặt sĩ quan đối phương, tôi đi lùi lại một chút và giơ tay ra hiệu là đã nhận biết được rồi.

Vào nơi làm việc trao trả, khi ban tổ chức vừa tuyên bố lý do xong, có cán bộ bấm vào vai tôi nói nhỏ: “ra phía nhà căng tin gặp gia đình”.

Vừa trông thấy tôi, nhà tôi oà lên khóc kể lẽ rằng bao nhiêu năm không nhận được thư từ nào. Năm Mậu Thân làng ta có nhiều giấy báo tử, ai cũng bảo anh đã hy sinh, mẹ thương con dâu còn trẻ, mẹ bảo nó không còn sống thì tùy con tìm nơi xây dựng bước nữa. Em chỉ biết khóc và biết chờ đợi. Nay anh còn sống, còn đủ chân tay... Tôi chỉ vội hỏi hai bên bố mẹ anh em ai còn, ai mất, gia đình có bị bom Mỹ bắn phá hay không? Và biết mẹ tôi ốm, muốn lên thăm con mà không đi được và gia đình tôi lại sợ như trường hợp anh Vinh nên bảo chú em cùng đi.

Nhà tôi kể rằng: “Cách đây 20 hôm, đơn vị bộ đội có xe con về làng đón chị Vinh và các cháu. Anh bộ đội nói rằng nghe đâu anh Vinh bị thương ở chiến trường ra điều dưỡng nên đón chị lên thăm. Khi tới nơi thì được biết là anh bị thương rất nặng và đã chết nên đưa thi hài về quê chôn cất. Tối hôm qua lại có xe con và anh bộ đội về nói là anh ở chiến trường ra, trên cho về đón gia đình lên thăm, yêu cầu phải đi gấp, 4 giờ sáng đi thì mới kịp. Thế là cả nhà ai cũng đoán chắc lại như trường hợp anh Vinh, rồi khóc lóc ầm ĩ.

Đêm đã khuya mà dân làng đến hỏi thăm đông lắm. Em hỏi riêng anh bộ đội, anh nói là chỉ được nhận nhiệm vụ đón gia đình lên Hà Nội gấp chứ anh ấy cũng không biết gì thêm. Ngồi trên xe với con, em nghĩ thầm nếu chẳng may anh có làm sao thì ở vậy nuôi con khôn lớn, sau này chọn đưa con về tết khuyên nó ở về cũng được. Xe ô tô không vào Hà Nội mà rẽ vào sân bay Gia Lâm. Em thấy rất đông người mà không thấy người già, trẻ con, thấy nhiều người nước ngoài vác máy quay phim, máy ảnh. Nhìn khắp không thấy anh, bảo con tìm xem có thấy bố không, nó bảo con không biết mặt bố. Chú em hỏi anh cán bộ thì được biết là chờ Sài Gòn ra trao trả tù binh.

Đến đây nhà tôi lại nghĩ rằng tôi bị bắt làm tù binh nên được trao trả. Thôi như thế còn hơn là đã hy sinh.

Rồi anh bộ đội đưa đi lại bảo, máy bay sắp hạ cánh, chị và cháu đừng có chạy ra đường băng khóc lóc, bọn sĩ quan Mỹ - nguy nó hỏi Phái đoàn Chính phủ Cách mạng lâm thời sao lại có vợ con ngoài Bắc thì phiền. Nhà tôi lại càng không hiểu câu nói của anh.

Khi thấy tôi xuống máy bay đeo băng màu da cam (màu của Liên hợp quân sự) và nhìn kỹ xác định đúng là chồng mình rồi thì rất vui mừng không hỏi han gì nữa. Còn con tôi, khi tôi vào chiến trường cháu một tuổi, nay đã học lớp 5. Mẹ cháu bảo bố của con đấy, cháu cũng chẳng hỏi han gì mà chỉ chạy đi xem tù binh Mỹ được trao trả.

Xem đồng hồ, đã được 15 phút, tôi phải vào vì còn để các anh khác ra gặp gia đình.

Vợ tôi vội vàng nhét vào túi du lịch cho tôi 2 túi thuốc lá Tam Đảo và mấy gói kẹo. Tôi rút cái lược I-nốc tự làm bằng xác máy bay Mỹ cài vào tóc vợ tôi rút cái khăn rằn quấn vào cổ con rồi chia tay, quên cả cảm ơn các đồng chí ở nhà căng tin.

Trao trả xong, chúng tôi lên máy bay về trại Davis, vợ con tôi được xe đưa về gia đình.

Sau nhận được thư nhà tôi viết: “Xe về đến đầu làng họ hàng bà con chạy đến xúm quanh hỏi hết chuyện nọ đến chuyện kia. Người chê trách đã ra đến Hà Nội mà không về thăm nhà hẳn có vấn đề gì đây. Người bảo đi gần chục năm gặp có 15 phút thì ăn thua gì? người khen anh còn khỏe, không cụt chân cụt tay là hạnh phúc lắm đây...”.

Thật là một cuộc gặp mặt hiếm có, một kỷ niệm rất sâu sắc

LÁ CỜ CÁCH MẠNG ĐẦU TIÊN Ở SÀI GÒN TREO TRONG TRẠI DAVIS

VŨ BẢO

Sống giữa sào huyệt của Mỹ - nguy lại bị căn cứ lính dù thiên thần mũ đỏ”, căn cứ thiết giáp “mũ nồi đen”, căn cứ lính biệt kích vây quanh, sĩ quan và chiến sĩ trong Đoàn đại biểu quân sự Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà và Đoàn đại biểu Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam ngày đêm phải sống và làm việc dưới các nòng súng trọng liên của 13 trạm gác. Sau này khi đánh chiếm Bộ Tổng tham mưu quân đội Sài Gòn, quân báo của ta còn bắt được mật lệnh của tên cầm đầu quân đội Sài Gòn chỉ thị cho các đơn vị đóng ở sân bay Tân Sơn Nhất nếu phát hiện dấu hiệu cộng sản chuẩn bị tiến công thì phải chủ động tràn vào trại Davis tiêu diệt cộng sản. Lưỡi hái của thần chết ngày đêm treo trên đầu, trong trại Davis anh em ta vẫn biểu

diễn văn nghệ, văn thi đấu bóng chuyền, bóng rổ, quần vợt..., và hàng tuần vẫn tổ chức chiếu phim. Binh lính Sài Gòn thường leo lên nóc dây công sự bằng bao cát xem phim xã hội chủ nghĩa của chúng ta.

Sang tháng 4 năm 1975, đại quân ta tiến sâu xuống miền Trung Trung Bộ, phía Mỹ viện có vì lý do kỹ thuật đã cắt đứt các chuyến bay hàng tuần Tân Sơn Nhất - Hà Nội - Tân Sơn Nhất. Phạm Văn Lãi, phụ trách tổ chiếu phim không nhận được phim mới của Điện ảnh quân đội Hà Nội gửi vào nữa, anh đành chiếu bộ phim Trần Quốc Toàn ra quân và Vợ chồng anh Lực để duy trì chương trình sinh hoạt văn hoá hàng tuần trong trại Davis.

Trong những ngày bị cắt đứt liên lạc bằng đường hàng không với Hà Nội, Đoàn đại biểu quân sự Việt Nam dân chủ cộng hoà và đoàn đại biểu Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam nhận được điện của Đại tướng Võ Nguyên Giáp gửi vào: Quân uỷ Trung ương và Bộ Tổng tư lệnh rất thông cảm với hoàn cảnh của các đồng chí. Hãy động viên anh em vững vàng ý chí chiến đấu, đứng vững trên vị trí của mình. Ngày thắng lợi không còn xa nữa!

Mãi đến ngày 25 tháng 4 năm 1975, theo yêu cầu của đoàn ta, phe Mỹ phải bố trí một chuyến bay C130 ra Hà Nội. Điện ảnh quân đội gửi vào cho Lãi cả 5 tập phim Giải phóng châu Âu. Ngày 26 tháng 4 năm 1975, Phạm Văn Lãi chiếu cả 5 tập Giải phóng châu Âu Ở ngoài bãi chiếu phim của đoàn. Chương trình chiếu phim quá dài, anh em vẫn hào hứng theo dõi những cảnh phim Hồng quân Liên Xô tiến quân giải phóng thủ đô các nước Đông Âu. Riêng với Lãi, hình ảnh gây ấn tượng mạnh với anh nhất là ba chiến binh Liên Xô leo lên treo cờ trên nóc nhà Quốc hội Đức Anh nghĩ ngày các đồng đội của anh treo cờ lên nóc cơ quan đầu não của chính quyền Sài Gòn chắc cũng “không còn xa nữa”.

Ngay đêm hôm ấy nằm nghe tiếng pháo 130 ly từ xa vọng về và cả về sau này Lãi càng ngẫm nghĩ càng thấy bộ phim Giải phóng châu Âu vận vào đúng câu cuối cùng trong bức điện của Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Có lẽ lúc ấy Đại tướng chỉ có thể nói với anh chị em trong trại Davis ngắn gọn như thế.

Tiếng pháo lớn vọng đến trại Davis mỗi ngày một gần hơn và đúng 3 giờ sáng 29 tháng 4 năm 1975, đạn pháo 130 ly và đạn hoả tiễn của ta bắn tới tấp vào sân bay Tân Sơn Nhất. Nằm dưới công sự có nắp nghe được cả tiếng nổ đầu nòng, Lãi ước tính từ trận địa pháo chiến dịch đến trại Davis chỉ còn cách ngót ngét 15, 16 ki-lô-mét là cùng “ngày thắng lợi không còn xa nữa”.

Gần sáng 30 tháng 4 năm 1975, tiếng đạn pháo nổ thưa dần rồi ngừng hẳn. Tổ điện đài dò sóng, bắt được sóng của một tiểu đoàn Quân giải phóng đang tiến vào nội thành Sài Gòn. Mẫu chuyện ngắn gọn trên làn sóng điện ấy đã được truyền xuống anh em đang chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu trong công sự ở trại Davis, Lãi và các đồng chí trong công sự cũng có cảm giác như ngày trước ngong ngóng giữa tiếng pháo nổ trong giờ phút giao thừa đón chờ Xuân mới.

Giữa lúc ấy, Thiếu tướng Hoàng Anh Tuấn, Trưởng đoàn đại biểu quân sự Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam điện xuống Ban chính trị triệu tập Phạm Văn Lãi lên nhận nhiệm vụ mới. Còn gì vui sướng bằng giữa lúc các sư đoàn chủ lực đang tiến đánh nội thành Sài Gòn lại được đi nhận nhiệm vụ mới. Phạm Văn Lãi khom người luôn theo các gạch

trong giao thông hào lên Sở chỉ huy. Thiếu tướng Hoàng Anh Tuấn với giọng bốc lửa chỉ thị cho Lãi: chủ lực của ta đang tiến vào nội thành Sài Gòn, đồng chí vào kho lấy cờ đem xuống đội vệ binh truyền đạt mệnh lệnh của tôi cắm cờ lên đỉnh tháp nước để quân ta biết hướng tiến công và quân địch đóng trong sân bay nhìn thấy lá cờ sẽ hoang mang, buông súng, không còn khả năng chiến đấu. Phạm Văn Lãi “rõ” một tiếng thật to rồi chạy như bay về nhà kho của Ban chính trị.

Lá cờ sao vàng nằm trên nền nửa xanh nửa đỏ này được may bằng 4 khổ vải 80cm, nếu nối liền cả 4 khổ vải ấy lại với nhau thì chiều dài cũng gần 20 mét nên Lãi phải ôm chặt lá cờ vào ngực, chạy băng qua sân trại Davis ra tận cổng trại, trận địa của đội vệ binh đang dàn đội hình sẵn sàng chiến đấu, truyền lệnh treo cờ. Đội trưởng vệ binh bảo Lãi đứng chờ mình rồi chạy đi tìm người. Vừa lúc ấy Cẩn, vệ binh cũng vừa chạy đến. Biết chuyện, Cẩn nói ngay: Tôi đi. Cẩn là Việt kiều ở Cam-pu-chia gia nhập Quân giải phóng. Các buổi chiều, lúc Cẩn chơi bóng chuyền với Lãi, lúc Cẩn chơi bóng rổ với Lãi nên hai người cũng thân nhau.

Lãi ôm cờ chạy trước, Cẩn chạy theo sau, cả hai nhắm hướng chân tháp nước lao tới. Hôm nay không biết trời phạt run rui thế nào mà khi chạy qua hội trường Lãi thấy hai đoạn dây thép không biết ai đi treo băng-rôn bỏ lại và khi đến chân tháp nước, Lãi lại thấy một ống dẫn nước do anh thợ Sài Gòn vào chữa hệ thống dẫn nước bỏ lại, Lãi bảo Cẩn xách theo ống nước làm “cán cờ”.

Hai anh em chui vào vòng bảo hiểm, Lãi ôm cờ leo lên trước, Cẩn xách ống dẫn nước leo theo sau. Leo lên tới đỉnh tháp nước. Lãi cúi xuống với tay ra hiệu cho Cẩn chuyển ống dẫn nước lên cho anh. Sẵn đoạn dây thép mang theo, Lãi xuyên một đầu dây thép vào cuối cặp cờ, quấn mấy vòng rồi buộc hai đầu dây thép vào cán cờ rồi Lãi chuyển sợi dây thép khác cho Cẩn buộc ghì cán cờ vào thanh sắt dọc ốp bên ngoài thành tháp nước.

Lay lay cán cờ thấy căng chắc, Lãi mới buông hai mép cờ ra khỏi lòng bàn tay. Theo đà gió, lá cờ bung thật mạnh nghe đánh phạt một tiếng. Từng nếp cờ no gió, uốn sóng, phấp phất bay, vui mừng chờ đón giờ toàn thắng.

Đứng trên đỉnh tháp nước, Lãi nhìn sang căn cứ xe tăng của quân đội Sài Gòn. Chỉ còn những chiếc xe tăng tháp pháo xoay ngang, nòng trọng liên gục xuống. Lãi nhìn sang căn cứ lính dù. Bọn chúng đang cời bộ đồ trận, quảng “bớt-đờ-xô”, vút súng, đùa nào đùa ấy chỉ mặc quần đùi và áo may ô trắng trông cứ như đàn vịt gặp gió lớn.

Vừa lúc đó, Vinh, chiến sĩ nhiếp ảnh và Bất Diệt, chiến sĩ quay phim Quân giải phóng đã chạy đến chân tháp nước ngửa cổ hét thật to: Đứng yên, cho chúng tôi làm một “pô”. Chính nhờ hai nghệ sĩ - chiến sĩ ấy mà đến hôm nay chúng ta mới biết lá cờ sao và trên nền nửa đỏ nửa xanh to nhất, phấp phới bay sớm nhất trên bầu trời Sài Gòn chính là lá cờ trên tháp nước trại Davis.

Lúc bấy giờ là 9 giờ 30 phút. Một giờ sau, xe tăng 390 mới húc đổ cánh cổng chính dinh Độc Lập. Ngày hôm sau, uỷ ban quân quản thành phố Sài Gòn quyết định treo lá cờ sao vàng trên nền nửa đỏ nửa xanh to hơn lá cờ đã treo ngày 30 tháng 4. Người được phân công leo lên cột cờ dinh Độc Lập treo lá cờ mới chính là: Phạm Văn Lãi, cán bộ Ban chính trị uỷ ban quân quản Sài Gòn.

KỶ NIỆM SÂU SẮC SÁNG 30-4-1975 Ở TRẠI DAVIS

TRẦN VĂN KHÁNH

Nguyên sĩ quan phiên dịch tiếng Anh của Đoàn đại biểu quân sự Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam.

Đoàn cán bộ phiên dịch tiếng Anh trong Ban Liên hợp quân sự được tập trung trước khi Hiệp định Paris ký khoảng hai tháng.

Lớp bồi túc tiếng Anh có trên 30 người, anh Huyền và 11 chuyên gia khác giảng dạy. Giáo trình là nguyên bản Hiệp định Geneve về Việt Nam và những đoạn văn ngắn do chuyên gia biên soạn. Chúng tôi tranh thủ mọi thời gian học tập, phấn khởi, háo hức, mong sớm được mang kiến thức của mình phục vụ nhân dân trong mặt trận đấu tranh mới.

Ngày vào Nam đã đến. Để chủ động và kịp thời triển khai các tổ Liên hợp khi hiệp định được ký, chúng tôi được lệnh hành quân bằng đường bộ theo đường Trường Sơn vào Nam. Gần 100 xe con được điều động. Mỗi xe chỉ có 1 lái và 1 người đi cùng, mang đầy đủ tư trang, quần áo, va li như những cán bộ ngoại giao.

Dọc đường từ Hà Nội đến Thanh Hoá, chúng tôi không bao giờ quên hình ảnh và tình cảm của nhân dân hai bên đường và trong những đoàn tàu hoả. Họ hoan hô, reo mừng, không nói thành lời. Nhiều thanh niên nhào ra khỏi các toa tàu hô to: Hoan hô, hoan hô đã có giải pháp. Ý là đã có giải pháp để chấm dứt chiến tranh sau bao nhiêu năm chiến tranh tàn khốc. Đoàn xe cứ nối đuôi nhau đi mãi. Gió từ biển, từ những cánh đồng vùng Nam Định, Hà Nam thổi mát rượi. Từng bầy cò trắng vỗ cánh bay cao. Lòng chúng tôi xốn xang, tự hào, sung sướng, nghĩ tới quãng đường mình sắp qua, nơi mình sắp tới, công việc mình sắp làm.

Trước ngày lên đường, bác Tố Hữu tặng mỗi người một bản bài thơ: “Việt Nam máu và hoa” dưới đề dòng chữ: “Thân tặng các đồng chí lên đường vào cuộc chiến đấu mới”. Chúng tôi hiểu nhiệm vụ sắp tới, không kém phần gay go gian khổ.

Xe tới Thanh Hoá vào bốn giờ chiều. Dán tỉnh Thanh cũng như ở nhiều miền quê khác, phải thắt lưng buộc bụng, chi viện cho tiền tuyến, gánh chịu những trận bom đạn của đế quốc Mỹ. Họ mừng vui, nhìn chúng tôi và đoán những diễn biến mới của cuộc kháng chiến. Ở Thanh Hoá đến tám giờ tối thì nhận được điện của Hà Nội: “Tất cả các trưởng, phó đoàn của các khu vực cùng tất cả anh em phiên dịch quay về Hà Nội ngay trong đêm để đi Sài Gòn bằng máy bay. Khả năng Hiệp định Paris sẽ được ký nay mai. Anh em còn lại tiếp tục đi bằng ô tô”.

Thời gian này, Đài tiếng nói Việt Nam chốc chốc lại hát bài “Việt Nam trên đường chúng ta đi” làm rung động lòng người và mở ra trước mắt chúng ta một chân trời mới. Vài ngày sau, chúng tôi vào Sài Gòn bằng hai chiếc máy bay C130 của Mỹ. Tôi còn nhớ một thủ trưởng đoàn nói: “Các đồng chí vào Sài Gòn lần này, giống như Nguyễn Huệ đưa quân vào thành Thăng Long năm xưa”.

Từ tháng 3 năm 1973 đến 30 tháng 4 năm 1975, những năm tháng ấy, để lại trong lòng mỗi thành viên của đoàn những kỷ niệm tốt đẹp và sâu sắc. Tôi xin ghi lại những gì đã diễn ra, ghi sâu vào tâm trí tôi sáng ngày 30 tháng 4 năm 1975.

Độc lập và tự do đến với trại Davis sớm hơn bên ngoài khoảng mấy tiếng đồng hồ. Khoảng trên 9 giờ sáng, lá cờ của Mặt trận giải phóng được kéo lên đỉnh tháp nước mà không có phản kháng nào từ phía đối phương. Ngược lên, thấy cờ, nước mắt tôi cứ ứa ra, không sao ngăn nổi. Tôi nghĩ tới sự hy sinh, mất mát của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta gần hai chục năm qua trong cuộc kháng chiến chống Mỹ ác liệt này. Thậm chí trước giờ toàn thắng, một khoảnh khắc thời gian, cũng có bao nhiêu người phải ngã xuống.

Ngay sau khi lá cờ cách mạng tung bay trên tháp nước giữa trại Davis. Cánh quân giải phóng, khoảng hai mươi em, tuổi mười tám, đôi mươi, giọng nói miền Bắc, xé hàng rào sân bay Tân Sơn Nhất, băng vào doanh trại của đoàn. Người các em đen sạm vì nắng mưa, bụi đường, đi dép cao su, trong mang tất, lưng đeo bông, toòng teng vài bộ quần áo, thắt lưng chắt đạn B40, tay cầm súng, chiếm các ụ, nóc hầm, gốc cây. Các em được lệnh tiêu diệt địch và bảo vệ đoàn. Lúc đó tôi không rõ các em thuộc quân đoàn nào, sư đoàn nào, tiểu đoàn nào. Vì sinh mạng, cuộc sống của chúng tôi, mà các em có thể có người đã hy sinh. Vì sự sống còn của chúng tôi, trong khi vạch kế hoạch chiến đấu, Bộ tư lệnh chiến dịch phải đắn đo, suy nghĩ, chỉnh pháo, căn chính xác tọa độ để không gây thương vong cho chúng tôi. Nghĩ đến đây lòng tôi se lại và biết ơn. Nghĩa tình của các chiến hữu chiến đấu trên cùng một mặt trận đánh Mỹ là như thế đó. Thật là xúc động. Mười giờ, tôi đang ở cổng gác, thấy một đoàn người trong đó có Thiếu tướng Hoàng Anh Tuấn, Đại tá Võ Đông Giang tiễn ba ông Nghị của Sài Gòn. Đó là giáo sư Châu Tâm Luân, linh mục Chân Tín, luật sư Trần Ngọc Liên cùng nhau đi trên con đường ra cổng.

Tôi nghĩ ngay một điều là, chính chiều tối hôm qua (29-4-1975) họ còn là những người của phía bên kia xin vào gặp đại diện phái đoàn quân sự của cách mạng để thăm dò, đề nghị với phái đoàn ta điều gì đó...

Khi họ vừa vào thì pháo ta bắn dữ dội vào những điểm mà quân ta tấn công. Họ xin ở lại với chúng ta, chờ cho khi ngớt tiếng súng thì ra về. Nhưng quân ta tấn công dồn dập vì đêm nay cuộc tổng công kích vào Sài Gòn hết sức mãnh liệt.

Thế là họ thấy ra về sẽ nguy hiểm nên xin ở trong căn hầm của Quân giải phóng suốt cả đêm 29 tháng 4 năm 1975.

Sự kiện này thật là lý thú. Nằm trong hầm của ta, chắc chắn là họ theo dõi được nhịp độ thần tốc cuộc tấn công của quân ta vào sào huyệt cuối cùng của kẻ thù.

Rồi miên man, tôi nghĩ tới nghĩ lui. Khi chúng ta mới vào cái trại Davis này, kẻ thù bằng mọi mưu mô bỉ ổi, mọi hành động côn đồ để uy hiếp, dọa nạt, khiêu khích chúng ta. Chúng ra sức ngăn chặn những hoạt động của chúng ta và bằng mọi cách để hạn chế chúng ta tiếp xúc với phóng viên các cơ quan thông tấn báo chí và không tiếp xúc được với nhân dân Sài Gòn.

Thế mà những ngày cuối cùng của chiến tranh, trụ sở của phái đoàn ta Ở trại Davis lại biến thành nơi mà từ Đại sứ Mỹ Ma-tin đến những tên đầu sỏ nguy quân nguy quyền Sài Gòn đồn

dập tìm đến để thăm dò, để cầu cạnh phái đoàn ta làm cầu nối báo cáo với Nhà nước ta để chúng mong gỡ gạc được phần nào sự thất bại thảm hại của chúng.

Những suy nghĩ này của tôi nó xuất hiện ngay trong buổi sáng sớm ngày 30 tháng 4 năm 1975 và tôi rất lấy làm sung sướng tự hào trong giờ phút đầu tiên của ngày toàn thắng. Mười giờ bốn mươi phút, đồng chí thiếu tướng trưởng đoàn Hungary trong uỷ ban Quốc tế chen, lách đám đông ngoài phố vào được doanh trại, chúc mừng thắng lợi của quân dân ta. ông bỏ qua những thông lệ ngoại giao, bế bổng Đại tá Võ Đông Giang, đi một vòng từ đầu nhà đến cuối nhà. Trong ba năm từ 28 tháng 1 năm 1973 đến 30 tháng 4 năm 1975; hai phái đoàn Hungary và Ba Lan đã cùng Ban Liên hợp quân sự Trung ương đấu tranh tích cực để thi hành Hiệp định. Đoàn Hungary nhiệt tình, sôi nổi, giúp ta tinh thần lẫn vật chất khi phía chính quyền Sài Gòn gây khó khăn cho ta. Trong giờ phút gay go, ác liệt nhất của chiến dịch Hồ Chí Minh, hai phái đoàn bạn vẫn ở cạnh đoàn ta. Chỉ có bạn bè thực sự chân thành thì mới có cuộc hội ngộ như buổi sáng hôm ấy.

Mười một giờ ba mươi phút, chúng tôi được đoàn thông báo: “Vào mười hai giờ ba mươi hôm nay sẽ có chuyến bay từ Tân Sơn Nhất ra Hà Nội, anh em tranh thủ biên thư về nhà”. Tôi vội vàng ghi được hai dòng gửi cho bố mẹ vợ vì không có thời gian biên cho bố mẹ mình, mặt khác lúc này còn bao nhiêu suy nghĩ bung lung. Tôi báo tin cho gia đình biết là miền Nam đã hoàn toàn được giải phóng, tôi vẫn còn sống trong trại Davis.

Hơn một trăm năm nay, hôm nay mới có chuyến bay của ta đi suốt từ Nam ra Bắc. Chuyến bay mở đầu, sau hơn một giờ đất nước được hoàn toàn giải phóng. Chuyến bay báo tin cho toàn dân biết đất nước đã hoàn toàn được giải phóng.

Tôi tin rằng đã có nhiều đồng chí trong hai phái đoàn quân sự của chúng ta và các nhà văn, nhà báo viết về Ban Liên hợp quân sự Trung ương cho cháu, con mai sau biết. Viết về những người con ung dung, thư thái trong tác phong, thông minh, nhanh nhẹn, kiên cường trong đấu tranh với địch; chung thủy, vẹn tròn với dân với Đảng, để lại dấu ấn trong lịch sử đấu tranh của dân tộc.

Riêng với tôi vào dịp 30 năm toàn thắng, Bắc Nam sum họp một nhà xin ghi lại vài dòng cảm nghĩ mà tôi thấy là không bao giờ có thể quên được buổi sáng 30 tháng 4 năm 1975 ở trại Davis, Tân Sơn Nhất.

T.V.K

ỦY BAN QUỐC TẾ

Trích trong cuốn: “Ban Liên hợp quân sự và trại Davis những tháng ngày...”. Nxb. Quân đội nhân dân. H.1997

Song song với cơ quan Liên hợp quân sự, Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát cũng được thành lập theo quy định của Điều 18 Hiệp định Paris và của Nghị định thư về Ủy ban Quốc tế, với nhiệm vụ kiểm soát và giám sát việc thi hành một số điều khoản của Hiệp định bằng cách:

“- Theo dõi việc thực hiện qua liên lạc với các bên và quan sát tại chỗ ở những nơi cần thiết;

- Điều tra các vụ vi phạm những điều khoản thuộc thẩm quyền kiểm soát và giám sát của uỷ ban;

- Khi cần thiết, hợp tác với Ban Liên hợp quân sự trong việc ngăn ngừa và phát hiện vi phạm các điều khoản nói trên”.

Ủy ban Quốc tế “sẽ điều tra những vụ vi phạm các điều khoản nói trong Điều 18 của Hiệp định theo yêu cầu của Ban Liên hợp quân sự bốn bên, hoặc của Ban Liên hợp quân sự hai bên, hoặc của bất cứ bên nào, hoặc đối với Điều 9b của Hiệp định về tổng tuyển cử của Hội đồng quốc gia hoà giải và hoà hợp dân tộc, hoặc trong bất cứ trường hợp nào mà Ủy ban Quốc tế có đầy đủ căn cứ khác để cho rằng đã xảy ra vi phạm đối với các điều khoản đó”... Khi tiến hành nhiệm vụ này, Ủy ban Quốc tế sẽ hành động với sự giúp đỡ và hợp tác cần thiết của các bên có liên quan”.

Ủy ban Quốc tế “làm việc theo nguyên tắc hiệp thương và nhất trí”, “các bản báo cáo của Ủy ban Quốc tế phải được sự nhất trí thoả thuận của đại diện tất cả bốn thành viên. Trong trường hợp không có sự nhất trí thì Ủy ban sẽ chuyển các ý kiến khác nhau cho bốn bên..., hoặc cho hai bên miền Nam Việt Nam..., nhưng không được coi đó là báo cáo của uỷ ban”. “Ủy ban Quốc tế và mỗi tổ của Ủy ban Quốc tế hành động như một cơ quan thống nhất ba gồm đại biểu của tất cả bốn thành viên”.

Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát gồm đại diện của bốn nước: Ba Lan, Canada, Hungary, Indonesia (Ba Lan và Hungary do phía ta đề cử, Canada và Indonesia do phía Mỹ đề cử, và được bốn bên ký kết Hiệp định thoả thuận mời). Về sau Canada rút lui nửa chừng, với lý do Ủy ban Quốc tế hoạt động không hiệu quả, bốn bên lại tham khảo nhau và thoả thuận mời Iran thay thế.

Các thành viên của Ủy ban Quốc tế “luân phiên làm chủ tịch trong từng thời gian do Ủy ban Quốc tế quy định”. Sau khi thành lập, Ủy ban đã thống nhất thời gian làm chủ tịch luân phiên là một tháng. (Khác với Ủy ban Quốc tế thời Hiệp định Geneve: hồi đó chỉ có ba nước: Ấn Độ, Ba Lan, Canada, Ấn Độ làm chủ tịch cố định).

Trụ sở Ủy ban Quốc tế đặt tại Sài Gòn (12 Trần Quốc Toản, sau giải phóng là trụ sở Ủy ban nhân dân quận 10 trên đường 3 tháng 2, nay là khu khách sạn Kỳ Hoà). Cũng như Ban Liên hợp quân sự, dưới uỷ ban chung có 7 tổ Ủy ban Quốc tế khu vực đóng tại Huế, (I), Đà Nẵng (II), Pleiku (III), Phan Thiết (IV), Biên Hoà (V), Mỹ Tho (VI) Cần Thơ (VII), và 26 tổ hoạt động ở địa phương và đóng cùng nơi với các tổ Liên hợp quân sự từ Quảng Trị đến Quản Long (Cà Mau). Ngoài ra, Ủy ban Quốc tế còn được cử ba tổ cho khu vực Sài Gòn - Gia Định, thêm 12 tổ địa phương Ở Gio Linh (phía nam giới tuyến quân sự tạm thời), Lao Bảo (Quảng Trị), Bến Hét (Kon Tum), Đức Cơ (Gia Lai), Chu Lai (Quảng Ngãi), Quy Nhơn (Bình Định), Nha Trang, Vũng Tàu, Xa Mát (Tây Ninh), sân bay Biên Hoà, Hồng Ngự (Đồng Tháp), Cần Thơ; bảy tổ cửa khẩu (đóng

ở những nơi do hai bên miền Nam Việt Nam chọn để đưa vũ khí và dụng cụ chiến tranh vào thay thế; bày tỏ kiểm soát và giám sát việc trao trả người bị bắt.

Mỗi đoàn thành viên Ủy ban Quốc tế được có 300 người, gồm một bộ phận cán bộ nhân viên ngoại giao và dân sự, một bộ phận quân sự, chủ yếu là sĩ quan. Đứng đầu là một đại sứ, một phó trưởng đoàn dân sự và một cấp tướng phó trưởng đoàn kiêm trưởng bộ phận quân sự.

Các đại sứ trưởng đoàn được phía Sài Gòn bố trí ở biệt thự dành riêng (riêng Đại sứ Hungary ở khách sạn), các thành viên dân sự của các đoàn ở rải rác trong trung tâm thành phố, các bộ phận quân sự ở tập trung từng đoàn trong khu vực Tân Sơn Nhất, nhưng họ được tự do đi lại ra vào thành phố mà không bị vây hãm như các đoàn đại biểu của ta.

Trong thời gian đầu Ủy ban Quốc tế triển khai tổ chức hầu khắp mạng lưới được quy định. Về sau do việc thi hành Hiệp định ngày càng trực trặc, từ đó nảy sinh khó khăn trong việc bảo đảm an toàn, mặt khác do bị hạn chế về kinh phí nên Ủy ban rút bớt một số tổ xa xôi hẻo lánh như Bến Hét (Kon Tum), Đức Cơ (Gia Lai), v.v., và rút bớt số người của các đoàn.

Từ tháng 1 năm 1973 đến tháng 4 năm 1975, mỗi đoàn thành viên Ủy ban Quốc tế (trừ Đoàn Canada rút sớm và Đoàn Iran đến sau) thay quân và nhân viên đến hai lần, đón ba lượt đại sứ trưởng đoàn và ba lượt cấp tướng phó trưởng đoàn kiêm trưởng bộ phận quân sự.

II

Ủy ban Quốc tế bắt đầu hoạt động cùng lúc với Ban Liên hợp quân sự bốn bên. Trong thời gian 60 ngày của Ban Liên hợp quân sự bốn bên, Ủy ban Quốc tế tập trung làm nhiệm vụ kiểm soát và giám sát một số công việc nổi lên do các bên ký kết Hiệp định cùng bảo đảm thực hiện: rút quân Mỹ và quân Nam Triều Tiên, trao trả nhân viên quân sự của các bên và thường dân nước ngoài bị bắt và giam giữ. Trong thời kỳ này chưa có vấn đề gì gay gắt lớn giữa các đoàn trong nội bộ Ủy ban Quốc tế cũng như giữa ủy ban với các bên thuộc Ban Liên hợp quân sự. Các tổ của Ủy ban Quốc tế đã được cử đi kiểm soát và giám sát thông suốt các chuyến trao trả tại các địa điểm do: Ban Liên hợp quân sự bốn bên thỏa thuận, kiểm soát và giám sát thường xuyên các đợt rút quân Mỹ và quân Nam Triều Tiên tại các sân bay Đà Nẵng, Nha Trang và Tân Sơn Nhất, và đã chứng kiến toàn quân Mỹ cuối cùng rời khỏi miền Nam Việt Nam tại sân bay Tân Sơn Nhất ngày 27 tháng 4 năm 1973.

Qua thời kỳ Ban Liên hợp quân sự hai bên, Ủy ban Quốc tế chỉ còn thực hiện được một phần rất nhỏ nhiệm vụ kiểm soát và giám sát vào đợt trao trả nhân viên dân sự giữa ta và phía Sài Gòn cuối tháng 2 đến đầu tháng 3 năm 1974 (còn với mấy chuyến trao trả trước thì không tham dự vì có chuyện đấu tranh với ta đòi mở rộng hành lang bay, sau đó Đoàn Canada rút đi nên không đủ bốn thành viên).

Từ buổi đầu Ban Liên hợp quân sự hai bên trở đi, việc thi hành Hiệp định Paris càng trực trặc, phía Sài Gòn vi phạm ngày càng nghiêm trọng và toàn diện, trước hết là vi phạm ngừng bắn, cho nên hoạt động chủ yếu của Ban Liên hợp quân sự là hai bên không ngừng đấu tranh tố cáo nhau vi phạm Hiệp định.

Nhiệm vụ nổi lên của Ủy ban Quốc tế từ lúc này, căn cứ vào chức năng theo quy định của Nghị định thư về Ủy ban Quốc tế, là điều tra vi phạm. Nhưng thực tế cho thấy nhiệm vụ này khó thực hiện biết chừng nào, có thể nói hầu như không thể thực hiện.

Tháng 4 năm 1973, sau vụ Ly Tôn (vụ máy bay lên thẳng của Ủy ban Quốc tế rơi đã nói trên đây), Đoàn Indonesia và Đoàn Canada tập trung đòi phải mở rộng hành lang bay cho Ủy ban Quốc tế, trước nay quy định cho máy bay lên thẳng là 1 km, máy bay có cánh 3 km, nay họ đòi rộng ra 8 đến 10km. Ta kiên quyết không chấp nhận. Do vụ đấu tranh về hành lang bay đó và do thiếu sự tham gia của hai đoàn trên nên Ủy ban Quốc tế không thực hiện việc kiểm soát và giám sát các chuyến trao trả nhân viên dân sự trong tháng 4 và tháng 5 năm 1973 (và phía Sài Gòn đã vin vào cơ này để đơn phương đình chỉ việc trao trả).

Có một thời gian trong nội bộ Ủy ban Quốc tế không thống nhất quan điểm về tổ chức điều tra vi phạm: Indonesia và Canada (và sau này là Indonesia và Iran) cho rằng Ủy ban Quốc tế có thể hoạt động độc lập không cần sự phối hợp của Ban Liên hợp quân sự hai bên, và khi chưa có sự nhất trí trong nội bộ Ủy ban thì các đoàn thành viên có thể tự mình đi điều tra. Phía Sài Gòn đã lợi dụng tối đa quan điểm này, họ liên tiếp tố cáo ta, mời và tổ chức cho hai đoàn đó đi hết nơi này đến nơi khác, trong tháng 4 và tháng 5 năm 1973 họ còn bày trò gọi là bắt được “tù binh Bắc Việt”, và Đoàn Indonesia và Đoàn Canada lại đơn phương đi điều tra về “tù binh Bắc Việt”. Đoàn Ba Lan và Đoàn Hungary kiên quyết chống lại kiểu hành động sai trái này, nó ngược với cả tinh thần và lời văn của Hiệp định Paris và Nghị định thư về Ủy ban Quốc tế. Đoàn đại biểu Chính phủ Cách mạng lâm thời tại Ban Liên hợp quân sự hai bên trung ương cũng cực lực phản đối và tuyên bố rõ không thừa nhận tính hợp pháp và giá trị của các hành động đơn phương. Trưởng đoàn ta đến gặp riêng Đại sứ - Trưởng đoàn Indonesia để thuyết phục, nói rõ quan điểm của ta và phân tích những hành động không lợi nói trên. Ta dựa vào tinh thần dân tộc chống đế quốc của Indonesia và những điều giống nhau giữa hai dân tộc, từng bước tranh thủ được ông ta nhận ra cái nên và cái không nên.

Ngày 28 tháng 6 năm 1973, hai sĩ quan Canada ở Tổ Ủy ban Quốc tế Xuân Lộc tự ý đi vào vùng Cam Tiêm và không thấy về. Đoàn Canada hoảng hốt. Tối ngày 29 tháng 6, Đại sứ Trưởng đoàn Canada đến trại Davis yêu cầu Trưởng đoàn ta giúp đỡ tìm kiếm. Sau đó ta được thông báo là hai viên sĩ quan kia đi vào vùng kiểm soát của ta không có phép nên lực lượng địa phương đã bắt giữ. Ngày 15 tháng 7 năm 1973, ta đã trao trả họ cho Đoàn Canada tại khu vực Xuân Lộc, với điều kiện nghiêm ngặt là quân Sài Gòn phải ngừng các hoạt động quân sự trong vùng có liên quan.

Trước đó, ngày 30 tháng 5 năm 1973, Đại sứ Trưởng đoàn Canada đến thăm xã giao Trưởng đoàn ta và báo tin Chính phủ Canada quyết định rút khỏi Ủy ban Quốc tế. Trong tháng 6 năm 1973, họ tuyên bố công khai việc đó và lần lượt rút sĩ quan và nhân viên ở các khu vực và các tổ địa phương về Sài Gòn. Ngày 19 tháng 7 năm 1973, Đại sứ và bộ phận cuối cùng của Đoàn Canada rời Sài Gòn về nước.

Các hoạt động của Ủy ban Quốc tế tiếp tục bị đình trệ đến đầu tháng 10 năm 1973 vì thiếu một thành viên.

Các bên ký kết Hiệp định lại phải hiệp thương với nhau, sau đó thoả thuận mời Iran tham gia Ủy ban Quốc tế và nước này nhận lời. Ngày 29 tháng 8 năm 1973, đoàn tiền trạm Iran đến Sài Gòn, cuối tháng 9 thì Đại sứ Trưởng đoàn cùng toàn đoàn đến đủ.

Có thể nói từ tháng 4 năm 1973 (tức là không lâu sau khi Ban Liên hợp quân sự hai bên bắt đầu hoạt động) đến đầu tháng 10 năm 1973 Ủy ban Quốc tế chưa hoạt động bình thường đúng với tính chất là một cơ quan thống nhất bao gồm đại biểu của tất cả bốn thành viên, trừ một lần trong tháng 5 năm 1973 tổ chức điều tra vụ oanh tạc Lộc Tấn (phía đông bắc Lộc Ninh) do ta tố cáo.

Sau khi Đoàn Iran đến đủ và chính thức tham gia công việc từ tháng 10 năm 1973, Ủy ban Quốc tế đã có đủ điều kiện về tổ chức để thực hiện nhiệm vụ. Yêu cầu chính về hoạt động lúc này là điều tra vi phạm. Sự chia rẽ do quan điểm và hành động điều tra đơn phương rồi cũng được giải quyết, vì những hoạt động này rõ ràng trái với Hiệp định và Nghị định thư, nó không đưa lại kết quả gì, lại bị cả trong nội bộ ủy ban và phía ta phản đối nên cuối cùng cũng được chấm dứt.

Vì sự tồn tại của ủy ban Quốc tế và vì danh dự nước mình trước dư luận, các đoàn thành viên phải chú ý giữ đoàn kết trong nội bộ Ủy ban, và cố gắng tránh để những khác biệt quan điểm gây chia rẽ đưa đến đổ vỡ. Vì vậy, mặc dù vẫn thường có những quan điểm khác nhau trong một số vấn đề, nhất là trong vấn đề đánh giá vi phạm đối với hai bên miền Nam Việt Nam, các đoàn thành viên Ủy ban Quốc tế vẫn cũng làm việc và giữ quan hệ hợp tác với nhau cho đến giai đoạn cuối cùng.

Ủy ban Quốc tế nhận được rất nhiều công hàm của hai đoàn đại biểu tại Ban Liên hợp quân sự hai bên trung ương tố cáo nhau vi phạm và yêu cầu điều tra. Ủy ban cố thảo luận sắp xếp một bản danh sách các vụ cần và có thể xem xét tổ chức điều tra. Nhưng trong vấn đề tế nhị này (điều tra để đi đến kết luận bên này hay bên kia vi phạm) thật khó đạt được sự nhất trí cho nên suốt thời gian tồn tại của mình Ủy ban Quốc tế chỉ thực hiện được mấy cuộc điều tra vi phạm mà điển hình là các cuộc điều tra ở Phổ Phong (đã nêu trong phần trao trả nhân viên quân sự thời kỳ Ban Liên hợp quân sự bốn bên), Ở Lộc Tấn (ta tố cáo phía Sài Gòn cho máy bay oanh tạc) và ở Cai Lậy (phía Sài Gòn tố cáo ta pháo kích trường trung học).

Trong tháng 5 năm 1973, máy bay đối phương nhiều lần đến ném bom xã Lộc Tấn phía đông bắc Lộc Ninh và một số nơi khác. Do ta yêu cầu mạnh mẽ và Đoàn Ba Lan và Đoàn Hungary thúc đẩy, Ủy ban Quốc tế đã nhất trí cử một tổ đi Lộc Tấn. Đến quan sát tại chỗ, sĩ quan Canada ghi nhận có hành động oanh tạc nhưng không có bằng chứng xác minh việc oanh tạc đó xảy ra trước hay sau ngày 27 tháng 1 năm 1973 tức là ngày ký Hiệp định Paris. Tổ ủy ban Quốc tế trở về mà không đi đến được kết luận vi phạm.

Tháng 3 năm 1974, phía Sài Gòn dựng lên chuyện trường trung học Cai Lậy (thuộc Mỹ Tho nay thuộc tỉnh Tiền Giang) bị lực lượng vũ trang của ta dùng súng cối pháo kích, và nhất thiết yêu cầu ủy ban Quốc tế điều tra. Đoàn ta tại Ban Liên hợp quân sự hai bên trung ương biết là chuyện được dàn dựng, nhưng nếu chỉ bác bỏ thôi thì không đủ thuyết phục nên quyết định đồng ý để Ủy ban Quốc tế điều tra, và cử sĩ quan liên lạc vững vàng trong ứng phó cùng đi. Đúng là có vết đạn súng cối thật, nhưng nó tán mạn toả ra tất cả các hướng. Sĩ quan Hungary dựa vào đặc

điểm này, phân tích về mặt kỹ thuật, nếu đây là một trận pháo kích thì đạn phải tập trung về một hướng theo chiều đường đạn từ trận địa bắn đi chứ không thể chia đều ra bốn hướng được, vì vậy không có bằng chứng gì xác minh là Quân giải phóng pháo kích. Và thế là lần này Tổ uỷ ban Quốc tế cũng không kết luận được vi phạm. Bất mãn vì không quy lỗi được cho ta, đối phương cho bọn côn đồ gây sự, đập vỡ kính xe của các sĩ quan Ba Lan và Hungary.

Từ tháng 6 năm 1974 trở đi, sau khi ta đình chỉ các cuộc họp và các hoạt động thực tiễn chung với phía Sài Gòn tại Ban Liên hợp quân sự hai bên; Ủy ban Quốc tế không còn điều kiện để thực hiện đầy đủ chức năng kiểm soát và giám sát, điều tra vi phạm vì thiếu sự phối hợp của Ban Liên hợp quân sự (đây là nói về mặt nguyên tắc, còn về thực tế thì với tính chất cơ cấu của nó và với cục diện tình hình đang diễn biến ở miền Nam Việt Nam, dù Ban Liên hợp quân sự hai bên có tiếp tục hoạt động thì Ủy ban Quốc tế cũng khó làm gì đưa lại được kết quả thiết thực). Ủy ban Quốc tế chỉ còn chủ yếu làm một việc nội bộ với nhau và duy trì sự tồn tại của mình như một sự nhắc nhở quốc tế về Hiệp định Paris.

Từ sau khi ta đánh chiếm thị xã Buôn Ma Thuột, với đà tan rã và rút chạy của quân Sài Gòn, các Tổ uỷ ban Quốc tế ở các khu vực và địa phương phía bắc cũng rút cuốn chiếu về Sài Gòn.

Trong trận đánh Buôn Ma Thuột ngày 11 tháng 3 năm 1975, quân ta có giữ một đại úy Indonesia và một đại úy Iran trong Tổ uỷ ban Quốc tế ở đó. Đại sứ Indonesia và Đại sứ I-răng đến trại Davis nhờ Trưởng đoàn ta can thiệp xin trao trả cho họ. Phía ta đã chăm sóc hai sĩ quan trên chu đáo và cho đưa về Lộc Ninh. Ngày 15 tháng 4 năm 1975, một máy bay lên thẳng đặc biệt của Ủy ban Quốc tế được phép vào Lộc Ninh để làm các thủ tục chuẩn bị, ngày 17 tháng 4 một chuyến máy bay lên thẳng đặc biệt nữa đã vào đón hai sĩ quan đó về. Nhân có hai chuyến bay này, Đoàn ta đã kết hợp thực hiện hai chuyến liên lạc trực tiếp cuối cùng rất quan trọng với hậu phương trước khi chiến dịch Hồ Chí Minh bắt đầu).

Trong đợt tổng tấn công của quân ta vào Sài Gòn, bị bất ngờ trước tốc độ chiến sự, Đoàn Indonesia và Đoàn Iran cấp tốc về nước cùng với đội di tản của Mỹ, và Ủy ban Quốc tế đã bị động giải thể.

Đoàn Ba Lan và Đoàn Hungary vẫn bình tĩnh ở lại, vẫn giữ liên lạc với Đoàn ta tại trại Davis cho đến lúc mạng điện thoại Sài Gòn bị tê liệt (29-4-1975). Bạn đã chứng kiến những giờ phút lịch sử của cuộc Tổng tiến công với hợp điểm của các cánh quân tiến vào giải phóng Sài Gòn, không ai bị thương vong.

22 giờ đêm 30 tháng 4 năm 1975 đã có 2 phái viên Bộ Tư lệnh chiến dịch đến bắt liên lạc với 2 phái đoàn Ba Lan và Hungary tại trụ sở của họ (nay là khách sạn Kỳ Hoà quận 10).

Ngay sáng 1 tháng 5 năm 1975 ta đã bắt liên lạc lại với bạn. Trưởng đoàn ta ra khách sạn và biệt thự thăm các Đại sứ Trưởng đoàn. Tối 6 tháng 5 hai đoàn ta tại Tân Sơn Nhất mở tiệc chiêu đãi trọng thể và thân tình, ngày 7 tháng 5 năm 1975 tiễn bạn lên máy bay về nước.

Để giữ quan hệ với Ủy ban Quốc tế và với hai đoàn bạn, Đoàn Chính phủ Cách mạng lâm thời tại Ban Liên hợp quân sự hai bên trung ương thành lập một bộ phận chuyên trách, Tiểu ban quốc tế do một phó trưởng đoàn được phân công trực tiếp nắm.

Việc tiếp xúc với hai đoàn bạn được thực hiện hầu như hàng ngày, chuyên viên của bạn vào cung cấp cho ta những thông tin mà bạn nắm được, nhận thông báo của cán bộ ta về tình hình chiến trường, thường xuyên trao đổi với ta về công việc. Hàng tuần hoặc khi có việc đột xuất, Trưởng phó đoàn ta vào Sài Gòn gặp Trưởng phó đoàn bạn, hoặc bạn vào trại Davis gặp ta. Trong phần lớn các vấn đề bạn thống nhất quan điểm với ta, cố gắng bàn bạc đấu tranh trong nội bộ Ủy ban Quốc tế theo yêu cầu chính đáng của ta. Sự phối hợp chặt chẽ giữa bạn với ta trở thành một nền nếp tốt đẹp và có hiệu quả.

Với Đoàn Indonesia và Canada (sau là Iran) ta vẫn giữ liên lạc thường xuyên, cán bộ ta gặp gỡ trao đổi tình hình với chuyên viên họ khi cần thiết. Hàng tháng Phó trưởng đoàn ta tranh thủ đến từng đoàn thông báo tình hình chiến trường cho rộng rãi sĩ quan và cán bộ của họ. Trưởng đoàn ta cũng giữ tiếp xúc và thỉnh thoảng gặp gỡ Đại sứ Trưởng đoàn hoặc vị tướng phó trưởng đoàn quân sự.

Với Indonesia, do sự kiện Ly Tôn, thời gian đầu quan hệ có phần căng thẳng, họ muốn quy kết ta vi phạm, Bau đó họ chủ trương điều tra đơn phương, trong một số trường hợp họ có thiên về phía Sài Gòn. Nhưng đặc điểm dân tộc và hoàn cảnh lịch sử của họ cũng gần giống ta, giữa họ với ta không có lợi ích chiến lược đối địch nên dần dần ta cũng tranh thủ làm cho họ hiểu phần nào chính nghĩa của ta. Trong những lần đầu cán bộ ta đến giới thiệu tình hình cho đoàn họ, cán bộ và sĩ quan Indonesia đặt những câu hỏi chứng tỏ họ không hiểu biết mấy về thực chất tình hình miền Nam Việt Nam và chịu ảnh hưởng khá nặng sự tuyên truyền xuyên tạc của đối phương. Các đồng chí ta đã nhân cơ hội giải thích làm cho họ thấy được sự thật, điều này rất có lợi, dần dần họ đã có cách nhìn nhận khách quan và đúng đắn hơn.

Iran cũng thuộc diện nước đang phát triển, họ ở xa, không có tranh chấp chính trị kinh tế gì với ta, nên ngoài quan hệ thân Mỹ và quan điểm theo phía phương Tây của họ (lúc đó Iran còn ở dưới chính quyền vua Pahlevi), về mặt cá nhân ta cũng từng bước tranh thủ được.

Quan hệ giữa ta với Ủy ban Quốc tế luôn giữ được đúng mức. Trong một số dịp ta mời họ đi thăm vùng ta:

- Ngày 12 tháng 9 năm 1973, ta mời họ vào thăm Lộc Ninh một ngày. Lúc này Đoàn Canada đã rút, chỉ còn ba đoàn nhưng đây chỉ là một chuyến thăm hữu nghị nên tuy không đủ bốn thành viên họ cũng vẫn đi. Trung tướng Trần Văn Trà đã tiếp sang trọng.

- Từ 12 đến 14 tháng 11 năm 1973, Bộ Ngoại giao Chính phủ Cách mạng lâm thời mời ủy ban thăm vùng giải phóng Đông Hà thuộc Quảng Trị. Lúc này đã đủ bốn thành viên. Cả bốn đại sứ và bốn tướng đều tham gia chuyến đi. Bộ trưởng Nguyễn Thị Bình đã tiếp.

- Ngoài ra Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà đã mời uỷ ban ra thăm Hà Nội từ 29 tháng 1 đến 1 tháng 2 năm 1974.

Các chuyến thăm đó đã gây ấn tượng tốt đối với họ, về mặt cá nhân có cảm hoá thêm họ được một phần.

Một môi trường thuận lợi cho công tác tranh thủ hữu nghị của ta và cũng là những dịp để cán bộ các đoàn ta ở Tân Sơn Nhất có điều kiện đi vào phố Sài Gòn, là các cuộc chiêu đãi. Mỗi đoàn trong Ủy ban Quốc tế đều muốn thông qua hoạt động này đề cao vị trí của nước mình, và trong chừng mực khác nhau đều có ý tạo điều kiện cho những sự tiếp xúc giữa các bên, giữa các đối tượng. Trong các ngày kỷ niệm lớn của nước mình (Quốc khánh, Tết dân tộc, ngày quân đội, v.v...), các đại sứ trưởng đoàn đều tổ chức chiêu đãi trọng thể, tại biệt thự hoặc tại khách sạn, mời khách khá đông và luôn luôn mời cả phía ta (hai đoàn) và phía Sài Gòn tại Ban Liên hợp quân sự. Nhiều nhà báo cũng thường được mời. Nhiều lần đại sứ hai đoàn bạn còn mời một số nhân vật thuộc lực lượng thứ ba ở Sài Gòn đến dự để có dịp cho ta tiếp xúc. Trong một số trường hợp khác như thay đại sứ trưởng đoàn, thay tướng, họ cũng tổ chức chiêu đãi để tiễn người cũ, đón người mới.

Về phần ta cũng vậy, dịp Tết cổ truyền, các ngày lễ của Việt Nam dân chủ cộng hoà, của Chính phủ Cách mạng lâm thời và Mặt trận Dân tộc giải phóng, hai đoàn ta tại Tân Sơn Nhất (tùy sự kiện mà Đoàn A hay Đoàn B đứng ra chủ trì) đều tổ chức chiêu đãi trọng thể tại trại Davis, nhưng chỉ mời được các đoàn trong Ủy ban Quốc tế và các nhà báo, mà nhà báo cũng rất ít lần được phía Sài Gòn để cho vào dự. Được sự chỉ viện của Cục Chính trị Miền và Tổng cục Chính trị về văn công, trong các dịp này ta còn tổ chức biểu diễn văn nghệ, nhẹ nhàng nhưng cũng góp phần tranh thủ thiện cảm.

Một hình thức khác để tăng cường hữu nghị là hoạt động thể thao. Tháng 8 năm 1973, nhân Quốc khánh nước Việt Nam dân chủ cộng hoà hai đoàn ta tổ chức thi đấu môn bóng bàn, bóng chuyền, bóng rổ và quần vợt, mời hai đoàn bạn Ba Lan và Hungary và Đoàn Indonesia cùng dự. Họ đều vui vẻ và tích cực tham gia. Đại sứ Indonesia nhiệt tình thi đấu bóng bàn. Từ đó trở đi thành tục lệ, mỗi đoàn đến dịp lễ, Tết đều đứng ra tổ chức và mời nhau cùng thi đấu. Các đại sứ, tướng tá và cán bộ cao cấp ai biết môn nào đều ra sức hưởng ứng. Đây là một loạt hoạt động có hiệu quả để tăng cường hiểu biết lẫn nhau, tạo không khí thoải mái trong tiếp xúc, góp phần cải thiện quan hệ làm việc.

Trong thời gian ta đình chỉ các cuộc họp Ban Liên hợp quân sự hai bên, cả trong thời kỳ sôi động từ sau khi giải phóng Buôn Ma Thuột và Tây Nguyên, Đoàn Indonesia và Đoàn Iran vẫn giữ liên lạc và cử người thường xuyên tiếp xúc với ta tại trại Davis cho đến ngày mở đầu chiến dịch Hồ Chí Minh.

Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát được thành lập vào cuối tháng 1 năm 1973 đã tồn tại đến những ngày cuối tháng 4 năm 1975. Nó đã thực hiện được nhiệm vụ kiểm soát và giám sát việc rút quân Mỹ và quân nước ngoài theo Mỹ, trao trả nhân viên quân sự của các bên và thường dân nước ngoài bị bắt, trao trả một phần nhân viên dân sự hai bên miền Nam Việt Nam bị bắt và giam.

Sau đó, trước tình hình tập đoàn Nguyễn Văn Thiệu được Mỹ dung túng vì phạm tiến tới phá hoại Hiệp định Paris ngày càng nghiêm trọng, Ủy ban Quốc tế không thể làm gì được để ngăn

ngừa vi phạm và kết luận vi phạm. Sống trong vùng do phía Sài Gòn kiểm soát, dựa vào sự cung cấp và bảo đảm vật chất và phương tiện của đối phương, uỷ ban này không thể tiến hành những hoạt động chủ động và những cuộc điều tra khách quan để xác định trách nhiệm của bên vi phạm và góp phần hạn chế vi phạm. Điều quan trọng nữa là, do cơ cấu thành phần của nó, Ủy ban Quốc tế không thể có một hành động hay kết luận nào nghiêng hẳn về phía có lợi cho ta hoặc cho phía bên kia.

Điều này thể hiện so sánh lực lượng giữa các bên khi ký Hiệp định Paris, ta không thể trông đợi tốt hơn nữa.

Tuy nhiên vì Hiệp định Pa-n là một thắng lợi của ta và được Hội nghị quốc tế bảo đảm, sự có mặt và tồn tại của Ủy ban Quốc tế về cơ bản là có lợi cho ta, nó góp phần xác nhận vị trí của Chính phủ Cách mạng lâm thời và có tác dụng kiềm chế nhất định đối với phía Sài Gòn trong việc phá hoại Hiệp định.

Hai đoàn bạn Ba Lan và Hungary đã phối hợp chặt chẽ và ủng hộ ta trong nhiều trường hợp để bảo vệ Hiệp định Paris, ngăn chặn và vô hiệu hoá những hành động đơn phương thiên vị trong Ủy ban Quốc tế chống lại ta, và không để cho phía đối tượng lợi dụng ưu thế vật chất mà chi phối hoạt động của Ủy ban Quốc tế.

CHÚNG TÔI SỐNG VÀ CHIẾN ĐẤU GIỮA HANG Ồ KẼ THÙ

HÀ THANH MINH

Cuối năm 1972, sau những thất bại nặng nề trên chiến trường miền Nam Việt Nam, đặc biệt là chiến dịch tập kích chiến lược bằng lực lượng không quân của đế quốc Mỹ đánh phá Hà Nội, Hải Phòng và vùng phụ cận đã bị quân và dân ta đập cho đập đầu, gãy cánh. Biết không thể khuất phục nổi chúng ta bằng canh bạc cuối cùng sử dụng vũ lực, giặc Mỹ đành chịu thất bại, Nixon cho Kít-sing-giơ sang Paris cam kết những điều khoản mà chúng biết là trối chân, trối tay, bất lợi đối với cả thầy, lẫn tớ. Đó là văn bản “Hiệp định về chấm dứt chiến tranh và lập lại hoà bình ở Việt Nam”.

Chương VI của Hiệp định và các điều ghi trong Nghị định thư về ngừng bắn ở miền Nam Việt Nam và về các Ban Liên hợp quân sự đã quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan này. Do đó, Hiệp định Paris được ký kết, có hiệu lực thi hành thì các Ban Liên hợp quân sự đã có thể thực hiện ngay nhiệm vụ của mình.

Trước đó, Quân uỷ Trung ương và Quân uỷ Miền đã sớm chỉ đạo các cơ quan chuẩn bị tổ chức lực lượng, phương tiện vật chất để tiếp nhận nhiệm vụ khi hiệp định được ký kết. Hầu hết anh, chị em được điều động về làm nhiệm vụ trong Ban Liên hợp quân sự của cả hai phái đoàn đại biểu Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà và Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam là những người được rèn luyện, thử thách trong lửa đạn chiến trường. Nhiều người trên thân thể còn mang thương tích của cả hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Họ đón nhận nhiệm vụ mới với tinh thần phấn khởi, tin tưởng, xác định tốt trách nhiệm nặng nề, gian khổ

và hiểm nguy như bước vào một trận đánh đầy bão đạn, mưa bom. Phía trước sẽ trực tiếp đối diện với kẻ thù Mỹ - nguy hiểm sâu, kẻ độc, tàn ác và xảo quyệt.

Trụ sở của hai phái đoàn ta là trại Davis. Quá trình đàm phán tại Paris, phía Mỹ - nguy đã dày công toan tính để bố trí nơi làm việc và sinh hoạt của hai phái đoàn đại biểu Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà và Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam tại trại Davis nằm lọt trong căn cứ quân sự sân bay Tân Sơn Nhất Nơi đây, được Mỹ - nguy bố phòng cẩn mật nhất vì trụ sở của Bộ chỉ huy quân sự Mỹ (Lầu Năm Góc phương Đông) chỉ cách khoảng một cây số. Bộ tổng tham mưu nguy cách hơn một cây số đường chim bay. Từ đây vào trung tâm Sài Gòn chưa tới mười cây số. Thành phố Sài Gòn tập trung cả bộ máy điều hành chiến tranh, các cơ quan đầu não phản động nhất của địch, đây là sào huyệt cuối cùng cho cả thầy lẫn tớ ẩn náu khi bị lực lượng cách mạng tiến công. Nỗi ám ảnh của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân Mậu Thân như còn ở quanh đây. Hơn thế, Mỹ - nguy không muốn sự có mặt bằng xương, bằng thịt, đi lại công khai của cán bộ, chiến sĩ ta ngay tại hang ổ của chúng. Vì như vậy, mặc nhiên Mỹ - nguy phải thừa nhận thất bại trên chiến trường mới có sự kiện này.

Ngày 28 tháng 1 năm 1973, ngày đầu tiên Hiệp định Paris có hiệu lực, Mỹ - nguy đã phải chịu thất bại khi chúng lật lọng dùng máy bay ném bom bắn phá sân bay Thiệu Ngôn, nơi chúng sẽ đón phái đoàn quân sự của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam, do Trung tướng Trần Văn Trà làm trưởng đoàn vào Tân Sơn Nhất làm nhiệm vụ của Ban liên hợp quân sự. Nhờ tinh thần cảnh giác cao, biết rõ bản chất đê hèn, trá trở của kẻ thù nên chúng ta không bị tổn thất gì.

Tiếp đó, tổ tiên trạm từ Hà Nội vào đến sân bay Tân Sơn Nhất, Mỹ - nguy đòi chúng ta phải làm “thủ tục nhập cảnh”. Người Việt Nam, đi lại trên đất nước quê hương mình mà phải làm thủ tục như người nước ngoài? Thật nực cười! Cả hai đoàn ta cương quyết phản đối, không chịu “làm thủ tục nhập cảnh”. Họ lên máy bay Mỹ, ngồi ăn lương khô và tiếp tục phản đối Mỹ - nguy cản trở việc thi hành Hiệp định. Biết không thể làm thay đổi được lập trường của hai tổ tiên trạm này, bọn chúng phải nhượng bộ, mời anh em ta lên xe về trại Davis. Trước khi lên xe, Mỹ - nguy lại giở trò bỉ ổi khác, bọn chúng đeo băng trắng trên cánh tay, cầm cờ trắng trên đầu xe, chúng giải thích “Đây là cờ của Ban Liên hợp quân sự”. Thấy vậy, hai tổ tiên trạm ta kiên quyết không lên xe. Chúng buộc phải cắt bỏ cờ trắng. Khi đó ta mới lên xe về trụ sở.

Trại Davis là một doanh trại nằm cạnh đường băng sân bay Tân Sơn Nhất. Từ đây, quan sát xung quanh mới thấy được thủ đoạn của Mỹ - nguy định cô lập chúng ta. Chúng không để cho nhân dân Sài Gòn có điều kiện tiếp xúc với cán bộ, chiến sĩ ta. Các vọng gác tầng tầng, lớp lớp, có công khai, cả bí mật giám sát mọi hoạt động của chúng ta trong khu vực đóng quân. Các loại phương tiện kỹ thuật hiện đại nhất của Mỹ được áp dụng triệt để vào việc quan sát, thu thập thông tin về những hoạt động của ta trong trụ sở của hai đoàn.

Sân bay Tân Sơn Nhất, một sân bay nhộn nhịp nhất khu vực Đông Nam Á cứ năm phút có một chuyến máy bay hạ cánh hoặc cất cánh. Cả ngày và đêm inh tai nhức óc vì tiếng ồn. Giấc ngủ luôn chập chờn vì những âm thanh của động cơ máy bay rít mạnh khi vọt lên bầu trời. Phần lớn những chuyến bay này chúng đi đánh phá vùng giải phóng của chúng ta. Mỗi lần có máy bay

cất cánh là một lần Mỹ - nguy đi gây tội ác với đồng bào ta ở một nơi nào đó (?). Đòn tra tấn bằng tiếng ồn kéo dài quanh năm, suốt tháng, lâu dần mọi người cũng thành quen. Bọn chúng cho rằng trụ sở của hai phái đoàn ta đặt vào địa điểm này thì “Việt cộng sẽ không tài nào tiến công Sài Gòn được!”.

Bọn chúng đã làm? Chúng ta vào đây đâu phải để tiến công chúng bằng quân sự với một lực lượng như thế này. Cuộc chiến tranh toàn dân, toàn diện, bất kể nơi đâu có bọn xâm lược Mỹ và bè lũ tay sai, Ở đó sẽ có tiến công. Chúng ta đánh chúng bằng đủ loại vũ khí, đến cả con ong, ngọn tre, hòn đá còn được dùng để tiến công thì việc ta đóng trụ sở ở đây không cần thiết phải sử dụng vào mục đích đó. Chúng ta vào đây để buộc Mỹ - nguy phải nghiêm chỉnh thi hành những điều khoản đã cam kết trong Hiệp định Paris, kiểm soát và giám sát việc rút hết quân Mỹ, quân chư hầu và phương tiện chiến tranh của Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam. Ngày 29 tháng 3 năm 1973, tên xâm lược Mỹ cuối cùng đã phải rút khỏi miền Nam Việt Nam dưới sự giám sát của chúng ta. Ta đã đòi chúng phải trao trả hàng chục nghìn đồng chí, đồng bào yêu nước của ta hiện bị chúng giam cầm, đọa đày nơi tù ngục. Nhưng để hạn chế những ảnh hưởng của cách mạng, thắng lợi bước đầu của sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc mà nhân dân ta đã bền bỉ chiến đấu suốt mấy chục năm ròng thì việc Mỹ - nguy vây hãm, cản trở mọi hoạt động của chúng ta trong vùng chúng tạm thời kiểm soát là lẽ đương nhiên. Chúng sẽ không từ một thủ đoạn dâm độc nào, bất chấp luân thường đạo lý và luật pháp quốc tế để nhằm đạt được ý đồ đó.

Việc đi lại của ta trong thành phố Sài Gòn bị chúng đặc biệt chú ý. Mỗi lần phải vào trung tâm thành phố để họp bàn, trao đổi, dự tiệc mời chiêu đãi hoặc trao công hàm cho uỷ ban Quốc tế, tùy theo số lượng, người và xe của ta, chúng sẽ bố trí lực lượng “hộ tống” thích hợp nhằm khống chế, giám sát chặt chẽ suốt chặng đường đi và về trụ sở.

Chỉ một xe ô tô, trên xe có hai người của ta, sĩ quan liên lạc và một đồng chí phiên dịch, cùng ngồi trong xe này có một nhân viên an ninh quân đội nguy, còn lái xe thường là người của “Phủ đặc uỷ tình báo” hoặc cơ quan an ninh quân đội nguy. Chúng ngồi trên xe để giám sát anh em ta. Chúng bố trí hai xe Jeép Mỹ đi “hộ tống”, một chiếc đi trước, một chiếc đi sau chiếc xe có hai người của ta. Mỗi xe đó đều có đủ bốn tên quân cảnh, một tên lái xe, một tên sử dụng máy vô tuyến điện léo nhéo, luôn mồm từ khi chuẩn bị ra đi cho đến lúc quay trở về trại Davis hai tên còn lại lăm lăm súng AR15 trên tay, sẵn sàng nhả đạn vào chúng tôi.

Lần nào cũng vậy, không hề thay đổi, dần dần không ai lạ lẫm gì với chuyện này. Có khi ngồi vào xe rồi, chưa đủ “bạn đồng hành bất đắc dĩ” ấy, chúng tôi thấy như thiếu một thứ gì đó(!). Mấy nhân viên an ninh nguy thấy lúng cúng người, xe và trang bị mỗi lần đi với hai anh em ta, có người tỏ vẻ lấy lòng, ghé vào tai chúng tôi với thái độ cẩn trọng: “Quý vị đi như thế này oai hơn Tổng thống của chúng tôi đấy!”. Trên đường đi, ngoài hai xe Jeép “hộ tống” trước và sau, còn có các lực lượng cảnh sát, an ninh nổi, chìm “bảo vệ”. Phía trước đầu xe cấm lá cờ của Ban Liên hợp quân sự màu da cam có số “4” nhỏ. Lâu ngày, mưa nắng làm cho lá cờ chuyển sang màu đỏ tươi, phần phật tung bay trong gió trông rất đẹp. Nhân dân đi trên đường thấy đoàn xe này đi qua là vẫy tay chào. Ngồi trong xe chúng tôi đã nghĩ đến ngày toàn thắng được hoà vào dòng người đang đi trên đường phố kia.

Những nhân viên an ninh và quân cảnh nguy rất sợ tình huống phải dừng xe dọc đường. Khi đoàn xe đang đi tới các ngã ba, ngã tư dù đèn giao thông báo hiệu màu đỏ, mọi loại xe khác phải dừng ngay, còn đoàn xe của Ban Liên hợp quân sự vẫn đi thẳng. Bọn đi “hộ tống” rất lo lắng khi gặp tình huống phải dừng xe dọc đường. Dân chúng được nhìn thấy Quân giải phóng rõ hơn, niềm vui, sự tin yêu bộc lộ rất rõ trong ánh mắt, nụ cười thật tươi và trù mến. Những hình ảnh ấy, tình cảm ấy làm cho chúng tôi vô cùng xúc động, là nguồn sức mạnh động viên anh em ngày càng kiên định hơn, tin tưởng hơn vào ngày chiến thắng, càng mưu trí, sáng tạo và dũng cảm hơn trong đấu tranh trực diện với kẻ thù. Đó cũng là hậu phương, là chỗ dựa về tinh thần rất tin cậy của chúng tôi.

Có lần bị tắc đường, xe ùn cả lại, không thể nào vượt lên hoặc tránh sang lối khác, xe dừng khá lâu. Anh em ta mở cửa xe, lên vỉa hè đứng. Nhân dân Sài Gòn được nhìn thấy Quân giải phóng giữa ban ngày, công khai, bằng xương, bằng thịt trước mắt mình. Niềm vui được biểu lộ công khai của đồng bào bất chấp sự soi mói canh chừng của cảnh sát, mật vụ nguy. Viên sĩ quan an ninh nguy cùng đi trên xe rất lúng túng, vội mở cửa xe và yêu cầu chúng tôi lên xe. Hắn phân trần với vẻ mặt méo xệch:

“Các ông ra ngoài xe, không đảm bảo an toàn, chúng tôi không chịu trách nhiệm?”.

Nhiều người đứng gần đó cười ồ lên. Có ai đứng trong đám đông nói to: “Sợ dân Sài Gòn biết Quân giải phóng cũng là người như mình chứ gì (?)”.

Một bà cụ khoảng bảy mươi tuổi, mái tóc đã bạc trắng, miệng cười móm mém, tiến lại gần đồng chí sĩ quan liên lạc và chậm rãi nói như để mọi người đứng quanh đó cùng nghe: “Mấy chú giải phóng đẹp vậy mà người ta biểu là bảy Việt cộng bám cộng du đủ không gãy. Thiệt là xạo!”. Nói xong, cụ cứ để cho nước mắt trào ra trên đôi gò má nhăn nheo. Nước mắt của niềm vui, của tình thương yêu ruột thịt. Chắc má cũng có con cháu đang cùng chúng tôi chiến đấu chống quân xâm lược Mỹ và bè lũ tay sai (?)

Đường đã thông, xe đã chạy về hướng trung tâm thành phố, má vẫn còn đứng đó, nhìn theo chúng tôi, mái tóc bạc bay bay trong gió như vẩy chào.

Trên bàn hội nghị, những trận chiến đấu trực diện thường diễn ra gay go, quyết liệt cần đến sự mưu trí, sáng tạo và dũng cảm. Bởi Mỹ - nguy không cam chịu thất bại, ngay từ giờ phút đầu tiên Hiệp định Paris có hiệu lực, Mỹ nguy đã nổ súng lấn chiếm vùng giải phóng và hai đoàn đại biểu quân sự của cách mạng không thể triển khai trụ sở tại các khu vực trên toàn miền Nam Việt Nam. Nơi đây, dù không phải dùng đến súng đạn, không phải đổ máu nhưng tính chất quyết liệt gay gắt không kém. Nó đòi hỏi người tham chiến phải có đủ bản lĩnh chiến đấu, có một lập trường kiên định cách mạng tuyệt vời, hiểu sâu, biết rộng, đầy sáng tạo và trí tuệ. Ở đây mới đề cao được vị thế của cách mạng, tư thế của những người chiến thắng. Đã có lúc kẻ thù phải công khai thừa nhận sự thấp hèn, thất thế của chúng ngay tại bàn hội nghị. Bản chất phản động tay sai bán nước, lưu manh, côn đồ của chúng rất dễ dàng bộc lộ mỗi khi đuối lý trong tranh luận các chủ đề về yêu nước với bán nước, cách mạng với phản cách mạng, nhân đạo với vô nhân đạo, chống xâm lược với xâm lược, chính nghĩa và phi nghĩa.

Đấu tranh trong quá trình trao trả giữa ta với địch là một cuộc chiến đấu hết sức căng thẳng. Lúc này phía Mỹ đã lẩn tránh, để cho phía nguy đảm nhiệm. Họ không muốn trả lại cho ta hàng chục nghìn cán bộ, chiến sĩ ưu tú và hàng trăm nghìn đồng bào yêu nước bị chúng bắt, giam hãm trong tù ngục. Để đổi được đồng chí, đồng bào yêu nước của mình đang bị địch đoạ đầy cả thể xác lẫn tinh thần nơi lao tù là một sự phối hợp chặt chẽ của rất nhiều lực lượng, của các hướng tiến công, có công khai và cả bí mật. Một nhà báo nước ngoài đã không quản hiểm nguy cung cấp cho ta một bản danh sách người của chúng ta bị Mỹ - nguy giam cầm. Đây là minh chứng hùng hồn nhất cho cuộc chiến đấu chính nghĩa của chúng ta được sự ủng hộ của nhân dân yêu chuộng hoà bình trên thế giới. Địch buộc phải trao trả, khi ta có đủ chứng cứ chính xác về địa điểm, thời gian, con người. Thậm chí khi biết rằng không thể chối cãi được, chúng đã thay đổi ngay địa điểm giam giữ, trá đổi tù binh, hèn hạ hơn, chúng còn đem những đồng chí, đồng bào yêu nước ưu tú nhất của cách mạng đi thủ tiêu, giết hại. Trong cuộc chiến đấu này, chúng ta đã buộc địch phải trao trả hàng chục nghìn cán bộ chiến sĩ quân giải phóng, hàng chục nghìn cán bộ dân chính và đồng bào yêu nước của ta. Nhìn những đồng chí, đồng bào yêu nước của ta trở về, trên thân hình còn mang đầy thương tích, bệnh tật, ốm yếu mà lòng chúng tôi xót xa. Nhưng trông họ vẫn hiên ngang, kiêu hãnh đi trong hàng ngũ, ánh mắt rực sáng đầy niềm tin chiến thắng như đang nâng bước họ đi trong sự chào đón của đồng chí, đồng bào vùng giải phóng Lộc Ninh và các địa điểm trao trả khác. Nhiều người gương cao lá cờ cách mạng của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, họ gương cao và hô lớn những băng biểu ngữ được viết vội từ trong ngục tù của giặc. “Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam muôn năm!”, “Chúng ta đã chiến thắng”, “Đả đảo chế độ hà khắc của nhà tù Mỹ - nguy” hoặc “Đả đảo Mỹ - nguy đàn áp tù binh”...

Những băng cờ, biểu ngữ dài, rộng như thế đã được anh chị em cất giấu rất khéo trước sự kiểm soát gắt gao của bọn “quân cảnh” nguy. Bọn chúng hết sức ngạc nhiên, tức tối, không hiểu bằng cách nào chúng đã lục soát đến thế vẫn không phát hiện được? Chúng làm sao hiểu được tình yêu quê hương đất nước, trung với Đảng hiếu với dân, sáng tạo mưu trí và dũng cảm tuyệt vời đã cho họ sức mạnh kỳ diệu để vượt qua mọi hiểm nguy luôn rình rập quanh mình. Họ trở về với tư thế của những người chiến thắng!

Trong cuộc chiến đấu này, Mỹ - nguy không từ một thủ đoạn thâm độc, xảo quyệt nào mà chúng không dùng đến. Thậm chí, chúng còn đưa cả bọn lưu manh, côn đồ đến hành hung cán bộ trao trả của chúng ta. Máu của các anh đã đổ xuống để đổi lấy tự do cho đồng chí, đồng bào yêu nước của mình.

Cuộc sống của chúng ta trong trại Davis cũng chính là một trận chiến đấu liên tục đã làm kẻ thù phải nể sợ. Giữa vòng vây hãm dày đặc của kẻ thù, vài trăm cán bộ, chiến sĩ vẫn lạc quan cách mạng, tin tưởng vào thắng lợi cuối cùng. Kẻ địch không chỉ vây hãm, kiểm chế những hoạt động thông thường của một phái đoàn ngoại giao. Chúng điều vũ dương oai sức mạnh của các loại vũ khí hiện đại để uy hiếp tinh thần, chúng khoe khoang mức sống vật chất dư thừa, cảnh vợ đẹp con khôn, chúng tìm mọi cách lôi kéo, rủ rê, dụ dỗ anh chị em ta. Mấy cô gái nhà thầu đem thực phẩm vào trại Davis cho ta thực chất là nhân viên mật vụ, người của cơ quan chiến tranh tâm lý nguy hoặc “Thiên nga”, “Phượng hoàng!” và “Phù đặc uỷ tình báo” nguy... Chúng lân la dò hỏi, tìm hiểu quê quán, nghe cách phát âm của từng người để xác định nơi sinh trưởng, quay phim,

chụp ảnh để bọn đầu hàng, phản bội nhận mặt... Chúng cố nắm bắt lai lịch, tâm lý, nhu cầu của từng người để tìm cách rủ rê, lôi kéo. Khi biết được quê quán, người thân, chúng cho người về địa phương để hù dọa, gạ gẫm. Có trường hợp bọn chúng về tận quê mời bà cụ thân sinh của đồng chí cán bộ lãnh đạo của đoàn ta lên Sài Gòn và hứa sẽ đưa vào trại Davis gặp con trai. Người mẹ nào xa con lâu ngày lại không muốn gặp con? Nhưng mẹ đã cố nén lòng mình, trả lời thẳng với chúng: “Nếu các ông cho biết đó là con tôi, tôi xin cảm ơn? Con tôi đi theo cách mạng để đánh đuổi giặc Mỹ xâm lược, giờ Mỹ thua đã phải rút quân về nước rồi. Mấy ông không làm gì được lại về đây bày đặt, nhờ tôi lôi kéo nó. Nó có lý tưởng của nó, tôi làm sao biểu nó về được?”.

Biết không thể lợi dụng được mẹ, bọn chúng hậm hực, lùi thối ra về, ném lại phía sau những câu chữ thề tục tĩu.

Mặc cho chúng giờ đủ những trò ma giáo, anh chị em ta vẫn lạc quan yêu đời. Cuộc sống hàng ngày còn được điểm tô bằng những bông hoa. Cây giống đem từ miền Bắc vào trồng trong vạt đất nhỏ chỉ bằng nửa chiếc chiếu. Gọi là đất thực chất chỉ có cát vàng. Thứ vật liệu này quân Mỹ đưa từ đâu đến để san ủi mặt nền và nhồi vào bao tải làm công sự dã chiến. Chúng tôi xếp những bao cát dọc bên hông nhà làm chỗ chứa đất. Hàng ngày vét từng xẻng nhỏ mùn rác dưới rãnh nước lên, đưa vào các khoang để độn cho có khoảng cách với cát vàng và gieo hạt giống hoa, hoa đồng tiền và trồng cả hoa lay ơn tại các vạt đất đó. Nhân lồng, vải thiều và mít cũng vậy. Phải đào hồ sâu hơn, mùn rác được lấy từ ven hàng rào đem về. Sau một thời gian, hoa đã nở rất đẹp, nhãn, vải, mít và chuối lớn rất nhanh, có tán cây xanh trông càng vui mắt. Những luống rau non mơn mớn bổ sung vào bữa ăn hàng ngày. Chính hoa, rau, cây trái được trồng như vậy đủ nói lên với bạn bè trong uỷ ban Quốc tế, các phóng viên nước ngoài rằng cuộc sống của chúng tôi lạc quan như vậy đó! Họ hết sức cảm phục. Buổi liên hoan văn nghệ đã có hoa tươi để tặng diễn viên sau tiết mục biểu diễn. Dù không nhiều, chỉ một bông cho từng người đã đủ để ai cũng thấy tự hào và vui sướng lắm rồi. Cuộc sống của chúng tôi nền nếp, khoa học và lãng mạn. Phải có một tâm hồn thanh cao và kiên định cách mạng thật sự mới tạo ra cho mình một cách sống đẹp đến thế?

Cứ vào các tối thứ tư, thứ bảy hàng tuần, tổ chiếu phim lại căng phông lên, gió chiều lồng lộng thổi làm tấm phông no gió. Tối đó, chúng tôi được sống với những nhân vật trong phim, được thưởng thức những khúc ca, những điệu múa của mọi miền đất nước. Mỹ - nguy nhiều lần gây trở ngại cho những chuyến bay liên lạc giữa Tân Sơn Nhất với Hà Nội. Chúng cất chuyến bay? Ta không thay được phim mới, đem phim cũ ra chiếu lại, mọi người vẫn đến bãi xem rất đông. Nhiều người xem đến nỗi thuộc gần hết lời thoại của nhân vật trong phim. Chiều đến, mấy chiến sĩ cảnh vệ nôn nóng, thấy căng phông vội gọi thật to về phía mấy anh trong tổ chiếu phim: “Tôi nay chiếu phim gì thế anh ơi?”. Có tiếng trả lời cũng to không kém: “Trần Quốc Toàn “lại” ra quân!”. Tiếng “lại” được nhấn mạnh hơn gây sự chú ý cho người nghe. Cả hai bên cùng cười vang. Tiếng cười vọng sang phía bên kia hàng rào. Tên lính nguy đứng gác trên chòi nghe thấy tiếng cười to giòn giã của mấy “ông giải phóng” cũng vui lây. Hắn vội quay đi để giấu nụ cười vừa bật ra từ khóe miệng.

Tối đó chúng tôi được xem phim “Trần Quốc Toàn ra quân”. Nghĩ tới mấy từ “Trần Quốc Toàn “lại” ra quân” tự nhiên mọi người bỗng bật ra tiếng cười. Tiếng cười lạc quan mà thật ý

nghĩa. Bởi lẽ khí thể đánh giặc Nguyên Mông đã chuyển thành khí thể đánh Mỹ, diệt nguy ngày nay.

Thỉnh thoảng chúng giờ trò cắt điện, cắt nước. Trại Davis mà thiếu hai thứ đó thì chẳng khác gì sa mạc. Cái nắng nóng như đổ lửa, sân xi măng, mái lợp tôn fibrô xi măng hấp thụ nhiệt và toả ra xung quanh làm cho mọi người như đang sống trong lò luyện gang. Mọi người được hun bằng nắng nóng như thế nên đều có nước da màu nâu bóng. Mặc chúng giờ trò, mặc nắng nóng, ta đã khắc phục bằng cách chủ động đào giếng để phòng nếu bị cắt nước dài ngày vẫn có đủ nước sử dụng.

Đồng chí thiếu tướng, trưởng đoàn Hungary trong uỷ ban Quốc tế thấy chúng tôi sống đằng hoàng lạc quan như vậy đã mạnh dạn đề nghị với lãnh đạo của phái đoàn ta là vào ngày chủ nhật hàng tuần cho phép đồng chí đưa sĩ quan của mình sang trại Davis giao lưu và vui chơi thể thao với chúng ta. Đồng chí giải thích: “Chúng tôi sang để học tập các đồng chí. Cuộc sống của các đồng chí đã hết sức khó khăn, Mỹ - nguy luôn vây hãm ngặt nghèo thường gây trở ngại và hiểm nguy đêm ngày rình rập mà các đồng chí vẫn lạc quan yêu đời, tin tưởng ngày chiến thắng, có một cuộc sống thật đẹp, thật đằng hoàng. Chúng tôi nghĩ không học tập các đồng chí thì còn học ở đâu?

Từ đó các đồng chí ở hai phái đoàn Hungary và Ba Lan thường xuyên sang trại Davis với chúng ta. Nhất là những khi địch gây trở ngại, uy hiếp an toàn của hai phái đoàn ta, các đồng chí có mặt ngay bên cạnh chúng tôi, kịp thời đấu tranh buộc chúng phải chấp hành theo Hiệp định! Những buổi giao lưu văn hoá, văn nghệ, thể thao của chúng ta còn gây được thiện cảm với các phái đoàn khác trong uỷ ban Quốc tế, họ đã hưởng ứng và tham gia đầy đủ. Họ càng hiểu và thấy rõ sự nghiệp cách mạng chính nghĩa của chúng ta.

Những ngày tết truyền thống của dân tộc lại càng đặc biệt, từ Hà Nội chuyển vào trại Davis bánh kẹo, trà, thuốc, quý nhất là cảnh đào Nhật Tân. Trên bàn thờ Tổ quốc đón xuân có đào và mai cùng khoe sắc mừng mùa xuân mới như thắm hẹn với mọi người Bắc Nam sẽ sớm Bum họp một nhà.

Sau trận Buôn Ma Thuật, địch thất bại nặng nề trên toàn chiến trường miền Nam Việt Nam. Mất thế chiến lược chúng co cụm và rút bỏ nhiều vùng chiến thuật. Trại Davis trở thành một địa chỉ cần thiết để Mỹ - nguy thăm dò, liên hệ. Độ căng thẳng càng ngày càng tăng lên khi các mũi tiến công của ta đang nhằm hướng tiến về Sài Gòn.

Chiến dịch Hồ Chí Minh mở màn, trại Davis trở thành tiền đồn của chiến dịch và đã có những đóng góp đáng kể trong hoạt động chính trị, quân sự, tạo được lợi thế cho cách mạng qua đấu tranh ngoại giao và được dư luận trong nước, quốc tế đồng tình ủng hộ, cung cấp kịp thời những thông tin về tình hình địch phục vụ đắc lực cho cấp trên hoạch định kế hoạch tác chiến và đề ra hướng, mũi tiến công. Nhiều đồng chí từ trại Davis trở về căn cứ cũng có mặt trong các binh đoàn tiến vào giải phóng Sài Gòn.

Dưới sự lãnh đạo của Quân uỷ Trung ương, Quân uỷ Miền và Đảng uỷ ta trong phái đoàn đã kịp thời tổ chức lực lượng, xây dựng trận địa chiến đấu ngay tại trại Davis. Chỉ với những dụng

cụ thô sơ, một ít xẻng cuốc, phần lớn là vật dụng trong doanh trại của địch như cọc màn bằng sắt, cánh tủ sắt, thang giường sắt đã được sử dụng triệt để vào việc đào hầm, hào giao thông. Sau ít ngày đào đắp, ta đã có hầm chỉ huy, hầm quân y, quân lương, hầm dự trữ nước và có thể di chuyển từ nhà nọ sang nhà kia bằng đường hào. Địch canh gác xung quanh nhưng không hề phát hiện được việc làm này của ta.

Tốp máy bay A37 do phi công ta lái ném bom vào sân bay Tân Sơn Nhất cùng pháo lớn và hỏa tiễn của ta từ Nhơn Trạch đã rớt trúng và xói tung đường băng. Những đám cháy, những tiếng nổ rung chuyển mặt đất. Chế độ Sài Gòn sắp tới giờ hấp hối. Sáng sớm ngày 30 tháng 4 năm 1975, địch từ trại huấn luyện lính dù tháo chạy, chúng vứt bỏ quần áo rằn ri dọc đường Lê Văn Lộc. Những chòi canh, những vọng gác xung quanh trại Davis không còn bóng dáng tên lính nguy nào.

9 giờ 30 phút sáng ngày 30 tháng 4 năm 1975, lá cờ cách mạng của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ngạo nghễ tung bay trên đỉnh tháp nước của trại Davis. Nhìn lên lá cờ chiến thắng, lòng mọi người rạo rực niềm vui. Khúc khải hoàn ca của dân tộc đã đến rồi. Nước mắt của niềm tự hào, của độc lập, tự do cứ trào ra.

11 giờ 30 phút, Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng.

Đất nước được Độc lập, Tự do và ngày sum họp đã trở thành hiện thực.

Ngày 1 tháng 5 năm 1975, trên bàn làm việc của Cao Văn Viên - Tổng tham mưu trưởng quân đội nguy, quyền lịch công tác nằm chống chơ trên bàn. Một trang giấy để ngó với những dòng viết vội bản “Chỉ thị cho cấp dưới”. Đại ý của “chỉ thị” này là được quyền sử dụng các biện pháp sau đây đối với trại Davis không cần xin chỉ thị cấp trên, chỉ cần phát hiện có tiếng súng từ đó bắn sang sân bay:

- Dùng pháo và cối huỷ diệt.
- Cho xe tăng và bộ binh tràn ngập.
- Ném bom.
- Rải chất độc hoá học với điều kiện gió không thổi về phía thành phố.

Bản “chỉ thị” nguy hiểm này được Viên ra lệnh trước lúc trốn chạy. Lý do để huỷ diệt trại Davis rất mơ hồ. Kẻ thực hiện chỉ cần tạo cơ có tiếng súng sẽ thẳng tay đánh phá vào trụ sở của phái đoàn ta. Từ ngày 26 tháng 4 năm 1975, khu vực sân bay Tân Sơn Nhất thiếu gì tiếng súng nổ (!). Cao Văn Viên ra lệnh như vậy sẽ khuyến khích cấp dưới có thể dễ dàng thực hiện “mật lệnh” của y.

Ban lãnh đạo của phái đoàn ta cũng dự kiến những tình huống tương tự mà kẻ thù sẽ giở trò và đã có những phương án tác chiến phù hợp. Địch không kịp thực hiện bản “chỉ thị” cho cấp dưới vì bọn chúng quá hoang mang, tan rã quá nhanh chóng trước sức mạnh tiến công của các binh đoàn chủ lực ta như vũ bão vào hang ổ kẻ thù. Chúng chỉ lo trốn chạy, vơ vét của cải, cứu lấy bản thân, nên mưu đồ thâm độc kia đành bỏ dở.

Tính từ ngày hai phái đoàn ta vào để làm nhiệm vụ đến ngày 30 tháng 4 năm 1975, là tám trăm hai mươi ba ngày đêm. Ngàn ấy ngày đêm hên tục phải chiến đấu với kẻ thù tại giữa sào huyệt của chúng, hàng trăm cán bộ, chiến sĩ quân đội nhân dân ta đã không quản hiểm nguy, không nề gian khó luôn xứng đáng với sự tin yêu của Đảng, của quân đội và nhân dân ta, giữ vững khí tiết, phẩm chất người chiến sĩ cách mạng, đó là “giàu sang không quyến rũ, uy vũ chẳng chuyển lay”, ta sống vui tươi, lành mạnh, lạc quan tin tưởng vào ngày thắng lợi cuối cùng. Cho tới ngày Đại thắng mùa Xuân, non sông thu về một mối, chúng tôi đã trở về vẹn nguyên cùng với các binh đoàn chủ lực, các lực lượng vũ trang nhân dân, quần chúng yêu nước trên toàn miền Nam Việt Nam và trong thành phố Sài Gòn có mặt để chứng kiến sự cáo chung của chủ nghĩa đế quốc Mỹ xâm lược và bè lũ tay sai sau cuộc trường chinh vĩ đại của dân tộc.

Chúng tôi đã sống và chiến đấu giữa hang ổ kẻ thù trong suốt tám trăm hai mươi ba ngày đêm tại trại Davis như thế đó.

Hà Nội, tháng 11 năm 2004

CUỘC GẶP MẶT SAU 30 NĂM CỦA CÁC NHÀ NGOẠI GIAO MẶC ÁO LÍNH

NGUYỄN NHƯ KIM

Cán bộ Thông tấn xã Việt Nam

Đầu năm 1973, hơn 300 sĩ quan và chiến sĩ quân đội ta đã vào Sài Gòn tham gia Ban Liên hợp quân sự bốn bên và hai bên. Sau chiến thắng 30 tháng 4 năm 1975, số sĩ quan và chiến sĩ này nhập vào các đơn vị khác nhau làm nhiệm vụ quân quản và ngày nay phần lớn trong số họ đã về hưu, một vài người còn lại cũng tuổi 50-55. Khi vào trại Davis làm sĩ quan của các tiểu ban trực tiếp đấu tranh trên bàn hội nghị bốn bên, hai bên, sĩ quan trong các ban nghiệp vụ sĩ quan liên lạc, thông tin, bảo vệ, báo chí, phần lớn họ ở lứa tuổi khoảng 30 trừ các anh trong ban lãnh đạo hai phái đoàn tuổi cao hơn một chút.

Cuộc gặp lần đầu sau 30 năm của các sĩ quan và chiến sĩ trong Ban Liên lạc quân sự bốn bên và hai bên vừa tổ chức ngày 27 tháng 4 tại nơi đây là trận địa pháo cao xạ bên bờ hồ Trúc Bạch, Hà Nội. Đó là cuộc gặp hết sức cảm động và thân tình của những nhà ngoại giao mặc áo lính mà nay phần lớn tóc đã bạc, đã là ông bà nội ngoại.

Chi tiếc là không biết địa chỉ của nhau, cho nên cuộc gặp lần này hội tụ mới được gần 100 người.

Mở đầu cuộc gặp, mọi người xúc động dành 1 phút tưởng nhớ Thượng tướng Trần Văn Trà và Thượng tướng Lê Quang Hoà hai vị trưởng đoàn đầu tiên của hai phái đoàn, cùng một số sĩ quan đã mất.

Thiếu tướng Nguyễn Đôn Tự, trưởng đoàn quân sự Việt Nam dân chủ cộng hoà trong tổ Liên hợp quân sự bốn bên, nay đã 78 tuổi nhưng vẫn nhiệt tình kể lại những kỷ niệm hoạt động cách đây 30 năm tại trại Davis. ông nói. “Cuộc đấu tranh ngoại giao với Mỹ - nguy sau thời kỳ 60 ngày của Tổ Liên hợp quân sự bốn bên là hết sức gay gắt. Phía nguy quân tại bất kỳ cuộc họp nào

cũng chỉ có phá binh. Phía Mỹ thì khá hơn vì họ muốn nhờ ta tìm hài cốt của khoảng 1.000 lính Mỹ chết và mất tích ở cả hai miền Nam Bắc. Những ngày diễn ra chiến dịch Hồ Chí Minh, hơn 300 anh chị em của hai đoàn ở trại Davis phải lo đào hầm, dự trữ lương thực, nước uống chuẩn bị cho các loại phương án chống kẻ thù kẻ cả trường hợp xe tăng nguy có thể tràn vào...”. Ông kể: Chúng ta cũng nắm được dã tâm của kẻ thù và theo tài liệu ở bàn làm việc của tướng Cao Văn Viên, tổng tham mưu trưởng nguy quân mà sau này ta thu được thì chỉ cần một phát súng từ trại Davis bắn ra là xe tăng nguy sẽ tràn vào nghiền nát hơn 300 cán bộ, chiến sĩ ta ở trong trại. Chính vì vậy, kỷ luật của hai đoàn ta rất nghiêm, tuyệt đối không để xảy ra tiếng nổ để địch có cơ tiến công. Mặt khác ta cũng trang bị hai va li đạn chống tăng để tự vệ”. Ông kể tiếp, ngày 26 tháng 4 năm 1975, tức là bốn ngày trước khi giải phóng Sài Gòn, ông được lệnh ra Hà Nội và trở về Sài Gòn vào buổi tối. Biết được tin này, tướng nguy Phan Hoà Hiệp đã đề nghị cho y cùng ra Hà Nội để “thương lượng với Hà Nội”. Ông Tự từ chối và nói Hiệp có việc gì thì cứ gặp Thiếu tướng Hoàng Anh Tuấn, Trưởng đoàn Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam. Tất nhiên Thiếu tướng Hoàng Anh Tuấn cũng từ chối không gặp Hiệp vì có gì mà phải thương lượng với nguy quân Sài Gòn nữa khi mà ta sắp mở đợt tổng công kích. Ông Tự kể, tối 26 tháng 4 năm 1975, ông trở lại Sài Gòn và ngay đêm hôm đó pháo binh ta từ Nhơn Trạch bắt đầu nã vào các điểm chiến lược ở trong và ngoại vi Sài Gòn, mở đầu một cuộc tổng công kích vào sào huyệt cuối cùng của địch.

Đại tá Vũ Nam Bình, phụ trách tổ trao trả tù binh, kể lại chuyện đấu tranh trả lại tự do cho các anh, chị Võ Thị Thắng, Huỳnh Tấn Mẫm, Lê Văn Nuôi, Võ Như Lanh..., và tình hình về cuộc sống thường nhật của hơn 300 người trong trại Davis giữa vòng vây của địch suốt hơn 820 ngày đêm.

Đại tá Hoàng Duy Hoà, nay về hưu ở quê hương Đông Hưng, Thái Bình cũng có mặt và tâm sự: “Mình đang ở trong rừng Tây Ninh thì được lệnh tới Lộc Ninh để vào Sài Gòn làm sĩ quan liên lạc. Lần đầu được đi máy bay Mỹ dọc theo đường 13 vào Sài Gòn cũng thấy lạ lẫm. Sau này mình còn đi 70 lần máy bay Mỹ tới các nơi ở miền Nam để thực thi Hiệp định Paris. Giải phóng Sài Gòn xong mình được cấp trên giao cho làm quản giáo cai quản 33 viên tướng nguy. Đó là những ngày tuyệt vời đối với mình với tư cách là một sĩ quan quân đội nhân dân”.

Nhà giáo Trần Hán Ngọ, một giáo viên tiếng Anh ở thành phố Nam Định vào Sài Gòn làm phiên dịch kể rằng “ngay từ lần đầu cùng đồng đội từ Sài Gòn bay ra Đức Phổ, đoàn của anh đã bị bọn ác ôn nguy dùng búa gậy đánh đập. Chúng đánh mạnh vào đầu làm anh bất tỉnh tại chỗ. Sau khi được cấp cứu, anh bay trở lại Sài Gòn rồi được đưa ra điều trị tại Bệnh viện Trung ương quân đội 108.

Nhà báo Nguyễn Như, trưởng đoàn Thông tấn xã Việt Nam tại Ban Liên hợp quân sự bốn bên kể về cuộc hành trình bằng máy bay C130 của Mỹ từ sân bay Gia Lâm vào Tân Sơn Nhất với niềm xúc động khi bay qua mảnh đất miền Nam thân yêu sau hơn 20 năm chia cắt. Anh cho biết “mình được đi thăm nhà tù Biên Hoà, Phú Quốc, dự các buổi trao trả tù binh ở Lộc Ninh, Xa Mát, Hoà Nhơn và Đức Nghiệp, chứng kiến những tên lính Nam Hàn cuối cùng rút khỏi Nha Trang,

những tên lính Mỹ cuối cùng rút khỏi Đà Nẵng và Sài Gòn., có thể nói đó là những điều không phải những nhà báo nào cũng có được”.

Câu chuyện cứ dài như mạch nước ngầm tuôn chảy không bao giờ cạn. Gần 100 nhà ngoại giao mặc áo lính đã quyết định lập Câu lạc bộ Ban Liên hợp quân sự trại Davis, tập hợp các sĩ quan, chiến sĩ trong Ban Liên hợp quân sự bốn bên và hai bên đang sinh sống tại khu vực phía Bắc để làm nơi gặp mặt hàng năm vào những ngày kỷ niệm lịch sử của dân tộc.

Phụ lục 1

HIỆP ĐỊNH VỀ CHẤM DỨT CHIẾN TRANH, LẬP LẠI HÒA BÌNH Ở VIỆT NAM

(Văn bản ký bốn bên)

Các bên tham gia Hội nghị Paris về Việt Nam nhằm mục đích chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình Ở Việt Nam trên cơ sở tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam và quyền tự quyết của nhân dân miền tNam Việt Nam, góp phần củng cố hoà bình ở châu Á và thế giới.

Đã thoả thuận, cam kết tôn trọng và thi hành những điều khoản sau đây:

Chương I

CÁC QUYỀN DÂN TỘC CƠ BẢN CỦA NHÂN DÂN VIỆT NAM

Điều 1. Hoa Kỳ và các nước khác tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam như hiệp định Geneve năm 1954 về Việt Nam đã công nhận.

Chương II

CHẤM DỨT CHIẾN SỰ - RÚT QUÂN

Điều 2. Một cuộc ngừng bắn sẽ được thực hiện trên khắp miền Nam Việt Nam kể từ hai mươi bốn giờ (giờ GMT) ngày hai mươi bảy tháng giêng năm một nghìn chín trăm bảy mươi ba.

Cùng ngày giờ nói trên, Hoa Kỳ sẽ chấm dứt mọi hoạt động quân sự của Hoa Kỳ chống lãnh thổ nước Việt Nam dân chủ cộng hoà bằng mọi lực lượng trên bộ, trên không, trên biển bất cứ từ đâu tới, và sẽ chấm dứt việc thả mìn tại vùng biển, các cảng và sông ngòi nước Việt Nam dân chủ cộng hoà. Hoa Kỳ sẽ tháo gỡ, làm mất hiệu lực vĩnh viễn, phá huỷ tất cả những mìn ở vùng biển, các cảng và sông ngòi ở miền Bắc Việt Nam ngay sau khi Hiệp định này có hiệu lực.

Việc chấm dứt hoàn toàn chiến sự nói trong điều này là.vùng chắc và không thời hạn.

Điều 3. Các bên cam kết giữ vững ngừng bắn, bảo đảm hoà bình lâu dài và vùng chắc.

Bắt đầu từ khi ngừng bắn:

a) Các lực lượng của Hoa Kỳ và của các nước ngoài khác đồng minh của Hoa Kỳ và của Việt Nam cộng hoà sẽ ở nguyên vị trí của mình trong lúc chờ đợi thực hiện kế hoạch rút quân. Ban Liên hợp quân sự bốn bên nói trong Điều 16 sẽ quy định những thể thức.

b) Các lực lượng vũ trang của hai bên miền Nam Việt Nam sẽ ở nguyên vị trí của mình. Ban Liên hợp quân sự hai bên nói trong Điều 17 sẽ quy định vùng do mỗi bên kiểm soát và những thể thức trú quân.

c) Các lực lượng chính quy thuộc mọi quân chủng và binh chủng và các lực lượng không chính quy của các bên ở miền Nam Việt Nam phải ngừng mọi hoạt động tấn công nhau và triệt để tuân theo những điều quy định sau đây:

- Ngăn cấm mọi hoạt động vũ lực trên bộ, trên không và trên biển;
- Ngăn cấm mọi hành động đối địch, khủng bố và trả thù của cả hai bên.

Điều 4. Hoa Kỳ sẽ không tiếp tục dính líu quân sự hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam.

Điều 5. Trong thời hạn sáu mươi ngày kể từ khi ký Hiệp định này, sẽ hoàn thành việc rút hoàn toàn ra khỏi miền Nam Việt Nam mọi quân đội, cố vấn quân sự và nhân viên quân sự, kể cả nhân viên quân sự kỹ thuật, nhân viên quân sự liên quan đến chương trình bình định, vũ khí, đạn dược và dụng cụ chiến tranh của Hoa Kỳ và của các nước ngoài khác đã nói ở Điều 3 (a). Cố vấn của các nước nói trên cho tất cả các tổ chức bán quân sự và lực lượng cảnh sát cũng sẽ rút trong thời hạn đó.

Điều 6. Việc huỷ bỏ tất cả các căn cứ quân sự ở miền Nam Việt Nam của Hoa Kỳ và của các nước ngoài khác đã nói ở Điều 3 (a) sẽ hoàn thành trong thời hạn sáu mươi ngày kể từ khi ký Hiệp định này.

Điều 7. Từ khi thực hiện ngừng bắn cho đến khi thành lập chính phủ nói ở Điều 9 (b) và Điều 14 của Hiệp định này, hai bên miền Nam Việt Nam sẽ không được nhận đưa vào miền Nam Việt Nam quân đội, cố vấn quân sự và nhân viên quân sự, kể cả nhân viên quân sự kỹ thuật, vũ khí, đạn dược và dụng cụ chiến tranh.

Hai bên miền Nam Việt Nam được phép từng thời gian thay thế vũ khí, đạn dược, dụng cụ chiến tranh đã bị phá huỷ, hư hỏng, hao mòn hoặc dùng hết từ sau khi ngừng bắn, trên cơ sở một đổi một, cùng đặc điểm và tính năng, có sự giám sát của Ban Liên hợp quân sự hai bên miền Nam Việt Nam và Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát.

Chương III

VIỆC TRAO TRẢ NHÂN VIÊN QUÂN SỰ BỊ BẮT, THƯỜNG DÂN NƯỚC NGOÀI BỊ BẮT VÀ NHÂN VIÊN DÂN SỰ VIỆT NAM BỊ BẮT VÀ GIAM GIỮ

Điều 8, a) Việc trao trả những nhân viên quân sự của các bên bị bắt và thường dân nước ngoài của các bên bị bắt sẽ tiến hành song song và hoàn thành không chậm hơn ngày hoàn thành việc rút quân nói trong Điều 5. Các bên sẽ trao đổi danh sách đầy đủ những nhân viên quân sự và thường dân nước ngoài bị bắt nói trên vào ngày ký kết Hiệp định này.

b) Các bên sẽ giúp đỡ nhau tìm kiếm tin tức về những nhân viên quân sự của các bên và thường dân nước ngoài của các bên bị mất tích trong chiến đấu, xác định vị trí và bảo quản mồ mã của những người bị chết, nhằm tạo điều kiện dễ dàng cho việc cất bốc và hồi hương hài cốt và có

những biện pháp khác cần thiết để tìm kiếm tin tức những người còn coi là mất tích trong chiến đấu.

c) Vấn đề trao trả các nhân viên dân sự Việt Nam bị bắt và giam giữ ở miền Nam Việt Nam sẽ do hai bên miền Nam Việt Nam giải quyết trên cơ sở những nguyên tắc của Điều 21 (b) của Hiệp định đình chỉ chiến sự ở Việt Nam ngày hai mươi tháng bảy năm một nghìn chín trăm năm mươi tư. Hai bên miền Nam Việt Nam sẽ làm việc đó trên tinh thần hoà giải và hoà hợp dân tộc, nhằm chấm dứt thù hận, giảm bớt đau khổ và đoàn tụ các gia đình. Hai bên miền Nam Việt Nam sẽ gắng hết sức mình để giải quyết vấn đề này trong vòng chín mươi ngày sau khi ngừng bắn có hiệu lực.

Chương IV

VIỆC THỰC HIỆN QUYỀN TỰ QUYẾT CỦA NHÂN DÂN MIỀN NAM VIỆT NAM

Điều 9. Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà và Chính phủ Hoa Kỳ cam kết tôn trọng những nguyên tắc thực hiện quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam sau đây:

a) Quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam là thiêng liêng, bất khả xâm phạm và phải được tất cả các nước tôn trọng.

b) Nhân dân miền Nam Việt Nam tự quyết định tương lai chính trị của miền Nam Việt Nam thông qua tổng tuyển cử thật sự tự do và dân chủ, có giám sát quốc tế.

c) Các nước ngoài sẽ không được áp đặt bất cứ xu hướng chính trị hoặc cá nhân nào đối với nhân dân miền Nam Việt Nam.

Điều 10. Hai bên miền Nam Việt Nam cam kết tôn trọng ngừng bắn và giữ vùng hoà bình ở miền Nam Việt Nam, giải quyết các vấn đề tranh chấp bằng thương lượng và tránh mọi xung đột bằng vũ lực.

Điều 11. Ngay sau khi ngừng bắn, hai bên miền Nam Việt Nam sẽ:

- Thực hiện hoà giải và hoà hợp dân tộc, xoá bỏ thù hận, cấm mọi hành động trả thù và phân biệt đối xử với những cá nhân hoặc tổ chức đã hợp tác với bên này hoặc bên kia;

- Bảo đảm các quyền tự do dân chủ của nhân dân: tự do cá nhân, tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do hội họp, tự do hoạt động chính trị, tự do tín ngưỡng, tự do đi lại, tự do cư trú, tự do làm ăn sinh sống, quyền tư hữu tài sản và quyền tự do kinh doanh.

Điều 12. Ngay sau khi ngừng bắn, hai bên miền Nam Việt Nam sẽ hiệp thương trên tinh thần hoà giải và hoà hợp dân tộc, tôn trọng lẫn nhau và không thôn tính nhau để thành lập Hội đồng quốc gia hoà giải và hoà hợp dân tộc gồm ba thành phần ngang nhau. Hội đồng sẽ làm việc theo nguyên tắc nhất trí. Sau khi Hội đồng quốc gia hoà giải và hoà hợp dân tộc nhậm chức, hai bên miền Nam Việt Nam sẽ hiệp thương về việc thành lập các hội đồng cấp dưới. Hai bên miền Nam Việt Nam sẽ ký một hiệp định về các vấn đề nội bộ của miền Nam Việt Nam càng sớm càng tốt, và sẽ làm hết sức mình để thực hiện việc này trong vòng chín mươi ngày sau khi ngừng bắn có hiệu lực, phù hợp với nguyện vọng của nhân dân miền Nam Việt Nam là hoà bình, độc lập và dân chủ.

b) Hội đồng quốc gia hoà giải và hoà hợp dân tộc có nhiệm vụ đôn đốc hai bên miền Nam Việt Nam thi hành Hiệp định này, thực hiện hoà giải và hoà hợp dân tộc, bảo đảm tự do dân chủ. Hội đồng quốc gia hoà giải và hoà hợp dân tộc sẽ tổ chức tổng tuyển cử tự do và dân chủ như đã nói trong Điều 9 (b) và quy định thủ tục và thể thức của cuộc tổng tuyển cử này. Các cơ quan quyền lực mà cuộc tổng tuyển cử đó sẽ bầu ra sẽ do hai bên miền Nam Việt Nam thông qua hiệp thương mà thoả thuận. Hội đồng quốc gia hoà giải và hoà hợp dân tộc cũng sẽ quy định thủ tục và thể thức tuyển cử địa phương theo như hai bên miền Nam Việt Nam thoả thuận.

Điều 13. Vấn đề lực lượng vũ trang Việt Nam ở miền Nam Việt Nam sẽ do hai bên miền Nam Việt Nam giải quyết trên tinh thần hoà giải và hoà hợp dân tộc, bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau, không có sự can thiệp của nước ngoài, phù hợp với tình hình sau chiến tranh. Trong số những vấn đề hai bên miền Nam Việt Nam thảo luận có các biện pháp giảm số quân của họ và phục viên số quân đã giảm. Hai bên miền Nam Việt Nam sẽ hoàn thành việc đó càng sớm càng tốt.

Điều 14. Miền Nam Việt Nam sẽ thực hiện chính sách đối ngoại hoà bình, độc lập. Miền Nam Việt Nam sẵn sàng thiết lập quan hệ với tất cả các nước không phân biệt chế độ chính trị và xã hội trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền của nhau và nhận viện trợ kinh tế, kỹ thuật của bất cứ nước nào không kèm theo điều kiện chính trị. Vấn đề nhận viện trợ quân sự sau này cho miền Nam Việt Nam sẽ thuộc thẩm quyền của chính phủ được thành lập sau tổng tuyển cử ở miền Nam Việt Nam nói trong Điều 9 (b).

Chương V

VẤN ĐỀ THỐNG NHẤT NƯỚC VIỆT NAM VÀ VẤN ĐỀ QUAN HỆ GIỮA MIỀN BẮC VÀ MIỀN NAM VIỆT NAM

Điều 15. Việc thống nhất nước Việt Nam sẽ được thực hiện từng bước bằng phương pháp hoà bình trên cơ sở bàn bạc và thoả thuận giữa miền Bắc và miền Nam Việt Nam, không bên nào cưỡng ép hoặc thôn tính bên nào và không có sự can thiệp của nước ngoài. Thời gian thống nhất sẽ do miền Bắc và miền Nam Việt Nam thoả thuận.

- Trong khi chờ đợi thống nhất:

a) Giới tuyến quân sự giữa hai miền tại vĩ tuyến 17 chỉ là tạm thời và không phải là một ranh giới về chính trị hoặc về lãnh thổ, như quy định trong đoạn 6 của tuyên bố cuối cùng của Hội nghị Geneve năm 1954.

b) Miền Bắc và miền Nam Việt Nam sẽ tôn trọng khu phi quân sự hai bên giới tuyến quân sự tạm thời.

c) Miền Bắc và miền Nam Việt Nam sẽ sớm bắt đầu thương lượng nhằm lập lại quan hệ bình thường về nhiều mặt. Trong các vấn đề sẽ được thương lượng, có vấn đề thể thức đi lại dân sự qua giới tuyến quân sự tạm thời.

d) Miền Bắc và miền Nam Việt Nam sẽ không tham gia bất cứ liên minh quân sự hoặc khối quân sự nào và không cho phép nước ngoài có căn cứ quân sự, quân đội, cố vấn quân sự và nhân viên quân sự trên đất mình, như Hiệp. định Geneve năm 1954 về Việt Nam quy định.

Chương VI

CÁC BAN LIÊN HỢP QUÂN SỰ,

ỦY BAN QUỐC TẾ KIỂM SOÁT VÀ GIÁM SÁT,

HỘI NGHỊ QUỐC TẾ

Điều 16. Các bên tham gia Hội nghị Paris về Việt Nam sẽ cử ngay đại diện để thành lập Ban Liên hợp quân sự bốn bên có nhiệm vụ bảo đảm sự phối hợp hành động của các bên trong việc thực hiện các điều khoản sau đây của Hiệp định này:

- Đoạn đầu của Điều 2 về việc thực hiện ngừng bắn trên khắp miền Nam Việt Nam;
- Điều 3 (a) về việc ngừng bắn của lực lượng Hoa Kỳ và của các nước ngoài khác nói trong điều này;
- Điều 3 (c) về việc ngừng bắn giữa tất cả các bên ở miền Nam Việt Nam;
- Điều 5 về việc rút ra khỏi miền Nam Việt Nam quân đội của Hoa Kỳ và quân đội của các nước ngoài khác đã nói ở Điều 3 (a);
- Điều 6 về việc huỷ bỏ các căn cứ quân sự ở miền Nam Việt Nam của Hoa Kỳ và của các nước ngoài khác đã nói ở Điều 3 (a) ;
- Điều 8 (a) về việc trao trả những nhân viên quân sự của các bên bị bắt và thường dân nước ngoài của các bên bị bắt;
- Điều 8 (b) về việc các bên giúp đỡ nhau tìm kiếm tin tức về những nhân viên quân sự của các bên và thường dân nước ngoài của các bên bị mất tích trong chiến đấu.

b) Ban Liên hợp quân sự bốn bên sẽ làm việc theo nguyên tắc hiệp thương và nhất trí. Những vấn đề bất đồng sẽ chuyển cho uỷ ban Quốc tế kiểm soát và giám sát.

c) Ban Liên hợp quân sự bốn bên sẽ bắt đầu hoạt động ngay sau khi ký kết Hiệp định này và chấm dứt hoạt động trong thời hạn sáu mươi ngày, sau khi việc rút quân của Hoa Kỳ và quân của các nước ngoài khác đã nói ở Điều 3 (a) và việc trao trả nhân viên quân sự của các bên bị bắt và thường dân nước ngoài của các bên bị bắt đã hoàn thành.

d) Bốn bên sẽ thoả thuận ngay về tổ chức, thể thức làm việc, phương tiện hoạt động và chi phí của Ban Liên hợp quân sự bốn bên.

Điều 17. Hai bên miền Nam Việt Nam sẽ cử ngay đại diện để thành lập Ban Liên hợp quân sự hai bên có nhiệm vụ bảo đảm sự phối hợp hành động của hai bên miền Nam Việt Nam trong việc thực hiện các điều khoản sau đây của Hiệp định này:

- Đoạn đầu của Điều 2 về việc thực hiện ngừng bắn trên khắp miền Nam Việt Nam, sau khi Ban Liên hợp quân sự bốn bên chấm dứt hoạt động của mình;

- Điều 3 (b) về việc ngừng bắn giữa hai bên miền Nam Việt Nam;
- Điều 3 (c) về việc ngừng bắn giữa tất cả các bên ở miền Nam Việt Nam, sau khi Ban Liên hợp quân sự bốn bên chấm dứt hoạt động của mình;
- Điều 7 về việc không được đưa quân đội vào miền Nam Việt Nam và tất cả những điều khoản khác của điều này;
- Điều 8 (c) về vấn đề trao trả các nhân viên dân sự Việt Nam bị bắt và giam giữ ở miền Nam Việt Nam;
- Điều 13 về việc giảm số quân của hai bên miền Nam Việt Nam và phục vụ số quân đã giảm.

b) Những vấn đề bất đồng sẽ chuyển cho Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát.

c) Sau khi Hiệp định này được ký kết, Ban Liên hợp quân sự hai bên sẽ thoả thuận ngay những biện pháp và tổ chức nhằm thực hiện ngừng bắn và giữ gìn hoà bình ở miền Nam Việt Nam.

Điều 18.

a) Sau khi ký kết Hiệp định này, thành lập ngay uỷ ban Quốc tế kiểm soát và giám sát.

b) Cho đến khi Hội nghị quốc tế nói ở Điều 19 có những sắp xếp dứt khoát Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát sẽ báo cáo với bốn bên những vấn đề về việc kiểm soát và giám sát việc thi hành những điều khoản sau đây của Hiệp định này:

- Đoạn đầu của Điều 2 về việc thực hiện ngừng bắn trên khắp miền Nam Việt Nam;
- Điều 3 (a) về việc ngừng bắn của lực lượng Hoa Kỳ và của các nước ngoài khác nói trong điều này;
- Điều 3 (c) về việc ngừng bắn giữa tất cả các bên ở miền Nam Việt Nam;
- Điều 5 về việc rút ra khỏi miền Nam Việt Nam quân đội của Hoa Kỳ và quân đội của các nước ngoài khác đã nói ở Điều 3 (a);
- Điều 6 về việc huỷ bỏ các căn cứ quân sự ở miền Nam Việt Nam của Hoa Kỳ và của các nước ngoài khác đã nói ở Điều 3 (a);
- Điều 8 (a) về việc trao trả những nhân viên quân sự của các bên bị bắt và thường dân nước ngoài của các bên bị bắt.

Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát lập những tổ kiểm soát để làm những nhiệm vụ của mình. Bốn bên sẽ thoả thuận ngay về chỗ đóng và sự hoạt động của các tổ chức. Các bên sẽ làm dễ dàng cho hoạt động của các tổ đó.

c) Cho đến khi Hội nghị quốc tế có những sắp xếp dứt khoát, Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát sẽ báo cáo với hai bên miền Nam Việt Nam những vấn đề về việc kiểm soát và giám sát việc thi hành những điều khoản sau đây của Hiệp định này:

- Đoạn đầu của Điều 2 về việc thực hiện ngừng bắn trên khắp miền Nam Việt Nam, sau khi Ban Liên hợp quân sự bốn bên chấm dứt hoạt động của mình;

- Điều 3 (b) về việc ngừng bắn giữa hai bên miền Nam Việt Nam;

- Điều 3 (c) về việc ngừng bắn giữa tất cả các bên ở miền Nam Việt Nam, sau khi Ban Liên hợp quân sự bốn bên chấm dứt hoạt động của mình;

- Điều 7 về việc không được đưa quân đội vào miền Nam Việt Nam và tất cả các điều khoản khác của điều này;

- Điều 8 (c) về vấn đề trao trả các nhân viên dân sự Việt Nam bị bắt và giam giữ ở miền Nam Việt Nam;

- Điều 9 (b) về tổng tuyển cử tự do và dân chủ ở miền Nam Việt Nam;

- Điều 13 về việc giảm số quân của hai bên miền Nam Việt Nam và phục vụ số quân đã giảm.

Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát lập những tổ kiểm soát để làm nhiệm vụ của mình. Hai bên miền Nam Việt Nam sẽ thoả thuận ngay về chỗ đóng và sự hoạt động của các tổ chức. Hai bên miền Nam Việt Nam sẽ làm dễ dàng cho hoạt động của các tổ chức.

d) Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát sẽ gồm đại diện của bốn nước: Ba Lan, Canada, Hungary, Indonesia. Các thành viên của uỷ ban Quốc tế sẽ luân phiên làm chủ tịch trong từng thời gian do Ủy ban Quốc tế quy định.

e) Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát thi hành nhiệm vụ của mình theo nguyên tắc tôn trọng chủ quyền của miền Nam Việt Nam.

f) Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát làm việc theo nguyên tắc hiệp thương và nhất trí.

g) Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát sẽ bắt đầu hoạt động khi ngừng bắn có hiệu lực ở Việt Nam. Đối với các điều khoản liên quan đến bốn bên nói trong Điều 18 (b), Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát chấm dứt hoạt động của mình khi nhiệm vụ kiểm soát và giám sát của uỷ ban đối với các điều khoản đó đã hoàn thành. Đối với các điều khoản liên quan đến hai bên miền Nam Việt Nam nói ở Điều 18 (c), Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát chấm dứt hoạt động của mình theo yêu cầu của chính phủ được thành lập sau tổng tuyển cử ở miền Nam Việt Nam nói ở Điều 9 (b).

h) Bốn bên thoả thuận ngay về tổ chức, phương tiện hoạt động và chi phí của Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát. Mối quan hệ giữa Ủy ban Quốc tế và Hội nghị quốc tế sẽ do Ủy ban Quốc tế và Hội nghị quốc tế thoả thuận.

Điều 19. Các bên thoả thuận về việc triệu tập một Hội nghị quốc tế trong vòng ba mươi ngày kể từ khi ký Hiệp định này để ghi nhận các Hiệp định đã ký kết; bảo đảm chấm dứt chiến tranh, giữ vững hoà bình ở Việt Nam, tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam

và quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam; góp phần vào hoà bình và bảo đảm hoà bình ở Đông Dương.

Việt Nam dân chủ cộng hoà và Hoa Kỳ, thay mặt các bên tham gia Hội nghị Paris về Việt Nam, sẽ đề nghị các bên sau đây tham gia Hội nghị quốc tế này: Cộng hoà nhân dân Trung Hoa, Cộng hoà Pháp, Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô Viết, Liên hiệp vương quốc Anh, bốn nước trong uỷ ban Quốc tế kiểm soát và giám sát và Tổng thư ký Liên hợp quốc, cùng với các bên tham gia Hội nghị Paris về Việt Nam.

Chương VII

ĐỐI VỚI CAM-PU-CHIA VÀ LÀO

Điều 20.

a) Các bên tham gia Hội nghị Paris về Việt Nam phải triệt để tôn trọng Hiệp định Geneve năm 1954 về Cam-pu-chia và Hiệp định Geneve năm 1962 về Lào đã công nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Căm-pu-chia và nhân dân Lào: độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của các nước đó. Các bên phải tôn trọng nền trung lập của Cam-pu-chia và Lào.

Các bên tham gia Hội nghị Paris về Việt Nam cam kết không dùng lãnh thổ của Cam-pu-chia và lãnh thổ của Lào để xâm phạm chủ quyền và an ninh của nhau và của các nước khác.

b) Các nước ngoài sẽ chấm dứt mọi hoạt động quân sự ở Cam-pu-chia và Lào, rút hết và không đưa trở lại vào hai nước đó quân đội, cố vấn quân sự và nhân viên quân sự, vũ khí, đạn dược và dụng cụ chiến tranh.

c) Công việc nội bộ của Cam-pu-chia và Lào phải do nhân dân mỗi nước này giải quyết, không có sự can thiệp của nước ngoài.

d) Những vấn đề liên quan giữa các nước Đông Dương sẽ do các bên Đông Dương giải quyết, trên cơ sở tôn trọng độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau và không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.

Chương VIII

QUAN HỆ GIỮA VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA VÀ HOA KỲ

Điều 21. Hoa Kỳ mong rằng Hiệp định này sẽ mang lại một thời kỳ hoà giải với Việt Nam dân chủ cộng hoà cũng như với tất cả các dân tộc ở Đông Dương. Theo chính sách truyền thống của mình, Hoa Kỳ sẽ đóng góp vào việc hàn gắn vết thương chiến tranh và công cuộc xây dựng sau chiến tranh ở Việt Nam dân chủ cộng hoà và toàn Đông Dương.

Điều 22. Việc chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam và việc thực hiện triệt để Hiệp định này sẽ tạo điều kiện thiết lập quan hệ mới, bình đẳng và cùng có lợi giữa Việt Nam dân chủ cộng hoà và Hoa Kỳ, trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền của nhau và không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau. Đồng thời, những việc đó sẽ bảo đảm hoà bình vững chắc ở Việt Nam và góp phần giữ gìn hoà bình lâu dài ở Đông Dương và Đông Nam Á.

Chương IX

NHỮNG ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 23. Hiệp định này sẽ có hiệu lực khi đại diện toàn quyền của các bên tham gia Hội nghị Paris về Việt Nam ký. Tất cả các bên có liên quan sẽ thi hành triệt để Hiệp định này và các Nghị định thư của Hiệp định.

Làm tại Paris ngày hai mươi bảy tháng giêng năm một nghìn chín trăm bảy mươi ba, bằng tiếng Việt Nam và tiếng Anh. Bản tiếng Việt Nam và bản tiếng Anh đều là những bản chính thức và có giá trị như nhau.

Thay mặt Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam Nguyễn Thị Bình, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao

Thay mặt Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà: Nguyễn Duy Trinh, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao

Thay mặt

Thay mặt Chính phủ Việt Nam cộng hoà Trần Văn Lắm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao

Thay mặt Chính phủ Hoa Kỳ: William Price Rogers Bộ trưởng Bộ Ngoại giao

Phụ lục 2

NGHỊ ĐỊNH THƯ CỦA HIỆP ĐỊNH VỀ CHẤM DỨT CHIẾN TRANH, LẬP LẠI HÒA BÌNH Ở VIỆT NAM VỀ NGỪNG BẮN Ở MIỀN NAM VIỆT NAM VÀ VỀ CÁC BAN LIÊN HỢP QUÂN SỰ

(văn bản ký bốn bên)

Các bên tham gia Hội nghị Paris về Việt Nam.

Thực hiện đoạn đầu Điều 2, Điều 3, Điều 5, Điều 6 Điều 16 và Điều 17 của Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình Ở Việt Nam ký vào ngày này, quy định việc ngừng bắn ở miền Nam Việt Nam và việc thành lập các Ban Liên hợp quân sự bốn bên và hai bên, đã thoả thuận như sau: Về ngừng bắn ở miền Nam Việt Nam.

ĐIỀU 1

Các bộ chỉ huy của các bên ở miền Nam Việt Nam phải nhanh chóng và kịp thời ra lệnh cho tất cả các lực lượng vũ trang chính quy, không chính quy và cảnh sát vũ trang dưới quyền mình chấm dứt hoàn toàn chiến sự trên khắp miền Nam Việt Nam đúng vào ngày giờ quy định trong Điều 2 của Hiệp định và sẽ bảo đảm tất cả các lực lượng vũ trang và cảnh sát vũ trang đó tuân theo các lệnh trên và tôn trọng ngừng bắn.

ĐIỀU 2

a) Bắt đầu từ khi ngừng bắn có hiệu lực cho đến khi có quy định của các Ban Liên hợp quân sự, tất cả các lực lượng chiến đấu trên bộ, trên sông, trên biển và trên không của các bên ở miền Nam Việt Nam ở nguyên vị trí của mình: nghĩa là, để bảo đảm ngừng bắn vững chắc, sẽ

không có sự bố trí lại lực lượng lớn hoặc không có sự di chuyển nào mở rộng vùng kiểm soát của mỗi bên, hoặc dẫn tới sự tiếp xúc giữa các lực lượng vũ trang đối địch và các hành động xung đột có thể xảy ra.

b) Mọi lực lượng vũ trang chính quy, không chính quy và cảnh sát vũ trang của các bên Ở miền Nam Việt Nam phải tuân theo những điều cấm chỉ sau đây:

1 Cấm các cuộc tuần tra vũ trang sang vùng do lực lượng vũ trang đối phương kiểm soát và cấm những chuyến bay của các loại máy bay ném bom, máy bay chiến đấu trừ những chuyến bay không vũ trang với mục đích huấn luyện và bảo quản.

2. Cấm tấn công vũ trang vào bất cứ người nào, quân sự hoặc dân sự, bằng bất cứ phương tiện nào kể cả việc sử dụng vũ khí nhỏ, súng cối, đại bác, ném bom, bắn phá bằng máy bay và bất cứ vũ khí hoặc vật có thể nổ khác.

3. Cấm tiến hành mọi cuộc hành quân chiến đấu trên bộ, trên sông, trên biển và trên không.

4. Cấm các hành động đối địch, khủng bố và trả thù.

5. Cấm mọi hành động xâm phạm đến tính mạng và tài sản công và tư.

ĐIỀU 3

a) Những điều ngăn cấm nói trên không được cản trở hoặc hạn chế.

1 Việc tiếp tế dân sự, việc tự do đi lại, tự do làm ăn sinh sống, tự do buôn bán của nhân dân và giao thông vận tải dân sự giữa tất cả các vùng ở miền Nam Việt Nam.

2. Mỗi bên trong vùng kiểm soát của mình sử dụng những đơn vị hậu cần như đơn vị công binh và vận tải trong việc sửa chữa và xây dựng những tiện nghi công cộng và việc vận chuyển, tiếp tế cho nhân dân.

3. Mỗi bên trong vùng kiểm soát của mình tiến hành việc huấn luyện quân sự bình thường, khi tiến hành có chú ý tới an toàn công cộng.

b) Các Ban Liên hợp quân sự sẽ thoả thuận ngay về các hành lang, các tuyến đường và các quy định khác cho việc di chuyển của các máy bay vận tải quân sự, các loại xe vận tải quân sự và tàu thuyền vận tải quân sự của bên này phải đi qua vùng do các bên kia kiểm soát.

ĐIỀU 4

Để tránh xung đột và để bảo đảm sinh hoạt bình thường của các lực lượng vũ trang ở những nơi đang trực tiếp tiếp xúc, và trong khi chờ đợi việc quy định của các Ban Liên hợp quân sự, ngay sau khi ngừng bắn có hiệu lực những người chỉ huy của các lực lượng vũ trang đối diện nhau và đang trực tiếp tiếp xúc ở những nơi đó sẽ gặp nhau để đi tới thoả thuận về các biện pháp tạm thời nhằm tránh xung đột và bảo đảm việc tiếp tế, cứu thương cho các lực lượng vũ trang đó.

ĐIỀU 5

a) Trong vòng mười lăm ngày kể từ khi ngừng bắn có hiệu lực, mỗi bên phải làm hết sức mình để hoàn thành việc tháo gỡ hoặc làm mất hiệu lực những vật gây huỷ hoại, bãi mìn, cạm bẫy, các vật chướng ngại và các vật nguy hiểm khác đặt từ trước để khôi phục lại cho sự đi lại, làm ăn của nhân dân, trước hết trên các đường thủy, đường bộ và đường sắt ở miền Nam Việt Nam. Những mìn không thể tháo gỡ hoặc làm mất hiệu lực trong thời gian đó phải được đánh dấu rõ ràng và phải tiếp tục tháo gỡ hoặc làm mất hiệu lực cho xong càng sớm càng tốt.

b) Cấm đặt mìn, trù trường hợp phòng thủ sát chung quanh các cơ sở quân sự, ở những nơi không làm trở ngại cho sự đi lại, làm ăn của nhân dân và sự đi lại trên các đường thủy, đường bộ và đường sắt. Có thể để lại những mìn và những vật chướng ngại khác đã đặt từ trước sát chung quanh các cơ sở quân sự, ở những nơi không làm trở ngại cho sự đi lại, làm ăn của nhân dân và sự đi lại trên các đường thủy, đường bộ và đường sắt.

ĐIỀU 6

Cảnh sát dân sự và nhân viên an ninh dân sự của các bên miền Nam Việt Nam có trách nhiệm duy trì trật tự, trị an, phải triệt để tôn trọng những điều ngăn cấm nêu ở Điều 2 của Nghị định thư này. Theo nhu cầu nhiệm vụ, bình thường họ sẽ được phép mang súng ngắn, nhưng khi hoàn cảnh đặc biệt đòi hỏi, thì họ được phép mang vũ khí cá nhân cỡ nhỏ khác.

ĐIỀU 7

a) Việc đưa vào thay thế vũ khí, đạn dược và dụng cụ chiến tranh ở miền Nam Việt Nam theo Điều 7 của Hiệp định sẽ được tiến hành dưới sự giám sát và kiểm soát của Ban Liên hợp quân sự hai bên và Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát và chỉ qua những cửa khẩu do hai bên miền Nam Việt Nam sẽ thỏa thuận về các cửa khẩu này trong vòng mười lăm ngày sau khi ngừng bắn có hiệu lực.

Hai bên miền Nam Việt Nam có thể chọn nhiều nhất là sáu cửa khẩu không nằm trong danh sách các địa điểm sẽ có tổ của Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát đóng, như nói rõ trong Điều 4 (d) trong Nghị định thư về Ủy ban Quốc tế. Đồng thời hai bên miền Nam Việt Nam cũng có thể chọn các cửa khẩu trong danh sách các địa điểm nói rõ trong Điều 4 (d) của Nghị định thư đó.

b) Những cửa khẩu đã quy định chỉ được dùng cho bên miền Nam Việt Nam nào kiểm soát cửa khẩu đó. Hai bên miền Nam Việt Nam sẽ có một số cửa khẩu ngang nhau.

ĐIỀU 8

a) Thực hiện Điều 5 của Hiệp định, Hoa Kỳ và các nước ngoài khác nói trong Điều 5 của Hiệp định sẽ mang đi với họ mọi vũ khí, đạn dược và dụng cụ chiến tranh của họ. Sau khi Hiệp định bắt đầu có hiệu lực, không được chuyển giao những thứ nói trên nhằm để lại những thứ đó ở miền Nam Việt Nam, trừ trường hợp chuyển giao những dụng cụ thông tin, vận tải và những dụng cụ khác không phải để chiến đấu cho Ban Liên hợp quân sự bốn bên hoặc Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát.

b) Trong vòng năm ngày sau khi ngừng bắn bắt đầu có hiệu lực, Hoa Kỳ sẽ báo cho Ban Liên hợp quân sự bốn bên và ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát biết những chương trình chung về thời gian biểu cho việc rút hoàn toàn quân đội sẽ được tiến hành làm bốn đợt, mỗi đợt mười lăm ngày. Dự kiến là số quân rút trong các đợt không khác nhau nhiều mặc dầu không thể bảo đảm các số quân đó ngang nhau. Số quân đại thể rút trong mỗi đợt sẽ được báo cho Ban Liên hợp quân sự bốn bên và Ủy ban Quốc tế trước một thời gian đủ để cho Ban Liên hợp quân sự bốn bên và Ủy ban Quốc tế có thể thực hiện một cách thích đáng nhiệm vụ của họ đối với vấn đề này.

ĐIỀU 9

a) Thực hiện Điều 6 của Hiệp định, Hoa Kỳ và các nước ngoài khác nói trong điều này sẽ tháo dỡ và chuyển ra khỏi miền Nam Việt Nam hoặc phá huỷ tất cả những căn cứ quân sự ở miền Nam Việt Nam của Hoa Kỳ và của các nước ngoài khác nói trong điều đó, kể cả những vũ khí, mìn và những thiết bị quân sự khác tại những căn cứ này, để không được dùng vào những mục đích quân sự.

b) Hoa Kỳ sẽ cung cấp cho Ban Liên hợp quân sự bốn bên và Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát những thông báo cần thiết về kế hoạch huỷ bỏ căn cứ để các ban do có thể thi hành một cách thích đáng nhiệm vụ của họ đối với những việc đó.

VỀ CÁC BAN LIÊN HỢP QUÂN SỰ

ĐIỀU 10

a) Việc thi hành Hiệp định là trách nhiệm của các bên ký kết.

Ban Liên hợp quân sự bốn bên có nhiệm vụ bảo đảm sự phối hợp hành động của các bên trong việc thực hiện Hiệp định bằng cách giữ mối liên lạc giữa các bên, bằng cách đặt những kế hoạch và quy định những thể thức thực hiện phối hợp, theo dõi và kiểm tra sự thực hiện các điều khoản nói trong Điều 16 của Hiệp định, và bằng cách thương lượng và giải quyết mọi vấn đề có liên quan đến việc thi hành những điều khoản đó.

b) Những nhiệm vụ cụ thể của Ban Liên hợp quân sự bốn bên là:

1 Phối hợp, theo dõi và kiểm tra bốn bên trong việc thực hiện các điều khoản nói trên của Hiệp định.

2. Ngăn ngừa vi phạm và phát hiện vi phạm, giải quyết các trường vi phạm và các vụ xung đột, tranh chấp giữa các bên về điều khoản nói trên.

3. Sẽ tùy trường hợp cử ngay không trì hoãn một hay nhiều tổ liên hợp đi bất kỳ nơi nào trong phạm vi miền Nam Việt Nam để điều tra những điều cho là vi phạm Hiệp định và giúp các bên tìm biện pháp tránh những trường hợp tương tự xảy ra.

4. Tiến hành quan sát tại những nơi cần thiết để thực hiện chức năng của mình.

5. Thực hiện những nhiệm vụ mà ban nhất trí quyết định đảm nhiệm thêm.

ĐIỀU 11

a) Sẽ có một Ban Liên hợp quân sự trung ương đóng tại Sài Gòn. Mỗi bên sẽ chỉ định ngay một đoàn đại biểu quân sự gồm năm mươi chín người để đại diện cho mình ở Ban Trung ương. Sĩ quan đứng đầu do mỗi bên chỉ định sẽ là một sĩ quan cấp tướng hoặc tương đương.

b) Sẽ có bảy Ban Liên hợp quân sự khu vực đóng tại các vùng ghi trong bản đồ kèm theo và đóng ở các địa điểm sau đây:

Khu vực Địa điểm

I Huế

II Đà Nẵng

III Pleyku

IV Phan Thiết

V Biên Hoà

VI Mỹ Tho

VII Cần Thơ

Mỗi bên sẽ chỉ định một đoàn đại biểu quân sự gồm mười sáu người để đại diện cho mình ở Ban Liên hợp quân sự khu vực. Sĩ quan đứng đầu do mỗi bên chỉ định sẽ là một sĩ quan từ cấp trung tá đến đại tá hoặc tương đương.

c) Sẽ có một tổ liên hợp quân sự hoạt động ở mỗi địa phương ghi trong bản đồ kèm theo và đóng tại mỗi địa điểm sau đây ở miền Nam Việt Nam:

Khu vực I. Quảng Trị, Phú Bài.

Khu vực II: Hội An, Tam Kỳ, Chu Lai.

Khu vực III: Kon Tum, Hậu Bồn, Phù Cát, Tuy An, Ninh Hoà, Buôn Ma Thuột.

Khu vực IV. Đà Lạt, Bảo Lộc, Phan Rang.

Khu vực V. An Lộc, Xuân Lộc, Bến Cát, Củ Chi, Tân An

Khu vực VI. Mộc Hoá, Giồng Trôm.

Khu vực VII. Tri Tôn, Vĩnh Long, Vị Thanh, Khánh Hưng, Quản Long.

Mỗi bên sẽ cử bốn người có thẩm quyền vào mỗi tổ liên hợp quân sự. Người đứng đầu do mỗi bên chỉ định sẽ là một sĩ quan từ cấp thiếu tá đến trung tá hoặc tương đương.

d) Các Ban Liên hợp quân sự khu vực sẽ giúp đỡ Ban Liên hợp quân sự Trung ương làm nhiệm vụ của ban và sẽ giám sát những hoạt động của các tổ liên hợp quân sự. Vùng Sài Gòn - Gia Định do Ban Liên hợp quân sự Trung ương chịu trách nhiệm và Ban Liên hợp quân sự Trung ương sẽ chỉ định các tổ liên hợp quân sự để hoạt động trong vùng này.

e) Mỗi bên sẽ được phép cung cấp nhân viên giúp việc và cảnh vệ cho các phái đoàn của mình ở Ban Liên hợp quân sự Trung ương và ở các Ban Liên hợp quân sự khu vực và cho các

thành viên của mình ở các tổ liên hợp quân sự. Tổng số nhân viên giúp việc và cảnh vệ của mỗi bên sẽ không quá năm trăm năm mươi người.

f) Ban Liên hợp quân sự trung ương có thể lập những tiểu ban liên hợp, nhóm liên hợp và các tổ liên hợp quân sự tùy theo hoàn cảnh. Ban Trung ương sẽ quyết định mà ban lập thêm mỗi bên sẽ cử một phần tư số nhân viên bốn bên, bao gồm cả các nhóm, các tổ và nhân viên giúp việc của ban, sẽ không quá ba nghìn ba trăm người.

g) Các đoàn đại biểu của hai bên miền Nam Việt Nam có thể thành lập qua sự thoả thuận với nhau những tiểu ban và những tổ liên hợp quân sự lâm thời để thực hiện những nhiệm vụ cụ thể quy định cho họ theo Điều 17 của hiệp định. Đối với điều 7 của Hiệp định, hai đoàn đại biểu của hai bên miền Nam Việt Nam trong Ban Liên hợp quân sự bốn bên sẽ lập những tổ liên hợp quân sự tại những cửa khẩu vào miền Nam Việt Nam dùng cho việc thay thế vũ khí đạn dược, dụng cụ chiến tranh quy định theo Điều 7 etia Nghị định thư này. Từ khi ngừng bắn bắt đầu có hiệu lực cho đến khi Ban Liên hợp quân sự hai bên có thể hoạt động, các đoàn đại biểu của hai bên miền Nam Việt Nam trong Ban Liên hợp quân sự bốn bên sẽ thành lập một tiểu ban và những tổ liên hợp quân sự lâm thời để thực hiện nhiệm vụ đối với những nhân viên dân sự Việt Nam bị bắt và giam giữ. Khi cần thiết để làm những việc trên, hai bên miền Nam Việt Nam có thể thoả thuận về việc cử số nhân viên thêm vào số nhân viên đã quy định cho những đoàn đại biểu của hai bên trong Ban Liên hợp quân sự bốn bên.

ĐIỀU 12

a) Theo Điều 17 của Hiệp định quy định hai bên miền Nam Việt Nam cử ngay đại diện để thành lập Ban Liên hợp quân sự hai bên, hai mươi bốn giờ sau khi ngừng bắn bắt đầu có hiệu lực, các đoàn đại biểu của hai bên miền Nam Việt Nam được chỉ định vào Ban Liên hợp quân sự hai bên sẽ gặp nhau ở Sài Gòn để thoả thuận càng sớm càng tốt về tổ chức và hoạt động của Ban Liên hợp quân sự hai bên, cũng như các biện pháp và tổ chức nhằm bảo đảm thực hiện ngừng bắn và giữ gìn hoà bình ở miền Nam Việt Nam.

b) Từ khi ngừng bắn bắt đầu có hiệu lực cho đến khi Ban Liên hợp quân sự hai bên có thể hoạt động được, hai đoàn đại biểu của hai bên miền Nam Việt Nam trong Ban Liên hợp quân sự bốn bên các cấp sẽ đồng thời làm nhiệm vụ của Ban Liên hợp quân sự hai bên các cấp ngoài nhiệm vụ của họ là những đoàn đại biểu trong Ban Liên hợp quân sự bốn bên.

c) Nếu đến lúc Ban Liên hợp quân sự bốn bên chấm dứt hoạt động theo Điều 16 của Hiệp định mà chưa đạt được sự thoả thuận về tổ chức của Ban Liên hợp quân sự hai bên, thì các đoàn đại biểu của hai bên miền Nam Việt Nam làm việc trong Ban Liên hợp quân sự bốn bên ở các cấp sẽ tiếp tục làm việc tạm thời với nhau như là một Ban Liên hợp quân sự hai bên lâm thời và làm nhiệm vụ của Ban Liên hợp quân sự hai bên ở các cấp cho đến khi Ban Liên hợp quân sự hai bên bắt đầu hoạt động được.

ĐIỀU 13

Thi hành nguyên tắc nhất trí, các Ban Liên hợp quân sự sẽ không có chủ tịch, và các cuộc họp của ban sẽ được triệu tập theo yêu cầu của bất cứ đại biểu nào. Các Ban Liên hợp quân sự sẽ

thông qua những thể thức làm việc thích hợp để thi hành chức năng và trách nhiệm của các ban một cách có hiệu quả.

ĐIỀU 14

Các Ban Liên hợp quân sự và Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát sẽ hợp tác chặt chẽ và giúp đỡ lẫn nhau trong khi thi hành nhiệm vụ của mình. Mỗi Ban Liên hợp quân sự sẽ thông báo cho Ủy ban Quốc tế về việc thi hành những điều khoản trong Hiệp định mà Ban Liên hợp quân sự đó có trách nhiệm và thuộc thẩm quyền của Ủy ban Quốc tế. Mỗi Ban Liên hợp quân sự có thể yêu cầu Ủy ban Quốc tế tiến hành những hoạt động quan sát cụ thể.

ĐIỀU 15

Ban Liên hợp quân sự trung ương bốn bên bắt đầu hoạt động hai mươi bốn giờ sau khi ngừng bắn có hiệu lực. Các Ban Liên hợp quân sự khu vực bắt đầu hoạt động bốn mươi tám giờ sau khi ngừng bắn có hiệu lực. Các tổ liên hợp quân sự đóng tại các địa điểm ghi trong Điều 11 (c) của Nghị định thư này sẽ bắt đầu hoạt động chậm nhất là mười lăm ngày sau khi ngừng bắn có hiệu lực. Các đoàn đại biểu của hai bên miền Nam Việt Nam sẽ đồng thời bắt đầu làm nhiệm vụ của Ban Liên hợp quân sự hai bên như Điều 12 của Nghị định thư này quy định.

ĐIỀU 16

a) Các bên phải dành mọi sự bảo vệ đầy đủ và mọi sự giúp đỡ và hợp tác cần thiết cho các Ban Liên hợp quân sự các cấp trong việc thi hành nhiệm vụ của họ.

b) Các Ban Liên hợp quân sự và nhân viên của các Ban này trong khi thi hành nhiệm vụ được hưởng quyền ưu đãi và miễn trừ tương đương với quyền dành cho các phái đoàn ngoại giao và nhân viên ngoại giao.

c) Nhân viên của các Ban Liên hợp quân sự được mang súng ngắn và mang phù hiệu riêng do mỗi Ban Liên hợp quân sự trung ương quy định. Những nhân viên của mỗi bên trong khi làm nhiệm vụ bảo vệ cơ quan, nhà ở hoặc thiết bị của mình, có thể được phép mang những vũ khí cá nhân cỡ nhỏ khác, theo sự quy định của mỗi Ban Liên hợp quân sự trung ương.

ĐIỀU 17

a) Đoàn đại biểu của mỗi bên trong Ban Liên hợp quân sự bốn bên và Ban Liên hợp quân sự hai bên có cơ quan, phương tiện thông tin và hậu cần, phương tiện giao thông riêng của mình, kể cả máy bay khi cần thiết.

b) Mỗi bên trong các vùng kiểm soát của mình sẽ cung cấp trụ sở, nhà ở và những tiện nghi thích hợp cho Ban Liên hợp quân sự bốn bên và Ban Liên hợp quân sự hai bên các cấp.

c) Các bên sẽ cố gắng cung cấp dưới hình thức cho mượn, cho thuê hoặc tặng cho Ban Liên hợp quân sự bốn bên và Ban Liên hợp quân sự hai bên những phương tiện hoạt động chung gồm những thiết bị thông tin, tiếp tế và vận tải kể cả máy bay khi cần thiết. Các Ban Liên hợp quân sự có thể mua từ bất cứ nguồn nào những phương tiện, thiết bị cần thiết và thuê người giúp việc cần thiết mà các bên không cung cấp được. Các Ban Liên hợp quân sự sẽ sở hữu và sử dụng các phương tiện và thiết bị đó.

d) Những phương tiện và thiết bị chung trên đây sẽ trả lại cho các bên khi các Ban Liên hợp quân sự chấm dứt hoạt động.

ĐIỀU 18

Những chi phí chung cho Ban Liên hợp quân sự bốn bên sẽ do bốn bên chia đều nhau chịu và những chi phí chung cho Ban Liên hợp quân sự hai miền Nam Việt Nam sẽ do hai bên chia đều nhau chịu.

ĐIỀU 19

Nghị định thư này có hiệu lực khi đại diện toàn quyền của các bên tham gia Hội nghị Paris về Việt Nam ký. Tất cả các bên có liên quan sẽ thi hành triệt để Nghị định thư này.

Làm tại Paris ngày hai mươi bảy tháng giêng năm một nghìn chín trăm bảy mươi ba, bằng tiếng Việt Nam và tiếng Anh. Bản tiếng Việt Nam và bản tiếng Anh đều là những bản chính thức và có giá trị như nhau.

Thay mặt Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam Nguyễn Thị Bình, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao

Thay mặt Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà: Nguyễn Duy Trinh, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao

Thay mặt

Thay mặt Chính phủ Việt Nam cộng hoà Trần Văn Lắm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao

Thay mặt Chính phủ Hoa Kỳ: William Price Rogers Bộ trưởng Bộ Ngoại giao

Phụ lục 3

NGHỊ ĐỊNH THƯ CỦA HIỆP ĐỊNH VỀ CHẤM DỨT CHIẾN TRANH, LẬP LẠI HÒA BÌNH Ở VIỆT NAM VỀ ỦY BAN QUỐC TẾ KIỂM SOÁT VÀ GIÁM SÁT

(Văn bản ký bốn bên)

Các bên tham gia Hội nghị Paris về Việt Nam.

Thực hiện Điều 18 của Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam ký vào ngày này quy định việc thành lập Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát.

Đã thoả thuận như sau:

ĐIỀU 1

Việc thi hành Hiệp định là trách nhiệm của các bên ký kết.

Nhiệm vụ của Ủy ban Quốc tế là kiểm soát và giám sát việc thi hành những điều khoản nói trong Điều 18 của Hiệp định. Trong khi thực hiện nhiệm vụ này, Ủy ban Quốc tế sẽ:

a) Theo dõi việc thực hiện những điều khoản trên đây của Hiệp định qua liên lạc với các bên và quan sát tại chỗ ở những nơi cần thiết.

b) Điều tra các vụ vi phạm những điều khoản thuộc thẩm quyền kiểm soát và giám sát của Ủy ban.

c) Khi cần thiết, hợp tác với các Ban Liên hợp quân sự trong việc ngăn ngừa và phát hiện vi phạm các điều khoản nói trên.

ĐIỀU 2

Ủy ban Quốc tế sẽ điều tra những vụ vi phạm các điều khoản nói trong Điều 18 của Hiệp định theo yêu cầu của Ban Liên hợp quân sự bốn bên, hoặc của Ban Liên hợp quân sự hai bên, hoặc của bất cứ bên nào, hoặc đối với Điều 9 (b) của Hiệp định về tổng tuyển cử, của Hội đồng quốc gia hoà giải và hoà hợp dân tộc, hoặc trong bất cứ trường hợp nào mà Ủy ban Quốc tế có đầy đủ căn cứ khác để cho rằng đã xảy ra vi phạm đối với các điều khoản đó. Cần hiểu rằng, khi tiến hành nhiệm vụ này, Ủy ban Quốc tế sẽ hành động với sự giúp đỡ và hợp tác cần thiết của các bên có liên quan.

ĐIỀU 3

a) Khi Ủy ban Quốc tế thấy có một sự vi phạm nghiêm trọng đối với việc thực hiện Hiệp định hoặc thấy có nguy cơ đe dọa hoà bình mà Ủy ban không đi đến một biện pháp thích đáng, thì Ủy ban sẽ báo cáo việc đó cho bốn bên ký kết Hiệp định để bốn bên hiệp thương giải quyết.

b) Theo Điều 18 (f) của Hiệp định, các bản báo cáo của Ủy ban Quốc tế phải được sự nhất trí thoả thuận của đại diện tất cả bốn thành viên. Trong trường hợp không có sự nhất trí, thì Ủy ban sẽ chuyển các ý kiến khác nhau cho bốn bên theo Điều 18 (b) của Hiệp định hoặc cho hai bên miền Nam Việt Nam theo Điều 18 (c) của Hiệp định, nhưng không được coi đó là báo cáo của Ủy ban.

ĐIỀU 4

a) Trụ sở của Ủy ban Quốc tế đặt tại Sài Gòn.

b) Sẽ có bảy tổ khu vực đặt tại các khu vực ghi trong bản đồ kèm theo và đóng tại các địa điểm sau đây:

Khu vực Địa điểm

I Huế

II Đà Nẵng

III Pleyku

IV Phan Thiết

V Biên Hoà

VI Mỹ Tho

VII Cần Thơ

Ủy ban Quốc tế cử ba tổ cho khu vực Sài Gòn - Gia Định.

c) Sẽ có hai mươi sáu tổ hoạt động trong các địa phương ghi trong bản đồ kèm theo và đóng tại các địa điểm sau đây ở miền Nam Việt Nam: Khu I: Quảng Trị, Phú Bài.

Khu vực II: Hội An, Tam Kỳ, Chu Lai.

Khu vực III: Kon Tum, Hậu Bồn, Phù Cát, Tuy An Ninh Hoà, Buôn Ma Thuột.

Khu vực IV. Đà Lạt, Bảo Lộc, Phan Rang.

Khu vực V. An Lộc, Xuân Lộc, Bến Cát, Củ Chi Tân An.

Khu vực VI: Mộc Hoá, Giồng Trôm.

Khu vực VII: Tri Tôn, Vĩnh Long, Vị Thanh, Khánh Hưng, Quản Long.

d) Sẽ có mười hai tổ bố trí theo như bản đồ kèm theo và đóng tại những địa điểm sau đây:

Gio Linh (hoạt động trong vùng phía Nam giới tuyến quân sự tạm thời).

Lao bảo

Bến Hét

Đức Cơ

Chu Lai

Quy Nhơn

Nha Trang

Vũng Tàu

Xa Mát

Sân bay Biên Hoà

Hồng Ngự

Cần Thơ.

e) Sẽ có bảy tổ, trong số đó sáu tổ có thể được cử đến các cửa khẩu không nằm trong danh sách nói ở đoạn (d) trên đây mà được hai bên miền Nam Việt Nam chọn làm nơi cho phép đưa vào miền Nam Việt Nam vũ khí, đạn dược và dụng cụ chiến tranh được phép thay thế theo Điều 7 của Hiệp định. Tổ nào hoặc những tổ nào không cần cho nhiệm vụ nói trên thì có thể dùng vào nhiệm vụ khác phù hợp với trách nhiệm kiểm soát và giám sát của uỷ ban.

f) Sẽ lập bảy tổ kiểm soát và giám sát việc trao trả người của các bên bị bắt và giam giữ.

ĐIỀU 5

a) Để thực hiện nhiệm vụ của mình về việc trao trả những nhân viên quân sự của các bên bị bắt và thường dân nước ngoài của các bên bị bắt trong Điều 8 (a) của Hiệp định, uỷ ban Quốc tế sẽ, trong thời gian tiến hành trao trả, cử một tổ kiểm soát và giám sát tới mỗi nơi ở Việt Nam có

việc trao trả những người bị bắt và tới những nơi giam giữ cuối cùng trước khi những người đó được đưa đến nơi trao trả.

b) Để thực hiện nhiệm vụ của mình về việc trao trả những nhân viên dân sự Việt Nam bị bắt và giam giữ ở miền Nam Việt Nam nói trong Điều 8 (c) của Hiệp định, Ủy ban Quốc tế sẽ, trong thời gian tiến hành trao trả, cử một tổ kiểm soát và giám sát tới mỗi nơi ở miền Nam Việt Nam có việc trao trả những người bị bắt và giam giữ nói trên và tới những nơi giam giữ cuối cùng trước khi những người đó được đưa đến nơi trao trả.

ĐIỀU 6

Để thực hiện nhiệm vụ liên quan đến Điều 9 (b) của Hiệp định về cuộc tổng tuyển cử tự do và dân chủ ở miền Nam Việt Nam, Ủy ban Quốc tế sẽ tổ chức thêm những tổ, nếu thấy cần thiết. Ủy ban Quốc tế sẽ thảo luận trước vấn đề này với Hội đồng quốc gia hoà giải và hoà hợp dân tộc. Nếu cần có thêm những tổ nhằm mục đích đó, thì những tổ đó sẽ được thành lập ba mươi ngày trước cuộc tổng tuyển cử.

ĐIỀU 7

Ủy ban Quốc tế sẽ luôn luôn xem lại vấn đề số nhân viên của mình, và sẽ giảm bớt số tổ, số đại biểu hoặc số nhân viên khác, hoặc cả hai, khi các tổ, đại biểu hoặc nhân viên ấy đã hoàn thành nhiệm vụ mà họ đã được giao và không cần cho nhiệm vụ khác, đồng thời Ủy ban Quốc tế giảm các chi phí một cách tương ứng.

ĐIỀU 8

Mỗi thành viên Ủy ban Quốc tế luôn luôn phải cung cấp số nhân viên có thẩm quyền sau đây:

- a) Một trưởng đoàn và hai mươi người khác cho cơ quan uỷ ban.
- b) Năm người cho mỗi tổ trong số bảy tổ khu vực.
- c) Hai người cho mỗi tổ khác của Ủy ban Quốc tế, trừ các tổ ở Gio Linh và ở Vũng Tàu thì mỗi tổ có ba người.
- d) Một trăm mười sáu người để giúp việc tại cơ quan Ủy ban Quốc tế và các tổ.

ĐIỀU 9

a) Ủy ban Quốc tế, và mỗi tổ của Ủy ban Quốc tế, hành động như một cơ quan thống nhất bao gồm đại biểu của tất cả bốn thành viên.

b) Mỗi thành viên có trách nhiệm bảo đảm sự có mặt của các đại biểu của mình ở tất cả các cấp của Ủy ban Quốc tế. Trong trường hợp một đại biểu vắng mặt, thành viên hữu quan phải cử ngay người thay thế.

ĐIỀU 10

- a) Các bên sẽ dành sự hợp tác, giúp đỡ và bảo vệ đầy đủ cho Ủy ban Quốc tế.

b) Các bên sẽ thường xuyên giữ liên lạc đều đặn và liên tục với Ủy ban Quốc tế. Trong thời gian tồn tại của Ban Liên hợp quân sự bốn bên, các đoàn đại biểu của các bên trong ban này sẽ đồng thời làm chức năng liên lạc với Ủy ban Quốc tế. Sau khi Ban Liên hợp quân sự bốn bên đã chấm dứt hoạt động, sự liên lạc đó sẽ được duy trì thông qua Ban Liên hợp quân sự hai bên, các phái đoàn liên lạc, hoặc bằng các cách thích hợp khác.

c) Ủy ban Quốc tế và các Ban Liên hợp quân sự hợp tác chặt chẽ và giúp đỡ lẫn nhau trong khi tiến hành nhiệm vụ của mình.

d) Tổ đóng hoặc hoạt động ở vùng nào, thì bên có liên quan cử sĩ quan liên lạc bên cạnh tổ để hợp tác và giúp đỡ tổ tiến hành nhiệm vụ kiểm soát và giám sát mà không có sự cản trở. Khi một tổ tiến hành một cuộc điều tra, sĩ quan liên lạc của mỗi bên liên quan sẽ có cơ hội cùng đi với tổ miễn là việc đó không làm trì hoãn cuộc điều tra.

e) Mỗi bên sẽ thông báo trước với một thời gian hợp lý cho Ủy ban Quốc tế về tất cả những hành động dự định tiến hành có liên quan đến các điều khoản của Hiệp định mà Ủy ban Quốc tế phải kiểm soát và giám sát.

f) Ủy ban Quốc tế, kể cả các tổ, được đi lại quan sát theo sự cần thiết hợp lý để thực hiện đúng đắn nhiệm vụ của mình như đã quy định trong Hiệp định. Trong khi thực hiện các nhiệm vụ này, Ủy ban Quốc tế, kể cả các tổ sẽ được mọi sự giúp đỡ và hợp tác cần thiết của các bên hữu quan.

ĐIỀU 11

Trong khi giám sát việc thực hiện tổng tuyển cử tự do và dân chủ nói trong Điều 9 (b) và Điều 12 (b) của Hiệp định theo những thể thức sẽ được thoả thuận giữa Hội đồng quốc gia hoà giải và hoà hợp dân tộc với Ủy ban Quốc tế, Ủy ban Quốc tế sẽ được sự hợp tác và giúp đỡ đầy đủ của Hội đồng quốc gia hoà giải và hoà hợp dân tộc.

ĐIỀU 12

Ủy ban Quốc tế và nhân viên của uỷ ban có quốc tịch của một nước thành viên, trong khi thi hành nhiệm vụ, sẽ được hưởng quyền ưu đãi và miễn trừ tương đương với quyền dành cho các phái đoàn ngoại giao và nhân viên ngoại giao.

ĐIỀU 13

Ủy ban Quốc tế được sử dụng những phương tiện thông tin và vận tải cần thiết để thi hành nhiệm vụ. Mỗi bên miền Nam Việt Nam sẽ cung cấp cho Ủy ban Quốc tế, do Ủy ban Quốc tế trả tiền, trụ sở, nhà ở và những tiện nghi thích hợp và sẽ giúp đỡ Ủy ban Quốc tế có các tiện nghi đó.

Ủy ban Quốc tế có thể nhận của các bên, theo điều kiện hai bên đều thoả thuận, phương tiện thông tin và vận tải cần thiết và có thể mua từ bất cứ nguồn nào những thiết bị cần thiết và thuê phục vụ cần thiết không nhận được của các bên. Ủy ban Quốc tế sẽ sở hữu các phương tiện nói trên.

ĐIỀU 14

Chi phí cho các hoạt động của Ủy ban Quốc tế sẽ do các bên và các thành viên ủy ban Quốc tế chịu theo các điều khoản của điều này:

a) Mỗi nước thành viên của Ủy ban Quốc tế sẽ trả lương và phụ cấp cho nhân viên của mình.

b) Tất cả các chi phí khác của Ủy ban Quốc tế sẽ lấy ở một quỹ do bốn bên đóng góp, mỗi bên hai mươi ba phần trăm và do các thành viên của ủy ban Quốc tế đóng góp mỗi nước hai phần trăm.

c) Trong vòng ba mươi ngày sau khi Nghị định thư này có hiệu lực, mỗi bên trong bốn bên sẽ cấp cho Ủy ban Quốc tế một số tiền đầu tiên tương đương với bốn triệu năm trăm nghìn (4.500.000) đồng phờ-răng Pháp bằng loại tiền có thể đổi ra được; số tiền này sẽ được tính vào số tiền mà bên đó phải trả trong ngân sách đầu tiên.

d) Ủy ban Quốc tế sẽ dự trù các ngân sách của mình. Sau khi Ủy ban Quốc tế thông qua một ngân sách, Ủy ban sẽ chuyển ngân sách đó cho tất cả các bên ký kết Hiệp định để được thông qua. Chỉ sau khi các ngân sách đã được bốn bên ký kết Hiệp định thông qua thì các bên đó mới có nghĩa vụ đóng góp. Tuy nhiên, trong trường hợp các bên ký kết Hiệp định chưa thỏa thuận được ngân sách mới, Ủy ban Quốc tế sẽ tạm thời chi tiêu theo ngân sách trước trừ các khoản đặc biệt chỉ chi một lần về đặt cơ quan và mua trang bị, và các bên sẽ tiếp tục đóng góp trên cơ sở đó cho đến khi ngân sách mới được thông qua.

ĐIỀU 15

a) Cơ quan Ủy ban Quốc tế sẽ sẵn sàng hoạt động và có mặt ở vị trí hai mươi bốn giờ sau khi ngừng bắn.

b) Các tổ khu vực sẽ sẵn sàng hoạt động và có mặt ở vị trí và ba tổ kiểm soát và giám sát việc trao trả nhân viên bị bắt và giam giữ sẽ sẵn sàng hoạt động và sẵn sàng được cử đi trong vòng bốn mươi tám giờ khi ngừng bắn.

c) Các tổ khác sẽ sẵn sàng hoạt động và có mặt ở vị trí trong vòng mười lăm đến ba mươi ngày sau khi ngừng bắn.

ĐIỀU 16

Các cuộc họp sẽ do Chủ tịch triệu tập, Ủy ban Quốc tế sẽ thông qua những thủ tục làm việc khác thích hợp để thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ của mình và phù hợp với việc tôn trọng chủ quyền của miền Nam Việt Nam.

ĐIỀU 17

Các thành viên của ủy ban Quốc tế có thể nhận nghĩa vụ theo Nghị định thư này bằng cách gửi công hàm chấp nhận cho bốn bên ký kết Hiệp định. Thành viên nào trong Ủy ban Quốc tế quyết định rút khỏi Ủy ban Quốc tế thì họ có thể làm như vậy bằng cách gửi công hàm trước ba tháng cho bốn bên ký kết Hiệp định; trong trường hợp đó, bốn bên ký kết Hiệp định sẽ hiệp thương với nhau để thỏa thuận về một thành viên thay thế.

ĐIỀU 18

Nghị định thư này sẽ có hiệu lực khi đại diện toàn quyền của các bên tham gia Hội nghị Paris về Việt Nam ký. Tất cả các bên có liên quan sẽ thi hành triệt để Nghị định thư này.

Làm tại Paris ngày hai mươi bảy tháng giêng năm một nghìn chín trăm bảy mươi ba, bằng tiếng Việt Nam và tiếng Anh. Bản tiếng Việt Nam và bản tiếng Anh đều những bản chính thức và có giá trị như nhau.

Thay mặt Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam Nguyễn Thị Bình, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao

Thay mặt Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà: Nguyễn Duy Trinh, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao

Thay mặt

Thay mặt Chính phủ Việt Nam cộng hoà Trần Văn Lắm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao

Thay mặt Chính phủ Hoa Kỳ: William Price Rogers Bộ trưởng Bộ Ngoại giao

Phụ lục 4

NGHỊ ĐỊNH THƯ CỦA HIỆP ĐỊNH VỀ CHẤM DỨT CHIẾN TRANH, LẬP LẠI HÒA BÌNH Ở VIỆT NAM VỀ VIỆC TRAO TRẢ NHÂN VIÊN QUÂN SỰ BỊ BẮT, THƯỜNG DÂN NƯỚC NGOÀI BỊ BẮT VÀ NHÂN VIÊN DÂN SỰ VIỆT NAM BỊ BẮT VÀ GIAM GIỮ

(Văn bản ký bốn bên)

Các bên tham gia Hội nghị Paris về Việt Nam.

Thực hiện Điều 8 của Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam ký vào ngày này quy định việc trao trả nhân viên quân sự bị bắt, thường dân nước ngoài bị bắt và nhân viên dân sự Việt Nam bị bắt và giam giữ.

Đã thoả thuận như sau:

VIỆC TRAO TRẢ NHÂN VIÊN QUÂN SỰ BỊ BẮT VÀ THƯỜNG DÂN NƯỚC NGOÀI BỊ BẮT

ĐIỀU 1

Các bên ký kết Hiệp định sẽ trao trả những nhân viên quân sự của các bên bị bắt nói ở Điều 8 (a) của Hiệp định như sau:

- Tất cả nhân viên quân sự của Hoa Kỳ và của các nước ngoài khác nói ở Điều 3 (a) của Hiệp định bị bắt sẽ được trao trả cho các nhà chức trách của Hoa Kỳ.

- Tất cả nhân viên quân sự Việt Nam bị bắt, thuộc các lực lượng vũ trang chính quy hoặc không chính quy, sẽ được trao trả cho hai bên miền Nam Việt Nam; những người này phục vụ

dưới sự chỉ huy của bên miền Nam Việt Nam nào thì sẽ được trao trả cho bên miền Nam Việt Nam đó.

ĐIỀU 2

Tất cả những thường dân bị bắt thuộc quốc tịch Hoa Kỳ hoặc của bất cứ nước ngoài nào khác nói trong Điều 3 (a) của Hiệp định sẽ được trao trả cho các nhà chức trách Hoa Kỳ.

Tất cả những thường dân nước ngoài khác bị bắt sẽ được trao trả cho các nhà chức trách của nước mà họ là công dân, do một trong các bên ký kết sẵn sàng và có khả năng làm việc đó.

ĐIỀU 3

Các bên sẽ trao đổi vào ngày hôm nay danh sách đầy đủ những người bị bắt nói trong Điều 1 và Điều 2 của Nghị định thư này.

ĐIỀU 4

a) Việc trao trả tất cả những người bị bắt nói ở Điều 1 và Điều 2 của Nghị định thư này sẽ được hoàn thành trong vòng sáu mươi ngày kể từ ngày ký Hiệp định, với nhịp độ không chậm hơn nhịp độ rút các lực lượng của Hoa Kỳ và của các nước ngoài khác ra khỏi miền Nam Việt Nam nói ở Điều 5 của hiệp định.

b) Những người ốm nặng, bị thương hoặc tàn phế, những người già và phụ nữ sẽ được trao trả trước. Những người còn lại sẽ được trao trả theo cách trao trả hết gọn số người ở từng nơi giam giữ hoặc theo thứ tự bị bắt trước sau, bắt đầu từ những người bị giam giữ lâu nhất.

ĐIỀU 5

Việc trao trả và tiếp nhận những người nói ở Điều 1 và Điều 2 của Nghị định thư sẽ tiến hành ở những địa điểm thuận tiện cho các bên liên quan. Các địa điểm trao trả sẽ được Ban Liên hợp quân sự bốn bên thoả thuận. Các bên sẽ bảo đảm an toàn cho nhân viên làm nhiệm vụ trao trả hoặc tiếp nhận những người đó.

ĐIỀU 6

Mỗi bên sẽ trao trả hết tất cả những người bị bắt nói trong Điều 1 và Điều 2 của Nghị định thư này, không được trì hoãn và sẽ tạo điều kiện dễ dàng cho việc trao trả về tiếp nhận họ. Các bên giam giữ không được từ chối hoặc trì hoãn việc trao trả với bất cứ lý do gì, kể cả lý do người bị bắt đã bị truy tố hoặc bị kết án vì bất cứ nguyên do gì.

VIỆC TRAO TRẢ NHÂN VIÊN DÂN SỰ VIỆT NAM BỊ BẮT VÀ GIAM GIỮ

ĐIỀU 7

a) Vấn đề trao trả nhân viên dân sự Việt Nam bị bắt và giam giữ ở miền Nam Việt Nam sẽ do hai bên miền Nam Việt Nam giải quyết trên cơ sở các nguyên tắc của Điều 21 (b) của Hiệp định đình chỉ chiến sự về Việt Nam ngày 20 tháng 7 năm 1954 được viết như sau:

“Danh từ “thường dân bị giam giữ” có nghĩa là tất cả những người đã tham gia bất cứ dưới hình thức nào vào cuộc đấu tranh vũ trang và chính trị giữa đôi bên, và vì thế mà đã bị bên này hay bên kia bắt và giam giữ trong khi chiến tranh”.

b) Hai bên miền Nam Việt Nam sẽ làm việc đó trên tinh thần hoà giải và hoà hợp dân tộc, nhằm chấm dứt thù hận, giảm bớt đau khổ và đoàn tụ các gia đình.

Hai bên miền Nam Việt Nam sẽ gắng hết sức mình để giải quyết vấn đề này trong vòng chín mươi ngày sau khi ngừng bắn có hiệu lực.

c) Trong vòng mười lăm ngày sau khi ngừng bắn có hiệu lực, hai bên miền Nam Việt Nam sẽ trao đổi danh sách các nhân viên dân sự Việt Nam bị mỗi bên bắt và giam giữ và danh sách những nơi giam giữ họ.

VIỆC ĐỐI XỬ VỚI NHỮNG NGƯỜI BỊ BẮT TRONG THỜI GIAN HỌ BỊ GIAM GIỮ

ĐIỀU 8

a) Tất cả nhân viên quân sự của các bên và thường dân nước ngoài của các bên bị bắt sẽ luôn luôn được đối xử nhân đạo và phù hợp với tập quán quốc tế.

Họ sẽ được bảo vệ chống lại mọi hành động bạo lực xúc phạm đến tính mạng và thân thể, nhất là việc giết hại họ bằng mọi hình thức, việc làm cho họ bị tàn phế, việc tra tấn, nhục hình và mọi hành động xúc phạm đến nhân cách, phẩm giá con người. Các bên giam giữ không được từ chối hoặc trì hoãn việc trao trả họ với bất cứ lý do gì, kể cả lý do người bị bắt đã bị truy tố hoặc bị kết án vì bất cứ nguyên cớ gì. Không được cưỡng ép họ tham gia lực lượng vũ trang của bên giam giữ.

Họ phải được ăn, mặc, ở đầy đủ và được chăm sóc về y tế theo nhu cầu của tình hình sức khỏe. Họ được phép trao đổi bưu thiếp, thư từ với gia đình và được nhận quà.

ĐIỀU 9

a) Để góp phần cải thiện điều kiện sinh hoạt của nhân viên quân sự của các bên bị bắt và thường dân nước ngoài của các bên bị bắt, trong vòng mười lăm ngày sau khi ngừng bắn có hiệu lực, các bên sẽ thoả thuận về việc chỉ định hai hội hồng thập tự quốc gia hoặc nhiều hơn để đi thăm mọi nơi giam giữ nhân viên quân sự bị bắt và thường dân nước ngoài bị bắt.

b) Để góp phần cải thiện điều kiện sinh hoạt của nhân viên dân sự Việt Nam bị bắt và giam giữ, trong vòng mười lăm ngày sau khi ngừng bắn có hiệu lực, hai bên miền Nam Việt Nam sẽ thoả thuận về việc chỉ định hai hội hồng thập tự quốc gia hoặc nhiều hơn để đi thăm mọi nơi giam giữ nhân viên dân sự Việt Nam bị bắt và giam giữ.

ĐỐI VỚI NHỮNG NGƯỜI CHẾT VÀ MẤT TÍCH

ĐIỀU 10

a) Ban Liên hợp quân sự bốn bên sẽ bảo đảm phối hợp hành động của các bên trong việc thực hiện Điều 8 (b) của Hiệp định. Khi Ban Liên hợp quân sự bốn bên đã chấm dứt hoạt động của mình thì một tổ liên hợp quân sự bốn bên sẽ được duy trì để tiếp tục nhiệm vụ đó.

b) Đối với những nhân viên dân sự Việt Nam bị chết và mất tích ở miền Nam Việt Nam, hai bên miền Nam Việt Nam sẽ giúp đỡ nhau tìm kiếm tin tức về những người bị mất tích, xác định vị trí và bảo quản mồ mả của những người bị chết, trên tinh thần hoà giải và hoà hợp dân tộc, phù hợp với nguyện vọng của nhân dân.

CÁC ĐIỀU KHOẢN

ĐIỀU 11

a) Các Ban liên hợp quân sự bốn bên và hai bên có trách nhiệm quy định ngay các thể thức thực hiện các điều khoản của Nghị định thư này phù hợp với trách nhiệm của từng Ban Liên hợp theo Điều 16 (a) và Điều 17 (a) của Hiệp định.

Trong khi thi hành nhiệm vụ của mình, trong trường hợp các Ban Liên hợp quân sự không thể thoả thuận về một vấn đề liên quan đến việc trao trả những người bị bắt thì họ sẽ yêu cầu sự giúp đỡ của Ủy ban Quốc tế.

b) Ngoài những tổ đã quy định trong Nghị định thư về ngừng bắn ở miền Nam Việt Nam và về các Ban Liên hợp quân sự, Ban Liên hợp quân sự bốn bên sẽ thành lập một tiểu ban và những tổ hợp quân sự cần thiết về những người bị bắt để giúp ban làm nhiệm vụ.

c) Từ khi ngừng bắn bắt đầu có hiệu lực cho đến khi Ban Liên hợp quân sự hai bên có thể hoạt động, các đoàn đại biểu của hai bên miền Nam Việt Nam trong Ban Liên hợp quân sự bốn bên sẽ thành lập một tiểu ban và những tổ liên hợp quân sự tạm thời để thực hiện nhiệm vụ đối với những nhân viên dân sự Việt Nam bị bắt và giam giữ.

d) Ban Liên hợp quân sự bốn bên sẽ cử những tổ liên hợp quân sự để quan sát việc trao trả những người nói trong các Điều 1 và 2 của nghị định thư này, tại mỗi nơi ở Việt Nam mà những người đó đang được trao trả và tại những nơi giam giữ cuối cùng mà từ đó những người này sẽ được đưa đến những nơi trao trả. Ban Liên hợp quân sự hai bên sẽ cử những tổ liên hợp quân sự để quan sát việc trao trả những nhân viên dân sự Việt Nam bị bắt và giam giữ tại mỗi nơi ở miền Nam Việt Nam mà những người đó đang được trao trả và tại những nơi giam giữ cuối cùng mà từ đó những người này sẽ được đưa tới những nơi trao trả.

ĐIỀU 12

Thực hiện Điều 18 (b) và Điều 18 (c) của Hiệp định, Ủy ban Quốc tế có nhiệm vụ kiểm soát và giám sát việc thi hành những điều từ 1 đến 7 của Nghị định thư này bằng cách quan sát việc trao trả nhân viên quân sự bị bắt và thường dân nước ngoài bị bắt và nhân viên dân sự Việt Nam bị bắt và giam giữ ở mỗi nơi ở Việt Nam có việc trao trả những người đó và ở những nơi giam giữ cuối cùng trước khi những người đó được đưa đến nơi trao trả, bằng cách xem xét các danh sách và điều tra các vụ vi phạm những điều khoản của các điều nói trên.

ĐIỀU 13

Trong vòng năm ngày sau khi ký Nghị định thư này, các bên sẽ công bố và thông báo toàn văn Nghị định thư đến tất cả những người bị bắt nói trong Nghị định thư này mà bên mình đang giam giữ.

ĐIỀU 14

Nghị định thư này sẽ có hiệu lực khi đại diện toàn quyền của các bên tham gia Hội nghị Paris Việt Nam ký. Tất cả các bên có hên quan sẽ thi hành triệt để Nghị định thư này.

Làm tại Paris ngày hai mươi bảy tháng giêng năm một nghìn chín trăm bảy mươi ba, bằng tiếng Việt Nam và tiếng Anh. Bản tiếng Việt Nam và bản tiếng Anh đều là những bản chính thức có giá trị như nhau.

Thay mặt Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam Nguyễn Thị Bình, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao

Thay mặt Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà: Nguyễn Duy Trinh, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao

Thay mặt

Thay mặt Chính phủ Việt Nam cộng hoà Trần Văn Lắm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao

Thay mặt Chính phủ Hoa Kỳ: William Price Rogers Bộ trưởng Bộ Ngoại giao

Phụ lục 5

NGHỊ ĐỊNH THƯ CỦA HIỆP ĐỊNH CHẤM DỨT CHIẾN TRANH, LẬP LẠI HÒA BÌNH Ở VIỆT NAM VỀ THÁO GỖ, LÀM MẤT HIỆU LỰC VĨNH VIỄN, PHÁ HỦY Mìn Ở VÙNG BIỂN, CÁC CẢNG, SÔNG NGÒI VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà

Chính phủ Hoa Kỳ

Thực hiện đoạn hai Điều 2 của Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam ký vào ngày này.

Đã thoả thuận như sau:

ĐIỀU 1

Hoa Kỳ sẽ quét sạch tất cả mìn mà Hoa Kỳ đã đặt tại vùng biển, các cảng, sông ngòi Việt Nam dân chủ cộng hoà. Việc quét sạch mìn này sẽ thực hiện bằng cách làm mất tác dụng thông qua việc tháo vót, làm mất hiệu lực vĩnh viễn, phá huỷ.

ĐIỀU 2

Nhằm bảo đảm an toàn lâu dài cho người và tàu thuyền qua lại, bảo vệ các công trình quan trọng, sẽ tiến hành tháo vót hoặc phá huỷ mìn trên những khu vực theo yêu cầu của Việt

Nam dân chủ cộng hoà và những nơi nào không tháo vớt được hoặc phá huỷ thì làm mất hiệu lực vĩnh viễn, cần đánh dấu những nơi có mìn đã làm mất hiệu lực.

ĐIỀU 3

Công việc quét sạch mìn sẽ bắt đầu vào hai mươi bốn giờ (GMT) ngày hai mươi bảy tháng giêng năm một nghìn chín trăm bảy mươi ba. Đại diện của hai bên sẽ gặp nhau ngay trao đổi những yếu tố có liên quan để thoả thuận về thời gian phân đầu hoàn thành sớm nhất việc quét sạch mìn.

ĐIỀU 4

Công việc quét sạch mìn sẽ tiến hành theo ưu tiên và thời gian được hai bên thoả thuận. Nhằm mục đích đó, đại biểu của hai bên sẽ sớm gặp nhau để thoả thuận về chương trình và kế hoạch thực hiện. Nhằm mục đích này:

a) Hoa Kỳ sẽ cung cấp kế hoạch của mình cho công việc quét sạch mìn, kể cả những bản đồ những bãi mìn và tài liệu về chủng loại, số lượng và tính năng mìn.

b) Việt Nam dân chủ cộng hoà sẽ cung cấp bản đồ, tài liệu thuỷ văn mình có và nêu rõ những chỗ có những mìn, vật có thể gây nguy hiểm cho công việc quét sạch mìn mà Việt Nam dân chủ cộng hoà biết.

c) Hai bên sẽ thoả thuận về thời gian thực hiện mỗi bộ phận trong kế hoạch và kịp thời thông báo cho công chúng ít ra bốn mươi tám tiếng đồng hồ trước khi bắt đầu công việc quét sạch mìn cho bộ phận đó.

ĐIỀU 5

Hoa Kỳ sẽ chịu trách nhiệm về việc quét sạch mìn tại các sông ngòi thuộc nội địa Việt Nam dân chủ cộng hoà. Việt Nam dân chủ cộng hoà sẽ tham gia tích cực với hết khả năng của mình vào việc quét sạch mìn cùng với sự cung cấp của Hoa Kỳ về phương tiện để xác định vị trí mìn, phương tiện tháo vớt, phá huỷ mìn, và sự hướng dẫn kỹ thuật.

ĐIỀU 6

Nhằm bảo đảm an toàn cho người và tàu thuyền đi lại trên sông, trên biển, trong quá trình tiến hành việc quét sạch mìn, Hoa Kỳ sẽ kịp thời thông báo tin tức về sự tiến triển của công việc quét sạch mìn tại mỗi khu vực và những mìn còn lại sẽ phải phá huỷ. Hoa Kỳ sẽ ra một thông báo khi công việc đã hoàn thành.

ĐIỀU 7

Trong khi tiến hành công việc quét sạch mìn, các nhân viên Hoa Kỳ tham gia việc quét sạch mìn sẽ tôn trọng chủ quyền của Việt Nam dân chủ cộng hoà và sẽ không có hoạt động gì không phù hợp với Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam và Nghị định thư này. Các nhân viên Hoa Kỳ tham gia việc quét sạch mìn sẽ được miễn trừ về mặt pháp lý đối với Việt Nam dân chủ cộng hoà trong thời gian làm nhiệm vụ quét mìn.

Việt Nam dân chủ cộng hoà sẽ bảo đảm an toàn cho các nhân viên Hoa Kỳ trong thời gian họ ở trên lãnh thổ Việt Nam dân chủ cộng hoà để làm công tác quét sạch mìn, và sẽ cung cấp cho các nhân viên đó mọi sự giúp đỡ có thể được và những phương tiện tại Việt Nam dân chủ cộng hoà mà hai bên thoả thuận.

ĐIỀU 8

Nghị định thư này của Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam sẽ có hiệu lực khi được Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà và Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Chính phủ Hoa Kỳ ký.

Hai bên sẽ thi hành triệt để Nghị định thư này.

Làm tại Paris ngày hai mươi bảy tháng giêng năm một nghìn chín trăm bảy mươi ba bằng tiếng Việt Nam và tiếng Anh. Bản tiếng Việt Nam và bản tiếng Anh đều là những bản chính thức và có giá trị như nhau.

Thay mặt Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà: Nguyễn Duy Trinh, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao

Thay mặt Chính phủ Hoa Kỳ: William Price Rogers Bộ trưởng Bộ Ngoại giao

Phụ lục 6

DANH SÁCH CÁC HÃNG THÔNG TẤN, VÔ TUYẾN TRUYỀN HÌNH, ĐÀI PHÁT THANH, BÁO NƯỚC NGOÀI CÓ ĐẠI DIỆN TẠI Sài gòn ĐÃ DỰ CÁC CUỘC HỌP BÁO CỦA TA TRONG THỜI GIAN 1973 - 1975

1. MỸ

- Thông tấn: UPI, AP
- Vô tuyến truyền hình: NBC, ABC, CBS
- Phát thanh: VOA
- Báo: NY-T, BOSTN GLOBE, WASHINGTON POST, LOS ANGELES TIMES, TIMES, TIMES MAGAZINE, NEWS WEEK, RELIGION NEWS SERVICE, US AND WORLD REPORT, USIS, NEWSPAPER, THE WALL STREET, CHICAGO TRIBUNE, BALTIMORE SUN, NEWS DAY.

2. ANH

- Thông tấn: REUTER - Phát thanh: BBC.
- Báo: TIMS LONDON, LONDON DAILY, LONDON SUNDAY.

3. PHÁP

- Thông tấn: AFP
- Phát thanh: ORTF

- Chuyên về ảnh: SIGMA

- Báo: LE FIGARO, LE MONDE, LA-CROIX, CARREFOUR, LIBERATION, LA VOIX DU NORD, EXPRESS.

4. CHLB ĐỨC

- Vô tuyến truyền hình: ZDF

- Báo: DER SPIEGEL, DPA, DIEWELT.

5. Ý

- Báo: LA STEMPA, IN TEMPO, CORRIERE DELLA, ANSA.

6. HÀ LAN

- Phát thanh: RADIO HOLLANDAISE

- Vô tuyến truyền hình: HOLLANDE TIVI.

7. THỤY SĨ

- Vô tuyến truyền hình: SUISSE TIVI.

8. ĐAN MẠCH

- Phát thanh: RDIO DANEMARK

9. TÂY BAN NHA

- Thông tấn: SAPISA AGENCY

- Vô tuyến truyền hình: SUEDE TIVI.

10 THỤY ĐIỂN:

- Vô tuyến truyền hình: SHEDE TIVI.

11. NA UY

- Phát thanh - Vô tuyến truyền hình: NORVEGIAN RADIO/TIVI.

12. HUNG'GA-RI

- Báo: BÁO ĐẢNG CÔNG NHÂN XHCN HUNGARY.

13. BA LAN

- Báo: BÁO ĐẢNG CÔNG NHÂN THỐNG NHẤT BA LAN.

14. CA~NA-ĐA

- Phát thanh: CANADIAN B.L CB (CANADIAN BROADCASTING SYSTEM).

13. ÚC

- Vô tuyến truyền hình: ABC.

- Báo: SYDNEY MORNING, ANP (AUSTRALIAN NEWS PAPER).

16. NIU DI-LÂN

- Báo: NEW ZEALAND PRESS.

17. NHẬT

- Thông tấn: KYODO NEWS

- Vô tuyến truyền hình: NHK, ASAHI TIVI, JIJI TIVI, FUJI TIVI, NET TIVI.

- Báo: MAINICHI, YOMINURI, SENKEI, JIJI, JIJI PRESS, TBS, NIKKEL, ASAHI.

18. PAKISTAN:

- Liên hợp báo chí Pakistan.

19. ĐÔNG NAM Á: FEER (tạp chí Kinh tế Viễn Đông).

20. NAM TRIỀU TIÊN:

- Báo: KOREA REPORT.

21. ÁC-HEN-TI-NA:

- Phát thanh: RADIO ARGENTINE.

HẾT

**Phiên họp lần thứ nhất của Ban Liên hợp Quân sự 4 tại căn cứ không quân Tân Sơn Nhất
hồi 15h15**

Có thể khẳng định rằng, Hiệp định Pari ký chưa ráo mực, Mỹ - ngụy đã tiến hành mọi thủ đoạn trắng trợn để phá hoại Hiệp định. Thủ đoạn đầu tiên chống hai Đoàn Đại biểu quân sự của ta là phía Mỹ và Sài Gòn đưa đoàn xe du lịch ra sân bay đón Đoàn tiền trạm của ta về trại David, nhưng lại cấm cờ trắng...

Theo tư liệu của Bộ Ngoại giao nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, tại hội nghị cán bộ ngoại giao lần thứ 5 ngày 16/3/1966, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Bây giờ ngoại giao của ta vừa là một, vừa là hai, vừa là hai, vừa là một. Ta vừa có ngoại giao của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, vừa có ngoại giao của Mặt trận dân tộc giải phóng. Hai cái vừa là hai mà lại vừa là một, vừa là một mà lại vừa là hai. Hai khối đó phải kết hợp chặt chẽ với nhau”.

Thực hiện tư tưởng chỉ đạo của Bác Hồ, từ cuối tháng 1/1973, Đoàn Đại biểu quân sự Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam (ĐBQSCPCMLT CHMNVN) và Đoàn Đại biểu quân sự Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (ĐBQS CPVNDCCH) ở trại David (trong sân bay Tân Sơn Nhất) thành phố Sài Gòn, đã đấu tranh kiên quyết với Đoàn Đại biểu quân sự Chính phủ Hoa Kỳ và Đoàn Đại biểu quân sự Chính phủ Việt Nam Cộng hòa (vnch), nhằm bảo đảm thực hiện Hiệp định Pari được ký ngày 27/1/1973.

Có thể khẳng định rằng, Hiệp định Pari ký chưa ráo mực, Mỹ - ngụy đã tiến hành mọi thủ đoạn trắng trợn để phá hoại Hiệp định. Thủ đoạn đầu tiên chống hai Đoàn Đại biểu quân sự của ta

là phía Mỹ và Sài Gòn đưa đoàn xe du lịch ra sân bay đón Đoàn tiền trạm của ta về trại David, nhưng lại cấm cờ trắng. Nhận rõ thủ đoạn hòng làm giảm uy thế chính trị, ngoại giao của ta, nên cả 2 Đoàn ta đều kiên quyết bác bỏ và ngồi trên máy bay suốt từ ngày 28 đến chiều ngày 29/1/1973. Phía Mỹ và chính quyền Sài Gòn đuối lý, phải bỏ cờ trắng, bỏ thủ tục “nhập cảnh” đưa 2 Đoàn ta về trại David.

Thế là, Đoàn ĐBQS CPVNDCCH do Thiếu tướng Lê Quang Hòa làm Trưởng đoàn và bộ phận tiền trạm của Đoàn ĐBQSCPCMLT CHMNVN đã có mặt tại trại David. Tiếp đó, Đoàn ĐBQS CPVNDCCH và Đoàn tiền trạm của Đoàn ĐBQSCPCMLT CHMNVN yêu cầu đối phương bố trí thời gian và địa điểm đón Trung tướng Trần Văn Trà, Trưởng đoàn ĐBQSCPCMLT CHMNVN.

Theo thỏa thuận, đáng lẽ Đoàn của Trung tướng Trần Văn Trà phải được đón từ sân bay Thiện Ngôn trong vùng giải phóng về trại David trong cùng ngày 28/1/1973. Nhưng đến giờ hẹn, máy bay trực thăng của Mỹ không tới mà lại xuất hiện máy bay chiến đấu của không quân Sài Gòn đến ném bom xung quanh. Ta đã cảnh giác đề phòng hành động hèn hạ và trắng trợn đó của họ nên chẳng bị thiệt hại gì.

Ngay tại phiên họp đầu tiên của Phó trưởng đoàn vào tối 29/1/1973, chậm hơn 1 ngày so với thỏa thuận giữa các Trưởng đoàn 4 bên tại Hội nghị Pari, phía ta đã kịch liệt lên án hành động lật lọng vi phạm Hiệp định của phía Mỹ và Sài Gòn, đòi họ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm bảo đảm an toàn tuyệt đối đối với Đoàn của Trung tướng Trần Văn Trà từ địa điểm mới là sân bay Lộc Ninh do ta lựa chọn về sân bay Tân Sơn Nhất và trại David. Phía Mỹ và VNCH đã phải làm theo yêu cầu của ta.

Hai đoàn đại biểu quân sự chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hoà miền nam Việt Nam tại phiên họp.

Cũng cần nói thêm về trại David, cái tên do người Mỹ đặt. Bởi cho đến nay đã có mấy ai, kể cả người dân Sài Gòn biết và hình dung đầy đủ về cái trại như “ốc đảo” này. Nó vốn là doanh trại của một đơn vị chuyên môn thuộc không quân Mỹ. Trại được xây dựng theo kiểu dã chiến bằng bê tông cốt thép, lợp fibrô ximăng với 80 căn nhà sàn lớn nhỏ. Trại nằm sát phía nam sân bay Tân Sơn Nhất, trong khu vực quân sự, xung quanh có 13 chốt gác cao và trạm gác trên mặt đất, ngày đêm được canh phòng nghiêm ngặt và được rào xung quanh bằng hàng rào kẽm gai. Với kiểu xây dựng khá đặc biệt, lại ở vào vị trí cũng khá đặc biệt, cả ngày đêm lúc nào cũng ồn ào, tiếng gầm rú của máy bay, tiếng động cơ của ô tô, xe máy chạy trên con đường phía trước, cộng với cái nóng tự nhiên của Sài Gòn, cái nóng từ mái tôn... khiến môi trường sống và làm việc của 2 Đoàn ta hết sức căng thẳng.

Phía ta đã dựa vào điểm a và b của Điều 16 Nghị định thư về các Ban Liên hợp Quân sự (LHQS), trong đó ghi rõ: “Các Ban LHQS và nhân viên của các Ban này trong khi thi hành nhiệm vụ được hưởng quyền ưu đãi và miễn trừ tương đương với quyền dành cho các phái Đoàn ngoại giao và nhân viên ngoại giao” để đấu tranh đòi phía Sài Gòn phải chuyển trụ sở của 2 Đoàn vào Sài Gòn. Lần nào họ cũng hứa, nhưng vẫn không thực hiện. Sắp xếp cho 2 Đoàn ta ở trại David, chính quyền Sài Gòn âm mưu cô lập, ngăn không cho ta tiếp xúc với nhân dân thành phố, đồng

thời dễ bề kiểm soát thông tin, gây nhiễu sóng thông tin của ta, nhằm hạn chế, bưng bít dư luận không có lợi cho chúng.

Ta biết trước thủ đoạn đó nên ngay từ những ngày đầu đã lập một tổ kỹ thuật thông tin do một số kỹ sư và cán bộ kỹ thuật của TTXVN, mang theo phương tiện kỹ thuật vào trại lắp ngay hệ thống thông tin têlêtip, kịp thời phục vụ thông tin 2 chiều của 2 Đoàn. Phía Sài Gòn đã tìm cách phá sóng, chèn sóng, gây nhiễu thông tin của ta. Các kỹ sư và kỹ thuật viên của ta đã dày công nghiên cứu, tiến hành các biện pháp làm thất bại thủ đoạn đó của đối phương, bảo đảm thông tin liên lạc thông suốt của 2 Đoàn với Trung ương và quốc tế. Mọi hoạt động của 2 Đoàn ta qua hệ thống thông tin vô tuyến này mà chuyển về cho TTXVN ở Hà Nội và TTX Giải phóng để cung cấp cho các cơ quan thông tin đại chúng tuyên truyền, tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của dư luận trong nước và quốc tế có lợi cho phía ta, khiến đối phương rất lo sợ...

Phiên họp đầu tiên của Ban LHQS 4 bên Trung ương được khai mạc vào lúc 15 giờ 15 phút ngày 2/2/1973 với sự có mặt của 4 vị Trưởng đoàn gồm Trung tướng Trần Văn Trà - Trưởng đoàn ĐBQSCPCMLT CHMNVN, Thiếu tướng Lê Quang Hòa - Trưởng đoàn ĐBQSCPVNDCCH, Trung tướng Ngô Du - Trưởng đoàn ĐBQS VNCH và Tướng Wood Ward - Trưởng đoàn ĐBQSCPHK. Mỗi Đoàn ngồi ở một phía chiếc bàn vuông.

Có thể nói, hoạt động của Ban LHQS thường bắt đầu từ cuộc họp Trưởng đoàn và chính tại các cuộc họp này, cuộc đấu tranh giữa ta và đối phương diễn ra rất căng thẳng chẳng khác gì “cuộc chiến” về ngoại giao xung quanh vấn đề ngừng bắn, rút quân, trao trả... Điều 2, Chương II, Hiệp định Pari ghi rõ: “Một cuộc ngừng bắn sẽ được thực hiện trên khắp miền Nam Việt Nam kể từ 24 giờ (giờ GMT) ngày 27/1/1973”.

Thế nhưng, trên thực tế chiến trường thì ngược lại, chính quyền Sài Gòn do Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu điều hành đã hung hăng, tuyên bố là không chấp nhận giải pháp của Hiệp định, vì họ thấy trước là quân Mỹ rút thì chắc chắn chế độ họ sẽ bị sụp đổ. Họ thực hiện chủ trương “xóa thế da báo”, đẩy lùi chủ lực của ta ra vùng biên giới rồi dùng phi pháo và lực lượng cơ động tiêu diệt, tạo ra thế mới, lực mới ở chiến trường để quân ngụy Sài Gòn làm chủ. Trên cơ sở đó, chính quyền Sài Gòn sẽ áp đặt giải pháp theo quan điểm của họ...

Chính quyền Sài Gòn còn ráo riết thực hiện chương trình bình định, liên tiếp mở hàng loạt cuộc hành quân lấn chiếm, càn quét, vây ráp, bắt bớ, kìm kẹp, khủng bố, tàn sát nhân dân, đàn áp vô cùng man rợ những người hoạt động ủng hộ hòa bình, đòi tự do dân chủ và hòa hợp dân tộc... Căm phẫn trước những hành động trắng trợn vi phạm Hiệp định của quân đội Sài Gòn, kiên quyết bảo vệ vùng giải phóng, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân, lực lượng vũ trang giải phóng và nhân dân các vùng giải phóng khắp miền Nam Việt Nam đã kiên quyết và anh dũng chiến đấu, đẩy lùi các cuộc tấn công của địch, diệt hàng trăm tên.

Nhưng, họ lại gửi Công hàm cho Ủy ban Quốc tế, vu cáo ta vi phạm Hiệp định. Thủ đoạn quen thuộc “vừa ăn cướp, vừa la làng” của chính quyền Sài Gòn đã bị ta vạch trần tại bàn hội nghị và tại Ủy ban Quốc tế, trước dư luận trong nước và quốc tế. Không chịu rút ra bài học, ngày 19/3/1973, người phát ngôn quân sự chính quyền Sài Gòn lại trắng trợn đe dọa rằng, họ sẽ mở

cuộc hành quân lớn vào khu vực Tổng Lê Chân - Rạch Bắp thuộc vùng kiểm soát của CPCMLT CHMNVN.

Tại phiên họp của Ban LHQS 4 bên Trung ương ngày 23/3/1973, Trung tướng Trần Văn Trà đã vạch rõ thái độ ngoan cố, hiếu chiến của quân đội Sài Gòn hành quân lấn chiếm vùng Tổng Lê Chân. Để bảo vệ vùng giải phóng, Quân giải phóng đã giáng trả những đòn địch đáng, gây cho chúng thiệt hại nặng nề. Do những thất bại đó, Trưởng đoàn ĐBQS chính quyền Sài Gòn trong Ban LHQS 4 bên Trung ương, xin cho họ huy động máy bay lên thẳng đến Tổng Lê Chân để đưa thương binh của quân đội Sài Gòn ra khỏi khu vực này.

Với lòng nhân đạo và độ lượng, với thiện chí hòa bình và hòa hợp, Trung tướng Trần Văn Trà với sự thỏa thuận của Đoàn ĐBQSCPVNDCCH đã cho phép máy bay lên thẳng chở thập đỏ của chính quyền Sài Gòn đến khu Tổng Lê Chân để đưa thương binh của họ ra khỏi vùng này từ 15 giờ đến 17 giờ ngày 23/3/1973. Chuẩn tướng Phan Hòa Hiệp thay mặt Đoàn ĐBQSVNCH và các binh sĩ quân đội Sài Gòn ở Tổng Lê Chân cảm ơn lòng nhân đạo và thiện chí hòa bình, hòa hợp, hòa giải của Trung tướng Trần Văn Trà.

Nhưng lúc 14 giờ ngày 23/3/1973, máy bay của quân đội Sài Gòn đã ném bom quanh vùng Tổng Lê Chân nên việc chuyển thương binh của họ không thực hiện đúng kế hoạch mà phải hoãn đến 9 giờ ngày 24/3/1973. Ngày 12/4/1974, địch rút khỏi Tổng Lê Chân và từ đó chính quyền Sài Gòn điên cuồng mở đợt trả đũa quyết liệt và kéo dài: ném bom, bắn phá vùng giải phóng Lộc Ninh, chỉ đạo Đoàn của họ phá rối các phiên họp Ban LHQS, cướp lời, nói năng thô lỗ, bỏ họp nửa chừng, cắt các phiên họp báo thường kỳ trong 8 tuần lễ từ 13/4 đến 1/6/1974, cắt điện thoại, cắt chuyến bay liên lạc đi Lộc Ninh...

Tại phiên họp Trưởng đoàn ngày 10/5/1974, ta trao cho phía Sài Gòn bản tuyên bố đình chỉ họp Ban LHQS 2 bên cho đến khi họ chấm dứt phá hoại, khôi phục đầy đủ các quyền ưu đãi miễn trừ. Ngày 30/5/1974, Tổ LHQS 4 bên Đoàn ĐBQSCPCMLT CHMNVN và Đoàn ĐBQSCPVNDCCH cũng tuyên bố đình họp không thời hạn.

Sáng 8/6/1974, Đại tá, Phó trưởng đoàn Võ Đông Giang tổ chức cuộc họp báo, trong đó có hơn 50 nhà báo nước ngoài đến dự. Ngày 11-6-1974, phiên họp Trưởng đoàn được nối lại, phía Sài Gòn tỏ thái độ đầu dũa, ta yêu cầu ký kết lại văn bản các quyền ưu đãi miễn trừ, họ đã phải chấp nhận. Ngày 13/6/1974, chuyến bay liên lạc Lộc Ninh được khôi phục, Tổ LHQS 4 bên bắt đầu họp lại.

Có thể nói trao trả nhân viên quân sự và thường dân nước ngoài bị bắt là một trong hoạt động quan trọng trong thời gian dài và không gian rộng (trong đó miền Bắc là sân bay Gia Lâm - Hà Nội và miền Nam với nhiều địa điểm khác nhau) nên các cuộc đấu trí, đấu lý diễn ra rất quyết liệt giữa ta và đối phương tại bàn hội nghị và tại các địa điểm trao trả.

Phía ta, thực hiện đúng Hiệp định Pari trong 8 đợt tiến hành tại sân bay Gia Lâm (Hà Nội), đã trao trả cho phía Mỹ tất cả những nhân viên quân sự và dân sự của Hoa Kỳ bị bắt và giam giữ ở miền Bắc nước ta. Đại diện Ủy ban Quốc tế, Ban LHQS 4 bên trung ương đều ghi nhận là

các cuộc trao trả diễn ra nhanh, gọn thể hiện rõ thiện chí của Chính phủ Việt Nam DCCH và CPCMLT CHMNVN.

Lòng nhân đạo cao cả mang tính truyền thống của dân tộc ta đã tỏa sáng, những kẻ mà mới cách đây không lâu đã từng gây nhiều tội ác đối với nhân dân ta cũng phải nói lên những câu có ý nghĩa mà người nghe giàu lòng vị tha cho đó là nói thật lòng, trong đó Daniel Henry Mophin, được trao trả ngày 27/3/1973 tại sân bay Gia Lâm, xúc động bày tỏ với cán bộ Quân giải phóng: “Các ông đã tái sinh cho tôi. Mỗi mỗi, tôi không bao giờ quên ơn này”.

Ngày 28/3/1973, Ban LHQS 4 bên Trung ương đã kết thúc vai trò lịch sử sau 60 ngày hoạt động, kể từ ngày 28/1/1973 bằng một phiên họp đặc biệt diễn ra cùng ngày. Gọi là phiên họp đặc biệt, vì tại phiên họp cuối cùng này có 2 bài phát biểu của Trung tướng, Trưởng đoàn Trần Văn Trà và Thiếu tướng, Trưởng đoàn Lê Quang Hòa được coi như 2 bản cáo trạng, lên án phía Mỹ và Sài Gòn đã cố tình và liên tiếp vi phạm hầu hết các điều khoản cơ bản cấp thiết của Hiệp định Pari và các Nghị định thư kèm theo, tạo nên một tình hình hết sức căng thẳng và vô cùng nguy hiểm ở miền Nam Việt Nam.

Hoa Kỳ đã chấm dứt các hoạt động quân sự trực tiếp, nhưng lại không mang đi vũ khí và phương tiện chiến tranh, không chịu phá hủy căn cứ quân sự. Họ còn ngang nhiên tuồn vũ khí và phương tiện chiến tranh một cách trái phép vào miền Nam Việt Nam...

Một trong những vấn đề gai góc nhất, ta đấu tranh quyết liệt nhất tại bàn hội nghị và tại các địa điểm trao trả là việc trao trả nhân viên dân sự (thường gọi là tù chính trị) của ta do chính quyền Sài Gòn bắt và giam giữ.

Cuộc đấu tranh trên bàn hội nghị Ban LHQS 2 bên Trung ương kéo dài từ tháng 4/1973 đến tháng 3/1974, cuối cùng chính quyền Sài Gòn buộc phải trao trả cho ta 5.075 nhân viên dân sự và 130 nhân viên quân sự trong số hàng chục vạn tù chính trị bị chính quyền Sài Gòn giam giữ.

Hôm chính quyền Sài Gòn tiến hành trao trả ở sân bay Lộc Ninh có chị Võ Thị Thắng và anh Huỳnh Tấn Mẫm. Đây là 2 trong số những trường hợp giữa ta và đối phương đấu tranh quyết liệt nhất với thời gian kéo dài nhất. Trong danh sách trao trả tại sân bay Lộc Ninh hôm 7/3/1974 có 25 nhân viên dân sự và 97 nhân viên quân sự. Nhưng khi đọc danh sách trao trả 25 nhân viên dân sự, đọc đến người thứ ba là chị Võ Thị Thắng thì chúng lại giờ trò phá hoại, viện cớ vô lý rằng, trên đường bay đưa tù chính trị đến Lộc Ninh trở về giữa đường bị “Việt Cộng” bắn, một trung sĩ trong phi hành đoàn bị chết, rằng chị Thắng là phạm pháp hình sự chứ không phải là tù chính trị. Ta kiên quyết đấu tranh bác bỏ luận điệu xằng bậy đó và đòi họ phải trao trả tất cả 25 tù chính trị đặc biệt là chị Võ Thị Thắng và 97 nhân viên quân sự như hai bên đã thoả thuận. Thế là, chị Võ Thị Thắng - người chiến thắng địch trong nhà tù Mỹ - nguy mà báo chí ca ngợi trong bài “Nụ cười Võ Thị Thắng” đã trở về với đồng chí và nhân dân.

Trường hợp của anh Huỳnh Tấn Mẫm, Chủ tịch Tổng hội Sinh viên Sài Gòn thì ngược lại. Chính quyền Sài Gòn cho rằng, trả tự do cho anh Huỳnh Tấn Mẫm về với gia đình ở Sài Gòn chẳng khác nào thả con hổ đầu đàn về “rừng thanh niên, sinh viên” nên tìm đủ mọi thủ đoạn để trao trả anh Mẫm cho ta ở sân bay Lộc Ninh. Ta đòi họ trả tự do cho anh Mẫm về với học đường,

với gia đình theo nguyện vọng của anh. Tại sân bay Lộc Ninh, trước Tổ Liên hợp quân sự 2 bên Trung ương và đại diện Ủy ban quốc tế, anh Huỳnh Tấn Mẫm cũng yêu cầu chính quyền Sài Gòn trả anh về với gia đình ở Sài Gòn để anh tiếp tục học tập. Cuộc đấu tranh xung quanh sự việc này diễn ra rất gay gắt, quyết liệt, kéo dài mấy tiếng đồng hồ vẫn chưa bên nào nhượng bộ. Đại diện của ta và của Sài Gòn ở trại David phải đi trực thăng lên Lộc Ninh để cùng bàn bạc giải quyết bế tắc. Cuộc đấu lý suốt 1 ngày, cuối cùng phía chính quyền Sài Gòn đuối lý nên đành ngậm đắng nuốt cay chấp nhận trả anh Mẫm về với gia đình ở Sài Gòn. Đại diện 2 bên đều ký vào biên bản thoả thuận.

Nhưng rồi, bản chất lật lọng, trá trờ của họ lại được bộc lộ ngay sau đó hơn một tiếng đồng hồ. Họ đưa anh Mẫm về đến Sài Gòn rồi bắt giam ngay vào nhà lao Chí Hoà (anh chỉ được tự do cùng hàng vạn anh chị em tù khác vào thời điểm giải phóng Sài Gòn).

Mặc dù hoạt động công khai giữa sào huyệt địch nhưng 2 Đoàn ta vẫn sinh hoạt bình thường, thường xuyên tổ chức những cuộc thi đấu giao hữu bóng chuyền, bóng bàn, bida, bóng rổ, tennis trong nội bộ với Ủy ban quốc tế. Lại còn tổ chức vui tết cổ truyền dân tộc, có cả thịt mỡ, dưa hành, câu đối đỏ, bánh chưng xanh, kẹo bánh, thuốc lá Thăng Long, rượu Lúa Mới, canh đào Nhật Tân từ Hà Nội đưa vào, mai vàng từ rừng căn cứ vùng giải phóng đưa ra bằng máy bay Mỹ.

Đoàn ta tổ chức vui chơi giải trí, nhưng luôn đề cao cảnh giác, trước tình hình ngày càng căng thẳng khi địch điên cuồng phá hoại Hiệp định và tiến hành nhiều hoạt động hăm dọa, gây sức ép cả về tâm lý và tư tưởng của Đoàn ta. Có lần, trong một cuộc họp báo thường kỳ của Đoàn ta tại trại David, một nhà báo nước ngoài hỏi Đại tá Võ Đông Giang đại ý là: Phía VNCH cho biết là các ngài có thể trở thành con tin của họ. Xin ngài cho biết ý kiến về vấn đề này? Đại tá Võ Đông Giang không trả lời trực tiếp câu hỏi mà lại nhân đó tố cáo chính quyền Sài Gòn vi phạm có hệ thống Hiệp định Paris để gián tiếp trả lời cho chính quyền Sài Gòn hiểu rằng đừng phí công hăm dọa, nấn gân Đoàn chúng ta.

Một lần khác, vào giữa năm 1974, chính quyền Sài Gòn cho bọn côn đồ tập trung trước cổng Phi Long, la hét ầm ĩ và dọa sẽ xông vào trại hành hung Đoàn ta. Lệnh của lãnh đạo Đoàn là đơn vị nào ở nguyên đơn vị ấy, chuẩn bị đối phó, chủ yếu là thuyết phục bằng lời lẽ để tự vệ, không được nổ súng khi chưa có lệnh của cấp chỉ huy. Anh em chia làm 2 “tuyến phòng thủ”. Mỗi “tuyến” là một cái cửa ra vào được chèn và buộc bên trong. Nếu chúng phá cửa thứ nhất thì rút vào cửa thứ hai, kiên quyết bảo vệ bằng được hệ thống telétíp đang hoạt động thu phát tin. Bọn côn đồ gào thét rất cổ bồng hòng, điệu võ dương oai hồi lâu mà vẫn không thấy Đoàn ta có phản ứng gì, đành im lặng rút lui.

(Nhân đây xin được nói thêm rằng: Chính quyền Sài Gòn đã định tiêu diệt 2 Đoàn ta. Sáng ngày 1/5/1975, Đại tá Nguyễn Văn Bỏ phụ trách công tác bảo vệ Đoàn ĐBQSVNDCCH tìm thấy tài liệu mật của tướng Cao Văn Viên, Tổng tham mưu trưởng quân đội Sài Gòn, vội tháo thân, để lại trên bàn làm việc với nội dung ghi rõ: “Chỉ thị cho cấp dưới được quyền sử dụng các biện pháp sau đối với trại David không cần xin chỉ thị của Bộ Tổng tham mưu, chỉ cần nghe tiếng súng từ trại David bắn sang sân bay thì: 1/ Bắn pháo cối vào trại David; 2/ Cho xe tăng và bộ binh tấn công; 3/ Ném bom; 4/ Rải chất độc hoá học với điều kiện gió không thổi vào thành phố).

Khi ta chuẩn bị Tổng tiến công và nổi dậy giải phóng miền Nam, ngày 8/1/1975, Đảng uỷ hai Đoàn họp bàn rất kỹ, dự kiến các tình huống xấu có thể xảy ra với Đoàn và hạ quyết tâm chuẩn bị mọi mặt để sẵn sàng chiến đấu như: dự trữ lương thực, thực phẩm, thuốc men, lên kế hoạch chiến đấu, vẽ sơ đồ hệ thống công sự, tổ chức và phân công lực lượng trực chiến...

Từ ngày 18/4/1975, toàn bộ lực lượng 2 Đoàn ta tại trại David bắt tay vào đào công sự và chuẩn bị chiến đấu. Khó khăn nhất là có quá ít cuốc xẻng, phải dùng thêm lưỡi lê, dao găm và những thanh sắt có sẵn đập dẹt ra để đào, lại phải đào về đêm và không gây tiếng động để giữ bí mật. Toàn khu doanh trại chia thành 7 khu vực chiến đấu, nối với nhau bằng hệ thống giao thông hào có nắp đậy gần như địa đạo, mỗi nhà đều có hầm ẩn nấp và nghỉ ngơi dưới sàn. Như vậy, trong thời gian chiến đấu có thể ăn ở luôn dưới mặt đất và liên lạc liên hoàn với nhau bằng địa đạo. Chỉ huy toàn lực lượng có Sở chỉ huy ngầm (chính thức và dự bị), có mạng điện thoại nối Sở chỉ huy với tất cả các khu vực đầu mối. Bảo đảm thương binh có hầm ngầm quân y tương đối sâu và rộng, có 2 bác sĩ phụ trách. Lương thực, thực phẩm và thuốc men do từ lâu đã có ý thức dự trữ đề phòng địch phong tỏa nên có đầy đủ ít nhất 7 ngày. Trong 10 ngày, mọi việc chuẩn bị chiến đấu đã hoàn thành, trước ngày quân ta bắt đầu nổ súng đánh vào Sài Gòn nhưng địch không hay biết gì.

Tiếp đó, Đoàn ta nhận được một bức điện ngắn từ Hà Nội của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, đại ý: “Quân uỷ Trung ương và Bộ Tổng tư lệnh rất thông cảm hoàn cảnh của các đồng chí. Anh chị em hãy vững vàng ý chí chiến đấu, đứng vững trên vị trí của mình. Ngày thắng lợi không còn xa nữa”. Trưởng đoàn đã điện trả lời ngay: “Tất cả anh chị em đã sẵn sàng chiến đấu cả về tinh thần và vật chất và xin hứa sẽ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình”.

Tối ngày 21/4/1975, Nguyễn Văn Thiệu xuất hiện trên vô tuyến truyền hình, đổ lỗi cho Mỹ không giữ lời hứa và tuyên bố từ chức. Mấy hôm sau, ông ta lên máy bay chuẩn ra nước ngoài. Nguyễn Văn Hương, Phó tổng thống lên thay, cố chịu trận được một tuần rồi cũng rút. Ông Dương Văn Minh, người cầm đầu cuộc đảo chính lật đổ Ngô Đình Diệm tháng 11/1963 đứng ra nhận làm Tổng thống.

Ngày 26/4/1975, chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử được mở màn, đánh vào vành đai phòng thủ ngoại vi Sài Gòn, CPCMLTCHMNVN ra tuyên bố kêu gọi quân đội Sài Gòn hạ vũ khí để bớt đổ máu và bớt thiệt hại của nhân dân.

Vào khoảng 17 giờ 15 phút thứ hai ngày 28/4/1975, một toán máy bay A37 (loại máy bay oanh tạc mới của quân đội Sài Gòn) đột nhiên ném bom đồng loạt khu vực quân sự sân bay Tân Sơn Nhất. Mảnh bom bay rào rào sang khu vực trại David. Tất cả anh chị em ta nhảy xuống hầm. Mọi người cùng nhau nhận định đây chỉ có thể là phi công Sài Gòn phản chiến hoặc phi công ta tấn công và hiểu rằng đã đến lúc diễn ra đại sự. Đêm đó, tất cả các bộ phận được lệnh của chỉ huy Đoàn xuống ngủ dưới hầm theo đội hình chiến đấu, triển khai canh gác, tuần tra, vận hành ngay mạng điện thoại bảo đảm thông suốt từ Sở chỉ huy đến tất cả các đầu mối, điện đài cơ yếu canh trực liên tục đón mệnh lệnh chỉ thị của cấp trên.

Đến sáng ngày 29/4, Đại sứ Mỹ Martin mấy lần thông qua Đoàn Hunggari bắt tin muốn gặp Trưởng đoàn đại biểu quân sự CPCMLTMNVN nhưng lúc này không còn gì để bàn bạc, ta không trả lời.

Trưa ngày 29/4, có một đoàn khách khá đặc biệt đến xin gặp Trưởng đoàn ta, tự giới thiệu là “Phái viên của Phó tổng thống Nguyễn Văn Huyền” đến “bàn việc quan trọng”. Lãnh đạo Đoàn ta cử cán bộ ra nói là Đoàn không được uỷ quyền bàn bạc bất cứ vấn đề gì. Mọi điều cần thiết đã được nêu rõ trong tuyên bố ngày 26/4/1975 của CPCMLTMNVN.

Đến khoảng 17 giờ 30 phút có luật sư Trần Ngọc Liễn cùng với ông Châu Tâm Luân và linh mục Chân Tín đến thiết tha xin gặp Đoàn ta để hỏi ý kiến về một số vấn đề. Xét đây là những người thuộc lực lượng thứ ba lâu nay đối lập với chế độ độc tài của Nguyễn Văn Thiệu, không nề nguy hiểm đến xin gặp nên Đoàn ta báo có thể tiếp 3 vị khách với tư cách cá nhân. Họ đồng ý và ta cho đón vào trại David, phân công đồng chí Võ Đông Giang - Phó trưởng đoàn tiếp tại hầm Sở chỉ huy dự bị. Họ vừa vào đến hầm thì đợt pháo cấp tập của trận đánh trực tiếp vào Tân Sơn Nhất bắt đầu. Để đảm bảo an toàn tính mạng cho khách, ta khuyên họ ở lại cho đến lúc ngừng tiếng súng. Tuy nhiên, để tránh bị hiểu lầm là ta cố tình giữ họ lại, ta nói sẽ cho lực lượng yểm trợ nếu họ muốn về. Sau mấy phút suy nghĩ và trao đổi ý kiến với nhau, họ xin ở lại vì thấy trở về ngay là quá mạo hiểm. Trong đêm 29/4/1975, tại Sở chỉ huy ở Tân Sơn Nhất, đồng chí Võ Đông Giang đã tranh thủ cơ hội, tâm tình và giải thích cặn kẽ cho khách mọi vấn đề về cách mạng mà họ vẫn còn băn khoăn, nghi ngại.

Ngày 30/4, khi tiếng súng phía Tân Sơn Nhất đã ngừng, Đoàn ta gặp được lực lượng bên ngoài vào, đã mời 3 vị khách dự một bữa liên hoan trước khi chia tay và còn tặng mỗi người 2 chai rượu Lúa Mới và một gói lương khô mà họ nói rất quý vì “chỉ Quân giải phóng mới có”. Sau đó, Đoàn ta cấp giấy cho họ ra về. Trên đường đi, họ không gặp trở ngại gì.

Cũng trong buổi sáng, Ban chính trị của Đoàn ta có sáng kiến đưa ngay lá cờ nửa đỏ, nửa xanh của Chính phủ CMLTCHMNVN to nhất treo lên đỉnh tháp nước là chỗ cao nhất của trại David. Có lẽ đây là một trong những lá cờ được kéo lên sớm nhất trên thành phố Sài Gòn trước giờ hoàn toàn giải phóng.

Khoảng hơn 10 giờ, anh em báo cáo đã thấy bộ đội ta đến gần trại David. Và Tiểu đoàn 6, Trung đoàn 9, Sư đoàn 10, Quân đoàn 3 do đồng chí Sơn, Tiểu đoàn trưởng dẫn đầu đã vào với anh chị em ta. Không thể nào diễn tả được những giây phút xúc động đến nghẹn ngào “mừng ra nước mắt...” ấy. Sau đó, trên đường vào chỉ huy chiếm lĩnh Tân Sơn Nhất, đồng chí Trung đoàn trưởng Trung đoàn 9, Sư đoàn trưởng và Chính uỷ Sư đoàn 10 đã ghé thăm Đoàn ta.

11 giờ 30 phút ngày 30/4/1975, xe tăng và bộ binh quân ta chiếm dinh độc lập, miền Nam giải phóng hoàn toàn.

Ngày 2/5, Thượng tướng Văn Tiến Dũng cùng Bộ tham mưu tiền phương chiến dịch đã đến trại David, tổ chức cuộc họp với một số cán bộ cấp cao các quân đoàn, sư đoàn trước khi chuyển đến Sở chỉ huy mới.

Ngày 3/5, Trung tướng Trần Văn Trà, Tư lệnh Quân đội Giải phóng miền Nam (B2), Phó Tư lệnh chiến dịch Hồ Chí Minh, từng là trưởng đoàn đại biểu quân sự CPCMLTCHMNVN trong những ngày tháng đầu tiên, vào thăm lại anh chị em và tuyên bố Quân uỷ Miền công nhận đơn vị ta ở trại David “là một tiền tiêu của chiến dịch Hồ Chí Minh”.

Theo ANTG

Bể cá cảnh trong trại Davis

9:15, 10/05/2007



Ban bảo vệ phòng Chính trị đoàn đại biểu quân sự chính phủ cách mạng lâm thời cộng hoà miền Nam Việt Nam (Đoàn B)

Sau ngày Đại thắng mùa xuân, ngồi nghỉ lại chặng đường đã qua mới thấy hết những đóng góp của Ban bảo vệ đóng tại trại Davis đối với nhiệm vụ được giao quả là không nhỏ. Chúng tôi càng tự hào bởi trên trận tuyến thầm lặng ấy không hề xảy ra một sơ suất nào mà kẻ thù có thể lợi dụng tấn công gây cho ta tổn thất...

Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam ký kết chưa ráo mực đã bị Mỹ và chính quyền Sài Gòn (CQSG) phá hoại trắng trợn.

Chúng phá bằng mọi cách, ném bom vào ngay điểm hẹn đón phái đoàn Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam (Đoàn B) tại Thiện Ngôn, cản trở không cho đoàn tiền trạm của ta từ Paris trở về, từ Hà Nội vào ngay tại sân bay Tân Sơn Nhất.

Nghiêm trọng hơn, chúng xua quân đi lần chiếm các vùng giải phóng của ta, vội vã cấm cờ giành đất... Diễn hình của tội ác, của mưu đồ xảo quyệt này là đánh chiếm cảng Cửa Việt (Quảng Trị), ngay sau đó chúng đã bị trừng trị thích đáng...

Dù không muốn thi hành Hiệp định, Mỹ và CQSG vẫn phải thực hiện một số điều khoản để đổi lấy những phần có lợi cho chúng. Trong đó bộ phận Trung ương của ta đóng tại Sài Gòn, chúng không bố trí trong nội thành mà đưa đoàn ta vào Trại Davis (sân bay Tân Sơn Nhất).

Ngày 29/3/1973, tên lính Mỹ cuối cùng, trên danh nghĩa công khai, phải cuốn xéo khỏi miền Nam Việt Nam. Sau đó, Mỹ và CQSG không muốn duy trì các khu vực nên ta cũng giữ lại một bộ phận chính tại Trại Davis.

Đoàn đại biểu quân sự của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (Đoàn A) cũng trở về. Đoàn B chuyển sang làm nhiệm vụ trong Ban Liên hợp quân sự hai bên Trung ương. Thực

chất số thành viên Đoàn B vẫn được giữ nguyên những anh em đã đến Trại Davis từ đầu, ta chỉ thay đổi chút ít cán bộ.

Đoàn B với những thành viên tham gia đầy đủ các bộ phận hoạt động liên hợp như quân sự, triển khai, thủ tục, trao trả, thay thế vũ khí. Tổ Liên hợp quân sự 4 bên, chúng ta còn các bộ phận khác gồm văn phòng, sĩ quan liên lạc, sĩ quan báo chí, phiên dịch và tiểu ban quốc tế.

Ngoài ra, ta còn có những bộ phận rất quan trọng: đảm bảo cho hoạt động đấu tranh, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, nghiên cứu tổng hợp, thông tấn báo chí, chính trị, hậu cần phục vụ cho đoàn.

Trong cơ quan chính trị lại có bộ phận bảo vệ. Đây là Ban Bảo vệ do Bộ Chỉ huy quân sự Quân giải phóng miền Nam (B2) cho biên chế. Cán bộ được lựa chọn từ các đồng chí sĩ quan an ninh của những đơn vị chiến đấu và Phòng Bảo vệ thuộc Cục Chính trị B2 đưa vào.

Họ là những cán bộ an ninh Quân giải phóng đã nhiều năm thử thách trong chiến đấu, nhiều người là dũng sĩ diệt Mỹ, diệt nguy, diệt máy bay, xe tăng và xe cơ giới địch, được tặng thưởng nhiều huân chương cao quý...

Họ xứng đáng được cấp trên và các đồng chí lãnh đạo đoàn tin cậy. Do đó đã bố trí anh em ở bên cạnh nhà nghỉ và làm việc của các đồng chí trưởng, phó đoàn để đề phòng những tình huống xấu nhất kẻ địch có thể gây ra.

Trưởng ban của chúng tôi là đồng chí Vũ Nam Bình, quê ở Hà Tây, vào chiến trường từ năm 1964, liên tục công tác và chiến đấu tại những vùng trọng điểm khó khăn và ác liệt.

Khi cần, Bộ Chỉ huy quân sự B2 còn điều động anh xuống làm chính uỷ một trung đoàn bộ binh. Anh được mọi người kính trọng, tin yêu. Chúng tôi coi anh như người anh cả trong gia đình. Theo phong tục Nam Bộ, mọi người gọi anh là: Anh Năm Bình, Ban bảo vệ dù mỗi người ở một vùng quê khác nhau về đây nhưng gắn bó yêu thương nhau như ruột thịt. Chúng tôi tự hào được sống và làm việc trong một tập thể như thế trong suốt thời gian ở Trại Davis.

Ban bảo vệ có nhiệm vụ bảo đảm tuyệt đối an toàn về chính trị tư tưởng, về quản lý nội bộ cho toàn thể các thành viên trong đoàn và không để kẻ địch dụ dỗ mua chuộc, lôi kéo, đầu độc, hãm hại, bắt cóc...

Bằng các biện pháp nghiệp vụ ngay trong những ngày đầu tiếp nhận Trại Davis, ta đã kịp thời phát hiện, vô hiệu hoá các thiết bị thu phát thông tin của địch, tiến hành xây dựng phòng cách âm và phổ biến quy chế an toàn các loại giấy tờ tài liệu, bảo đảm bí mật tuyệt đối không để thất lạc mất mát, có phòng họp và làm việc không để địch thu thập những thông tin về đoàn ta.

Hơn nữa, ta đã tận dụng mọi nguồn tài liệu để phát hiện và ngăn chặn kịp thời những mưu toan của địch để chủ động đối phó, hạn chế hậu quả.

Trong số những tên thường xuyên tiếp xúc quan hệ với ta, bằng những thông tin chính xác ta đã vạch mặt chỉ tên từng đứa là nhân viên CIA, DIA, người của Phủ Đặc uỷ trung ương tình báo, sĩ quan an ninh quân đội, hay tên nào làm ở Tổng cục Chiến tranh chính trị nguy, chiến tranh tâm lý, Thiên Nga, Phượng Hoàng... của quân đội Sài Gòn.

Có tên còn hết sức ngạc nhiên, sững sờ đến tột độ hỏi: “Bằng cách gì mấy ông biết quá rành về tụi tui vậy?”... Ngay cả thủ đoạn bí ối như lôi kéo, mua chuộc không được, chúng định tổ chức bắt cóc cán bộ, chiến sĩ ta sau đó tung tin họ “hồi chánh” nhằm hạ uy thế của phái đoàn cũng bị ta sớm phát hiện và chúng không thực hiện được.

Chỉ riêng việc đảm bảo an toàn trong ăn uống, cơ quan an ninh cũng phải tiến hành các hoạt động nghiệp vụ của mình. Lương thực, thực phẩm ta phải mua qua nhà thầu. Họ là người của cơ quan an ninh quân đội nguy, của phủ Đặc uỷ trung ương tình báo, của cơ quan tâm lý chiến.

Những đối tượng phục vụ như vậy làm sao có thể tin cậy? Hơn nữa, các loại hàng hoá đó đều phải qua bộ phận kiểm tra, kiểm soát của địch rồi mới đến tay bộ phận hậu cần của ta, tất cả những thứ ấy Mỹ và CQSG có ngâm tẩm, pha trộn gì không? Ai mà biết được kẻ thù sẽ làm gì khi chúng đã điên cuồng chống phá? Chỉ có sự đề phòng, tự mình kiểm tra, bao giờ đạt độ an toàn nhất, phải tuyệt đối an toàn thì mới cho sử dụng. Đây còn là nguyên tắc không được phép bỏ qua, không được lãng quên dù chỉ một lần nếu không sẽ phải trả giá đắt.

Ban bảo vệ coi nhiệm vụ chống bị địch đầu độc cũng quan trọng như các nhiệm vụ phản gián, tình báo, chống chiến tranh tâm lý, ngăn chặn đầu hàng, phản bội... Bởi lẽ, nếu xảy ra trường hợp bị đầu độc thì hàng trăm cán bộ, chiến sĩ trong phái đoàn ta mất sức chiến đấu, lúc đó hậu quả sẽ không thể lường trước!

Có lẽ trong những năm tháng sống và chiến đấu giữa sào huyệt của Mỹ và CQSG, bộ phận an ninh của chúng tôi ở đây không một chút lơ là, mất cảnh giác trước những mưu ma, chước quỷ lúc nào cũng rình rập...

Sau ngày Đại thắng mùa xuân, ngồi nghỉ lại chặng đường đã qua mới thấy hết những đóng góp của Ban bảo vệ đối với nhiệm vụ được giao quả là không nhỏ. Chúng tôi càng tự hào bởi trên trận tuyến thầm lặng ấy không dễ xảy ra một sơ suất nào mà kẻ thù có thể lợi dụng tấn công gây cho ta tổn thất.

Trong những biện pháp mà cơ quan an ninh sử dụng nhằm phát hiện độc chất trong nước uống, trong lương thực, thực phẩm, chúng ta dùng các loại hoá chất, dùng máy móc phương tiện được trang bị để xem xét, so sánh, phân tích các phản ứng.

Chúng tôi còn tự nguyện dùng thử những thức ăn, nước uống đó trước khi các đồng chí cấp dưỡng đem ra chia tại nhà ăn. Vẫn biết là có thể nguy hiểm đến tính mạng nhưng nếu có tình huống xấu nhất xảy ra thì chỉ một người bị nguy hiểm, ta còn kịp thời đối phó, hạn chế hậu quả ở mức thấp nhất, không để nhiều người cùng bị ngộ độc sẽ khó khăn hơn...

Hàng ngày, các anh, chị nuôi vẫn thấy có người xuống bếp, múc trong các nồi, các chảo thức ăn, bình uống nước đem cơm, canh và thức ăn về nhà. Có người không hiểu, tưởng là mấy ông này đêm qua trực hoặc bữa trước ăn ít, đói sớm nên xuống khuấy quả nhà bếp. Thôi ai hiểu thế nào tùy họ, nhiệm vụ đã giao cứ thế mà làm, không giải thích.

Đầu hồi nhà Ban bảo vệ còn có một bể cá cảnh, một chuồng nuôi con khỉ nhỏ.

Con khỉ nghịch ra trò, nó leo trèo trên các cành khô trong chuồng rất thành thục, nhanh nhẹn. Bể cá cảnh rộng chừng 7-8m². Nước trong vắt, có thể nhìn thấy đáy bể. Mấy khóm bèo tây (lục bình) vươn cao lên khỏi mặt nước khoảng một gang tay, rễ bèo buông dài xuống gần chạm đáy. Đây là nơi trú ngụ lý tưởng của bầy cá. Bèo hoa dâu, bèo tấm dàn đều trên mặt nước.

Tuy thế, trên mặt nước những khoảng trống không có bèo vẫn còn khá rộng rãi để bầy cá tung tăng bơi lội mà các khóm bèo tây, mảng bèo hoa dâu, bèo tấm không hạn chế việc di chuyển của chúng. Nhiều người còn nghĩ đây là một thú chơi tao nhã của những người lính cách mạng.

Thật vậy, sau một ngày nắng nóng gay gắt, sau một buổi làm việc căng thẳng, vất vả mấy anh em thường ra đứng ngắm bầy cá bơi trong bể này. Anh Võ Đông Giang, Phó trưởng đoàn; anh Nguyễn Văn Hoàn, Trưởng tiểu ban thủ tục và sau là Trưởng tiểu ban trao trả thường hay đứng xem hoặc cho cá ăn, có lúc các anh đứng rất lâu... Nhìn bầy cá cảnh phần lớn là cá vàng, chỉ một vài con có màu sắc khác bơi lội tung tăng trong bể thật vui mắt, bao nỗi mệt nhọc, căng thẳng, phiền muộn sau ít phút như đã vơi hẳn, lòng người lâng lâng, nhẹ nhõm và thư thái...

Anh Võ Đông Giang thường ra ngồi cắt tóc bên bể cá cảnh. Mái tóc anh thưa và mềm, rất ít sợi bạc. Tôi cắt tóc cho anh xong đã lâu, những đoạn tóc còn vương trên bờ vai được phôi sạch mà anh vẫn còn ngồi đó. Anh đang nhìn cá hay đang suy nghĩ một điều gì căng thẳng lắm. Chỉ đến khi đàn cá trong bể thấy đồng chí Lê Văn Trị đến cho ăn, chúng dồn hẳn về phía đó thì anh Giang mới đứng dậy ra về...

Anh Nguyễn Văn Hoàn cũng thường hay đến cho cá ăn. Mỗi lần anh đến, từ trong đám bèo cả đàn cá hàng chục con nổi đuôi nhau cùng một lúc bơi ra.

Những mẩu vụn bánh quy thơm ngon từ tay anh thả xuống bể, bầy cá thi nhau lao tới làm cho mặt nước trong bể gợn sóng... Đám bèo tây dập dềnh theo nhịp sóng xô vào thành bể. Có một đôi cá vàng cứ quẩn quýt bên nhau, bơi tách ra khỏi bầy, lượn vòng quanh một khóm bèo dâu, con kia tưởng là mồi cũng lao đến, sóng nhẹ lan nhanh trên mặt nước.

Có lần, anh đứng rất lâu bên bể cá cảnh, đó là sau một cuộc họp rất căng thẳng.

Chiều hôm ấy, Mỹ và CQSG hẹn đại diện của Đoàn B đến họp kín tại phòng họp “bốn bên” cách Trại Davis hơn một cây số.

Hai xe quân cảnh đến đón. Xe của đoàn ta có một nhân viên an ninh quân đội ngồi đi cùng, lái xe cũng là người của họ. Trên xe chỉ có anh Hoàn và tôi. Trước khi đi anh Hoàn chỉ dặn: “Không được để chúng bắt cóc!”. Tôi đã xác định từ trước, kể cả trường hợp xấu nhất, nếu cần dù có phải hy sinh, trong người tôi lúc đó có khẩu súng K59 và 2 băng đạn...

Chiếc xe Ford của chúng tôi đi giữa, phía trước và phía sau là xe quân cảnh. Đến phòng họp “bốn bên” (nay là phòng giao ban của C59B thuộc Bộ Tổng tham mưu trong sân bay Tân Sơn Nhất) chúng tôi xuống xe. Một đại úy ngồi đón anh Hoàn vào phòng họp. Còn lại, tôi đứng ngay ngoài cạnh cửa. Hơn một tiếng sau, cánh cửa mở anh Hoàn ra và nói: “Ta về thôi!”.

Ra xe, chúng tôi trở về vẫn “được” xe quân cảnh đưa đón như lúc đi. Tôi thấy vẻ mặt anh đắm chiêu, vầng trán vốn đã nhiều nếp nhăn tuổi tác dường như hằn sâu hơn, tôi nghĩ chắc hẳn cuộc họp kín ấy không đem lại kết quả gì, rất căng thẳng (!).

Thời kỳ này Mỹ - nguy không chịu trao trả người của ta đang bị chúng giam cầm đầy đoạ. Trong số họ, có cô nữ sinh Võ Thị Thắng. Chúng trắng trợn tuyên bố: “Trả những người đó cho các ông là thả hổ về rừng à?...”.

Chúng ngoan cố dây dưa, tìm mọi cách đánh tráo người và thay đổi địa điểm giam giữ. Chúng tra tấn, giết hại và thủ tiêu bí mật những người đồng chí, đồng đội và đồng bào yêu nước trung kiên của ta. Chúng trộn những tù hình sự, phạm binh của chúng vào lẫn với danh sách người của ta khi trao trả, chúng ném bom, bắn pháo, phục kích, tập kích vào địa điểm trao trả...

Về tới Trại Davis, xuống xe, anh Hoàn đi thẳng về phòng nghỉ, cất chiếc cặp tài liệu, gọi là cặp tài liệu nhưng mọi thứ giấy tờ ấy đều có thể công khai nếu địch có chiếm đoạt được!

Anh mặc bộ đồ pizama màu ghi thay cho bộ quân phục Quân giải phóng và ra đứng bên bể cá. Bầy cá thấy có bóng người liền kéo nhau ra khỏi những đám bèo boi về phía anh. Những mẩu bánh quy ngon ngọt thả xuống, bầy cá tranh nhau đớp lấy mẩu bánh lớn nhất. Mặc nước xao động, tung bọt, mấy giọt nước bắn lên thành bể...

Anh nhìn đàn cá ăn một lúc, tôi thấy anh đã khác hẳn, bao ưu phiền căng thẳng biến khỏi trên khuôn mặt gầy guộc, xanh xao bởi nhiều năm sốt rét rừng hành hạ.

Anh ít khi cười, nhất là sau những lần họp căng thẳng, trong cuộc đấu trí hết sức gay go với kẻ thù về việc trao trả người của ta đang bị chúng giam giữ, đoạ đầy. Anh lại đến với bầy cá cảnh, cho cá ăn, vài phút sau anh đã có thể chia sẻ niềm vui đó với mọi người xung quang...

Thế mới biết bể cá cảnh của chúng tôi đem lại nhiều giá trị bất ngờ, những phút giây thư giãn quý báu, giúp cho mọi người quên đi nhọc mệt, quên đi căng thẳng, hiểm nguy đang rình rập xung quanh. Bể cá cảnh còn có ý nghĩa lớn lao mang tính nghiệp vụ của chúng tôi nữa, đó là vật thử các độc chất trong thức ăn, trong lương thực và nguồn nước rất hiệu quả.

Đường nước ăn được đưa qua từ bể cá đến nhà bếp. Khi cơm và thức ăn đã chín, chuẩn bị chia trên các bàn ăn thì người “hầu đợi” nhất của chúng tôi xuống “xin” chị nuôi mỗi nồi, mỗi chảo một ít đem về.

Lập tức người tình nguyện ăn thử, uống thử. Một chỗ dùng hoá chất thử phản ứng và xem xét, phân tích trên phương tiện được trang bị. Còn một việc không thể quên là cho cá cảnh ăn. Hoa quả thì chú khi được thưởng thức. Sở dĩ sử dụng cá cảnh vì những con vật này dễ cảm nhận với các độc chất gây nguy hại đến sức khỏe con người.

Anh Lê Văn Tri là người được giao nhiệm vụ chăm sóc bầy cá cảnh đó. Đã nhiều năm, đến nay bể cá không còn, người nuôi dưỡng cá cũng đã mất, nhưng cuộc chiến đầy cam go trên trận tuyến thầm lặng ấy của những sĩ quan an ninh Quân giải phóng mặt trận B2 vẫn nguyên vẹn trong tôi.

Hoàng Khánh

Thoát hiểm trong đường tơ kẽ tóc

12/21/2009

Dương Linh

Ủy hội quốc tế kiểm soát thi hành Hiệp định Paris có bốn phái đoàn ở chung trụ sở đóng tại đường Trần Quốc Toản (nay là đường 3 tháng 2) quận 10, Sài Gòn. Đó là các đoàn Iran, Indonesia, Ba Lan và Hungari. Sau khi phi đội máy bay chiến lợi phẩm A.37 dưới sự chỉ huy của Nguyễn Thành Trung ném bom sân bay Tân Sơn Nhất chiều ngày 27/4/1975 gây cho địch nhiều thiệt hại nặng nề, coi như đường hàng không Sài Gòn ra bên ngoài đã bị cắt đứt.

Sáng hôm sau, ngày 28/4, Mỹ cho trực thăng đưa hai đoàn Iran và Indonesia di tản ra Hạm đội Bảy ngoài biển Đông. Không hiểu sao Mỹ bỏ lại trụ sở hai đoàn Ba Lan và Hungari, có lẽ chúng cho rằng hai đoàn này thuộc phe xã hội chủ nghĩa, nếu quân Giải phóng chiếm Sài Gòn, họ cũng sẽ được an toàn, hay còn lý do nào khác.

Lúc này tình hình Sài Gòn hết sức căng thẳng. Tiếng máy bay lên thẳng đưa người di tản quần đảo suốt ngày trên bầu trời thành phố, cùng với tiếng đại bác ở mặt trận Đông Bắc vọng lại như tiếng sấm đầu mùa mưa càng làm cho không khí Sài Gòn nóng lên ngột ngạt...

Sáng ngày 29 tháng 4, ba chiếc xe GMC dính đầy bùn đất, chở trên bốn mươi lính dù bị đánh tan tác ở mặt trận Long Thành, chạy thẳng vào trụ sở Ủy hội quốc tế. Bọn tàn quân rất hung hăng và căm thù Cộng sản, chúng định xông vào trụ sở để “tắm máu” hai đoàn Ba Lan và Hungari, mà chúng cho là “Cộng sản Tây” để trả thù đồng đội chúng chết ngoài mặt trận. Điều đó được bộc lộ rõ khi xe vừa ngừng, tên đại úy chỉ huy đám lính dù này nhảy xuống rút khẩu súng ngắn colt 12 lăm lăm trong tay, mặt đằng đằng sát khí xăng xái đi lên thêm trụ sở.

Từ trong nhà, đại tá Lê Quang Hiền, người được Tổng tham mưu trưởng quân lực Sài Gòn cử chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn cho phái đoàn Ủy hội quốc tế, đang đứng nói chuyện với trung tá Vũ Quốc Phong, phụ tá của Hiền.

Thấy dáng điệu hung hăng của tên đại úy đi lên thêm trụ sở, Hiền hỏi Phong: - *Bọn này vô đây làm gì cà?* Phong cũng chưa đoán ra ý đồ của đám lính dù này nên đáp: - *Anh cứ ra xem sao, rồi tùy cơ ứng biến.* Hiền chợt nhớ lại chiều qua anh gặp đồng chí Sáu Trí, thủ trưởng Quân Báo Miền bí mật vào Sài Gòn chỉ đạo trực tiếp cơ sở tình báo phục vụ chiến dịch Hồ Chí Minh, tại khách sạn Hoàng Gia đường Lê Văn Duyệt (nay là Cách mạng tháng Tám).

Trước khi chia tay, đồng chí Sáu Trí chỉ kịp dặn anh: - *Chú nhớ câu này của Võ đại tướng “Khi không có địch phải coi như có địch. Khi gặp địch phải coi như không có địch”, nghĩa là phải hết sức cảnh giác và bình tĩnh ứng phó trước mọi tình huống bất ngờ nguy hiểm xảy ra.* Giờ thì tình huống bất ngờ và nguy hiểm đang xảy ra trước mắt Hiền. Khi anh nghe trung tá Phong hỏi tên đại úy: - *Các chiến hữu ghé đây có chuyện gì vậy?* - *Đ.m. có chuyện gì đâu trung tá* - *Gã đại úy cau mày giận dữ* - *Bọn này vô đây để “mắm thịt” mấy thằng Cộng sản Tây còn ở trong này đang trả thù cho anh em mình bị cộng sản giết khắp các mặt trận!*

Phải giữ chân bọn này lại bằng cách tổ chức nhậu tại chỗ, không cho chúng vô rồi tính sau. Nghĩ vậy, Hiền nháy mắt với Phong, rồi tươi cười bước lại trước tên đại úy: - *Đại úy, đây là cơ quan ngoại giao; không thiếu thứ gì hết. Đại úy với các chiến hữu vừa ở mặt trận về, chắc là mệt mỏi nhiều. Thôi ta ngồi xuống đây, làm “sương sương” vài ly cho xả hơi cái đã. Rồi sau đó, yêu cầu của các chiến hữu sẽ được đáp ứng. Có phải vậy không ông trung tá? - Rất sẵn sàng, thưa đại tá*

Phong cười nói tiếp:

- *Anh em mình ít có dịp gặp nhau, nay đại tá có nhã ý như vậy, ta nhậu một bữa “kết nghĩa” nghe, đại úy!*

Rồi không đợi gã đại úy kịp phản ứng, Phong quay vào trong gọi lớn:

- *Đại úy Tiên đâu?*

Từ phòng trong đại úy Tiên chạy ra

- *Trung tá gọi tôi?*

- *Mấy chiến hữu dù đánh trận về mệt nhọc, đại úy cho mang rượu và đồ nhậu ra đây đãi các chiến hữu, mau lên!*

Nghe đến nhậu, đám lính dù chờ lệnh ngoài sân có vẻ khoái chí, vì từ sáng sớm đến giờ chúng chưa được ăn gì, bụng đang đói. Một tên lính nào đó vui vẻ thốt lên:

- *Đại tá “chơi điệu” quá ta!*

Cả bọn buông súng ngồi kín cửa vào phòng khách, tràn xuống cả bậc thềm. Hiền cùng với Phong và gã đại úy lúc này đã “hạ hỏa” vui vẻ cùng ngồi theo. Đại úy Tiên cùng mấy người lính khệ nệ khiêng hai cái thùng rượu cognac với whisky ra với đồng đồ hộp thịt cá và thêm mấy cây thuốc Rubi, Capstan... Hiền mở thuốc lá ra mời gã đại úy và bọn lính dù hút, trước khi rượu đồ hộp khui ra bày sẵn.

Phì phèo điều thuốc lá, Hiền nói to giọng vui vẻ:

- *Các chiến hữu! Chẳng mấy khi anh em ta gặp nhau nên cuộc nhậu này ta chơi hết mình nghe! Tôi nói luôn chừng nào sông Sài Gòn hết nước, đây mới hết rượu đó nghe! - Hoan hô đại tá!*

Có tiếng tên lính dù nào đó hét lớn. Mấy anh lính phục vụ khui rượu đưa ly cho bọn lính uống chuyện với nhau. Được bữa nhậu no say, bọn lính cười đùa ầm ĩ quên cả nhọc mệt, quên cả chuyện xông vào “làm cỏ” bọn cộng sản Tây.

Trong lúc đó ở hai dãy phòng phía sau, các sĩ quan Ba Lan và Hungari hết sức hoang mang lo sợ khi thấy xe chở bộ lính dù xông vào trụ sở. Không biết số phận họ sẽ ra sao trong tình huống này. Khi rượu đã làm bọn lính và gã đại úy ngà ngà say, trung tá Phong đứng dậy. Hiền nháy mắt với Phong rồi nói lớn:

- *Đi toa lét hả? Nhớ xong ra nhậu tiếp, không được “chạy làng” nghe!*

- *Thằng này xả “bầu tâm sự” rồi ra chơi tiếp, đâu dám “chạy làng”, đại tá!* - Phong vừa nói vừa đi nhanh vào trong vẫy đại úy Tiên lại nói nhỏ: - *Đại úy đưa ngay hai phái đoàn ra sau vượt rào qua Viện hóa đạo cho an toàn. Riêng hai vị trưởng đoàn thì đưa vào phòng đại tá Hiền. Nhớ chưa?*

- *Dạ trung tá yên tâm. Tôi sẽ làm theo lệnh trung tá!*

Nói xong, Tiên chạy nhanh ra phía sau nơi ở của hai phái đoàn. Phong nhìn theo mỉm cười rồi đi vào toa lét.

Bên ngoài bọn lính dù vẫn tiếp tục cuộc nhậu, cười đùa ầm ĩ. Phong trở ra mỉm cười nháy mắt với đại tá Hiền ngầm ý đã giải quyết xong rồi. Hiểu ý, Hiền đứng lên nói vẫn giọng vui vẻ:

- *Đại úy cùng các chiến hữu biết rồi đó. Đây là trụ sở Ủy hội quốc tế có bốn đoàn Iran, Indonesia, Ba Lan và Hungari đóng ở đây. Do tình hình chiến sự diễn biến ác liệt nên hai đoàn Iran, Indonesia đã về nước. Còn hai đoàn Ba Lan và Hungari sáng nay họ cũng vô Camp David để được bảo vệ an toàn rồi.*

Hiền vừa nói dứt lời, gã đại úy đặt ly rượu xuống, giương đôi mắt đỏ ngầu dữ tợn nhìn Hiền gần giọng:

- *Đại tá! Tui nghe nói sáng nay đám cộng sản Tây còn ở đây mà! Biết vậy nên bọn này mới tới đây để “cắt tiết” chúng nó chứ!*

Hiền cười nhạt:

- *Đại úy nghe tin cũng khá chính xác đó. Nhưng hai phái đoàn cũng biết mình là cộng sản, lại toàn là sĩ quan, họ sợ bị kẹt. Do vậy rạng sáng nay họ vọt lẹ vô trại David để trực thăng Mỹ bốc ra Đệ thất hạm đội rồi. Để đại úy và các chiến hữu tin lời tôi nói, xin mời quý vị đi xem chỗ họ ở phía sau trụ sở này.*

Rồi Hiền gọi lớn:

- *Đại úy Tiên đâu?*

Tiên chạy ra:

- *Đại tá gọi tôi? - Đại úy đưa các chiến hữu đây đi kiểm tra xem bọn Ba Lan và Hungari còn ở đây không?*

Tiên mỉm cười nói:

- *Tuân lệnh!* Tiên nhìn bọn lính dù - *Xin mời các vị theo tôi!*

Tiên đi trước, gã đại úy cùng mấy tên lính dù súng trong tay theo sau xuống dãy phòng phía cuối trụ sở. Tận mắt thấy các gian phòng trống trơn không một bóng người, gã đại úy bật lên tiếng chửi thề: - *Đ.m., đại tá nói đúng! Bọn cộng sản Tây đã đào tẩu khỏi đây rồi! Đ.m., anh em mình chậm chơ hơn nó! Đi thôi anh em!*

Hắn quay ra đến trước Hiền, rạp chân giờ tay chào đúng kiểu nhà binh:

- Xin đại tá thứ lỗi cho việc làm phiền vừa rồi. Bọn tôi sẽ đi miền Tây ngay bây giờ. Xin chào đại tá! - Ổ không sao! - Hiền cười thoải mái - Chúc đại úy và các chiến hữu thượng lộ bình an!

- Biết các chiến hữu đi về miền Tây để “tử thủ” với Việt cộng - trung tá Phong tiếp lời - đại tá có nhã ý tặng các chiến hữu một ít đồ hộp để ăn dọc đường. Đại úy Tiên đâu? Xong chưa? Phong nhìn vào trong gọi lớn.

- Dạ có ngay đây!

Tiên cùng mấy người lính ôm cả chục gói to tướng gồm đồ hộp thuốc lá ra trao cho bọn lính dù. Đứa nào cũng vui ra mặt cảm ơn rối rít. Chúng chào Hiền và Phong rồi chạy ra ba chiếc GMC chờ ngoài sân leo lên rồi rồ máy chạy theo đường Trần Quốc Toản về hướng miền Tây.

Đại tá Hiền nắm chặt tay Phong thở phào mỉm cười:

- Không có anh giúp cho, không biết chuyện gì xảy ra với đám tàn quân ngổ ngáo cùng đường này!

- Nếu anh không có sáng kiến bày tiệc nhậu để giữ chân thằng đại úy “đầu bò” đó thì coi như chúng ta thua trắng tay!

Cả hai cùng cười thoải mái như người vừa trút xong gánh nặng. Riêng Hiền, anh còn có niềm vui khôn tả nữa. Đó là anh đã giữ được lời hứa với thủ trưởng Sáu Trí bảo vệ an toàn cho hai phái đoàn bạn thoát hiểm trong đường tơ kẽ tóc, khi cuộc chiến dài ngày nhất trong lịch sử sắp đến hồi kết thúc.

ⁱ Giải pháp toàn bộ Mười điểm là:

1. Tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam
2. Rút hết quân Mỹ, nhân viên quân sự, vũ khí và dụng cụ chiến tranh
3. Vấn đề các lực lượng vũ trang Việt Nam ở miền Nam Việt Nam do các bên Việt Nam giải quyết
4. Nhân dân miền Nam Việt Nam tự giải quyết công việc nội bộ của mình.
5. Thành lập Chính phủ Liên hợp lâm thời
6. Miền Nam Việt Nam thực hiện chính sách ngoại giao hoà bình, trung lập.
7. Thực hiện thống nhất từng bước Việt Nam bằng các biện pháp hoà bình
8. Hai miền Nam - Bắc không tham gia liên minh quân sự
9. Giải quyết những hậu quả chiến tranh
10. Thoả thuận giám sát quốc tế đối với việc rút quân

ⁱⁱ Anh Mười Khang Lúc đó là Ủy viên Thường vụ Trung ương Cục, Tư lệnh Miền và Phó bí thư Quân uỷ Miền. Anh Sáu Dân là Ủy viên Trung ương Cục, Bí thư Khu uỷ Khu 9. Ra họp Trung ương xong anh Mười Khang (Hoàng Văn Thái) ở lại, sau này là đại tướng, Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng. Thương tiếc anh qua đời không lâu sau ngày thắng lợi. Anh Sáu Dân vào lại Khu 9, sau giải phóng có thời làm Bí thư Thành uỷ Thành phố Hồ Chí Minh, sau này là Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ rồi cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

ⁱⁱⁱ Đồng chí Hoàng Hoá người dân tộc Mường, sau này xuất ngũ về tiếp tục học Đại học Sư phạm, ra làm Phó hiệu trưởng trường cấp III huyện Lương Sơn (tỉnh Hoà Bình)

Đồng chí Nguyễn Hữu Yểng quân y sĩ, sau giải phóng về làm Chính trị viên huyện đội quê nhà ở tỉnh Phú Thọ.

^{iv} Sau này là Thiếu tướng Lương Văn Nho - Thương tiếc anh sớm qua đời sau ngày thắng lợi.

^v Sau này là Trung tướng Trần Độ, Ủy viên Trung ương Đảng, đại biểu Quốc hội, mất năm 2001 tại Hà Nội. Đáng tiếc cho ông, về cuối đời đã từ bỏ lý tưởng cách mạng, tự rời con đường của Đảng tách khỏi đội ngũ những người con của dân tộc được kính trọng, mến yêu và tưởng nhớ muôn đời.

^{vi} Anh Khúc Đình Bính là người dân tộc quê ở Quảng Ninh, sau ngày giải phóng là đại tá công tác ở Hà Nội - thương tiếc anh đã sớm qua đời vì bệnh hiểm nghèo.

^{vii} Sau này là Đại tá Nguyễn Ngọc Diễm.

^{viii} Trung tướng Trần Văn Trà trước khi vào Ban Liên hợp quân sự là Phó tư lệnh Quân giải phóng Miền, từ trại Davis trở về làm Tư lệnh Quân giải phóng Miền, phó tư lệnh chiến dịch Hồ Chí Minh, sau giải phóng làm Chủ tịch uỷ ban quân quản thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định, sau là Tư lệnh Quân khu 7, rồi Thượng tướng Thứ trưởng Bộ Quốc phòng. Anh qua đời đột ngột năm 1997 vì bạo bệnh trên đường đi

chữa bệnh ở nước ngoài về.

Thiếu tướng Lê Quang Hoà là Phó chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, vào trại Davis làm Trưởng đoàn đại biểu quân sự Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà trong Ban Liên hợp quân sự bốn bên trung ương, sau về lại Tổng cục Chính trị, lên thượng tướng - Anh qua đời năm 1993, tại Hà Nội.

^{ix} Đồng chí Võ Đông Giang là cán bộ dân sự, Vụ trưởng thuộc Ban thống nhất Trung ương đang làm đại sứ lưu động thì được gọi về làm Phó trưởng đoàn đại biểu quân sự Chính phủ Cách mạng lâm thời trong Ban Liên hợp quân sự bốn bên trung ương với quân hàm đại tá, và chuyển sang hai bên cho đến cuối. Sau giải phóng đồng chí về làm Thứ trưởng Bộ Ngoại giao rồi Bộ trưởng biệt phái tại Bộ Ngoại giao, rồi chuyển qua tham gia thành lập Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Đồng chí đã qua đời.

Đại tá Bùi Thanh Khiết là Phó chủ nhiệm Cục Chính trị Miền rồi Chính uỷ Quân khu 9 (miền Tây Nam Bộ), rồi làm Phó trưởng đoàn kiêm Bí thư Đảng uỷ đoàn ta tại Ban Liên hợp quân sự hai bên trung ương. Sau giải phóng đồng chí là uỷ viên dự khuyết Trung ương Đảng, Thứ trưởng kiêm Bí thư Ban Cán sự Đảng Bộ Giáo dục. Đồng chí đã qua đời.

Đại tá Nguyễn Văn Sĩ là Tham mưu phó Miền, ra làm Phó trưởng đoàn ta tại Ban Liên hợp quân sự hai bên trung ương đến trước chiến dịch Hồ Chí Minh. Sau này là thiếu tướng - Phó tư lệnh Quân khu 9. Đồng chí đã qua đời

^x Jerrold L.Schecter. TS. Nguyễn Tiến Hưng: Từ Toà Bạch ốc đến dinh Độc Lập, Nxb Trẻ. Thành phố Hồ Chí Minh. 1990.

^{xi} Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Tổng hành dinh trong mùa xuân toàn thắng, Nxb Chính trị quốc gia. Hà Nội, 2000, tr.45.

^{xii} Theo số liệu tổng kết của phía Sài Gòn (UV 17/4).

^{xiii} Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Tổng hành dinh trong mùa xuân toàn thắng, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội. 2000, tr.67.

^{xiv} Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Sdd, tr.55 - 56.

^{xv} Do Nguyễn Thành Trung chỉ huy, cất cánh từ sân bay Thành Sơn Phan Rang ta mới chiếm được cùng với số máy bay A37 nói trên.

^{xvi} Ban Liên hợp quân sự và trại Davis, những tháng ngày, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1997, tr.205, 206.

^{xvii} Ban Liên hợp quân sự và trại Davis, những tháng ngày, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1997, tr.205, 206.

xviii